

Question 1

KTHDC: Trong thực tế, cốc bia thứ 4 không mang lại sự thỏa mãn nhiều bằng cốc bia thứ 3. Đây là ví dụ về:

Select one:

- a. Nghịch lý về giá trị
- b. Thặng dư tiêu dùng
- c. Tổng dụng ích giảm dần
- d. Dụng ích cận biên giảm dần**

Question 2

KTHDC: Đường bàng quan là:

Select one:

- a. Đường giới hạn khả năng tiêu dùng
- b. Tập hợp các giỏ hàng hóa mang lại cùng một mức thỏa mãn cho người tiêu dùng**
- c. Sự sắp xếp các giỏ hàng được ưa thích
- d. Tất cả các đáp án còn lại đều đúng

Question 3

KTHDC: Tỷ lệ thay thế biên giữa 2 sản phẩm X và Y ($MRS_{Y,X}$) thể hiện:

Select one:

- a. Tỷ lệ đánh đổi giữa 2 sản phẩm trên thị trường
- b. Tỷ giá giữa 2 sản phẩm
- c. Tỷ lệ năng suất biên giữa 2 sản phẩm
- d. Tỷ lệ đánh đổi giữa 2 sản phẩm trong tiêu dùng khi tổng mức thỏa mãn không đổi**

Question 4

KTHDC: Dụng ích tăng thêm khi tiêu dùng thêm một đơn vị sản phẩm gọi là:

Select one:

a. Không có đáp án đúng

b. Tông dụng ích

c. Dụng ích bình quân

d. Dụng ích cận biên

Question 5

KTHDC: Gọi MUx và MUy là lợi ích cận biên của hàng hóa X và Y; Px và Py là giá của hai loại hàng hóa đó. Công thức nào dưới đây thể hiện tại điểm cân bằng:

Select one:

a. $MUX/MUY = Px/Py$

b. $MUX/MUy = Py/Px$

c. $MUX = MUy$ và $Px = Py$

d. $MUX = MUy$

Question 6

KTHDC: Giả sử người tiêu dùng dành hết tiền tiền lương để mua hai hàng hóa X và Y.

Nếu giá hàng hóa X và Y đều tăng lên gấp 2, đồng thời tiền lương cũng tăng lên gấp 2 thì đường ngân sách của người tiêu dùng sẽ:

Select one:

a. Dịch chuyển song song sang phải

b. Không thay đổi

c. Xoay quanh điểm cắt với trực tung sang phải

d. Dịch chuyển song song sang trái

Question 7

KTHDC: Hai hàng hóa được gọi là thay thế hoàn hảo nếu:

Select one:

a. Đường bàng quan là đường thẳng dốc xuống từ trái qua phải

- b. Đường bàng quan là đường thẳng đứng
- c. Đường bàng quan có hình chữ L
- d. Đường bàng quan là đường cong

Question 8

KTHDC: Khi số lượng hàng hóa tiêu dùng tăng lên thì

Select one:

- a. Tổng dụng ích không đổi
- b. Tổng dụng ích giảm đi
- c. Dụng ích cận biên giảm đi**
- d. Dụng ích cận biên tăng lên

Question 9

KTHDC: Tất cả các điểm nằm trên một đường bàng quan có điểm chung là:

Select one:

- a. Số lượng hai loại hàng hóa bằng nhau
- b. Chi tiêu cho hai loại hàng hóa bằng nhau
- c. Tỷ lệ thay thế cận biên giữa các giỏ hàng hóa bằng nhau
- d. Tổng dụng ích của các giỏ hàng hóa đó bằng nhau**

Question 10

KTHDC: Lan có thu nhập (I) là 100.000đ để mua truyện (X) với giá 20.000đ/quyển và mua sách với giá 15.000đ/quyển. Phương trình minh họa đường ngân sách của Lan là:

Select one:

- a. $I = 100.000 + X + Y$
- b. $100.000 = 20.000*X + 15.000*Y$**
- c. $I = 20.000*X + 15.000*Y$
- d. $100.000 = X + Y$

Question 11

KTHDC: Một người tiêu thụ có thu nhập $I = 1200$ đ dùng để mua 2 sản phẩm X và Y với $P_x = 100$ đ/sp; $P_y = 300$ đ/sp. Mức thoả mãn được thể hiện qua hàm số: $TU_x = -1/3X^2 + 10X$; $TU_y = -1/2Y^2 + 20Y$. Lợi ích biên của 2 sản phẩm là:

Select one:

- a. $MU_x = 2/3X + 10$; $MU_y = -Y + 20$
- b. Không có đáp án đúng
- c. **$MU_x = -2/3X + 10$; $MU_y = -Y + 20$**
- d. $MU_x = -1/3X + 10$; $MU_y = -1/2Y + 20$

Question 12

KTHDC: Đường ngân sách có dạng $Y = 150 - 3X$. Nếu $P_y = 9$, P_x và I nào dưới đây phù hợp:

Select one:

- a. $P_x = 30$, $I = 2000$
- b. $P_x = 5$, $I = 150$
- c. **$P_x = 27$, $I = 1350$**
- d. $P_x = 20$, $I = 1350$

Question 13

KTHDC: Một người tiêu dùng có thu nhập $I = 300$, chi tiêu hết cho 2 sản phẩm X và Y với $P_x = 10$ đ/sp; $P_y = 40$ đ/sp. Hàm tổng dụng ích thể hiện qua hàm $TU = (X - 4)*Y$.

Tổng dụng ích tối đa là:

Select one:

- a. $TU = 45,25$
- b. $TU = 45,5$
- c. $TU = 55,5$
- d. **$TU = 42,25$**

Question 14

KTHDC: Đường ngân sách có dạng $Y = 100 - 2X$. Nếu $P_y = 10$, P_x và I nào dưới đây phù hợp:

Select one:

- a. $P_x = 10, I = 2000$
- b. $P_x = 20, I = 2000$
- c. $P_x = 5, I = 100$
- d. $P_x = 20, I = 1000$**

Question 15

KTHDC: Nếu $MUA = 1/Q_A$; $MUB = 1/Q_B$, giá của A là 50đ/sp, giá của B là 400đ/sp và thu nhập của người tiêu dùng là 12.000đ. Để tối đa hóa thỏa mãn, người tiêu dùng sẽ mua mỗi loại hàng hóa bao nhiêu?

Select one:

- a. $A = 24, B = 27$
- b. $A = 120, B = 15$**
- c. $A = 48, B = 24$
- d. Không có đáp án đúng

Question 16

KTHDC: Đường bàng quan là:

Select one:

- a. Sự sắp xếp các giỏ hàng được ưa thích
- b. Tất cả các đáp án còn lại đều đúng
- c. Tập hợp các giỏ hàng hóa mang lại cùng một mức thỏa mãn cho người tiêu dùng**
- d. Đường giới hạn khả năng tiêu dùng

Question 17

KTHDC:Tất cả các điểm nằm trên một đường bàng quan có điểm chung là:

Select one:

- a. Tổng dụng ích của các giỏ hàng hóa đó bằng nhau**
- b. Chi tiêu cho hai loại hàng hóa bằng nhau
- c. Tỷ lệ thay thế cận biên giữa các giỏ hàng hóa bằng nhau
- d. Số lượng hai loại hàng hóa bằng nhau

Question 18

KTHDC:Tổng dụng ích luôn:

Select one:

- a. Giảm khi dụng ích cận biên giảm
- b. Giảm khi dụng ích cận biên tăng
- c. Tăng khi dụng ích cận biên dương**
- d. Nhỏ hơn dụng ích cận biên

Question 19

KTHDC:Khi dụng ích cận biên dương thì tổng dụng ích

Select one:

- a. Giảm đi
- b. Không có đáp án đúng
- c. Không đổi
- d. Tăng lên**

Question 20

KTHDC:Để xác định điểm tiêu dùng tối ưu, người ta cần biết:

Select one:

- a. Giá của hàng hóa và thu nhập

b. Tổng lợi ích và thu nhập

c. Giá của hàng hóa và lợi ích cận biên của hàng hóa

d. Tổng lợi ích và lợi ích cận biên của hàng hóa

Question 21

KTHDC: Khi tổng dụng ích giảm, dụng ích biên:

Select one:

a. âm và giảm dần

b. dương và tăng dần

c. âm và tăng dần

d. dương và giảm dần

Question 22

KTHDC: Khi thu nhập thay đổi thì đường ngân sách sẽ thay đổi về:

Select one:

a. Độ dốc

b. Điểm cắt của đường ngân sách với trực tung và trực hoành nhưng không thay đổi độ dốc

c. Độ dốc và điểm cắt của đường ngân sách với trực hoành

d. Độ dốc và điểm cắt của đường ngân sách với trực tung

Question 23

KTHDC: Khi thu nhập giảm đi 2 lần, giá của các loại hàng hóa cũng giảm đi 2 lần. Câu nào dưới đây vẫn đúng:

Select one:

a. Độ dốc đường ngân sách giảm đi

b. Đường ngân sách dịch chuyển

c. Điểm kết hợp tiêu dùng tối ưu vẫn giữ nguyên

d. Độ dốc đường ngân sách tăng lên

Question 24

KTHDC: Gọi MU_x và MU_y là lợi ích cận biên của hàng hóa X và Y; P_x và P_y là giá của hai loại hàng hóa đó. Công thức nào dưới đây thể hiện tại điểm cân bằng:

Select one:

- a. $MU_x/MU_y = P_y/P_x$
- b. $MU_x/MU_y = P_x/P_y$**
- c. $MU_x = MU_y$
- d. $MU_x = MU_y$ và $P_x = P_y$

Question 25

KTHDC: Trong thực tế, cốc bia thứ 4 không mang lại sự thỏa mãn nhiều bằng cốc bia thứ 3. Đây là ví dụ về:

Select one:

- a. Thặng dư tiêu dùng
- b. Nghịch lý về giá trị
- c. Tổng dụng ích giảm dần
- d. Dụng ích cận biên giảm dần**

Question 26

KTHDC: Đường ngân sách có dạng $Y = 150 - 3X$. Nếu $P_y = 9$, P_x và I nào dưới đây phù hợp:

Select one:

- a. $P_x = 30$, $I = 2000$
- b. $P_x = 27$, $I = 1350$**
- c. $P_x = 20$, $I = 1350$
- d. $P_x = 5$, $I = 150$

Question 27

KTHDC: Tỷ số giá giữa hai hàng hóa X và Y là $P_x/P_y = 1/3$. Nếu Mai đang tiêu dùng số lượng hàng hóa X và Y ở mức $MU_x / MU_y = 3/1$. Để tối đa hóa lợi ích tổng lợi ích, bạn đó phải:

Select one:

- a. **Tăng X và giảm Y**
- b. Tăng giá của X
- c. Tăng Y và giảm X
- d. Vẫn giữ nguyên tiêu dùng hiện tại

Question 28

KTHDC: Một người tiêu dùng có thu nhập $I = 300$, chi tiêu hết cho 2 sản phẩm X và Y với $P_x = 10\text{đ}/\text{sp}$; $P_y = 40\text{đ}/\text{sp}$. Hàm tổng dụng ích thể hiện qua hàm $TU = (X - 4)*Y$.

Phương án tiêu dùng tối ưu là:

Select one:

- a. $X = 3,25$ và $Y = 17$
- b. $X = 17$ và $Y = 3,25$**
- c. $X = 12$ và $Y = 2,5$
- d. $X = 13$ và $Y = 2,25$

Question 29

KTHDC: Một người tiêu dùng có thu nhập $I = 300$, chi tiêu hết cho 2 sản phẩm X và Y với $P_x = 10\text{đ}/\text{sp}$; $P_y = 40\text{đ}/\text{sp}$. Hàm tổng dụng ích thể hiện qua hàm $TU = (X - 4)*Y$.

Tổng dụng ích tối đa là:

Select one:

- a. $TU = 45,25$
- b. $TU = 42,25$**
- c. $TU = 55,5$
- d. $TU = 45,5$

Question 30

KTHDC: Với hàm tổng dụng ích $TU = (X - 2)*Y$ và phương án tiêu dùng tối ưu là $X = 22$, $Y = 5$. Vậy tổng dụng ích:

Select one:

- a. $TU = 96$
- b. $TU = 64$
- c. **$TU = 100$**
- d. $TU = 90$

Question 31

Một người tiêu thụ có thu nhập $I = 1200\text{đ}$ dùng để mua 2 sản phẩm X và Y với $P_x = 100\text{đ}/\text{sp}$; $P_y = 300\text{đ}/\text{sp}$. Mức thoả mãn của người tiêu dùng được thể hiện qua hàm số:

$$TU_x = (-1/3)*X^2 + 10*X; TU_y = (-1/2)*Y^2 + 20*Y$$

Tổng dụng ích tối đa đạt được:

Select one:

- a. $TU_{max} = 82$
- b. $TU_{max} = 86$**
- c. $TU_{max} = 76$
- d. $TU_{max} = 96$

Question 32

KTHDC: Giả sử người tiêu dùng dành hết tiền lương để mua hai hàng hóa X và Y. Nếu giá hàng hóa X và Y đều tăng lên gấp 2, đồng thời tiền lương cũng tăng lên gấp 2 thì đường ngân sách của người tiêu dùng sẽ:

Select one:

- a. Không thay đổi**
- b. Xoay quanh điểm cắt với trực tung sang phải

- c. Dịch chuyển song song sang trái
- d. Dịch chuyển song song sang phải

Question 33

KTHDC:Tổng dụng ích luôn:

Select one:

- a. Tăng khi dụng ích cận biên dương**
- b. Giảm khi dụng ích cận biên tăng
- c. Giảm khi dụng ích cận biên giảm
- d. Nhỏ hơn dụng ích cận biên

Question 34

KTHDC:Theo qui luật dụng ích cận biên giảm dần, khi tiêu dùng thêm nhiều đơn vị hàng hóa cùng loại thì tổng dụng ích:

Select one:

- a. Tăng với tốc độ giảm dần**
- b. Giảm và cuối cùng là tăng lên
- c. Giảm với tốc độ tăng dần
- d. Giảm với tốc độ giảm dần

Question 35

KTHDC:Đường ngân sách biểu diễn:

Select one:

- a. Các tập hợp hàng hóa được lựa chọn của một người tiêu dùng
- b. Số lượng hàng hóa mà người tiêu dùng có thể mua
- c. Mức tiêu dùng mong muốn đối với một người tiêu dùng
- d. Các tập hợp hàng hóa khi người tiêu dùng chi hết ngân sách của mình**

Question 36

KTHDC: Khi giá của hàng hóa bình thường giảm, người tiêu dùng mua hàng hóa này nhiều hơn, đó là hệ quả của:

Select one:

a. Tác động thay thế hoặc tác động thu nhập

b. Tác động thu nhập

c. Tác động thay thế và tác động thu nhập

d. Tác động thay thế

Question 37

KTHDC: Khi thu nhập thay đổi thì đường ngân sách sẽ thay đổi về:

Select one:

a. Độ dốc

b. Độ dốc và điểm cắt của đường ngân sách với trực hoành

c. Độ dốc và điểm cắt của đường ngân sách với trực tung

d. Điểm cắt của đường ngân sách với trực tung và trực hoành nhưng không thay đổi độ dốc

Question 38

KTHDC: Kết hợp tối ưu của người tiêu dùng là kết hợp thỏa mãn điều kiện:

Select one:

a. Tỷ lệ thay thế biên giữa các hàng hóa bằng tỷ giá của chúng

b. Cả 3 đáp án còn lại đều đúng

c. Đường ngân sách tiếp xúc với đường bàng quan

d. Độ dốc của đường ngân sách bằng độ dốc của đường bàng quan

Question 39

KTHDC: Khi dụng ích cận biên dương thì tổng dụng ích

Select one:

a. Không có đáp án đúng

b. Tăng lên

c. Không đổi

d. Giảm đi

Question 40

KTHDC: Lan có thu nhập (I) là 100.000đ để mua truyện (X) với giá 20.000đ/quyển và mua sách với giá 15.000đ/quyển. Phương trình minh họa đường ngân sách của Lan là:

Select one:

a. $I = 100.000 + X + Y$

b. $100.000 = X + Y$

c. $100.000 = 20.000*X + 15.000*Y$

d. $I = 20.000*X + 15.000*Y$

Question 41

KTHDC: Đường ngân sách phụ thuộc vào

Select one:

a. Thu nhập

b. Giá của các hàng hóa

c. Thu nhập và giá của các hàng hóa

d. Không có đáp án đúng

Question 42

KTHDC: Một người tiêu thụ có thu nhập $I = 1.200đ$ dùng để mua 2 sản phẩm X và Y với $P_x = 100đ/sp$; $P_y = 300đ/sp$. Dụng ích của người tiêu dùng được thể hiện qua hàm số:

$TU_x = (-1/3)*X^2 + 10*X$; $TU_y = (-1/2)*Y^2 + 20*Y$ Phương án tiêu dùng tối ưu là:

Select one:

a. Tất cả đều sai

b. $X = 6$ $Y = 2$

c. $X = 3$ $Y = 3$

d. $X = 9$ $Y = 1$

Question 43

KTHDC: Một người tiêu thụ có thu nhập $I = 1200$ đ dùng để mua 2 sản phẩm X và Y với $P_x = 100$ đ/sp; $P_y = 300$ đ/sp. Mức thoả mãn được thể hiện qua hàm số: $TU_x = -1/3X^2 + 10X$; $TU_y = -1/2Y^2 + 20Y$. Lợi ích biên của 2 sản phẩm là:

Select one:

a. $MU_x = 2/3X + 10$; $MU_y = -Y + 20$

b. Không có đáp án đúng

c. $MU_x = -1/3X + 10$; $MU_y = -1/2Y + 20$

d. $MU_x = -2/3X + 10$; $MU_y = -Y + 20$

Question 44

KTHDC: Một người tiêu dùng có thu nhập là 1,5 triệu/tháng để mua hai hàng hóa X và Y. Giá của hàng hóa X là 15.000đồng/kg và hàng hóa Y là 5.000 đồng/kg.

Hàm tổng dụng ích được cho bởi $TU = 2*X*Y$.

Nếu thu nhập của người tiêu dùng tăng lên gấp đôi thì kết hợp tiêu dùng tối ưu mới là:

Select one:

a. $X = 120$, $Y = 280$

b. $X = 90$, $Y = 250$

c. $X = 85$, $Y = 200$

d. $X = 100$, $Y = 300$

Question 45

KTHDC: Đường ngân sách có dạng $X = 210 - 2Y$. Nếu $P_x = 6$, P_y và I nào dưới đây phù hợp:

Select one:

a. $Py = 12, I = 1260$

- b. $Py = 2, I = 420$
- c. $Py = 6, I = 630$
- d. $Py = 15, I = 1500$

Question 46

KTHDC: Một người tiêu thụ có thu nhập $I = 1200$ đ dùng để mua 2 sản phẩm X và Y với $P_x = 100$ đ/sp; $P_y = 300$ đ/sp. Mức thoả mãn của người tiêu dùng được thể hiện qua hàm số:

$$TU_x = (-1/3)X^2 + 10X; TU_y = (-1/2)Y^2 + 20Y$$

Tổng dung ích tối đa đạt được:

Select one:

a. $TU_{max} = 86$

- b. $TU_{max} = 96$
- c. $TU_{max} = 76$
- d. $TU_{max} = 82$

Question 1

KTHDC: Khi giá các yếu tố sản xuất đồng loạt tăng lên sẽ làm:

Select one:

- a. Các đường AC vẫn giữ nguyên vị trí cũ
- b. Các đường AVC dịch chuyển sang phải
- c. Dịch chuyển đường chi phí trung bình lên trên**
- d. Dịch chuyển đường AC xuống dưới

Question 2

KTHDC: Trong ngắn hạn doanh nghiệp sẽ đóng cửa sản xuất khi:

Select one:

- a. Bắt đầu bị lỗ
- b. Giá bán sản phẩm không đủ bù đắp chi phí bình quân
- c. Doanh thu không đủ bù đắp chi phí biến đổi bình quân
- d. Giá bán sản phẩm không đủ bù đắp chi phí biến đổi bình quân**

Question 3

KTHDC: Khi so sánh lợi nhuận kinh tế với lợi nhuận tính toán ta thấy:

Select one:

- a. Lợi nhuận kinh tế thấp hơn do nó gồm nhiều chi phí hơn**
- b. Lợi nhuận kinh tế thấp hơn do nó gồm chi phí khấu hao
- c. Lợi nhuận kinh tế cao hơn do nó gồm nhiều doanh thu hơn
- d. Lợi nhuận kinh tế thấp hơn do nó gồm nhiều doanh thu hơn

Question 4

KTHDC: Phát biểu nào dưới đây là sai:

Select one:

- a. Tổng chi phí bình quân bằng chi phí cố định bình quân cộng chi phí biến đổi bình quân
- b. Tổng chi phí bằng chi phí cố định cộng chi phí bình quân**
- c. Tổng chi phí bình quân là tổng chi phí trên một đơn vị sản phẩm
- d. Chi phí cận biên là sự tăng tổng chi phí khi sản xuất thêm một đơn vị sản phẩm

Question 5

KTHDC: Trong ngắn hạn, khi sản lượng tăng, chi phí biến (MC) tăng dần và chi phí biến đổi bình quân (AVC) giảm dần là do:

Select one:

- a. MC < AFC
- b. MC > AVC
- c. MC < AC

d. $MC < AVC$

Question 6

KTHDC: Đường chi phí trung bình dài hạn :

Select one:

- a. Có thể dốc xuống
- b. Luôn biến thị hiệu suất tăng theo quy mô
- c. Có thể dốc xuống và có thể cuối cùng sẽ dốc lên vì vấn đề quản lý.**
- d. Có thể cuối cùng sẽ dốc lên vì vấn đề quản lý

Question 7

KTHDC: Đường chi phí cận biên nằm trên đường chi phí trung bình thì:

Select one:

- a. Đường chi phí cận biên ở mức cực đại của nó
- b. Đường chi phí trung bình dốc lên.**
- c. Đường chi phí trung bình ở mức tối thiểu của nó
- d. Đường chi phí trung bình dốc xuống

Question 8

KTHDC: Tỷ lệ thay thế kỹ thuật cận biên được đo lường bởi độ dốc của:

Select one:

- a. Một đường đồng lượng**
- b. Nhiều đường đồng phí
- c. Nhiều đường đồng lượng
- d. Một đường đồng phí

Question 9

KTHDC: Chi phí biến đổi là:

Select one:

- a. Chi phí thay đổi khi thay đổi mức sản lượng
- b. Tất cả các đáp án còn lại đều đúng.
- c. Chi phí trung bình tính cho một đơn vị sản phẩm
- d. Chi phí tăng lên khi tăng mức sản lượng

Question 10

KTHDC: Dài hạn là khoảng thời gian trong đó:

Select one:

- a. Hạng có thể tối đa hóa lợi nhuận
- b. **Tất cả các yếu tố đầu vào biến đổi**
- c. Tất cả các yếu tố đầu vào cố định
- d. Không có đáp án đúng.

Question 11

KTHDC: Hàm sản xuất sản phẩm của một doanh nghiệp là: $Q = L^2 + K^2 - K \cdot L$ (Q là sản lượng; L là số lao động; K là số vốn).

Giá các yếu tố đầu vào $PK = 10$; $PL = 8$. Mức sản lượng cần sản xuất $Q_0 = 18.300$. Tổng chi phí sản xuất tối ưu bằng:

Select one:

- a. $TC_{min} = 2.340$
- b. Không có đáp án đúng
- c. **$TC_{min} = 2.440$**
- d. $TC_{min} = 2.540$

Question 12

KTHDC: Giả sử năng suất trung bình của 6 người công nhân là 15. Nếu năng suất biên của người công nhân thứ 7 là 20, thể hiện:

Select one:

- a. Năng suất biên đang tăng.
- b. Năng suất trung bình đang tăng.**
- c. Năng suất trung bình đang giảm.
- d. Năng suất biên đang giảm.

Question 13

KTHDC: Hàm sản xuất sản phẩm của một doanh nghiệp là: $Q = L^*L + K^*K - K^*L$ (Q là sản lượng; L là số lao động; K là số vốn). Năng suất biên của lao động (MPL) và vốn (MPK):

Select one:

- a. $MPL = 2*L - K ; MPK = 2*K - L$**
- b. $MPL = 2*L ; MPK = 2*K - L$
- c. $MPL = 2*L + K ; MPK = 2*K + L$
- d. $MPL = 2*K - L ; MPK = 2*L - K$

Question 14

KTHDC: Hàm tổng chi phí ngắn hạn của một công ty được cho bởi phuong trình: $TC = 190 + 53Q$ (đơn vị tính 10.000). Nếu sản xuất 100.000 đvsp, Chi phí biên mỗi đvsp là:

Select one:

- a. 19
- b. 7,2
- c. Không có đáp án đúng.
- d. 53**

Question 15

KTHDC: Hàm sản xuất sản phẩm của một doanh nghiệp là: $Q = L^*L + K^*K - K^*L$ (Q là sản lượng; L là số lao động; K là số vốn). Giá các yếu tố đầu vào $PK=20$; $PL=10$. Chi phí sản xuất không đổi $TC=140$. Phương án sản xuất tối ưu:

Select one:

a. K=3,57; L=2,857

b. K=3; L=4

c. L=3,57; K=2,857

d. K=5; L=4

Question 16

KTHDC: Đường đồng lượng biểu thị:

Select one:

a. Các mức sản lượng như nhau với những phối hợp bằng nhau về 2 YTSX biến đổi

b. các mức sản lượng như nhau với những phối hợp khác nhau về 2 YTSX biến đổi

c. Các mức sản lượng khác nhau với những mức chi tiêu khá nhau về 2 YTSX biến đổi

d. Các mức sản lượng như nhau với những mức chi phí như nhau.

Question 17

KTHDC: Khi năng suất cận biên của lao động nhỏ hơn năng suất bình quân của lao động thì:

Select one:

a. Năng suất cận biên của lao động đang giảm

b. Năng suất cận biên của lao động đang tăng

c. Năng suất bình quân của lao động đang tăng

d. Đường tổng sản phẩm có độ dốc âm.

Question 18

KTHDC: Một doanh nghiệp sản xuất có thể tăng sản lượng lên 3 lần do các yếu tố sản xuất tăng lên 2 lần. Đây là một ví dụ về:

Select one:

a. Năng suất giảm theo qui mô

b. Năng suất không đổi theo qui mô

c. Năng suất tăng theo qui mô

d. Không có đáp án đúng

Question 19

KTHDC: Qui luật năng suất cận biên giảm dần thể hiện:

Select one:

a. Với số lượng các đầu vào cố định cho trước, khi sử dụng càng nhiều yếu tố đầu vào biến đổi thì năng suất bình quân của đầu vào biến đổi cuối cùng sẽ giảm

b. Với số lượng đầu vào cố định cho trước, khi sử dụng càng nhiều yếu tố đầu vào biến đổi thì năng suất cận biên của đầu vào biến đổi cuối cùng sẽ giảm

c. Khi qui mô của doanh nghiệp tăng lên thì chi phí bình quân sẽ giảm

d. Khi qui mô của doanh nghiệp tăng lên thì năng suất cận biên sẽ giảm

Question 20

KTHDC: MC cắt:

Select one:

a. ATC, AVC tại điểm cực tiểu của chúng

b. ATC, AVC, AFC tại điểm cực tiểu của chúng

c. AVC, AFC tại điểm cực tiểu của chúng

d. ATC, AFC tại điểm cực tiểu của chúng

Question 21

KTHDC: Câu nào trong các câu sau không đúng ?

Select one:

a. MC tăng hàm ý AC tăng

b. AC ở dưới MC hàm ý AC đang tăng

c. AC giảm hàm ý MC ở dưới AC.

d. MC ở trên AC hàm ý MC đang tăng

Question 22

KTHDC: Các yếu tố sản xuất cố định là:

Select one:

- a. Các yếu tố có thể mua chỉ ở một con số cố định
- b. Các yếu tố có thể mua chỉ ở giá cố định
- c. Các yếu tố không phụ thuộc vào mức sản lượng
- d. Các yếu tố không thể di chuyển được.

Question 23

KTHDC: Một hàm số thể hiện số sản phẩm tối đa mà doanh nghiệp sản xuất ra trong mỗi đơn vị thời gian tương ứng với mỗi cách kết hợp các yếu tố sản xuất được gọi là:

Select one:

- a. Đường cong bàng quan
- b. Hàm số tổng chi phí sản xuất
- c. **Hàm sản xuất**
- d. Hàm đằng phí

Question 24

KTHDC: Tổng chi phí là:

Select one:

- a. Chi phí không đổi khi thay đổi mức sản lượng
- b. Tất cả các án còn lại đều sai
- c. **Tổng chi phí cố định và chi phí biến đổi**
- d. Tổng chi phí giảm dần khi tăng mức sản lượng

Question 25

KTHDC: Cho hàm sản xuất của một doanh nghiệp: $Q = 2*K*(L-2)$, (Q là sản lượng; L là số lao động; K là số vốn).

Giá các yếu tố đầu vào $PK = 10$; $PL = 10$. Mức sản lượng cần sản xuất $Q_0 = 3.200$.

Tổng chi phí sản xuất tối ưu bằng:

Select one:

- a. $TC_{min} = 680$
- b. $TC_{min} = 880$
- c. Không có đáp án đúng
- d. $TC_{min} = 820$**

Question 26

KTHDC: Giả sử năng suất trung bình của 5 người công nhân là 12. Nếu năng suất biên của người công nhân thứ 6 là 18 thì năng suất trung bình của 6 công nhân bằng:

Select one:

- a. 12
- b. 14
- c. 13**
- d. 16

Question 27

KTHDC: Hàm sản xuất được cho bởi: $Q = 0,5*K^2 + L*K + 3*L^2 + 4*K - 2*L$. Hàm năng suất biên của các yếu tố K và L là:

Select one:

- a. $MPK = K + 4 \quad MPL = 2*L - 2$
- b. Không có đáp án đúng
- c. $MPK = K + 3*L + 4 \quad MPL = 2*L + 3*K - 2$**
- d. $MPK = 0,5*K + 3*L + 4 \quad MPL = L + 3*K - 2$

Question 28

KTHDC: Hàm tổng chi phí ngắn hạn của một công ty được cho bởi phương trình: $TC = 190 + 53Q$ (đơn vị tính 10.000) Nếu sản xuất 100.000 đơn vị, chi phí biến đổi bình quân là:

Select one:

- a. 72
- b. Không có đáp án đúng
- c. 53**
- d. 70

Question 29

KTHDC: Giá sử giá thuê lao động là 60.000 đồng/ngày, giá thuê máy móc là 120.000 đồng/ngày. Với tổng chi phí là 1,2 triệu đồng, kết hợp vốn và lao động nào hãng có thể thuê:

Select one:

- a. 6 máy móc và 9 lao động
- b. 4 máy móc và 15 lao động
- c. 7 máy móc và 8 lao động
- d. 5 máy móc và 10 lao động**

Question 30

KTHDC: Lợi nhuận kinh tế được định nghĩa là chênh lệch giữa tổng doanh thu và:

Select one:

- a. Tổng chi phí kinh tế**
- b. Tổng chi phí lãi suất
- c. Tổng chi phí tính toán
- d. Tổng chi phí cố định

Question 31

KTHDC: Doanh thu biến được xác định bởi:

Select one:

a. $TR/\Delta Q$

b. TR

c. TR/Q

d. $\Delta TR/\Delta Q$

Question 32

KTHDC: Nếu hàm sản xuất có dạng $Q = 0,5*(K0,2)*(L0,5)$. Khi gia tăng các yếu tố đầu vào cùng tỷ lệ thì:

Select one:

a. Không có đáp án đúng.

b. Năng suất tăng theo quy mô

c. Năng suất giảm theo quy mô

d. Năng suất không đổi theo quy mô

Question 33

KTHDC: Nếu ATC đang giảm, khi đó MC:

Select one:

a. Bằng ATC

b. Đang giảm

c. Phía dưới ATC

d. Phía trên ATC

Question 34

KTHDC: Độ dốc (hệ số góc) của đường đồng phí chính là:

Select one:

a. Tỷ lệ đánh đổi giữa 2 yếu tố sản xuất trên thị trường và là tỷ số giá cả của 2 yếu tố sản xuất

b. Tỷ số giá cả của 2 yếu tố sản xuất

- c. Tỷ lệ đánh đổi giữa 2 yếu tố sản xuất trên thị trường
- d. Tỷ số năng suất biên của 2 yếu tố sản xuất

Question 35

KTHDC: Khi chi phí trung bình tăng dần theo sản lượng thì:

Select one:

- a. Chi phí biên bằng chi phí trung bình
- b. Chi phí biến lớn hơn chi phí trung bình**
- c. Không có đáp án đúng
- d. Chi phí biến nhỏ hơn chi phí trung bình

Question 36

KTHDC: Đường chi phí trung bình dài hạn là:

Select one:

- a. Tổng của tất cả các đường chi phí trung bình ngắn hạn
- b. Đường biến phía dưới của tất cả các đường chi phí trung bình ngắn hạn**
- c. Nằm ngang.
- d. Đường biến phía trên của tất cả các đường chi phí trung bình ngắn hạn

Question 37

KTHDC: Khi năng suất bình quân giảm, năng suất biên sẽ:

Select one:

- a. Nhỏ hơn năng suất bình quân**
- b. Bằng năng suất bình quân
- c. Vượt quá năng suất bình quân
- d. Tăng dần

Question 38

KTHDC: Hàm sản xuất sản phẩm của một doanh nghiệp là: $Q = L^2 + K^2 - K \cdot L$ (Q là sản lượng; L là số lao động; K là số vốn).

Giá các yếu tố đầu vào $PK=20$; $PL=10$. Chi phí sản xuất không đổi $TC=140$. Sản lượng tối ưu :

Select one:

a. $Q=18,75$

b. $Q=13$

c. **$Q=21$**

d. $Q=10,71$

Question 39

KTHDC: Giả sử mức sản phẩm biên của công nhân thứ nhất, thứ hai, thứ ba lần lượt là 10, 9 và 8. Tổng số sản phẩm khi thuê 3 công nhân bằng:

Select one:

a. Mức sản phẩm biên trung bình của 3 công nhân: $(10+9+8)/3=9$

b. Tổng mức sản phẩm biên của 3 công nhân nhân với số lượng công nhân: $(10+9+8) \times 3=81$

c. **Tổng sản phẩm biên của 3 công nhân = $10+9+8=27$**

d. Mức sản phẩm biên của công nhân thứ 3 nhân với lượng công nhân: $8 \times 3=24$

Question 40

KTHDC: Hàm sản xuất được cho bởi: $Q = L^2 + K^2 - K \cdot L$. Hàm năng suất biên của các yếu tố K và L là:

Select one:

a. **$MPK = 2 \cdot K - L$ $MPL = 2 \cdot L - K$**

b. $MPK = 2 \cdot K + L$ $MPL = 2 \cdot L + K$

c. Không có đáp án đúng

d. $MPK = 2 \cdot K + L \cdot L$ $MPL = 2 \cdot L + K \cdot K$

Question 41

KTHDC: Một doanh nghiệp có công suất thiết kế là 20.000 sản phẩm/năm. Hiện tại doanh nghiệp đang sản xuất ở mức 10.000 sản phẩm/năm. AVC = 15.000 đồng/sản phẩm, FC = 60 triệu đồng. Chi phí bình quân cho một đơn vị sản phẩm là:

Select one:

- a. 18.000 đồng
- b. 25.000 đồng
- c. 21.000 đồng**
- d. 20.000 đồng

Question 42

KTHDC: Hàm sản xuất sản phẩm của một doanh nghiệp là: $Q = L^*L + K^*K - K^*L$ (Q là sản lượng; L là số lao động; K là số vốn). Giá các yếu tố đầu vào $PK=20$; $PL=10$. Chi phí sản xuất không đổi $TC=100$ Phương án sản xuất tối ưu:

Select one:

- a. $K=3$; $L=4$
- b. $K=3,57$; $L=2,857$**
- c. $L=3,57$; $K=2,857$
- d. $K=2,5$; $L=5$

Question 43

KTHDC: Năng suất tăng theo quy mô có nghĩa là:

Select one:

- a. Tăng gấp đôi tất cả các yếu tố sẽ làm cho sản lượng tăng ít hơn hai lần
- b. Quy luật hiệu suất giảm dần không đúng nữa.
- c. Tăng gấp đôi tất cả các yếu tố sẽ làm cho sản lượng tăng đúng gấp đôi
- d. Tăng gấp đôi tất cả các yếu tố sẽ làm cho sản lượng tăng nhiều hơn hai lần**

Question 44

KTHDC: Số sản phẩm tăng thêm khi doanh nghiệp sử dụng thêm 1 đơn vị yếu tố đầu vào với các yếu tố khác không đổi gọi là:

Select one:

- a. Chi phí biên
- b. Dụng ích biên
- c. Năng suất biên**
- d. Doanh thu biên

Question 45

KTHDC: Để tối thiểu hóa chi phí sản xuất, các doanh nghiệp sẽ thực hiện phối hợp các yếu tố sản xuất (YTSX) theo nguyên tắc:

Select one:

- a. $MC = MR$
- b. $MCa = MCb = MCC$
- c. ...
- d. $MPa/Pa = MPb/Pb = MPc/Pc$**
- e. $MPa = MPb = MPc = \dots$

Question 46

KTHDC: Để tối đa hóa doanh thu, doanh nghiệp phải:

Select one:

- a. Sản xuất tại mức sản lượng mà tại đó $MR=0$.**
- b. Sản xuất tại mức sản lượng mà tại đó $MC = ATC_{min}$
- c. Sản xuất tại mức sản lượng mà tại đó $MC = P$
- d. Sản xuất tại mức sản lượng mà tại đó $MC = MR$

Question 47

KTHDC: Năng suất cận biên của lao động là phần chênh lệch sản lượng khi:

Select one:

- a. Tăng một đơn vị vốn, với lượng lao động không đổi
- b. Thay đổi chi phí lao động
- c. Tăng một đơn vị lao động và vốn
- d. Tăng một đơn vị lao động, với lượng vốn không đổi**

Question 48

KTHDC: Chi phí biên là:

Select one:

- a. Chi phí tăng thêm khi sử dụng thêm 1 đơn vị YTSX
- b. Chi phí tăng thêm khi sử dụng thêm 1 đơn vị sản phẩm
- c. Là độ dốc của đường tổng doanh thu
- d. Chi phí tăng thêm trong tổng chi phí khi sản xuất thêm 1 đơn vị sản phẩm**

Question 49

KTHDC: Một đường đồng lượng cho biết:

Select one:

- a. Các kết hợp vốn và lao động khác nhau để sản xuất sản lượng đầu ra càng tăng
- b. Các kết hợp vốn và lao động khác nhau để sản xuất sản lượng đầu ra càng giảm
- c. Tất cả các đáp án còn lại đều sai.
- d. Các kết hợp vốn và lao động khác nhau để sản xuất sản lượng đầu ra cố định**

Question 50

KTHDC: Hàm sản xuất sản phẩm của một doanh nghiệp là: $Q = L^2 + K^2 - K \cdot L$ (Q là sản lượng; L là số lao động; K là số vốn).

Giá các yếu tố đầu vào $PK=20$; $PL=10$. Chi phí sản xuất không đổi $TC=210$

Sản lượng tối ưu :

Select one:

a. **Q=47,25**

b. $Q=18,75$

c. $Q=10,71$

d. $Q=11,71$

Question 51

KTHDC: Hàm sản xuất được cho bởi: $Q = 2 \cdot K^2 + 2 \cdot L^2 + K \cdot L - 4 \cdot K - L$. Hàm năng suất biên của các yếu tố K và L là:

Select one:

a. $MPK = 4 \cdot K - 4$ $MPL = 4 \cdot L - 1$

b. $MPK = 2 \cdot K + L - 4$ $MPL = 2 \cdot L + K - 1$

c. $MPK = 4 \cdot K + L$ $MPL = 4 \cdot L + K$

d. Không có đáp án đúng

Question 52

KTHDC: Nếu tổng chi phí của việc sản xuất 6 đơn vị hàng hóa là 48 và chi phí cận biên của đơn vị hàng hóa thứ 7 là 15 thì:

Select one:

a. Chi phí trung bình của 7 đơn vị hàng hóa là 9

b. Chi phí cố định là 8

c. Chi phí cố định là 33

d. Chi phí biến đổi trung bình của 7 đơn vị hàng hóa là 9

Question 53

KTHDC: Hàm sản xuất sản phẩm của một doanh nghiệp là: $Q = L^*L + K^*K - K^*L$ (Q là sản lượng; L là số lao động; K là số vốn). Giá các yếu tố đầu vào $PK=20$; $PL=10$. Chi phí sản xuất không đổi $TC=210$. Phương án sản xuất tối ưu:

Select one:

- a. $K=6,5$; $L=8$
- b. $K=7$; $L=7$
- c. $K=3,57$; $L=2,857$
- d. $K=7,5$; $L=6$**

Question 54

KTHDC: Trong kinh tế học về hàng, ngắn hạn được định nghĩa là khoảng thời gian chỉ đủ để:

Select one:

- a. Thay đổi sản lượng chứ không phải công suất nhà máy**
- b. Thu thập số liệu về chi phí chứ không phải về sản xuất
- c. Thay đổi sản lượng và công suất nhà máy
- d. Thu thập số liệu về chi phí và về sản xuất

Question 55

KTHDC: Câu nào dưới đây là đúng:

Select one:

- a. Chi phí kinh tế nhỏ hơn chi phí kế toán.
- b. Chi phí kinh tế lớn hơn chi phí kế toán và lợi nhuận kinh tế lớn hơn lợi nhuận kế toán
- c. Chi phí kinh tế lớn hơn chi phí kế toán và lợi nhuận kinh tế nhỏ hơn lợi nhuận kế toán**
- d. Chi phí kinh tế nhỏ hơn chi phí kế toán và lợi nhuận kinh tế lớn hơn lợi nhuận kế toán

Question 56

KTHDC: Câu nào hàm ý hiệu suất giảm dần:

Select one:

- a. Khi tất cả các yếu tố tăng gấp đôi, sản lượng tăng nhiều hơn hai lần
- b. Khi một yếu tố tăng gấp đôi thì sản lượng tăng nhiều hơn hai lần
- c. Khi một yếu tố tăng thì sản phẩm tăng thêm tính trên đơn vị yếu tố bổ sung giảm xuống
- d. Khi tất cả các yếu tố tăng gấp đôi thì sản lượng tăng ít hơn hai lần**

Question 57

KTHDC: Chi phí cận biên là:

Select one:

- a. Sự gia tăng của chi phí chia cho sự gia tăng của sản lượng**
- b. Sự gia tăng của chi phí chia cho sự gia tăng của lao động
- c. Chênh lệch giữa chi phí cố định và chi phí biến đổi
- d. Tổng chi phí chia cho tổng sản lượng

Question 58

KTHDC: Chi phí cố định trung bình:

Select one:

- a. Là tối thiểu ở điểm tối đa hóa lợi nhuận.
- b. Là cần thiết để xác định điểm đóng cửa
- c. Là tối thiểu ở điểm hòa vốn.
- d. Luôn luôn dốc xuống về phía phải.**

Question 59

KTHDC: Câu nào sau đây là đúng:

Select one:

- a. Lợi nhuận kế toán luôn lớn hơn lợi nhuận kinh tế
- b. Lợi nhuận kinh tế luôn lớn hơn lợi nhuận kế toán.

c. Chi phí kinh tế luôn lớn hơn chi phí kế toán

d. Chi phí kế toán luôn lớn hơn chi phí kinh tế

Question 60

KTHDC: Quy luật năng suất giảm dần có thể được mô tả đúng nhất bằng:

Select one:

- a. Sản lượng gia tăng sẽ giảm khi sử dụng thêm ngày càng nhiều một yếu tố
- b. Những phần gia tăng của tổng sản lượng sẽ tăng khi tất cả các yếu tố sử dụng trong quá trình sản xuất tăng tỷ lệ với nhau
- c. Những phần gia tăng của tổng sản lượng sẽ giảm khi tất cả các yếu tố sử dụng trong quá trình sản xuất tăng tỷ lệ với nhau**
- d. Tổng sản lượng sẽ giảm nếu sử dụng quá nhiều yếu tố vào một quá trình sản xuất

Question 61

KTHDC: Khi ta cố định sản lượng của một hàm sản xuất cho số lượng vốn và lao động thay đổi thì đường cong biểu diễn:

Select one:

- a. Đường đẳng lượng**
- b. Đường sản phẩm trung bình
- c. Đường tổng sản phẩm
- d. Đường chi phí biên

Question 62

KTHDC: Hàm sản xuất có dạng $Q=100*K*L$. Nếu giá vốn là 120.000 đồng và giá lao động là 30.000 đồng thì chi phí tối thiểu để sản xuất 10.000 sản phẩm bằng:

Select one:

- a. 1.800.000 đồng
- b. Không có đáp án đúng
- c. 1.200.000 đồng**

d. 1.500.000 đồng

Question 63

KTHDC: Hàm sản xuất được cho bởi: $Q = 0,5*K*K + 0,5*L*L + 3*KL + 4*K - 2*L$.
Hàm năng suất biên của các yếu tố K và L là:

Select one:

- a. **MPK = K + 3*L + 4 MPL = L + 3*K - 2**
- b. Không có đáp án đúng
- c. $MPK = K + 3*L + 4$ $MPL = 2*L + 3*K - 2$
- d. $MPK = 0,5*K + 3*L + 4$ $MPL = L + 3*K - 2$

Question 64

KTHDC: Với vốn biểu diễn trên trực tung và lao động biểu diễn trên trực hoành. Giả sử tại mức đầu vào hiện tại, tỷ lệ thay thế kỹ thuật biên MRTS = -3 thì:

Select one:

- a. Nếu doanh nghiệp thuê thêm 1 đơn vị vốn thì có thể sản xuất thêm 3 đơn vị sản phẩm
- b. Năng suất biên của lao động bằng 3 lần năng suất biên của vốn**
- c. Nếu giảm 1 đơn vị vốn, doanh nghiệp có thể thuê thêm 3 đơn vị lao động mà sản lượng không đổi
- d. Nếu sử dụng thêm 3 đơn vị lao động, doanh nghiệp cần sử dụng thêm 3 đơn vị vốn

Question 65

KTHDC: Chi phí cố định:

Select one:

- a. Là các chi phí gắn với các yếu tố cố định
- b. Bao gồm những thanh toán trả cho một số yếu tố khả biến
- c. Không thay đổi theo mức sản lượng
- d. Là các chi phí gắn với các yếu tố cố định và không thay đổi theo mức sản lượng**

Question 66

KTHDC: Đường tổng sản lượng càng dốc:

Select one:

- a. Sản phẩm cận biên càng thấp
- b. Mức sản lượng càng cao
- c. Sản phẩm cận biên càng cao**
- d. Tổng chi phí càng cao

Question 67

KTHDC: Hàm sản xuất sản phẩm của một doanh nghiệp là: $Q = L^2 + K^2 - K \cdot L$ (Q là sản lượng; L là số lao động; K là số vốn).

Giá các yếu tố đầu vào $PK = 10$; $PL = 7$. Mức sản lượng cần sản xuất $Q_0 = 16.425$. Tổng chi phí sản xuất tối ưu bằng:

Select one:

- a. $TC_{min} = 2.390$
- b. $TC_{min} = 2.190$**
- c. Không có đáp án đúng
- d. $TC_{min} = 2.290$

Question 68

KTHDC: Cho hàm sản xuất: $Q = 2 \cdot K \cdot (L-2)$ Hàm năng suất biên của các yếu tố K và L là :

Select one:

- a. $MPK = 2 \cdot K ; MPL = L-2$
- b. $MPK = L - 2 ; MPL = 2 \cdot K$
- c. Tất cả các đáp án còn lại đều sai
- d. $MPK = 2 \cdot L - 4 ; MPL = 2 \cdot K$**

Question 69

KTHDC: Hàm tổng chi phí ngắn hạn của một công ty được cho bởi phương trình: $TC = 190 + 53Q$ (đơn vị tính 10.000) Nếu sản xuất 100.000 đvsp, Chi phí cố định trung bình là:

Select one:

a. Không có đáp án đúng

b. 19

c. 190

d. 53

Question 70

KTHDC: Một DN đầu tư chi phí $TC=96$ để mua 2 yếu tố sản xuất K và L với $PK=8$; $PL=4$. Năng suất biên (MP) của 2 yếu tố như sau: K MPK L MPL 4 8 5 5 5 7 6 4 6 6 7 3 7 5 8 2 8 4 9 1 Phối hợp 2 yếu tố K và L để tổng sản lượng cao nhất hay chi phí một đơn vị thấp nhất là:

Select one:

a. K=8; L=8

b. K=4; L=11

c. K=6; L=6

d. K=8; L=3

Question 71

KTHDC: Khi có sự kết hợp tối ưu của 2 yếu tố sản xuất. Tại đó:

Select one:

a. Chi phí biên đạt cực tiểu tại mức sản lượng đó

b. Tỷ lệ thay thế kỹ thuật biên bằng tỷ số giá cả của 2 yếu tố sản xuất

c. Hệ số góc của đường đẳng phí và đẳng lượng bằng nhau

d. Tỷ lệ thay thế kỹ thuật biên bằng tỷ số giá cả của 2 yếu tố sản xuất; và hệ số góc của đường đẳng phí và đẳng lượng bằng nhau

Question 72

KTHDC: Trong ngắn hạn, sản lượng càng lớn, loại chi phí nào sau đây càng nhỏ:

Select one:

- a. Chi phí biến đổi trung bình
- b. Chi phí trung bình
- c. Chi phí cố định trung bình**
- d. Chi phí biên

Question 73

KTHDC: Nếu MC nằm trên đường AVC thì khi tăng sản lượng dẫn đến:

Select one:

- a. AVC giảm xuống
- b. ATC không đổi
- c. AVC tăng lên**
- d. AFC tăng lên

Question 74

KTHDC: Trong kinh tế học, ngắn hạn đề cập đến giai đoạn:

Select one:

- a. Trong đó tất cả các yếu tố đầu vào đều cố định
- b. Trong đó tất cả các yếu tố đầu vào đều biến đổi
- c. Trong đó ít nhất có một yếu tố đầu vào cố định và ít nhất một yếu tố đầu vào biến đổi**
- d. Dưới một năm

Question 75

KTHDC: Hàm sản xuất được cho bởi: $Q = 3*K*(L-2)$. Hàm năng suất biên của các yếu tố K và L là:

Select one:

- a. **MPK = 3*L - 6; MPL = 3*K**
- b. MPK = L -2; MPL = 3*K
- c. Không có đáp án đúng
- d. MPK = 3*K; MPL = L-2

Question 76

KTHDC: Hàm tổng chi phí của doanh nghiệp là: $TC = Q*Q + 2*Q + 50$. Hàm chi phí biến đổi là:

Select one:

- a. $Q*Q + 50$
- b. $2*Q + 50$
- c. 50
- d. $Q*Q + 2*Q$**

Question 77

KTHDC: Tỷ lệ thay thế kỹ thuật biên (MRTS) thể hiện:

Select one:

- a. Độ dốc đường đồng phí
- b. Độ dốc đường đồng lượng**
- c. Độ dốc đường tổng sản lượng
- d. Độ dốc đường ngân sách

Question 78

KTHDC: Ở mức sản lượng mà chi phí trung bình đạt giá trị tối thiểu:

Select one:

- a. Chi phí cận biên bằng chi phí biến đổi trung bình
- b. Lợi nhuận phải ở mức tối đa

c. Chi phí biến đổi trung bình bằng với chi phí trung bình

d. Chi phí cận biên bằng chi phí trung bình

Question 79

KTHDC: Việc cải tiến kỹ thuật:

Select one:

a. Cho phép sản xuất nhiều sản phẩm hơn với cùng số lượng các yếu tố đầu vào so với trước

b. Có thể che dấu sự tồn tại của tình trạng năng suất biên giảm dần

c. Có thể được biểu diễn qua sự dịch chuyển lên trên của đường tổng sản phẩm

d. Cả 3 đáp án còn lại đều đúng

Question 80

KTHDC: Với chi phí sản xuất không đổi $TC = 15.000$ để mua 2 yếu tố K và L với giá $PK = 600$, $PL = 300$. Hàm sản xuất được cho $Q = 2*K*(L-2)$. Sản lượng tối đa đạt được:

Select one:

a. $Q = 560$

b. $Q = 380$

c. $Q = 576$

d. $Q = 580$

Question 81

KTHDC: Nếu sản xuất 19 đơn vị hàng hóa thì tổng chi phí là 228 và chi phí cận biên của đơn vị thứ 20 là 32 thì:

Select one:

a. Chi phí biến đổi trung bình của 20 đơn vị hàng hóa bằng 13

b. Chi phí cố định là 196

c. Chi phí cố định là 13

d. Chi phí trung bình của 20 đơn vị hàng hóa là 13

Question 82

KTHDC: Để tối đa hóa lợi nhuận, doanh nghiệp phải:

Select one:

- a. Sản xuất tại mức sản lượng mà tại đó $MC = MR$
- b. Sản xuất tại mức sản lượng mà tại đó $MC = ATC_{min}$
- c. Không có đáp án đúng.
- d. Sản xuất tại mức sản lượng mà tại đó $MC = P$

Question 83

KTHDC: Khoảng cách theo chiều thẳng đứng giữa TC và VC là:

Select one:

- a. FC
- b. Giảm xuống khi sản lượng tăng lên
- c. AFC
- d. MC

Question 84

KTHDC: Năng suất bình quân của một đơn vị yếu tố sản xuất (YTSX) biến đổi là:

Select one:

- a. Số lượng sản phẩm tăng thêm khi sử dụng thêm một đơn vị YTSX biến đổi
- b. Số lượng sản phẩm trung bình được tạo ra bởi 1 đơn vị YTSX biến đổi
- c. Không có đáp án đúng
- d. Số lượng sản phẩm tăng thêm khi bỏ ra thêm 1 đồng chi phí sản xuất biến đổi

Question 85

KTHDC: Mối quan hệ giữa sản phẩm cận biên của lao động và chi phí cận biên của sản phẩm:

Select one:

- a. Chi phí cận biên bằng lương chia cho sản phẩm cận biên**
- b. Chi phí cận biên dốc xuống khi sản phẩm cận biên dốc xuống
- c. Chi phí cận biên không đổi nhưng sản phẩm cận biên thì tuân theo hiệu suất giảm dần
- d. Chi phí cận biên là nghịch đảo của sản phẩm cận biên

Question 86

KTHDC: Nếu hàm sản xuất biểu thị hiệu suất tăng theo quy mô thì

Select one:

- a. Hàm sản xuất dốc xuống
- b. Năng suất cao hơn ở quy mô lớn hơn**
- c. Chi phí cận biên tăng cùng với sản lượng
- d. Sản phẩm cận biên của yếu tố sản xuất tăng cùng với số lượng sản phẩm sản xuất ra

Question 87

KTHDC: Năng suất cận biên của một yếu tố sản xuất là:

Select one:

- a. Sản lượng chia cho số yếu tố sử dụng trong quá trình sản xuất
- b. Số sản phẩm tăng thêm từ việc sử dụng thêm 1 đơn vị yếu tố sản xuất đó**
- c. Chi phí cần thiết để thuê thêm 1 đơn vị yếu tố sản xuất
- d. Chi phí của việc sản xuất thêm 1 đơn vị sản phẩm

Question 88

KTHDC: Nếu tổng chi phí của việc sản xuất 7 đơn vị là 42\$ và chi phí cận biên của đơn vị thứ 8 là 14\$ thì

Select one:

- a. Tổng chi phí bình quân của 8 đơn vị là 7\$**
- b. Chi phí biến đổi bình quân của 8 đơn vị là 7\$

- c. Không có đáp án đúng
- d. Chi phí cố định là 14\$

Question 89

KTHDC: Nếu hàm sản xuất có dạng $Q = 0,5*(K0,5)*(L0,3)$. Khi gia tăng các yếu tố đầu vào cùng tỷ lệ thì:

Select one:

- a. Năng suất không đổi theo quy mô
- b. Không có phương án đúng.
- c. Năng suất tăng theo quy mô
- d. Năng suất giảm theo quy mô**

Question 90

KTHDC: Đường cung dài hạn của ngành:

Select one:

- a. Là tổng các đường chi phí trung bình dài hạn của tất cả các hãng thành viên, phần nằm dưới chi phí biên dài hạn
- b. Được tìm ra bằng cách cộng tất cả các đường chi phí cận biên ngắn hạn của tất cả các hãng thành viên
- c. Là tổng của các đường tổng chi phí của tất cả các hãng thành viên
- d. Là tổng các đường chi phí cận biên dài hạn của tất cả các hãng thành viên, nằm trên đường chi phí trung bình dài hạn**

Question 91

KTHDC: Đường đồng phí chỉ ra các kết hợp vốn và lao động có thể mua được:

Select one:

- a. Để sản xuất với một mức sản lượng nhất định
- b. Để tối thiểu hóa chi phí
- c. Để tối đa hóa lợi nhuận

d. Với tổng chi phí cố định

Question 92

KTHDC: Một nhà sản xuất cần 2 yếu tố K và L để sản xuất sản phẩm X. Biết người này đã chi ra một khoản tiền là TC=300 để mua 2 yếu tố này với giá tương ứng PK=10; PL=20. Hàm sản xuất được cho bởi: $Q=K^*(L-5)$. Sản lượng tối ưu đạt được:

Select one:

- a. Q=42
- b. Q=58
- c. Q=0
- d. Q=50**

Question 93

KTHDC: Khi năng suất cận biên của lao động lớn hơn năng suất bình quân của lao động thì:

Select one:

- a. Đường tổng sản phẩm có độ dốc âm
- b. Năng suất cận biên của lao động đang giảm
- c. Doanh nghiệp đang có năng suất cận biên giảm dần
- d. Năng suất bình quân của lao động đang tăng**

Question 94

KTHDC: Năng suất cận biên của vốn là:

Select one:

- a. Chênh lệch sản lượng khi sử dụng thêm 1 đơn vị lao động với lượng vốn không đổi
- b. Chênh lệch sản lượng khi sử dụng thêm 1 đơn vị vốn với lượng lao động không đổi**
- c. Tổng sản phẩm chia cho tổng số lao động đang sử dụng với lượng vốn không đổi
- d. Tổng sản phẩm chia cho tổng số vốn đang sử dụng với lượng lao động không đổi

Question 95

KTHDC: Chi phí cố định là:

Select one:

- a. Chi phí tăng lên khi tăng mức sản lượng
- b. Các đáp án còn lại đều sai.
- c. Chi phí không đổi khi tăng hoặc giảm mức sản lượng**
- d. Chi phí giảm đi khi giảm mức sản lượng

Question 96

KTHDC: Chi phí trung bình để sản xuất 100 sản phẩm X là 15, chi phí biên không đổi ở các mức sản lượng là 10. Tại mức sản lượng 100 sản phẩm, chi phí trung bình đang:

Select one:

- a. Giảm dần**
- b. Không xác định được
- c. Tăng dần
- d. Không đổi.

Question 97

KTHDC: Chi phí cơ hội của phương án A là:

Select one:

- a. Lợi ích bị mất đi do chọn phương án A mà không chọn một phương án khác
- b. Lợi ích bị mất đi do không chọn phương án A mà chọn một phương án có lợi nhất khác
- c. Lợi ích bị mất đi do chọn phương án A mà không chọn phương án có lợi nhất khác**
- d. Tất cả các đáp án còn lại đều sai

Question 98

KTHDC: Hàm sản xuất sản phẩm của một doanh nghiệp là: $Q = L^2 + K^2 - K \cdot L$ (Q là sản lượng; L là số lao động; K là số vốn).

Giá các yếu tố đầu vào $PK = 12$; $PL = 10$. Mức sản lượng cần sản xuất $Q_0 = 27.300$.

Tổng chi phí sản xuất tối ưu bằng:

Select one:

a. $TC_{min} = 2.640$

b. $TC_{min} = 3.640$

c. Không có đáp án đúng

d. $TC_{min} = 4.630$

Question 99

KTHDC: Giả sử năng suất trung bình của 7 người công nhân là 14. Nếu năng suất biên của người công nhân thứ 8 là 6 thì năng suất trung bình của 8 công nhân bằng:

Select one:

a. 16

b. 12

c. 14

d. 13

Question 100

KTHDC: Hàm tổng chi phí sản xuất sản phẩm A là: $TC = 100 + 2 \cdot Q + Q \cdot Q$. Hàm chi phí biến đổi (VC) là:

Select one:

a. $(100/Q) + 2 + Q$

b. 100

c. $2 \cdot Q + Q \cdot Q$

d. $2Q + Q$

Question 101

KTHDC: Hàm sản xuất sản phẩm của một doanh nghiệp là: $Q = L^2 + K^2 - K \cdot L$ (Q là sản lượng; L là số lao động; K là số vốn).

Giá các yếu tố đầu vào $PK=20$; $PL=10$. Chi phí sản xuất không đổi $TC=100$.

Sản lượng tối ưu :

Select one:

- a. $Q=13$
- b. $Q=10,71$**
- c. $Q=11,71$
- d. $Q=18,75$

Question 102

KTHDC: Hàm sản xuất $Q = K^2L$ là hàm sản xuất có:

Select one:

- a. Năng suất tăng dần theo quy mô**
- b. Năng suất không đổi theo quy mô
- c. Tất cả các đáp án còn lại đều sai.
- d. Năng suất giảm dần theo quy mô

Question 103

KTHDC: Một doanh nghiệp có công suất thiết kế là 20.000 sản phẩm/năm. Hiện tại doanh nghiệp đang sản xuất ở mức 10.000 sản phẩm/năm. $AVC = 15.000$ đồng/sản phẩm, $FC = 60$ triệu đồng. Giá bán của sản phẩm trên thị trường là 25.000 đồng. Mức sản lượng hòa vốn của doanh nghiệp là:

Select one:

- a. 6.000 sản phẩm**
- b. 7.000 sản phẩm
- c. 5.000 sản phẩm
- d. 8.000 sản phẩm

Question 104

KTHDC: Hàm sản xuất được cho bởi: $Q=K^*(L-5)$. Hàm năng suất biên của các yếu tố K và L là:

Select one:

- a. $MPK = K; MPL = L-5$
- b. $MPK = 2*L-5; MPL = 2*K$
- c. Không có đáp án đúng.
- d. $MPK = L-5; MPL = K$**

Question 105

KTHDC: Đường chi phí trung bình dài hạn LAC là:

Select one:

- a. Tập hợp các phần rất bé của đường AC
- b. Tất cả các đáp án còn lại đều đúng
- c. Đường có chi phí trung bình thấp nhất có thể có ở mỗi mức sản lượng khi doanh nghiệp thay đổi quy mô sản xuất theo ý muốn**
- d. Tập hợp những điểm cực tiểu của các đường chi phí trung bình ngắn hạn AC

Question 106

KTHDC: Hàm tổng chi phí của doanh nghiệp là: $TC = Q*Q + 2*Q + 50$. Hàm chi phí cố định là:

Select one:

- a. $2*Q + 50$
- b. 50**
- c. $Q*Q + 50$
- d. $Q*Q + 2*Q$

Question 107

KTHDC: Các đường đồng lượng tương ứng với các mức sản lượng lớn hơn:

Select one:

- a. Bằng nhau so với gốc tọa độ
- b. Càng xa gốc tọa độ hơn**
- c. Là một đường duy nhất
- d. Càng gần gốc tọa độ hơn

Question 108

KTHDC: Theo nguyên lý thay thế cận biên thì

Select one:

- a. Chi phí cận biên bằng chi phí trung bình ở mức tối thiểu của chi phí trung bình
- b. Nếu hăng không biết đường chi phí cận biên của mình thì có thể thay thế bằng đường chi phí trung bình
- c. Tăng giá một yếu tố dẫn đến hăng thay thế nó bằng các yếu tố khác**
- d. Giảm giá một yếu tố dẫn đến hăng thay thế nó bằng các yếu tố khác

Question 109

KTHDC: Năng suất biên của một yếu tố sản xuất biến đổi là:

Select one:

- a. Sản phẩm tăng thêm trong tổng sản phẩm khi sử dụng thêm 1 đồng chi phí của các YTSX
- b. Sản phẩm tăng thêm trong tổng sản phẩm của các YTSX
- c. Sản phẩm tăng thêm trong tổng sản phẩm khi sử dụng thêm 1 đơn vị YTSX biến đổi, các YTSX còn lại giữ nguyên**
- d. Sản phẩm trung bình tính cho mỗi đơn vị YTSX biến đổi

Question 110

KTHDC: Doanh thu biên là:

Select one:

- a. Doanh thu tăng thêm trong tổng doanh thu khi giá cả sản phẩm thay đổi

- b. Là độ dốc của đường phí
- c. Là độ dốc của đường tổng cầu sản phẩm

d. Doanh thu tăng thêm trong tổng doanh thu khi bán thêm 1 sản phẩm

Question 111

KTHDC: Hàm sản xuất ngắn hạn của một hằng mô tả:

Select one:

- a. Không có đáp án đúng
 - b. Chi phí tối thiểu để sản xuất một lượng đầu ra nhất định
 - c. Sản lượng đầu ra thay đổi như thế nào khi qui mô sản xuất thay đổi và lượng lao động không đổi
- d. Sản lượng đầu ra thay đổi như thế nào khi qui mô sản xuất không đổi và lượng lao động thay đổi**

Question 112

KTHDC: Khi đường năng suất biên của lao động (MPL) nằm cao hơn đường năng suất bình quân của lao động (APL) thì:

Select one:

- a. Đường năng suất biên dốc lên
 - b. Cả 2 đường đều dốc lên
 - c. Đường năng suất bình quân dốc xuống
- d. Đường năng suất bình quân dốc lên**

Question 113

KTHDC: Một nhà sản xuất chi ra khoản tiền TC = 15.000 để mua 2 yếu tố K và L với giá PK = 600, PL = 300. Hàm sản xuất được cho Q = 2*K*(L-2). Phương án sản xuất tối ưu là:

Select one:

- a. Không có đáp án đúng.

b. $K = 10 L = 30$

c. $K = 12 L = 26$

d. $K = 5 L = 40$

Question 114

KTHDC: Nếu $q=1,2,3$ đơn vị sản phẩm; tổng chi phí tương ứng là 2,3,4 nghìn đồng thì MC:

Select one:

a. Giảm dần

b. Bằng 2; 1,5; 1,3 nghìn đồng

c. Tăng dần

d. Không đổi

Question 1

KTHDC: Để tối đa hóa lượng bán mà không bị lỗ, doanh nghiệp độc quyền nên sản xuất theo nguyên tắc:

Select one:

a. $AC = P$

b. $MC = MR$

c. $MC = P$

d. $P = AC_{min}$

Question 2

KTHDC: Một hãng cạnh tranh hoàn hảo có chi phí chi phí biến đổi bình quân $AVC = 3*Q + 6$. Đường cung của hãng là:

Select one:

a. $Ps = 2*Q*Q + 6$

b. $Ps = 3*Q + 6$

c. $Ps = 3*Q*Q + 6$

d. $Ps = 6*Q + 6$

Question 3

KTHDC: Nếu một hãng cạnh tranh hoàn hảo đang sản xuất tại mức sản lượng mà tại đó giá bằng tổng chi phí bình quân thì hãng:

Select one:

a. Nên đóng cửa

b. Đang bị lỗ

c. Vẫn thu được lợi nhuận

d. Đang hòa vốn

Question 4

KTHDC: Điều nào dưới đây không đúng trong trường hợp hãng cạnh tranh hoàn hảo:

Select one:

a. Doanh thu cận biên bằng giá

b. Sự thay đổi tổng doanh thu bằng giá nhân với sự thay đổi lượng bán

c. Giá không đổi khi lượng bán thay đổi

d. Doanh thu cận biên thường nhỏ hơn doanh thu bình quân

Question 5

KTHDC: Nhà độc quyền đối diện với đường cầu dốc xuống, doanh thu cận biên không bao giờ lớn hơn giá vì:

Select one:

a. Nhà độc quyền sẽ là một tập đoàn lớn hơn với chi phí cố định cao hơn

b. Người sản xuất sản phẩm thay thế duy trì giá thấp

c. Nhà độc quyền phải giảm giá bán để bán thêm sản phẩm trong bất kỳ giai đoạn nào

d. Nhà độc quyền phải chấp nhận doanh thu cận biên vì nó được suy ra từ đường cầu thị trường

Question 6

KTHDC: Khi hàng cạnh tranh hoàn hảo đạt được lợi nhuận tối đa trong ngắn hạn:

Select one:

- a. Cả 3 đáp án còn lại đều đúng**
- b. Giá bán bằng chi phí biên trong ngắn hạn
- c. Giá bán lớn hơn chi phí trung bình
- d. Chi phí biên ngắn hạn tăng dần

Question 7

KTHDC: Nhà độc quyền tối đa hóa lợi nhuận bằng cách:

Select one:

- a. Đặt mức giá cao nhất mà thị trường có thể chấp nhận
- b. Đặt mức giá bằng chi phí cận biên
- c. Sản xuất ở mức sản lượng mà tại đó chi phí cận biên bằng giá
- d. Sản xuất ở mức sản lượng mà tại đó chi phí cận biên bằng doanh thu cận biên**

Question 8

KTHDC: Nếu một hàng đối diện với đường cầu hoàn toàn co giãn đối với sản phẩm của hàng đó thì :

Select one:

- a. Hàng sẽ giảm giá để bán được nhiều hàng hóa hơn
- b. Doanh thu cận biên bằng giá sản phẩm**
- c. Hàng sẽ tăng giá để tăng tổng doanh thu
- d. Hàng không phải là người chấp nhận giá

Question 9

KTHDC: Trong thị trường cạnh hoàn hảo, các doanh nghiệp trong trạng thái cân bằng dài hạn khi:

Select one:

- a. $P \geq LAC$
- b. $P = SAC = LAC$
- c. $SMC = LMC = MR = P$**
- d. $MC = MR = P$

Question 10

KTHDC: Khi nhà độc quyền nâng lượng bán từ 6 đến 7 sản phẩm thì giá của sản phẩm bị giảm từ 5 triệu đồng xuống 4 triệu đồng. Doanh thu cận biên của sản phẩm thứ 7 là:

Select one:

- a. 28 triệu
- b. - 28 triệu
- c. 1 triệu
- d. - 2 triệu**

Question 11

KTHDC: Một hằng đóng cửa tạm thời nếu tổng doanh thu không đủ bù đắp:

Select one:

- a. Chi phí biến đổi**
- b. Chi phí sản xuất
- c. Chi phí cố định cộng chi phí biến đổi
- d. Chi phí cố định

Question 12

KTHDC: Hàm chi phí sản xuất cố định trung bình và biến đổi trung bình trong ngắn hạn của DN: $AFC = 200/Q$; $AVC = 20 + Q$. Giá và sản lượng đóng cửa sản xuất của DN là :

Select one:

- a. P = 20; Q = 0**
- b. P = 200; Q = 0
- c. P = 48,284; Q = 14,142
- d. P = 41,937; Q = 15,968

Question 13

KTHDC: Một thị trường cạnh tranh hoàn hảo có hàm cung và hàm cầu như sau: (S) : $Q_s = 0,5P_s - 6$; (D) : $Q_d = 43 - 0,5P_d$. Khi chính phủ áp đặt mức giá $P = 35$, trên thị trường sẽ:

Select one:

- a. Dư thừa 15 sản phẩm
- b. Thiếu hụt 15 sản phẩm
- c. Không có đáp án đúng
- d. Thiếu hụt 14 sản phẩm**

Question 14

KTHDC: Cho hàm chi phí biên của DN trong ngắn hạn: $MC = 8 + 2,4*Q$; Chi phí cố định $FC = 172,8$. Giá và sản lượng hòa vốn của DN là:

Select one:

- a. P = 33,2; Q = 10,5
- b. P = 36,8; Q = 12**
- c. P = 48,284; Q = 14,142
- d. P = 41,937; Q = 15,968

Question 15

KTHDC: Một doanh nghiệp cạnh tranh hoàn hảo đang sản xuất 100 sản phẩm, tổng chi phí cố định là 300, chi phí biên = chi phí trung bình = 15. Tại mức sản lượng trung bình 50, chi phí biên = chi phí biến đổi bình quân = 10. Giá bán sản phẩm trên thị trường là 14. Tại mức sản lượng hiện tại, doanh nghiệp đang:

Select one:

- a. Bị lỗ và phần lỗ bằng tổng chi phí cố định
- b. Bị lỗ và phần lỗ nhỏ hơn tổng chi phí cố định**
- c. Lợi nhuận bằng 0
- d. Bị lỗ và phần lỗ lớn hơn tổng chi phí cố định

Question 16

KTHDC: Một doanh nghiệp cạnh tranh hoàn hảo đang sản xuất 100 sản phẩm, tổng chi phí cố định là 300, chi phí biên = chi phí trung bình = 15. Tại mức sản lượng trung bình 50, chi phí biên = chi phí biến đổi bình quân = 10. Giá bán sản phẩm trên thị trường là 14. Đơn vị sản phẩm thứ 100:

Select one:

- a. Không có tác động đến lợi nhuận hoặc thua lỗ của DN
- b. Tăng thêm lợi nhuận hoặc giảm thua lỗ 4 đơn vị tiền
- c. Tăng thua lỗ 1 đơn vị tiền**
- d. Giảm lỗ 1 đơn vị tiền

Question 17

KTHDC: Một doanh nghiệp cạnh tranh hoàn hảo đang sản xuất 100 sản phẩm, tổng chi phí cố định là 300, chi phí biên = chi phí trung bình = 15. Tại mức sản lượng trung bình 50, chi phí biên = chi phí biến đổi bình quân = 10. Giá bán sản phẩm trên thị trường là 14. Để tối đa hóa lợi nhuận hay tối thiểu hóa thua lỗ, doanh nghiệp phải:

Select one:

- a. Ngừng sản xuất
- b. Giảm sản lượng**
- c. Tiếp tục sản xuất ở mức sản lượng hiện tại
- d. Tăng sản lượng

Question 18

KTHDC: Một hằng chấp nhận giá là hằng :

Select one:

- a. Phải chấp nhận giá đưa ra bởi một nhà độc quyền
- b. Có thể tăng giá nếu giảm sản lượng
- c. Phải giảm giá nếu muốn bán nhiều hàng hóa hơn
- d. Không thể tác động đến giá sản phẩm của hãng**

Question 19

KTHDC: Trong cạnh tranh hoàn hảo, doanh thu bình quân của một hãng bằng :

Select one:

- a. Giá bán**
- b. Tổng doanh thu chia tổng chi phí
- c. Doanh thu nhận được khi thuê thêm một đơn vị lao động
- d. Doanh thu cận biên chia cho giá

Question 20

KTHDC: Một hãng cạnh tranh hoàn hảo quyết định sản lượng tối ưu khi:

Select one:

- a. Chi phí cận biên bằng giá và giá lớn hơn chi phí cố định bình quân tối thiểu
- b. Chi phí biến đổi bình quân tối thiểu
- c. Tổng chi phí bình quân tối thiểu
- d. Chi phí cận biên bằng giá và giá lớn hơn chi phí biến đổi bình quân tối thiểu**

Question 21

KTHDC: Điểm hòa vốn xảy ra ở mức sản lượng mà tại đó:

Select one:

- a. Hàng chịu thua lỗ
- b. Chi phí bình quân nhỏ nhất**
- c. Tổng doanh thu bằng tổng chi phí biến đổi

d. Hàng có lợi nhuận kinh tế

Question 22

KTHDC: Một thị trường độc quyền bán:

Select one:

- a. Chỉ có duy nhất một người mua
- b. Có nhiều sản phẩm thay thế
- c. Chỉ có một hàng sản xuất duy nhất**
- d. Không có rào cản đối với sự gia nhập của các hàng đối thủ

Question 23

KTHDC: Nếu doanh thu cận biên của một hàng cạnh tranh hoàn hảo nhỏ hơn chi phí cận biên, hàng:

Select one:

- a. Nên giảm sản lượng**
- b. Đang bị thua lỗ
- c. Nên tăng sản lượng
- d. Đang có lợi nhuận

Question 24

KTHDC: Đường cung ngắn hạn của doanh nghiệp cạnh tranh hoàn hảo là :

Select one:

- a. Phần đường chi phí biên nằm ở phía trên đường AVC**
- b. Phần đường chi phí biên nằm ở phía trên đường AC
- c. Phần đường chi phí biên nằm ở phía dưới đường AVC
- d. Đường chi phí biên ngắn hạn của doanh nghiệp

Question 25

KTHDC: Cho hàm chi phí biên của DN trong ngắn hạn: $MC = 8 + 2,4*Q$; Chi phí cố định $FC = 172,8$. Giá đóng cửa sản xuất của DN là:

Select one:

- a. 25
- b. 20
- c. 8**
- d. 10

Question 26

KTHDC: Một thị trường cạnh tranh hoàn hảo có hàm cung và hàm cầu như sau: (S) : $Q_s = 0,5P_s - 4$; (D) : $Q_d = 46 - 0,5P_d$. Khi chính phủ áp đặt mức giá $P = 35$, trên thị trường sẽ:

Select one:

- a. Dư thừa 15 sản phẩm
- b. Thiếu hụt 15 sản phẩm**
- c. Không có đáp án đúng
- d. Dư thừa 38 sản phẩm

Question 27

KTHDC: Hàm chi phí sản xuất cố định trung bình và biến đổi trung bình trong ngắn hạn của DN: $AFC = 1000/Q$; $AVC = Q + 20$. Giá và sản lượng hòa vốn của DN là:

Select one:

- a. $P=31,623$; $Q=83,245$
- b. P=83,245; Q=31,623**
- c. $P=41,937$; $Q=15,968$
- d. $P=20$; $Q=0$

Question 28

KTHDC: Một nhà độc quyền sẽ tăng mức giá tối đa hóa lợi nhuận khi:

Select one:

- a. Chi phí biến đổi giảm
- b. Tổng chi phí bình quân giảm
- c. Chi phí cận biên tăng**
- d. Chi phí cố định bình quân tăng

Question 29

KTHDC: Một hãng đóng cửa không sản xuất một đơn vị sản phẩm nào sẽ chịu thua lỗ bằng:

Select one:

- a. Chi phí biến đổi
- b. Chi phí cố định**
- c. Chi phí bình quân
- d. Chi phí cận biên

Question 30

KTHDC: Nếu doanh thu cận biên của một hãng cạnh tranh hoàn hảo lớn hơn chi phí cận biên, hãng:

Select one:

- a. Đang có lợi nhuận
- b. Nên giảm sản lượng
- c. Nên đóng cửa
- d. Nên tăng sản lượng**

Question 31

KTHDC: Điểm đóng cửa sản xuất xảy ra ở điểm

Select one:

- a. Chi phí biến đổi bình quân tối thiểu**

- b. Chi phí cận biên tối thiểu
- c. Tổng chi phí tối thiểu
- d. Chi phí cố định bình quân tối thiểu

Question 32

KTHDC: Khả năng tối đa hóa lợi nhuận bằng việc đặt giá là:

Select one:

- a. Có thể chỉ khi hàng là độc quyền tự nhiên
- b. Có thể chỉ khi hàng giữ một bằng sáng chế về sản phẩm mà hàng bán
- c. Một đặc trưng cơ bản của độc quyền**
- d. Một đặc trưng cơ bản của thị trường cạnh tranh hoàn hảo

Question 33

KTHDC: Doanh thu cận biên của một hàng độc quyền bán là:

Select one:

- a. Sự thay đổi tổng doanh thu khi bán thêm một đơn vị sản phẩm**
- b. Chênh lệch về lợi nhuận mà nhà độc quyền thu được so với lợi nhuận mà một hàng trong ngành cạnh tranh thu được
- c. Giá mà nhà độc quyền đặt cho sản phẩm
- d. Thường lớn hơn giá.

Question 34

KTHDC: Đường cung của hàng độc quyền bán là:

Select one:

- a. Đường chi phí cận biên
- b. Đường chi phí cận biên tính từ điểm tối thiểu của đường chi phí biến đổi trung bình
- c. Không có đáp án đúng**
- d. Đường doanh thu cận biên

Question 35

KTHDC: Trong điều kiện nào dưới đây, một hãng cạnh tranh hoàn hảo sẽ có được lợi nhuận kinh tế :

Select one:

- a. ATC > MR
- b. MR > AVC
- c. **MR > ATC**
- d. ATC > AR

Question 36

KTHDC: Nếu một hãng độc quyền muốn tối đa hóa lợi nhuận thì hãng cần:

Select one:

- a. **Không có đáp án đúng**
- b. Lựa chọn mức sản lượng tại đó chi phí bình quân là nhỏ nhất
- c. Tối đa hóa lợi nhuận đơn vị
- d. Tối đa hóa doanh thu

Question 37

KTHDC: Hàng nên rời bỏ thị trường khi:

Select one:

- a. Giá nhỏ hơn mức tối thiểu của đường chi phí biên đổi trung bình
- b. Giá nhỏ hơn chi phí cận biên
- c. **Không thể thu được doanh thu ít nhất là bằng chi phí biến đổi; và Giá nhỏ hơn mức tối thiểu của đường chi phí biến đổi trung bình**
- d. Không thể thu được doanh thu ít nhất là bằng chi phí biến đổi

Question 38

KTHDC: Đối với một hàng độc quyền tự nhiên, đường tổng chi phí bình quân:

Select one:

- a. Luôn giảm khi hàng tăng sản lượng
- b. Không đổi khi hàng tăng sản lượng
- c. Luôn tăng khi hàng tăng sản lượng
- d. Có thể giảm hoặc tăng khi hàng tăng sản lượng**

Question 39

KTHDC: Một thị trường cạnh tranh hoàn hảo có hàm cung và hàm cầu như sau: (S) : $Q_s = P_s - 8$; (D) : $Q_d = 48 - P_d$. Giá và sản lượng tại điểm cân bằng:

Select one:

- a. $P_e = 41$; $Q_e = 49$
- b. $P_e = 28$; $Q_e = 20$**
- c. $P_e = 49$; $Q_e = 41$
- d. $P_e = 20$; $Q_e = 28$

Question 40

KTHDC: Một thị trường cạnh tranh hoàn hảo có hàm cung và hàm cầu như sau: (S) : $Q_s = 0,5P_s - 6$; (D) : $Q_d = 43 - 0,5P_d$. Khi chính phủ áp đặt mức giá $P = 66$, trên thị trường sẽ:

Select one:

- a. Không có đáp án đúng
- b. Dư thừa 17 sản phẩm**
- c. Dư thừa 12 sản phẩm
- d. Thiếu hụt 17 sản phẩm

Question 41

KTHDC: Cho hàm chi phí sản xuất ngắn hạn của DN: $TC = 172,8 + 8*Q + 1,2*Q^2$.

Giá và sản lượng hòa vốn của DN là:

Select one:

- a. **P = 36,8; Q = 12**
- b. P = 48,284; Q = 14,142
- c. P = 33,2; Q = 10,5
- d. P = 41,937; Q = 15,968

Question 42

KTHDC: Một DN có phương trình đường cung trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo: $Q_s = 0,5*P_s - 5$; FC = 255. Khi giá thị trường là 50, sản lượng và lợi nhuận cực đại của DN là:

Select one:

- a. Q = 40; Lợi nhuận = 600
- b. Q = 20; Lợi nhuận = 145**
- c. Q = 0; Lợi nhuận = -255
- d. Q = 14; Lợi nhuận = - 228

Question 43

KTHDC: Khi $P < AVC_{min}$, doanh nghiệp cạnh tranh hoàn hảo nên quyết định:

Select one:

- a. Sản xuất ở mức sản lượng mà $MC = MR$
- b. Sản xuất tại mức sản lượng có $P = MC$
- c. Ngừng sản xuất**
- d. Sản xuất tại mức sản lượng có AVC_{min}

Question 44

KTHDC: Rào cản gia nhập thị trường bao gồm:

Select one:

- a. Tính kinh tế của qui mô

- b. Bằng phát minh sáng chế
- c. Cả 3 đáp án còn lại đều đúng**
- d. Đặc quyền kinh doanh của chính phủ

Question 45

KTHDC: Một hãng nên đóng cửa sản xuất nếu giá

Select one:

- a. Nhỏ hơn doanh thu bình quân tối thiểu
- b. Lớn hơn chi phí cố định bình quân tối thiểu
- c. Lớn hơn chi phí biến đổi bình quân tối thiểu
- d. Nhỏ hơn chi phí biến đổi bình quân tối thiểu**

Question 46

KTHDC: Đường cung của một hãng cạnh tranh hoàn hảo là:

Select one:

- a. Đường giá
- b. Đường chi phí biến đổi bình quân
- c. Đường chi phí cố định bình quân
- d. Không có đáp án đúng**

Question 47

KTHDC: Nhà độc quyền thường thu lợi nhuận kinh tế dương vì:

Select one:

- a. Khả năng định giá đảm bảo lợi nhuận kinh tế dương
- b. Các rào cản nhập ngặt chặn sự giảm giá**
- c. Họ nhận được trợ cấp của chính phủ
- d. Việc nắm giữ rủi ro độc quyền đảm bảo lợi nhuận kinh tế

Question 48

KTHDC: Một hãng độc quyền có đường cầu $P=15-Q$, có chi phí bình quân ATC = $(1/2)*Q + 3/Q$. Để tối đa hóa lợi nhuận thì hãng sẽ sản xuất tại mức giá và sản lượng:

Select one:

a. $P = 7,5; Q = 7,5$

b. $P = 10; Q = 5$

c. $P = 15; Q = 0$

d. $P = 5; Q = 10$

Question 49

KTHDC: Điều nào dưới đây không xảy ra trong cạnh tranh hoàn hảo:

Select one:

a. Người bán và người mua có thông tin hoàn hảo về giá của sản phẩm trên thị trường

b. Có nhiều người bán

c. Có những cản trở đáng kể đối với việc gia nhập ngành

d. Các hãng trong ngành không có lợi thế so với những hãng mới gia nhập

Question 50

KTHDC: Đối với một nhà độc quyền, sự thay đổi tổng doanh thu do bán thêm một đơn vị sản phẩm:

Select one:

a. Lớn hơn giá sản phẩm

b. Bằng giá sản phẩm

c. Nhỏ hơn giá sản phẩm

d. Lớn hơn chi phí cận biên

Question 51

KTHDC: Điều nào dưới đây không phải là đặc điểm của thị trường cạnh tranh hoàn hảo

Select one:

- a. Có rất nhiều hàng, mỗi hàng bán một phần rất nhỏ sản phẩm trên thị trường
- b. Đường cầu hoàn toàn co giãn đối với mỗi hàng
- c. Đường cầu thị trường dốc xuống**
- d. Sản phẩm khác nhau

Question 52

KTHDC: Trong cạnh tranh hoàn hảo, doanh thu cận biên (MR) của một hàng bằng :

Select one:

- a. Giá bán và Doanh thu bình quân.**
- b. Doanh thu bình quân
- c. Tổng doanh thu
- d. Giá bán

Question 53

KTHDC: Một thị trường cạnh tranh hoàn hảo có hàm cung và hàm cầu như sau: (S) : $Q_s = 0,25P_s - 2$; (D) : $Q_d = 34 - 0,5P_d$. Giá và sản lượng tại điểm cân bằng:

Select one:

- a. $P_e = 49$; $Q_e = 41$
- b. $P_e = 10$; $Q_e = 48$
- c. $P_e = 41$; $Q_e = 49$
- d. $P_e = 48$; $Q_e = 10$**

Question 54

KTHDC: Một thị trường cạnh tranh hoàn hảo có hàm cung và hàm cầu như sau: (S) : $Q_s = 0,25P_s - 2$; (D) : $Q_d = 34 - 0,5P_d$. Khi chính phủ áp đặt mức giá $P = 40$, trên thị trường sẽ:

Select one:

- a. Thiếu hụt 14 sản phẩm

b. Không có đáp án đúng

c. Dư thừa 6 sản phẩm

d. Thiếu hụt 6 sản phẩm

Question 55

KTHDC: Hàm chi phí sản xuất ngắn hạn của DN: $TC = 255 + 10*Q + Q^2$. Giá và sản lượng hòa vốn của DN là:

Select one:

a. P=10; Q=0

b. P=41,937; Q=15,968

c. P=15,968; Q=41,937

d. P=25; Q=7,5

Question 56

KTHDC: Giả sử một hàng đang cân nhắc có nên đóng cửa hay không để tối thiểu hóa thua lỗ. Nếu giá bằng chi phí biến đổi bình quân thì:

Select one:

a. Tổng doanh thu bằng tổng chi phí cố định và thua lỗ bằng tổng chi phí biến đổi

b. Tổng doanh thu bằng tổng chi phí biến đổi và thua lỗ bằng tổng chi phí cố định

c. Tổng chi phí bằng tổng chi phí biến đổi

d. Tổng chi phí biến đổi bằng tổng chi phí cố định

Question 57

KTHDC: Một hàng cạnh tranh hoàn hảo có chi phí cố định $FC = 150$; chi phí biến đổi $VC = (3/2)*Q^2 + 2*Q$. Đường cung của hàng:

Select one:

a. $P_s = 3*Q + 1$

b. $P_s = 2*Q + 1$

c. $P_s = 3*Q + 2$

d. $P_s = 2*Q + 2$

Question 58

KTHDC: Để tối đa hóa lợi nhuận, doanh nghiệp độc quyền nên sản xuất ở mức sản lượng:

Select one:

a. $MC = AR$

b. $P = AC_{min}$

c. $MC = P$

d. $MC = MR$

Question 59

KTHDC: Chọn câu sai trong các câu dưới đây: Trong ngắn hạn doanh nghiệp cạnh tranh hoàn hảo nhất thiết phải đóng cửa khi:

Select one:

a. Phần lỗ lớn hơn chi phí cố định

b. Chi phí biến đổi trung bình tối thiểu lớn hơn giá bán

c. Tổng doanh thu nhỏ hơn tổng chi phí biến đổi

d. Tổng doanh thu nhỏ hơn tổng chi phí

Question 60

KTHDC: Hàm chi phí sản xuất ngắn hạn của DN: $TC = 200 + 20*Q + Q^2$.

Giá và sản lượng hòa vốn của DN là :

Select one:

a. $P=48,284; Q=14,142$

b. $P=41,937; Q=15,968$

c. $P=20; Q=0$

d. $P=15,968; Q=41,937$

Question 61

KTHDC: Khi giá các yếu tố sản xuất của doanh nghiệp cạnh tranh hoàn hảo tăng lên làm chi phí biên tăng lên thì doanh nghiệp sẽ:

Select one:

- a. Giảm giá bán
- b. Giảm sản lượng**
- c. Tăng giá bán
- d. Sản xuất ở mức sản lượng cũ

Question 62

KTHDC: Với một nhà độc quyền bán, điều nào dưới đây là sai:

Select one:

- a. Không có mối quan hệ một – một duy nhất giữa giá và lượng bán
- b. Với bất kỳ mức sản lượng nào lớn hơn 0, $MR = AR$**
- c. Tổng doanh thu đạt cực đại khi $MR = 0$
- d. Đường cầu của ngành là đường cầu của nhà độc quyền

Question 63

KTHDC: Đường cung của một hàng cạnh tranh hoàn hảo là phần dốc lên của:

Select one:

- a. Đường doanh thu cận biên của hàng, tính từ điểm chi phí bình quân trung bình tối thiểu
- b. Đường chi phí cận biên của hàng, tính từ điểm chi phí biến đổi bình quân tối thiểu**
- c. Đường chi phí biến đổi bình quân của hàng, tính từ điểm chi phí biến đổi bình quân tối thiểu
- d. Đường chi phí cận biên của hàng, tính từ điểm chi phí cố định bình quân tối thiểu

Question 64

KTHDC: Hàm chi phí sản xuất ngắn hạn của DN: $TC = 201,6 + 12*Q + 1,4*Q^2$.

Giá đóng cửa sản xuất của DN là:

Select one:

- a. 22
- b. 10
- c. 20
- d. 12**

Question 65

KTHDC: Một thị trường cạnh tranh hoàn hảo có hàm cung và hàm cầu như sau:(S) : $Q_s = P_s - 8$; (D) : $Q_d = 90 - P_d$. Khi chính phủ áp đặt mức giá $P = 30$, trên thị trường sẽ:

Select one:

- a. Thiếu hụt 38 sản phẩm**
- b. Dư thừa 60 sản phẩm
- c. Không có đáp án đúng
- d. Dư thừa 38 sản phẩm

Question 66

KTHDC: Cho hàm chi phí biên của DN trong ngắn hạn: $MC = 10 + 2*Q$; Chi phí cố định $FC = 255$ Giá và sản lượng hòa vốn của DN là:

Select one:

- a. P=41,937; Q=15,968**
- b. P=10; Q=0
- c. P=15,968; Q=41,937
- d. P=25; Q=7,5

Question 67

KTHDC: Đối với một DN trong một ngành cạnh tranh hoàn hảo, thì vấn đề nào dưới đây không thể quyết định được:

Select one:

- a. Số lượng các yếu tố sản xuất
- b. Giá bán sản phẩm**
- c. Số lượng sản phẩm sản xuất
- d. Sản xuất như thế nào

Question 68

KTHDC: Một thị trường cạnh tranh hoàn hảo có hàm cung và hàm cầu như sau: (S) : $Q_s = 0,25P_s - 2$; (D) : $Q_d = 34 - 0,5P_d$. Khi chính phủ áp đặt mức giá $P = 60$, trên thị trường sẽ:

Select one:

- a. Không có đáp án đúng
- b. Dư thừa 9 sản phẩm**
- c. Sản phẩm cân bằng
- d. Dư thừa 12 sản phẩm

Question 69

KTHDC: Hàm chi phí sản xuất cố định trung bình và biến đổi trung bình trong ngắn hạn của DN: $AFC = 201,6/Q$; $AVC = 12 + 1,4*Q$. Giá và sản lượng hòa vốn của DN là :

Select one:

- a. $P = 12$; $Q = 36,8$
- b. $P = 41,937$; $Q = 15,968$
- c. P = 45,6; Q = 12**
- d. $P = 33,2$; $Q = 10,5$

Question 70

KTHDC: Một hằng độc quyền có đường cầu $Q = 2.500 - P$, có hàm chi phí biến đổi bình quân $AVC = 5*Q + 1.000$. Để tối đa hóa lợi nhuận, nhà độc quyền sẽ sản xuất và bán hàng tại mức sản lượng và mức giá là:

Select one:

a. $P = 2157; Q = 343$

b. $P = 2375; Q = 125$

c. $P = 2175; Q = 325$

d. $P = 2357; Q = 143$

Question 71

KTHDC: Một nhà độc quyền sẽ giảm mức giá tối đa hóa lợi nhuận khi:

Select one:

a. Chi phí cố định bình quân giảm

b. Tổng chi phí bình quân giảm

c. Chi phí cố định giảm

d. Chi phí cận biên giảm

Question 72

KTHDC: Một thị trường cạnh tranh hoàn hảo có hàm cung và hàm cầu như sau: (S) : $Q_s = 0,5P_s - 7$; (D) : $Q_d = 43 - 0,5P_d$. Giá và sản lượng tại điểm cân bằng:

Select one:

a. $P_e = 18; Q_e = 50$

b. $P_e = 49; Q_e = 18,5$

c. $P_e = 50; Q_e = 18$

d. $P_e = 18,5; Q_e = 49$

Question 73

KTHDC: Một thị trường cạnh tranh hoàn hảo có hàm cung và hàm cầu như sau: (S) : $Q_s = 0,5P_s - 4$; (D) : $Q_d = 46 - 0,5P_d$. Khi chính phủ áp đặt mức giá $P = 62$, trên thị trường sẽ:

Select one:

- a. Dư thừa 15 sản phẩm
- b. Thiếu hụt 15 sản phẩm
- c. Không có đáp án đúng
- d. Dư thừa 12 sản phẩm**

Question 74

KTHDC: Hàm chi phí sản xuất cố định trung bình và biến đổi trung bình trong ngắn hạn của DN: $AFC = 172,8/Q$; $AVC = 8 + 1,2*Q$. Giá và sản lượng hòa vốn của DN là:

Select one:

- a. $P = 48,284$; $Q = 14,142$
- b. $P = 36,8$; $Q = 12$**
- c. $P = 33,2$; $Q = 10,5$
- d. $P = 41,937$; $Q = 15,968$

Question 75

KTHDC: Một DN có phương trình đường cung trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo: $P_s = 2*Q_s + 10$; $FC = 144$. Khi giá thị trường là 35, sản lượng và lợi nhuận cực đại của DN là:

Select one:

- a. $Q = 0$; Lợi nhuận = -144
- b. $Q = 12,5$; Lợi nhuận = 12,25**
- c. $Q = 15$; Lợi nhuận = 232,5
- d. $Q = 14$; Lợi nhuận = 228

Question 76

KTHDC: Hàm chi phí sản xuất cố định trung bình và biến đổi trung bình trong ngắn hạn của DN: $AFC = 255/Q$; $AVC = 10 + Q$. Giá đóng cửa sản xuất của DN là:

Select one:

- a. 20
- b. 41,9
- c. 10**
- d. 25

Question 77

KTHDC: Hàm chi phí sản xuất ngắn hạn của DN: $TC = 201,6 + 12*Q + 1,4*Q^2$.

Giá và sản lượng hòa vốn của DN là:

Select one:

- a. $P = 12; Q = 36,8$
- b. $P = 33,2; Q = 10,5$
- c. $P = 45,6; Q = 12$**
- d. $P = 41,937; Q = 15,968$

Question 78

KTHDC: Nếu một hãng cạnh tranh hoàn hảo đang có lợi nhuận, khi đó hãng đang sản xuất tại mức sản lượng sao cho:

Select one:

- a. Chi phí cận biên lớn hơn tổng chi phí bình quân**
- b. Chi phí cận biên lớn hơn doanh thu cận biên
- c. Giá lớn hơn chi phí cận biên
- d. Giá lớn hơn doanh thu cận biên

Question 79

KTHDC: Hàm chi phí sản xuất ngắn hạn của DN: $TC = 132,3 + 8*Q + 1,2*Q^2$.

Giá và sản lượng hòa vốn của DN là :

Select one:

- a. $P = 12; Q = 36,8$
- b. $P = 41,937; Q = 15,968$
- c. $P = 48,284; Q = 14,142$
- d. $P = 33,2; Q = 10,5$**

Question 80

KTHDC: Hàm chi phí sản xuất ngắn hạn của DN: $TC = 132,3 + 8*Q + 1,2*Q^2$.

Giá đóng cửa sản xuất của DN là:

Select one:

- a. 20
- b. 8**
- c. 10
- d. 25

Question 81

KTHDC: Hàm chi phí sản xuất ngắn hạn của một DN cạnh tranh hoàn hảo: $AFC = 132,3/Q$; $AVC = 1,2*Q + 8$. Khi giá thị trường là 50, sản lượng và lợi nhuận cực đại của DN là :

Select one:

- a. $Q = 40$; Lợi nhuận = 600
- b. $Q = 17,5$; Lợi nhuận = -235,2
- c. $Q = 0$; Lợi nhuận = -132,3
- d. $Q = 17,5$; Lợi nhuận = 235,2**

Question 82

KTHDC: Một thị trường cạnh tranh hoàn hảo có hàm cung và hàm cầu như sau: (S) : $Q_s = 0,5P_s - 7$; (D) : $Q_d = 43 - 0,5P_d$. Khi chính phủ áp đặt mức giá $P = 66$, trên thị trường sẽ:

Select one:

- a. Thiếu hụt 18 sản phẩm
- b. Dư thừa 17 sản phẩm
- c. Không có đáp án đúng
- d. Dư thừa 16 sản phẩm**

Question 83

KTHDC: Một hãng sẽ gia nhập thị trường bất cứ khi nào:

Select one:

- a. Hàng có thể thu được doanh thu lớn hơn các chi phí biến đổi
- b. Giá lớn hơn mức tối thiểu của đường chi phí biến đổi trung bình
- c. Giá bằng chi phí cận biên
- d. Giá thị trường lớn hơn chi phí trung bình tối thiểu mà hàng có thể sản xuất**

Question 84

KTHDC: Hàm chi phí sản xuất cố định trung bình và biến đổi trung bình trong ngắn hạn của DN: $AFC = 100,86/Q$; $AVC = 1,5*Q + 12$.

Giá đóng cửa sản xuất của DN là:

Select one:

- a. 20
- b. 41,9
- c. 10
- d. 12**

Question 85

KTHDC: Một hãng độc quyền có đường cầu $Q = 54 - (1/2)*P$, có hàm chi phí biến đổi bình quân $AVC = (1/2)*Q + 3$ và có chi phí cố định $FC = 95$. Để tối đa hóa lợi nhuận, nhà độc quyền sẽ sản xuất và bán hàng tại mức sản lượng và mức giá là:

Select one:

a. **P = 66; Q = 21**

b. P = 38; Q = 35

c. P = 35; Q = 38

d. P = 21; Q = 66

Question 86

KTHDC: Một thị trường cạnh tranh hoàn hảo có hàm cung và hàm cầu như sau: (S) : $Q_s = 0,5Ps - 4$; (D) : $Q_d = 36 - 0,5Pd$. Khi chính phủ áp đặt mức giá $P = 35$, trên thị trường sẽ:

Select one:

a. Dư thừa 5 sản phẩm

b. Không có đáp án đúng

c. Dư thừa 4 sản phẩm

d. Thiếu hụt 5 sản phẩm

Question 87

KTHDC: Một hãng độc quyền có đường cầu $Q = 15 - P$, có hàm chi phí bình quân $ATC = (1/2)*Q + 3/Q$. Để tối đa hóa lợi nhuận, nhà độc quyền sẽ sản xuất và bán hàng tại mức sản lượng và mức giá là :

Select one:

a. P = 38; Q = 35

b. P = 10; Q = 5

c. P = 5; Q = 10

d. P = 35; Q = 38

Question 88

KTHDC: Một thị trường cạnh tranh hoàn hảo có hàm cung và hàm cầu như sau: (S) : $Q_s = 0,5P_s - 4$; (D) : $Q_d = 36 - 0,5P_d$. Giá và sản lượng tại điểm cân bằng:

Select one:

a. $P_e = 21$; $Q_e = 50$

b. $P_e = 40$; $Q_e = 16$

c. $P_e = 16$; $Q_e = 40$

d. $P_e = 50$; $Q_e = 21$

Question 89

KTHDC: Cho hàm chi phí biên của DN trong ngắn hạn: $MC = 10 + 2*Q$; Chi phí cố định $FC = 255$ Giá đóng cửa sản xuất của DN là:

Select one:

a. 25

b. 20

c. 41,9

d. 10

Question 90

KTHDC: Một hãng độc quyền có đường cầu $Q = 15 - P$, có hàm chi phí bình quân ATC $= (1/2)*Q + 3/Q$. Để tối đa hóa doanh thu, nhà độc quyền sản xuất và bán sản phẩm tại mức sản lượng và giá là:

Select one:

a. $P = 6,5$; $Q = 6,5$

b. $P = 7,5$; $Q = 7,5$

c. $P = 7,5$; $Q = 6,5$

d. $P = 5,5$; $Q = 5,5$

Question 91

KTHDC: Hàm chi phí sản xuất cố định trung bình và biến đổi trung bình trong ngắn hạn của DN: $AFC = 255/Q$; $AVC = 10 + Q$. Giá và sản lượng hòa vốn của DN là:

Select one:

- a. $P=10; Q=0$
- b. $P=41,937; Q=15,968$**
- c. $P=15,968; Q=41,937$
- d. $P=25; Q=7,5$

Question 92

KTHDC: Cho hàm chi phí sản xuất ngắn hạn của DN: $TC = 172,8 + 8*Q + 1,2*Q^2$.

Giá đóng cửa sản xuất của DN là:

Select one:

- a. 20
- b. 8**
- c. 25
- d. 10

Question 93

KTHDC: Một hãng độc quyền có đường cầu $Q = 2.500 - P$, có hàm chi phí biến đổi bình quân $AVC = 4*Q + 1.000$. Để tối đa hóa lợi nhuận, nhà độc quyền sẽ sản xuất và bán hàng tại mức sản lượng và mức giá là:

Select one:

- a. $P = 2350; Q = 150$**
- b. $P = 2030; Q = 470$
- c. Không có đáp án đúng
- d. $P = 2305; Q = 195$

Question 94

KTHDC: Hàm chi phí sản xuất cố định trung bình và biến đổi trung bình trong ngắn hạn của DN: $AFC = 132,3/Q$; $AVC = 1,2*Q + 8$. Giá và sản lượng hòa vốn của DN là:

Select one:

- a. $P = 20$; $Q = 0$
- b. $P = 33,2$; $Q = 10,5$**
- c. $P = 48,284$; $Q = 14,142$
- d. $P = 10,5$; $Q = 33,2$

Question 95

KTHDC: Hàm chi phí sản xuất cố định trung bình và biến đổi trung bình trong ngắn hạn của DN: $AFC = 200/Q$; $AVC = Q + 20$. Giá và sản lượng đóng cửa sản xuất của DN là :

Select one:

- a. $P = 10,5$; $Q = 0$
- b. $P = 15,968$; $Q = 0$
- c. $P = 20$; $Q = 0$**
- d. $P = 48,284$; $Q = 14,142$

Question 96

KTHDC: Giả sử chi phí biên của một doanh nghiệp cạnh tranh hoàn hảo được cho bởi: $MC = 3 + 2*Q$. Nếu giá thị trường là 9. Mức sản lượng DN sẽ sản xuất:

Select one:

- a. 6
- b. 9
- c. 2
- d. 3**

Question 97

KTHDC: Hàm chi phí sản xuất cố định trung bình và biến đổi trung bình trong ngắn hạn của DN: $AFC = 1000/Q$; $AVC = Q + 20$. Giá và sản lượng đóng cửa sản xuất của DN là:

Select one:

- a. P=83,245; Q=31,623
- b. P=31,623; Q=83,245
- c. P=41,937; Q=15,968
- d. P=20; Q=0**

Question 98

KTHDC: Cho hàm chi phí biên của DN trong ngắn hạn: $MC = 12 + 2,8*Q$; Chi phí cố định $FC = 201,6$. Giá và sản lượng hòa vốn của DN là:

Select one:

- a. P = 45,6; Q = 12**
- b. P = 12; Q = 36,8
- c. P = 33,2; Q = 10,5
- d. P = 41,937; Q = 15,968

Question 99

KTHDC: Hàm chi phí sản xuất ngắn hạn của một DN cạnh tranh hoàn hảo: $AFC = 172,8/Q$; $AVC = 1,2*Q + 8$. Khi giá thị trường là 50, sản lượng và lợi nhuận cực đại của DN là :

Select one:

- a. Q = 17,5; Lợi nhuận = 194,7**
- b. Q = 0; Lợi nhuận = -172,8
- c. Q = 12,5; Lợi nhuận = 126,7
- d. Q = 10; Lợi nhuận = 64,8

Question 100

KTHDC: Cho hàm chi phí biên của DN trong ngắn hạn: $MC = 20 + 2*Q$; Chi phí cố định $FC = 200$. Giá và sản lượng đóng cửa sản xuất của DN là:

Select one:

- a. P = 20; Q = 0**
- b. P = 200; Q = 0
- c. P = 48,284; Q = 14,142
- d. P = 41,937; Q = 15,968

Question 101

KTHDC: Có 10 doanh nghiệp sản xuất sản phẩm X, điều kiện sản xuất như nhau.

Hàm chi phí sản xuất mỗi doanh nghiệp cho bởi: $TC = 0,1*q^2 + 200*q + 200.000$

Hàm số cung của thị trường là:

Select one:

- a. $Q_s = 50P - 10.000$**
- b. $P = 2Q + 200$
- c. $P = 2Q + 2.000$
- d. Không có đáp án đúng

Question 102

KTHDC: Hàm chi phí sản xuất cố định trung bình và biến đổi trung bình trong ngắn hạn của DN: $AFC = 200/Q$; $AVC = 20 + Q$. Giá và sản lượng hòa vốn của DN là :

Select one:

- a. $P=20; Q=0$
- b. $P=15,968; Q=41,937$
- c. $P=41,937; Q=15,968$
- d. $P=48,284; Q=14,142$**

Question 103

KTHDC: Một hãng độc quyền có đường cầu $Q = 54 - (1/2)*P$, có hàm chi phí biến đổi bình quân $AVC = (1/2)*Q + 3$ và có chi phí cố định $FC = 95$. Để tối đa hóa doanh thu, nhà độc quyền sản xuất và bán sản phẩm tại mức sản lượng và giá là:

Select one:

a. P = 52; Q = 29

b. P = 54; Q = 27

c. P = 29; Q = 52

d. P = 27; Q = 54

Question 104

KTHDC: Hàm chi phí sản xuất ngắn hạn của DN: $TC=200+20*Q+Q^2$.

Giá và sản lượng đóng cửa sản xuất của DN là :

Select one:

a. P=20; Q=0

b. P=41,937; Q=15,968

c. P=48,284; Q=14,142

d. P=15,968; Q=41,937

Question 105

KTHDC: Hàm chi phí sản xuất ngắn hạn của DN: $TC = 144 + 10*Q + Q^2$.

Giá và sản lượng hòa vốn của DN là:

Select one:

a. P = 12; Q = 34

b. P = 34; Q = 12

c. P = 15,968; Q = 41,937

d. P = 41,937; Q = 15,968

Question 106

KTHDC: Một hãng độc quyền có đường cầu $Q = 2.500 - P$, có hàm chi phí biến đổi bình quân $AVC = 2*Q + 1.000$. Để tối đa hóa doanh thu, nhà độc quyền sản xuất và bán sản phẩm tại mức sản lượng và giá là:

Select one:

- a. $P = 2020; Q = 480$
- b. $P = 1250; Q = 1.250$**
- c. $P = 2205; Q = 295$
- d. Không có đáp án đúng

Question 107

KTHDC: Chi phí biến đổi bình quân là $AVC = 3 + Q$, tổng chi phí cố định là 3, Nếu giá thị trường là 9. Tổng lợi nhuận cực đại doanh nghiệp thu được là:

Select one:

- a. 6**
- b. 15
- c. 18
- d. 21

Question 108

KTHDC: Một thị trường cạnh tranh hoàn hảo có hàm cung và hàm cầu như sau: (S) : $Q_s = 0,5P_s - 4$; (D) : $Q_d = 36 - 0,5P_d$. Khi chính phủ áp đặt mức giá $P = 62$, trên thị trường sẽ:

Select one:

- a. Dư thừa 15 sản phẩm
- b. Dư thừa 22 sản phẩm**
- c. Thiếu hụt 15 sản phẩm
- d. Không có đáp án đúng

Question 109

KTHDC: Cho hàm chi phí biến của DN trong ngắn hạn: $MC = 20 + 2*Q$; Chi phí cố định $FC = 200$ Giá và sản lượng hòa vốn của DN là:

Select one:

- a. $P=41,937; Q=15,968$

b. $P=15,968$; $Q=41,937$

c. $P=20$; $Q=0$

d. $P=48,284$; $Q=14,142$

Question 110

KTHDC: Một thị trường cạnh tranh hoàn hảo có hàm cung và hàm cầu như sau: (S) : $Q_s = P_s - 8$; (D) : $Q_d = 48 - P_d$. Khi chính phủ áp đặt mức giá $P = 30$, trên thị trường sẽ:

Select one:

a. Sản lượng cân bằng

b. Không có đáp án đúng

c. Dư thừa 4 sản phẩm

d. Dư thừa 4 sản phẩm

Question 1

KTHDC: Chi phí cơ hội của việc giữ tiền là

Select one:

a. Tỷ lệ lạm phát

b. Lãi suất danh nghĩa

c. Tất cả các đáp án đều đúng. Lãi suất thực tế

d. Tiền mặt không được trả lãi

Question 2

KTHDC: Nếu GDP thực tế tăng lên, đường cầu tiền thực tế sẽ dịch chuyển sang

Select one:

a. Phải và lãi suất sẽ tăng lên

b. Trái và lãi suất sẽ giảm đi

c. Phải và lãi suất không thay đổi

d. Trái và lãi suất sẽ tăng lên

Question 3

KTHDC: Sự cắt giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc do ngân hàng trung ương quy định sẽ:

Select one:

- a. Dẫn tới cho vay được ít hơn và cung tiền giảm đi
- b. Dẫn tới mở rộng các khoản tiền gửi và cho vay
- c. Không tác động đến hoạt động của các ngân hàng thương mại
- d. Dẫn tới cho vay được nhiều hơn và dự trữ thực tế của ngân hàng thương mại giảm đi**

Question 4

KTHDC: Ngân hàng trung ương có thể làm thay đổi lượng cung tiền trong nước bằng cách:

Select one:

- a. Mua và bán chứng khoán của Chính phủ
- b. Mua và bán chứng khoán của Chính phủ; Mua và bán ngoại tệ: đều sai
- c. Mua và bán chứng khoán của Chính phủ; Mua và bán ngoại tệ: đều đúng**
- d. Mua và bán ngoại tệ

Question 5

KTHDC: Việc ngân hàng trung ương mua trái phiếu của chính phủ sẽ

Select one:

- a. Là công cụ tốt để chống lạm phát
- b. Làm giảm cho dự trữ của các ngân hàng thương mại giảm
- c. Giảm nguồn tín dụng trong nền kinh tế
- d. Làm tăng dự trữ và do đó mở rộng các khoản tiền cho vay của các ngân hàng thương mại**

Question 6

KTHDC: Khi ngân hàng TW bán công trái cho khu vực tư nhân, sẽ làm:

Select one:

- a. Giảm lãi suất
- b. Tăng mức cung tiền
- c. Một chính sách hạn chế tín dụng sắp được thực hiện
- d. Giảm mức cung tiền**

Question 7

KTHDC: Để tăng lượng tiền mạnh (tiền cơ sở), ngân hàng trung ương sẽ:

Select one:

- a. Tăng lãi suất chiết khấu
- b. Bán trái phiếu Chính phủ trên thị trường mở
- c. tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc
- d. Mua ngoại tệ để duy trì tỷ giá không đổi**

Question 8

KTHDC: Khoản nào dưới đây xuất hiện như là một tài sản nợ trong bảng tổng kết tài sản của ngân hàng thương mại

Select one:

- a. Chứng khoán
- b. Ký gửi của khách hàng**
- c. Dự trữ tiền mặt
- d. Cho khách hàng vay

Question 9

KTHDC: Nếu các ngân hàng thương mại muốn giữ 3% tiền gửi dưới dạng dự trữ, và dân cư muốn giữ tiền mặt bằng 10% so với tiền gửi ngân hàng, thì số nhân tiền sẽ là:

Select one:

a. 10,0

b. 36,7

c. 8,5

d. 11,0

Question 10

KTHDC: Thị trường hàng hóa và thị trường tiền tệ của nền kinh tế có các đại lượng và các hàm số sau: $C=500+0,8Y$; $I=200-40R$; $G=300$. Cầu tiền thực tế $MD=3000-100R$; Tỷ lệ dự trữ thực tế là 20%, tỷ lệ giữ tiền mặt của dân chúng (so với tiền gửi) là 60%, lượng tiền cơ sở là 1000. Mức lãi suất và sản lượng cân bằng là:

Select one:

a. R=10%; Y=3000

b. R=20%; Y=2000

c. R=16%; Y=8000

d. R=20%; Y=5000

Question 11

KTHDC: Giả sử chính phủ muốn kích thích đầu tư nhưng hầu như không thay đổi thu nhập, theo bạn chính phủ cần sử dụng chính sách nào?

Select one:

a. Giảm chi tiêu của chính phủ kèm với chính sách tiền tệ mở rộng

b. Trợ cấp cho đầu tư đi kèm với chính sách tiền tệ mở rộng

c. Giảm thuế đi kèm với chính sách tiền tệ chặt

d. Giảm thuế thu nhập đi kèm với chính sách tài khoá mở rộng

Question 12

KTHDC: Việc Chính phủ cắt giảm thuế sẽ làm

Select one:

a. Dịch chuyển đường LM sang phải

b. Tổng cầu tăng, do đó sản lượng tăng và có sự di chuyển dọc IS

c. Dịch chuyển đường IS sang phải

d. Dịch chuyển đường IS sang trái

Question 13

KTHDC: Sự thay đổi nào dưới đây sẽ làm thay đổi độ dốc của đường IS

Select one:

a. Xu hướng tiết kiệm cận biên

b. Thuế suất

c. Sự nhạy cảm của cầu tiền với lãi suất

d. Sự nhạy cảm của tổng cầu với lãi suất

Question 14

KTHDC: Cho các hàm số : $MD=800+0,5Y-100R$; với R là lãi suất. Tiền cơ sở $H=700$;

Tỷ lệ tiền mặt ngoài ngân hàng so với tiền ký gửi là 80%. Tỷ lệ dự trữ chung là 10%.

Phương trình của đường LM có dạng:

Select one:

a. $r= 6+0,005Y$

b. $r= -6-0,005Y$

c. $r= 6-0,005Y$

d. $r= -6+0,005Y$

Question 15

KTHDC: Cho các hàm số : $C=500+0,75Yd$; $I=500-20R$; $G=450$; $T=0,2Y$; $X=200$;
 $IM=100+0,1Y$ $Md=1000+2Y-200R$; $Ms=4500$ Lãi suất và sản lượng cân bằng chung mới
sẽ là bao nhiêu khi Chính phủ tăng chi tiêu 100 và giảm lượng cung ứng tiền thực 100 ?

Select one:

a. $Y=2842,857$; $R=11,428$

b. $Y=2133,333$; $R=9,167$

c. $Y=2714,286$; $R=9,643$

d. $Y=2533,333$; $R=14,167$

Question 16

KTHDC: Chính sách tiền tệ là một công cụ điều hành kinh tế vĩ mô vì:

Select one:

a. Tiền tệ biểu hiện cho sự giàu có và quyết định mức mua của xã hội

b. Mọi nền kinh tế ngày nay đều là nền kinh tế tiền tệ và tốc độ tăng trưởng kinh tế phụ thuộc vào tốc độ lưu thông tiền tệ

c. Sự thay đổi cung tiền tệ và lãi suất có tác động đến mức giá, tỷ giá hối đoái, mức sản lượng và mức nhân dụng

d. Tiền là một công cụ trao đổi, là phương tiện thanh toán, là thước đo giá trị, và là phương tiện dự trữ giá trị

Question 17

KTHDC: Dưới đây là ba kênh mà ngân hàng trung ương có thể sử dụng để giám cung tiền

Select one:

a. Giảm dự trữ bắt buộc

b. Mua trái phiếu chính phủ

c. Bán trái phiếu chính phủ

d. Giảm lãi suất chiết khấu

Question 18

KTHDC: Với các yếu tố khác không đổi, cầu về tiền thực tế lớn hơn khi

Select one:

a. Mức giá cao hơn

b. Lãi suất cao hơn (ở câu 19 thì là thấp hơn)

c. Lãi suất thấp hơn

d. Chi phí cơ hội của việc giữ tiền thấp hơn và lãi suất thấp hơn

Question 19

KTHDC: Với các yếu tố khác không đổi, cầu về tiền thực tế lớn hơn khi

Select one:

- a. Lãi suất cao hơn
- b. Mức giá cao hơn
- c. Lãi suất thấp hơn** (ở câu 18 thì là cao hơn)
- d. Chi phí cơ hội của việc giữ tiền cao hơn

Question 20

KTHDC: Khi sản lượng giảm xuống trong điều kiện lượng cung tiền cung ứng không đổi, lúc đó:

Select one:

- a. Lãi suất cân bằng không đổi.
- b. Lãi suất cân bằng giảm xuống**
- c. Lãi suất cân bằng tăng lên
- d. Mức cầu về tiền tăng lên

Question 21

KTHDC: Trong điều kiện lý tưởng, số nhân tiền tệ sẽ bằng:

Select one:

- a. Một chia cho xu hướng tiêu dùng biên
- b. Một chia cho xu hướng tiết kiệm biên
- c. Một chia cho tỷ lệ dự trữ**
- d. Một chia cho tỷ lệ cho vay

Question 22

KTHDC: Mô tả nào dưới đây đúng nhất của hoạt động thị trường mở nhằm giảm mức cung tiền:

Select one:

a. **Ngân hàng trung ương bán trái phiếu chính phủ làm giảm dự trữ của các ngân hàng thương mại, làm giảm khả năng cho vay và làm giảm mức cung tiền**

b. Ngân hàng trung ương bán trái phiếu chính phủ làm giảm dự trữ của các ngân hàng thương mại, làm tăng khả năng cho vay và làm giảm mức cung tiền

c. Ngân hàng trung ương bán trái phiếu chính phủ làm giảm dự trữ của các ngân hàng thương mại, làm tăng khả năng cho vay và làm tăng mức cung tiền

d. Ngân hàng trung ương mua trái phiếu chính phủ làm giảm dự trữ của các ngân hàng thương mại, làm tăng khả năng cho vay và làm giảm mức cung tiền

Question 23

KTHDC: Theo công thức số nhân tiền $m = (s+1)/(s+r)$, s là tỷ lệ tiền mặt ngoài ngân hàng so với tiền gửi, s càng tăng sẽ làm cho m càng giảm, điều đó phản ánh:

Select one:

a. Vai trò của ngân hàng trung gian trong nền kinh tế là yếu kém

b. Dân cư ưa chuộng hình thức thanh toán bằng tiền mặt hơn; Vai trò của ngân hàng trung gian trong nền kinh tế là yếu kém: đều sai

c. Dân cư ưa chuộng hình thức thanh toán bằng tiền mặt hơn

d. Dân cư ưa chuộng hình thức thanh toán bằng tiền mặt hơn; Vai trò của ngân hàng trung gian trong nền kinh tế là yếu kém: đều đúng

Question 24

KTHDC: Nếu ngân hàng trung ương giảm mức cung tiền và chính phủ muốn duy trì tổng cầu ở mức ban đầu, chính phủ cần:

Select one:

a. Giảm chi tiêu của chính phủ

b. Tăng thuế

c. Yêu cầu ngân hàng trung ương bán trái phiếu trên thị trường mở

d. Giảm thuế

Question 25

KTHDC: Giả sử tiền mặt so với tiền gửi là 0,2 và tỷ lệ dự trữ so với tiền gửi là 0,1 Nếu muốn tăng cung tiền 1 tỷ đồng thông qua hoạt động của thị trường mở, ngân hàng trung ương phải

Select one:

- a. Bán 250 triệu trái phiếu chính phủ
- b. Mua 167 triệu trái phiếu chính phủ
- c. Mua 250 triệu trái phiếu chính phủ**
- d. Bán 167 triệu trái phiếu chính phủ

Question 26

KTHDC: Thị trường tiền tệ cho tỷ lệ dự trữ thực tế là 10%, tỷ lệ giữ tiền mặt của dân chúng (so với tiền gửi) là 40%, lượng tiền cơ sở là 1000. Giả sử cầu về tiền không phụ thuộc vào thu nhập và có hàm cầu tiền thực tế là $MD=3800-100R$. Thị trường hàng hóa có ; $C=100+0,6Y$; $I=500-40R$; $G=400$. Sản lượng và lãi suất cân bằng là:

Select one:

- a. $Y=2200$; $R=3\%$
- b. $Y=3500$; $R=10\%$**
- c. $Y=2100$; $R=4\%$
- d. $Y=1500$; $R=11\%$

Question 27

KTHDC: Trong mô hình IS-LM, chính sách tài khoá mở rộng được thể hiện bằng

Select one:

- a. Sự dịch chuyển sang phải của đường IS**
- b. Sự dịch chuyển sang phải của đường LM
- c. Sự dịch chuyển sang trái của đường LM
- d. Sự dịch chuyển sang trái của đường IS

Question 28

KTHDC: Giả sử nền kinh tế đang nằm phía trên bên trái đường LM:

Select one:

- a. Lãi suất sẽ giảm vì có sự dư cầu về tiền
- b. Lãi suất sẽ tăng vì có sự dư cung về tiền**
- c. Lãi suất sẽ giảm vì có sự dư cung về tiền
- d. Lãi suất sẽ tăng vì có sự cầu về tiền

Question 29

KTHDC: Thị trường hàng hóa có: $C=200+0,75Yd$; $I=100-100R$; $G=580$; $T=40+0,2Y$; $X=350$; $IM=200+0,1Y$. Phương trình đường IS có dạng:

Select one:

- a. $Y= 2000-160R$
- b. $Y= 1000-100R$
- c. $Y= 1000-160R$
- d. $Y= 2000-200R$**

Question 30

KTHDC: Cho các hàm số : $C=100+0,7Yd$; $I=500-20R$; $G=200$; $T=20$; $X=100$; $IM=0,1Y$ $Md=1000+2Y-100R$; $Ms=4000$. Lãi suất và sản lượng cân bằng chung:

Select one:

- a. $Y=1857,5; R=7,15$**
- b. $Y=1732,5; R=4,65$
- c. $Y=1200; R=10$
- d. $Y=1643,3; R=6,4$

Question 31

KTHDC: Kết quả cuối cùng của sự thay đổi chính sách của chính phủ là tiêu dùng tăng, lãi suất tăng và tiêu dùng tăng, đầu tư giảm. Đó là kết quả của việc áp dụng:

Select one:

- a. Chính sách tài khoá chặt
- b. Chính sách tiền tệ mở rộng
- c. Chính sách tiền tệ chặt
- d. Chính sách tài khoá mở rộng**

Question 32

KTHDC: Tiên là:

Select one:

- a. Một phương tiện được thừa nhận chung để thực hiện các thanh toán và trao đổi**
- b. Các khoản tiền gửi có thẻ viết Séc
- c. Những đồng tiền giấy trong tay công chúng, các khoản tiền gửi có thẻ viết séc tại các ngân hàng thương mại
- d. Những đồng tiền giấy trong tay công chúng

Question 33

KTHDC: Khi ngân hàng trung ương tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc sẽ:

Select one:

- a. Dẫn tới việc gia tăng các khoản tiền gửi và cho vay của ngân hàng thương mại
- b. Không tác động đến hoạt động của các ngân hàng thương mại
- c. Dẫn tới việc ngân hàng thương mại cho vay ít hơn và dự trữ tiền mặt giảm xuống
- d. Dẫn tới việc ngân hàng thương mại cho vay ít hơn và dự trữ tiền mặt nhiều hơn**

Question 34

KTHDC: Tác động ban đầu của Chính sách tài khoá mở rộng là làm sản lượng thực tăng, sau đó cầu tiền tệ sẽ:

Select one:

- a. Chưa kết luận được
- b. Giảm và lãi suất tăng

c. Tăng và lãi suất tăng

- d. Tăng và lãi suất giảm

Question 35

KTHDC: Khi cung tiền tệ tăng, nếu các yếu tố khác không đổi, sẽ làm:

Select one:

- a. Lãi suất tăng, do đó đầu tư tăng
- b. Lãi suất giảm, do đó đầu tư tăng**
- c. Lãi suất tăng, do đó đầu tư giảm
- d. Lãi suất giảm, do đó đầu tư giảm

Question 36

KTHDC: Giả sử tỷ lệ dự trữ bắt buộc là 10%, dự trữ tùy ý là 5%, tỷ lệ tiền mặt ngoài ngân hàng so với tiền gửi ở ngân hàng là 40%. Số nhân tiền tệ trong trường hợp này là:

Select one:

- a. 3,4
- b. 2,545**
- c. 2
- d. 2,4

Question 37

KTHDC: Thị trường hàng hóa và thị trường tiền tệ của nền kinh tế có các đại lượng và các hàm số sau: $C=400+0,75Y$; $I=300-50R$; $G=300$. Cầu và cung tiền thực tế $MD=500+2Y-100R$; $MS=1250$; Khi Chính phủ tăng chi tiêu là 100, để giữ cho đầu tư tư nhân không đổi, thì ngân hàng trung ương phải thay đổi mức cung tiền một lượng là:

Select one:

- a. 3300

b. 1000

c. 1600

d. 800

Question 38

KTHDC: Đường thể hiện sự phối hợp giữa GDP thực tế và lãi suất mà tại đó cầu tiền bằng với cung tiền được gọi là:

Select one:

a. Đường cầu về đầu tư

b. Đường IS

c. Đường LM

d. Đường cầu về tiền

Question 39

KTHDC: Cho các hàm số : $C=500+0,75Yd$; $I=500-20R$; $G=200$; Phương trình của đường IS có dạng:

Select one:

a. $Y=1200-20R$

b. $Y=1200+20R$

c. $Y=4800+80R$

d. $Y=4800-80R$

Question 40

KTHDC: Cho các hàm số : $C=500+0,75Yd$; $I=500-20R$; $G=450$; $T=0,2Y$; $X=200$; $IM=100+0,1Y$ $Md=1000+2Y-200R$; Tiền cơ sở $H=1000$. Tỷ lệ tiền mặt ngoài ngân hàng so với tiền ký gửi là 60%. Tỷ lệ dự trữ chung là 20%. Lãi suất và sản lượng cân bằng chung:

Select one:

a. $Y=2585,714$; $R=7,857$

b. Y=2557,143; R=8,5714

c. Y=2357,143; R=18,571

d. Y=2871,429; R=10,714

Question 41

KTHDC: Điểm cân bằng trên thị trường tiền tệ thay đổi là do:

Select one:

a. Sự cạnh tranh giữa các ngân hàng trung gian

b. Sản lượng quốc gia thay đổi

c. Ngân hàng trung ương thay đổi lượng cung tiền cung ứng cho nền kinh tế

d. Các câu còn lại đều đúng

Question 42

KTHDC: Chức năng của ngân hàng trung gian là:

Select one:

a. Kích thích người vay tiền vay nhiều hơn

b. Kích thích người dân gửi tiền tiết kiệm nhiều hơn

c. Kinh doanh tiền tệ và đầu tư

d. Huy động tiền gửi tiết kiệm của dân cư và cho vay

Question 43

KTHDC: Hoạt động thị trường mở.

Select one:

a. Có thể làm thay đổi lượng tiền gửi ở các ngân hàng thương mại, nhưng không làm thay đổi lượng cung tiền

b. Liên quan đến ngân hàng trung ương cho các ngân hàng thương mại vay tiền

c. Liên quan đến việc ngân hàng trung ương mua bán trái phiếu chính phủ

d. Liên quan đến việc ngân hàng trung ương mua bán trái phiếu của công ty

Question 44

KTHDC: Nếu tất cả các ngân hàng thương mại đều không cho vay số tiền huy động được, thì số nhân tiền sẽ là:

Select one:

- a. 0,0
- b. 1,0**
- c. 100,0
- d. 10,0

Question 45

KTHDC: Cho bảng số liệu sau:

Tỷ lệ tiền mặt ngoài hệ thống ngân hàng (s): 0,3

Tỷ lệ dự trữ thực tế (r): 0.12

Tiền cơ sở H: 125

Vậy mức cung tiền là:

Select one:

- a. 300
- b. 440
- c. 387**
- d. 280

Question 46

KTHDC: Thị trường tiền tệ cho tỷ lệ dự trữ thực tế là 10%, tỷ lệ giữ tiền mặt của dân chúng (so với tiền gửi) là 40%, lượng tiền cơ sở là 1000. Giả sử cầu về tiền không phụ thuộc vào thu nhập và có hàm cầu tiền thực tế là $MD=4000-100R$. Thị trường hàng hóa có ; $C=100+0,6Y$; $I=500-40R$; $G=400$. Sản lượng và lãi suất cân bằng là:

Select one:

- a. Y=550; R=12%**

- b. $Y=200$; $R=12\%$
- c. $Y=800$; $R=11\%$
- d. $Y=800$; $R=10\%$

Question 47

KTHDC: Nếu sự gia tăng chi tiêu của Chính phủ về hàng hóa dịch vụ là 10 tỷ dẫn đến đường IS dịch chuyển 40 tỷ, có thể kết luận số nhân là:

Select one:

- a. 10
- b. 0,25
- c. 4**
- d. 40

Question 48

KTHDC: Giả sử hàm số cầu về tiền thực tế là $MD=800+0,5Y-100R$; với R là lãi suất. Tiền cơ sở $H=700$; Tỷ lệ tiền mặt ngoài ngân hàng so với tiền ký gửi là 80%, tỷ lệ dự trữ chung là 10%. Phương trình của đường LM có dạng:

Select one:

- a. $r=+6+0,005Y$
- b. $r=+6-0,005Y$
- c. $r=-6+0,005Y$**
- d. $r=-6-0,005Y$

Question 49

KTHDC: Việc ngân hàng trung ương tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc sẽ dẫn tới: _____ |

Select one:

- a. Dự trữ của các ngân hàng thương mại tăng và do đó lượng cho vay của các ngân hàng thương mại giảm**

- b. Dự trữ của các ngân hàng thương mại tăng và các ngân hàng thương mại cho vay nhiều hơn
- c. Không tác động đến hoạt động của các ngân hàng thương mại.
- d. Sự gia tăng các khoản tiền gửi vào và cho vay của các ngân hàng thương mại

Question 50

KTHDC: Giá trị số nhân tiền tăng khi :

Select one:

- a. Khi các ngân hàng cho vay nhiều hơn và dự trữ ít hơn**
- b. Khi các ngân hàng cho vay ít hơn và dự trữ nhiều lên
- c. Khi lãi suất chiết khấu giảm
- d. Khi tỷ lệ dự trữ bắt buộc tăng

Question 51

KTHDC: Tác động của tăng cung tiền thực tế là:

Select one:

- a. Lãi suất giảm, đầu tư giảm
- b. Lãi suất giảm, đầu tư tăng**
- c. Lãi suất không đổi
- d. Lãi suất tăng, đầu tư giảm

Question 52

KTHDC: Nhân tố nào sau đây không ảnh hưởng xác định đến vị trí của đường cung tiền thực tế

Select one:

- a. Mức giá
- b. Quyết định cho vay của các ngân hàng thương mại
- c. Quyết định chính sách của ngân hàng trung ương

d. Lãi suất

Question 53

KTHDC: Khi các yếu tố khác không đổi, mức giá tăng lên gấp hai lần có nghĩa là:

Select one:

- a. Cung tiền thực tế tăng gấp đôi
- b. Cung tiền danh nghĩa tăng gấp đôi**
- c. Cầu tiền danh nghĩa tăng gấp đôi
- d. Cầu tiền thực tế tăng gấp đôi

Question 54

KTHDC: Giả sử cầu về tiền ở một mức sản lượng $MD=450-20R$; R là lãi suất. Lượng tiền cơ sở là 200, số nhân tiền tệ là 2. Vậy lãi suất cân bằng trên thị trường tiền tệ là:

Select one:

- a. 2,5%**
- b. 3%
- c. 2%
- d. 1,5%

Question 55

KTHDC: Thị trường tiền tệ cho tỷ lệ dự trữ thực tế là 10%, tỷ lệ giữ tiền mặt của dân chúng (so với tiền gửi) là 40%, lượng tiền cơ sở là 1000. Giả sử cầu về tiền không phụ thuộc vào thu nhập và có hàm cầu tiền thực tế là $MD/P=2500-100i$. Mức giá là 2. Sau đó, nếu tỷ lệ giữ tiền mặt của dân chúng giảm 15%, để lượng cung tiền không thay đổi, lượng tiền cơ sở phải thay đổi một lượng là:

Select one:

- a. Giảm 216**
- b. Tăng 784
- c. Tăng 216

d. Giảm 608

Question 56

KTHDC: Trong mô hình IS-LM, nếu sản lượng cao hơn sản lượng tiềm năng thì chính phủ nên áp dụng:

Select one:

- a. Chính sách tài khóa thu hẹp; tiền tệ mở rộng
- b. Chính sách tài khóa mở rộng; tiền tệ mở rộng
- c. Chính sách tài khóa mở rộng; tiền thắt chặt
- d. Chính sách tài khóa thu hẹp; tiền tệ thắt chặt**

Question 57

KTHDC: Giả sử nền kinh tế có số nhân là 4, nếu đầu tư tăng là 8 tỷ, đường IS sẽ dịch chuyển sang phải với khoảng cách là:

Select one:

- a. 32 tỷ**
- b. Các câu đều sai
- c. Lớn hơn 32 tỷ
- d. Nhỏ hơn 32 tỷ

Question 58

KTHDC: Tác động lẩn át đầu tư của Chính sách tài khóa (mô hình IS-LM) nghĩa là:

Select one:

- a. Giảm chi tiêu của chính phủ làm tăng lãi suất, dẫn đến giảm đầu tư
- b. Tăng chi tiêu của chính phủ làm giảm lãi suất, dẫn đến tăng đầu tư
- c. Tăng chi tiêu của chính phủ làm tăng lãi suất, dẫn đến giảm đầu tư**
- d. Giảm chi tiêu của chính phủ làm giảm lãi suất, dẫn đến tăng đầu tư

Question 59

KTHDC: Cho các hàm số : $C=100+0,75Yd$; $I=500-20R$; $G=200$; $T=20+0,2Y$; $X=100$; $IM=0,1Y$ $Md=500+Y-100R$; $Ms=1000$. Lãi suất và sản lượng cân bằng chung:

Select one:

- a. $Y=1810$; $R=8,1$
- b. $Y=1732,5$; $R=4,65$
- c. $Y=1643,3$; $R=6,4$
- d. $Y=1407,1$; $R=9,07$**

Question 60

KTHDC: Cân bằng thị trường tiền tệ xuất hiện khi

Select one:

- a. Cung tiền bằng với cầu tiền**
- b. Lãi suất không thay đổi
- c. Tỷ giá hối đoái cố định
- d. GDP thực tế không thay đổi

Question 61

KTHDC: Nếu các yếu tố khác không đổi, cung tiền tệ giảm xuống thì:

Select one:

- a. Không câu nào đúng
- b. Lãi suất sẽ tăng, do đó đầu tư giảm**
- c. Lãi suất sẽ giảm, do đó đầu tư giảm
- d. Lãi suất sẽ giảm, do đó đầu tư tăng

Question 62

KTHDC: Một ngân hàng có thể tạo ra tiền bằng cách

Select one:

a. Bán chứng khoán của nó

b. Phát hành nhiều séc

c. Tăng mức dự trữ

d. Cho vay khoản dự trữ thừa

Question 63

KTHDC: Số nhân tiền tệ được định nghĩa là:

Select one:

a. Hệ số phản ánh sự thay đổi trong lượng cầu tiền khi thay đổi một đơn vị tiền cơ sở

b. Hệ số phản ánh lượng thay đổi trong mức cung tiền khi thay đổi một đơn vị tiền cơ sở

c. Hệ số phản ánh sự thay đổi trong sản lượng khi thay đổi một đơn vị tiền cơ sở

d. Hệ số phản ánh sự thay đổi trong sản lượng khi thay đổi một đơn vị trong tổng cầu

Question 64

KTHDC: Ngân hàng trung ương mua 100 tỷ đồng chứng khoán và giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc thì:

Select one:

a. Lượng tiền mạnh tăng 100 tỷ đồng

b. Lượng cung tiền giảm

c. Lượng cung tiền tăng

d. Lượng tiền mạnh tăng 100 tỷ đồng và Lượng cung tiền tăng

Question 65

KTHDC: Giả sử tỷ lệ dự trữ bắt buộc là 10%, dự trữ tùy ý là 10%, tỷ lệ tiền mặt ngoài ngân hàng so với tiền gửi ở ngân hàng là 60%. Số nhân tiền tệ trong trường hợp này là:

Select one:

a. 2

b. 4

c. 5

d. 3

Question 66

KTHDC: Thị trường tiền tệ cho tỷ lệ dự trữ thực tế là 10%, tỷ lệ giữ tiền mặt của dân chúng (so với tiền gửi) là 40%, lượng tiền cơ sở là 500. Giả sử cầu về tiền không phụ thuộc vào thu nhập và có hàm cầu tiền thực tế là $MD=2500-100R$. Thị trường hàng hóa có ; $C=100+0,6Y$; $I=500-40R$; $G=400$. Sản lượng và lãi suất cân bằng là:

Select one:

a. $Y=1500$; $R=10\%$

b. $Y=1400$; $R=11\%$

c. $Y=2100$; $R=4\%$

d. $Y=2800$; $R=11\%$

Question 67

KTHDC: Trong mô hình IS-LM, chính phủ áp dụng chính sách tài khóa thu mở rộng và chính sách tiền tệ thu hẹp. Lúc này:

Select one:

a. Lãi suất chắc chắn sẽ tăng

b. Sản lượng chắc chắn sẽ tăng

c. Sản lượng chắc chắn sẽ tăng; và Lãi suất chắc chắn sẽ tăng: đều đúng

d. Sản lượng chắc chắn sẽ tăng; và Lãi suất chắc chắn sẽ tăng: đều sai

Question 68

KTHDC: Khi công chúng quyết định chuyển một phần thanh toán bằng tiền mặt sang sử dụng séc cá nhân sẽ có sự:

Select one:

a. Dịch chuyển đường LM sang trái

b. Di chuyển trên đường LM

c. Di chuyển cả đường IS và LM

d. Dịch chuyển đường LM sang phải

Question 69

KTHDC: Cho các hàm số : $C=100+0,75Yd$; $I=100+0,2Y-10R$; $G=580$; $T=40+0,2Y$; $X=350$; $IM=200+0,05Y$ Phương trình đường tổng cầu là:

Select one:

a. **AD=900+0,75Y-10R**

b. $AD=1060+0,6Yd-10R$

c. $AD=1000+0,75Y-10R$

d. $AD=900+0,675Y-10R$

Question 70

KTHDC: Cho các hàm số : $C=100+0,8Yd$; $I=240+0,16Y-80R$; $G=500$; $T=50+0,2Y$; $X=210$; $IM=50+0,2Y$; $MD=800+0,5Y-100R$; $H=700$ Tỷ lệ tiền mặt ngoài ngân hàng so với tiền ký gửi là 80%. Tỷ lệ dự trữ chung là 10%. Lãi suất và sản lượng cân bằng chung:

Select one:

a. **Y=1800; R=3**

b. $Y=3600; R=3$

c. $Y=1800; R=4$

d. $Y=1800; R=5$

Question 71

KTHDC: Giả sử lượng cung ứng tiền cho nền kinh tế là 1400, tiền cơ sở là 700, tỷ lệ tiền mặt ngoài ngân hàng so với tiền ký gửi ngân hàng là 80%, dự trữ tùy ý là 5%. Vậy dự trữ bắt buộc sẽ là:

Select one:

a. 10%

b. 5%

- c. 2%
- d. 3%

Question 72

KTHDC: Thị trường hàng hóa và thị trường tiền tệ của nền kinh tế có các đại lượng và các hàm số sau: $C=400+0,75Y$; $I=300-50R$; $G=300$. Cầu và cung tiền thực tế $MD=500+2Y-100R$; $MS=1250$; Mức lãi suất và sản lượng cân bằng là:

Select one:

- a. $R=20\%$; $Y=2000$
- b. $R=16\%$; $Y=1800$
- c. $R=12\%$; $Y=1600$**
- d. $R=7\%$; $Y=2600$

Question 73

KTHDC: Thị trường hàng hóa có: $C=200+0,75Y_d$; $I=300-80R$; $G=500$; $T=100+0,2Y$; $X=200$; $IM=50+0,1Y$. Phương trình đường IS có dạng:

Select one:

- a. $Y= 1920-160R$
- b. $Y= 2050-160R$
- c. $Y= 2150-160R$**
- d. $Y= 1075-200R$

Question 74

KTHDC: Cho các hàm số : $C=50+0,7Y_d$; $I=500-20R$; $G=200$; $T=100$; $X=100$; $IM=100+0,1Y$ $M_d=1000+2,5Y-200R$; $M_s=2000$. Lãi suất và sản lượng cân bằng chung:

Select one:

- a. $Y=3600$; $R=3$
- b. $Y=1200$; $R=10$**
- c. $Y=1800$; $R=3$

d. $Y=2133,33$; $R=9,17$

Question 75

KTHDC: Các công cụ chính làm thay đổi lượng cung tiền của NHTW là:

Select one:

- a. Tỷ lệ dự trữ bắt buộc, hạn chế việc chi tiêu của chính phủ, lãi suất chiết khấu
- b. Tỷ lệ dự trữ bắt buộc, hạn chế việc chi tiêu của Chính phủ, lãi suất chiết khấu, hoạt động thị trường mở (mua bán chứng khoán): đều đúng
- c. Tỷ lệ dự trữ bắt buộc, hạn chế việc chi tiêu của Chính phủ, lãi suất chiết khấu, hoạt động thị trường mở (mua bán chứng khoán): đều sai
- d. Tỷ lệ dự trữ bắt buộc, lãi suất chiết khấu, hoạt động thị trường mở (mua bán chứng khoán)**

Question 76

KTHDC: Nếu lãi suất tăng lên sẽ dẫn đến giá chứng khoán trên thị trường:

Select one:

- a. Tăng lên
- b. Không thay đổi
- c. Không đủ thông tin để kết luận
- d. Giảm xuống**

Question 77

KTHDC: Đường IS cho biết:

Select one:

- a. Các câu đều đúng
- b. Mọi điểm thuộc đường IS được xác định trong điều kiện thị trường sản phẩm cân bằng**
- c. Sản lượng càng tăng ảnh hưởng đến lãi suất càng giảm
- d. Lãi suất được xác định trong điều kiện thị trường tiền tệ cân bằng

Question 78

KTHDC: Cho các hàm số : $C=200+0,8Yd$; $I=240+0,16Y-80R$; $G=500$; $T=50+0,2Y$; $X=210$; $IM=50+0,2Y$. Phương trình đường tổng cầu là:

Select one:

- a. $AD=1100+0,6Yd-80R$
- b. $AD=1060+0,6Y-80R$**
- c. $AD=1000+0,6Y-80R$
- d. $AD=1100+0,64Y-80R$

Question 79

KTHDC: Cho các hàm số : $C=500+0,75Yd$; $I=500-20R$; $G=450$; $T=0,2Y$; $X=200$; $IM=100+0,1Y$ $Md=1000+2Y-200R$; $Ms=4500$ Lãi suất và sản lượng cân bằng chung mới sẽ là bao nhiêu khi Chính phủ giảm chi tiêu 100 và giảm lượng cung ứng tiền thực 100 ?

Select one:

- a. $Y=2842,857$; $R=11,428$
- b. $Y=2533,333$; $R=14,167$
- c. $Y=2557,143$; $R=8,5714$**
- d. $Y=2714,286$; $R=9,643$

Question 80

KTHDC: Nhân tố nào sau đây không gây ảnh hưởng tới lượng tiền cơ sở

Select one:

- a. Ngân hàng trung ương mua trái phiếu chính phủ của một ngân hàng thương mại
- b. Ngân hàng trung ương mua trái phiếu chính phủ từ công chúng
- c. Ngân hàng trung ương bán trái phiếu chính phủ ra công chúng
- d. Một ngân hàng thương mại chuyển số tiền mặt nằm trong két của họ vào tài khoản tiền gửi tại ngân hàng trung ương**

Question 81

KTHDC: Hàm số cầu về tiền phụ thuộc vào:

Select one:

- a. Lãi suất và sản lượng**
- b. Nhu cầu thanh toán
- c. Chỉ có lãi suất
- d. Chỉ có sản lượng

Question 82

KTHDC: Trong hàm số $I=I_0+mpi.Y-n.i$; trong đó i là lãi suất, còn hệ số n phản ánh:

Select one:

- a. Lượng tăng thêm của đầu tư khi lãi suất tăng thêm 1 %
- b. Lượng giảm bớt của lãi suất khi đầu tư tăng thêm 1 đơn vị
- c. Lượng giảm bớt của đầu tư khi lãi suất tăng thêm 1 %**
- d. Các đáp án đều sai.

Question 83

KTHDC: Cho bảng số liệu sau: Tỷ lệ tiền mặt ngoài hệ thống ngân hàng (s): 0,3

Tỷ lệ dữ trữ thực tế (r): 0,12

Tiền cơ sở H 125

Vậy số nhân tiền là:

Select one:

- a. 4,2
- b. 3,1**
- c. 8,0
- d. 2,4

Question 84

KTHDC: Thị trường hàng hóa và thị trường tiền tệ của nền kinh tế có các đại lượng và các hàm số sau: $C=400+0,75Y$; $I=300-50R$; $G=300$. Cầu và cung tiền thực tế $MD=500+2Y-100R$; $MS=1250$; Sau đó, Chính phủ tăng chi tiêu là 100, làm thay đổi lãi suất và đầu tư tư nhân:

Select one:

- a. Lãi suất tăng 1%; đầu tư giảm 50
- b. Lãi suất tăng 2%; đầu tư giảm 100
- c. Lãi suất giảm 1%; đầu tư tăng 50
- d. Lãi suất giảm 2%; đầu tư tăng 100**

Question 85

KTHDC: Một sự gia tăng của nhập khẩu tự định sẽ gây ra

Select one:

- a. Dịch chuyển đường LM sang phải
- b. Dịch chuyển đường IS sang trái**
- c. Dịch chuyển đường IS sang phải
- d. Dịch chuyển đường LM sang trái

Question 86

KTHDC: Thị trường hàng hóa có: $C=100+0,8Yd$; $I=240-80R$; $G=500$; $T=50+0,2Y$; $X=210$; $IM=50+0,14Y$. Phương trình đường IS có dạng

Select one:

- a. $Y= -960-160R$
- b. $Y= 1920-160R$**
- c. $Y= -1920+160R$
- d. $Y= 960-160R$

Question 87

KTHDC: Cho các hàm số : $C=500+0,75Yd$; $I=500-20R$; $G=450$; $T=0,2Y$; $X=200$;
 $IM=100+0,1Y$ $Md=1000+2Y-200R$; $Ms=4500$ Lãi suất và sản lượng cân bằng chung mới
sẽ là bao nhiêu khi Chính phủ giảm chi tiêu 100 và tăng lượng cung ứng tiền thực 100 ?

Select one:

a. $Y=2842,857$; $R=11,428$

b. $Y=2714,286$; $R=9,643$

c. **$Y=2585,714$; $R=7,857$**

d. $Y=2557,143$; $R=8,5714$

Question 88

KTHDC: Số nhân tiền tăng khi

Select one:

a. Các ngân hàng thương mại cho vay được nhiều hơn và dự trữ ít hơn

b. Tỷ lệ tiền mặt ngoài ngân hàng giảm.

c. Tỷ lệ dự trữ bắt buộc giảm

d. Các đáp án còn lại đúng

Question 89

KTHDC: Biện pháp tài trợ cho tăng chi tiêu chính phủ nào dưới đây sẽ làm tăng cung tiền mạnh nhất

Select one:

a. Chính phủ bán trái phiếu cho công chúng

b. Chính phủ bán trái phiếu cho các ngân hàng thương mại

c. Chính phủ tăng thuế

d. Chính phủ bán trái phiếu cho ngân hàng trung ương

Question 90

KTHDC: Hàm tiêu dùng có dạng $C = 500 + 0,6(Y-T)$; thuế là 600; chi tiêu chính phủ là 1000; hàm đầu tư $I = 2160 - 100R$. Sản lượng cân bằng là 5000. Mức lãi suất cân bằng sẽ là:

Select one:

- a. 5%
- b. 13%**
- c. 10%
- d. 8%

Question 91

KTHDC: Khoảng cách dịch chuyển của đường IS bằng:

Select one:

- a. Mức thay đổi của I,G hoặc X nhân với số nhân**
- b. Mức thay đổi của I,G hoặc X
- c. Một nửa mức thay đổi của I,G hoặc X
- d. Mức thay đổi của I,G hoặc X chia cho số nhân

Question 92

KTHDC: Đường LM mô tả tình trạng:

Select one:

- a. Thị trường tiền tệ luôn cân bằng
- b. Lãi suất và sản lượng phụ thuộc nhau; và Thị trường tiền tệ luôn cân bằng: đều đúng**
- c. Lãi suất và sản lượng phụ thuộc nhau
- d. Lãi suất và sản lượng phụ thuộc nhau; và Thị trường tiền tệ luôn cân bằng: đều sai

Question 93

KTHDC: Cho các hàm số : $C=200+0,75Yd$; $I=500-20R$; $G=600$; Phương trình của đường IS mới có dạng gì khi Chính phủ thay đổi chi tiêu tăng thêm 100:

Select one:

- a. $Y=1400+20R$
- b. $Y=5200-80R$
- c. $Y=5600-80R$**
- d. $Y=1400-20R$

Question 94

KTHDC: Cho các hàm số : $C=500+0,75Yd$; $I=500-20R$; $G=200$; $T=0,2Y$;
 $X=100$; $IM=100+0,1Y$; $Md=1000+2,5Y-200R$; $Ms=4500$ Lãi suất và sản lượng cân bằng
mới bằng bao nhiêu nếu Chính phủ tăng chi tiêu thêm 50:

Select one:

- a. $r = 8,25\%$ và $Y = 2133$
- b. $r = 9,22\%$ và $Y = 3133$
- c. $r = 8,25\%$ và $Y = 3133$
- d. $r = 9,17\%$ và $Y = 2133$**

Question 95

KTHDC: Ngân hàng trung ương có thể giảm cung tiền bằng cách:

Select one:

- a. Giảm lãi suất chiết khấu
- b. Mua trái phiếu chính phủ
- c. Bán trái phiếu chính phủ**
- d. Giảm dự trữ bắt buộc

Question 96

KTHDC: Khoản mục nào dưới đây thuộc cấp tiền M2, nhưng không thuộc cấp tiền M1?

Select one:

- a. Tiền mặt

b. Tiền gửi có thể viết séc tư nhân tại các ngân hàng thương mại

c. Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn

d. Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn

Question 97

KTHDC: Chính phủ có thể giảm bớt lượng cung ứng tiền trong nền kinh tế bằng cách:

Select one:

a. Các câu còn lại đều đúng

b. Bán chứng khoán của Chính phủ trên thị trường chứng khoán

c. Tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc

d. Tăng lãi suất chiết khấu

Question 98

KTHDC: Để giảm lạm phát, ngân hàng trung ương sẽ:

Select one:

a. Tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc

b. Bán chứng khoán của Chính phủ

c. Tăng lãi suất chiết khấu

d. Các đáp án đều đúng

Question 99

KTHDC: Giả sử cầu về tiền ở một mức sản lượng $MD=500-25R$; R là lãi suất. Lượng tiền cơ sở là 200, số nhân tiền tệ là 1,5. Vậy lãi suất cân bằng trên thị trường tiền tệ là:

Select one:

a. 2,5%

b. 9%

c. 8%

d. 12,5%

Question 100

KTHDC: Trong mô hình IS-LM, nếu sản lượng thấp hơn sản lượng tiềm năng thì chính phủ nên áp dụng:

Select one:

- a. Chính sách tài khóa mở rộng; và tiền tệ mở rộng
- b. Các câu đều đúng**
- c. Chính sách tài khóa mở rộng
- d. Chính sách tiền tệ mở rộng

Question 101

KTHDC: Dưới đây là các biện pháp tài trợ cho tăng chi tiêu chính phủ, biện pháp nào sẽ làm tăng cung tiền:

Select one:

- a. Chính phủ bán trái phiếu cho các ngân hàng thương mại
- b. Chính phủ bán trái phiếu cho ngân hàng trung ương**
- c. Chính phủ bán trái phiếu cho công chúng
- d. Chính phủ tăng thuế

Question 102

KTHDC: Giả sử câu về tiền ở một mức sản lượng $MD=1000-20R$; R là lãi suất. Lượng tiền cơ sở là 300, số nhân tiền tệ là 2,5. Vậy lãi suất cân bằng trên thị trường tiền tệ là:

Select one:

- a. 2,5%
- b. 3%
- c. 12,5%**
- d. 12%

Question 103

KTHDC: Sự thay đổi của yếu tố nào dưới đây sẽ không làm thay đổi vị trí của đường IS

Select one:

- a. Thuế
- b. Chi tiêu của chính phủ
- c. Lãi suất**
- d. Tiêu dùng tự định

Question 104

KTHDC: Cho các hàm số : $C=500+0,75Yd$; $I=500-20R$; $G=600$; Phương trình của đường IS có dạng:

Select one:

- a. $Y=6400+80R$
- b. $Y=6400-80R$**
- c. $Y=1600+20R$
- d. $Y=1600-20R$

Question 105

KTHDC: Thị trường hàng hóa và tiền tệ của nền kinh tế có các số liệu như sau: $C = 200+0,6Y$; $I = 650-50R$, $G=400$; $Md=2Y+1000-200R$; $Ms= 2500$.

Tính mức lãi suất và sản lượng cân bằng

Select one:

- a. $R= 6$ và $Y= 2500$
- b. $R= 5$ và $Y=2500$**
- c. $R= 6$ và $Y=2000$
- d. $R= 5$ và $Y= 2000$

Question 106

KTHDC: Số nhân tiền phản ánh:

Select one:

- a. Lượng tiền giao dịch phát sinh từ 1 đơn vị tiền ký gửi
- b. Lượng tiền giao dịch phát sinh từ 1 đơn vị tiền cơ sở**
- c. Lượng tiền giao dịch phát sinh từ 1 đơn vị tiền cơ sở; Lượng tiền giao dịch phát sinh từ 1 đơn vị tiền ký gửi: đều sai
- d. Lượng tiền giao dịch phát sinh từ 1 đơn vị tiền cơ sở; Lượng tiền giao dịch phát sinh từ 1 đơn vị tiền ký gửi: đều đúng

Question 107

KTHDC: Tại các điểm nằm phía trên và bên phải của đường IS, điều nào dưới đây là đúng

Select one:

- a. Tổng cầu lớn hơn sản lượng thực tế do đó có sự dư cầu về hàng hoá
- b. Tổng cầu lớn hơn sản lượng thực tế, do đó có sự dư cung về hàng hoá
- c. Sản lượng thực tế lớn hơn tổng cầu, do đó có sự dư cung về hàng hoá**
- d. Sản lượng thực tế lớn hơn tổng cầu, do đó có sự dư cầu về hàng hoá

Question 108

KTHDC: Với đường IS và LM có độ dốc thông thường, chính sách tài khoá thắt chặt sẽ:

Select one:

- a. Dịch chuyển đường IS sang phải
- b. Dịch chuyển LM sang trái
- c. Làm tăng lãi suất và làm giảm thu nhập
- d. Làm giảm thu nhập và lãi suất**

Question 109

KTHDC: Thị trường hàng hóa có: $C=200+0,75Yd$; $I=240-80R$; $G=500$; $T=100+0,2Y$; $X=210$; $IM=50+0,1Y$. Phương trình đường IS có dạng

Select one:

a. $Y = 1920 - 160R$

b. $Y = 1025 - 200R$

c. $Y = 2050 - 160R$

d. $Y = 1025 + 200R$

Question 110

KTHDC: Thị trường hàng hóa và tiền tệ của nền kinh tế có các số liệu như sau: $C = 200 + 0,6Y$; $I = 650 - 50R$, $G = 400$; $M_d = 2Y + 1000 - 200R$; $M_s = 2000$. Lãi suất và sản lượng cân bằng chung bao nhiêu?

Select one:

a. $R = 10$ và $Y = 1500$

b. $R = 6,11$ và $Y = 2600$

c. $R = 6$ và $Y = 2000$

d. $R = 6$ và $Y = 2500$

Question 111

KTHDC: Đường thể hiện sự phối hợp sản lượng thực tế và lãi suất mà tại đó tổng chi tiêu dự kiến bằng sản lượng thực tế được gọi là:

Select one:

a. Đường LM

b. Đường cầu về đầu tư

c. Đường IS

d. Đường tổng cầu

Question 112

KTHDC: Từ điểm cân bằng ban đầu, một sự dịch chuyển đường IS sang phải sẽ dẫn đến:

Select one:

a. Sản lượng tăng và lãi suất giảm

b. Sản lượng tăng và lãi suất tăng

- c. Sản lượng và lãi suất giảm xuống
- d. Sản lượng giảm và lãi suất tăng

Question 113

KTHDC: Cho các hàm số : $C=100+0,75Yd$; $I=100+0,2Y-10R$; $G=580$; $T=40+0,3Y$; $X=350$; $IM=200+0,05Y$ Phương trình đường tổng cầu là:

Select one:

- a. $AD=1000+0,75Y-10R$
- b. $AD=900+0,675Y-10R$**
- c. $AD=900+0,75Y-10R$
- d. $AD=1060+0,6Yd-10R$

Question 114

KTHDC: Trong mô hình IS-LM, ảnh hưởng của chính sách tiền tệ thắt chặt sẽ làm giảm sản lượng đồng thời:

Select one:

- a. Làm giảm lãi suất và giảm đầu tư
- b. Làm tăng lãi suất và giảm đầu tư**
- c. Làm tăng lãi suất và tăng đầu tư
- d. Làm giảm lãi suất và tăng đầu tư

Question 115

KTHDC: Cho các hàm số : $C=500+0,75Yd$; $I=500-20R$; $G=200$; $T=0,2Y$; $X=100$; $IM=100+0,1Y$; $Md=1000+2,5Y-200R$; $Ms=4500$ Lãi suất và sản lượng cân bằng là:

Select one:

- a. $r = 7\%$ và $Y = 2500$
- b. $R = 7\%$ và $Y = 2067$
- c. $r = 8,33\%$ và $Y = 2000$

d. $r = 8,33$ và $Y = 2067$

Question 116

KTHDC: Nếu ngân hàng trung ương giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc và bán ra chứng khoán của Chính phủ, thì khối lượng tiền tệ sẽ:

Select one:

a. Chưa biết

b. Tăng lên

c. Không đổi

d. Giảm xuống

Question 117

KTHDC: Giá sử hàm số cầu về tiền thực tế là $MD=200+0,2Y-20R$; với R là lãi suất. Tiền cơ sở $H=325$; Tỷ lệ tiền mặt ngoài ngân hàng so với tiền ký gửi là 60%, tỷ lệ dự trữ chung là 20%. Phương trình của đường LM có dạng:

Select one:

a. $r=-22,5+0,01Y$

b. $r=-20-0,01Y$

c. $r=-22,5+0,1Y$

d. $r=-22,5+0,005Y$

Question 118

KTHDC: Cho các hàm số : $C=550+0,7Yd$; $I=500-20R$; $G=200$; $T=100$; $X=100$; $IM=100+0,1Y$ $Md=1000+2,5Y-200R$; $Ms=2000$. Lãi suất và sản lượng cân bằng chung:

Select one:

a. $Y=1969,2; R=19,6$

b. $Y=2133,33; R=9,17$

c. $Y=3600; R=3$

d. $Y=1800; R=3$

Question 119

KTHDC: Cho các hàm số : $C=100+0,7Yd$; $I=500-20R$; $G=200$; $T=20$; $X=100$; $IM=0,1Y$
 $Md=1000+Y-100R$; $Ms=2000$. Lãi suất và sản lượng cân bằng chung:

Select one:

- a. $Y=1732,5$; $R=4,65$
- b. $Y=1810$; $R=8,1$**
- c. $Y=1643,3$; $R=6,4$
- d. $Y=1800$; $R=3$

Question 120

KTHDC: Một người chuyển 1000 ngàn đồng từ tài khoản tiết kiệm sang tài khoản tiền gửi có thẻ viết séc, khi đó

Select one:

- a. M1 tăng, còn M2 không thay đổi**
- b. M1 và M2 tăng lên
- c. M1 giảm còn M2 Tăng lên
- d. M1 và M2 đều giảm

Question 121

KTHDC: Giả sử tỷ lệ dự trữ bắt buộc là 15%, dự trữ tùy ý là 15%, tỷ lệ tiền mặt ngoài ngân hàng so với tiền gửi ở ngân hàng là 20%. Số nhân tiền tệ trong trường hợp này là:

Select one:

- a. 2,4**
- b. 4,2
- c. 2
- d. 3

Question 122

KTHDC: Giả sử cho hàm số cầu, cung về tiền thực là $M_d=200-100r+20Y$; $M_s=400$.
Phương trình đường LM là:

Select one:

a. **r=-2+0,2Y**

b. $r=-2-0,2Y$

c. $r=+2+0,2Y$

d. $r=+6+0,2Y$

Question 123

KTHDC: Nếu chứng khoán ở mức giá cân bằng, lúc đó:

Select one:

a. Lãi suất có xu hướng giảm xuống

b. Mức cầu về tiền cho đầu cơ giảm xuống

c. **Lãi suất có xu hướng tăng lên**

d. Mức cầu về tiền cho đầu cơ tăng lên

Question 124

KTHDC: Giả sử tiền mặt ngoài ngân hàng là 23%, tỷ lệ dự trữ bắt buộc là 6%, tỷ lệ dự trữ thừa là 1%, và cung tiền là 820 tỷ đồng.

Lượng tiền cơ sở là:

Select one:

a. 240 tỷ đồng

b. 300 tỷ đồng

c. 120 tỷ đồng

d. 200 tỷ đồng

Question 125

KTHDC: Cho các hàm số : $C=200+0,75Yd$; $I=500-20R$; $G=600$; Phương trình của đường IS có dạng:

Select one:

- a. $Y=1300-20R$
- b. $Y=5200+80R$
- c. $Y=5200-80R$**
- d. $Y=1300+20R$

Question 126

KTHDC: Thị trường hàng hóa và thị trường tiền tệ của nền kinh tế có các đại lượng và các hàm số sau: $C=500+0,6Y$; $I=200-40R$; $G=300$. Cầu tiền thực tế $MD=4000-100R$; Tỷ lệ dự trữ thực tế là 20%, tỷ lệ giữ tiền mặt của dân chúng (so với tiền gửi) là 60%, lượng tiền cơ sở là 1000. Mức lãi suất và sản lượng cân bằng là:

Select one:

- a. $R=16\%$; $Y=800$
- b. $R=20\%$; $Y=200$
- c. $R=20\%$; $Y=500$**
- d. $R=7\%$; $Y=600$

Question 127

KTHDC: Trong mô hình IS - LM, chính sách tiền tệ thắt chặt được thể hiện bằng

Select one:

- a. Sự dịch chuyển sang phải của LM
- b. Sự dịch chuyển sang phải của đường IS
- c. Sự dịch chuyển sang trái của đường IS
- d. Sự dịch chuyển sang trái của đường LM**

Question 128

KTHDC: Giả sử lượng cung ứng tiền cho nền kinh tế là 2000, tiền cơ sở là 1000, tỷ lệ tiền mặt ngoài ngân hàng so với tiền ký gửi ngân hàng là 50%, dự trữ tùy ý là 10%. Vậy dự trữ bắt buộc sẽ là:

Select one:

a. 20%

b. 15%

c. 13%

d. 10%

Question 129

KTHDC: Thị trường tiền tệ cho tỷ lệ dự trữ thực tế là 10%, tỷ lệ giữ tiền mặt của dân chúng (so với tiền gửi) là 80%, lượng tiền cơ sở là 750. Giả sử cầu về tiền không phụ thuộc vào thu nhập và có hàm cầu tiền thực tế là $MD=2500-80R$. Thị trường hàng hóa có $C=300+0,8Y$; $I=200-40R$; $G=500$. Sản lượng và lãi suất cân bằng là:

Select one:

a. $Y=3000$; $R=10\%$

b. $Y=2800$; $R=11\%$

c. $Y=2500$; $R=12,5\%$

d. $Y=2100$; $R=14,5\%$

Question 130

KTHDC: Trong công thức số nhân tiền $m=(s+1)/(s+r)$, s là:

Select one:

a. Không câu nào đúng.

b. Tỷ lệ tiền mặt so với tổng số tiền công chúng có

c. Tỷ lệ tiền mặt so với tiền ký gửi

d. Tỷ lệ tiền mặt trong hệ thống ngân hàng

Question 131

KTHDC: Cho các hàm số : $C=500+0,75Yd$; $I=500-20R$; $G=200$; $T=0,2Y$;
 $X=100$; $IM=100+0,1Y$; $Md=1000+2,5Y-200R$; $Ms=4500$ Phương trình đường LM là:

Select one:

a. $Y = 1400 + 40R$

b. $Y = 2400 + 40R$

c. **$Y = 1400 + 80R$**

d. $Y = 1400 + 20R$

Question 132

KTHDC: Cho các hàm số về thị trường tiền tệ : $M_d=1000+2Y-100R$; $M_s=4000$; với R là lãi suất. Phương trình của đường LM có dạng gì khi cung tiền thực tăng lên 200:

Select one:

a. $Y=1500+100R$

b. $Y=1600+50R$

c. $Y=1500+50R$

d. $Y=1200+80R$

Question 133

KTHDC: Cho các hàm số về thị trường tiền tệ : $M_d=1000+2Y-200R$; $M_s=4000$. Phương trình của đường LM có dạng:

Select one:

a. $Y=1500+100R$

b. $Y=1200+80R$

c. $Y=1500+50R$

d. $Y=1600+50R$

Question 134

KTHDC: Chức năng nào dưới đây không phải là chức năng của ngân hàng trung ương

Select one:

a. Hoạt động để thu lợi nhuận

b. Điều chỉnh lượng cung tiền

- c. Điều chỉnh lãi suất thị trường
- d. Đóng vai trò là người cho vay cuối cùng đối với các ngân hàng thương mại

Question 135

KTHDC: Trong mô hình IS-LM, nếu chi tiêu của chính phủ và thuế tăng cùng một lượng như nhau thì:

Select one:

- a. Thu nhập cùng tăng một lượng tương ứng
- b. Thu nhập sẽ giữ nguyên vì đường IS không thay đổi
- c. Thu nhập sẽ chỉ tăng nếu ngân hàng trung ương cũng tăng cung tiền
- d. Cả thu nhập và lãi suất cùng tăng**

Question 136

KTHDC: Số nhân tiền có mối quan hệ:

Select one:

- a. Tỷ lệ thuận với tỷ lệ dự trữ bắt buộc
- b. Tỷ lệ nghịch với lãi suất
- c. Tỷ lệ thuận với cơ sở tiền
- d. Tỷ lệ nghịch với tỷ lệ dự trữ bắt buộc**

Question 137

KTHDC: Cho biết tỷ lệ tiền mặt so với tiền gửi ngân hàng là 60%, tỷ lệ dự trữ so với tiền gửi ngân hàng là 20%. Khi ngân hàng trung ương mua một lượng trái phiếu 1 tỷ đồng sẽ làm cho lượng cung tiền tệ sẽ:

Select one:

- a. Tăng thêm 2 tỷ đồng**
- b. Giảm 2 tỷ đồng
- c. Giảm 1 tỷ đồng
- d. Tăng thêm 1 tỷ đồng

Question 138

KTHDC: Giả sử lượng cung ứng tiền cho nền kinh tế là 2000, tiền cơ sở là 1000, tỷ lệ tiền mặt ngoài ngân hàng so với tiền ký gửi ngân hàng là 80%, dự trữ tự ý là 3%. Vậy dự trữ bắt buộc sẽ là:

Select one:

a. 7%

b. 5%

c. 3%

d. 2%

Question 139

KTHDC: Cho các hàm số : $C=500+0,75Yd$; $I=500-20R$; $G=450$; $T=0,2Y$; $X=200$; $IM=100+0,1Y$ $Md=1000+2Y-200R$; $Ms=4500$ Lãi suất và sản lượng cân bằng chung mới sẽ là bao nhiêu khi Chính phủ tăng chi tiêu 100 và tăng lượng cung ứng tiền thực 100 ?

Select one:

a. **Y=2871,429; R=10,714**

b. $Y=2842,857$; $R=11,428$

c. $Y=2585,714$; $R=7,857$

d. $Y=2557,143$; $R=8,5714$

Question 140

KTHDC: Cho các hàm số : $C=500+0,75Yd$; $I=500-20R$; $G=200$; $T=0,2Y$; $X=100$; $IM=100+0,1Y$; $Md=1000+2,5Y-200R$; $Ms=4500$. Phương trình đường IS là:

Select one:

a. $Y = 2400 - 20R$

b. $Y = 2400 - 40R$

c. $Y = 3400 - 20R$

d. $Y = 3400 - 40R$

Question 141

KTHDC: Cho các hàm số : $C=500+0,75Yd$; $I=500-20R$; $G=450$; $T=0,2Y$; $X=200$; $IM=100+0,1Y$ $Md=1000+2Y-200R$; Tiền cơ sở $H=2000$. Tỷ lệ tiền mặt ngoài ngân hàng so với tiền ký gửi là 80%. Tỷ lệ dự trữ chung là 20%. Lãi suất và sản lượng cân bằng chung:

Select one:

- a. $Y=2871,429$; $R=10,714$
- b. $Y=2557,143$; $R=8,571$
- c. **$Y=2585,714$; $R=12,857$**
- d. $Y=2357,143$; $R=18,571$

Question 142

KTHDC: Lãi suất chiết khấu là mức lãi suất:

Select one:

- a. Ngân hàng trung ương áp dụng đối với người vay tiền
- b. Ngân hàng trung ương áp dụng đối với người gửi tiền
- c. Ngân hàng trung ương áp dụng đối với công chúng.
- d. Ngân hàng trung ương áp dụng đối với ngân hàng thương mại**

Question 143

KTHDC: Trong mô hình IS-LM, lãi suất được quyết định bởi:

Select one:

- a. Mức cầu và lượng tiền cung ứng
- b. Tiết kiệm và đầu tư
- c. Mối quan hệ giữa thị trường hàng hóa và thị trường tiền tệ**
- d. Mối quan hệ giữa tiết kiệm đầu tư và lượng cung ứng tiền

Question 144

KTHDC: Cho các hàm số : $C=100+0,7Yd$; $I=500-20R$; $G=200$; $T=20$; $X=100$;
 $IM=100+0,1Y$ $Md=1000+2,5Y-200R$; $Ms=3000$. Lãi suất và sản lượng cân bằng chung:

Select one:

- a. $Y=2133,33$; $R=9,17$
- b. $Y=1800$; $R=3$
- c. $Y=1516,9$; $R=8,96$**
- d. $Y=1200$; $R=10$

Question 145

KTHDC: Cho các hàm số : $C=100+0,7Yd$; $I=500-20R$; $G=200$; $T=20$; $X=100$;
 $IM=100+0,1Y$ $Md=1000+2Y-100R$; $Ms=4000$. Lãi suất và sản lượng cân bằng chung:

Select one:

- a. $Y=1800$; $R=3$
- b. $Y=1643,3$; $R=6,4$
- c. $Y=1732,5$; $R=4,65$**
- d. $Y=1200$; $R=10$

Question 146

KTHDC: Cho các hàm số : $C=100+0,8Yd$; $I=240+0,16Y-80R$; $G=500$; $T=50+0,2Y$;
 $X=210$; $IM=50+0,2Y$ Phương trình của đường IS có dạng:

Select one:

- a. $Y=2400-200R$**
- b. $Y=2400+200R$
- c. $Y=2400-320R$
- d. $Y=2400+320R$

Question 147

KTHDC: Thị trường tiền tệ cho tỷ lệ dự trữ thực tế là 10%, tỷ lệ giữ tiền mặt của dân chúng (so với tiền gửi) là 40%, lượng tiền cơ sở là 1000. Giá sử cầu về tiền không phụ

thuộc vào thu nhập và có hàm cầu tiền thực tế là $MD=4000-100R$. Thị trường hàng hóa có ; $C=100+0,6Y$; $I=500-40R$; $G=400$. Trong đó: R là lãi suất (%) Để sản lượng tăng 300, bằng chính sách tiền tệ ngân hàng TW phải thay đổi lượng tiền cơ sở:

Select one:

- a. Giảm 214
- b. Tăng 400
- c. **Tăng 214,3**
- d. Tăng 100

Câu 1. Hàng hóa X có $Ep=-0,5$. Giá hàng hóa X tăng lên 10%, vậy doanh thu của hàng hóa X sẽ:

- a. Tăng lên 5%
- b. Tăng lên 20%
- c. **Tăng lên 4,5%**
- d. Tất cả đều sai

Câu 2. Hàm số cầu của hàng hóa X có dạng: $Qd=100-2P$. Tại mức giá bằng 40 để tăng doanh thu doanh nghiệp nên:

- a. Giảm giá, giảm lượng
- b. Tăng giá, giảm lượng
- c. **Giảm giá, tăng lượng**
- d. Tăng giá, tăng lượng

Câu 3. Hàm số cầu của hàng hóa X có dạng: $Qd=100-2P$. Để doanh thu của doanh nghiệp đạt cực đại thì mức giá phải bằng:

- a. 20
- b. **25**
- c. 30
- d. 50

Câu 4. Hàng hóa X ngày càng phù hợp hơn với thị hiếu, sở thích của người tiêu dùng, những yếu tố khác không đổi, vậy giá và lượng cân bằng cho hàng hóa X sẽ:

- a. Giá tăng, lượng giảm
- b. Giá giảm, lượng giảm
- c. Giá giảm, lượng tăng

d. Giá tăng, lượng tăng

Câu 5. Giá hàng hóa thay thế cho hàng hóa X đang giảm mạnh, những yếu tố khác không đổi, vậy giá và lượng cân bằng cho hàng hóa X sẽ:

- a. Giá giảm, lượng tăng
- b. Giá giảm, lượng giảm**
- c. Giá tăng, lượng giảm
- d. Giá tăng, lượng tăng

Câu 6. Trên cùng một đường cầu tuyến tính dốc xuống theo qui luật cầu, tương ứng với mức giá càng cao thì độ co giãn của cầu theo giá sẽ:

- a. Không đổi
- b. Càng thấp
- c. Không biết được
- d. Càng cao**

Câu 7. Hàm số cầu của hàng hóa X có dạng: $Q_d = 100 - 2P$. Tại mức giá bằng 20 để tăng doanh thu doanh nghiệp nên:

- a. Tăng giá, tăng lượng
- b. Giảm giá, giảm lượng
- c. Giảm giá, tăng lượng
- d. Tăng giá, giảm lượng**

Câu 8. Doanh nghiệp A có số liệu sau: $FC=1000$, $P=20$, $AVC=12$, doanh nghiệp theo đuổi mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận và thu được thặng dư sản xuất $PS= 1.200$ (đơn vị tính là đvt). Định phí trung bình AFC bằng:

- a. $AFC=6,67$**
- b. $AFC=10$
- c. Cả ba câu đều sai
- d. $AFC=5$

Câu 9. Doanh nghiệp A có số liệu sau: $FC=1000$, $P=20$, $AVC=12$, doanh nghiệp theo đuổi mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận và thu được thặng dư sản xuất $PS= 1.200$ (đơn vị tính là đvt). Doanh thu TR bằng:

- a. Cả ba câu đều sai
- b. 5.000
- c. 3.000**
- d. 2.000

Câu 10. Doanh nghiệp A có số liệu sau: $FC=1000$, $P=20$, $AVC=12$, doanh nghiệp theo đuổi mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận và thu được thặng dư sản xuất $PS= 1.200$ (đơn vị tính là đvt). Vậy lợi nhuận của doanh nghiệp này bằng:

- a. Không thể tính được

- b. 200
- c. 1.200
- d. Cả ba câu đều sai

Câu 11. Doanh nghiệp A có số liệu sau: $FC=1000$, $P=20$, $AVC=12$, doanh nghiệp theo đuổi mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận và thu được thặng dư sản xuất $PS= 1.200$ (đơn vị tính là đvt). Tổng chi phí TC bằng:

- a. 2.500
- b. 2.800**
- c. Cả ba câu đều sai
- d. 3.000

Câu 12. Doanh nghiệp A có số liệu sau: $FC=1000$, $P=20$, $AVC=12$, doanh nghiệp theo đuổi mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận và thu được thặng dư sản xuất $PS= 1.200$ (đơn vị tính là đvt). Doanh nghiệp đang sản xuất tại sản lượng Q bằng:

- a. $Q=200$
- b. $Q=150$**
- c. $Q=100$
- d. Cả ba câu đều sai

Câu 13. Hàng hóa X có $Ep= -2$ và $Es=4$. Chính phủ đánh thuế 9 (đvt/đvq) vào hàng hóa này. Vậy sau khi có thuế giá thị trường sẽ tăng thêm là:

- a. 9
- b. 3
- c. 6**
- d. Không biết được

Câu 14. Một doanh nghiệp độc quyền có hàm số cầu $Q= 1000-2P$ và hàm tổng chi phí $TC=2Q^2+200$ (P :đvt/đvq; Q :đvq; TC :đvt) Để tối đa hóa doanh thu thì mức giá bán P phải bằng:

- a. Tất cả đều sai
- b. 250**
- c. 500
- d. 100

Câu 15. Một doanh nghiệp độc quyền có hàm số cầu $Q= 1000-2P$ và hàm tổng chi phí $TC=2Q^2+200$ (P :đvt/đvq; Q :đvq; TC :đvt) Mức lợi nhuận cực đại bằng:

- a. 24.800**
- b. Tất cả đều sai
- c. 50.000
- d. 88.000

Câu 16. Một doanh nghiệp độc quyền có hàm số cầu $Q=1000-2P$ và hàm tổng chi phí $TC=2Q^2+200$ (P :đvt/đvq; Q :đvq; TC :đvt) Để tối đa hóa lợi nhuận, doanh nghiệp sẽ sản xuất ở mức sản lượng:

- a. 100
- b. Tất cả đều sai
- c. 150
- d. 500

Câu 17. Một doanh nghiệp độc quyền có hàm số cầu $Q=1000-2P$ và hàm tổng chi phí $TC=2Q^2+200$ (P :đvt/đvq; Q :đvq; TC :đvt) Doanh thu tối đa sẽ bằng

- a. 150.000
- b. 250.000
- c. 125.000
- d. Tất cả đều sai

Câu 18. Một doanh nghiệp độc quyền có hàm số cầu $Q=1000-2P$ và hàm tổng chi phí $TC=2Q^2+200$ (P :đvt/đvq; Q :đvq; TC :đvt) Để tối đa hóa doanh thu thì mức sản lượng Q phải bằng:

- a. 300
- b. 500
- c. 250
- d. Tất cả đều sai

Câu 19. Hàm sản xuất có dạng $Q=4L^{0,6} K^{0,8}$; $Pl=2$; $Pk=4$; $Q_{max}=10.000$ Kết hợp sản xuất tối ưu thì vốn K bằng:

- a. 225
- b. 325
- c. Cả ba câu đều sai
- d. 555

Câu 20. Hàm sản xuất có dạng $Q=4L^{0,6} K^{0,8}$; $Pl=2$; $Pk=4$; $Q_{max}=10.000$ Kết hợp sản xuất tối ưu thì chi phí sản xuất tối thiểu TC_{min} bằng:

- a. 1.200
- b. 1.574
- c. 3.000
- d. Cả ba câu đều sai

Câu 1. Hàm sản xuất có dạng $Q=4L^{0,6} K^{0,8}$; $Pl=2$; $Pk=4$; $Q_{max}=10.000$ Kết hợp sản xuất tối ưu thì lao động L bằng:

- a. 250
- b. Cả ba câu đều sai

- c. 337
d. 450

**Câu 2. Doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn có hàm chi phí sau:
 $TC=10Q^3-4Q^2+20Q+500$ (Q:đvq; TC:đvt; P:đvt/đvq) Hàm chi phí trung bình AC
bằng:**

- a. $30Q^3-8Q+20+500/Q$
b. $10Q^2-8Q+20+500/Q$
c. $10Q^2-4Q+20+500/Q$
d. Cả ba câu đều sai

**Câu 3. Doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn có hàm chi phí sau:
 $TC=10Q^3-4Q^2+20Q+500$ (Q:đvq; TC:đvt; P:đvt/đvq) Hàm chi phí biên MC bằng**

- a. $30Q^3-8Q+20+500/Q$
b. $30Q^2-8Q+20$
c. Cả ba câu đều sai
d. $10Q^2-4Q+20$

**Câu 4. Doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn có hàm chi phí sau:
 $TC=10Q^3-4Q^2+20Q+500$ (Q:đvq; TC:đvt; P:đvt/đvq) Giá thị trường bằng bao
nhiêu thì doanh nghiệp ngừng kinh doanh:**

- a. 250**
b. 265,67
c. Cả ba câu đều sai
d. 300

**Câu 5. Doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn có hàm chi phí sau:
 $TC=10Q^3-4Q^2+20Q+500$ (Q:đvq; TC:đvt; P:đvt/đvq) Giá thị trường bằng bao
nhiêu thì doanh nghiệp hòa vốn:**

- a. Cả ba câu đều sai
b. $P=202,55$
c. $P=300$
d. $P=265,67$

**Câu 6. Doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn có hàm chi phí sau:
 $TC=10Q^3-4Q^2+20Q+500$ (Q:đvq; TC:đvt; P:đvt/đvq) Nếu giá thị trường Pe bằng
500 thì sản lượng tối ưu để lợi nhuận cực đại là:**

- a. $Q=4,14$**
b. $Q=20,15$
c. $Q=10,15$
d. Cả ba câu đều sai

**Câu 7. Doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn có hàm chi phí sau:
TC=10Q³-4Q²+20Q+500 (Q:đvq; TC:đvt; P:đvt/đvq) Doanh nghiệp theo đuổi mục
tiêu tối đa hóa lợi nhuận nhưng bị hòa vốn, khi ấy sản lượng hòa vốn bằng:**

- a. Q=20,50
- b. Q=15,25
- c. Cả ba câu đều sai
- d. **Q=2,99**

**Câu 8. Doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn có hàm chi phí sau:
TC=10Q³-4Q²+20Q+500 (Q:đvq; TC:đvt; P:đvt/đvq) Nếu giá thị trường Pe bằng
500 thì lợi nhuận cực đại của doanh nghiệp bằng:**

- a. $\Pi=100,50$
- b. $\Pi=2.000$
- c. Cả ba câu đều sai
- d. **$\Pi=846,18$**

**Câu 9. Điểm hòa vốn cũng chính là điểm ngừng kinh doanh của doanh nghiệp khi
doanh nghiệp có:**

- a. **FC=0**
- b. Cả ba câu đều sai
- c. TR=TC
- d. TR=VC

**Câu 10. Mục tiêu tối đa hóa doanh thu cũng chính là mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận
khi:**

- a. **Cả ba câu đều đúng**
- b. VC=0
- c. MC=0
- d. TC=FC

**Câu 11. Nhà độc quyền đang bán 4 đơn vị sản phẩm ở mức giá là 10000 đồng/sản
phẩm. Nếu doanh thu biên của đơn vị thứ 5 là 6 ngàn đồng, thì doanh nghiệp bán 5
sản phẩm với mức giá là:**

- a. Tất cả đều sai
- b. **9.200**
- c. 10.000
- d. 6.000

**Câu 12. Nếu doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo định mức sản
lượng tại đó có doanh thu biên bằng chi phí biên bằng chi phí trung bình, thì lợi
nhuận kinh tế sẽ:**

- a. **Bằng không**

- b. Lớn hơn không
- c. Nhỏ hơn không
- d. Tất cả đều sai

Câu 13. $MU_x=10; MU_y=8; Px=2; Py=1$. Để chọn lựa tiêu dùng tối ưu, người tiêu dùng nên:

- a. Giảm tiêu dùng hàng hóa Y
- b. Không biết được
- c. Tăng tiêu dùng cho hàng hóa X
- d. Tăng tiêu dùng cho hàng hóa Y**

Câu 14. Trong ngắn hạn, doanh nghiệp sẽ ngừng sản xuất khi:

- a. Tất cả đều sai
- b. Giá bán bằng biến phí trung bình**
- c. Doanh nghiệp không có lợi nhuận
- d. Doanh nghiệp bị thua lỗ

Câu 15. Khi năng suất trung bình AP giảm, năng suất biên MP sẽ:

- a. Tất cả đều sai
- b. Nhỏ hơn năng suất trung bình**
- c. Lớn hơn năng suất trung bình
- d. Bằng năng suất trung bình

Câu 16. Chính phủ đánh thuế 5 đơn vị tiền/đơn vị sản lượng vào hàng hóa X làm giá thị trường tăng lên thêm 4 đơn vị tiền/đơn vị lượng sau khi có thuế. Vậy mối quan hệ giữa Ep và Es là:

- a. $/Ep=Es$
- b. $Ep > Es$
- c. $/Ep=0$
- d. $/Ep \leq Es$**

Câu 17. Thặng dư sản xuất thì bằng:

- a. Tổng doanh thu trừ tổng biến phí**
- b. Tổng doanh thu trừ tổng chi phí
- c. Tất cả đều sai
- d. Tổng doanh thu trừ tổng định phí

Câu 18. Để tối đa hóa lợi nhuận trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo, doanh nghiệp sẽ chọn sản lượng tại đó có:

- a. $AR=MR$
- b. Cả ba câu đều đúng
- c. $P=MC$**
- d. $P=MR$

Câu 19. AC bằng 6 khi sản xuất 100 sản phẩm. MC luôn không đổi và bằng 2. Vậy TC để sản xuất 70 sản phẩm là:

- a. Tất cả đều sai
- b. 540
- c. 140
- d. 450

Câu 20. Đường cung ngắn hạn của doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn là:

- a. Đường chi phí biên MC nằm trên điểm cực tiểu của đường chi phí trung bình
- b. Đường chi phí biên
- c. Đường chi phí biên MC nằm trên điểm cực tiểu của đường chi phí biên đổi trung bình
- d. Tất cả đều sai

Câu 1. Nếu hữu dụng biên có xu hướng dương và giảm dần khi gia tăng lượng tiêu dùng thì:

- a. Tổng hữu dụng sẽ giảm dần
- b. Tổng hữu dụng sẽ tăng nhanh dần
- c. Tổng hữu dụng sẽ tăng chậm dần
- d. Tổng hữu dụng sẽ không đổi

Câu 2. Nếu doanh nghiệp độc quyền định mức sản lượng tại đó có doanh thu biên bằng chi phí biên bằng chi phí trung bình, thì lợi nhuận kinh tế sẽ:

- a. Bằng không
- b. Nhỏ hơn không
- c. Lớn hơn không
- d. Tất cả đều sai

Câu 3. Doanh nghiệp tăng giá sản phẩm X lên 20%. Kết quả làm doanh thu tăng lên 8%. Vậy Ep của mặt hàng này bằng:

- a. -1,5
- b. Tất cả đều sai
- c. -5
- d. -0,5

Câu 4. Khi doanh nghiệp tăng sản lượng mà làm lợi nhuận giảm, điều này có thể là do:

- a. Doanh thu biên nhỏ hơn chi phí biên
- b. Doanh thu biên bằng chi phí biên
- c. Doanh thu biên lớn hơn chi phí biên

- d. Tất cả đều sai

Câu 5. Lợi nhuận kinh tế (Π) thì bằng:

- a. $(P-AC)*Q$
- b. $P.S - FC$
- c. **Cả ba câu đều đúng**
- d. $TR - TC$

Câu 6. Khi cung và cầu của cùng một sản phẩm tăng lên thì:

- a. Lượng cân bằng chắc chắn tăng, giá cân bằng không biết chắc
- b. Lượng cân bằng chắc chắn giảm, giá cân bằng không biết chắc
- c. Giá cân bằng chắc chắn tăng, lượng cân bằng thì không biết chắc
- d. Giá cân bằng và lượng cân bằng đều tăng

Câu 7. Người tiêu dùng tiêu dùng 4 sản phẩm thì có tổng hưu dụng bằng 20, tiêu dùng năm sản phẩm thì tổng hưu dụng bằng 23. Vậy hưu dụng biên của sản phẩm thứ 5 bằng:

- a. 43
- b. Tất cả đều sai
- c. 1
- d. 3**

Câu 8. Đối với đường cầu tuyến tính, khi trượt dọc xuống dưới theo đường cầu thì:

- a. Tất cả đều sai
- b. Độ co giãn của cầu theo giá không đổi, nhưng độ dốc của đường cầu thay đổi
- c. Độ co giãn của cầu theo giá và độ dốc đều thay đổi
- d. Độ co giãn của cầu theo giá thay đổi, nhưng độ dốc của đường cầu không đổi**

Câu 9. Doanh nghiệp hòa vốn khi:

- a. Tổng doanh thu bằng tổng chi phí
- b. Giá bán bằng chi phí trung bình
- c. Cả ba câu đều đúng
- d. Lợi nhuận bằng không**

Câu 10. Giá bán để tối đa hóa lợi nhuận của doanh nghiệp không nằm trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo thì bằng:

- a. $P=MC$
- b. $P=AC$
- c. $P=MR$
- d. $P=MC*(Ep/Ep+1)$**

Câu 11. Chi phí biên để sản xuất sản phẩm là 10, co giãn của cầu theo giá (Ep) của sản phẩm này bằng -3. Để tối đa hóa lợi nhuận thì giá bán sản phẩm này bằng:

- a. 10
- b. Cả ba câu đều sai
- c. 15**
- d. 30

Câu 12. Cân bằng tiêu dùng xảy ra khi;

- a. Cả ba câu đều sai
- b. $MU_x/MU_y = P_y/P_x$
- c. $MRS_{xy} = MUX/MUY$
- d. $MRS_{xy} = P_x/P_y$**

Câu 13. Chi phí biên MC là:

- a. Định phí trung bình thay đổi khi thay đổi một đơn vị sản lượng sản xuất
- b. Biên phí trung bình thay đổi khi thay đổi một đơn vị sản lượng sản xuất
- c. Biên phí thay đổi khi thay đổi một đơn vị sản lượng sản xuất**
- d. Chi phí trung bình thay đổi khi thay đổi một đơn vị sản lượng sản xuất

Câu 14. Năng suất biên (Sản phẩm biên, MP) là:

- a. Năng suất thay đổi khi thay đổi một đơn vị yếu tố sản xuất cố định
- b. Cả ba câu đều sai
- c. Sản phẩm trung bình thay đổi khi thay đổi một đơn vị yếu tố sản xuất biến đổi
- d. Sản phẩm thay đổi khi thay đổi một đơn vị yếu tố sản xuất biến đổi**

Câu 15. Hữu dụng biên MU có qui luật dương và giảm dần khi sản lượng tăng thì:

- a. Đường tổng hữu dụng sẽ dốc lên và đi qua gốc tọa độ
- b. Cả ba câu đều sai
- c. Tổng hữu dụng sẽ tăng chậm dần, đạt cực đại rồi giảm dần**
- d. Tổng hữu dụng sẽ tăng nhanh dần, chậm dần, đạt cực đại rồi giảm dần

Câu 16. Doanh nghiệp A sản xuất 97 sản phẩm có tổng phí TC=100 đơn vị tiền. Chi phí biên của sản phẩm thứ 98, 99, 100 lần lượt là 5, 10, 15. Vậy chi phí trung bình của 100 sản phẩm là:

- a. Cả ba câu đều sai
- b. 130
- c. 30
- d. 13**

Câu 17. Doanh nghiệp có các hàm số sau: $P = 5.000 - 2Q$; $TC = 3Q^2 + 500$ (P :đvt/đvq; Q :đvq) Để tối đa hóa doanh thu thì doanh nghiệp sẽ bán hàng hóa P , sản lượng Q , doanh thu TR là:

- a. $P=4.000$; $Q=5.000$; $TR=20.000.000$
- b. $P=6.000$; $Q=3.000$; $TR=18.000.000$
- c. $P=2.500$; $Q=1.250$; $TR=3.125.000$**

d. Cả ba câu đều sai

Câu 18. Doanh nghiệp có các hàm số sau: $P=5.000-2Q$; $TC=3Q^2+500$ (P:đvt/đvq; Q:đvq) Để tối đa hóa lợi nhuận thì doanh nghiệp sẽ sản xuất ở sản lượng Q, giá bán P và lợi nhuận cực đại là:

- a. $Q=2.000$; $P=6.000$; $\Pi_{\text{max}}=2.000.000$
- b. Cả ba câu đều sai
- c. $Q=500$; $P=4.000$; $\Pi_{\text{max}}=1.249.500$
- d. $Q=1.500$; $P=7.000$; $\Pi_{\text{max}}=1.550.000$

Câu 19. Doanh nghiệp có các hàm số sau: $P=5.000-2Q$; $TC=3Q^2+500$ (P:đvt/đvq; Q:đvq) Sản lượng lớn nhất mà doanh nghiệp không bị lỗ là?

- a. $Q=999,9$
- b. $Q=2.500,5$
- c. Cả ba câu đều sai
- d. $Q=1.500,5$

Câu 20. Doanh nghiệp có các hàm số sau: $P=5.000-2Q$; $TC=3Q^2+500$ (P:đvt/đvq; Q:đvq) Doanh thu hòa vốn là?

- a. $TR_{\text{hv}}=15.500.000$
- b. Cả ba câu đều sai
- c. $TR_{\text{hv}}=50.500.000$
- d. $TR_{\text{hv}}=2.999.890,98$

Câu 1. Doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn có hàm chi phí sau: $TC=5Q^3-8Q^2+20Q+500$ Hàm chi phí trung bình AC bằng:

- a. $10Q^2-8Q+20+500/Q$
- b. Cả ba câu đều sai
- c. $5Q^2-8Q+20+500/Q$
- d. $30Q^3-8Q+20+500/Q$

Câu 2. Doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn có hàm chi phí sau: $TC=5Q^3-8Q^2+20Q+500$ Hàm chi phí biên MC bằng

- a. $15Q^2-16Q+20$
- b. Cả ba câu đều sai
- c. $30Q^3-8Q+20+500/Q$
- d. $10Q^2-4Q+20$

Câu 3. Doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn có hàm chi phí sau: $TC=5Q^3-8Q^2+20Q+500$ Giá thị trường bằng bao nhiêu thì doanh nghiệp hòa vốn:

- a. Cả ba câu đều sai

- b. $P=300$
- c. $P=192,99$
- d. $P=202,55$

**Câu 4. Doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn có hàm chi phí sau:
 $TC=5Q^3-8Q^2+20Q+500$ Nếu giá thị trường Pe bằng 500 thì sản lượng tối ưu để lợi nhuận cực đại là:**

- a. Cả ba câu đều sai
- b. $\bar{P}=1.000$
- c. $\bar{P}=2.221,68$
- d. $\bar{P}=2.500$

**Câu 5. Doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn có hàm chi phí sau:
 $TC=5Q^3-8Q^2+20Q+500$ Nếu giá thị trường Pe bằng 500 thì sản lượng tối ưu để lợi nhuận cực đại là:**

- a. $Q=10,15$
- b. $Q=20,15$
- c. $Q=6,22$
- d. Cả ba câu đều sai

**Câu 6. Doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn có hàm chi phí sau:
 $TC=5Q^3-8Q^2+20Q+500$ Giá thị trường bằng bao nhiêu thì doanh nghiệp ngừng kinh doanh:**

- a. 26,67
- b. $16,8$
- c. Cả ba câu đều sai
- d. 30

**Câu 7. Doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn có hàm chi phí sau:
 $TC=5Q^3-8Q^2+20Q+500$ Doanh nghiệp theo đuổi mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận nhưng bị hòa vốn, khi ấy sản lượng hòa vốn bằng:**

- a. $Q=15,25$
- b. $Q=20,50$
- c. $Q=3,97$
- d. Cả ba câu đều sai

Câu 8. Trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn, để lợi nhuận tối đa doanh nghiệp cung ứng tại mức sản lượng có:

- a. $MR=P$
- b. Chi phí thấp nhất
- c. Chi phí bình quân thấp nhất
- d. $P=MC$

Câu 9. Trong thị trường độc quyền, chính phủ qui định giá trần, trực tiếp sẽ có lợi cho:

- a. Người tiêu dùng
- b. Người tiêu dùng và doanh nghiệp
- c. Chính phủ
- d. Người tiêu dùng và chính phủ

Câu 10. Hàm sản xuất nào dưới đây thể hiện năng suất không đổi theo qui mô:

- a. $K^{0.6}L^{0.4}$
- b. $(1/2)K^{0.6}L^{0.4}$
- c. $2K^{0.5}L^{0.5}$
- d. Cả ba câu đều đúng

Câu 11. Trong thị trường độc quyền hoàn toàn câu nào sau đây chưa thể kết luận:

- a. Doanh nghiệp kinh doanh thì luôn luôn có lợi nhuận
- b. TR max khi MR=0
- c. Để có π_{max} doanh nghiệp luôn sản xuất tại Q có $/Ep > 1$
- d. Đường MC luôn cắt AC tại ACmin

Câu 12. Trong thị trường độc quyền hoàn toàn với hàm số cầu $P = - (1/10)*Q + 20$. Doanh nghiệp đang bán giá $P = 14$ (đvtt/sp) để thu lợi nhuận tối đa. Nếu chính phủ qui định giá trị tối đa (giá trần) $P_t = 12$. Vậy thay đổi thặng dư người tiêu dùng là:

- a. -140
- b. +120
- c. +140
- d. Cả ba câu đều sai

Câu 13. Năng suất biên của công nhân thứ 1,2,3 lần lượt là 6,7,8. Tổng sản phẩm của 3 công nhân là:

- a. 63
- b. Cả ba câu đều sai
- c. 7
- d. 21

Câu 14. Một người mua 10 sản phẩm X và 20 sản phẩm Y; $P_x = 20$ đ/sp; $P_y = 10$ đ/sp. Để hữu dụng cực đại cá nhân này nên:

- a. Tăng lượng X, giảm lượng Y
- b. Tăng lượng X, lượng Y giữ nguyên
- c. Giảm lượng X, tăng lượng Y
- d. Không thay đổi X và Y

Câu 15. Người tiêu dùng với thu nhập là 51đ, chi tiêu cho 2 sản phẩm A và B, với $PA = PB$ đ/sản phẩm, sở thích của người tiêu dùng này được thể hiện bằng hàm $TU = A^* (B - 1)$. Vậy lựa chọn tiêu dùng tối ưu là:

- a. $A=25; B=26$
- b. $B=26; A=25$
- c. Cả ba câu đều sai
- d. $A=25,5; B=25,5$
- e. **Cả A và B**

Câu 16. Thị trường độc quyền hoàn toàn với đường cầu $P = (-1/10)*Q + 2000$, để đạt lợi nhuận tối đa doanh nghiệp cung ứng tại mức sản lượng:

- a. $Q > 10.000$
- b. Cả ba câu đều sai
- c. $Q = 20.000$
- d. **$Q < 10.000$**

Câu 17. Doanh nghiệp trong thị trường độc quyền hoàn toàn có $MR = (-1/10)*Q + 1000$; $MC = (1/10)*Q + 400$. Nếu chính phủ qui định mức giá buộc doanh nghiệp phải gia tăng sản lượng cao nhất, Vậy mức giá đó là:

- a. $P = 600$
- b. **$P = 700$**
- c. Cả ba câu đều sai
- d. $P = 400$

Câu 18. Tổng chi phí của 10 hàng hóa là 100, chi phí cố định của xí nghiệp là 40đ. Nếu chi phí tăng thêm để sản xuất thêm sản phẩm thứ 11 là 12đ. Ta có thể nói:

- a. AC của 11 sản phẩm là 12đ
- b. VC của 11 sản phẩm là 1
- c. **VC của 11 sản phẩm là 72đ**
- d. D TC của 11 sản phẩm là 110đ

Câu 19. Trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn, câu nào sau đây là đúng:

- a. Độ dốc của đường tổng doanh thu chính là doanh thu biên
- b. Doanh thu thu thêm khi bán thêm một sản phẩm chính là giá bán
- c. Tổng doanh thu gia tăng khi gia tăng bán thêm 1 sản phẩm mới chính là doanh thu biên.
- d. **Cả ba câu đều đúng**

Câu 20. Doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn theo dõi mục tiêu π_{max} phải đóng cửa khi:

- a. Giá bán chỉ đủ bù chi phí biến đổi bình quân bé nhất
- b. Giá bán chỉ đủ bù chi phí tăng thêm khi bán thêm 1 sản phẩm

- c. Giá bán chỉ bằng chi phí bình quân thấp nhất
- d. Giá bán làm cho doanh nghiệp bị lỗ

Câu 1. Khi đường đẳng phí dịch chuyển song song sang phải, điều này có nghĩa là:

- a. Cả ba câu đều sai
- b. **B Tổng phí tăng, người sản xuất mua được số lượng đầu vào tăng khi giá các yếu tố đầu vào không đổi**
- c. Giá một yếu tố sản xuất giảm, lượng đầu vào tăng
- d. Tổng phí tăng, người sản xuất mua được số lượng đầu vào tăng

Câu 2. Doanh nghiệp trong thị trường độc quyền hoàn toàn với hàm số cầu $P=(-1/10)*Q+30$. Tìm P để doanh thu cực đại:

- a. **P=15**
- b. P=20
- c. Cả ba câu đều sai
- d. P=25

Câu 3. Hàng hóa X với đường cầu song song với trực giá P, đường cung thì dốc lên. Giá cân bằng hàng hóa X là $P=10$, chính phủ đánh thuế 50% so với giá hàng hóa X cho mỗi đơn vị sản phẩm. Điểm cân bằng hàng hóa X sau thuế sẽ:

- a. Tất cả đều sai
- b. $P=10$; Q không đổi
- c. $P=15$; Q giảm
- d. **P=15; Q không đổi**

Câu 4. Trong thị trường độc quyền hoàn toàn, chính phủ đánh thuế không theo sản lượng sẽ ảnh hưởng:

- a. Sản lượng giảm
- b. **Cả ba câu đều sai**
- c. Thuế người tiêu dùng và người sản xuất cùng gánh
- d. Giá tăng

Câu 5. Hàm cung cầu trước khi có thuế là $Qd_1 = 6000 - 2P$; $Qs_1 = 3P - 500$; (P: đơn vị tiền/dơn vị lượng; Q: đơn vị lượng). Chính phủ đánh thuế 50 đơn vị tiền/ đơn vị lượng vào hàng hóa này Giá cân bằng Pe2 sau khi có thuế là:

- a. 1.250
- b. **1.330**
- c. 1.500
- d. Cả ba câu đều sai

Câu 6. Hàm cung cầu trước khi có thuế là $Qd_1 = 6000 - 2P$; $Qs_1 = 3P - 500$; (P: đơn vị tiền/dơn vị lượng; Q: đơn vị lượng). Chính phủ đánh thuế 50 đơn vị tiền/ đơn vị

lượng vào hàng hóa này Mức thuế mà người sản xuất phải chịu trên mỗi đơn vị lượng là:

- a. Cả ba câu đều sai
- b. 20**
- c. 50
- d. 30

Câu 7. Hàm cung cầu trước khi có thuế là $Qd1 = 6000 - 2P$; $Qs1 = 3P - 500$; (P: đơn vị tiền/dơn vị lượng; Q: đơn vị lượng). Chính phủ đánh thuế 50 đơn vị tiền/ đơn vị lượng vào hàng hóa này Mức thuế mà người tiêu dùng phải chịu trên mỗi đơn vị lượng là:

- a. 25
- b. Cả ba câu đều sai
- c. 50
- d. 30**

Câu 8. Hàm cung cầu trước khi có thuế là $Qd1 = 6000 - 2P$; $Qs1 = 3P - 500$; (P: đơn vị tiền/dơn vị lượng; Q: đơn vị lượng). Chính phủ đánh thuế 50 đơn vị tiền/ đơn vị lượng vào hàng hóa này Lượng cân bằng $Qe2$ sau khi có thuế là:

- a. Cả ba câu đều sai
- b. 2.640
- c. 2.450
- d. 3.340**

Câu 9. Hàm cung cầu trước khi có thuế là $Qd1 = 6000 - 2P$; $Qs1 = 3P - 500$; (P: đơn vị tiền/dơn vị lượng; Q: đơn vị lượng). Chính phủ đánh thuế 50 đơn vị tiền/ đơn vị lượng vào hàng hóa này Giá cân bằng $Pe1$ trước khi có thuế là:

- a. Cả ba câu đều sai
- b. 1.300**
- c. 1.000
- d. 800

Câu 10. Hàm cung cầu trước khi có thuế là $Qd1 = 6000 - 2P$; $Qs1 = 3P - 500$; (P: đơn vị tiền/dơn vị lượng; Q: đơn vị lượng). Chính phủ đánh thuế 50 đơn vị tiền/ đơn vị lượng vào hàng hóa này Tổng thuế chính phủ thu được là:

- a. 167.000**
- b. Cả ba câu đều sai
- c. 150.000
- d. 240.000

Câu 11. Hàm cung cầu trước khi có thuế là $Q_d = 6000 - 2P$; $Q_s = 3P - 500$; (P : đơn vị tiền/dơn vị lượng; Q : đơn vị lượng). Chính phủ đánh thuế 50 đơn vị tiền/ đơn vị lượng vào hàng hóa này Lượng cân bằng Q_e trước khi có thuế là:

- a. 1.400
- b. Cả ba câu đều sai
- c. 3.500
- d. 3.400

Câu 12. Hàm cung cầu trước khi có thuế là $Q_d = 6000 - 2P$; $Q_s = 3P - 500$; (P : đơn vị tiền/dơn vị lượng; Q : đơn vị lượng). Chính phủ đánh thuế 50 đơn vị tiền/ đơn vị lượng vào hàng hóa này Tốn thất kinh tế do thuế tạo ra là:

- a. 3000
- b. 1500
- c. 2500
- d. Cả ba câu đều sai

Câu 13. Hàm sản xuất có dạng $Q = 4L^{0,6} K^{0,8}$; $Pl = 2$; $Pk = 4$; $TC = 5000$ Hàm sản xuất này có dạng

- a. Năng suất tăng dần theo qui mô
- b. Năng suất giảm dần theo qui mô
- c. Năng suất không đổi theo qui mô
- d. Không thể biết được

Câu 14. Hàm sản xuất có dạng $Q = 4L^{0,6} K^{0,8}$; $Pl = 2$; $Pk = 4$; $TC = 5000$ Để kết hợp sản xuất tối ưu thì lao động L bằng:

- a. Cả ba đều sai
- b. 1071,4
- c. 1100
- d. 1412

Câu 15. Hàm sản xuất có dạng $Q = 4L^{0,6} K^{0,8}$; $Pl = 2$; $Pk = 4$; $TC = 5000$

- a. 2500
- b. 714,3
- c. Cả ba đều sai
- d. 1190

Câu 16. Hàm sản xuất có dạng $Q = 4L^{0,6} K^{0,8}$; $Pl = 2$; $Pk = 4$; $TC = 5000$

- a. 50.481,3
- b. 25.000
- c. 8.6050
- d. Cả ba câu đều sai

Câu 17. Hàm sản xuất có dạng $Q=4L^{0,6} K^{0,8}$; $P_l=2$; $P_k=4$; $TC=5000$

- a. Nếu tăng lên 14% về chi phí sản xuất thì sản lượng sẽ tăng lên 10%
- b. Nếu tăng lên 10% về chi phí sản xuất thì sản lượng sẽ tăng lên 14%
- c. Cả ba câu đều sai
- d. Nếu tăng lên 10% về chi phí sản xuất thì sản lượng sẽ tăng lên 14%
- e. **Cả A và B**

Câu 18. Hàm sản xuất có dạng $Q=4L^{0,6} K^{0,8}$; $P_l=2$; $P_k=4$; $Q_{max}=20.000$ Kết hợp sản xuất tối ưu thì lao động L bằng:

- a. **4502,6**
- b. 2500
- c. 4550
- d. Cả ba câu đều sai

Câu 19. Hàm sản xuất có dạng $Q=4L^{0,6} K^{0,8}$; $P_l=2$; $P_k=4$; $Q_{max}=20.000$ Kết hợp sản xuất tối ưu thì vốn K bằng:

- a. 455
- b. **553**
- c. 300
- d. Cả ba câu đều sai

Câu 20. Hàm sản xuất có dạng $Q=4L^{0,6} K^{0,8}$; $P_l=2$; $P_k=4$; $Q_{max}=20.000$ Kết hợp sản xuất tối ưu thì chi phí sản xuất tối thiểu TCmin bằng:

- a. 3.000
- b. **2.441,72**
- c. 1.200,5
- d. Cả ba câu đều sai

Câu 1. Khái niệm nào sau đây không thể lí giải bằng đường giới hạn khả năng sản xuất (PPF)

- a. **Cung cầu.**
- b. Sự khan hiếm.
- c. Quy luật chi phí cơ hội tăng dần.
- d. Chi phí cơ hội

Câu 2. Chính phủ các nước hiện nay có các giải pháp kinh tế khác nhau trước tình hình suy thoái kinh tế hiện nay, vấn đề này thuộc về

- a. Kinh tế vi mô, chuẩn tắc
- b. **Kinh tế vĩ mô, thực chứng**
- c. Kinh tế vĩ mô, chuẩn tắc
- d. Kinh tế vi mô, thực chứng

Câu 3. Qui luật nào sau đây quyết định dạng của đường giới hạn khả năng sản xuất?

- a. Qui luật **năng suất biên giảm dần**
- b. Qui luật cung
- c. Qui luật cầu
- d. Qui luật cung - cầu

Câu 4. Các hệ thống kinh tế giải quyết các vấn đề cơ bản :sản xuất cái gì? số lượng bao nhiêu? sản xuất như thế nào? sản xuất cho ai? xuất phát từ đặc điểm:

- a. Nguồn cung của nền kinh tế.
- b. Đặc điểm tự nhiên
- c. **Tài nguyên có giới hạn.**
- d. Nhu cầu của xã hội

Câu 5. Doanh nghiệp trong ngành cạnh tranh độc quyền, cạnh tranh với nhau bằng việc:

- a. **Bán ra các sản phẩm riêng biệt, nhưng có thể thay thế nhau**
- b. Bán ra sản phẩm hoàn toàn không có sản phẩm khác thay thế được
- c. Bán ra các sản phẩm có thể thay thế nhau một cách hoàn toàn
- d. Cả ba câu đều sai

Câu 6. Đường cầu của doanh nghiệp trong ngành cạnh tranh độc quyền:

- a. Là đường cầu dốc xuống từ trái sang phải
- b. Là đường cầu thẳng đứng song song trực giá
- c. Là đường cầu của toàn bộ thị trường
- d. Là đường cầu nằm ngang song song trực sản

Câu 7. Trong “mô hình đường cầu gãy” (The kinked demand curve model), tại điểm gãy của đường cầu, khi doanh nghiệp có chi phí biên MC thay đổi thì:

- a. Giá P tăng, sản lượng Q giảm
- b. Giá P tăng, sản lượng Q không đổi
- c. Giá P không đổi, sản lượng Q giảm
- d. **Giá P và sản lượng Q không đổi**

Câu 8. Trong “mô hình đường cầu gãy” (The kinked demand curve model) khi một doanh nghiệp giảm giá thì các doanh nghiệp còn lại sẽ:

- a. Giảm giá
- b. Không thay đổi giá
- c. Không biết được
- d. Tăng giá

Câu 9. Hiện nay chiến lược cạnh tranh chủ yếu của các xí nghiệp độc quyền nhóm là:

- a. Cạnh tranh về quảng cáo và các dịch vụ hậu mãi
- b. Cạnh tranh về sản lượng
- c. Cạnh tranh về giá cả
- d. Các câu trên đều sai

Câu 10. Đặc điểm cơ bản của ngành cạnh tranh độc quyền là:

- a. Mỗi doanh nghiệp chỉ có khả năng hạn chế ảnh hưởng tới giá cả sản phẩm của mình
- b. Có nhiều doanh nghiệp sản xuất ra những sản phẩm có thể dễ thay thế cho nhau
- c. Cả hai câu đều sai
- d. Cả hai câu đều đúng

Câu 11. Hàm số cầu & hàm số cung sản phẩm X lần lượt là : $P = 70 - 2Q$; $P = 10 + 4Q$.

Thặng dư của người tiêu thụ (CS) & thặng dư của nhà sản xuất (PS) là :

- a. CS = 150 & PS = 200
- b. CS = 100 & PS = 200
- c. CS = 200 & PS = 100
- d. CS = 150 & PS = 150

Câu 12. Giá sử sản phẩm X có hàm số cung và cầu như sau: $Q_d = 180 - 3P$, $Q_s = 30 + 2P$, nếu chính phủ đánh thuế vào sản phẩm làm cho lượng cân bằng giảm xuống còn 78 , thì số tiền thuế chính phủ đánh vào sản phẩm là?

- a. 10
- b. 3
- c. 12
- d. 5

Câu 13. Chính phủ đánh thuế mặt hàng bia chai là 500đ/ chai đã làm cho giá tăng từ 2500đ / chai lên 2700 đ/ chai. Vậy mặt hàng trên có cầu co giãn:

- a. Nhiều.
- b. Ít
- c. Co giãn hoàn toàn.
- d. Hoàn toàn không co giãn.

Câu 14. Một sản phẩm có hàm số cầu thị trường và hàm số cung thị trường lần lượt $Q_d = -2P + 200$ và $Q_s = 2P - 40$. Nếu chính phủ tăng thuế là 10\$/sản phẩm, tổn thất vô ích (hay lượng tích động số mất hay thiệt hại mà xã hội phải chịu) do việc đánh thuế của chính phủ trên sản phẩm này là:

- a. P = 40\$
- b. P = 60\$
- c. P = 70\$

d. $P = 50\$$

Câu 15. Mặt hàng X có độ co giãn cầu theo giá là $Ed = -2$, khi giá của X tăng lên trong điều kiện các yếu tố khác không đổi ,thì lượng cầu của mặt hàng Y sẽ

- a. Tăng lên.
- b. Giảm xuống
- c. Không thay đổi
- d. Các câu trên đều sai

Câu 16. Khi giá của Y tăng làm cho lượng cầu của X giảm trong điều kiện các yếu tố khác không đổi. Vậy 2 sản phẩm X và Y có mối quan hệ:

- a. Thay thế cho nhau.
- b. Độc lập với nhau.
- c. Bổ sung cho nhau.
- d. Các câu trên đều sai.

Câu 17. Gia sử hàm số cầu thị trường của một loại nông sản: $Q_d = -2P + 80$, và lượng cung nông sản trong mùa vụ là 50 sp.Nếu chính phủ trợ cấp cho người sản xuất là 2 đvt/sp thì tổng doanh thu của họ trong mùa vụ này là:

- a. 850
- b. 950
- c. 750
- d. Không có câu nào đúng

Câu 18. Hàm số cầu cà phê vùng Tây nguyên hằng năm được xác định là : $Q_d = 480.000 - 0,1P$. [đvt : $P(\$/tấn)$, $Q(\text{tấn})$]. Sản lượng cà phê năm trước $Q_s1 = 270\,000$ tấn. Sản lượng cà phê năm nay $Q_s2 = 280\,000$ tấn. Giá cà phê năm trước (P_1) & năm nay (P_2) trên thị trường là :

- a. $P_1 = 2\,100\,000$ & $P_2 = 2\,000\,000$
- b. $P_1 = 2\,100\,000$ & $P_2 = 1\,950\,000$
- c. $P_1 = 2\,000\,000$ & $P_2 = 2\,100\,000$
- d. Các câu kia đều sai

Câu 19. Trong thị trường độc quyền hoàn toàn, chính phủ đánh thuế không theo sản lượng sẽ ảnh hưởng:

- a. Người tiêu dùng và người sản xuất cùng gánh
- b. P tăng
- c. Q giảm
- d. Tất cả các câu trên đều sai.

Câu 20. Thị trường độc quyền hoàn toàn với đường cầu $P = -Q/10 + 2000$, để đạt lợi nhuận tối đa doanh nghiệp cung ứng tại mức sản lượng:

- a. $Q < 10.000$

- b. Q với điều kiện $MP = MC = P$
- c. $Q = 20.000$
- d. $Q = 10.000$

Câu 1. Giải pháp can thiệp nào của Chính phủ đối với doanh nghiệp trong thị trường độc quyền hoàn toàn buộc doanh nghiệp phải gia tăng sản lượng cao nhất :

- a. Đánh thuế không theo sản lượng.
- b. Quy định giá trần bằng với giao điểm giữa đường cầu và đường MC.**
- c. Đánh thuế theo sản lượng.
- d. Quy định giá trần bằng với MR.

Câu 2. Một doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn có hàm chi phí biên $MC = Q$, bán hàng trên hai thị trường có hàm số cầu như sau: $P_1 = -Q/10 + 120$, $P_2 = -Q/10 + 180$. Nếu doanh nghiệp phân biệt giá trên hai thị trường thì giá thích hợp trên hai thị trường là:

- a. 109,09 và 163,63
- b. 136,37 và 165
- c. 110 và 165**
- d. Các câu trên đều sai

Câu 3. Một doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn có hàm số cầu thị trường có dạng: $P = -Q + 2400$. Ở mức sản lượng tối đa hóa lợi nhuận có hệ số co giãn của cầu theo giá là -3, chi phí biên là 10. Vậy giá bán ở mức sản lượng tối đa hóa lợi nhuận:

- a. 10
- b. 15**
- c. 20
- d. Các câu trên đều sai

Câu 4. Một doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn có hàm chi phí: $TC = Q^2 - 5Q + 100$, hàm số cầu thị trường có dạng: $P = -2Q + 55$. Ở mức sản lượng 13,75 sp thì doanh nghiệp :

- a. Tối đa hóa sản lượng mà không bị lỗ.
- b. Tối đa hóa doanh thu.**
- c. Tối đa hóa lợi nhuận
- d. Các câu trên đều sai.

Câu 5. Trong ngắn hạn của thị trường độc quyền hoàn toàn, câu nào sau đây chưa thể khẳng định:

- a. Doanh thu cực đại khi $MR = 0$
- b. Để có lợi nhuận tối đa luôn cung ứng tại mức sản lượng có cầu co giãn nhiều
- c. Doanh nghiệp kinh doanh luôn có lợi nhuận.**
- d. Đường MC luôn luôn cắt AC tại AC min

Câu 6. Doanh nghiệp độc quyền bán phân chia khách hàng thành 2 nhóm, cho biết phương trình đường cầu của 2 nhóm này lần lượt là: $Q_1 = 100 - (2/3)P_1$; $Q_2 = 160 - (4/3)P_2$; tổng chi phí sản xuất của doanh nghiệp độc quyền $TC = 30Q + 100$. Để đạt mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận, và không thực hiện chính sách phân biệt giá, thì mức giá và sản lượng (P và Q) chung trên 2 thị trường lúc này là:

- a. $P = 75$; $Q = 60$
- b. $P = 80$; $Q = 100$
- c. $P = 90$; $Q = 40$
- d. tất cả đều sai.

Câu 7. Tỷ lệ thay thế biên giữa 2 sản phẩm X và Y (MRS_{XY}) thể hiện:

- a. **Tỷ lệ đánh đổi giữa 2 sản phẩm trong tiêu dùng khi tổng hữu dụng không đổi**
- b. Tỷ lệ đánh đổi giữa 2 sản phẩm trên thị trường
- c. Tỷ giá giữa 2 sản phẩm
- d. Độ dốc của đường ngân sách

Câu 8. Đường đẳng ích biểu thị tất cả những phối hợp tiêu dùng giữa hai loại sản phẩm mà người tiêu dùng:

- a. Đạt được mức hữu dụng như nhau
- b. Đạt được mức hữu dụng giảm dần
- c. Đạt được mức hữu dụng tăng dần
- d. Sử dụng hết số tiền mà mình có

Câu 9. Giả sử người tiêu dùng dành hết thu nhập I để mua 2 loại hàng hoá X, Y với đơn giá là P_X , P_Y và số lượng là x , y và đạt được lợi ích tối đa có:

- a. $MUX/P_X = MUY/P_Y$
- b. $MRS_{XY} = P_X/P_Y$
- c. $MUX/ MUY = P_X/P_Y$
- d. **Các câu trên đều đúng**

Câu 10. Trong giới hạn ngân sách và sở thích, để tối đa hóa hữu dụng người tiêu thụ mua số lượng sản phẩm theo nguyên tắc:

- a. Hữu dụng biên của các sản phẩm phải bằng nhau.
- b. Số tiền chi tiêu cho các sản phẩm phải bằng nhau.
- c. **Hữu dụng biên trên mỗi đơn vị tiền của các sản phẩm phải bằng nhau.**
- d. Ưu tiên mua các sản phẩm có mức giá rẻ hơn.

Câu 11. Nếu Lộc mua 10 sản phẩm X và 20 sản phẩm Y, với giá $P_X = 100\$/SP$; $P_Y = 200\$/SP$. Hữu dụng biên của chúng là $MUX = 20\text{đvhđ}$; $MUY = 50\text{đvhđ}$. Để đạt tổng hữu dụng tối đa Lộc nên:

- a. **Tăng lượng Y, giảm lượng X**
- b. Giữ nguyên lượng X, giảm lượng Y

- c. Giữ nguyên số lượng hai sản phẩm
- d. Tăng lượng X, giảm lượng Y

Câu 12. X và Y là hai mặt hàng thay thế hoàn toàn và tỷ lệ thay thế biên $MRS_{XY} = -\Delta Y/\Delta X = -2$. Nếu $P_x = 3P_y$ thì rõ hàng người tiêu dùng mua:

- a. Chỉ có hàng X
- b. Có cả X và Y
- c. **Chỉ có hàng Y**
- d. Các câu trên đều sai.

Câu 13. Tỷ lệ thay thế biên của 2 sản phẩm X và Y giảm dần, điều đó chứng tỏ rằng đường cong bàng quan (đangkan) của 2 sản phẩm có dạng

- a. Là đường thẳng dốc xuống dưới từ trái sang phải.
- b. **Mặt lồi hướng về gốc tọa độ.**
- c. Mặt lõm hướng về gốc tọa độ
- d. Không có câu nào đúng

Câu 14. Một người tiêu thụ dành một số tiền là 2 triệu đồng / tháng để chi tiêu cho 2 sản phẩm X và Y với giá của X là 20000 đồng và của Y là 50000. đường ngân sách của người này là:

- a. $X = 5Y / 2 + 100$
- b. $Y = 2X / 5 + 40$
- c. **Cả a và b đều sai.**
- d. Cả a và b đều đúng.

Câu 15. Một doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn có hàm tổng chi phí dài hạn: $LTC = Q^2 + 64$, mức giá cân bằng dài hạn:

- a. 8
- b. **16**
- c. 64
- d. 32

Câu 16. Cho biết số liệu về chi phí sản xuất của một doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn như sau. Điểm hòa vốn và điểm đóng cửa sản xuất của doanh nghiệp là những điểm tương ứng với các mức sản lượng: Q: 0 10 12 14 16 18 20 TC: 80 115 130 146 168 200 250

- a. **$Q = 10$ và $Q = 14$**
- b. $Q = 10$ và $Q = 12$
- c. $Q = 12$ và $Q = 14$
- d. Không có câu nào đúng

Câu 17. Một doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn có hàm tổng chi phí: $TC = Q^2 + 300Q + 100.000$, Nếu giá thị trường là 1100 thì thặng dư sản xuất của doanh nghiệp:

- a. 160.000
- b. 320.000
- c. 400.000
- d. Các câu trên đều sai

Câu 18. Đối với doanh nghiệp, khi tăng sản lượng tổng lợi nhuận bị giảm, cho biết:

- a. Doanh thu biên lớn hơn chi phí biên.
- b. Doanh thu biên bằng chi phí biên.
- c. Doanh thu biên nhỏ hơn chi phí biên.
- d. Các câu trên đều sai.

Câu 19. Thị trường cạnh tranh hoàn toàn có 200 doanh nghiệp, mỗi doanh nghiệp có hàm chi phí sản xuất ngắn hạn: $TC = 10q^2 + 10q + 450$. Vật hàm cung ngắn hạn của thị trường:

- a. $P = 2000 + 4.000 Q$
- b. $Q = 100 P - 10$
- c. $P = (Q/10) + 10$
- d. Không có câu nào đúng

Câu 20. Đường cung ngắn hạn của doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn là:

- a. Phần đường SMC từ AVC min trở lên.
- b. Phần đường SMC từ AC min trở lên
- c. Là nhánh bên phải của đường SMC.
- d. Các câu trên đều sai.

Câu 1. Đường cung của ngành cạnh tranh hoàn toàn trong dài hạn co giãn nhiều hơn trong ngắn hạn là do:

- a. Sự gia nhập và rời khỏi ngành của các xí nghiệp.
- b. Các xí nghiệp trong ngành tăng giảm sản lượng bằng cách thay đổi số lượng các yếu tố sản xuất sử dụng
- c. Cả a và b đều đúng
- d. Cả a và b đều sai

Câu 2. Trong dài hạn của thị trường cạnh tranh hoàn toàn, khi các xí nghiệp gia nhập hoặc rời bỏ ngành sẽ dẫn đến tác động

- a. Giá cả sản phẩm trên thị trường thay đổi
- b. Chi phí sản xuất của xí nghiệp sẽ thay đổi
- c. Cả a và b đều sai

d. Cả a và b đều đúng

Câu 3. Năng suất trung bình của 2 người lao động là 20, năng suất biên của người lao động thứ 3 là 17, vậy năng suất trung bình của 3 người lao động là:

- a. 12,33
- b. 18,5
- c. 19
- d. 14

Câu 4. Hàm tổng chi phí sản xuất của một doanh nghiệp như sau: $TC = Q^2 + 40Q + 10.000$, chi phí trung bình ở mức sản lượng 1000 sp là:

- a. 1050
- b. 2040
- c. 1.040
- d. Các câu trên đều sai.

Câu 5. Sản lượng tối ưu của 1 quy mô sản xuất có hiệu quả là sản lượng có:

- a. AFC nin
- b. AVC min
- c. MC min
- d. Các câu trên sai

Câu 6. Cho hàm sản xuất $Q = aX - bX^2$ với X là yếu tố sản xuất biến đổi.

- a. Đường MPx dốc hơn đường APx
- b. Đường APx dốc hơn đường MPx
- c. Đường MPx có dạng parabol
- d. Đường APx có dạng parabol

Câu 7. Độ dốc của đường đẳng lượng là:

- a. Tỷ số năng suất biên của 2 yếu tố sản xuất
- b. Tỷ lệ thay thế kỹ thuật biên của 2 yếu tố sản xuất
- c. Cả a và b đều sai.
- d. Cả a và b đều đúng

Câu 8. Qui luật năng suất biên giảm dần là cách giải thích tốt nhất cho hình dạng của đường:

- a. Chi phí trung bình dài hạn
- b. Chi phí biên ngắn hạn và dài hạn
- c. Chi phí trung bình ngắn hạn
- d. Tất cả các câu trên đều sai

Câu 9. Hàm sản xuất của một doanh nghiệp có dạng $Q = (L + 5K)^{1/2}$. Trong dài hạn, nếu chủ doanh nghiệp sử dụng các yếu tố đầu vào gấp đôi thì sản lượng Q sẽ:

- a. Chưa đủ thông tin để kết luận
- b. Tăng lên đúng 2 lần
- c. Tăng lên nhiều hơn 2 lần
- d. Tăng lên ít hơn 2 lần**

Câu 10. Nếu đường đẳng lượng là đường thẳng thì :

- a. Tỷ lệ thay thế kỹ thuật biên của 2 yếu tố sản xuất không đổi**
- b. Năng suất biên của các yếu tố sản xuất bằng nhau.
- c. Tỷ số giá cả của các yếu sản xuất không đổi.
- d. Chỉ có một cách kết hợp các yếu tố đầu vào.

Câu 11. Một doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn có hàm chi phí: $TC = Q^2 - 5Q + 100$, hàm số cầu thị trường có dạng: $P = -2Q + 55$. Ở mức sản lượng 13,75 sp thì doanh nghiệp :

- a. Tối đa hóa doanh thu.**
- b. Tối đa hóa sản lượng mà không bị lỗ.
- c. Tối đa hóa lợi nhuận
- d. Các câu trên đều sai.

Câu 12. Doanh nghiệp độc quyền bán phân chia khách hàng thành 2 nhóm, cho biết phương trình đường cầu của 2 nhóm này lần lượt là: $Q_1 = 100 - (2/3)P_1$; $Q_2 = 160 - (4/3)P_2$; tổng chi phí sản xuất của doanh nghiệp độc quyền $TC = 30Q + 100$. Để đạt mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận, và không thực hiện chính sách phân biệt giá, thì mức giá và sản lượng (P và Q) chung trên 2 thị trường lúc này là:

- a. $P = 75$; $Q = 60$
- b. $P = 90$; $Q = 40$
- c. $P = 80$; $Q = 100$**
- d. Tất cả đều sai.

Câu 13. Trong thị trường độc quyền hoàn toàn, mức sản lượng tối đa hóa lợi nhuận nằm ở phần đường cầu

- a. Không co giãn
- b. Co giãn ít
- c. Co giãn đơn vị
- d. Co giãn nhiều**

Câu 14. Trong ngắn hạn của thị trường độc quyền hoàn toàn, câu nào sau đây chưa thể khẳng định:

- a. Đường MC luôn luôn cắt AC tại AC min
- b. Để có lợi nhuận tối đa luôn cung ứng tại mức sản lượng có cầu co giãn nhiều
- c. Doanh nghiệp kinh doanh luôn có lợi nhuận.**
- d. Doanh thu cực đại khi $MR = 0$

Câu 15. Giải pháp can thiệp nào của Chính phủ đối với doanh nghiệp trong thị trường độc quyền hoàn toàn buộc doanh nghiệp phải gia tăng sản lượng cao nhất

- a. Dánh thuế theo sản lượng.
- b. Quy định giá trần bằng với MR.
- c. Dánh thuế không theo sản lượng.
- d. Quy định giá trần bằng với giao điểm giữa đường cầu và đường MC.**

Câu 16. Phát biểu nào sau đây không đúng:

- a. Hệ số góc của đường doanh thu biên gấp đôi hệ số góc của đường cầu
- b. Chính phủ đánh thuế lợi tức đối với doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn sẽ làm cho giá và sản lượng không đổi
- c. Đường tổng doanh thu của độc quyền hoàn toàn là một hàm bậc 2
- d. Mức sản lượng tối đa hóa lợi nhuận của doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn tại đó $P = MC$**

Câu 17. Một doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn có hàm chi phí: $TC = Q^2/10 + 400Q + 3.000.000$, hàm số cầu thị trường có dạng: $P = -Q/20 + 2200$. Nếu chính phủ đánh thuế là 150đ/sp thì lợi nhuận tối đa của doanh nghiệp này đạt được là :

- a. 1.537.500**
- b. 2.400.000
- c. 2.362.500
- d. Các câu trên đều sai.

Câu 18. Một doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn có hàm số cầu thị trường có dạng: $P = -Q + 2400$. Ở mức sản lượng tối đa hóa lợi nhuận có hệ số co giãn của cầu theo giá là -3, chi phí biên là 10. Vậy giá bán ở mức sản lượng tối đa hóa lợi nhuận:

- a. 20
- b. 10
- c. 15**
- d. Các câu trên đều sai

Câu 19. Tỷ lệ thay thế biên giữa 2 sản phẩm X và Y (MRS_{xy}) thể hiện:

- a. Tỷ lệ đánh đổi giữa 2 sản phẩm trên thị trường
- b. Độ dốc của đường ngân sách
- c. Tỷ giá giữa 2 sản phẩm
- d. Tỷ lệ đánh đổi giữa 2 sản phẩm trong tiêu dùng khi tổng hữu dụng không đổi**

Câu 20. Trên hệ trục 2 chiều thông thường, số lượng mặt hàng X biểu diễn ở trục hoành, số lượng mặt hàng Y biểu diễn ở trục tung. Khi thu nhập thay đổi, các yếu tố khác không đổi, đường thu nhập-tiêu dùng là một đường dốc lên, ta có thể kết luận gì về hai hàng hóa này đối với người tiêu dùng:

- a. X là hàng hóa thông thường, Y là hàng hóa cấp thấp.

- b. X và Y đều là hàng hoá thông thường.
- c. X và Y đều là hàng hoá cấp thấp.
- d. X là hàng hoá cấp thấp, Y là hàng hoá thông thường.

Câu 1. Đối với sản phẩm cấp thấp, tác động thay thế và tác động thu nhập:

- a. Có thể cùng chiều hay ngược chiều
- b. Ngược chiều nhau**
- c. Cùng chiều với nhau
- d. Các câu trên đều sai

Câu 2. Tỷ lệ thay thế biên giữa hai mặt hàng X và Y được thể hiện là:

- a. Độ dốc của đường đẳng ích**
- b. Tỷ lệ giá cả của hai loại hàng hóa X và Y
- c. Độ dốc của đường tổng hữu dụng
- d. Độ dốc của đường ngân sách

Câu 3. Giả sử người tiêu dùng dành hết thu nhập I để mua 2 loại hàng hoá X, Y với đơn giá là P_X , P_Y và số lượng là x , y và đạt được lợi ích tối đa có:

- a. $MUX/MUY = P_x/P_y$
- b. $MRS_{xy} = P_x/P_y$
- c. $MUX/P_x = MUY/P_y$
- d. Các câu trên đều đúng**

Câu 4. Một người dành một khoản thu nhập $I = 600$ ngàn đồng, chi tiêu hết cho 2 loại sản phẩm X và Y với $P_x = 10$ ngàn đồng/sp; $P_y = 30$ ngàn đồng/sp, hàm tổng lợi ích (hữu dụng) của người này phụ thuộc vào số lượng X và Y tiêu dùng $TU(x,y) = 2xy$. Tại phương án tiêu dùng tối ưu, số lượng x và y người này mua là:

- a. $x = 20$ và $y = 60$
- b. $x = 10$ và $y = 30$
- c. $x = 30$ và $y = 10$**
- d. $x = 60$ và $y = 20$

Câu 5. Hàm số cầu cá nhân có dạng: $P = -q/2 + 40$, trên thị trường của sản phẩm X có 50 người tiêu thụ có hàm số cầu giống nhau hoàn toàn. Vậy hàm số cầu thị trường có dạng:

- a. $P = -Q/100 + 2$
- b. $P = -25Q + 40$
- c. $P = -25Q + 800$
- d. $P = -Q/100 + 40$**

Câu 6. Tỷ lệ thay thế biên của 2 sản phẩm X và Y giảm dần, điều đó chứng tỏ rằng đường cong bàng quan (đẳng ích) của 2 sản phẩm có dạng

- a. Mặt lõm hướng về gốc tọa độ
- b. Là đường thẳng dốc xuống dưới từ trái sang phải.
- c. **Mặt lồi hướng về gốc tọa độ.**
- d. Không có câu nào đúng

Câu 7. Một doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn có hàm tổng chi phí: $TC = Q^2 + 300Q + 100.000$, Nếu giá thị trường là 1100 thì thặng dư sản xuất của doanh nghiệp:

- a. 160.000
- b. 320.000
- c. 400.000
- d. Các câu trên đều sai.

Câu 8. Trong ngắn hạn của thị trường cạnh tranh hoàn toàn, khi giá các yếu tố sản xuất biến đổi tăng lên, sản lượng của xí nghiệp sẽ

- a. Giảm
- b. Không thay đổi
- c. Tăng
- d. Các câu trên đều sai

Câu 9. Khi giá bán nhỏ hơn chi phí trung bình, doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn nên:

- a. Sản xuất ở mức sản lượng tại đó: $P = MC$
- b. Sản xuất ở mức sản lượng tại đó: $MR = MC$
- c. Ngừng sản xuất.
- d. **Các câu trên đều có thể xảy ra**

Câu 10. Cho biết số liệu về chi phí sản xuất của một doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn như sau. Điểm hòa vốn và điểm đóng cửa sản xuất của doanh nghiệp là những điểm tương ứng với các mức sản lượng:

- a. **$Q = 10$ và $Q = 14$**
- b. $Q = 10$ và $Q = 12$
- c. $Q = 12$ và $Q = 14$
- d. Không có câu nào đúng

Câu 11. Một doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn có hàm tổng chi phí dài hạn: $LTC = Q^2 + 64$, mức giá cân bằng dài hạn:

- a. 64
- b. 8
- c. **16**
- d. 32

Câu 12. Một doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn có hàm tổng chi phí $TC = 10Q^2 + 10Q + 450$, nếu giá trên thị trường là 210đ/sp. tổng lợi nhuận tối đa là

- a. 1550
- b. 1000
- c. 550
- d. Các câu trên đều sai.

Câu 13. Điều nào sau đây không phải là điều kiện cho tình trạng cân bằng dài hạn của doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn

- a. Lượng cung và lượng cầu thị trường bằng nhau.
- b. Lợi nhuận kinh tế bằng 0.
- c. Các doanh nghiệp ở trạng thái tối đa hóa lợi nhuận
- d. Thặng dư sản xuất bằng 0

Câu 14. Trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn nếu các doanh nghiệp mới gia nhập làm cho lượng cầu yếu tố sản xuất tăng nhưng giá các yếu tố sản xuất không đổi thì đường cung dài hạn của ngành sẽ:

- a. Nằm ngang
- b. Dốc lên trên
- c. Thẳng đứng
- d. Dốc xuống dưới

Câu 15. Đặc điểm cơ bản của ngành cạnh tranh độc quyền là:

- a. Mỗi doanh nghiệp chỉ có khả năng hạn chế ảnh hưởng tới giá cả sản phẩm của mình
- b. Có nhiều doanh nghiệp sản xuất ra những sản phẩm có thể dễ thay thế cho nhau
- c. Cả hai câu đều sai
- d. Cả hai câu đều đúng

Câu 16. Đường cầu của doanh nghiệp trong ngành cạnh tranh độc quyền:

- a. Là đường cầu của toàn bộ thị trường
- b. Là đường cầu dốc xuống từ trái sang phải
- c. Là đường cầu thẳng đứng song song trực giá
- d. Là đường cầu nằm ngang song song trực sản lượng

Câu 17. Trong thị trường cạnh tranh độc quyền, tại điểm cân bằng dài hạn có:

- a. Đường cầu mỗi doanh nghiệp là tiếp tuyến đường AC của nó ở mức sản lượng mà tại đó có $MR=MC$
- b. Mỗi doanh nghiệp đều tối đa hóa lợi nhuận nhưng chỉ hòa vốn.
- c. Sẽ không có thêm sự nhập ngành hoặc xuất ngành nào nữa
- d. Cả ba câu đều đúng

Câu 18. Trong “mô hình đường cầu gãy” (The kinked demand curve model) khi một doanh nghiệp giảm giá thì các doanh nghiệp còn lại sẽ:

- a. Không biết được
- b. Tăng giá
- c. Giảm giá
- d. Không thay đổi giá

Câu 19. Trong mô hình doanh nghiệp độc quyền nhóm có ưu thế về quy mô sản xuất, doanh nghiệp có ưu thế có thể quyết định sản lượng theo cách:

- a. Cạnh tranh hoàn toàn
- b. Độc quyền hoàn toàn
- c. Cả a và b đều đúng
- d. Cả a và b đều sai

Câu 20. Trong dài hạn, doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh độc quyền sẽ sản xuất tại sản lượng có:

- a. $LMC = SMC = MR = LAC = SAC$
- b. Chi phí trung bình AC là thấp nhất (cực tiểu)
- c. Chi phí trung bình AC chưa là thấp nhất (cực tiểu)
- d. $MR = LMC = LAC$

Câu 1. Khái niệm nào sau đây không thể lý giải bằng đường giới hạn khả năng sản xuất (PPF)

- a. Quy luật chi phí cơ hội tăng dần.
- b. Sự khan hiếm.
- c. Cung cầu.
- d. Chi phí cơ hội

Câu 2. Chính phủ các nước hiện nay có các giải pháp kinh tế khác nhau trước tình hình suy thoái kinh tế hiện nay, vấn đề này thuộc về

- a. Kinh tế vi mô, chuẩn tắc
- b. Kinh tế vĩ mô, thực chứng
- c. Kinh tế vĩ mô, chuẩn tắc
- d. Kinh tế vi mô, thực chứng

Câu 3. Chọn lựa tại một điểm không nằm trên đường giới hạn khả năng sản xuất là :

- a. Không thể thực hiện được
- b. Không thể thực hiện được hoặc thực hiện được nhưng nền kinh tế hoạt động không hiệu quả
- c. Thực hiện được nhưng nền kinh tế hoạt động không hiệu quả

d. Thực hiện được và nền kinh tế hoạt động hiệu quả

Câu 4. Điểm khác biệt căn bản giữa mô hình kinh tế hỗn hợp và mô hình kinh tế thị trường là:

- a. Nhà nước tham gia quản lý kinh tế.
- b. Nhà nước quản lý ngân sách.
- c. Nhà nước quản lý các quỹ phúc lợi
- d. Các câu trên đều sai.

Câu 5. Độ dốc của đường đẳng phí phản ánh

- a. Chi phí cơ hội của việc mua thêm một đơn vị đầu vào với mức tổng chi phí và giá cả của các đầu vào đã cho
- b. Tập hợp tất cả các kết hợp giữa vốn và lao động mà doanh nghiệp có thể mua với mức tổng chi phí và giá cả của các đầu vào đã cho
- c. Năng suất biên giảm dần
- d. Tỷ lệ thay thế kỹ thuật biên của hai đầu vào

Câu 6. Sản lượng tối ưu của 1 quy mô sản xuất có hiệu quả là sản lượng có:

- a. AVC min
- b. MC min
- c. AFC nin
- d. Các câu trên sai

Câu 7. Một xí nghiệp sản xuất một loại sản phẩm X có hàm sản xuất có dạng: $Q = 2K(L - 2)$, trong đó K và L là hai yếu tố sản xuất có giá tương ứng PK = 600 đvt, PL = 300 đvt, tổng chi phí sản xuất là 15.000 đvt. Vậy sản lượng tối đa đạt được:

- a. 576
- b. 560
- c. 480
- d. Các câu trên đều sai.

Câu 8. Nếu đường đẳng lượng là đường thẳng thì :

- a. Chỉ có một cách kết hợp các yếu tố đầu vào.
- b. Tỷ lệ thay thế kỹ thuật biên của 2 yếu tố sản xuất không đổi
- c. Tỷ số giá cả của các yếu sản xuất không đổi.
- d. Năng suất biên của các yếu tố sản xuất bằng nhau.

Câu 9. Độ dốc của đường đẳng lượng là:

- a. Tỷ lệ thay thế kỹ thuật biên của 2 yếu tố sản xuất
- b. Tỷ số năng suất biên của 2 yếu tố sản xuất
- c. Cả a và b đều sai.
- d. Cả a và b đều đúng

Câu 10. Phát biểu nào sau đây đúng với khái niệm ngắn hạn trong kinh tế học:

- a. Doanh nghiệp có thể thay đổi quy mô sản xuất.
- b. **Doanh nghiệp có thể thay đổi sản lượng.**
- c. Thời gian ngắn hơn 1 năm.
- d. Tất cả các yếu tố sản xuất đều thay đổi.

Câu 11. Một xí nghiệp sử dụng hai yếu tố sản xuất vốn (K) , lao động (L) , để sản xuất một loại sản phẩm X, phối hợp tối ưu của hai yếu tố sản xuất phải thỏa mãn :

- a. **K = L**
- b. $MPK / PL = MPL / PK$
- c. $MPK / PK = MPL / PL$
- d. $MPK = MPL$

Câu 12. Độ dốc của đường đẳng phí là:

- a. **Tỷ số giá cả của 2 yếu tố sản xuất.**
- b. Tỷ số năng suất biên của 2 yếu tố sản xuất.
- c. Tỷ lệ thay thế kỹ thuật biên của 2 yếu tố sản xuất.
- d. Các câu trên đều sai

Câu 13. Một người tiêu thụ có thu nhập là 1000đvt, lượng cầu sản phẩm X là 10 sp, khi thu nhập tăng lên là 1200đvt, lượng cầu của sản phẩm X tăng lên là 13 sp, vậy sản phẩm X thuộc hàng

- a. Hàng thông thường.
- b. Hàng cấp thấp.
- c. **Hàng xa xỉ**
- d. Hàng thiết yếu

Câu 14. Suy thoái kinh tế toàn cầu đã làm giảm mức cầu dầu mỏ nên giá dầu mỏ giảm mạnh. Có thể minh họa sự kiện này trên đồ thị (trục tung ghi giá, trục hoành ghi lượng cầu) bằng cách:

- a. Vẽ đường cầu dịch chuyển sang phải
- b. **Vẽ đường cầu dịch chuyển sang trái**
- c. Vẽ một đường cầu có độ dốc âm
- d. Vẽ một đường cầu thẳng đứng

Câu 15. Câu phát biểu nào sau đây đúng trong các câu sau đây:

- a. **Hệ số co giãn cầu theo thu nhập đối với hàng xa xỉ lớn hơn 1.**
- b. Hệ số co giãn cầu theo thu nhập của hàng thông thường là âm.
- c. Hệ số co giãn tại 1 điểm trên đường cầu luôn luôn lớn hơn 1.
- d. Hệ số co giãn chéo của 2 sản phẩm thay thế là âm.

Câu 16. Hàm số cung sản phẩm Y dạng tuyến tính nào dưới đây theo bạn là thích hợp nhất :

- a. $P_y = -10 + 2Q_y$
- b. $P_y = 10 + 2Q_y$
- c. $P_y = 2Q_y$
- d. Các hàm số kia đều không thích hợp.

Câu 17. Hàm số cầu thị trường của một sản phẩm có dạng $P = -Q/2 + 40$. Ở mức giá $P = 30$, hệ số co giãn cầu theo giá sẽ là:

- a. $Ed = -3/4$
- b. $Ed = -3$
- c. $Ed = -4/3$
- d. Không có câu nào đúng

Câu 18. Khi giá của Y là 400đ/sp thì lượng cầu của X là 5000 sp, khi giá của Y tăng lên là 600 đ/sp thì lượng cầu của X tăng lên là 6000 sp, với các yếu tố khác không đổi, có thể kết luận X và Y là 2 sản phẩm:

- a. Thay thế nhau có $E_{xy} = 0,45$
- b. Bổ sung nhau có $E_{xy} = 0,25$
- c. Thay thế nhau có $E_{xy} = 2,5$
- d. Bổ sung nhau có $E_{xy} = 0,45$

Câu 19. Giá của đường tăng và lượng đường mua bán giảm. Nguyên nhân gây ra hiện tượng này là do :

- a. Mía năm nay bị mất mùa.
- b. Thu nhập của dân chúng tăng lên
- c. Y học khuyến cáo ăn nhiều đường có hại sức khỏe.
- d. Các câu trên đều sai

Câu 20. Hàm số cầu thị trường của một sản phẩm có dạng: $P = -Q/4 + 280$, từ mức giá $P = 200$ nếu giá thị trường giảm xuống thì tổng chi tiêu của người tiêu thụ sẽ

- a. Không thay đổi
- b. Tăng lên
- c. Giảm xuống
- d. Các câu trên đều sai.

Câu 1. Trong lý thuyết trò chơi, khi một trong các doanh nghiệp độc quyền nhóm tham gia thị trường, âm thầm gia tăng sản lượng để đạt lợi nhuận cao hơn sẽ dẫn đến

- a. Các doanh nghiệp khác sẽ gia tăng sản lượng
- b. Giá sản phẩm sẽ giảm

- c. Lợi nhuận của các doanh nghiệp sẽ giảm
- d. **Cả 3 câu trên đều đúng.**

Câu 2. Doanh nghiệp trong ngành cạnh tranh độc quyền:

- a. Chỉ được nhập ngành, nhưng không được xuất ngành
- b. Hoàn toàn không thể nhập và xuất ngành
- c. Chỉ được xuất ngành, nhưng không được nhập ngành
- d. **Có sự tự do nhập và xuất ngành**

Câu 3. Trong thị trường cạnh tranh độc quyền, tại điểm cân bằng dài hạn có:

- a. Đường cầu mỗi doanh nghiệp là tiếp tuyến đường AC của nó ở mức sản lượng mà tại đó có $MR=MC$
- b. Sẽ không có thêm sự nhập ngành hoặc xuất ngành nào nữa
- c. Mỗi doanh nghiệp đều tối đa hóa lợi nhuận nhưng chỉ hòa vốn.
- d. **Cả ba câu đều đúng**

Câu 4. Doanh nghiệp trong ngành cạnh tranh độc quyền, cạnh tranh với nhau bằng việc:

- a. Bán ra sản phẩm hoàn toàn không có sản phẩm khác thay thế được
- b. Bán ra các sản phẩm có thể thay thế nhau một cách hoàn toàn
- c. **Bán ra các sản phẩm riêng biệt, nhưng có thể thay thế nhau**
- d. Cả ba câu đều sai

Câu 5. Doanh nghiệp trong ngành cạnh tranh độc quyền theo đuổi mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận sẽ sản xuất tại sản lượng

- a. $AC=MC$
- b. $P=MC$
- c. **$MR=MC$**
- d. $AR=MC$

Câu 6. Đặc điểm cơ bản của ngành cạnh tranh độc quyền là:

- a. Có nhiều doanh nghiệp sản xuất ra những sản phẩm có thể dễ thay thế cho nhau
- b. Mỗi doanh nghiệp chỉ có khả năng hạn chế ảnh hưởng tới giá cả sản phẩm của mình
- c. Cả hai câu đều sai
- d. **Cả hai câu đều đúng**

Câu 7. Một người dành một khoản thu nhập $I = 600$ ngàn đồng, chi tiêu hết cho 2 loại sản phẩm X và Y với $P_X = 10$ ngàn đồng/sp; $P_Y = 30$ ngàn đồng/sp, hàm tổng lợi ích (hữu dụng) của người này phụ thuộc vào số lượng X và Y tiêu dùng $TU(x,y) = 2xy$. Tại phương án tiêu dùng tối ưu, tổng hữu dụng là:

- a. $TU(x,y) = 2400$
- b. $TU(x,y) = 1200$
- c. **$TU(x,y) = 600$**

d. $TU(x,y) = 300$

Câu 8. Đường tiêu dùng theo giá là tập hợp các phương án tiêu dùng tối ưu giữa hai sản phẩm khi:

- a. Thu nhập và giá sản phẩm đều thay đổi
- b. Chỉ có giá 1 sản phẩm thay đổi
- c. Chỉ có thu nhập thay đổi
- d. Các câu trên đều sai

Câu 9. Tìm câu sai trong các câu dưới đây:

- a. Đường đẳng ích (đường cong bàng quan) thể hiện các phối hợp khác nhau về 2 loại hàng hoá cùng mang lại một mức thoả mãn cho người tiêu dùng
- b. Các đường đẳng ích thường lồi về phía gốc O
- c. Đường đẳng ích luôn có độ dốc bằng tỷ giá của 2 hàng hoá
- d. Tỷ lệ thay thế biên thể hiện sự đánh đổi giữa 2 sản phẩm sao cho tổng mức thoả mãn không đổi

Câu 10. Ông A đã chi hết thu nhập để mua hai sản phẩm X và Y với số lượng tương ứng là x và y. Với phương án tiêu dùng hiện tại thì : $MU_x / P_x < MU_y / P_y$. Để đạt tổng lợi ích lớn hơn Ông A sẽ điều chỉnh phương án tiêu dùng hiện tại theo hướng :

- a. Mua sản phẩm Y nhiều hơn và mua sản phẩm X với số lượng như cũ.
- b. Mua sản phẩm X ít hơn và mua sản phẩm Y nhiều hơn.
- c. Mua sản phẩm X nhiều hơn và mua sản phẩm Y ít hơn.
- d. Mua sản phẩm X ít hơn và mua sản phẩm Y với số lượng như cũ.

Câu 11. Trong giới hạn ngân sách và sở thích, để tối đa hóa hữu dụng người tiêu thụ mua số lượng sản phẩm theo nguyên tắc:

- a. Ưu tiên mua các sản phẩm có mức giá rẻ hơn.
- b. Hữu dụng biên của các sản phẩm phải bằng nhau.
- c. Hữu dụng biên trên mỗi đơn vị tiền của các sản phẩm phải bằng nhau.
- d. Số tiền chi tiêu cho các sản phẩm phải bằng nhau.

Câu 12. Đường đẳng ích biểu thị tất cả những phối hợp tiêu dùng giữa hai loại sản phẩm mà người tiêu dùng:

- a. Đạt được mức hữu dụng tăng dần
- b. Đạt được mức hữu dụng giảm dần
- c. Sử dụng hết số tiền mà mình có
- d. Đạt được mức hữu dụng như nhau

Câu 13. Trên hệ trục 2 chiều thông thường, số lượng mặt hàng X biểu diễn ở trục hoành, số lượng mặt hàng Y biểu diễn ở trục tung. Khi thu nhập thay đổi, các yếu tố khác không đổi, đường thu nhập-tiêu dùng là một đường dốc lên, ta có thể kết luận gì về hai hàng hoá này đối với người tiêu dùng:

- a. X và Y đều là hàng hoá cấp thấp.
- b. **X và Y đều là hàng hoá thông thường.**
- c. X là hàng hoá cấp thấp, Y là hàng hoá thông thường.
- d. X là hàng hoá thông thường, Y là hàng hoá cấp thấp

Câu 14. Tìm câu đúng trong các câu sau đây:

- a. Thặng dư tiêu dùng trên thị trường là phần diện tích nằm bên dưới giá thị trường và bên trên đường cung thị trường.
- b. Đường tiêu thụ giá cả là một đường tập hợp những phối hợp tối đa hóa hữu dụng khi thu nhập thay đổi trong điều kiện các yếu tố khác không đổi
- c. Đường tiêu thụ thu nhập là một đường tập hợp những phối hợp tối đa hóa hữu dụng khi giá cả thay đổi trong điều kiện các yếu tố khác không đổi
- d. Các câu trên đều sai**

Câu 15. Các hệ thống kinh tế giải quyết các vấn đề cơ bản :sản xuất cái gì? số lượng bao nhiêu? sản xuất như thế nào? sản xuất cho ai? xuất phát từ đặc điểm:

- a. Nguồn cung của nền kinh tế.
- b. Nhu cầu của xã hội
- c. Đặc điểm tự nhiên
- d. Tài nguyên có giới hạn.**

Câu 16. Khái niệm nào sau đây không thể lí giải bằng đường giới hạn khả năng sản xuất (PPF)

- a. Sự khan hiếm.
- b. Cung cầu.**
- c. Chi phí cơ hội
- d. Quy luật chi phí cơ hội tăng dần

Câu 17. Chính phủ các nước hiện nay có các giải pháp kinh tế khác nhau trước tình hình suy thoái kinh tế hiện nay, vấn đề này thuộc về

- a. Kinh tế vi mô, chuẩn tắc
- b. Kinh tế vĩ mô, thực chứng
- c. Kinh tế vi mô, thực chứng
- d. Kinh tế vĩ mô, chuẩn tắc**

Câu 18. Điểm khác biệt căn bản giữa mô hình kinh tế hỗn hợp và mô hình kinh tế thị trường là:

- a. Nhà nước quản lý ngân sách.
- b. Nhà nước tham gia quản lý kinh tế.**
- c. Nhà nước quản lý các quỹ phúc lợi
- d. Các câu trên đều sai.

Câu 19. Một doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn có hàm chi phí biên $MC = Q$, bán hàng trên hai thị trường có hàm số cầu như sau: $P_1 = -Q/10 + 120$, $P_2 = -Q/10 + 180$, Nếu doanh nghiệp phân biệt giá trên hai thị trường thì giá thích hợp trên hai thị trường là:

- a. 109,09 và 163,63
- b. 110 và 165
- c. 136,37 và 165
- d. Các câu trên đều sai

Câu 20. Mục tiêu doanh thu tối đa của doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn phải thỏa mãn điều kiện:

- a. $MR = MC$
- b. $P = MC$
- c. $TR = TC$
- d. $MR = 0$

Câu 1. Một doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn có hàm chi phí: $TC = Q^2 - 5Q + 100$, hàm số cầu thị trường có dạng: $P = -2Q + 55$. Ở mức sản lượng 13,75 sp thì doanh nghiệp :

- a. Tối đa hóa lợi nhuận
- b. Tối đa hóa sản lượng mà không bị lỗ.
- c. **Tối đa hóa doanh thu.**
- d. Các câu trên đều sai.

Câu 2. Một doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn có hàm chi phí: $TC = Q^2 + 60Q + 15.000$, hàm số cầu thị trường có dạng: $P = -2Q + 180$. Mức giá bán để đạt được lợi nhuận tối đa:

- a. 140
- b. 100
- c. 120
- d. Các câu trên đều sai.

Câu 3. Trong thị trường độc quyền hoàn toàn, chính phủ quy định giá trần sẽ có lợi cho

- a. Người tiêu dùng
- b. Người tiêu dùng và chính phủ
- c. Người tiêu dùng và doanh nghiệp
- d. Chính phủ

Câu 4. Một doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn có hàm số cầu thị trường có dạng: $P = -Q + 2400$. Tổng doanh thu tối đa của doanh nghiệp là:

- a. 14.400.000
- b. 1.440.000**
- c. 144000
- d. Các câu trên đều sai

Câu 5. Một doanh nghiệp độc quyền bán hàng trên nhiều thị trường tách biệt nhau, để đạt lợi nhuận tối đa doanh nghiệp nên phân phối sản lượng bán trên các thị trường theo nguyên tắc:

- a. $MC_1 = MC_2 = \dots = MC$
- b. $MR_1 = MR_2 = \dots = MR$**
- c. $AC_1 = AC_2 = \dots = AC$
- d. Các câu trên đều sai

Câu 6. Trong thị trường độc quyền hoàn toàn : $MR = -Q/10 + 1000$; $MC = Q/10 + 400$. Nếu chính phủ quy định mức giá, buộc doanh nghiệp phải gia tăng sản lượng cao nhất, vậy mức giá đó là:

- a. $P = 800$**
- b. $P = 600$
- c. $P = 400$
- d. Tất cả đều sai

Câu 7. Trong ngắn hạn, ở mức sản lượng có chi phí trung bình tối thiểu:

- a. $AVC > MC$
- b. $AC > MC$
- c. $AVC = MC$
- d. $AC = MC$**

Câu 8. Hàm tổng chi phí sản xuất của một doanh nghiệp như sau: $TC = Q^2 + 20Q + 40.000$, mức sản lượng tối ưu của doanh nghiệp tại đó có chi phí trung bình::

- a. 220
- b. 120
- c. 420**
- d. Các câu trên đều sai

Câu 9. Trong các hàm sản xuất sau đây hàm số nào thể hiện tình trạng năng suất theo qui mô tăng dần:

- a. $Q = K^{1/3}L^{2/3}$
- b. $Q = aK^2 + bL^2$**
- c. $Q = K^{0.4}L^{0.6}$
- d. $Q = 4K^{1/2} \cdot L^{1/2}$

Câu 10. Độ dốc của đường đẳng phí là:

- a. Tỷ số giá cả của 2 yếu tố sản xuất.**

- b. Tỷ lệ thay thế kỹ thuật biên của 2 yếu tố sản xuất.
- c. Tỷ số năng suất biên của 2 yếu tố sản xuất.
- d. Các câu trên đều sai

Câu 11. Cho hàm sản xuất $Q = aX - bX^2$ với X là yếu tố sản xuất biến đổi.

- a. Đường MPx có dạng parabol
- b. Đường APx có dạng parabol
- c. Đường APx dốc hơn đường MPx
- d. Đường MPx dốc hơn đường APx**

Câu 12. Cho hàm sản xuất $Q = (K \cdot L)^{1/2}$. Đây là hàm sản xuất có:

- a. Không thể xác định được
- b. Năng suất tăng dần theo qui mô
- c. Năng suất giảm dần theo qui mô
- d. Năng suất không đổi theo qui mô**

Câu 13. Hàm sản xuất của một doanh nghiệp có dạng $Q = (L + 5K)^{1/2}$. Trong dài hạn, nếu chủ doanh nghiệp sử dụng các yếu tố đầu vào gấp đôi thì sản lượng Q sẽ:

- a. Tăng lên đúng 2 lần
- b. Chưa đủ thông tin để kết luận
- c. Tăng lên ít hơn 2 lần**
- d. Tăng lên nhiều hơn 2 lần

Câu 14. Một xí nghiệp sản xuất một loại sản phẩm X có hàm sản xuất có dạng: $Q = 2K(L - 2)$, trong đó K và L là hai yếu tố sản xuất có giá tương ứng $P_K = 600$, $P_L = 300$. Nếu tổng sản lượng của xí nghiệp là 784 sản phẩm, vậy chi phí thấp nhất để thực hiện sản lượng trên là:

- a. 17.400**
- b. 14.700
- c. 15.000
- d. Các câu trên đều sai

Câu 15. Khi giá bán nhỏ hơn chi phí trung bình, doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn nêu:

- a. Sản xuất ở mức sản lượng tại đó: $MR = MC$
- b. Ngừng sản xuất.
- c. Sản xuất ở mức sản lượng tại đó: $P = MC$
- d. Các câu trên đều có thể xảy ra**

Câu 16. Cho biết số liệu về chi phí sản xuất của một doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn như sau. Điểm hòa vốn và điểm đóng cửa sản xuất của doanh nghiệp là những điểm tương ứng với các mức sản lượng: Q: 0 10 12 14 16 18 20 TC: 80 115 130 146 168 200 250

- a. $Q = 10$ và $Q = 12$
- b. $Q = 12$ và $Q = 14$
- c. **$Q = 10$ và $Q = 14$**
- d. Không có câu nào đúng

Câu 17. Trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn nếu các doanh nghiệp mới gia nhập làm cho lượng cầu yếu tố sản xuất tăng nhưng giá các yếu tố sản xuất không đổi thì đường cung dài hạn của ngành sẽ:

- a. **Năm ngang**
- b. Dốc xuống dưới
- c. Dốc lên trên
- d. Thẳng đứng

Câu 18. Điều kiện cân bằng dài hạn của một thị trường cạnh tranh hoàn toàn:

- a. $SAC_{min} = LAC_{min}$
- b. $LMC = SMC = MR = P$
- c. Quy mô sản xuất của doanh nghiệp là quy mô sản xuất tối ưu
- d. Các câu trên đều đúng**

Câu 19. Đường cung của ngành cạnh tranh hoàn toàn trong dài hạn co giãn nhiều hơn trong ngắn hạn là do:

- a. Sự gia nhập và rời khỏi ngành của các xí nghiệp.**
- b. Các xí nghiệp trong ngành tăng giảm sản lượng bằng cách thay đổi số lượng các yếu tố sản xuất sử dụng
- c. Cả a và b đều đúng
- d. Cả a và b đều sai

Câu 20. Cho biết số liệu về chi phí sản xuất của một doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn như sau.Nếu giá trên thị trường là 16đ/sp, tổng lợi nhuận tối đa là Q: 0 10 12 14 16 18 20 TC: 80 115 130 146 168 200 250

- a. 170
- b. 88**
- c. 120
- d. Các câu trên đều sai

Câu 1. Điều nào sau đây không phải là điều kiện cho tình trạng cân bằng dài hạn của doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn:

- a. Lượng cung và lượng cầu thị trường bằng nhau
- b. Thặng dư sản xuất bằng 0**
- c. Lợi nhuận kinh tế bằng 0.
- d. Các doanh nghiệp ở trạng thái tối đa hóa lợi nhuận.

Câu 2. Một doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn có hàm tổng chi phí dài hạn: $LTC = Q^2 + 100$, mức sản lượng cân bằng dài hạn của doanh nghiệp:

- a. 10
- b. 8
- c. 110
- d. 100

Câu 3. Nếu bột giặt TIDE giảm giá 10% , các yếu tố khác không đổi, lượng cầu bột giặt OMO giảm 15%, thì độ co giãn chéo của 2 sản phẩm là:

- a. 0.75
- b. 3
- c. 1.5
- d. -1.5

Câu 4. Câu phát biểu nào sau đây không đúng:

- a. Hệ số co giãn cầu theo giá ở các điểm khác nhau trên đường cầu thì khác nhau.
- b. Độ co giãn cầu theo giá phụ thuộc vào các yếu tố như là sở thích, thị hiếu của người tiêu thụ, tính chất thay thế của sản phẩm.
- c. Đối với sản phẩm có cầu hoàn toàn không co giãn thì người tiêu dùng sẽ gánh chịu toàn bộ tiền thuế đánh vào sản phẩm.
- d. Trong phần đường cầu co giãn nhiều, giá cả và doanh thu đồng biến

Câu 5. Khi thu nhập dân chúng tăng lên, các nhân tố khác không thay đổi. Giá cả & số lượng cân bằng mới của loại hàng hóa thứ cấp (hang xáu) sẽ :

- a. Giá thấp hơn và số lượng nhỏ hơn.
- b. Giá cao hơn và số lượng nhỏ hơn.
- c. Giá cao hơn và số lượng không đổi.
- d. Giá thấp hơn và số lượng lớn hơn.

Câu 6. Giá điện tăng đã làm cho phần chi tiêu cho điện tăng lên, điều đó cho thấy cầu về sản phẩm điện là:

- a. Co giãn đơn vị.
- b. Co giãn hoàn toàn.
- c. Co giãn nhiều
- d. Co giãn ít

Câu 7. Mặt hàng X có độ co giãn cầu theo giá là $Ed = -2$, khi giá của X tăng lên trong điều kiện các yếu tố khác không đổi ,thì lượng cầu của mặt hàng Y sẽ

- a. Giảm xuống
- b. Tăng lên.
- c. Không thay đổi
- d. Các câu trên đều sai.

Câu 8. Tại điểm A trên đường cầu có mức giá $P = 10$, $Q = 20$, $Ed = -1$, hàm số cầu là hàm tuyến tính có dạng:

- a. $P = -Q/2 + 40$
- b. $P = -2Q + 40$
- c. $P = -Q/2 + 20$
- d. Các câu trên đều sai

Câu 9. Tại điểm A trên đường cung có mức giá $P = 10$, $Q = 20$, $Es = 0,5$, hàm số cung là hàm tuyến tính có dạng:

- a. $P = Q - 10$
- b. $P = Q + 20$
- c. $P = Q + 10$
- d. Các câu trên đều sai

Câu 10. Giả sử sản phẩm X có hàm số cung và cầu như sau: $Q_d = 180 - 3P$, $Q_s = 30 + 2P$, nếu chính phủ đánh thuế vào sản phẩm làm cho lượng cân bằng giảm xuống còn 78, thì số tiền thuế chính phủ đánh vào sản phẩm là?

- a. 12
- b. 10
- c. 5
- d. 3

Câu 11. X và Y là hai mặt hàng thay thế hoàn toàn và tỷ lệ thay thế biên $MRS_{XY} = -1$. Người tiêu dùng chắc chắn sẽ chỉ mua hàng Y khi:

- a. $P_X = P_Y$
- b. $P_X > P_Y$
- c. $P_X < P_Y$
- d. Các câu trên đều sai.

Câu 12. Giả sử người tiêu dùng dành hết thu nhập I để mua 2 loại hàng hoá X, Y với đơn giá là P_X , P_Y và số lượng là x , y và đạt được lợi ích tối đa có:

- a. $MUX \cdot P_X = MUY \cdot P_Y$
- b. $MUX/P_X = MUY/P_Y$
- c. $MUX/P_X = MUY/P_Y$
- d. $MUX \cdot P_X + MUY \cdot P_Y = I$

Câu 13. Một người dành một khoản thu nhập $I = 600$ ngàn đồng, chi tiêu hết cho 2 loại sản phẩm X và Y với $P_X = 10$ ngàn đồng/sp; $P_Y = 30$ ngàn đồng/sp, hàm tổng lợi ích (hữu dụng) của người này phụ thuộc vào số lượng X và Y tiêu dùng $TU(x,y) = 2xy$. Tại phương án tiêu dùng tối ưu, tổng hữu dụng là:

- a. $TU(x,y) = 2400$
- b. $TU(x,y) = 300$

- c. $TU(x,y) = 1200$
- d. $TU(x,y) = 600$

Câu 14. Giả sử người tiêu dùng dành hết thu nhập I để mua 2 loại hàng hoá X, Y với đơn giá là P_X, P_Y và số lượng là x, y và đạt được lợi ích tối đa có:

- a. $MUX/PX = MUY/PY$
- b. $MUX/ MUY = Px/PY$
- c. $MRS_{xy} = Px/PY$
- d. Các câu trên đều đúng

Câu 15. Đường tiêu thụ giá cả là đường biểu thị mối quan hệ giữa:

- a. Giá của sản phẩm này và lượng của sản phẩm bổ sung cho nó.
- b. Giá sản phẩm và số lượng sản phẩm được mua.
- c. Giá sản phẩm và thu nhập của người tiêu thụ.
- d. Thu nhập và số lượng sản phẩm được mua.

Câu 16. Một người tiêu thụ dành một số tiền là 2 triệu đồng / tháng để chi tiêu cho 2 sản phẩm X và Y với giá của X là 20000 đồng và của Y là 50000. Đường ngân sách của người này là:

- a. $X = 5Y / 2 + 100$
- b. $Y = 2X / 5 + 40$
- c. Cả a và b đều sai.
- d. Cả a và b đều đúng.

Câu 17. Trên thị trường của sản phẩm X có 2 người tiêu thụ A và B với hàm số cầu: $q_A = 13000 - 10P$, $q_B = 26000 - 20P$. Nếu giá thị trường là 1000 thì thặng dư tiêu dùng trên thị trường là

- a. 2.700.000
- b. 675.000
- c. 1.350.000
- d. Không có câu nào đúng

Câu 18. Tìm câu đúng trong các câu sau đây:

- a. Đường tiêu thụ giá cả là một đường tập hợp những phôi hợp tối đa hóa hữu dụng khi thu nhập thay đổi trong điều kiện các yếu tố khác không đổi
- b. Đường tiêu thụ thu nhập là một đường tập hợp những phôi hợp tối đa hóa hữu dụng khi giá cả thay đổi trong điều kiện các yếu tố khác không đổi
- c. Thặng dư tiêu dùng trên thị trường là phần diện tích nằm bên dưới giá thị trường và bên trên đường cung thị trường.
- d. Các câu trên đều sai

Câu 19. Một người tiêu thụ có thu nhập là 1000đvt, lượng cầu sản phẩm X là 10 sp, khi thu nhập tăng lên là 1200đvt, lượng cầu của sản phẩm X tăng lên là 13 sp, vậy sản phẩm X thuộc hàng

- a. Hàng thiết yếu
- b. Hàng xa xỉ
- c. Hàng thông thường.
- d. Hàng cấp thấp.

Câu 20. Đối với một đường cầu sản phẩm X dạng tuyến tính thì :

- a. Độ co giãn cầu theo giá cả thay đổi, còn độ dốc thì không đổi tại các điểm khác nhau trên đường cầu.
- b. Độ co giãn cầu theo giá cả & độ dốc là thay đổi tại các điểm khác nhau trên đường cầu.
- c. Độ co giãn cầu theo giá cả & độ dốc là không đổi tại các điểm khác nhau trên đường cầu.
- d. Độ co giãn cầu theo giá cả không thay đổi còn độ dốc thì thay đổi tại các điểm khác nhau trên đường cầu.

Câu 1. Chính phủ đánh thuế vào mặt hàng X là 3000đ / sp, làm cho giá của sản phẩm tăng từ 15000 đ /sp lên 18000 đ /sp.Vậy mặt hàng X có cầu co giãn

- a. ÍT
- b. Nhiều
- c. Co giãn hoàn toàn
- d. Hoàn toàn không co giãn

Câu 2. Hàm số cầu thị trường của một sản phẩm có dạng: $P = - Q/4 + 280$, từ mức giá $P = 200$ nếu giá thị trường giảm xuống thì tổng chi tiêu của người tiêu thụ sẽ

- a. Giảm xuống
- b. Tăng lên
- c. Không thay đổi
- d. Các câu trên đều sai.

Câu 3. Mặt hàng X có độ co giãn cầu theo giá là $Ed = - 2$, khi giá của X tăng lên trong điều kiện các yếu tố khác không đổi ,thì lượng cầu của mặt hàng Y sẽ

- a. Tăng lên
- b. Giảm xuống
- c. Không thay đổi
- d. Các câu trên đều sai.

Câu 4. Gia sử hàm số cầu thị trường của một loại nông sản: $Q_d = -2P + 80$, và lượng cung nông sản trong mùa vụ là 50 sp. Nếu chính phủ trợ cấp cho người sản xuất là 2 đvt/sp thì tổng doanh thu của họ trong mùa vụ này là:

- a. 750
- b. 850
- c. 950
- d. Không có câu nào đúng.

Câu 5. Suy thoái kinh tế toàn cầu đã làm giảm mức cầu dầu mỏ nên giá dầu mỏ giảm mạnh. Có thể minh họa sự kiện này trên đồ thị (trục tung ghi giá, trục hoành ghi lượng cầu) bằng cách:

- a. Vẽ một đường cầu có độ dốc âm
- b. Vẽ đường cầu dịch chuyển sang phải
- c. **Vẽ đường cầu dịch chuyển sang trái**
- d. Vẽ một đường cầu thẳng đứng

Câu 6. Nếu chính phủ đánh thuế trên mỗi đơn vị sản phẩm X là 3000 đồng làm cho giá cân bằng tăng từ 15000 đồng lên 16000 đồng, có thể kết luận sản phẩm X có cầu co giãn theo giá :

- a. Không co giãn.
- b. Ít hơn so với cung.
- c. **Nhiều hơn so với cung**
- d. Tương đương với cung.

Câu 7. Một xí nghiệp sản xuất một loại sản phẩm X có hàm sản xuất có dạng: $Q = 2K(L - 2)$, trong đó K và L là hai yếu tố sản xuất có giá tương ứng PK = 600 đvt, PL = 300 đvt, tổng chi phí sản xuất 15.000 đvt. Vậy sản lượng tối đa đạt được:

- a. 480
- b. **576**
- c. 560
- d. Các câu trên đều sai.

Câu 8. Hàm tổng chi phí sản xuất của một doanh nghiệp như sau: $TC = Q^2 + 20Q + 40.000$, mức sản lượng tối ưu của doanh nghiệp tại đó có chi phí trung bình::

- a. 220
- b. **420**
- c. 120
- d. Các câu trên đều sai

Câu 9. Phát biểu nào dưới đây không đúng:

- a. Với một loại hàng hóa có tỷ trọng phần chi tiêu trong ngân sách gia đình rất cao thì khi giá tăng 5%, lượng cầu sẽ giảm nhiều hơn 5%

- b. Trong ngắn hạn, chi phí về bao bì sản phẩm là một khoản chi phí cố định.
- c. Với một mặt hàng cấp thấp, khi thu nhập giảm thì cầu về nó sẽ tăng.
- d. Để khuyến khích ngành sản xuất X, Nhà nước nên đánh thuế các hàng hóa nhập ngoại có thể thay thế cho X

Câu 10. Hàm tổng chi phí sản xuất của một doanh nghiệp như sau: $TC = Q^2 + 40Q + 10.000$, chi phí trung bình ở mức sản lượng 1000 sp là:

- a. 1.040
- b. 2040
- c. 1050
- d. Các câu trên đều sai.

Câu 11. AC bằng 6 khi sản xuất 100 sản phẩm. MC không đổi và luôn bằng 2. Vậy TC để sản xuất 70 sản phẩm là :

- a. 460
- b. 140
- c. 450
- d. 540

Câu 12. Tìm câu sai trong các câu sau đây:

- a. Các đường AC và AVC đều chịu ảnh hưởng của qui luật năng suất biên giảm dần
- b. Khi MC giảm thì AVC cũng giảm
- c. Đường AFC không chịu tác động của qui luật năng suất biên giảm dần
- d. Khoảng cách giữa AC và AFC sẽ giảm khi doanh nghiệp tăng sản lượng

Câu 13. Cho hàm sản xuất $Q = (K \cdot L)^{1/2}$. Đây là hàm sản xuất có:

- a. Năng suất giảm dần theo qui mô
- b. Không thể xác định được
- c. Năng suất không đổi theo qui mô
- d. Năng suất tăng dần theo qui mô

Câu 14. Cho hàm số sản xuất $Q = Ka \cdot L^{1-a}$. Phương trình biểu diễn tỷ lệ thay thế kỹ thuật biên của yếu tố vốn đối với lao động (thay thế K bằng L) là:

- a. $|MRTS| = a^* (K/L)$
- b. $|MRTS| = (1-a)^* (K/L)$
- c. $|MRTS| = [(1-a)/a]^* (K/L)$
- d. Không có câu nào đúng

Câu 15. Doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn với $P = 100 - 2Q$; $AC = 40$ (không đổi ứng với một mức sản lượng). Tại mức giá có lợi nhuận tối đa, độ co giãn của cầu đối với giá là:

- a. -1/2
- b. -3/7

- c. -2
- d. -7/3

Câu 16. Trong ngắn hạn của thị trường độc quyền hoàn toàn, câu nào sau đây chưa thể khẳng định:

- a. Để có lợi nhuận tối đa luôn cung ứng tại mức sản lượng có cầu co giãn nhiều
- b. Doanh nghiệp kinh doanh luôn có lợi nhuận.
- c. Đường MC luôn luôn cắt AC tại AC min
- d. Doanh thu cực đại khi $MR = 0$

Câu 17. Một xí nghiệp độc quyền hoàn toàn tối đa hóa lợi nhuận ở mức giá là 20, có hệ số co giãn cầu theo giá là -2, vậy mức sản lượng tối đa hóa lợi nhuận tại đó có MC :

- a. 10
- b. 40
- c. 20
- d. Các câu trên đều sai

Câu 18. Trong thị trường độc quyền hoàn toàn, mức sản lượng tối đa hóa lợi nhuận nằm ở phần đường cầu

- a. Co giãn ít
- b. Co giãn nhiều
- c. Co giãn đơn vị
- d. Không co giãn

Câu 19. Trong dài hạn của thị trường độc quyền hoàn toàn, xí nghiệp có thể thiết lập quy mô sản xuất:

- a. Quy mô sản xuất tối ưu
- b. Nhỏ hơn quy mô sản xuất tối ưu
- c. Lớn hơn quy mô sản xuất tối ưu
- d. Các trường hợp trên đều có thể xảy ra.

Câu 20. Chính phủ áp định giá trần (giá tối đa) đối với doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn sẽ làm cho :

- a. Giá giảm
- b. Có lợi cho chính phủ
- c. Sản lượng tăng.
- d. Giá giảm và sản lượng tăng.

Câu 1. Một doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn có hàm chi phí biên $MC = Q$, bán hàng trên hai thị trường có hàm số cầu như sau: $P_1 = -Q/10 + 120$, $P_2 = -Q/10 +$

180. Nếu doanh nghiệp phân biệt giá trên hai thị trường thì giá thích hợp trên hai thị trường là:

- a. 109,09 và 163,63
- b. **110 và 165**
- c. 136,37 và 165
- d. Các câu trên đều sai

Câu 2. Trong dài hạn của thị trường độc quyền hoàn toàn ,sản lượng và quy mô sản xuất của doanh nghiệp phụ thuộc vào:

- a. Nhu cầu thị trường của người tiêu thụ.
- b. Điều kiện sản xuất của doanh nghiệp.
- c. Cả a và b đều sai.
- d. Cả a và b đều đúng**

Câu 3. Khái niệm nào sau đây không thể lý giải bằng đường giới hạn khả năng sản xuất (PPF)

- a. Sự khan hiếm.
- b. Cung cầu.**
- c. Quy luật chi phí cơ hội tăng dần
- d. Chi phí cơ hội

Câu 4. Cách thức chi tiêu của người tiêu thụ để tối đa thỏa mãn.Vấn đề này thuộc về

- a. Kinh tế vi mô, chuẩn tắc
- b. Kinh tế té vi mô, thực chứng**
- c. Kinh tế vĩ mô, thực chứng.
- d. Kinh tế vĩ mô, chuẩn tắc.

Câu 5. Phát biểu nào sau đây không đúng:

- a. Hiệu quả trong việc sử dụng tài nguyên là phải sản xuất ra những sản phẩm sao cho thỏa mãn nhu cầu của xã hội và nằm trên đường giới hạn khả năng sản xuất.
- b. Vấn đề lạm phát của nền kinh tế thuộc về kinh tế vĩ mô.
- c. Trên thị trường, giá cả của hàng hóa là do người bán quyết định.**
- d. Sự can thiệp của chính phủ vào nền kinh tế như thế nào thuộc về kinh tế học chuẩn tắc.

Câu 6. Qui luật nào sau đây quyết định dạng của đường giới hạn khả năng sản xuất ?

- a. Qui luật cung - cầu
- b. Qui luật năng suất biên giảm dần**
- c. Qui luật cầu
- d. Qui luật cung

Câu 7. Cho biết số liệu về chi phí sản xuất của một doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn như sau. Điểm hòa vốn và điểm đóng cửa sản xuất của doanh nghiệp là những điểm tương ứng với các mức sản lượng: Q: 0 10 12 14 16 18 20 TC: 80 115 130 146 168 200 250

- a. $Q = 10$ và $Q = 12$
- b. **$Q = 10$ và $Q = 14$**
- c. $Q = 12$ và $Q = 14$
- d. Không có câu nào đúng

Câu 8. Khi giá bán nhỏ hơn chi phí trung bình, doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn nên:

- a. Sản xuất ở mức sản lượng tại đó: $MR = MC$
- b. Ngừng sản xuất.
- c. Sản xuất ở mức sản lượng tại đó: $P = MC$
- d. Các câu trên đều có thể xảy ra**

Câu 9. Điều kiện cân bằng dài hạn của một thị trường cạnh tranh hoàn toàn:

- a. Quy mô sản xuất của doanh nghiệp là quy mô sản xuất tối ưu
- b. $SAC_{min} = LAC_{min}$
- c. $LMC = SMC = MR = P$
- d. Các câu trên đều đúng**

Câu 10. Điều nào sau đây không phải là điều kiện cho tình trạng cân bằng dài hạn của doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn:

- a. Lượng cung và lượng cầu thị trường bằng nhau.
- b. Thặng dư sản xuất bằng 0**
- c. Lợi nhuận kinh tế bằng 0.
- d. Các doanh nghiệp ở trạng thái tối đa hóa lợi nhuận.

Câu 11. Trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn nếu các doanh nghiệp mới gia nhập làm cho lượng cầu yếu tố sản xuất tăng nhưng giá các yếu tố sản xuất không đổi thì đường cung dài hạn của ngành sẽ:

- a. Thẳng đứng
- b. Dốc lên trên
- c. Nằm ngang**
- d. Dốc xuống dưới

Câu 12. Đường cung của ngành cạnh tranh hoàn toàn trong dài hạn co giãn nhiều hơn trong ngắn hạn là do:

- a. Các xí nghiệp trong ngành tăng giảm sản lượng bằng cách thay đổi số lượng các yếu tố sản xuất sử dụng
- b. Sự gia nhập và rời khỏi ngành của các xí nghiệp.**

- c. Cả a và b đều đúng
- d. Cả a và b đều sai

Câu 13. Đối với doanh nghiệp, khi tăng sản lượng tổng lợi nhuận bị giảm, cho biết:

- a. Doanh thu biên lớn hơn chi phí biên.
- b. **Doanh thu biên nhỏ hơn chi phí biên.**
- c. Doanh thu biên bằng chi phí biên.
- d. Các câu trên đều sai.

Câu 14. Một doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn có hàm tổng chi phí dài hạn: $LTC = Q^2 + 100$, mức sản lượng cân bằng dài hạn của doanh nghiệp:

- a. 8
- b. **10**
- c. 100
- d. 110

Câu 15. Đặc điểm cơ bản của ngành cạnh tranh độc quyền là:

- a. Mỗi doanh nghiệp chỉ có khả năng hạn chế ảnh hưởng tới giá cả sản phẩm của mình
- b. Có nhiều doanh nghiệp sản xuất ra những sản phẩm có thể dễ thay thế cho nhau
- c. Cả hai câu đều sai
- d. **Cả hai câu đều đúng**

Câu 16. Trong thị trường cạnh tranh độc quyền, trong ngắn hạn thì doanh nghiệp có thể:

- a. Luôn có lợi nhuận bằng không (hòa vốn)
- b. Luôn thua lỗ
- c. **Có lợi nhuận kinh tế hay thua lỗ**
- d. Luôn có lợi nhuận kinh tế

Câu 17. Trong mô hình doanh nghiệp độc quyền nhóm có ưu thế về quy mô sản xuất, doanh nghiệp có ưu thế có thể quyết định sản lượng theo cách:

- a. Cạnh tranh hoàn toàn
- b. Độc quyền hoàn toàn
- c. **Cả a và b đều đúng**
- d. Cả a và b đều sai

Câu 18. Trong “mô hình đường cầu gãy” (The kinked demand curve model) khi một doanh nghiệp giảm giá thì các doanh nghiệp còn lại sẽ:

- a. Không biết được
- b. **Giảm giá**
- c. Không thay đổi giá
- d. Tăng giá

Câu 19. Đường cầu của doanh nghiệp trong ngành cạnh tranh độc quyền:

- a. Là đường cầu nằm ngang song song trực sẵn lượng
- b. Là đường cầu thẳng đứng song song trực giá
- c. Là đường cầu của toàn bộ thị trường
- d. Là đường cầu dốc xuống từ trái sang phải

Câu 20. Trong “mô hình đường cầu gãy” (The kinked demand curve model), tại điểm gãy của đường cầu, khi doanh nghiệp có chi phí biên MC thay đổi thì:

- a. Giá P và sản lượng Q không đổi
- b. Giá P không đổi, sản lượng Q giảm
- c. Giá P tăng, sản lượng Q không đổi
- d. Giá P tăng, sản lượng Q giảm

Câu 1. Cách thức chi tiêu của người tiêu thụ để tối đa thỏa mãn. Vấn đề này thuộc về

- a. Kinh tế vĩ mô, chuẩn tắc.
- b. Kinh tế tế vi mô, thực chứng
- c. Kinh tế vĩ mô, thực chứng.
- d. Kinh tế vi mô, chuẩn tắc

Câu 2. Điểm khác biệt căn bản giữa mô hình kinh tế hỗn hợp và mô hình kinh tế thị trường là:

- a. Nhà nước quản lý ngân sách.
- b. Nhà nước tham gia quản lý kinh tế.
- c. Nhà nước quản lý các quỹ phúc lợi
- d. Các câu trên đều sai.

Câu 3. Khái niệm nào sau đây không thể lí giải bằng đường giới hạn khả năng sản xuất (PPF)

- a. Quy luật chi phí cơ hội tăng dần.
- b. Sự khan hiếm.
- c. Chi phí cơ hội
- d. Cung cầu.

Câu 4. Phát biểu nào sau đây không đúng:

- a. Sự can thiệp của chính phủ vào nền kinh tế như thế nào thuộc về kinh tế học chuẩn tắc.
- b. Trên thị trường, giá cả của hàng hóa là do người bán quyết định.
- c. Vấn đề lạm phát của nền kinh tế thuộc về kinh tế vĩ mô.

d. Hiệu quả trong việc sử dụng tài nguyên là phải sản xuất ra những sản phẩm sao cho thỏa mãn nhu cầu của xã hội và nằm trên đường giới hạn khả năng sản xuất.

Câu 5. Một người tiêu thụ dành một số tiền là 2 triệu đồng / tháng để chi tiêu cho 2 sản phẩm X và Y với giá của X là 20000 đồng và của Y là 50000. Đường ngân sách của người này là:

- a. $X = 5Y / 2 + 100$
- b. $Y = 2X / 5 + 40$
- c. **Cả a và b đều sai.**
- d. Cả a và b đều đúng.

Câu 6. Đường đẳng ích biểu thị tất cả những phối hợp tiêu dùng giữa hai loại sản phẩm mà người tiêu dùng:

- a. Đạt được mức hữu dụng như nhau
- b. Đạt được mức hữu dụng giảm dần
- c. Đạt được mức hữu dụng tăng dần
- d. Sử dụng hết số tiền mà mình có

Câu 7. Một người tiêu thụ dành một số tiền nhất định để chi tiêu cho 2 sản phẩm X và Y .Nếu X là loại hàng xa xỉ thì khi giá của X tăng lên và các yếu tố khác không đổi thì lượng hàng hóa của Y được mua sẽ:

- a. Tăng
- b. Giảm
- c. Không thay đổi
- d. Không xác định được.

Câu 8. Đường tiêu thụ giá cả là đường biểu thị mối quan hệ giữa:

- a. Giá của sản phẩm này và lượng của sản phẩm bổ sung cho nó.
- b. Thu nhập và số lượng sản phẩm được mua.
- c. Giá sản phẩm và thu nhập của người tiêu thụ.
- d. Giá sản phẩm và số lượng sản phẩm được mua.**

Câu 9. Một người tiêu dùng dành một khoản tiền là 2000 \$ để mua hai sản phẩm X và Y, với $P_x = 200 \$/sp$ và $P_y = 500 \$/sp$. Phương trình đường ngân sách có dạng:

- a. $Y = 10 - (2/5)X$
- b. $Y = 4 - (2/5)X$**
- c. $Y = 10 - 2,5X$
- d. $Y = 4 - 2,5 X$

Câu 10. Giả sử người tiêu dùng dành hết thu nhập I để mua 2 loại hàng hóa X, Y với đơn giá là P_x, P_y và số lượng là x, y và đạt được lợi ích tối đa có:

- a. $MUX/PX = MUY/PY$
- b. $MRS_{xy} = P_x/P_y$**

- c. $MUX/ MUY = Px/PY$
- d. Các câu trên đều đúng

Câu 11. Đường biểu diễn các phối hợp khác nhau về số lượng của hai sản phẩm cùng đem lại cho một mức lợi ích như nhau cho người tiêu dùng được gọi là:

- a. Đường đẳng lượng
- b. Đường đẳng ích
- c. Đường cầu
- d. Đường ngân sách

Câu 12. Đường ngân sách có dạng: $X = 30 - 2Y$. Nếu $Px = 10$ thì:

- a. $Py = 10$ và $I = 300$
- b. $Py = 20$ và $I = 600$
- c. $Py = 10$ và $I = 900$
- d. $Py = 20$ và $I = 300$

Câu 13. Trong thị trường độc quyền hoàn toàn : $MR = - Q /10 + 1000$; $MC = Q /10 + 400$. Nếu chính phủ quy định mức giá, buộc doanh nghiệp phải gia tăng sản lượng cao nhất, vậy mức giá đó là:

- a. $P = 800$
- b. $P = 600$
- c. $P = 400$
- d. Tất cả đều sai

Câu 14. Trong thị trường độc quyền hoàn toàn, chính phủ đánh thuế không theo sản lượng sẽ ảnh hưởng:

- a. Thuế người tiêu dùng và người sản xuất cùng gánh
- b. P tăng
- c. Q giảm
- d. Tất cả các câu trên đều sai.

Câu 15. Một doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn có hàm số cầu thị trường có dạng: $P = - Q + 2400$. Ở mức sản lượng tối đa hóa lợi nhuận có hệ số co giãn của cầu theo giá là -3, chi phí biên là 10. Vậy giá bán ở mức sản lượng tối đa hóa lợi nhuận:

- a. 20
- b. 15
- c. 10
- d. Các câu trên đều sai

Câu 16. Khi chính phủ đánh thuế.....vào doanh nghiệp độc quyền thì người tiêu dùng sẽ trả một mức giá.....

- a. Theo sản lượng.....không đổi
- b. Khoáncao hơn

- c. Theo sản lượng.....thấp hơn
- d. Các câu trên đều sai

Câu 17. Một doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn có hàm chi phí: $TC = Q^2/10 + 400Q + 3.000.000$, hàm số cầu thị trường có dạng: $P = -Q/20 + 2200$. Mức chính phủ đánh thuế là 150đ/sp thì lợi nhuận tối đa của doanh nghiệp này đạt được là :

- a. 2.362.500
- b. **1.537.500**
- c. 2.400.000
- d. Các câu trên đều sai

Câu 18. Một xí nghiệp độc quyền hoàn toàn tối đa hóa lợi nhuận ở mức giá là 20, có hệ số co giãn cầu theo giá là -2, vậy mức sản lượng tối đa hóa lợi nhuận tại đó có MC :

- a. 10
- b. 20
- c. 40
- d. Các câu trên đều sai

Câu 19. Một doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn có hàm số cầu thị trường có dạng: $P = -Q + 2400$. Tổng doanh thu tối đa của doanh nghiệp là:

- a. 144000
- b. **1.440.000**
- c. 14.400.000
- d. Các câu trên đều sai

Câu 20. Trong ngắn hạn của thị trường độc quyền hoàn toàn, câu nào sau đây chưa thể khẳng định:

- a. Doanh thu cực đại khi $MR = 0$
- b. **Doanh nghiệp kinh doanh luôn có lợi nhuận**
- c. Đường MC luôn luôn cắt AC tại AC min
- d. Để có lợi nhuận tối đa luôn cung ứng tại mức sản lượng có cầu co giãn nhiều

Câu 1. Hiện nay chiến lược cạnh tranh chủ yếu của các xí nghiệp độc quyền nhóm là:

- a. Cạnh tranh về sản lượng
- b. Cạnh tranh về giá cả
- c. **Cạnh tranh về quảng cáo và các dịch vụ hậu mãi**
- d. Các câu trên đều sai

Câu 2. Trong “mô hình đường cầu gãy” (The kinked demand curve model) khi một doanh nghiệp giảm giá thì các doanh nghiệp còn lại sẽ:

- a. Tăng giá
- b. Giảm giá
- c. Không biết được
- d. Không thay đổi giá

Câu 3. Trong mô hình doanh nghiệp độc quyền nhóm có ưu thế về quy mô sản xuất, doanh nghiệp có ưu thế có thể quyết định sản lượng theo cách:

- a. Độc quyền hoàn toàn
- b. Cảnh tranh hoàn toàn
- c. Cả a và b đều đúng
- d. Cả a và b đều sai

Câu 4. Trong thị trường cạnh tranh độc quyền, trong ngắn hạn thì doanh nghiệp có thể:

- a. Có lợi nhuận kinh tế hay thua lỗ
- b. Luôn có lợi nhuận bằng không (hòa vốn)
- c. Luôn thua lỗ
- d. Luôn có lợi nhuận kinh tế

Câu 5. Trong “mô hình đường cầu gãy” (The kinked demand curve model), tại điểm gãy của đường cầu, khi doanh nghiệp có chi phí biên MC thay đổi thì:

- a. Giá P tăng, sản lượng Q không đổi
- b. Giá P tăng, sản lượng Q giảm
- c. Giá P không đổi, sản lượng Q giảm
- d. Giá P và sản lượng Q không đổi

Câu 6. Đặc điểm cơ bản của ngành cạnh tranh độc quyền là:

- a. Có nhiều doanh nghiệp sản xuất ra những sản phẩm có thể dễ thay thế cho nhau
- b. Mỗi doanh nghiệp chỉ có khả năng hạn chế ảnh hưởng tới giá cả sản phẩm của mình
- c. Cả hai câu đều sai
- d. Cả hai câu đều đúng

Câu 7. Độ dốc của đường đẳng phí là:

- a. Tỷ lệ thay thế kỹ thuật biên của 2 yếu tố sản xuất.
- b. Tỷ số năng suất biên của 2 yếu tố sản xuất.
- c. Tỷ số giá cả của 2 yếu tố sản xuất.
- d. Các câu trên đều sai

Câu 8. Trong các hàm sản xuất sau đây hàm số nào thể hiện tình trạng năng suất theo qui mô tăng dần:

- a. Phát biểu nào sau đây đúng với khái niệm ngắn hạn trong kinh tế học:
 - a. Doanh nghiệp có thể thay đổi sản lượng.
 - b. Thời gian ngắn hơn 1 năm.

- c. Tất cả các yếu tố sản xuất đều thay đổi.
- d. Doanh nghiệp có thể thay đổi quy mô sản xuất.

Câu 10. Hàm tổng chi phí sản xuất của một doanh nghiệp như sau: $TC = Q^2 + 40Q + 10.000$, chi phí trung bình ở mức sản lượng 1000 sp là:

- a. 1050
- b. 1040
- c. 2040
- d. Các câu trên đều sai.

Câu 11. Năng suất trung bình của 2 người lao động là 20, năng suất biên của người lao động thứ 3 là 17, vậy năng suất trung bình của 3 người lao động là:

- a. 14
- b. 18,5
- c. 12,33
- d. 19

Câu 12. Nếu đường tổng chi phí là một đường thẳng dốc lên về phía phải thì đường chi phí biên sẽ :

- a. Dốc xuống
- b. Nằm ngang
- c. Dốc lên
- d. Thẳng đứng

Câu 13. Cùng một số vốn đầu tư, nhà đầu tư dự kiến lợi nhuận kế toán của 3 phương án A,B,C, lần lượt là 100 triệu, 50 triệu , 20 triệu, nếu phương án B được lựa chọn thì lợi nhuận kinh tế đạt được là:

- a. 100 triệu
- b. -50 triệu
- c. 50 triệu
- d. Các câu trên đều sai

Câu 14. Hàm tổng chi phí sản xuất của một doanh nghiệp như sau: $TC = Q^2 + 20Q + 40.000$, mức sản lượng tối ưu của doanh nghiệp tại đó có chi phí trung bình:

- a. 220
- b. 120
- c. 420
- d. Các câu trên đều sai

Câu 15. Đối với doanh nghiệp, khi tăng sản lượng tổng lợi nhuận bị giảm, cho biết:

- a. Doanh thu biên lớn hơn chi phí biên.
- b. Doanh thu biên bằng chi phí biên.
- c. Doanh thu biên nhỏ hơn chi phí biên.

d. Các câu trên đều sai.

Câu 16. Hàm số cung cầu của một thị trường cạnh tranh hoàn toàn như sau: (S) $P = Q/20 + 10$, (D) $P = -Q/60 + 20$, nếu chính phủ đánh thuế vào sản phẩm 2 đ / sp , thì tổn thất vô ích của xã hội là :

- a. 60
- b. 240
- c. 30
- d. Các câu trên đều sai

Câu 17. Đường cung ngắn hạn của doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn là:

- a. Là nhánh bên phải của đường SMC.
- b. Phần đường SMC từ AVC min trở lên.
- c. Phần đường SMC từ AC min trở lên.
- d. Các câu trên đều sai.

Câu 18. Trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn nếu các doanh nghiệp mới gia nhập làm cho lượng cầu yếu tố sản xuất tăng nhưng giá các yếu tố sản xuất không đổi thì đường cung dài hạn của ngành sẽ:

- a. Thẳng đứng
- b. Dốc xuống dưới
- c. Nằm ngang
- d. Dốc lên trên

Câu 19. Cho biết số liệu về chi phí sản xuất của một doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn như sau.Nếu giá trên thị trường là 16đ/sp, tổng lợi nhuận tối đa là:

Q:	0	10	12	14	16	18	20
TC:	80	115	130	146	168	200	250

- a. 88
- b. 170
- c. 120
- d. Các câu trên đều sai

Câu 20. Một doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn có hàm tổng chi phí $TC = 10Q^2 + 10Q + 450$, nếu giá trên thị trường là 210đ/sp. tổng lợi nhuận tối đa là

- a. 1000
- b. 1550
- c. 550
- d. Các câu trên đều sai.

Câu 1. Trên thị trường của sản phẩm X có 100 người mua và 50 người bán, hàm số cầu của mỗi người mua là như nhau có dạng: $P = -q^2 + 20$, những người bán có hàm tổng chi phí như nhau: $TC = q^2 + 2q + 40$. Giá cả cân bằng trên thị trường:

- a. 18
- b. 7,2
- c. 16,4
- d. Các câu trên đều sai.

Câu 2. Khi giá bán nhỏ hơn chi phí trung bình, doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn nén:

- a. Sản xuất ở mức sản lượng tại đó: $MR = MC$
- b. Sản xuất ở mức sản lượng tại đó: $P = MC$
- c. Ngừng sản xuất
- d. Các câu trên đều có thể xảy ra**

Câu 3. Khi thu nhập của người tiêu thụ tăng lên, lượng cầu của sản phẩm Y giảm xuống, với các yếu tố khác không đổi, điều đó cho thấy sản phẩm Y là :

- a. Hàng thông thường.
- b. Hàng xa xỉ.
- c. Hàng cấp thấp.**
- d. Hàng thiết yếu.

Câu 4. Độ co giãn cầu theo giá phụ thuộc vào các nhân tố:

- a. Tính thay thế của sản phẩm.
- b. Sở thích thị hiếu của người tiêu dùng.
- c. Cả a và b đều sai.
- d. Cả a và b đều đúng.**

Câu 5. Khi thu nhập dân chúng tăng lên, các nhân tố khác không thay đổi. Giá cả và số lượng cân bằng mới của loại hàng hóa thứ cấp (hàng xấu) sẽ :

- a. Giá cao hơn và số lượng nhỏ hơn.
- b. Giá thấp hơn và số lượng nhỏ hơn.**
- c. Giá thấp hơn và số lượng lớn hơn.
- d. Giá cao hơn và số lượng không đổi.

Câu 6. Khi giá của Y tăng làm cho lượng cầu của X giảm trong điều kiện các yếu tố khác không đổi. Vậy 2 sản phẩm X và Y có mối quan hệ:

- a. Độc lập với nhau.
- b. Thay thế cho nhau.
- c. Bổ sung cho nhau.**
- d. Các câu trên đều sai.

Câu 7. Suy thoái kinh tế toàn cầu đã làm giảm mức cầu dầu mỏ nên giá dầu mỏ giảm mạnh. Có thể minh họa sự kiện này trên đồ thị (trục tung ghi giá, trục hoành ghi lượng cầu) bằng cách:

- a. Vẽ đường cầu dịch chuyển sang trái
- b. Vẽ một đường cầu có độ dốc âm
- c. Vẽ đường cầu dịch chuyển sang phải
- d. Vẽ một đường cầu thẳng đứng

Câu 8. Trường hợp nào sau đây làm cho đường cung xe gắn máy dịch chuyển sang trái:

- a. Thu nhập của người tiêu dùng tăng.
- b. Giá xăng tăng.
- c. Giá xe gắn máy tăng.
- d. Không có câu nào đúng.

Câu 9. Một sản phẩm có hàm số cầu thị trường và hàm số cung thị trường lần lượt là $Q^D = -2P + 200$ và $Q^S = 2P - 40$. Bạn dự báo giá của sản phẩm này trên thị trường là:

- a. P = 100 \$
- b. P = 80 \$
- c. P = 40 \$
- d. P = 60 \$

Câu 10. Một người tiêu thụ có thu nhập là 1000đvt, lượng cầu sản phẩm X là 10 sp, khi thu nhập tăng lên là 1200đvt, lượng cầu của sản phẩm X tăng lên là 13 sp, vậy sản phẩm X thuộc hàng:

- a. Hàng thông thường.
- b. Hàng thiết yếu.
- c. Hàng cấp thấp.
- d. Hàng xa xỉ.

Câu 11. Khái niệm nào sau đây không thể lí giải bằng đường giới hạn khả năng sản xuất (PPF)?

- a. Sự khan hiếm.
- b. Chi phí cơ hội.
- c. Quy luật chi phí cơ hội tăng dần.
- d. Cung cầu.

Câu 12. Điểm khác biệt căn bản giữa mô hình kinh tế hỗn hợp và mô hình kinh tế thị trường là:

- a. Nhà nước tham gia quản lý kinh tế.
- b. Nhà nước quản lý các quỹ phúc lợi.

- c. Nhà nước quản lý ngân sách.
- d. Các câu trên đều sai.

Câu 13. Các hệ thống kinh tế giải quyết các vấn đề cơ bản :sản xuất cái gì? Số lượng bao nhiêu? Sản xuất như thế nào? Sản xuất cho ai? Xuất phát từ đặc điểm:

- a. Nguồn cung của nền kinh tế.
- b. Đặc điểm tự nhiên.
- c. Nhu cầu của xã hội.
- d. Tài nguyên có giới hạn.**

Câu 14. Chọn lựa tại một điểm không nằm trên đường giới hạn khả năng sản xuất là :

- a. Không thể thực hiện được
- b. Thực hiện được nhưng nền kinh tế hoạt động không hiệu quả
- c. Không thể thực hiện được hoặc thực hiện được nhưng nền kinh tế hoạt động không hiệu quả**
- d. Thực hiện được và nền kinh tế hoạt động hiệu quả

Câu 15. Trong dài hạn, doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh độc quyền sẽ sản xuất tại sản lượng có:

- a. $MR = LMC = LAC$
- b. $LMC = SMC = MR = LAC = SAC$
- c. Chi phí trung bình AC là thấp nhất (cực tiểu)
- d. Chi phí trung bình AC chưa là thấp nhất (cực tiểu)**

Câu 16. Trong mô hình doanh nghiệp độc quyền nhóm có ưu thế về quy mô sản xuất, doanh nghiệp có ưu thế có thể quyết định sản lượng theo cách:

- a. Cạnh tranh hoàn toàn
- b. Độc quyền hoàn toàn
- c. Cả a và b đều đúng**
- d. Cả a và b đều sai

Câu 17. Trong “mô hình đường cầu gãy” (The kinked demand curve model) khi một doanh nghiệp giảm giá thì các doanh nghiệp còn lại sẽ:

- a. Không biết được
- b. Tăng giá
- c. Giảm giá**
- d. Không thay đổi giá

Câu 18. Đường cầu của doanh nghiệp trong ngành cạnh tranh độc quyền:

- a. Là đường cầu nằm ngang song song trực sản lượng
- b. Là đường cầu của toàn bộ thị trường
- c. Là đường cầu dốc xuông từ trái sang phải**

d. Là đường cầu thẳng đứng song song trực giá

Câu 19. Trong thị trường cạnh tranh độc quyền, tại điểm cân bằng dài hạn có:

- a. Đường cầu mỗi doanh nghiệp là tiếp tuyến đường AC của nó ở mức sản lượng mà tại đó có $MR=MC$
- b. Mỗi doanh nghiệp đều tối đa hóa lợi nhuận nhưng chỉ hòa vốn
- c. Sẽ không có thêm sự nhập ngành hoặc xuất ngành nào nữa
- d. Cả ba câu đều đúng**

Câu 20. Doanh nghiệp trong ngành cạnh tranh độc quyền theo đuổi mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận sẽ sản xuất tại sản lượng

- a. $AC=MC$
- b. $MR=MC$**
- c. $AR=MC$
- d. $P=MC$

Câu 1. Đường Engel của người tiêu dùng đối với một mặt hàng có thể được suy ra từ đường:

- a. Đường đẳng ích
- b. Đường giá cả-tiêu dùng
- c. Đường thu nhập-tiêu dùng**
- d. Đường ngân sách

Câu 2. Hàm hưu dụng của một người tiêu thụ đối với 2 sản phẩm X và Y được cho như sau; $TU = X(Y - 1)$. Thu nhập của người tiêu thụ là 1.000đ dùng để mua 2 sản phẩm này với đơn giá của X 10đ /sp, của Y là 10 đ /sp , tổng số hưu dụng tối đa là:

- a. 2540,25
- b. 2450,25**
- c. 2425,50
- d. Không có câu nào đúng.

Câu 3. Thặng dư tiêu dùng trên thị trường là:

- a. Chênh lệch giữa tổng số tiền tối đa mà người tiêu dùng sẵn lòng trả với tổng số tiền thực trả cho sản phẩm
- b. Là diện tích nằm phía dưới đường cầu và trên đường giá cân bằng
- c. a và b đều đúng**
- d. a sai, b đúng

Câu 4. Nếu một người tiêu dùng dành toàn bộ thu nhập của mình để mua hai sản phẩm X và Y thì khi giá của X giảm, số lượng hàng Y được mua sẽ:

- a. Ít hơn
- b. Nhiều hơn

- c. Không thay đổi
- d. Một trong 3 trường hợp kia, tùy thuộc vào độ co giãn của cầu theo giá của mặt hàng X

Câu 5. Tìm câu đúng trong các câu sau đây:

- a. Thặng dư tiêu dùng trên thị trường là phần diện tích nằm bên dưới giá thị trường và bên trên đường cung thị trường.
- b. Đường tiêu thụ giá cả là một đường tập hợp những phối hợp tối đa hóa hữu dụng khi thu nhập thay đổi trong điều kiện các yếu tố khác không đổi
- c. Đường tiêu thụ thu nhập là một đường tập hợp những phối hợp tối đa hóa hữu dụng khi giá cả thay đổi trong điều kiện các yếu tố khác không đổi
- d. Các câu trên đều sai

Câu 6. Một người tiêu thụ dành một số tiền nhất định để chi tiêu cho 2 sản phẩm X và Y .Nếu X là loại hàng xa xỉ thì khi giá của X tăng lên và các yếu tố khác không đổi thì lượng hàng hóa của Y được mua sẽ:

- a. Tăng
- b. Không thay đổi
- c. Giảm
- d. Không xác định được

Câu 7. Giả sử người tiêu dùng dành hết thu nhập I để mua 2 loại hàng hoá X, Y với đơn giá là Px, Py và số lượng là x, y và đạt được lợi ích tối đa có:

- a. $MUX/P_x = MUY/P_y$
- b. $MUX/ MUY = P_x/P_y$
- c. $MRS_{xy} = P_x/P_y$
- d. Các câu trên đều đúng

Câu 8. Đối với sản phẩm cấp thấp, tác động thay thế và tác động thu nhập:

- a. Ngược chiều nhau
- b. Có thể cùng chiều hay ngược chiều
- c. Cùng chiều với nhau
- d. Các câu trên đều sai

Câu 9. Trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn nếu các doanh nghiệp mới gia nhập làm cho lượng cầu yếu tố sản xuất tăng nhưng giá các yếu tố sản xuất không đổi thì đường cung dài hạn của ngành sẽ:

- a. Dốc xuống dưới
- b. Nằm ngang
- c. Dốc lên trên
- d. Thẳng đứng

Câu 10. Đường cung của ngành cạnh tranh hoàn toàn trong dài hạn có giãn nhiều hơn trong ngắn hạn là do:

- a. Sự gia nhập và rời khỏi ngành của các xí nghiệp
- b. Các xí nghiệp trong ngành tăng giảm sản lượng bằng cách thay đổi số lượng các yếu tố sản xuất sử dụng
- c. Cả a và b đều đúng
- d. Cả a và b đều sai

Câu 11. Điều nào sau đây không phải là điều kiện cho tình trạng cân bằng dài hạn của doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn:

- a. Lợi nhuận kinh tế bằng 0.
- b. Các doanh nghiệp ở trạng thái tối đa hóa lợi nhuận.
- c. Lượng cung và lượng cầu thị trường bằng nhau.
- d. Thặng dư sản xuất bằng 0.

Câu 12. Một doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn có hàm tổng chi phí dài hạn: $LTC = Q^2 + 64$, mức giá cân bằng dài hạn:

- a. 16
- b. 32
- c. 64
- d. 8

Câu 13. Một doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn có hàm tổng chi phí dài hạn: $LTC = Q^2 + 100$, mức sản lượng cân bằng dài hạn của doanh nghiệp:

- a. 8
- b. 10
- c. 100
- d. 110

Câu 14. Đối với doanh nghiệp, khi tăng sản lượng tổng lợi nhuận tăng, cho biết:

- a. Doanh thu biên lớn hơn chi phí biên.
- b. Doanh thu biên bằng chi phí biên.
- c. Doanh thu biên nhỏ hơn chi phí biên.
- d. Các câu trên đều sai.

Câu 15. Cho biết số liệu về chi phí sản xuất của một doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn như sau. Nếu giá trên thị trường là 76đ/sp, tổng lợi nhuận tối đa là:

Q:	0	10	12	14	16	18	20
TC:	80	115	130	146	168	200	250

- a. 120
- b. 170

c.88

- d. Các câu trên đều sai

Câu 16. Điều kiện cân bằng dài hạn của một thị trường cạnh tranh hoàn toàn:

- a. LMC = SMC = MR = P
- b. Quy mô sản xuất của doanh nghiệp là quy mô sản xuất tối ưu
- c. SAC min = LAC min
- d. Các câu trên đều đúng**

Câu 17. Nếu ti vi SONY giảm giá 10%, các yếu tố khác không đổi. lượng cầu ti vi JVC giảm 20% thì độ co giãn chéo của cầu theo giá là :

- a. 3
- b.2**
- c. 0,75
- d. - 1,5

Câu 18. Xét hàm số cầu sản phẩm X dạng tuyến tính như sau : $Q_x = 200 - 2P_x + 0,5P_y + 0,1I$. Tham số -2 đứng trước P_x là

- a. Tham số biểu thị mức thay đổi của P_x khi Q_x thay đổi một đơn vị.
- b. Tham số biểu thị quan hệ giữa P_x với Q_x .
- c. Tham số biểu thị mức thay đổi của P_x khi Q_x thay đổi 2 đơn vị.
- d. Tham số biểu thị mức thay đổi của Q_x khi P_x thay đổi một đơn vị.**

Câu 19. Giả sử hàm số cầu thị trường của một loại nông sản: $Q_d = -2P + 80$, và lượng cung nông sản trong mùa vụ là 50 sp.Nếu chính phủ trợ cấp cho người sản xuất là 2 đvt/sp thì tổng doanh thu của họ trong mùa vụ này là:

- a. 950
- b. 850**
- c. 750
- d. Không có câu nào đúng.

Câu 20. Câu phát biểu nào sau đây không đúng:

- a. Trong phần đường cầu co giãn nhiều, giá cả và doanh thu đồng biến**
- b. Hệ số co giãn cầu theo giá ở các điểm khác nhau trên đường cầu thì khác nhau
- c. Đối với sản phẩm có cầu hoàn toàn không co giãn thì người tiêu dùng sẽ gánh chịu toàn bộ tiền thuế đánh vào sản phẩm
- d. Độ co giãn cầu theo giá phụ thuộc vào các yếu tố như là sở thích , thị hiếu của người tiêu thụ, tính chất thay thế của sản phẩm

Câu 1. Tại điểm A trên đường cầu có mức giá $P = 10$, $Q = 20$, $Ed = -1$, hàm số cầu là hàm tuyến tính có dạng:

- a. $P = -Q/2 + 40$

- b. $P = -2Q + 40$
- c. $P = -Q/2 + 20$
- d. Các câu trên đều sai

Câu 2. Giá điện tăng đã làm cho phần chi tiêu cho điện tăng lên, điều đó cho thấy câu về sản phẩm điện là:

- a. Cơ giàn hoàn toàn.
- b. Cơ giàn ít.
- c. Cơ giàn đơn vị.
- d. Cơ giàn nhiều.

Câu 3. Nếu câu của hàng hóa X là cơ giàn nhiều ($Ed > 1$), thì một sự thay đổi trong giá cả (P_x) sẽ làm

- a. Không làm thay đổi tổng doanh thu của doanh nghiệp và tổng chi tiêu của người tiêu thụ.
- b. Thay đổi tổng doanh thu của doanh nghiệp theo hướng cùng chiều.
- c. **Thay đổi tổng chi tiêu của người tiêu thụ theo hướng ngược chiều.**
- d. Các câu kia đều sai.

Câu 4. Khi giá của Y tăng làm cho lượng cầu của X giảm trong điều kiện các yếu tố khác không đổi. Vậy 2 sản phẩm X và Y có mối quan hệ:

- a. Bổ sung cho nhau.
- b. Thay thế cho nhau.
- c. Độc lập với nhau.
- d. Các câu trên đều sai.

Câu 5. Quy mô sản xuất tối ưu của một doanh nghiệp là quy mô sản xuất :

- a. Lớn
- b. Có chi phí trung bình thấp nhất ở tất cả các mức sản lượng.
- c. **Có điểm cực tiểu của đường SAC tiếp xúc với điểm cực tiểu của đường LAC.**
- d. Các câu trên đều sai.

Câu 6. Phát biểu nào sau đây không đúng:

- a. Khi sản lượng tăng thì chi phí cố định trung bình giảm dần
- b. Khi chi phí biên giảm dần thì chi phí trung bình cũng giảm dần
- c. **Khi chi phí trung bình giảm dần thì chi phí biên cũng giảm dần**
- d. Khi chi phí trung bình tăng dần thì chi phí biên cũng tăng dần

Câu 7. Sản lượng tối ưu của 1 quy mô sản xuất có hiệu quả là sản lượng có:

- a. MC min
- b. AFC min
- c. AVC min
- d. **Các câu trên sai**

Câu 8. Độ dốc của đường đẳng lượng là:

- a. Tỷ số năng suất biên của 2 yếu tố sản xuất
- b. Tỷ lệ thay thế kỹ thuật biên của 2 yếu tố sản xuất
- c. Cả a và b đều sai.
- d. **Cả a và b đều đúng.**

Câu 9. Phát biểu nào dưới đây *không* đúng:

- a. Để khuyến khích ngành sản xuất X, Nhà nước nên đánh thuế các hàng hóa nhập ngoại có thể thay thế cho X.
- b. **Trong ngắn hạn, chi phí về bao bì sản phẩm là một khoản chi phí cố định.**
- c. Với một mặt hàng cấp thấp, khi thu nhập giảm thì cầu về nó sẽ tăng.
- d. Với một loại hàng hóa có tỷ trọng phần chi tiêu trong ngân sách gia đình rất cao thì khi giá tăng 5%, lượng cầu sẽ giảm nhiều hơn 5%

Câu 10. Cho hàm sản xuất $Q = (2L^3)/3 - 4L^2 - 10L$. Nên sử dụng L trong khoảng nào là hiệu quả nhất :

- a. 0-3
- b. 0-5
- c. **3-5**
- d. 3-7

Câu 11. Phát biểu nào sau đây đúng với khái niệm ngắn hạn trong kinh tế học:

- a. Thời gian ngắn hơn 1 năm.
- b. Doanh nghiệp có thể thay đổi quy mô sản xuất.
- c. **Doanh nghiệp có thể thay đổi sản lượng.**
- d. Tất cả các yếu tố sản xuất đều thay đổi.

Câu 12. Một xí nghiệp sản xuất một loại sản phẩm X có hàm sản xuất có dạng: $Q = 2K(L - 2)$, trong đó K và L là hai yếu tố sản xuất có giá tương ứng $P_K = 600$, $P_L = 300$. Nếu tổng sản lượng của xí nghiệp là 784 sản phẩm, vậy chi phí thấp nhất để thực hiện sản lượng trên là:

- a. 15.000
- b. 14.700
- c. **17.400**
- d. Các câu trên đều sai

Câu 13. Thị trường độc quyền hoàn toàn với đường cầu $P = - Q / 10 + 2000$, để đạt lợi nhuận tối đa doanh nghiệp cung ứng tại mức sản lượng:

- a. **$Q < 10.000$**
- b. $Q = 10.000$
- c. $Q = 20.000$
- d. Q với điều kiện $MP = MC = P$

Câu 14. Trong thị trường độc quyền hoàn toàn, chính phủ đánh thuế không theo sản lượng sẽ ảnh hưởng:

- a. Người tiêu dùng và người sản xuất cùng gánh
- b. Q giảm
- c. P tăng
- d. Tất cả các câu trên đều sai

Câu 15. Khi chính phủ đánh thuế.....vào doanh nghiệp độc quyền thì người tiêu dùng sẽ trả một mức giá.....

- a. Khoáncao hơn.
- b. Theo sản lượng.....không đổi
- c. Theo sản lượng.....thấp hơn
- d. Các câu trên đều sai.

Câu 16. Một doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn có hàm chi phí: $TC = Q^2/10 + 400Q + 3.000.000$, hàm số cầu thị trường có dạng: $P = -Q/20 + 2200$. Nếu chính phủ đánh thuế là 150đ/sp thì lợi nhuận tối đa của doanh nghiệp này đạt được là :

- a. 1.537.500
- b. 2.400.000
- c. 2.362.500
- d. Các câu trên đều sai.

Câu 17. Mục tiêu doanh thu tối đa của doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn phải thỏa mãn điều kiện:

- a. $MR = MC$
- b. $MR = 0$
- c. $P = MC$
- d. $TR = TC$

Câu 18. Một xí nghiệp độc quyền hoàn toàn tối đa hóa lợi nhuận ở mức giá là 20, có hệ số co giãn cầu theo giá là -2, vậy mức sản lượng tối đa hóa lợi nhuận tại đó có MC :

- a. 20
- b. 10
- c. 40
- d. Các câu trên đều sai

Câu 19. Một doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn có nhiều cơ sở sản xuất, để có chi phí sản xuất thấp nhất thì doanh nghiệp phân phối sản lượng cho các cơ sở theo nguyên tắc

- a. $AC_1 = AC_2 = \dots = AC$
- b. $AR_1 = AR_2 = \dots = AR$

- c. $MR1 = MR2 = \dots = MR$
- d. Các câu trên đều sai

Câu 20. Giải pháp can thiệp nào của Chính phủ đối với doanh nghiệp trong thị trường độc quyền hoàn toàn buộc doanh nghiệp phải gia tăng sản lượng cao nhất :

- a. Quy định giá trần bằng với giao điểm giữa đường cầu và đường MC.
- b. Dánh thuế theo sản lượng.
- c. Quy định giá trần bằng với MR.
- d. Dánh thuế không theo sản lượng.

Câu 1. Phát biểu nào sau đây không đúng:

- a. Sự can thiệp của chính phủ vào nền kinh tế như thế nào thuộc về kinh tế học chuẩn tắc.
- b. Vấn đề lạm phát của nền kinh tế thuộc về kinh tế vĩ mô.
- c. Trên thị trường, giá cả của hàng hóa là do người bán quyết định.
- d. Hiệu quả trong việc sử dụng tài nguyên là phải sản xuất ra những sản phẩm sao cho thỏa mãn nhu cầu của xã hội và nằm trên đường giới hạn khả năng sản xuất.

Câu 2. Qui luật nào sau đây quyết định dạng của đường giới hạn khả năng sản xuất?

- a. Qui luật cung
- b. Qui luật năng suất biên giảm dần
- c. Qui luật cung - cầu
- d. Qui luật cầu

Câu 3. Cách thức chi tiêu của người tiêu thụ để tối đa thỏa mãn. Vấn đề này thuộc về

- a. Kinh tế vi mô, chuẩn tắc
- b. Kinh tế té vi mô, thực chứng
- c. Kinh tế vĩ mô, thực chứng
- d. Kinh tế vĩ mô, chuẩn tắc

Câu 4. Chính phủ các nước hiện nay có các giải pháp kinh tế khác nhau trước tình hình suy thoái kinh tế hiện nay, vấn đề này thuộc về

- a. Kinh tế vi mô, chuẩn tắc
- b. Kinh tế vĩ mô, thực chứng
- c. Kinh tế vĩ mô, chuẩn tắc
- d. Kinh tế vi mô, thực chứng

Câu 5. Mặt hàng X có độ co giãn cầu theo giá là $Ed = -2$, khi giá của X tăng lên trong điều kiện các yếu tố khác không đổi, thì lượng cầu của mặt hàng Y sẽ

- a. Không thay đổi

- b. Tăng lên
- c. Giảm xuống
- d. Các câu trên đều sai

Câu 6. Trường hợp nào sau đây làm đường cầu của thép dịch chuyển về bên trái:

- a. Chính phủ tăng thuế vào mặt hàng thép.
- b. Thu nhập của công chúng tăng.
- c. Giá thép tăng mạnh.
- d. Không có câu nào đúng.**

Câu 7. Tại điểm A trên đường cung có mức giá $P = 10$, $Q = 20$, $Es = 0,5$, hàm số cung là hàm tuyến tính có dạng:

- a. $P = Q + 10$
- b. $P = Q - 10$**
- c. $P = Q + 20$
- d. Các câu trên đều sai

Câu 8. Câu phát biểu nào sau đây không đúng:

- a. Hệ số co giãn cầu theo giá ở các điểm khác nhau trên đường cầu thì khác nhau.
- b. Độ co giãn cầu theo giá phụ thuộc vào các yếu tố như là sở thích, thị hiếu của người tiêu thụ, tính chất thay thế của sản phẩm.
- c. Đối với sản phẩm có cầu hoàn toàn không co giãn thì người tiêu dùng sẽ gánh chịu toàn bộ tiền thuế đánh vào sản phẩm.
- d. Trong phần đường cầu co giãn nhiều, giá cả và doanh thu đồng biến.**

Câu 9. Câu phát biểu nào sau đây đúng trong các câu sau đây:

- a. Hệ số co giãn cầu theo thu nhập đối với hàng xa xỉ lớn hơn 1.**
- b. Hệ số co giãn chéo của 2 sản phẩm thay thế là âm.
- c. Hệ số co giãn tại 1 điểm trên đường cầu luôn luôn lớn hơn 1.
- d. Hệ số co giãn cầu theo thu nhập của hàng thông thường là âm.

Câu 10. Hàm số cầu cà phê vùng Tây nguyên hằng năm được xác định là : $Q_d = 480.000 - 0,1P$. [đvt : $P(\$/tấn)$, $Q(\text{tấn})$]. Sản lượng cà phê năm trước $Q_{s1} = 270\ 000$ tấn. Sản lượng cà phê năm nay $Q_{s2} = 280\ 000$ tấn. Giá cà phê năm trước (P_1) & năm nay (P_2) trên thị trường là :

- a. $P_1 = 2\ 000\ 000$ & $P_2 = 2\ 100\ 000$
- b. $P_1 = 2\ 100\ 000$ & $P_2 = 2\ 000\ 000$**
- c. $P_1 = 2\ 100\ 000$ & $P_2 = 1\ 950\ 000$
- d. Các câu kia đều sai

Câu 11. Nếu ti vi SONY giảm giá 10%, các yếu tố khác không đổi. Lượng cầu ti vi JVC giảm 20% thì độ co giãn chéo của cầu theo giá là :

- a. - 1,5

- b. 2
- c. 3
- d. 0,75

Câu 12. Một sản phẩm có hàm số cầu thị trường và hàm số cung thị trường lần lượt là $Q^D = -2P + 200$ và $Q^S = 2P - 40$. Bạn dự báo giá của sản phẩm này trên thị trường là:

- a. $P = 60 \$$
- b. $P = 40 \$$
- c. $P = 80 \$$
- d. $P = 100 \$$

Câu 13. Một xí nghiệp đang sử dụng kết hợp 100 giờ công lao động, đơn giá 1 USD/giờ và 50 giờ máy, đơn giá 2,4USD/giờ để sản xuất sản phẩm X. Hiện nay năng suất biên của lao động $MPL = 3\text{đvsp}$ và năng suất biên của vốn $MPK = 6\text{đvsp}$. Để tăng sản lượng mà không cần tăng chi phí thì xí nghiệp nên:

- a. Giảm bớt số lượng lao động để tăng thêm số lượng vốn
- b. **Giảm bớt số giờ máy để tăng thêm số giờ công lao động**
- c. Cần có thêm thông tin để có thể trả lời
- d. Giữ nguyên số lượng lao động và số lượng vốn nhưng phải cải tiến kỹ thuật

Câu 14. Độ dốc của đường đẳng phí là:

- a. **Tỷ số giá cả của 2 yếu tố sản xuất.**
- b. Tỷ lệ thay thế kỹ thuật biên của 2 yếu tố sản xuất.
- c. Tỷ số năng suất biên của 2 yếu tố sản xuất.
- d. Các câu trên đều sai.

Câu 15. Một xí nghiệp sử dụng hai yếu tố sản xuất vốn (K) , lao động (L) , để sản xuất một loại sản phẩm X, phối hợp tối ưu của hai yếu tố sản xuất phải thỏa mãn :

- a. $K = L$
- b. $MPK / PK = MPL / PL$
- c. $MPK = MPL$
- d. $MPK / PL = MPL / PK$

Câu 16. Phát biểu nào sau đây không đúng:

- a. Khi sản lượng tăng thì chi phí cố định trung bình giảm dần
- b. Khi chi phí biên giảm dần thì chi phí trung bình cũng giảm dần
- c. **Khi chi phí trung bình giảm dần thì chi phí biên cũng giảm dần**
- d. Khi chi phí trung bình tăng dần thì chi phí biên cũng tăng dần

Câu 17. Qui luật năng suất biên giảm dần là cách giải thích tốt nhất cho hình dạng của đường:

- a. Chi phí biên ngắn hạn và dài hạn

- b. Chi phí trung bình dài hạn
- c. Chi phí trung bình ngắn hạn
- d. Tất cả các câu trên đều sai

Câu 18. Phát biểu nào sau đây đúng với khái niệm ngắn hạn trong kinh tế học:

- a. Tất cả các yếu tố sản xuất đều thay đổi.
- b. Thời gian ngắn hơn 1 năm.
- c. Doanh nghiệp có thể thay đổi quy mô sản xuất.
- d. Doanh nghiệp có thể thay đổi sản lượng.

Câu 19. Hai đường chi phí trung bình ngắn hạn (SAC) và chi phí trung bình dài hạn tiếp xúc với nhau tại sản lượng Q. Vậy tại Q:

- a. $SMC = LMC = SAC = LAC$
- b. $SMC = LMC > SAC = LAC$
- c. $SMC = LMC < SAC = LAC$
- d. Các trường hợp trên đều có thể

Câu 20. Hàm tổng chi phí sản xuất của một doanh nghiệp như sau: $TC = Q^2 + 20Q + 40.000$, mức sản lượng tối ưu của doanh nghiệp tại đó có chi phí trung bình:

- a. 420
- b. 120
- c. 220
- d. Các câu trên đều sai

Câu 1. Đối với doanh nghiệp, khi tăng sản lượng tổng lợi nhuận tăng, cho biết:

- a. Doanh thu biên lớn hơn chi phí biên.
- b. Doanh thu biên nhỏ hơn chi phí biên.
- c. Doanh thu biên bằng chi phí biên.
- d. Các câu trên đều sai.

Câu 2. Một doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn có hàm tổng chi phí dài hạn: $LTC = Q^2 + 64$, mức giá cân bằng dài hạn:

- a. 64
- b. 32
- c. 16
- d. 8

Câu 3. Điều nào sau đây không phải là điều kiện cho tình trạng cân bằng dài hạn của doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn:

- a. Thặng dư sản xuất bằng 0.
- b. Lượng cung và lượng cầu thị trường bằng nhau.
- c. Lợi nhuận kinh tế bằng 0.

d. Các doanh nghiệp ở trạng thái tối đa hóa lợi nhuận.

Câu 4. Tìm câu không đúng trong các câu sau đây:

- a. Trong dài hạn của thị trường cạnh tranh hoàn toàn các xí nghiệp không có lợi nhuận kinh tế
- b. Mức sản lượng tối đa hóa lợi nhuận của xí nghiệp cạnh tranh hoàn toàn tại đó $MC = P$
- c. **Trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn, xí nghiệp có thể thay đổi giá cả**
- d. Tổng doanh thu của xí nghiệp cạnh tranh hoàn toàn là một đường thẳng xuất phát từ gốc tọa độ

Câu 5. Đối với doanh nghiệp, khi tăng sản lượng tổng lợi nhuận bị giảm, cho biết:

- a. Doanh thu biên lớn hơn chi phí biên.
- b. Doanh thu biên bằng chi phí biên.
- c. **Doanh thu biên nhỏ hơn chi phí biên.**
- d. Các câu trên đều sai.

Câu 6. Cho biết số liệu về chi phí sản xuất của một doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn như sau. Điểm hòa vốn và điểm đóng cửa sản xuất của doanh nghiệp là những điểm tương ứng với các mức sản lượng:

Q:	0	10	12	14	16	18	20
TC:	80	115	130	146	168	200	250

- a. **$Q = 10$ và $Q = 14$**
- b. $Q = 12$ và $Q = 14$
- c. $Q = 10$ và $Q = 12$
- d. Không có câu nào đúng

Câu 7. Trên thị trường của sản phẩm X có 100 người mua và 50 người bán, hàm số cầu của mỗi người mua là như nhau có dạng: $P = -q / 2 + 20$, những người bán có hàm tổng chi phí như nhau: $TC = q^2 + 2q + 40$. Giá cả cân bằng trên thị trường:

- a. 18
- b. 7,2
- c. 16,4
- d. Các câu trên đều sai

Câu 8. Một doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn có hàm tổng chi phí $TC = 10Q^2 + 10Q + 450$, nếu giá trên thị trường là 210đ/sp. tổng lợi nhuận tối đa là

- a. 550
- b. 1000
- c. 1550
- d. Các câu trên đều sai.

Câu 9. Một người tiêu dùng có thu nhập là $I = 300\$$ để mua hai sản phẩm X và Y, với giá tương ứng là $P_x = 10\$/SP$; $P_y = 30\$/SP$. Sở thích của người này được thể hiện qua hàm tổng hữu dụng: $TU = X(Y-2)$. Phương án tiêu dùng tối ưu là:

- a. $X = 6; Y = 8$
- b. $X = 9; Y = 7$
- c. **$X = 12; Y = 6$**
- d. $X = 3; Y = 9$

Câu 10. Một người tiêu dùng dành một khoản tiền là $2000 \$$ để mua hai sản phẩm X và Y, với $P_x = 200 \$/sp$ và $P_y = 500 \$/sp$. Phương trình đường ngân sách có dạng:

- a. $Y = 4 - 2,5X$
- b. $Y = 10 - 2,5X$
- c. $Y = 10 - (2/5)X$
- d. $Y = 4 - (2/5)X$**

Câu 11. Đối với sản phẩm cấp thấp, tác động thay thế và tác động thu nhập:

- a. Cùng chiều với nhau
- b. Ngược chiều nhau**
- c. Có thể cùng chiều hay ngược chiều
- d. Các câu trên đều sai

Câu 12. Chọn câu sai trong các câu sau đây:

- a. Các đường đẳng ích luôn có độ dốc bằng tỷ số giá cả của 2 loại hàng hoá**
- b. Tỷ lệ thay thế biên thể hiện sự đánh đổi giữa 2 loại hàng hóa sao cho tổng lợi ích không thay đổi
- c. Các đường đẳng ích không cắt nhau
- d. Đường đẳng ích thể hiện tất cả các phối hợp về 2 loại hàng hoá cho người tiêu dùng cùng một mức thoả mãn

Câu 13. Tại phối hợp tối ưu của người tiêu dùng, ta có thể kết luận là

- a. Tỷ lệ thay thế biên bằng tỷ lệ giá cả của hai sản phẩm
- b. Người tiêu dùng đạt được lợi ích tối đa trong giới hạn của ngân sách
- c. Độ dốc của đường ngân sách bằng với độ dốc của đường đẳng ích
- d. Các câu trên đều đúng**

Câu 14. Đường Engel của người tiêu dùng đối với một mặt hàng có thể được suy ra từ đường:

- a. Đường ngân sách
- b. Đường thu nhập-tiêu dùng**
- c. Đường đẳng ích
- d. Đường giá cả-tiêu dùng

Câu 15. Trên hệ trục 2 chiều thông thường, số lượng mặt hàng X biểu diễn ở trục hoành, số lượng mặt hàng Y biểu diễn ở trục tung. Khi giá mặt hàng X thay đổi, các yếu tố khác không đổi, đường giá cả-tiêu dùng là một đường dốc lên thì ta có thể kết luận độ co giãn của cầu theo giá của mặt hàng X là:

- a. Co giãn ít
- b. Co giãn một đơn vị
- c. Co giãn nhiều
- d. Chưa kết luận được

Câu 16. Một người tiêu thụ có thu nhập là 1.000.000 chi tiêu cho 2 sản phẩm X và Y với giá tương ứng là 25.000 và 20.000., tỷ lệ thay thế biên của 2 sản phẩm X và Y luôn luôn bằng 1.Vậy phương án tiêu dùng tối ưu là

- a. 20 X và 25 Y
- b. 0 X và 50 Y
- c. 50 X và 0 Y
- d. Các câu trên đều sai

Câu 17. Trong thị trường độc quyền hoàn toàn, chính phủ quy định giá trần sẽ có lợi cho

- a. Chính phủ
- b. Người tiêu dùng và doanh nghiệp
- c. Người tiêu dùng
- d. Người tiêu dùng và chính phủ

Câu 18. Chính phủ áp định giá trần (giá tối đa) đối với doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn sẽ làm cho :

- a. Giá giảm
- b. Sản lượng tăng
- c. Có lợi cho chính phủ
- d. Giá giảm và sản lượng tăng

Câu 19. Trong dài hạn của thị trường độc quyền hoàn toàn, xí nghiệp có thể thiết lập quy mô sản xuất:

- a. Quy mô sản xuất tối ưu
- b. Nhỏ hơn quy mô sản xuất tối ưu
- c. Lớn hơn quy mô sản xuất tối ưu
- d. Các trường hợp trên đều có thể xảy ra

Câu 20. Trong thị trường độc quyền hoàn toàn: $MR = -Q/10 + 1000$; $MC = Q/10 + 400$. Nếu chính phủ quy định mức giá, buộc doanh nghiệp phải gia tăng sản lượng cao nhất, vậy mức giá đó là:

- a. P = 800

- b. $P = 600$
- c. $P = 400$
- d. Tất cả đều sai

Câu 1. Một doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn có hàm chi phí: $TC = Q^2/10 + 400Q + 3.000.000$, hàm số cầu thị trường có dạng: $P = -Q/20 + 2200$. Nếu chính phủ đánh thuế là 150đ/sp thì lợi nhuận tối đa của doanh nghiệp này đạt được là :

- a. 2.400.000
- b. 1.537.500**
- c. 2.362.500
- d. Các câu trên đều sai.

Câu 2. Một doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn có hàm chi phí: $TC = Q^2/6 + 30Q + 15.000$, hàm số cầu thị trường có dạng: $P = -Q/4 + 280$, nếu chính phủ đánh thuế lợi tức 10.000đ, lợi nhuận còn lại của xí nghiệp là

- a. 12.500**
- b. 32.500
- c. 22.500
- d. Các câu trên đều sai

Câu 3. Trong thị trường độc quyền hoàn toàn, chính phủ đánh thuế không theo sản lượng sẽ ảnh hưởng:

- a. Q giảm
- b. P tăng
- c. Người tiêu dùng và người sản xuất cùng gánh
- d. Tất cả các câu trên đều sai**

Câu 4. Một doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn có hàm chi phí: $TC = Q^2/6 + 30Q + 15.000$, hàm số cầu thị trường có dạng: $P = -Q/4 + 280$, nếu chính phủ quy định mức giá là 180đ /sp, thì doanh nghiệp sẽ ấn định mức sản lượng:

- a. 400**
- b. 300
- c. 450
- d. Các câu trên đều sai

Câu 5. Trong mô hình doanh nghiệp độc quyền nhóm có ưu thế về quy mô sản xuất, doanh nghiệp có ưu thế có thể quyết định sản lượng theo cách:

- a. Độc quyền hoàn toàn
- b. Cạnh tranh hoàn toàn
- c. Cả a và b đều đúng**
- d. Cả a và b đều sai

Câu 6. Trong thị trường cạnh tranh độc quyền, tại điểm cân bằng dài hạn có:

- a. Sẽ không có thêm sự nhập ngành hoặc xuất ngành nào nữa
- b. Mỗi doanh nghiệp đều tối đa hóa lợi nhuận nhưng chỉ hòa vốn
- c. Đường cầu mỗi doanh nghiệp là tiếp tuyến đường AC của nó ở mức sản lượng mà tại đó có $MR=MC$
- d. Cả ba câu đều đúng**

Câu 7. Các doanh nghiệp độc quyền nhóm hợp tác công khai hình thành nên một tổ chức hoạt động theo phương thức của một doanh nghiệp

- a. Cạnh tranh độc quyền
- b. Độc quyền hoàn toàn**
- c. Cạnh tranh hoàn toàn
- d. Cả 3 câu trên đều đúng

Câu 8. Đường cầu của doanh nghiệp trong ngành cạnh tranh độc quyền:

- a. Là đường cầu thẳng đứng song song trực giá
- b. Là đường cầu dốc xuống từ trái sang phải**
- c. Là đường cầu nằm ngang song song trực sản lượng
- d. Là đường cầu của toàn bộ thị trường

Câu 9. Doanh nghiệp trong ngành cạnh tranh độc quyền, cạnh tranh với nhau bằng việc:

- a. Bán ra các sản phẩm có thể thay thế nhau một cách hoàn toàn
- b. Bán ra các sản phẩm riêng biệt, nhưng có thể thay thế nhau**
- c. Bán ra sản phẩm hoàn toàn không có sản phẩm khác thay thế được
- d. Cả ba câu đều sai

Câu 10. Trong “mô hình đường cầu gãy” (The kinked demand curve model) khi một doanh nghiệp giảm giá thì các doanh nghiệp còn lại sẽ:

- a. Tăng giá
- b. Không biết được
- c. Giảm giá**
- d. Không thay đổi giá

Câu 11. Kinh tế học là môn khoa học xã hội nghiên cứu cách thức:

- a. Quản lý doanh nghiệp sao cho có lãi.
- b. Lẩn tránh ván đê khan hiếm cho nhiều khả năng sử dụng khác nhau và cạnh tranh nhau.
- c. Tạo ra vận may cho cá nhân trên thị trường chứng khoán.
- d. Phân bổ nguồn lực khan hiếm cho nhiều khả năng sử dụng khác nhau.**

Câu 12. Kinh tế học vi mô nghiên cứu:

- a. Hành vi ứng xử của các tế bào kinh tế trong các loại thị trường.
- b. Các hoạt động diễn ra trong toàn bộ nền kinh tế.
- c. Cách ứng xử của người tiêu dùng để tối đa hóa thỏa mãn.
- d. Mức giá chung của một quốc gia.**

Câu 13. Khi thu nhập tăng thêm 10%, khối lượng tiêu thụ sản phẩm X tăng lên 5%, với các điều kiện khác không đổi, thì ta có thể kết luận sản phẩm X là:

- a. Sản phẩm cấp thấp**
- b. Xa xỉ phẩm
- c. Sản phẩm thiết yếu
- d. Sản phẩm độc lập

Câu 14. Nếu 2 sản phẩm X và Y là 2 sản phẩm bổ sung thì:

- a. $Exy > 0$
- b. $Exy < 0$
- c. $Exy = 0$**
- d. Tất cả đều sai

Câu 15. Đường cong Engel là đường biểu thị mối quan hệ giữa:

- a. Giá sản phẩm và khối lượng sản phẩm được mua.
- b. Giá sản phẩm và thu nhập của người tiêu thụ.
- c. Thu nhập và khối lượng sản phẩm được mua của người tiêu dùng.**
- d. Giá sản phẩm này với khối lượng tiêu thụ sản phẩm kia.

Câu 16. Đường ngân sách có dạng: $Y = 100 - 2X$ nếu $P_y = 10$ và

- a. $P_x = 5; I = 100$**
- b. $P_x = 10; I = 2000$
- c. $P_x = 20; I = 1000$
- d. $P_x = 20; I = 1.000$**

Câu 17. Chi phí biên MC là:

- a. Chi phí tăng thêm khi sử dụng thêm 1 đơn vị YTSX
- b. Chi phí tăng thêm khi sử dụng 1 đơn vị sản phẩm
- c. Chi phí tăng thêm trong tổng chi phí khi sản xuất thêm 1 đơn vị sản phẩm**
- d. Là độ dốc của đường tổng doanh thu

Câu 18. Nếu hàm sản xuất có dạng : $Q = 0,5KL$. Khi gia tăng các yếu tố đầu vào cùng tỷ lệ thì :

- a. Năng suất tăng theo quy mô**
- b. Năng suất giảm theo quy mô
- c. Năng suất không đổi theo quy mô
- d. Cả 3 đều sai

Câu 19. Đường cung ngắn hạn của các xí nghiệp cạnh tranh hoàn toàn là:

- a. Đường chi phí biên ngắn hạn của xí nghiệp
- b. Phần đường chi phí biên nằm ở phía trên đường AC
- c. **Phần đường chi phí biên nằm ở phía trên đường AVC**
- d. Phần đường chi phí biên nằm ở phía dưới đường AVC

Câu 20. Khi $P < AVC_{min}$, xí nghiệp nên quyết định:

- a. Sản xuất ở trọng lượng tại đó $MC = MR$
- b. Sản xuất tại xuất lượng có AVC_{min}
- c. **Ngưng sản xuất**
- d. Sản xuất tại xuất lượng có $P = MC$

Câu 1. Kinh tế học là môn khoa học xã hội nghiên cứu cách thức

- a. Quản lý doanh nghiệp sao cho có lãi.
- b. Lẩn tránh vấn đề khan hiếm cho nhiều khả năng sử dụng khác nhau và cạnh tranh khác nhau.
- c. Tạo ra vận may trên thị trường chính khoán.
- d. **Phân bổ nguồn lực khan hiếm cho nhiều khả năng sử dụng khác nhau.**

Câu 2. Câu nào sau đây thuộc về kinh tế vĩ mô:

- a. Tỷ lệ thất nghiệp ở nhiều nước cao.
- b. Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân trong giai đoạn 1991-1997 ở Việt Nam khoảng 8.5%.
- c. Tỷ lệ lạm phát ở Việt Nam dưới 15% mỗi năm trong giai đoạn 1993-1997
- d. **Cả 3 câu trên đều đúng.**

Câu 3. Kinh tế học vi mô nghiên cứu:

- a. **Hành vi ứng xử của các tế bào kinh tế trong các loại thị trường.**
- b. Các hoạt động diễn ra trong toàn bộ nền kinh tế.
- c. Cách ứng xử của người tiêu dùng để tối đa hóa thỏa mãn.
- d. Mức giá chung của một quốc gia.

Câu 4.

Kinh tế học thực chứng nhằm:

- a. **Mô tả và giải thích các sự kiện, các vấn đề kinh tế một cách khách quan có cơ sở khoa học.**
- b. Đưa ra những lời chỉ dẫn hoặc những quan điểm chủ quan của các cá nhân.
- c. Giải thích các hành vi ứng xử của các tế bào kinh tế trong các loại thị trường.
- d. **Không câu nào đúng.**

Câu 5.

Câu nào sau đây thuộc kinh tế vi mô:

- a.Tỷ lệ thất nghiệp ở Việt Nam hiện nay ở mức cao.
- b.Lợi nhuận kinh tế là động lực thu hút các doanh nghiệp mới gia nhập vào ngành sản xuất.
- c.Chính sách tài chính, tiền tệ là công cụ điều tiết của chính phủ trong nền kinh tế.
- d.Tỷ lệ lạm phát ở Việt Nam năm 1996 không quá mức 2 con số.

Câu 6.

Vấn đề nào sau đây thuộc kinh tế chuẩn tắc:

- a.Mức tăng trưởng GDP ở Việt Nam năm 2003 là 7.24%
- b.Tỷ lệ lạm phát ở Việt Nam năm 2003 là 3%
- c.Giá dầu thế giới tăng hơn 3 lần giữa năm 1973 và 1974
- d.Phải có hiệu thuốc miễn phí cho người già và trẻ em.

Câu 7.

Công cụ phân tích nào nêu lên các kết hợp khác nhau giữa hai hàng hóa có thể sản xuất ra khi các nguồn lực được sử dụng có hiệu quả:

- a.Đường giới hạn năng lực sản xuất.
- b.Đường cầu.
- c.Đường đẳng lượng.
- d.Tổng sản phẩm quốc dân(GNP).

Câu 8.

Khái niệm kinh tế nào sau đây không thể lý giải được bằng đường giới hạn năng lực sản xuất:

- a.Khái niệm chi phí cơ hội.
- b.Khái niệm cung cầu.
- c.Qui luật chi phí cơ hội gia tăng
- d.Ý tưởng về sự khan hiếm.

Câu 9.

Một nền kinh tế tổ chức sản xuất có hiệu quả với nguồn tài nguyên khai hiểm khi:

- a.Gia tăng sản lượng của mặt hàng này buộc phải giảm sản lượng của mặt hàng kia.
- b.Không thể gia tăng sản lượng của các mặt hàng này mà không cắt giảm sản lượng của mặt hàng khác.
- c.Nằm trên đường giới hạn khả năng sản xuất.
- d.Các câu trên đều đúng.

Câu 10.

Các vấn đề cơ bản của hệ thống kinh tế cần giải quyết là :

- a.Sản xuất sản phẩm gì? Số lượng bao nhiêu
- b.Sản xuất bằng phương pháp nào
- c.Sản xuất cho ai
- d.Các câu trên đều đúng.**

Câu 11. Trong mô hình kinh tế thị trường tự do, các vấn đề cơ bản của hệ thống được giải quyết:

- a.Thông qua các kế hoạch chính phủ.
- b.Thông qua thị trường**
- c.Thông qua thị trường và các kế hoạch của chính phủ
- d.Các câu trên đều đúng.

Câu 12. Trong những vấn đề sau đây, vấn đề nào thuộc kinh tế học chuẩn tắc:

- a.Tại sao nền kinh tế nằm trong tình trạng lạm phát cao vào 2 năm 1987- 1988?
- b.Tác hại của việc sản xuất, vận chuyển và sử dụng ma túy.
- c.Chính phủ nên can thiệp vào nền kinh tế thị trường mức độ nào?**
- d.Không câu nào đúng.

Câu 13. Giá café trên thị trường tăng 10%, dẫn đến mức cầu về café trên thị trường giảm 5% với những điều kiện khác không đổi. Vấn đề này thuộc về:

- a.Kinh tế vi mô, chuẩn tắc.
- b.Kinh tế vĩ mô, chuẩn tắc.
- c.Kinh tế vi mô, thực chứng.**
- d.Kinh tế vĩ mô, thực chứng.

Câu 14. Trong những loại thị trường sau, loại nào thuộc về thị trường yếu tố sản xuất:

- a.Thị trường đất đai.
- b.Thị trường sức lao động
- c.Thị trường vốn
- d.Cả 3 câu trên đều đúng.**

Câu 15. Khả năng hưởng thụ của các hộ gia đình từ các hàng hóa trong nền kinh tế được quyết định bởi:

- a.Thị trường hàng hóa.
- b.Thị trường đất đai.
- c.Thị trường yếu tố sản xuất.**
- d.Không câu nào đúng.

Câu 16. Sự khác nhau giữa thị trường sản phẩm và thị trường nguồn lực là chỗ trong thi trường sản phẩm:

- a.Nguồn lực được mua bán, còn trong thị trường nguồn lực là sản phẩm được mua bán.
- b.Người tiêu dùng là người mua còn trong thị trường nguồn lực người sản xuất là người mua.**
- c.Người tiêu dùng là người bán, còn trong thị trường nguồn lực người sản xuất là người bán.
- d.Người tiêu dùng vừa là người mua vừa là người bán, giống như trong sản xuất thị trường nguồn lực

Câu 17. Khác nhau căn bản giữa mô hình kinh tế thị trường tự do và nền kinh tế hỗn hợp:

- a.Nhà nước quản lý ngân sách.
- b.Nhà nước tham gia quản lý nền kinh tế.**
- c.Nhà nước quản lý quỹ phúc lợi xã hội.
- d.Các câu trên đều sai.

Câu 18. Giá sản phẩm X tăng lên dẫn đến phần chi tiêu cho sản phẩm X tăng lên, thì hệ số co dãn của cầu theo giá sản phẩm là:

- a. $ED > 1$
- b. $ED < 1$**
- c. $ED = 0$
- d. $ED = 1$.

Câu 19. Khi thu nhập tăng lên 10%, khối lượng tiêu thụ sản phẩm X tăng lên 5%, với các điều kiện khác không đổi, thì ta có thể kết luận sản X là:

- a.Sản phẩm cấp thấp.
- b.Xa xỉ phẩm
- c.Sản phẩm thiết yếu.**
- d.Sản phẩm độc lập.

Câu 20. Nếu 2 sản phẩm X và Y là 2 sản phẩm thay thế thì:

- a. $EXY > 0$**
- b. $EXY < 0$
- c. $EXY = 0$
- d. $EXY = 1$

Câu 1. Nếu 2 sản phẩm X và Y là 2 sản phẩm bổ sung thì:

- a. $EXY > 0$
- b. $EXY < 0$**

- c. $EXY = 1$
- d.Tất cả đều sai.

Câu 2. Đường cung của sản phẩm X dịch chuyển do:

- a.Giá sản phẩm X thay đổi.
- b.Thu nhập tiêu dùng thay đổi.
- c.Thuế thay đổi.
- d.Giá sản phẩm thay thế giảm

Câu 3. Đường cầu sản phẩm X dịch chuyển khi:

- a.Giá sản phẩm X thay đổi.
- b.Chi phí sản xuất sản phẩm X thay đổi.
- c.Thu nhập của người tiêu thụ thay đổi.
- d.Các câu trên đều đúng.

Câu 4.

Nếu giá sản phẩm X tăng lên, các điều kiện khác không thay đổi thì:

- a.Phần chi tiêu sản phẩm X tăng lên.
- b.Sản phẩm tăng lên
- c.Khoi lượng tiêu thụ sản phẩm X tăng lên
- d.Khoi lượng tiêu thụ sản phẩm X giảm xuống

Câu 5.

Nếu giá cân bằng sản phẩm là $P=15đ/SP$, chính phủ đánh thuế 3 đ/SP làm giá cân bằng tăng lên $P=17đ/SP$, có thể kết luận:

- a.Cầu co dãn nhiều hơn so với cung.
- b.Cầu co dãn ít hơn so với cung.
- c.Cầu co dãn tương đương cung.
- d.Tất cả đều sai.

Câu 6. Khi giá hàng Y : $P_y=4$ thì lượng cầu hàng X : $Q_x=10$ và khi $P_y=6$ thì $Q_x=12$, với các yếu tố khác không đổi kết luận X và Y là 2 sản phẩm :

- a.Bỗ sung nhau.
- b.Thay thế cho nhau.
- c.Vừa thay thế, vừa bỗ sung.
- d.Không liên quan

Câu 7. Nếu mục tiêu của công ty là tối đa hóa danh thu, và cầu về sản phẩm của công ty tại mức giá hiện có là co dãn nhiều, công ty sẽ :

- a.Tăng giá
- b.Giảm giá**
- c.Tăng lượng bán
- d.Giữ giá như cũ

Câu 8.

Khi thu nhập giảm, các yếu tố khác không đổi giá cả và lượng cân bằng mới của hàng hóa thông thường sẽ:

- a.Giá thấp hơn và lượng cân bằng lớn hơn.
- b.Giá cao hơn và lượng cân bằng nhỏ hơn.
- c.Giá thấp hơn và lượng cân bằng nhỏ hơn.**
- d.Không thay đổi.

Câu 9.

Yếu tố nào sau đây không được coi là yếu tố quyết định cầu hàng hóa :

- a.Giá hàng hóa liên quan.
- b.Thị hiếu, sở thích.
- c.Các yếu tố đầu vào để sản xuất hàng hóa.**
- d.Thu nhập

Câu 10.

Hàng hóa A là thứ hàng thứ cấp. Nếu giá của A giảm đột ngột còn phân nữa. Tác động thay thế sẽ làm cầu hàng A :

- a.Tăng lên gấp đôi.
- b.Tăng ít hơn gấp đôi
- c.Giảm còn một nữa
- d.Các câu trên đều sai.**

Câu 11. Hàm số cung và cầu sản phẩm X có dạng:

$$P = Q_s + 5 \quad P = -1/2Q_D$$

Giá trị cân bằng và sản lượng cân bằng là :

- a.Q = 5 và P = 10
- b.Q = 10 và P = 15**
- c.Q = 8 và P = 16
- d.Q = 20 và P = 10

Câu 12. Hàm số cung và cầu sản phẩm X có dạng:

$$P = Q_s + 5 \quad P = -1/2Q_D$$

- a.108
- b.162**
- c.180

d.Tất cả đều sai.

Câu 13. Hàm số cung và cầu sản phẩm X có dạng:

$$P = Q_s + 5 \quad P = -1/2Q_D$$

a.P = QS + 14

b.P = QS - 14

c.P = QS + 13

d.Tất cả đều sai

Câu 14. Thông thường, gánh nặng của một khoản thuế người sản xuất và người tiêu dùng đều phải chịu nhiều hay ít phụ thuộc vào độ co dãn tương đối giữa cung và cầu. Trong điều kiện nào thì người tiêu dùng phải chịu phần lớn số thuế :

a.Cung co dãn ít hơn so với cầu.

b.Cầu co dãn ít hơn so với cung

c.Cầu hoàn toàn co dãn

Câu 15. Giá trần (giá tối đa) luôn dẫn tới :

a.Sự gia nhập ngành

b.Sự dư cung

c.Sự cân bằng thị trường

d.Sự thiếu hụt hàng hóa

Câu 16. Giá vé du lịch giảm có thể dẫn đến phần chi tiêu cho du lịch tăng lên là do cầu về du lịch:

a.Co dãn theo giá nhiều

b.Co dãn đơn vị

c.Hoàn toàn không co dãn

Câu 17. Đường cầu theo giá của bột giặt OMO chuyển dịch sang phải là do:

a.Giá bột giặt OMO giảm

b.Giá hóa chất nguyên liệu giảm

c.Giá của các loại bột giặt khác giảm

d.Giá các loại bột giặt khác tăng

Câu 18. Trong trường hợp nào sau đây làm dịch chuyển đường cầu TV SONY về bên phải?

1. Thu nhập dân chúng tăng

2. Giá TV Panasonic tăng

3. Giá TV SONY giảm

a.Trường hợp 1 và 3

b.Trường hợp 1 và 2

c.Trường hợp 2 và 3

d.Trường hợp 1+2+3

Câu 19. Trong trường hợp nào giá bia sẽ tăng:

- a.Đường cầu của bia dời sang phải
- b.Đường cung của bia dời sang trái
- c.Không có trường hợp nào
- d.Cả 2 trường hợp a và b đều đúng

Câu 20. Ý nghĩa kinh tế của đường cung thẳng đứng là:

- a.Nó cho thấy nhà sản xuất sẵn sàng cung ứng nhiều hơn tại mức giá thấp hơn
- b.Nó cho thấy dù giá cả là bao nhiêu người ta cũng chỉ cung ứng 1 lượng nhất định cho thị trường.
- c.Nó cho thấy nhà cung ứng sẵn sàng cung ứng nhiều hơn khi giá cả cao hơn
- d.Nó cho thấy chỉ có một mức giá làm cho nhà sản xuất cung ứng hàng hóa cho thị trường

Câu 1. Đường cầu về điện thoại dịch chuyển như hình dưới đây là do:

- a.Chi phí lắp đặt giảm
- b.Thu nhập dân chúng tăng
- c.Do đầu tư của các công ty đầu tư viễn thông nước ngoài
- d.Giá lắp đặt điện thoại giảm

Câu 2. Trong trường hợp nào đường cung của Pepsi dời sang phải :

- a.Thu nhập của người có thẻ mua nước ngọt giảm
- b.Giá nguyên liệu tăng
- c.Giá của CoKe tăng
- d.Không có trường hợp nào

Câu 3.

Nhân tố nào sau đây làm dịch chuyển đường cầu của máy ảnh sang phải:

- a.Giá máy ảnh giảm
- b.Thu nhập dân chúng tăng
- c.Giá phim tăng
- d.Chính phủ đánh thuế vào ngành kinh doanh máy ảnh

Câu 4.

Yếu tố nào sau đây không phải là yếu tố quyết định của cung :

- a.Những thay đổi về công nghệ
- b.Mức thu nhập
- c.Thuế và trợ cấp
- d.Chi phí nguồn lực để sản xuất hàng hóa

Câu 5.

Hàm số cầu và số cung của một hàng hóa như sau :

$$(D): P = -Q + 50 \quad ; \quad (S): P = Q + 10$$

Nếu chính phủ định giá tối đa là $P = 20$, thì lượng hàng hóa :

- a.Thiếu hụt 30
- b.Thừa 30
- c.Dư thừa 20
- d.Thiếu hụt 20**

Câu 6.

Hàm số cầu của một hàng hóa là tương quan giữa:

- a.Lượng cầu hàng hóa đó với giá cả cá nó.**
- b.Lượng cầu hàng hóa đó với tổng số hữu dụng
- c.Lượng cầu hàng hóa đó với tổng số chi tiêu của người tiêu dùng.
- d.Lượng cầu hàng hóa đó với tổng số doanh thu người bán

Câu 7.

Thị trường sản phẩm X có hàng số cung và cầu có dạng:

$$P = 60 - \frac{1}{3}Q_d \quad P = \frac{1}{2}Q_s - 15.$$

- a. $P = 30$ và $Q = 90$**
- b. $P = 40$ và $Q = 60$
- c. $P = 20$ và $Q = 70$
- d.Các câu trên đều sai.

Câu 8.

Thị trường sản phẩm X có hàng số cung và cầu có dạng:

$$P = 60 - \frac{1}{3}Q_d \quad P = \frac{1}{2}Q_s - 15.$$

- a. $t=3/\text{sp}$**
- b. $t=5/\text{sp}$**
- c. $t=10/\text{sp}$
- d.Tất cả đều sai.

Câu 9.

Thị trường sản phẩm X có hàng số cung và cầu có dạng:

$$P = 60 - \frac{1}{3}Q_d \quad P = \frac{1}{2}Q_s - 15.$$

- a.3**
- b.2**
- c.1

d.0

Câu 10.

Kinh tế học là môn khoa học xã hội nghiên cứu cách thức:

- a.Quản lý doanh nghiệp sao cho có lãi
- b.Lẩn tránh vấn đề khan hiếm cho nhiều khả năng sử dụng khác nhau và cạnh tranh khác nhau
- c.Tạo ra vận may trên thị trường chính khoán
- d.Phân bổ nguồn lực khan hiếm cho nhiều khả năng sử dụng khác nhau**

Câu 11. Câu nào sau đây thuộc về kinh tế vĩ mô:

- a.Tỷ lệ thất nghiệp ở nhiều nước cao
- b.Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân trong giai đoạn 1991-1997 ở Việt Nam khoảng 8.5%
- c.Tỷ lệ lạm phát ở Việt Nam dưới 15% mỗi năm trong giai đoạn 1993-1997
- d.Cả 3 câu trên đều đúng**

Câu 12.

Trong trường hợp nào đường cung của xăng sẽ dời sang trái:

- a.Giá xăng giảm
- b.Mức lương của công nhân lọc dầu tăng lên**
- c.Có sự cải tiến trong lọc dầu.
- d.Tất cả các trường hợp trên.

Câu 13. Qui luật cung chỉ ra rằng:

- a.Sự gia tăng cầu trực tiếp dẫn đến sự gia tăng của cung.
- b.Nhà sản xuất sẵn sàng cung ứng ít hơn với mức giá cao hơn.
- c.Có mối quan hệ nghịch giữa cung và giá cả.
- d.Nhà sản xuất sẵn sàng cung ứng nhiều hơn với mức giá cao hơn.**

Câu 14. Kinh tế học vi mô nghiên cứu:

- a.Hành vi ứng xử của các tế bào kinh tế trong các loại thị trường**
- b.Các hoạt động diễn ra trong toàn bộ nền kinh tế
- c.Cách ứng xử của người tiêu dùng để tối đa hóa thỏa mãn
- d.Mức giá chung của một quốc gia

Câu 15. Đường cung phản ánh:

- a.Sự chênh lệch giữa số cầu hàng hóa và số cung hàng hóa ở mỗi mức giá.
- b.Số lượng hàng hóa mà nhà sản xuất sẽ bán ra ứng với mỗi mức giá trên thị trường.**
- c.Số lượng tối đa hàng hóa mà ngành có thể sản xuất, không kể đến giá cả.
- d.Mức giá cao nhất mà người sản xuất chấp nhận ứng với mỗi mức sản lượng.

Câu 16. Đối với một đường cầu tuyến tính, khi ta di chuyển xuống dọc theo đường cầu thì:

- a.Độ co dãn của cầu theo giá thay đổi nhưng độ dốc của đường cầu không thay đổi.
- b.Độ co dãn của cầu theo giá và độ dốc của đường cầu không thay đổi.
- c.Độ dốc của đường cầu thay đổi nhưng độ co dãn của cầu theo giá không thay đổi.
- d.Độ co dãn của cầu theo giá và độ dốc của đường cầu đều thay đổi.

Câu 17. Sự di chuyển dọc xuống theo đường cung cho thấy khi giá hàng hóa giảm:

- a.Có sự giảm sút lượng cung.
- b.Đường cung dịch chuyển và bên phải.
- c.Có sự gia tăng lượng cung.
- d.Đường cung dịch chuyển về bên trái.

Câu 18. Giá của hàng hóa A tăng, do đó đường cầu của hàng hóa B dời sang trái suy ra:

- a.B là hàng hóa thứ cấp.
- b.A là hàng hóa thông thường.
- c.A và B là 2 hàng hóa bổ sung
- d.A và B là 2 hàng hóa thay thế.

Câu 19. Hiện tượng nào sau đây không gây ra sự dịch chuyển đường cầu:

- a.Sự gia tăng giá mặt hàng bổ sung
- b.Sự gia tăng giá mặt hàng thay thế.
- c.Sự thay đổi giá bán của bản thân mặt hàng đó.
- d.Sự giảm sút của thu nhập.

Câu 20. Chọn câu đúng trong những câu sau:

- a.Thu nhập của người tiêu dùng tăng sẽ làm đường cung dịch chuyển sang phải.
- b.Giá của các yếu tố đầu vào tăng sẽ làm đường cung dịch sang phải.
- c.Hệ số co dãn của cung luôn luôn nhỏ hơn
- d.Phản ứng của người tiêu dùng dễ dàng và nhanh chóng hơn nhà sản xuất trước sự biến động của giá cả trên thị trường.

Câu 1. Biểu cầu cho thấy:

- a.Lượng cầu về một loại hàng hóa cụ thể tại các mức giá khác nhau.
- b.Lượng cầu về một loại hàng hóa cụ thể sẽ thay đổi khi mức thu nhập thay đổi.
- c.Lượng hàng hóa cụ thể sẽ được cung ứng cho thị trường tại các mức giá khác nhau.
- d.Lượng cầu về hàng hóa cụ thể sẽ thay đổi khi giá các hàng hóa liên quan thay đổi.

Câu 2. Nếu hệ số co dãn chéo của đường cầu là số dương, chúng ta nói hai hàng hóa là:

- a.Hàng thay thế.
- b.Hàng độc lập
- c.Hàng thứ cấp
- d.Hàng bổ sung.

Câu 3. Trong trường hợp cầu co dãn nhiều, giá cả tăng sẽ làm tổng doanh thu của người bán:

- a.Không đổi
- b.Tăng
- c.Không thể dự báo được
- d.Giảm

Câu 4.

Tìm câu sai trong những câu sau:

- a.Thu nhập giảm sẽ làm cho hầu hết các đường cầu của các hàng hóa dịch chuyển sang trái.
- b.Những mặt hàng thiết yếu có độ co dãn của cầu theo giá nhỏ.
- c.Đường cầu biểu diễn mối quan hệ giữa giá cả và lượng cầu.
- d.Giá thuốc lá tăng mạnh đường cầu thuốc lá dịch chuyển sang trái.

Câu 5.

Qui luật cầu chỉ ra rằng: nếu các yếu tố khác không đổi thì:

- a.Giữa lượng cầu hàng hóa này giá hàng hóa thay thế có mối liên hệ với nhau.
- b.Giữa lượng cầu và thu nhập vó mối quan hệ đồng biến.
- c.Giữa số lượng hàng hóa và sở thích có quan hệ đồng biến.
- d.Giữa số lượng hàng hóa với giá của nó có mối quan hệ nghịch biến.

Câu 6.

Hệ số co dãn của cầu theo giá được xác định bằng cách:

- a.Lấy phần trăm thay đổi của lượng cầu chia cho phần trăm thay đổi thu nhập.
- b.Lấy phần trăm thay đổi của lượng cầu chia cho phần trăm thay đổi của giá.
- c.Lấy phần trăm thay đổi của giá chia cho phần trăm thay đổi của số cầu.
- d.Lấy số thay đổi của cầu chia cho số thay đổi của giá.

Câu 7.

Nếu phần trăm thay đổi của giá lớn hơn phần trăm thay đổi của lượng cung thì chúng ta biết rằng cung là:

- a.Co dãn hoàn toàn.
- b.Co dãn nhiều
- c.Hoàn toàn không co dãn.
- d.**Co dãn ít.**

Câu 8.

Hàm số cầu của một hàng hóa là: $Q = 100 - 2P$. Tại mức giá $P=25$ thì cầu hàng hóa này có mức độ co dãn theo giá là:

- a.**Co dãn đơn vị**
- b.Co dãn hoàn toàn
- c.Co dãn ít
- d.Co dãn nhiều
- e.Hoàn toàn không co dãn.

Câu 9.

Khi giá các sản phẩm thay thế và bổ sung cho sản phẩm A đều tăng lên. Nếu các yếu tố khác không thay đổi thì giá cả và sản lượng cân bằng của sản phẩm A sẽ:

- a.Giá tăng, lượng giảm
- b.Giá tăng, lượng tăng
- c.**Không xác định**
- d.Giá giảm, lượng tăng
- e.Giá giảm, lượng giảm

Câu 10.

Hệ số co dãn của cầu theo giá của mặt hàng máy lạnh là -2, có nghĩa là:

- a.Giá tăng 10%, lượng cầu tăng 20%
- b.Giá giảm 20%, lượng cầu tăng 10%
- c.Giá giảm 10%, lượng cầu tăng 20%
- d.**Giá tăng 10%, lượng cầu giảm 20%.**

Câu 11. Khi cung sản phẩm X trên thị trường tăng lên nhưng không làm thay đổi sản lượng sản phẩm cân bằng mua và bán trên thị trường, chúng ta kết luận rằng cầu sản phẩm X:

- a.Co dãn nhiều.
- b.Co dãn đơn vị
- c.Co dãn ít
- d.**Hoàn toàn không co dãn.**

Câu 12. Câu nào sau đây không đúng:

- a.Hệ số co dãn của cầu theo giá trong ngắn hạn thường lớn hơn trong dài hạn.
- b.Dạng dốc xuống của đường cầu chỉ quan hệ nghịch biến giữa số cầu và giá cả
- c.Phản ứng người tiêu dùng thường dễ dàng và nhanh chóng hơn nhà sản xuất trong biến động của giá cả thị trường.
- d.Khi mặt hàng thay thế hoặc bổ sung cho hàng hóa X thay đổi, đường cầu về sản phẩm X sẽ thay đổi.

Câu 13. Khi một hàng hóa có độ co dãn của cầu theo giá là 1, khoản chi tiêu của người tiêu dùng:

- a.Thay đổi cùng chiều với sự thay đổi giá.
- b.Thay đổi ngược chiều với sự thay đổi giá.
- c.Thay đổi ngược chiều và bằng % như sự thay đổi của giá.
- d.Không thay đổi.

Câu 14. Khi thu nhập dân chúng tăng mà lượng cầu sản phẩm A giảm thì:

- a.A là hàng hóa cao cấp
- b.A là hàng hóa bình thường
- c.A là hàng hóa thiết yếu
- d.A là hàng hóa cấp thấp

Câu 15. Nếu cầu của hàng hóa X là ít co dãn ($Ed < 1$) thì một sự thay đổi trong giá cả sẽ làm

- a.Thay đổi lượng cầu hàng hóa X khá lớn
- b.Thay đổi tổng doanh thu (TR) theo hướng ngược chiều.
- c.Thay đổi tổng doanh thu (TR) theo hướng cùng chiều.
- d.Không làm thay đổi.

Câu 16. Hàm số cung và cầu sản phẩm X có dạng:

$$P = Q_s + 5 \quad P = -1/2Q_D$$

Giá trị cân bằng và sản lượng cân bằng là :

- a.Q = 5 và P = 10
- b.Q = 10 và P = 15
- c.Q = 8 và P = 16
- d.Q = 20 và P = 10

Câu 17. Đường cầu theo giá của bột giặt OMO chuyển dịch sang phải là do:

- a.Giá bột giặt OMO giảm
- b.Giá hóa chất nguyên liệu giảm
- c.Giá của các loại bột giặt khác giảm
- d.Giá các loại bột giặt khác tăng

Câu 18. Một nền kinh tế tổ chức sản xuất có hiệu quả với nguồn tài nguyên khai hiem khi:

- a.Gia tăng sản lượng của mặt hàng này buộc phải giảm sản lượng của mặt hàng kia.
- b.Không thể fia tăng sản lượng của các mặt hàng này mà không cắt giảm sản lượng của mặt hàng khác.
- c.Năm trên đường giới hạn khả năng sản xuất.
- d.Các câu trên đều đúng.

Câu 19. Trong mô hình kinh tế thị trường tự do, các vấn đề cơ bản của hệ thống được giải quyết:

- a.Thông qua các kế hoạch chính phủ.
- b.Thông qua thị trường
- c.Thông qua thị trường và các kế hoạch của chính phủ
- d.Các câu trên đều đúng.

Câu 20. Trong những vấn đề sau đây, vấn đề nào thuộc kinh tế học chuẩn tắc:

- a.Tại sao nền kinh tế nằm trong tình trạng lạm phát cao vào 2 năm 1987- 1988?
- b.Tác hại của việc sản xuất, vận chuyển và sử dụng ma túy.
- c.Chính phủ nên can thiệp vào nền kinh tế thị trường mức độ nào?
- d.Không câu nào đúng.

Câu 1. Khi thu nhập dân chúng tăng lên, các nhân tố khác không thay đổi, giá cả và số lượng cân bằng mới của loại hàng hóa thứ cấp (hang xáu) sẽ:

- a.Giá thấp hơn và số lượng lớn hơn
- b.Giá cao hơn và số lượng không đổi.
- c.Giá cao hơn và số lượng nhỏ hơn.
- d.Giá thấp hơn và số lượng nhỏ hơn.

Câu 2. Thị trường thuốc lá nội địa đang cân bằng tại mức giá P_1 và số lượng Q_1 . Giá sử xuất hiện thuốc lá nhập lậu bán với giá rẻ, lúc này điểm cân bằng mới của thị trường thuốc lá nội địa là P_2 và Q_2 :

- a. $P_2 > P_1$ và $Q_2 > Q_1$
- b. $P_2 < P_1$ và $Q_2 < Q_1$
- c. $P_2 > P_1$ và $Q_2 < Q_1$
- d. $P_2 < P_1$ và $Q_2 > Q_1$

Câu 3.

Sự tác động qua lại giữa người sản xuất và người tiêu dùng trên thị trường nhằm xác định:

- a.Giá cả và chất lượng sản phẩm
- b.Số lượng và chất lượng sản phẩm

- c.Giá cả và số lượng sản phẩm
- d.Không có câu nào đúng.

Câu 4.

Trong điều kiện giá không đổi, đường cầu dịch chuyển là do tác động của các nhân tố:

- a.Thu nhập dân cư
- b.Sở thích, thị hiếu
- c.Giá cả sản phẩm thay thế
- d.Cả ba câu trên đều đúng.**

Câu 5.

Tìm câu sai trong những câu dưới đây:

- a.Đường cung biểu diễn mối quan hệ giữa giá và lượng cung trên đồ thị
- b.Trong những điều kiện khác không đổi, giá hàng hóa và dịch vụ tăng sẽ làm lượng cầu giảm.
- c.Với mức giá mặt hàng vài không đổi, khi thu nhập của người tiêu dùng tăng lên sẽ làm đường cầu mặt hàng này dịch chuyển sang trái.**
- d.Trong những yếu tố khác không đổi, giá mặt hàng tivi tăng lên sẽ làm lượng cầu tivi giảm.

Câu 6.

Tìm câu đúng trong các câu dưới đây:

- a.Tính chất co dãn theo giá của nhóm hàng thiết yếu là co dãn nhiều.
- b.Bếp ga và ga là hai mặt hàng bổ sung cho nhau.**
- c.Hệ số co dãn cầu theo thu nhập của hàng xa xỉ phẩm nhỏ hơn 1.
- d.Giá cả yếu tố sản xuất tăng sẽ làm cho đường cung dịch chuyển sang phải.

Câu 7.

Do nhiều người từ các tỉnh nhập cư vào thành phố Hồ Chí Minh, kết quả là đường cầu mặt hàng gạo ở TP. Hồ Chí Minh:

- a.Dịch chuyển sang trái.
- b.Dịch chuyển sang phải**
- c.Dịch chuyển lên trên
- d.Không có câu nào đúng.

Câu 8.

Cầu mặt hàng Y co dãn nhiều theo giá. Khi chính phủ đánh thuế theo sản lượng:

- a.Phần lớn tiền thuế do người tiêu thụ chịu.
- b.Phần lớn tiền thuế do nhà sản xuất chịu.**
- c.Số tiền thuế chia đều cho hai bên.
- d.Nhà sản xuất chịu hoàn toàn tiền thuế.

Câu 9.

Khi chính phủ kiểm soát giá cả của hàng hóa làm cho giá hàng hóa cao hơn mức giá cân bằng trên thị trường:

- a.Mọi người đều được lợi khi kiểm soát giá cả.
- b.Chỉ có người tiêu dùng được lợi.
- c.Chỉ có một số người bán có thể tìm được người mua sản phẩm của mình.
- d.Cả hai bên đều có lợi.

Câu 10.

Giá cả hàng bột giặt là 8.000 đồng/kg. Khi chính phủ đánh thuế 500 đồng/kg, giá cả trên thị trường là 8.500 đồng/kg. Vậy tính chất co dãn cầu theo giá của hàng bột giặt là:

- a.Co dãn nhiều
- b.Co dãn ít
- c.Co dãn hoàn toàn
- d.Hoàn toàn không co dãn.

Câu 11.

Trong điều kiện khác không đổi, khi giá cả các yếu tố sản xuất tăng lên, thì giá cả và số lượng cân bằng trên thị trường sẽ thay đổi như sau:

- a.Giá tăng lên và sản lượng cân bằng tăng lên.
- b.Giá tăng lên và sản lượng cân bằng giảm xuống.
- c.Giá giảm xuống và sản lượng cân bằng tăng lên.
- d.Giá giảm xuống và sản lượng cân bằng giảm xuống.

Câu 12.

Giả sử hàm số cầu thị trường của một loại nông sản:

$$P = -1/2Q + 40$$

Lượng cung nông sản trên thị trường là 40. Vậy mức giá cân bằng trên thị trường là:

- a. $P = 10$
- b.P = 40
- c. $P = 20$
- d.Không có câu nào đúng.

Câu 13.

Hệ số co dãn cầu theo thu nhập có ý nghĩa thực tiễn là:

- a.Dự đoán lượng cầu hàng hóa thay đổi bao nhiêu phần trăm khi thu nhập của công chúng thay đổi 1%
- b.Dự đoán thu nhập thay đổi bao nhiêu khi lượng cầu hàng hóa thay đổi 1%.
- c.Xác định nguồn thu nhập của công chúng.

d.Xác định lượng cầu của hàng hóa trên thị trường.

Câu 14.

Để tối đa hóa hữu dụng với thu nhập cho trước, người tiêu dùng phân phối các sản phẩm theo nguyên tắc:

- a.Hữu dụng biên các sản phẩm bằng nhau: $MU_x = MU_y = \dots$
- b.Hữu dụng biên trên một đơn vị tiền tệ của các sản phẩm bằng nhau: $MU_x/P_x = MU_y/P_y = MU_z/P_z = \dots$
- c.Uyên tiên mua các sản phẩm có mức giá tương đối rẻ.
- d.Phân chi tiêu cho mỗi sản phẩm là bằng nhau.

Câu 15.

Đường tiêu dùng theo giá (Price consumption line) là:

- a.Tập hợp các phối hợp tối ưu giữa hai sản phẩm khi giá cả 1 sản phẩm thay đổi, các yếu tố khác không đổi.
- b.Tập hợp những tiếp điểm giữa đường đẳng ích và đường ngân sách khi giá sản phẩm và thu nhập đều thay đổi.
- c.Tập hợp các tiếp điểm giữa đường đẳng ích và đường ngân sách khi thu nhập thay đổi các yếu tố khác không đổi.
- d.Tập hợp các phối hợp tối ưu giữa hai sản phẩm khi giá cả các sản phẩm thay đổi, thu nhập không đổi.

Câu 16.

Một người tiêu thụ có thu nhập $I = 1200\text{đ}$ dùng để mua 2 sản phẩm X và Y với $P_x = 100\text{đ/sp}$; $P_y = 300\text{đ/sp}$. Mức thỏa mãn được thể hiện qua hàm số:

$$TU_x = -1/3X^2 + 10X \quad TU_y = -1/2Y^2 + 20Y$$

Hữu dụng biên của 2 sản phẩm là:

- a. $MU_x = -1/3X + 10$ $MU_y = -1/2Y + 20$
- b. $MU_x = 2/3X + 10$ $MU_y = -Y + 20$
- c. $MU_x = -2/3X + 10$ $MU_y = -Y + 20$
- d.Tất cả đều sai

Câu 17. Đường tiêu dùng theo thu nhập (income consumption line) là

- a.Tập hợp các phối hợp tối ưu giữa hai sản phẩm khi giá cả các sản phẩm thay đổi, thu nhập không đổi
- b.Tập hợp các phối hợp tối ưu giữa hai sản phẩm khi giá cả 1 sản phẩm thay đổi, các yếu tố khác không đổi
- c.Tập hợp các phối hợp tối ưu giữa hai sản phẩm khi thu nhập thay đổi, các yếu tố khác không đổi.
- d.Tập hợp các phối hợp tối ưu giữa hai sản phẩm khi thu nhập và giá cả các sản phẩm đều thay đổi.

Câu 18.

Điểm phối hợp tối ưu (đạt TU_{max}) giữa hai sản phẩm X và Y là:

- a.Tiếp điểm của đường đẳng ích và đường ngân sách.
- b.Tiếp điểm của đường đẳng ích và đường đẳng phí.
- c.Tiếp điểm của đường đẳng lượng và đường đẳng phí.
- d.Tiếp điểm của đường đẳng lượng và đường ngân sách.

Câu 19.

Đường cong Engel là đường biểu thị mối quan hệ giữa:

- a.Giá sản phẩm và khối lượng sản phẩm mua được.
- b.Giá sản phẩm và thu nhập của người tiêu thụ.
- c.Thu nhập và khối lượng sản phẩm được mua của người tiêu dùng.
- d.Giá sản phẩm này với khối lượng tiêu thụ sản phẩm kia.

Câu 20. Nếu $P_x = 5$ và $P_y = 20$ và $I = 1000$ thì đường ngân sách có dạng

- a. $Y = 200 - 1/4X$
- b. $Y = 100 + 4X$
- c. $Y = 50 + 1/4X$
- d. $Y = 50 - 1/4X$**

Câu 1. Một người tiêu thụ có thu nhập $I = 1200$ đ dùng để mua 2 sản phẩm X và Y với

$P_x = 100$ đ/sp; $P_y = 300$ đ/sp.

Mức thỏa mãn được thể hiện qua hàm số

$$TU_x = -1/3X^2 + 10X \quad TU_y = -1/2Y^2 + 20Y$$

Hữu dụng biên của 2 sản phẩm là

- a. $MU_x = -1/3X + 10 \quad MU_y = -1/2Y + 20$
- b. $MU_x = 2/3X + 10 \quad MU_y = -Y + 20$
- c. $MU_x = -2/3X + 10 \quad MU_y = -Y + 20$
- d.Tất cả đều sai.**

Câu 2. Một người tiêu thụ có thu nhập $I = 1200$ đ dùng để mua 2 sản phẩm X và Y với

$P_x = 100$ đ/sp; $P_y = 300$ đ/sp.

Mức thỏa mãn được thể hiện qua hàm số:

$$TU_x = -1/3X^2 + 10X \quad TU_y = -1/2Y^2 + 20Y$$

Phương án tiêu dùng tối ưu là

- a. $X = 3, Y = 3$
- b. $X = 6, Y = 2$
- c. $X = 9, Y = 1$**
- d.Tất cả đều sai.

Câu 3.

Một người tiêu thụ có thu nhập $I = 1200$ đ dùng để mua 2 sản phẩm X và Y với $P_x = 100$ đ/sp; $P_y = 300$ đ/sp. Mức thỏa mãn được thể hiện qua hàm số:
 $TU_x = -1/3X^2 + 10X$ $TU_y = -1/2Y^2 + 20Y$.

Tổng hữu dụng tối đa đạt được

- a.TUmax = 86
- b.TUmax = 82
- c.TUmax = 76
- d.TUmax = 96.

Câu 4.

Đường ngân sách là:

- a.Tập hợp các phối hợp có thể có giữa hai sản phẩm mà người tiêu thụ có thể mua khi thu nhập không đổi.
- b.Tập hợp các phối hợp có thể có giữa hai sản phẩm mà người tiêu thụ có thể mua khi thu nhập thay đổi.
- c.Tập hợp các phối hợp có thể có giữa hai sản phẩm mà người tiêu thụ có thể mua khi giá sản phẩm thay đổi.
- d.Tập hợp các phối hợp có thể có giữa hai sản phẩm mà người tiêu thụ có thể mua với giá sản phẩm cho trước và thu nhập không thay đổi.

Câu 5.

Giả thuyết nào sau đây không được đề cập đến khi phân tích sở thích trong lý thuyết về sự lựa chọn của người tiêu dùng:

- a.Sự ưa thích là hoàn chỉnh có nghĩa là nó thể hiện so sánh và xếp loại tất cả mọi thứ hàng hóa.
- b.Sự ưa thích có tính bắc cầu
- c.Thích nhiều hơn ít (loại hàng hóa tốt).
- d.Không đúng câu nào.

Câu 6. Thu nhập tăng, giá không thay đổi, khi đó

- a.Độ dốc đường ngân sách thay đổi.
- b.**Đường ngân sách dịch chuyển song song sang phải.**
- c.Đường ngân sách trở nên phẳng hơn.
- d.Đường ngân sách dịch chuyển song song sang trái.

Câu 7.

Do nhiều người từ các tỉnh nhập cư vào thành phố Hồ Chí Minh, kết quả là đường cầu mặt hàng gạo ở TP. Hồ Chí Minh:

- a.Dịch chuyển sang trái.
- b.**Dịch chuyển sang phải**
- c.Dịch chuyển lên trên
- d.Không có câu nào đúng.

Câu 8.

Nếu $MU_A = 1/Q_A$; $MU_B = 1/Q_B$, giá của A là 50, giá của B là 400 và thu nhập của người tiêu dùng là 12.000. Để tối đa hóa thỏa mãn, người tiêu dùng sẽ mua mỗi loại hàng hóa bao nhiêu?

- a.A = 120, B = 15
- b.A = 24, B = 27
- c.A = 48, B = 24
- d.Không câu nào đúng.

Câu 9.

Độ dốc của đường đẳng ích phản ánh:

- a.Sự ưa thích có tính bắc cầu.
- b.Sự ưa thích là hoàn chỉnh.
- c.Tỷ lệ thay thế giữa hai hàng hóa.
- d.Các trường hợp trên đều sai.

Câu 10.

Sự chênh lệch giữa giá mà người tiêu dùng sẵn sàng trả cho 1 đơn vị hàng hóa và giá thật sự người tiêu dùng phải trả khi mua một đơn vị hàng hóa được gọi là:

- a.Tổng giá trị nhận được khi tiêu dùng hàng hóa đó
- b.Độ co dãn của cầu
- c.Thặng dư của nhà sản xuất.
- d.Thặng dư của người tiêu dùng.

Câu 11.

Trong điều kiện khác không đổi, khi giá cả các yếu tố sản xuất tăng lên, thì giá cả và số lượng cân bằng trên thị trường sẽ thay đổi như sau

- a.Giá tăng lên và sản lượng cân bằng tăng lên.
- b.Giá tăng lên và sản lượng cân bằng giảm xuống.
- c.Giá giảm xuống và sản lượng cân bằng tăng lên.
- d.Giá giảm xuống và sản lượng cân bằng giảm xuống.

Câu 12.

Tìm câu sai trong những câu dưới đây

- a.Đường đẳng ích thể hiện tất cả các phối hợp về 2 loại hàng hóa cho người tiêu dùng có cùng một mức độ thỏa mãn.
- b.Tỷ lệ thay thế biên thể hiện sự đánh đổi giữa hai loại hàng hóa sao cho tổng mức thỏa mãn không đổi
- c.Các đường đẳng ích không cắt nhau.

d.Đường đẳng ích luôn có độ dốc bằng tỷ số giá cả của hai loại hàng hóa.

Câu 13.

Phối hợp tối ưu của người tiêu dùng là phối hợp thỏa điều kiện

- a.Độ dốc của đường ngân sách bằng độ dốc của đường đẳng ích.
- b.Tỷ lệ thay thế biên giữa các hàng hóa bằng tỷ giá của chúng.
- c.Đường ngân sách (đường tiêu dùng) tiếp xúc với đường đẳng ích (đường cong bang quan)
- d.Các câu khác đều đúng.

Câu 14. Khi đạt tối đa hóa hữu dụng thì hữu dụng biên từ đơn vị cuối cùng của các hàng hóa phải bằng nhau ($MU_x = MU_y = \dots = MU_n$). Điều này

- a.Đúng hay sai tùy theo sở thích người tiêu dùng.
- b.Đúng hay sai tùy theo thu nhập của người tiêu dùng.
- c.Đúng khi giá các hàng hóa bằng nhau.
- d.Luôn luôn sai.

Câu 15.

Giả sử người tiêu dùng dành hết tiền lương để mua lại hai hàng hóa X và Y. Nếu giá hàng hóa X và Y đều tăng lên gấp 2, đồng thời tiền lương của người tiêu dùng cũng tăng lên gấp 2 thì đường ngân sách của người tiêu dùng sẽ

- a.Dịch chuyên song song sang phải.
- b.Xoay quanh điểm cắt với trực tung sang phải.
- c.Không thay đổi
- d.Dịch chuyên song song sang trái.

Câu 16.

Trên đồ thị: trực tung biểu thị số lượng của sản phẩm Y; trực hoành biểu thị số lượng của sản phẩm X. Độ dốc của đường ngân sách (đường giới hạn tiêu dùng) bằng -3 có nghĩa là

- a. $MU_x = 3MU_y$
- b. $MU_y = 3MU_x$
- c. $P_x = 1/3P_y$
- d. $P_x = 3P_y$

Câu 17. Giả định người tiêu dùng luôn chi tiêu hết thu nhập và chỉ mua hai sản phẩm X và Y. Khi giá X tăng lên (các yếu tố khác không thay đổi) thì người này mua sản phẩm Y nhiều hơn, chúng ta có thể kết luận về tính chất co dãn của cầu theo giá đối với sản phẩm X của người này là

- a.Co dãn đơn vị.
- b.Co dãn ít
- c.Không thể xác định
- d.Co dãn nhiều

Câu 18.

Khi giá cả của hàng hóa bình thường giảm, người tiêu dùng mua hàng hóa này nhiều hơn, đó là hệ quả của

- a.Tác động thay thế hoặc tác động thu nhập.
- b.Tác động thu nhập.
- c.Tác động thay thế và tác động thu nhập
- d.Tác động thay thế.

Câu 19.

Nếu $(MU_x/P_x) > (MU_y/P_y)$ thì:

- a.Hàng hóa X mắc hơn hàng hóa Y.
- b.Giảm chi tiêu 1 đồng cho hàng hóa Y và chuyển sang chi tiêu cho hàng hóa X sẽ làm tăng tổng hữu dụng.
- c.Hàng hóa X rẻ hơn hàng hóa Y.
- d.Giảm chi tiêu 1 đồng cho hàng hóa X và chuyển sang chi tiêu cho hàng hóa Y sẽ làm tăng tổng hữu dụng.

Câu 20. Giả sử người tiêu dùng luôn chi tiêu hết thu nhập và chỉ mua 2 sản phẩm X và Y. Biết sản phẩm X là hàng hóa thiết yếu. Vậy khi giá sản phẩm X giảm và các yếu tố khác không đổi thì lượng hàng hóa Y người này mua sẽ

- a.Giảm
- b.Không thay đổi
- c.Không thể xác định được
- d.Tăng.

Câu 1.

Khi tổng hữu dụng giảm, hữu dụng biên:

- a.Dương và tăng dần
- b.Âm và giảm dần
- c.Dương và giảm dần
- d.Âm và tăng dần.

Câu 2.

Đường đẳng ích của 2 sản phẩm X và Y thể hiện:

- a.Những phối hợp khác nhau của 2 sản phẩm X và Y với thu nhập nhất định.
- b.Những phối hợp khác nhau của 2 sản phẩm X và Y tạo ra mức hữu dụng khác nhau.
- c.Những phối hợp khác nhau của 2 sản phẩm X và Y tạo ra mức hữu dụng như nhau.
- d.Không có câu nào đúng.

Câu 3.

Hữu dụng biên (MU) đo lường

- a. Độ dốc của đường đẳng ích.
- b. Mức thỏa mãn tăng thêm khi sử dụng thêm 1 đơn vị sản phẩm, trong khi các yếu tố khác không đổi.
- c. Độ dốc của đường ngân sách.
- d. Tỷ lệ thay thế biên.

Câu 4.

Sự thay đổi lượng cầu của một hàng hóa do giá cả hàng hóa liên quan thay đổi, mà vẫn giữ nguyên mức thỏa mãn được gọi là tác động

- a. Thu nhập
- b. Thay thế
- c. Giá cả
- d. Không có câu nào đúng.

Câu 5.

Đối với hàng hóa cấp thấp, tác động (hiệu ứng) thu nhập và tác động thay thế

- a. Cùng chiều với nhau.
- b. Ngược chiều nhau.
- c. Có thể ngược chiều hoặc cùng chiều tùy mỗi tình huống.
- d. Loại trừ nhau.

Câu 6. Một người tiêu thụ có thu nhập $I = 420$ đồng, chi tiêu hết cho 2 sản phẩm X và Y với $P_x = 10$ đ/sp, $P_y = 40$ đ/sp. Hàm tổng hữu dụng thể hiện qua hàm: $TU = (X - 2)Y$

Phương án tiêu dùng tối ưu là

- a. $X = 22, Y = 5$
- b. $X = 20, Y = 5$
- c. $X = 10, Y = 8$
- d. $X = 26, Y = 4$

Câu 7.

Với hàm tổng hữu dụng $TU = (X - 2)Y$ và phương án tiêu dùng tối ưu là $X = 22, Y = 5$. Vậy tổng số hữu dụng

- a. $TU = 100$
- b. $TU = 90$
- c. $TU = 64$
- d. $TU = 96$

Câu 8.

Tỷ lệ thay thế biên giữa hai sản phẩm X và Y (MRS_{xy}) thể hiện

- a.Tỷ giá giữa hai sản phẩm
- b.Tỷ lệ đánh đổi giữa hai sản phẩm trong tiêu dùng khi tổng mức thô mangan không đổi
- c.Tỷ lệ đánh đổi giữa hai sản phẩm trên thị trường
- d.Tỷ lệ năng suất biên giữa hai sản phẩm.

Câu 9.

Độ dốc của đường ngân sách (đường giới hạn tiêu dùng) thể hiện

- a.Sự đánh đổi của hai sản phẩm trên thị trường.
- b.Tỷ giá giữa hai sản phẩm.
- c.Khi mua thêm một đơn vị sản phẩm này cần phải giảm bớt số lượng mua sản phẩm kia với thu nhập không đổi.
- d.Các câu trên đều đúng.

Câu 10. Giả sử bia là hàng thông thường và giá bia tăng khi đó (hiệu ứng) tác động thay thế sẽ làm người ta mua bia.....và tác động thu nhập sẽ làm người ta mua bia.....

- a.Nhiều hơn; Nhiều hơn
- b.Nhiều hơn; ít hơn
- c.Ít hơn; Nhiều hơn
- d.Ít hơn; ít hơn

Câu 11.

Thặng dư của người tiêu dùng trên thị trường đó là

- a.Tích số giữa giá cả và số lượng hàng hóa cân bằng trên thị trường.
- b.Phản chênh lệch giữa giá thị trường và chi phí biên của các xí nghiệp.
- c.Diện tích của phần nằm dưới đường cầu thị trường và phía trên giá thị trường của hàng hóa.
- d.Phản chênh lệch giữa tổng doanh thu và tổng chi phí sản xuất.

Câu 12.

Để tối thiểu hóa chi phí sản xuất, các xí nghiệp sẽ thực hiện phối hợp các yếu tố sản xuất (YTSX) theo nguyên tắc

- a. $MPa = MPb = MPc = \dots$
- b. $MPa/Pa = MPb/Pb = MPc/Pc = \dots$
- c. $MC=MR$
- d. $MCa= MCb = MCc = \dots$

Câu 13.

Năng suất biên MP của một YTSX biến đổi là

- a.Sản phẩm trung bình tính cho mỗi đơn vị YTSX biến đổi.
- b.Sản phẩm tăng thêm trong tổng sản phẩm của các YTSX.
- c.Sản phẩm tăng thêm trong tổng sản phẩm khi sử dụng thêm 1đ chi phí của các YTSX biến đổi

d.Sản phẩm tăng thêm trong tổng sản phẩm khi sử dụng thêm 1đ chi phí của các YTSX biến đổi, các YTSX còn lại giữ nguyên.

Câu 14. Trong dài hạn để tối thiểu hóa chi phí sản xuất các xí nghiệp sản xuất sẽ thiết lập

- a.Quy mô sản xuất tối ưu tiếp xúc với đường LAC tại cực điểm của 2 đường
- b.Thiết lập bất kì quy mô sản xuất nào theo ý muốn.
- c.**Quy mô sản xuất ngắn hạn tiếp xúc với đường LAC tại xuất lượng cần sản xuất.**
- d.Tất cả đều sai.

Câu 15.

Xuất lượng tối ưu của một quy mô sản xuất là

- a.Xuất lượng tương ứng với MC tối thiểu
- b.Xuất lượng tương ứng với AVC tối thiểu
- c.**Xuất lượng tương ứng với AC tối thiểu**
- d.Xuất lượng tương ứng với AFC tối thiểu

Câu 16.

Chi phí biên MC là

- a.Chi phí tăng thêm khi sử dụng thêm 1 đơn vị YTSX
- b.Chi phí tăng thêm khi sử dụng một sản phẩm.
- c.**Chi phí tăng thêm trong tổng chi phí khi sản xuất thêm 1 đơn vị sản phẩm**
- d.Là độ dốc của đường tổng doanh thu.

Câu 17. Đường mở rộng sản xuất (expansion path)

- a.Tập hợp các điểm phối hợp tối ưu giữa các YTSX khi chi phí sản xuất thay đổi, giá các YTSX không đổi.
- b.Là tập hợp các tiếp điểm của đường đặng ích và đường đặng phí.
- c.Tập hợp các tiếp điểm của đường đặng lượng và đường đặng phí khi giá của 1 YTSX thay đổi.
- d.Tập hợp các tiếp điểm của đường đặng ích và đường ngân sách.

Câu 18.

Giá cả hàng bột giặt là 8.000 đồng/kg. Khi chính phủ đánh thuế 500 đồng/kg, giá cả trên thị trường là 8.500 đồng/kg. Vậy tính chất co dãn cầu theo giá của hàng bột giặt là

- a.Co dãn nhiều
- b.Co dãn ít
- c.Co dãn hoàn toàn
- d.Hoàn toàn không co dãn.

Câu 19.

Đường ngân sách là

- a.Tập hợp các phối hợp có thể có giữa hai sản phẩm mà người tiêu thụ có thể mua khi thu nhập không đổi.
- b.Tập hợp các phối hợp có thể có giữa hai sản phẩm mà người tiêu thụ có thể mua khi thu nhập thay đổi.
- c.Tập hợp các phối hợp có thể có giữa hai sản phẩm mà người tiêu thụ có thể mua khi giá sản phẩm thay đổi.
- d.Tập hợp các phối hợp có thể có giữa hai sản phẩm mà người tiêu thụ có thể mua với giá sản phẩm cho trước và thu nhập không thay đổi.**

Câu 20. Sự tác động qua lại giữa người sản xuất và người tiêu dùng trên thị trường nhằm xác định

- a.Giá cả và chất lượng sản phẩm
- b.Số lượng và chất lượng sản phẩm
- c.Giá cả và số lượng sản phẩm**
- d.Không có câu nào đúng.

Câu 1. Hàng hóa X có $E_p = -0,5$. Giá hàng hóa X tăng lên 10%, vậy doanh thu của hàng hóa X sẽ:

- a.Tăng lên 5%
- b.Tăng lên 20%
- c.Tăng lên 4,5%**
- d.Tất cả đều sai

Câu 2. Hàm số cầu của hàng hóa X có dạng: $Q_d = 100 - 2P$. Tại mức giá bằng 40 để tăng doanh thu doanh nghiệp nên:

- a.Giảm giá, giảm lượng
- b.Tăng giá, giảm lượng
- c.Giảm giá, tăng lượng**
- d.Tăng giá, tăng lượng

Câu 3. Hàm số cầu của hàng hóa X có dạng: $Q_d = 100 - 2P$. Để doanh thu của doanh nghiệp đạt cực đại thì mức giá phải bằng:

- a.20
- b.25**
- c.30
- d.50

Câu 5. Giá hàng hóa thay thế cho hàng hóa X đang giảm mạnh, những yếu tố khác không đổi, vậy giá và lượng cân bằng cho hàng hóa X sẽ:

- a.Giá giảm, lượng giảm**
- b.Giá giảm, lượng tăng
- c.Giá tăng, lượng giảm

d.Giá tăng, lương tăng

Câu 6. Trên cùng một đường cầu tuyến tính dốc xuông theo qui luật cầu, tương ứng với mức giá càng cao thì độ co giãn của cầu theo giá sẽ:

- a.Không đổi
- b.Càng thấp
- c.Không biết được
- d.Càng cao**

Câu 7. Hàm số cầu của hàng hóa X có dạng: $Q_d=100-2P$. Tại mức giá bằng 20 đ² tăng doanh thu doanh nghiệp nên:

- a.Tăng giá, tăng lượng
- b.Giảm giá, giảm lượng
- c.Giảm giá, tăng lượng
- d.Tăng giá, giảm lượng**

Câu 8. Doanh nghiệp A có số liệu sau: $FC=1000$, $P=20$, $AVC=12$, doanh nghiệp theo đuổi mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận và thu được thặng dư sản xuất $PS= 1.200$ (đơn vị tính là đvt).

Định phí trung bình AFC bằng:

- a.AFC=6,67**
- b.AFC=10
- c.AFC=5
- d.Các câu trên đều sai

Câu 9. Doanh nghiệp A có số liệu sau: $FC=1000$, $P=20$, $AVC=12$, doanh nghiệp theo đuổi mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận và thu được thặng dư sản xuất $PS= 1.200$ (đơn vị tính là đvt).

Doanh thu TR bằng:

- a.Cả ba câu đều sai
- b.5.000
- c.3.000**
- d.2.000

Câu 11. Doanh nghiệp A có số liệu sau: $FC=1000$, $P=20$, $AVC=12$, doanh nghiệp theo đuổi mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận và thu được thặng dư sản xuất $PS= 1.200$ (đơn vị tính là đvt).

Tổng chi phí TC bằng:

- a.2.500
- b.2.800**
- c.3.000
- d.Các câu trên đều sai

Câu 12. Doanh nghiệp A có số liệu sau: FC=1000, P=20, AVC=12, doanh nghiệp theo đuổi mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận và thu được thặng dư sản xuất PS= 1.200 (đơn vị tính là đvt).

Doanh nghiệp đang sản xuất tại sản lượng Q bằng:

- a.200
- b.150**
- c.100
- d.Các câu trên đều sai

Câu 13. Doanh nghiệp A có số liệu sau: FC=1000, P=20, AVC=12, doanh nghiệp theo đuổi mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận và thu được thặng dư sản xuất PS= 1.200 (đơn vị tính là đvt).

Hàng hóa X có $E_p = -2$ và $E_s=4$. Chính phủ đánh thuế 9 (đvt/đvq) vào hàng hóa này.

Vậy sau khi có thuế giá thị trường sẽ tăng thêm là:

- a.9
- b.3
- c.6**
- d.Không biết được

Câu 14. Một doanh nghiệp độc quyền có hàm số cầu $Q = 1000 - 2P$ và hàm tổng chi phí $TC = 2Q^2 + 200$ (P :đvt/đvq; Q :đvq; TC :đvt).

Để tối đa hóa doanh thu thì mức giá bán P phải bằng:

- a.250**
- b.500
- c.100
- d.Các câu trên đều sai

Câu 15. Một doanh nghiệp độc quyền có hàm số cầu $Q = 1000 - 2P$ và hàm tổng chi phí $TC = 2Q^2 + 200$ (P :đvt/đvq; Q :đvq; TC :đvt).

Mức lợi nhuận cực đại bằng:

- a.24.800**
- b.50.000
- c.88.000
- d.Các câu trên đều sai

Câu 16. Một doanh nghiệp độc quyền có hàm số cầu $Q = 1000 - 2P$ và hàm tổng chi phí $TC = 2Q^2 + 200$ (P :đvt/đvq; Q :đvq; TC :đvt).

Để tối đa hóa lợi nhuận, doanh nghiệp sẽ sản xuất ở mức sản lượng:

- a.100**
- b.150
- c.500
- d.Các câu trên đều sai

Câu 17. Một doanh nghiệp độc quyền có hàm số cầu $Q=1000-2P$ và hàm tổng chi phí $TC=2Q^2+200$ (P :đvt/dvq; Q :dvq; TC :đvt).

Doanh thu tối đa sẽ bằng:

- a.150.000
- b.250.000
- c.**125.000**
- d.Các câu trên đều sai

Câu 18. Một doanh nghiệp độc quyền có hàm số cầu $Q=1000-2P$ và hàm tổng chi phí $TC=2Q^2+200$ (P :đvt/dvq; Q :dvq; TC :đvt).

Để tối đa hóa doanh thu thì mức sản lượng Q phải bằng:

- a.300
- b.**500**
- c.250
- d.Các câu trên đều sai

Câu 19. Hàm sản xuất có dạng $Q=4L^{0,6} K^{0,8}$; $Pl=2$; $Pk=4$; $Q_{max}=10.000$.

Kết hợp sản xuất tối ưu thì vốn K bằng:

- a.**225**
- b.325
- c.555
- d.Các câu trên đều sai

Câu 20. Hàm sản xuất có dạng $Q=4L^{0,6} K^{0,8}$; $Pl=2$; $Pk=4$; $Q_{max}=10.000$.

Kết hợp sản xuất tối ưu thì chi phí sản xuất tối thiểu TC_{min} bằng:

- a.1.200
- b.**1.574**
- c.3.000
- d.Các câu trên đều sai

Câu 4. Hàng hóa X ngày càng phù hợp hơn với thị hiếu, sở thích của người tiêu dùng, những yếu tố khác không đổi, vậy giá và lượng cân bằng cho hàng hóa X sẽ:

- a.Giá tăng, lượng giảm
- b.Giá giảm, lượng giảm
- c.Giá giảm, lượng tăng
- d.**Giá tăng, lượng tăng**

Câu 10. Doanh nghiệp A có số liệu sau: $FC=1000$, $P=20$, $AVC=12$, doanh nghiệp theo đuổi mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận và thu được thặng dư sản xuất $PS=1.200$ (đơn vị tính là đvt).

Vậy lợi nhuận của doanh nghiệp này bằng:

- a.Không thể tính được

- b.200
- c.1.200
- d.Các câu trên đều sai

Câu 1. Hàm sản xuất có dạng $Q=4L^{0,6} K^{0,8}$; $P_l=2$; $P_k=4$; $Q_{max}=10.000$.

Kết hợp sản xuất tối ưu thì lao động L bằng:

- a.250
- b.337
- c.450
- d.Các câu trên đều sai

**Câu 2. Doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn có hàm chi phí sau:
 $TC=10Q^3-4Q^2+20Q+500$ (Q:đvq; TC:đvt; P:đvt/đvq).**

Hàm chi phí trung bình AC bằng:

- a. $30Q^3-8Q+20+500/Q$
- b. $10Q^2-8Q+20+500/Q$
- c. $10Q^2-4Q+20+500/Q$
- d.Cả ba câu đều sai

**Câu 3. Doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn có hàm chi phí sau:
 $TC=10Q^3-4Q^2+20Q+500$ (Q:đvq; TC:đvt; P:đvt/đvq).**

Hàm chi phí biên MC bằng:

- a. $30Q^3-8Q+20+500/Q$
- b. $30Q^2-8Q+20$
- c. $10Q^2-4Q+20$
- d.Các câu trên đều sai

**Câu 5. Doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn có hàm chi phí sau:
 $TC=10Q^3-4Q^2+20Q+500$ (Q:đvq; TC:đvt; P:đvt/đvq).**

Giá thị trường bằng bao nhiêu thì doanh nghiệp hòa vốn:

- a.Cả ba câu đều sai
- b.P=202,55
- c.P=300
- d.P=265,67

**Câu 6. Doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn có hàm chi phí sau:
 $TC=10Q^3-4Q^2+20Q+500$ (Q:đvq; TC:đvt; P:đvt/đvq).**

Nếu giá thị trường Pe bằng 500 thì sản lượng tối ưu để lợi nhuận cực đại là:

- a.Q=4,14
- b.Q=20,15
- c.Q=10,15
- d.Các câu trên đều sai

**Câu 7. Doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn có hàm chi phí sau:
 $TC=10Q^3-4Q^2+20Q+500$ (Q:đvq; TC:đvt; P:đvt/đvq).**

Doanh nghiệp theo đuổi mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận nhưng bị hòa vốn, khi ấy sản lượng hòa vốn bằng:

- a.Q=20,50
- b.Q=15,25
- c.Q=2,99
- d.Các câu trên đều sai

**Câu 8. Doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn có hàm chi phí sau:
 $TC=10Q^3-4Q^2+20Q+500$ (Q:đvq; TC:đvt; P:đvt/đvq).**

Nếu giá thị trường Pe bằng 500 thì lợi nhuận cực đại của doanh nghiệp bằng:

- a. $\Pi=100,50$
- b. $\Pi=2.000$
- c. $\Pi=846,18$
- d.Các câu trên đều sai

Câu 9. Điểm hòa vốn cũng chính là điểm ngừng kinh doanh của doanh nghiệp khi doanh nghiệp có:

- a.FC=0
- b.TR=TC
- c.TR=VC
- d.Các câu trên đều sai

Câu 11. Nhà độc quyền đang bán 4 đơn vị sản phẩm ở mức giá là 10000 đồng/sản phẩm. Nếu doanh thu biên của đơn vị thứ 5 là 6 ngàn đồng, thì doanh nghiệp bán 5 sản phẩm với mức giá là:

- a.10.000
- b.9.200
- c.6000
- d.Các câu trên đều sai

Câu 12. Nếu doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo định mức sản lượng tại đó có doanh thu biên bằng chi phí biên bằng chi phí trung bình, thì lợi nhuận kinh tế sẽ:

- a.Bằng không
- b.Lớn hơn không
- c.Nhỏ hơn không
- d.Tất cả đều sai

Câu 13. Trong ngắn hạn, doanh nghiệp sẽ ngừng sản xuất khi:

- a.Giá bán bằng biến phí trung bình
- b.Doanh nghiệp không có lợi nhuận
- c.Doanh nghiệp bị thua lỗ
- d.Các câu trên đều sai

Câu 14. Khi năng suất trung bình AP giảm, năng suất biên MP sẽ:

- a.Nhỏ hơn năng suất trung bình
- b.Lớn hơn năng suất trung bình
- c.Bằng năng suất trung bình
- d.Các câu trên đều sai

Câu 15. Chính phủ đánh thuế 5 đơn vị tiền/đơn vị sản lượng vào hàng hóa X làm giá thị trường tăng lên thêm 4 đơn vị tiền/đơn vị lượng sau khi có thuế. Vậy mối quan hệ giữa Ep và Es là:

- a./Ep/=Es
- b./Ep/>Es
- c. /Ep/=0
- d./Ep/<="" td=""">

Câu 16. Thặng dư sản xuất thì bằng:

- a.Tổng doanh thu trừ tổng biến phí
- b.Tổng doanh thu trừ tổng chi phí
- c.Tổng doanh thu trừ tổng định phí
- d.Các câu trên đều sai

Câu 17. Để tối đa hóa lợi nhuận trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo, doanh nghiệp sẽ chọn sản lượng tại đó có:

- a.AR=MR
- b.P=MC
- c.P=MR
- d.Các câu trên đều đúng

Câu 18. AC bằng 6 khi sản xuất 100 sản phẩm. MC luôn không đổi và bằng 2. Vậy TC để sản xuất 70 sản phẩm là:

- a.540
- b.140
- c.450
- d.Các câu trên đều sai

Câu 19. Đường cung ngắn hạn của doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn là:

- a.Đường chi phí biến MC nằm trên điểm cực tiểu của đường chi phí trung bình
- b.Đường chi phí biến

- c.Đường chi phí biên MC nằm trên điểm cực tiểu của đường chi phí biến đổi trung bình
- d.Tất cả đều sai

Câu 20. Nếu hữu dụng biên có xu hướng dương và giảm dần khi gia tăng lượng tiêu dùng thì:

- a.Tổng hữu dụng sẽ giảm dần
- b.Tổng hữu dụng sẽ tăng nhanh dần
- c.Tổng hữu dụng sẽ tăng chậm dần
- d.Tổng hữu dụng sẽ không đổi

**Câu 4. Doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn có hàm chi phí sau:
 $TC=10Q^3-4Q^2+20Q+500$ (Q:dvq; TC:dvt; P:dvt/dvq).**

Giá thị trường bằng bao nhiêu thì doanh nghiệp ngừng kinh doanh:

- a.250
- b.265,67
- c.300
- d.Các câu trên đều sai

Câu 10. Mục tiêu tối đa hóa doanh thu cũng chính là mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận khi:

- a.VC=0
- b.MC=0
- c.TC=FC
- d.Các câu trên đều đúng

Câu 1. Kinh tế học là môn KHXH nghiên cứu cách thức:

- a.Quản lý doanh nghiệp sao cho có lãi
- b.Lẩn tránh ván đề khan hiếm cho nhiều khả năng sử dụng khác nhau và cạnh tranh nhau
- c.Tạo ra vận may cho các nhân trên TTCK
- d.Phân bổ nguồn lực khan hiếm cho nhiều khả năng sử dụng khác nhau

Câu 2. Câu nào thuộc kinh tế vi mô:

- a.Tỷ lệ thất nghiệp ở nhiều nước rất cao
- b.Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân trong giai đoạn 1991-1997 ở VN khoảng 8.5%
- c.Tỷ lệ lạm phát ở VN dưới 15% mỗi năm trong giai đoạn 1993-1997
- d.Không có trường hợp nào

Câu 3. Kinh tế học vi mô nghiên cứu:

- a.Hành vi ứng xử của các tế bào kinh tế trong các loại thị trường

- b.Các hoạt động động diễn ra trong toàn bộ nền kinh tế
- c.Cách ứng xử của người tiêu dùng để tối đa hóa thỏa mãn
- d.Mức giá chung của một quốc gia

Câu 5. Câu nào thuộc kinh tế vi mô:

- a.Tỷ lệ thất nghiệp VN hiện nay cao
- b.Tỷ lệ lạm phát VN 1996 không quá mức 2 con số
- c.Chính sách tài chính, tiền tệ, là công cụ điều tiết của chính phủ trong nền kinh tế
- d.Lợi nhuận kinh tế là động lực thu hút các doanh nghiệp mới gia nhập vào ngành sản xuất**

Câu 6. Vấn đề thuộc kinh tế chuẩn tắc:

- a.Mức tăng trưởng GDP ở VN năm 2003 là 7.24%
- b.Tỷ lệ lạm phát VN 1996 không quá mức 2 con số
- c.Giá dầu thế giới tăng hơn 3 lần giữa năm 1973 và 1974
- d.Phải có hiệu thuốc miễn phí phục vụ người già và trẻ em**

Câu 7. Công cụ phân tích nào nêu lên các kết hợp khác nhau giữa hai hàng hóa có thể sản xuất ra khi các nguồn lực được sử dụng có hiệu quả:

- a.Đường giới hạn năng lực sản xuất**
- b.Đường cầu
- c.Đường đẳng lượng
- d.Tổng sản phẩm quốc dân

Câu 8. Khái niệm kinh tế nào sao đây không thể lí giải được bằng đường giới hạn năng lực sản xuất:

- a.Khái niệm chi phí cơ hội
- b.Khái niệm cung cầu**
- c.Quy luật chi phí cơ hội tăng dần
- d.Ý tưởng về sự khan hiếm

Câu 9. Một nền kinh tế tổ chức sản xuất có hiệu quả với nguồn tài nguyên khan hiếm khi:

- a.Giá tăng sản lượng của mặt hàng này buộc phải giảm sản lượng của mặt hàng kia
- b.Không thể gia tăng sản lượng của mặt hàng này mà không cắt giảm sản lượng của mặt hàng khác
- c.Nằm trên đường giới hạn khả năng sản xuất
- d.Các câu trên đều đúng**

Câu 11. Trong mô hình nền kinh tế thị trường tự do, các vấn đề cơ bản của hệ thống kinh tế được giải quyết:

- a.Thông qua các kế hoạch của chính phủ
- b.Thông qua thị trường**

- c.Cả a và b
- d.Các câu trên đều sai

Câu 12. Vấn đề thuộc kinh tế học chuẩn tắc:

- a.Tại sao nền kinh tế nằm trong tình trạng lạm phát cao vào 2 năm 1987-1988
- b.Chính phủ nên can thiệp vào nền kinh tế thị trường với mức độ nào?
- c.Tác hại của việc sản xuất, vận chuyển và sử dụng ma túy
- d.Không có trường hợp nào

Câu 13. Giá cafe trên thị trường tăng 10%, dẫn đến mức cầu cafe trên thị trường giảm 5% với những điều kiện khác không đổi. Vấn đề này thuộc về:

- a.Vi mô, chuẩn tắc
- b.Vĩ mô, chuẩn tắc
- c.Vi mô, thực chứng
- d.Vĩ mô, thực chứng

Câu 14. Loại nào thuộc thị trường yếu tố sản xuất:

- a.Thị trường sức lao động
- b.Thị trường đất đai
- c.Thị trường vốn
- d.Tất cả các câu trên

Câu 15. Khả năng hưởng thụ của các hộ gia đình từ các hàng hóa trong nền kinh tế được quyết định bởi:

- a.Thị trường hàng hóa
- b.Thị trường đất đai
- c.Thị trường yếu tố sản xuất
- d.Không có trường hợp nào

Câu 16. Sự khác nhau giữa thị trường sản phẩm và thị trường nguồn lực là chẽ trong thị trường sản phẩm:

- a.Nguồn lực được mua bán, còn trong thị trường nguồn lực sản phẩm được mua bán
- b.Người tiêu dùng là người mua còn trong thị trường nguồn lực người sản xuất là người mua
- c.Người tiêu dùng là người bán, còn trong thị trường nguồn lực người sản xuất là người bán
- d.Người tiêu dùng vừa là người mua vừa là người bán, giống như trong sản xuất thị trường nguồn lực

Câu 17. Khác nhau căn bản giữa mô hình kinh tế thị trường tự do và nền kinh tế hỗn hợp là:

- a.Nhà nước quản lý ngân sách
- b.Nhà nước tham gia quản lý nền kinh tế

- c.Nhà nước quản lý quỹ phúc lợi xã hội
- d.Các câu trên đều sai

Câu 18. Giá sản phẩm X tăng lên dẫn đến phần chi tiêu cho sản phẩm X tăng lên, thì hệ số co dãn của cầu theo giá sản phẩm là:

- a. $Ed > 1$
- b. $Ed < 1$
- c. $Ed = 0$
- d. $Ed = 1$

Câu 19. Khi thu nhập tăng 10%, khối lượng tiêu thụ sản phẩm X tăng 5%, các điều kiện khác không đổi, thì X là:

- a.Sản phẩm cấp thấp
- b.Xa xí phẩm
- c.Sản phẩm độc lập
- d.Sản phẩm thiết yếu

Câu 20. Nếu 2 sản phẩm X và Y thay thế nhau thì:

- a. $E_{XY} > 0$
- b. $E_{XY} = 0$
- c. $E_{XY} < 0$
- d. $E_{XY} = 1$

Câu 4. Kinh tế học thực chứng nhằm:

- a.Mô tả và giải thích các sự kiện, các vấn đề kinh tế một cách khách quan và có cơ sở khoa học
- b.Đưa ra những lời chỉ dẫn hoặc những quan điểm chủ đạo của các cá nhân
- c.Giải thích các hành vi ứng xử của các tế bào kinh tế trong các loại thị trường
- d.Không có trường hợp nào

Câu 10. Các vấn đề cơ bản của hệ thống kinh tế cần giải quyết là:

- a.Sản xuất sản phẩm gì? Số lượng bao nhiêu?
- b.Sản xuất bằng phương pháp nào?
- c.Sản xuất cho ai?
- d.Các câu trên đều đúng

Câu 1. Nếu 2 sản phẩm X và Y là 2 sản phẩm bổ sung thì:

- a. $E_{XY} > 0$
- b. $E_{XY} < 0$
- c. $E_{XY} = 0$
- d.Tất cả đều sai

Câu 2. Đường cung của sản phẩm X dịch chuyển do:

- a.Giá sản phẩm X thay đổi
- b.Thu nhập tiêu dùng thay đổi
- c.Thuế thay đổi
- d.Giá sản phẩm thay thế giảm

Câu 3. Đường cầu sản phẩm X dịch chuyển do khi:

- a.Giá sản phẩm X thay đổi
- b.Chi phí sản xuất sản phẩm X thay đổi
- c.Thu nhập của người tiêu dùng thay đổi
- d.Các câu trên đều đúng

Câu 5. Nếu giá cân bằng của sản phẩm là $P = 15$. Chính phủ đánh thuế 3 làm cho giá cân bằng tăng lên $P = 17$, có thể kết luận:

- a.Cầu co dãn nhiều hơn so với cung
- b.Cầu co dãn ít hơn so với cung
- c.Cầu co dãn tương đương với cung
- d.Tất cả đều sai

Câu 6. Khi giá hàng Y: $Py = 10$ thì lượng cầu hàng X $Qx = 10$ và khi $Py = 6$ thì $Qx = 12$, với các yếu tố khác không đổi, X và Y là hai sản phẩm:

- a.Bổ sung nhau
- b.Vừa thay thế vừa bổ sung
- c.Không liên quan
- d.Thay thế

Câu 7. Nếu mục tiêu của công ty là tối đa hóa doanh thu, và cầu về sản phẩm của công ty tại mức giá hiện có là co dãn nhiều, công ty sẽ:

- a.Tăng giá
- b.Giảm giá
- c.Tăng lượng bán
- d.Giữ giá như cũ

Câu 8. Khi thu nhập giảm, các yếu tố khác không đổi giá cả và lượng cân bằng mới của hàng hóa thông thường sẽ:

- a.Giá thấp hơn và lượng cân bằng lớn hơn
- b.Giá thấp hơn và lượng cân bằng nhỏ hơn
- c.Giá cao hơn và lượng cân bằng lớn hơn
- d.Không thay đổi

Câu 9. Yếu tố nào sau đây không được coi là yếu tố quyết định cầu hàng hóa:

- a.Giá hàng hóa liên quan

- b.Thị hiếu, sở thích
- c.Các yếu tố đầu vào để sản xuất hàng hóa
- d.Thu nhập

Câu 11. Hàm số cung và cầu của sp X có dạng: $P = Q_s + 5$, $P = -1/2 Q_d + 20$.

Giá cân bằng và sản lượng cân bằng là:

- a.Q = 5 và P = 10
- b.Q = 10 và P = 15
- c.Q = 8 và P = 16
- d.Q = 20 và P = 10

Câu 12. Hàm số cung và cầu của sp X có dạng: $P = Q_s + 5$, $P = -1/2 Q_d + 20$.

Nếu chính phủ ấn định mức giá $P = 18$ và sẽ mua hết lượng sản phẩm thừa thì chính phủ cần chi bao nhiêu tiền:

- a.108
- b.162
- c.180
- d.Tất cả đều sai

Câu 13. Hàm số cung và cầu của sp X có dạng: $P = Q_s + 5$, $P = -1/2 Q_d + 20$.

Muốn giá cân bằng $P = 18$ thì hàm cung mới có dạng:

- a.P = $Q_s + 14$
- b.P = $Q_s + 13$
- c.P = $Q_s - 14$
- d.Tất cả đều sai

Câu 14. Thông thường, gánh nặng của một khoản thuế người sản xuất và người tiêu dùng đều phải chịu nhiều hay ít phụ thuộc vào độ co dãn tương đối giữa cung và cầu. Trong điều kiện nào thì người tiêu dùng phải chịu phần lớn số thuế:

- a.Cung co dãn ít hơn so với cầu
- b.Cầu hoàn toàn co dãn
- c.Cung hoàn toàn co dãn
- d.Cầu co dãn ít hơn so với cung

Câu 15. Giá trần luôn dẫn tới:

- a.Sự gia nhập ngành
- b.Sự dư cung
- c.Sự thiếu hụt hàng hóa
- d.Sự cân bằng thị trường

Câu 16. Giá vé du lịch giảm có thể dẫn đến phần chi tiêu cho du lịch tăng lên là do cầu về du lịch:

- a.Co dãn theo giá nhiều
- b.**Co dãn theo giá nhiều**
- c.Co dãn theo giá ít
- d.Hoàn toàn không co dãn

Câu 17. Đường cầu theo giá của bột giặt OMO chuyển dịch sang phải là do:

- a.Giá bột giặt OMO giảm
- b.Giá hóa chất nguyên liệu giảm
- c.Giá của các loại bột giặt khác giảm
- d.**Giá của các loại bột giặt khác tăng**

Câu 18. Trong trường hợp nào sau đây làm dịch chuyển đường cầu TV SONY về bên phải:

- 1. Thu nhập dân chúng tăng
- 2. Giá TV Panasonic tăng
- 3. Giá TV Sony giảm

- a.TH 1 và 3
- b.**TH 1 và 2**
- c.TH 2 và 3
- d.Cả 3

Câu 19. Trường hợp nào giá bia tăng:

- a.Đường cầu của bia dời sang phải
- b.Đường cung của bia dời sang trái
- c.Không có TH nào
- d.a và b đúng

Câu 20. Ý nghĩa kinh tế của đường cung thẳng đứng:

- a.Nó cho thấy nhà sản xuất sẵn sàng cung ứng nhiều hơn tại mức giá thấp hơn
- b.Nó cho thấy nhà sản xuất sẵn sàng cung ứng nhiều hơn tại mức giá cao hơn
- c.**Nó cho thấy dù giá cả là bao nhiêu thì người ta cũng chỉ cung ứng 1 lượng nhất định**
- d.Nó cho thấy chỉ có một mức giá làm cho nhà sản xuất cung ứng hàng hóa cho thị trường

Câu 4. Nếu giá sản phẩm X tăng lên, các điều kiện khác không thay đổi:

- a.Sản phẩm tăng lên
- b.Khối lượng tiêu thụ sản phẩm X tăng lên
- c.**Khối lượng tiêu thụ sản phẩm X giảm xuống**
- d.Phần chi tiêu sản phẩm X tăng

**Câu 10. Hàng hóa A là hàng thứ cấp. Nếu giá của A giảm đột ngột còn phân nữa.
Tác động thay thế sẽ làm cầu hàng A:**

- a.Tăng lên gấp đôi
- b.Giảm còn một nữa
- c.Tăng ít hơn gấp đôi
- d.Các câu trên đều sai

Câu 1. Đường cầu về điện thoại dịch chuyển sang phải là do:

- a.Chi phí lắp đặt giảm
- b.Thu nhập dân chúng tăng
- c.Do đầu tư của các công ty viễn thông nước ngoài
- d.Giá lắp đặt điện thoại giảm

Câu 2. Trong trường hợp nào đường cung của Pepsi dời sang phải:

- a.Thu nhập của người có thể mua nước ngọt giảm
- b.Giá nguyên liệu tăng
- c.Giá của Coke tăng
- d.Không có trường hợp nào

Câu 3. Nhân tố nào sau đây làm dịch chuyển đường cầu của máy ảnh sang phải:

- a.Thu nhập dân chúng tăng
- b.Giá máy ảnh giảm
- c.Giá phim tăng
- d.Chính phủ đánh thuế vào ngành kinh doanh máy ảnh

Câu 5. Hàm số cầu và cung của một hàng hóa như sau:

$$(D): P = -Q + 50 \quad (S): P = Q + 10$$

Nếu chính phủ định giá tối đa là $P = 20$, thì lượng hàng hóa:

- a.Thiếu hụt 30
- b.Thừa 30
- c.Thừa 20
- d.Thiếu hụt 20

Câu 6. Hệ số co dãn cầu theo thu nhập có ý nghĩa thực tiễn là:

- a.Dự đoán lượng cầu hàng hóa thay đổi bao nhiêu phần trăm khi thu nhập của công chúng thay đổi 1%
- b.Dự đoán thu nhập thay đổi bao nhiêu khi lượng cầu hàng hóa thay đổi 1%
- c.Xác định nguồn thu nhập của công chúng
- d.Xác định lượng cầu của hàng hóa trên thị trường

Câu 7. Giả sử hàm số cầu của một loại nông sản là: $P = -1/2Q + 40$. Lượng cung nông sản trên thị trường là 40. Vậy mức giá cân bằng trên thị trường là:

- a.10
- b.20**
- c.40
- d.Các câu trên đều sai

Câu 8. Hàm số cầu của một hàng hóa là tương quan giữa:

- a.Lượng cầu hàng hóa đó với giá của nó**
- b.Lượng cầu hàng hóa đó với tổng số hữu dụng
- c.Lượng cầu hàng hóa đó với tổng số chi tiêu của người tiêu dùng
- d.Lượng cầu hàng hóa đó với tổng số doanh thu của người bán

Câu 9. Thị trường sản phẩm X có hàm số cung, cầu như sau: $P = 60 - 1/3Q_d$, $P = 1/2Q_s - 15$

Giá cả cân bằng và sản lượng cân bằng sản phẩm X là:

- a.30, 90**
- b.40, 60
- c.20, 70
- d.Các câu trên đều sai

Câu 11. Thị trường sản phẩm X có hàm số cung, cầu như sau: $P = 60 - 1/3Q_d$, $P = 1/2Q_s - 15$. Chính phủ đánh thuế $t = 5/\text{sp}$. Tiền thuế mà người tiêu dùng phải chịu trên mỗi sản phẩm:

- a.3
- b.2**
- c.1
- d.0

Câu 12. Tỷ số thất vô ích xảy ra khi chính phủ đánh thuế là:

- a.-15**
- b.30
- c.-50
- d.-261

Câu 13. Trong trường hợp nào đường cung của xăng sẽ dời sang trái:

- a.Giá xăng giảm**
- b.Mức lương của công nhân lọc dầu tăng lên**

- c.Có sự cải tiến trong lọc dầu
- d.Tất cả đều sai

Câu 14. Quy luật cung chỉ ra rằng:

- a.Sự gia tăng cầu trực tiếp dẫn đến sự gia tăng của cung
- b.Nhà sản xuất sẵn sàng cung ứng ít hơn với mức giá cao hơn
- c.Có mối quan hệ nghịch giữa cung với giá cả
- d.Nhà sản xuất sẵn sàng cung ứng nhiều hơn với mức giá cao hơn**

Câu 15. Đường cung phản ánh:

- a.Sự chênh lệch giữa số cầu hàng hóa và số cung hàng hóa ở mỗi mức giá
- b.Số lượng hàng hóa mà nhà sản xuất sẽ bán ra ứng với mỗi mức giá trên thị trường**
- c.Số lượng tối đa hàng hóa mà ngành có thể sản xuất, không kể đến giá cả
- d.Mức giá cao nhất mà người sản xuất chấp nhận ứng với mỗi mức sản lượng

Câu 16. Đối với một đường cầu tuyến tính, khi ta di chuyển xuống dọc theo đường cầu thì:

- a.Độ co dãn của cầu theo giá thay đổi nhưng độ dốc của đường cầu không thay đổi**
- b.Độ co dãn của cầu theo giá và độ dốc của đường cầu không thay đổi
- c.Độ dốc của đường cầu thay đổi nhưng độ co dãn của cầu theo giá thay đổi
- d.Độ co dãn của cầu theo giá và độ dốc của đường cầu đều thay đổi

Câu 17. Sự di chuyển dọc xuống theo đường cung cho thấy khi giá hàng hóa giảm:

- a.Có sự giảm sút lượng cung**
- b.Đường cung dịch chuyển sang phải
- c.Có sự tăng lượng cung
- d.Đường cung dịch chuyển sang trái

Câu 18. Giá của hàng hóa A tăng, do đó đường cầu của hàng hóa B dời sang trái, suy ra:

- a.B là hàng hóa thứ cấp
- b.A là hàng hóa thông thường
- c.A và B bổ sung**
- d.A và B thay thế

Câu 19. Hiện tượng không gây ra sự dịch chuyển đường cầu:

- a.Sự gia tăng giá của mặt hàng bổ sung
- b.Sự gia tăng giá của mặt hàng thay thế
- c.Sự thay đổi giá bán của chính bản thân mặt hàng đó**
- d.Sự giảm sút của thu nhập

Câu 20. Chọn câu đúng:

- a.Thu nhập của người tiêu dùng tăng sẽ làm đường cung dịch chuyển sang phải

- b.Giá của các yếu tố đầu vào tăng sẽ làm đường cung dịch chuyển sang phải
- c.Hệ số co dãn của cung luôn nhỏ hơn 0
- d.Phản ứng của người tiêu dùng dễ dàng và nhanh chóng hơn nhà sản xuất trước sự biến động giá cả trên thị trường**

Câu 4. Yếu tố không quyết định cung:

- a.Những thay đổi về công nghệ
- b.Mức thu nhập**
- c.Thuế và trợ cấp
- d.Chi phí nguồn lực để sản xuất hàng hóa

Câu 10. Thị trường sản phẩm X có hàm số cung, cầu như sau: $P = 60 - 1/3Q_d$, $P = 1/2Q_s - 15$

Giả sử chính phủ đánh thuế làm giảm lượng cân bằng xuống và bằng 84. Xác định mức thuế chính phủ đánh vào mỗi sản phẩm:

- a.3
- b.10
- c.5**
- d.Các câu trên đều sai

Câu 1. Biểu cầu cho thấy:

- a.Lượng cầu về một loại hàng hóa cụ thể tại mức giá khác nhau**
- b.Lượng cầu về một loại hàng hóa cụ thể sẽ thay đổi khi mức thu nhập thay đổi
- c.Lượng hàng cụ thể sẽ được cung ứng cho thị trường tại các mức giá khác nhau
- d.Lượng cầu về một loại hàng hóa cụ thể sẽ thay đổi khi giá các hàng hóa liên quan thay đổi

Câu 2. Nếu hệ số co dãn chéo của đường cầu là số dương, chúng ta nói hai hàng hóa đó là:

- a.Hàng thay thế**
- b.Hàng độc lập
- c.Hàng thứ cấp
- d.Hàng bổ sung

Câu 3. Trong trường hợp cầu co dãn nhiều, giá cả tăng sẽ làm tổng doanh thu của người bán:

- a.Giảm**
- b.Tăng
- c.Không đổi
- d.Không thể dự báo được

Câu 5. Quy luật cầu chỉ ra rằng: Nếu các yếu tố khác không đổi thì:

- a.Giữa lượng cầu hàng hóa này và giá hàng hóa thay thế có mối liên hệ với nhau
- b.Giữa lượng cầu và thu nhập có mối quan hệ đồng biến
- c.Giữa số lượng hàng hóa và sở thích có quan hệ đồng biến
- d.Giữa số lượng hàng hóa với giá của nó có quan hệ nghịch biến

Câu 6. Hệ số co dãn của cầu theo giá được xác định bằng cách:

- a.Lấy phần trăm thay đổi của lượng cầu chia cho phần trăm thay đổi của giá
- b.Lấy phần trăm thay đổi của lượng cầu chia cho phần trăm thay đổi của thu nhập
- c.Lấy phần trăm thay đổi của giá chia cho phần trăm thay đổi của số cầu
- d.Lấy số thay đổi của cầu chia cho số thay đổi của giá

Câu 7. Nếu phần trăm thay đổi của giá lớn hơn phần trăm thay đổi của lượng cung thì chúng ta biết rằng cung là:

- a.Co dãn ít
- b.Co dãn nhiều
- c.Co dãn hoàn toàn
- d.Hoàn toàn không co dãn

Câu 8. Hàm số cầu của một mặt hàng hóa là: $Q = 100 - 2P$. Tại mức giá $P = 25$ thì cầu hàng hóa này có mức độ co dãn theo giá là:

- a.Co dãn đơn vị
- b.Co dãn ít
- c.Co dãn hoàn toàn
- d.Co dãn nhiều

Câu 9. Khi giá các sản phẩm thay thế và bổ sung cho sản phẩm A đều tăng lên. Nếu các yếu tố khác không thay đổi thì giá cả và sản lượng cân bằng của sản phẩm A sẽ:

- a.Giá tăng, lượng giảm
- b.Giá tăng, lượng tăng
- c.Giá giảm, lượng tăng
- d.Giá giảm, lượng giảm
- e.Không xác định được

Câu 11. Câu nào không đúng:

- a.Hệ số co dãn của cầu theo giá trong ngắn hạn thường lớn hơn trong dài hạn
- b.Dạng dốc xuống của đường cầu chỉ quan hệ nghịch biến giữa số cầu và giá cả
- c.Phản ứng người tiêu dùng thường dễ dàng và nhanh chóng hơn nhà sản xuất trước biến động của giá cả thị trường
- d.Khi mặt hàng thay thế hoặc bổ sung cho hàng hóa X thay đổi, đường cầu về sản phẩm X sẽ thay đổi

Câu 12. Khi một hàng hóa có độ co dãn của cầu theo giá là 1, khoản chi tiêu của người tiêu dùng:

- a.Thay đổi cùng chiều với sự thay đổi giá
- b.Thay đổi ngược chiều với sự thay đổi giá
- c.Thay đổi ngược chiều và bằng % như sự thay đổi của giá
- d.Không thay đổi khi giá hàng hóa thay đổi

Câu 13. Khi thu nhập dân chúng tăng mà lượng cầu của sản phẩm A giảm:

- a.A là hàng hóa cao cấp
- b.A là hàng hóa bình thường
- c.A là hàng hóa cấp thấp
- d.A là hàng hóa thiết yếu

Câu 14. Nếu cầu của hàng hóa X là ít co dãn thì sự thay đổi giá sẽ làm:

- a.Thay đổi lượng cầu hàng hóa X khá lớn
- b.Thay đổi tổng doanh thu (TR) theo hướng ngược chiều
- c.Thay đổi tổng doanh thu (TR) theo hướng cùng chiều
- d.Không làm thay đổi tổng doanh thu

Câu 15. Khi thu nhập dân chúng tăng lên, các nhân tố khác không thay đổi, giá cả và số lượng cân bằng mới của loại hàng hóa thứ cấp sẽ:

- a.Giá thấp hơn, số lượng lớn hơn
- b.Giá cao hơn, số lượng không đổi
- c.Giá cao hơn, số lượng nhỏ hơn
- d.Giá thấp hơn, số lượng nhỏ hơn

Câu 16. Thị trường thuốc lá nội địa đang cân bằng tại mức giá P1 và số lượng Q1. Giả sử xuất hiện thuốc lá nhập lậu bán với giá rẻ, lúc này điểm cân bằng mới của thị trường thuốc lá nội địa là P2 và Q2:

- a.P2 > P1 và Q2 > Q1
- b.P2 < P1 và Q2 < Q1
- c.P2 < P1 và Q2 > Q1
- d.P2 > P1 và Q2 < Q1

Câu 17. Sự tác động qua lại giữa người sản xuất và người tiêu dùng trên thị trường nhằm xác định:

- a.Giá cả và chất lượng sản phẩm
- b.Số lượng và chất lượng sản phẩm
- c.Giá cả và số lượng sản phẩm
- d.Không có trường hợp nào
- e.Các câu trên đều sai

Câu 18. Trong điều kiện giá cả không đổi, đường cầu dịch chuyển là do tác động của các nhân tố:

- a.Thu nhập dân cư
- b.Thị hiếu, sở thích
- c.Giá cả sản phẩm thay thế
- d.Tác cá đều đúng

Câu 19. Tìm câu sai:

- a.Đường cung biểu diễn mối quan hệ giữa giá và lượng cung trên đồ thị
- b.Trong những điều kiện khác không đổi, giá hàng hóa và dịch vụ tăng sẽ làm lượng cầu giảm
- c.Trong những yếu tố khác không đổi, giá mặt hàng tivi tăng lên sẽ làm lượng cầu tivi giảm
- d.Với mức giá mặt hàng vải không đổi thì thu nhập người tiêu dùng tăng lên sẽ làm đường cầu mặt hàng này dịch chuyển sang trái

Câu 20. Tìm câu đúng:

- a.Tính chất co dãn theo giá của nhóm hàng thiết yếu là co dãn nhiều
- b.Hệ số co dãn cầu theo thu nhập của hàng xa xỉ phẩm nhỏ hơn 1
- c.Bếp gas và gas là 2 mặt hàng bổ sung nhau
- d.Giá cả yếu tố sản xuất tăng sẽ làm cho đường cung dịch chuyển sang phải

Câu 4. Tìm câu sai:

- a.Thu nhập giảm sẽ làm cho hầu hết các đường cầu của các hàng hóa dịch chuyển sang trái
- b.Những mặt hàng thiết yếu có độ co dãn của cầu theo giá nhỏ
- c.Đường cầu biểu diễn mối quan hệ giữa giá cả và lượng cầu
- d.Giá thuốc lá tăng mạnh làm đường cầu thuốc lá dịch chuyển sang trái

Câu 10. Hệ số co dãn của cầu theo giá của mặt hàng máy lạnh là -2, có nghĩa là:

- a.Giá tăng 10%; lượng cầu tăng 20%
- b.Giá giảm 20%; lượng cầu tăng 10%
- c.Giá giảm 10%; lượng cầu giảm 20%
- d.Giá tăng 10%; lượng cầu giảm 20%

Câu 1. Do nhiều người từ các tỉnh nhập cư vào thành phố HCM, kết quả là đường cầu mặt hàng gạo TPHCM:

- a.Dịch chuyển sang phải
- b.Dịch chuyển sang trái
- c.Dịch chuyển lên trên
- d.Không có trường hợp nào

Câu 2. Câu mặt hàng Y có dân nhiều theo giá. Khi chính phủ đánh thuế theo sản lượng:

- a.Phần lớn tiền thuế do người tiêu thụ chịu
- b.Số tiền thuế chia đều cho 2 bên
- c.**Phần lớn tiền thuế do người sản xuất chịu**
- d.Nhà sản xuất chịu hoàn toàn tiền thuế

Câu 3. Khi chính phủ kiểm soát giá cả của hàng hóa làm cho giá hàng hóa cao hơn mức giá cân bằng trên thị trường:

- a.Chỉ có một số người bán có thể tìm được người mua sản phẩm của mình
- b.Chỉ có người tiêu dùng được lợi
- c.Mọi người đều được lợi khi kiểm soát giá
- d.Cả 2 bên đều có lợi

Câu 5. Để tối đa hóa hữu dụng với thu nhập cho trước. Người tiêu dùng phân phối các sản phẩm theo nguyên tắc:

- a.Hữu dụng biên các sản phẩm phải bằng nhau: $MU_x = MU_y = \dots$
- b.Hữu dụng biên trên một đơn vị tiền tệ của các sản phẩm bằng nhau: $MU_x/P_x = MU_y/P_y = MU_z/P_z = \dots$
- c.Uy tiên mua các sản phẩm có mức giá tương đối rẻ
- d.Phần chi tiêu cho mỗi sản phẩm là bằng nhau

Câu 6. Đường tiêu dùng theo giá là:

- a.Tập hợp các phôi hợp tối ưu giữa 2 sản phẩm khi giá cả 1 sản phẩm thay đổi, các yếu tố khác không thay đổi
- b.Tập hợp những tiếp điểm giữa đường đẳng ích và đường ngân sách khi giá sản phẩm và thu nhập đều thay đổi
- c.Tập hợp các tiếp điểm giữa đường đẳng ích và đường ngân sách khi thu nhập thay đổi, các yếu tố khác không đổi
- d.Tập hợp các phôi hợp tối ưu giữa 2 sản phẩm khi giá cả các sản phẩm thay đổi, thu nhập không đổi

Câu 7. Đường tiêu dùng theo thu nhập là:

- a.Tập hợp các phôi hợp tối ưu giữa 2 sản phẩm khi giá cả 1 sản phẩm thay đổi, các yếu tố khác không thay đổi
- b.Tập hợp các phôi hợp tối ưu giữa 2 sản phẩm khi giá cả các sản phẩm thay đổi, thu nhập không đổi
- c.Tập hợp các phôi hợp tối ưu giữa 2 sản phẩm khi thu nhập thay đổi, các yếu tố còn lại không đổi
- d.Tập hợp các phôi hợp tối ưu giữa 2 sản phẩm khi thu nhập và giá cả các sản phẩm đều thay đổi

Câu 8. Điểm phối hợp tối ưu (đạt TUmax) giữa 2 sản phẩm X và Y là:

- a.Tiếp điểm của đường đẳng ích và đường ngân sách
- b.Tiếp điểm của đường đẳng ích và đường đẳng phí
- c.Tiếp điểm của đường đẳng lượng và đường đẳng phí
- d.Tiếp điểm của đường đẳng lượng và đường ngân sách

Câu 9. Đường cong Engel là đường biểu thị mối quan hệ giữa:

- a.Giá sản phẩm và khối lượng sản phẩm được mua
- b.Giá sản phẩm và thu nhập của người tiêu dùng
- c.Thu nhập và khối lượng sản phẩm được mua của người tiêu dùng
- d.Giá sản phẩm này với khối lượng tiêu thụ sản phẩm kia

Câu 11. Nếu $P_x = 5$ và $P_y = 20$ và $I = 1000$ thì đường ngân sách có dạng:

- a. $Y = 200 - 1/4X$
- b. $Y = 50 - 1/4X$
- c. $Y = 50 + 1/4X$
- d. $Y = 100 + 4X$

Câu 12. Một người tiêu thụ có thu nhập $I = 1200$ đ dùng để mua 2 sản phẩm X và Y với $P_x = 100$ đ/sp; $P_y = 300$ đ/sp. Mức thỏa mãn được thể hiện qua hàm số: $TU_x = -1/3X^2 + 10X$, $TU_y = -1/2Y^2 + 20Y$.

Hữu dụng biên 2 sản phẩm là:

- a. $MU_x = -1/3X + 10$, $MU_y = -1/2Y + 20$
- b. $MU_x = 2/3X + 10$, $MU_y = -Y + 20$
- c. $MU_x = -2/3X + 10$, $MU_y = -Y + 20$
- d.Các câu trên đều sai

Câu 13. Một người tiêu thụ có thu nhập $I = 1200$ đ dùng để mua 2 sản phẩm X và Y với $P_x = 100$ đ/sp; $P_y = 300$ đ/sp. Mức thỏa mãn được thể hiện qua hàm số: $TU_x = -1/3X^2 + 10X$, $TU_y = -1/2Y^2 + 20Y$. Phương án tiêu dùng tối ưu:

- a. $X=3$, $Y=3$
- b. $X=9$, $Y=1$
- c. $X=6$, $Y=2$
- d.Tất cả đều sai

Câu 14. Một người tiêu thụ có thu nhập $I = 1200$ đ dùng để mua 2 sản phẩm X và Y với $P_x = 100$ đ/sp; $P_y = 300$ đ/sp. Mức thỏa mãn được thể hiện qua hàm số: $TU_x = -1/3X^2 + 10X$, $TU_y = -1/2Y^2 + 20Y$. Tổng hữu dụng tối đa đạt được:

a.86

- b.76
- c.96
- d.82

Câu 15. Đường ngân sách là:

- a.Tập hợp các phối hợp có thể có giữa 2 sản phẩm mà người tiêu thụ có thể mua khi thu nhập không đổi
- b.Tập hợp các phối hợp có thể có giữa 2 sản phẩm mà người tiêu thụ có thể mua khi thu nhập thay đổi
- c.Tập hợp các phối hợp có thể có giữa 2 sản phẩm mà người tiêu thụ có thể mua khi giá sản phẩm thay đổi
- d.Tập hợp các phối hợp có thể có giữa 2 sản phẩm mà người tiêu thụ có thể mua với giá sản phẩm cho trước và thu nhập không thay đổi**

Câu 16. Giả thuyết nào sau đây không được đề cập đến khi phân tích sở thích trong lý thuyết về sự lựa chọn của người tiêu dùng:

- a.Sự ưa thích là hoành chính có nghĩa là nó thể hiện so sánh và xếp loại tất cả mọi thứ hàng hóa
- b.Sự ưa thích có tính bắt đầu
- c.Thích nhiều hơn ít
- d.Không có trường hợp nào**

Câu 17. Cho 3 giỏ hàng:

	Thực phẩm	Quần áo
A	15	18
B	14	19
C	13	17

Nếu phối hợp tiêu dùng A và B cùng nằm trên một đường đẳng ích và sở thích thỏa mãn các giả thiết về lựa chọn, thì:

- a.A được thích hơn C
- b.B được thích hơn C
- c.Cả 2 đều đúng**
- d.Không câu nào đúng

Câu 18. Thu nhập tăng, giá không thay đổi, khi đó:

- a.Độ dốc đường ngân sách thay đổi
- b.Đường ngân sách dịch chuyển song song sang phải**
- c.Đường ngân sách trở nên phẳng hơn
- d.Đường ngân sách dịch chuyển song song sang trái

Câu 19. Độ dốc đường đẳng ích phản ánh:

- a.Sự ưa thích có tính bắt đầu

- b.Sự ưa thích có tính hoàn chỉnh
- c.Tỷ lệ thay thế giữa 2 hàng hóa
- d.Các câu trên đều sai

Câu 20. Nếu mua $MU_A = 1/Q_A$; $MU_B = 1/Q_B$, giá của A là 50, giá của B là 400 và thu nhập người tiêu dùng là 12000. Để tối đa hóa thỏa mãn, người tiêu dùng sẽ mua mỗi loại hàng hóa là bao nhiêu:

- a. $A = 120, B = 15$
- b. $A = 48, B = 24$
- c. $A = 24, B = 27$
- d.Không có trường hợp nào

Câu 4. Giá cả hàng bột giặt là 8000đ/kg. Khi chính phủ đánh thuế 500đ/kg, giá cả trên thị trường là 8500đ/kg. Vậy tính chất co dãn cầu theo giá của hàng bột giặt là:

- a.Co dãn nhiều
- b.Co dãn ít
- c.Hoàn toàn không co dãn
- d.Co dãn hoàn toàn

Câu 10. Đường ngân sách có dạng $Y = 100 - 2X$. Nếu $P_y = 10$ và:

- a. $P_x = 5, I = 100$
- b. $P_x = 10, I = 2000$
- c. $P_x = 20, I = 2000$
- d. $P_x = 20, I = 1000$

Câu 1. Khái niệm nào sau đây không thể lý giải bằng đường giới hạn khả năng sản xuất (PPF):

- a.Cung cầu.
- b.Quy luật chi phí cơ hội tăng dần.
- c.Sự khan hiếm.
- d.Chi phí cơ hội

Câu 2. Chính phủ các nước hiện nay có các giải pháp kinh tế khác nhau trước tình hình suy thoái kinh tế hiện nay, vấn đề này thuộc về:

- a.Kinh tế vi mô, chuẩn tắc
- b.Kinh tế vĩ mô, thực chứng
- c.Kinh tế vĩ mô, chuẩn tắc
- d.Kinh tế vi mô, thực chứng

Câu 3. Quy luật nào sau đây quyết định dạng của đường giới hạn khả năng sản xuất ?

- a.Qui luật năng suất biên giảm dần

- b.Qui luật cung
- c.Qui luật cầu
- d.Qui luật cung - cầu

Câu 5. Doanh nghiệp trong ngành cạnh tranh độc quyền, cạnh tranh với nhau bằng việc:

- a.Bán ra các sản phẩm riêng biệt, nhưng có thể thay thế nhau
- b.Bán ra sản phẩm hoàn toàn không có sản phẩm khác thay thế được
- c.Bán ra các sản phẩm có thể thay thế nhau một cách hoàn toàn
- d.Các câu trên đều sai

Câu 6. Đường cầu của doanh nghiệp trong ngành cạnh tranh độc quyền:

- a.Là đường cầu dốc xuống từ trái sang phải
- b.Là đường cầu thẳng đứng song song trực giá
- c.Là đường cầu của toàn bộ thị trường
- d.Là đường cầu nằm ngang song song trực sản lượng

Câu 7. Trong “mô hình đường cầu gãy” (The kinked demand curve model), tại điểm gãy của đường cầu, khi doanh nghiệp có chi phí biên MC thay đổi thì:

- a.Giá P tăng, sản lượng Q giảm
- b.Giá P tăng, sản lượng Q không đổi
- c.Giá P không đổi, sản lượng Q giảm
- d.Giá P và sản lượng Q không đổi

Câu 8. Trong “mô hình đường cầu gãy” (The kinked demand curve model) khi một doanh nghiệp giảm giá thì các doanh nghiệp còn lại sẽ:

- a.Giảm giá
- b.Không thay đổi giá
- c.Không biết được
- d.Tăng giá

Câu 9. Hiện nay chiến lược cạnh tranh chủ yếu của các xí nghiệp độc quyền nhóm là:

- a.Cạnh tranh về quảng cáo và các dịch vụ hậu mãi
- b.Cạnh tranh về sản lượng
- c.Cạnh tranh về giá cả
- d.Các câu trên đều sai

Câu 11. Hàm số cầu & hàm số cung sản phẩm X lần lượt là : $P = 70 - 2Q$; $P = 10 + 4Q$.

4Q. Thặng dư của người tiêu thụ (CS) & thặng dư của nhà sản xuất (PS) là :

- a.CS = 150 & PS = 200
- b.CS = 100 & PS = 200
- c.CS = 200 & PS = 100

d.CS = 150 & PS = 150

Câu 12. Giả sử sản phẩm X có hàm số cung và cầu như sau: $Q_d = 180 - 3P$, $Q_s = 30 + 2P$, nếu chính phủ đánh thuế vào sản phẩm làm cho lượng cung bằng giảm xuống còn 78, thì số tiền thuế chính phủ đánh vào sản phẩm là:

- a.10
- b.3
- c.12
- d.5

Câu 13. Một sản phẩm có hàm số cầu thị trường và hàm số cung thị trường lần lượt $Q_d = -2P + 200$ và $Q_s = 2P - 40$. Nếu chính phủ tăng thuế là 10\$/sản phẩm, tổn thất vô ích (hay lượng tích động số mất hay thiệt hại mà xã hội phải chịu) do việc đánh thuế của chính phủ trên sản phẩm này là:

- a.P = 40\$
- b.P = 60\$
- c.P = 70\$
- d.P = 50\$**

Câu 14. Mặt hàng X có độ co giãn cầu theo giá là $Ed = -2$, khi giá của X tăng lên trong điều kiện các yếu tố khác không đổi, thì lượng cầu của mặt hàng Y sẽ:

- a.Tăng lên**
- b.Giảm xuống
- c.Không thay đổi
- d.Các câu trên đều sai

Câu 15. Khi giá của Y tăng làm cho lượng cầu của X giảm trong điều kiện các yếu tố khác không đổi. Vậy 2 sản phẩm X và Y có mối quan hệ:

- a.Thay thế cho nhau.
- b.Độc lập với nhau.
- c.Bỗ sung cho nhau.**
- d.Các câu trên đều sai

Câu 16. Giả sử hàm số cầu thị trường của một loại nông sản: $Q_d = -2P + 80$, và lượng cung nông sản trong mùa vụ là 50 sp. Nếu chính phủ trợ cấp cho người sản xuất là 2 đvt/sp thì tổng doanh thu của họ trong mùa vụ này là:

- a.850**
- b.950
- c.750
- d.Không có trường hợp nào

Câu 17. Chính phủ đánh thuế mặt hàng bia chai là 500đ/ chai đã làm cho giá tăng từ 2500đ / chai lên 2700 đ/ chai. Vậy mặt hàng trên có cầu co giãn:

- a.Nhiều.
- b.Ít
- c.Co dãn hoàn toàn
- d.Hoàn toàn không co dãn
- e.Các câu trên đều sai

Câu 18. Hàm số cầu cà phê vùng Tây nguyên hằng năm được xác định là: $Q_d = 480.000 - 0,1P$. [đvt : P(\$/tấn), Q(tấn)]. Sản lượng cà phê năm trước $Q_{s1} = 270\ 000$ tấn. Sản lượng cà phê năm nay $Q_{s2} = 280\ 000$ tấn. Giá cà phê năm trước (P1) & năm nay (P2) trên thị trường là :

- a. $P_1 = 2\ 100\ 000$ & $P_2 = 2\ 000\ 000$
- b. $P_1 = 2\ 100\ 000$ & $P_2 = 1\ 950\ 000$
- c. $P_1 = 2\ 000\ 000$ & $P_2 = 2\ 100\ 000$
- d.Các câu kia đều sai

Câu 19. Trong thị trường độc quyền hoàn toàn, chính phủ đánh thuế không theo sản lượng sẽ ảnh hưởng:

- a.Người tiêu dùng và người sản xuất cùng gánh
- b.P tăng
- c.Q giảm
- d.Tất cả các câu trên đều sai.

Câu 20. Thị trường độc quyền hoàn toàn với đường cầu $P = -Q/10 + 2000$, để đạt lợi nhuận tối đa doanh nghiệp cung ứng tại mức sản lượng:

- a. $Q < 10.000$
- b.Q với điều kiện $MP = MC = P$
- c. $Q = 20.000$
- d. $Q = 10.000$

Câu 4. Các hệ thống kinh tế giải quyết các vấn đề cơ bản :sản xuất cái gì? số lượng bao nhiêu? sản xuất như thế nào? sản xuất cho ai? xuất phát từ đặc điểm:

- a.Nguồn cung của nền kinh tế.
- b.Đặc điểm tự nhiên
- c.Tài nguyên có giới hạn.
- d.Nhu cầu của xã hội

Câu 10. Đặc điểm cơ bản của ngành cạnh tranh độc quyền là:

- a.Mỗi doanh nghiệp chỉ có khả năng hạn chế ảnh hưởng tới giá cả sản phẩm của mình
- b.Có nhiều doanh nghiệp sản xuất ra những sản phẩm có thể dễ thay thế cho nhau
- c.Cả hai câu đều sai
- d.Cả hai câu đều đúng

Câu 1. Giải pháp can thiệp nào của Chính phủ đối với doanh nghiệp trong thị trường độc quyền hoàn toàn buộc doanh nghiệp phải gia tăng sản lượng cao nhất :

- a.Đánh thuế không theo sản lượng.
- b.Quy định giá trần bằng với giao điểm giữa đường cầu và đường MC.**
- c.Đánh thuế theo sản lượng.
- d.Quy định giá trần bằng với MR.

Câu 2. Một doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn có hàm chi phí biên $MC = Q$, bán hàng trên hai thị trường có hàm số cầu như sau: $P_1 = -Q/10 + 120$, $P_2 = -Q/10 + 180$, Nếu doanh nghiệp phân biệt giá trên hai thị trường thì giá thích hợp trên hai thị trường là:

- a.109,09 và 163,63
- b.136,37 và 165
- c.110 và 165**
- d.Các câu trên đều sai

Câu 3. Một doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn có hàm số cầu thị trường có dạng: $P = -Q + 2400$. Ở mức sản lượng tối đa hóa lợi nhuận có hệ số co giãn của cầu theo giá là -3, chi phí biên là 10. Vậy giá bán ở mức sản lượng tối đa hóa lợi nhuận:

- a.10
- b.15**
- c.20
- d.Các câu trên đều sai

Câu 5. Trong ngắn hạn của thị trường độc quyền hoàn toàn, câu nào sau đây chưa thể khẳng định:

- a.Doanh thu cực đại khi $MR = 0$
- b.Để có lợi nhuận tối đa luôn cung ứng tại mức sản lượng có cầu co giãn nhiều
- c.Doanh nghiệp kinh doanh luôn có lợi nhuận.**
- d.Đường MC luôn luôn cắt AC tại AC min

Câu 6. Doanh nghiệp độc quyền bán phân chia khách hàng thành 2 nhóm, cho biết phương trình đường cầu của 2 nhóm này lần lượt là: $Q_1 = 100 - (2/3)P_1$; $Q_2 = 160 - (4/3)P_2$; tổng chi phí sản xuất của doanh nghiệp độc quyền $TC = 30Q + 100$. Để đạt mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận, và không thực hiện chính sách phân biệt giá, thì mức giá và sản lượng (P và Q) chung trên 2 thị trường lúc này là:

- a. $P = 75$; $Q = 60$
- b. $P = 80$; $Q = 100$**
- c. $P = 90$; $Q = 40$
- d.Các câu trên đều sai

Câu 7. Tỷ lệ thay thế biên giữa 2 sản phẩm X và Y (MRS_{XY}) thể hiện:

- a.Tỷ lệ đánh đổi giữa 2 sản phẩm trong tiêu dùng khi tổng hữu dụng không đổi
- b.Tỷ lệ đánh đổi giữa 2 sản phẩm trên thị trường
- c.Tỷ giá giữa 2 sản phẩm
- d.Độ dốc của đường ngân sách

Câu 8. Đường đẳng ích biểu thị tất cả những phối hợp tiêu dùng giữa hai loại sản phẩm mà người tiêu dùng:

- a.Đạt được mức hữu dụng như nhau
- b.Đạt được mức hữu dụng giảm dần
- c.Đạt được mức hữu dụng tăng dần
- d.Sử dụng hết số tiền mà mình có

Câu 9. Giả sử người tiêu dùng dành hết thu nhập I để mua 2 loại hàng hoá X, Y với đơn giá là P_x, P_y và số lượng là x, y và đạt được lợi ích tối đa có:

- a. $MU_x/P_x = MU_y/P_y$
- b. $MRS_{xy} = P_x/P_y$
- c. $MU_x / MU_y = P_x/P_y$
- d.Các câu trên đều đúng

Câu 11. Nếu Lộc mua 10 sản phẩm X và 20 sản phẩm Y, với giá $P_x = 100\$/SP; P_y = 200\$/SP$. Hữu dụng biên của chúng là $MU_x = 20\text{dvhd}$; $MU_y = 50\text{dvhd}$. Để đạt tổng hữu dụng tối đa Lộc nên:

- a.Tăng lượng Y, giảm lượng X
- b.Giữ nguyên lượng X, giảm lượng Y
- c.Giữ nguyên số lượng hai sản phẩm
- d.Tăng lượng X, giảm lượng Y

Câu 12. X và Y là hai mặt hàng thay thế hoàn toàn và tỷ lệ thay thế biên $MRS_{XY} = -\Delta Y/\Delta X = -2$. Nếu $P_x = 3P_y$ thì rõ hàng người tiêu dùng mua:

- a.Chỉ có hàng X
- b.Có cả X và Y
- c.Chỉ có hàng Y
- d.Các câu trên đều sai

Câu 13. Tỷ lệ thay thế biên của 2 sản phẩm X và Y giảm dần, điều đó chứng tỏ rằng đường cong bằng quan (đẳng ích) của 2 sản phẩm có dạng:

- a.Là đường thẳng dốc xuống dưới từ trái sang phải.
- b.Mặt lõm hướng về gốc tọa độ
- c.Mặt lồi hướng về gốc tọa độ.
- d.Không có câu nào đúng

Câu 14. Một người tiêu thụ dành một số tiền là 2 triệu đồng / tháng để chi tiêu cho 2 sản phẩm X và Y với giá của X là 20000 đồng và của Y là 50000, đường ngân sách của người này là:

- a. $X = 5Y / 2 + 100$
- b. $Y = 2X / 5 + 40$
- c.Cả a và b đều sai.
- d.Cả a và b đều đúng.

Câu 15. Một doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn có hàm tổng chi phí dài hạn: $LTC = Q^2 + 64$, mức giá cân bằng dài hạn:

- a.8
- b.16
- c.32
- d.64

Câu 16. Cho biết số liệu về chi phí sản xuất của một doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn như sau. Điểm hòa vốn và điểm đóng cửa sản xuất của doanh nghiệp là những điểm tương ứng với các mức sản lượng:

**Q: 0 10 12 14 16 18 20
TC: 80 115 130 146 168 200 250**

- a.Q = 10 và Q = 14
- b.Q = 10 và Q = 12
- c.Q = 12 và Q = 14
- d.Không có câu nào đúng

Câu 17. Một doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn có hàm tổng chi phí: $TC = Q^2 + 300Q + 100.000$, nếu giá thị trường là 1100 thì thặng dư sản xuất của doanh nghiệp:

- a.160.000
- b.320.000
- c.400.000
- d.Các câu trên đều sai

Câu 18. Đối với doanh nghiệp, khi tăng sản lượng tổng lợi nhuận bị giảm, cho biết:

- a.Doanh thu biên lớn hơn chi phí biên.
- b.Doanh thu biên nhỏ hơn chi phí biên.
- c.Doanh thu biên bằng chi phí biên.
- d.Các câu trên đều sai.

Câu 19. Thị trường cạnh tranh hoàn toàn có 200 doanh nghiệp, mỗi doanh nghiệp có hàm chi phí sản xuất ngắn hạn: $TC = 10q^2 + 10q + 450$. Vậy hàm cung ngắn hạn của thị trường:

- a. $P = 2000 + 4.000 Q$
- b. $Q = 100 P - 10$
- c. $P = (Q/10) + 10$
- d.Không có câu nào đúng

Câu 20. Đường cung ngắn hạn của doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn là:

- a.Phần đường SMC từ AC min trở lên.
- b.Là nhánh bên phải của đường SMC
- c.**Phần đường SMC từ AVC min trở lên.**
- d.Các câu trên đều sai.

Câu 4. Một doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn có hàm chi phí: $TC = Q^2 - 5Q + 100$, hàm số cầu thị trường có dạng: $P = -2Q + 55$. Ở mức sản lượng 13,75 sp thì doanh nghiệp :

- a.Tối đa hóa sản lượng mà không bị lỗ.
- b.**Tối đa hóa doanh thu.**
- c.Tối đa hóa lợi nhuận
- d.Các câu trên đều sai

Câu 10. Trong giới hạn ngân sách và sở thích, để tối đa hóa hữu dụng người tiêu thụ mua số lượng sản phẩm theo nguyên tắc:

- a.Hữu dụng biên của các sản phẩm phải bằng nhau.
- b.Số tiền chi tiêu cho các sản phẩm phải bằng nhau.
- c.**Hữu dụng biên trên mỗi đơn vị tiền của các sản phẩm phải bằng nhau.**
- d.Uu tiên mua các sản phẩm có mức giá rẻ hơn.

Câu 1. Đường cung của ngành cạnh tranh hoàn toàn trong dài hạn co giãn nhiều hơn trong ngắn hạn là do:

- a.**Sự gia nhập và rời khỏi ngành của các xí nghiệp.**
- b.Các xí nghiệp trong ngành tăng giảm sản lượng bằng cách thay đổi số lượng các yếu tố sản xuất sử dụng
- c.Cả a và b đều đúng
- d.Cả a và b đều sai

Câu 2. Trong dài hạn của thị trường cạnh tranh hoàn toàn, khi các xí nghiệp gia nhập hoặc rời bỏ ngành sẽ dẫn đến tác động:

- a.Giá cả sản phẩm trên thị trường thay đổi
- b.Chi phí sản xuất của xí nghiệp sẽ thay đổi
- c.Cả a và b đều sai
- d.**Cả a và b đều đúng**

Câu 3. Năng suất trung bình của 2 người lao động là 20, năng suất biên của người lao động thứ 3 là 17, vậy năng suất trung bình của 3 người lao động là:

- a.12,33
- b.18,5
- c.14
- d.19

Câu 5. Sản lượng tối ưu của 1 quy mô sản xuất có hiệu quả là sản lượng có:

- a.AFC min
- b.AVC min
- c.MC min
- d.Tất cả đều sai

Câu 6. Cho hàm sản xuất $Q = aX - bX^2$ với X là yếu tố sản xuất biến đổi.

- a.Đường APx dốc hơn đường MPx
- b.Đường MPx dốc hơn đường APx
- c.Đường MPx có dạng parabol
- d.Đường APx có dạng parabol

Câu 7. Độ dốc của đường đẳng lượng là:

- a.Tỷ số năng suất biên của 2 yếu tố sản xuất
- b.Tỷ lệ thay thế kỹ thuật biên của 2 yếu tố sản xuất
- c.Cả a và b đều sai
- d.Cả a và b đều đúng

Câu 8. Qui luật năng suất biên giảm dần là cách giải thích tốt nhất cho hình dạng của đường:

- a.Chi phí trung bình dài hạn
- b.Chi phí biên ngắn hạn và dài hạn
- c.Chi phí trung bình ngắn hạn
- d.Tất cả các câu trên đều sai

Câu 9. Hàm sản xuất của một doanh nghiệp có dạng $Q = (L + 5K)^{1/2}$. Trong dài hạn, nếu chủ doanh nghiệp sử dụng các yếu tố đầu vào gấp đôi thì sản lượng Q sẽ:

- a.Chưa đủ thông tin để kết luận
- b.Tăng lên đúng 2 lần
- c.Tăng lên nhiều hơn 2 lần
- d.Tăng lên ít hơn 2 lần

Câu 11. Một doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn có hàm chi phí: $TC = Q^2 - 5Q + 100$, hàm số cầu thị trường có dạng: $P = -2Q + 55$. Ở mức sản lượng 13,75 sp thì doanh nghiệp :

- a.Tối đa hóa doanh thu.
- b.Tối đa hóa sản lượng mà không bị lỗ.
- c.Tối đa hóa lợi nhuận.
- d.Các câu trên đều sai.

Câu 12. Doanh nghiệp độc quyền bán phân chia khách hàng thành 2 nhóm, cho biết phương trình đường cầu của 2 nhóm này lần lượt là: $Q_1 = 100 - (2/3)P_1$; $Q_2 = 160 - (4/3)P_2$; tổng chi phí sản xuất của doanh nghiệp độc quyền $TC = 30Q + 100$. Để đạt mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận, và không thực hiện chính sách phân biệt giá, thì mức giá và sản lượng (P và Q) chung trên 2 thị trường lúc này là:

- a. $P = 75$; $Q = 60$
- b. $P = 90$; $Q = 40$
- c. **$P = 80$; $Q = 100$**
- d.Các câu trên đều sai

Câu 13. Trong thị trường độc quyền hoàn toàn, mức sản lượng tối đa hóa lợi nhuận nằm ở phần đường cầu:

- a.Không co giãn
- b.Co giãn ít
- c.**Co giãn nhiều**
- d.Co giãn đơn vị

Câu 14. Trong ngắn hạn của thị trường độc quyền hoàn toàn, câu nào sau đây chưa thể khẳng định:

- a.Đường MC luôn luôn cắt AC tại AC min
- b.Để có lợi nhuận tối đa luôn cung ứng tại mức sản lượng có cầu co giãn nhiều
- c.**Doanh nghiệp kinh doanh luôn có lợi nhuận.**
- d.Doanh thu cực đại khi $MR = 0$

Câu 15. Giải pháp can thiệp nào của Chính phủ đối với doanh nghiệp trong thị trường độc quyền hoàn toàn buộc doanh nghiệp phải gia tăng sản lượng cao nhất:

- a.Đánh thuế theo sản lượng.
- b.**Quy định giá trần bằng với giao điểm giữa đường cầu và đường MC.**
- c.Đánh thuế không theo sản lượng.
- d.Quy định giá trần bằng với MR.

Câu 16. Phát biểu nào sau đây không đúng:

- a.Mức sản lượng tối đa hóa lợi nhuận của doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn tại đó $P = MC$
- b.Chính phủ đánh thuế lợi tức đối với doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn sẽ làm cho giá và sản lượng không đổi
- c.Đường tổng doanh thu của độc quyền hoàn toàn là một hàm bậc 2
- d.Hệ số góc của đường doanh thu biên gấp đôi hệ số góc của đường cầu

Câu 17. Một doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn có hàm chi phí: $TC = Q^2/10 + 400Q + 3.000.000$, hàm số cầu thị trường có dạng: $P = -Q/20 + 2200$. Nếu chính phủ đánh thuế là 150đ/sp thì lợi nhuận tối đa của doanh nghiệp này đạt được là:

- a.1.537.500
- b.2.400.000
- c.2.362.500
- d.Các câu trên đều sai

Câu 18. Một doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn có hàm số cầu thị trường có dạng: $P = -Q + 2400$. Ở mức sản lượng tối đa hóa lợi nhuận có hệ số co giãn của cầu theo giá là -3, chi phí biên là 10. Vậy giá bán ở mức sản lượng tối đa hóa lợi nhuận

- a.20
- b.15
- c.10
- d.Các câu trên đều sai.

Câu 19. Tỷ lệ thay thế biên giữa 2 sản phẩm X và Y (MRS_{X,Y}) thể hiện:

- a.Tỷ lệ đánh đổi giữa 2 sản phẩm trên thị trường
- b.Độ dốc của đường ngân sách
- c.Tỷ lệ đánh đổi giữa 2 sản phẩm trong tiêu dùng khi tổng hưu dụng không đổi
- d.Tỷ giá giữa 2 sản phẩm

Câu 20. Trên hệ trục 2 chiều thông thường, số lượng mặt hàng X biểu diễn ở trục hoành, số lượng mặt hàng Y biểu diễn ở trục tung. Khi thu nhập thay đổi, các yếu tố khác không đổi, đường thu nhập-tiêu dùng là một đường dốc lên, ta có thể kết luận gì về hai hàng hoá này đối với người tiêu dùng:

- a.X là hàng hoá thông thường, Y là hàng hoá cấp thấp.
- b.X và Y đều là hàng hoá cấp thấp.
- c.X và Y đều là hàng hoá thông thường.
- d.X là hàng hoá cấp thấp, Y là hàng hoá thông thường.

Câu 4. Hàm tổng chi phí sản xuất của một doanh nghiệp như sau: $TC = Q^2 + 40Q + 10.000$, chi phí trung bình ở mức sản lượng 1000 sp là:

- a.20470
- b.1050
- c.1040
- d.Các câu trên đều sai

Câu 10. Nếu đường đẳng lượng là đường thẳng thì:

- a.Năng suất biên của các yếu tố sản xuất bằng nhau.
- b.Tỷ số giá cả của các yếu tố sản xuất không đổi.
- c.Tỷ lệ thay thế kỹ thuật biên của 2 yếu tố sản xuất không đổi.

d.Chỉ có một cách kết hợp các yếu tố đầu vào.

Câu 1. Đối với sản phẩm cấp thấp, tác động thay thế và tác động thu nhập:

- a.Ngược chiều nhau
- b.Có thể cùng chiều hay ngược chiều
- c.Cùng chiều với nhau
- d.Các câu trên đều sai.

Câu 2. Tỷ lệ thay thế biên giữa hai mặt hàng X và Y được thể hiện là:

- a.Độ dốc của đường tổng hữu dụng
- b.Độ dốc của đường ngân sách
- c.Tỷ lệ giá cả của hai loại hàng hóa X và Y
- d.Độ dốc của đường đẳng ích

Câu 3. Giả sử người tiêu dùng dành hết thu nhập I để mua 2 loại hàng hoá X, Y với đơn giá là Px, Py và số lượng là x, y và đạt được lợi ích tối đa có:

- a. $MU_X / MU_Y = P_X / P_Y$
- b. $MRS_{XY} = P_X / P_Y$
- c. $MU_X / P_X = MU_Y / P_Y$
- d.Các câu trên đều đúng

Câu 5. Hàm số cầu cá nhân có dạng: $P = -q/2 + 40$, trên thị trường của sản phẩm X có 50 người tiêu thụ có hàm số cầu giống nhau hoàn toàn. Vậy hàm số cầu thị trường có dạng:

- a. $P = -Q/100 + 2$
- b. $P = -25Q + 40$
- c. $P = -25Q + 800$
- d. $P = -Q/100 + 40$

Câu 6. Tỷ lệ thay thế biên của 2 sản phẩm X và Y giảm dần, điều đó chứng tỏ rằng đường cong bàng quan (đẳng ích) của 2 sản phẩm có dạng:

- a.Mặt lõm hướng về gốc tọa độ
- b.Mặt lồi hướng về gốc tọa độ.
- c.Là đường thẳng dốc xuống dưới từ trái sang phải.
- d.Không có câu nào đúng

Câu 7. Một doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn có hàm tổng chi phí: $TC = Q^2 + 300Q + 100.000$, Nếu giá thị trường là 1100 thì thặng dư sản xuất của doanh nghiệp:

- a.160.000
- b.320.000
- c.400.000
- d.Các câu trên đều sai.

Câu 8. Trong ngắn hạn của thị trường cạnh tranh hoàn toàn, khi giá các yếu tố sản xuất biến đổi tăng lên, sản lượng của xí nghiệp sẽ:

- a.Không thay đổi
- b.Tăng
- c.Giảm
- d.Các câu trên đều sai.

Câu 9. Khi giá bán nhỏ hơn chi phí trung bình, doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn nên:

- a.Sản xuất ở mức sản lượng tại đó: $P = MC$
- b.Sản xuất ở mức sản lượng tại đó: $MR = MC$
- c.Ngừng sản xuất.
- d.Các câu trên đều có thể xảy ra

Câu 11. Một doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn có hàm tổng chi phí dài hạn: $LTC = Q^2 + 64$, mức giá cân bằng dài hạn:

- a.16
- b.8
- c.32
- d.64

Câu 12. Một doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn có hàm tổng chi phí $TC = 10Q^2 + 10Q + 450$, nếu giá trên thị trường là 210đ/sp. tổng lợi nhuận tối đa là:

- a.1550
- b.1000
- c.550
- d.Các câu trên đều sai

Câu 13. Điều nào sau đây không phải là điều kiện cho tình trạng cân bằng dài hạn của doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn:

- a.Lượng cung và lượng cầu thị trường bằng nhau.
- b.Lợi nhuận kinh tế bằng 0.
- c.Thặng dư sản xuất bằng 0.
- d.Các doanh nghiệp ở trạng thái tối đa hóa lợi nhuận.

Câu 14. Trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn nếu các doanh nghiệp mới gia nhập làm cho lượng cầu yếu tố sản xuất tăng nhưng giá các yếu tố sản xuất không đổi thì đường cung dài hạn của ngành sẽ:

- a.Dốc lên trên
- b.Thẳng đứng
- c.Nằm ngang

d.Dốc xuống dưới

Câu 15. Đặc điểm cơ bản của ngành cạnh tranh độc quyền là:

- a.Mỗi doanh nghiệp chỉ có khả năng hạn chế ảnh hưởng tới giá cả sản phẩm của mình
- b.Có nhiều doanh nghiệp sản xuất ra những sản phẩm có thể dễ thay thế cho nhau
- c.Cả hai câu đều sai
- d.Cả hai câu đều đúng**

Câu 16. Đường cầu của doanh nghiệp trong ngành cạnh tranh độc quyền:

- a.Là đường cầu của toàn bộ thị trường
- b.Là đường cầu dốc xuống từ trái sang phải**
- c.Là đường cầu thẳng đứng song song trực giá
- d.Là đường cầu nằm ngang song song trực sản lượng

Câu 17. Trong thị trường cạnh tranh độc quyền, tại điểm cân bằng dài hạn có:

- a.Đường cầu mỗi doanh nghiệp là tiếp tuyến đường AC của nó ở mức sản lượng mà tại đó có $MR=MC$
- b.Mỗi doanh nghiệp đều tối đa hóa lợi nhuận nhưng chỉ hòa vốn.
- c.Sẽ không có thêm sự nhập ngành hoặc xuất ngành nào nữa
- d.Cả ba câu đều đúng**

Câu 18. Trong “mô hình đường cầu gãy” (The kinked demand curve model) khi một doanh nghiệp giảm giá thì các doanh nghiệp còn lại sẽ:

- a.Không biết được
- b.Giảm giá**
- c.Tăng giá
- d.Không thay đổi giá

Câu 19. Trong mô hình doanh nghiệp độc quyền nhóm có ưu thế về quy mô sản xuất, doanh nghiệp có ưu thế có thể quyết định sản lượng theo cách:

- a.Cạnh tranh hoàn toàn
- b.Độc quyền hoàn toàn
- c.Cả a và b đều đúng**
- d.Cả a và b đều sai

Câu 20. Trong dài hạn, doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh độc quyền sẽ sản xuất tại sản lượng có:

- a. $LMC = SMC = MR = LAC = SAC$
- b.Chi phí trung bình AC là thấp nhất (cực tiểu)
- c.Chi phí trung bình AC chưa là thấp nhất (cực tiểu)**
- d. $MR = LMC = LAC$

Câu 4. Một người dành một khoản thu nhập I = 600 ngàn đồng, chi tiêu hết cho 2 loại sản phẩm X và Y với $P_X = 10$ ngàn đồng/sp; $P_Y = 30$ ngàn đồng/sp, hàm tổng lợi ích (hữu dụng) của người này phụ thuộc vào số lượng X và Y tiêu dùng $TU(x,y) = 2xy$. Tại phương án tiêu dùng tối ưu, số lượng x và y người này mua là:

- a. $x = 20$ và $y = 60$
- b. $x = 30$ và $y = 10$
- c. $x = 10$ và $y = 30$
- d. $x = 60$ và $y = 20$

Câu 10. Cho biết số liệu về chi phí sản xuất của một doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn như sau. Điểm hòa vốn và điểm đóng cửa sản xuất của doanh nghiệp là những điểm tương ứng với các mức sản lượng:

Q: 0 10 12 14 16 18 20
TC: 80 115 130 146 168 200 250

- a. $Q = 10$ và $Q = 12$
- b. $Q = 12$ và $Q = 14$
- c. $Q = 10$ và $Q = 14$
- d.Không có câu nào đúng

Câu 1. Khái niệm nào sau đây không thể lý giải bằng đường giới hạn khả năng sản xuất (PPF):

- a.Quy luật chi phí cơ hội tăng dần.
- b.Sự khan hiếm.
- c.Cung cầu.
- d.Chi phí cơ hội.

Câu 2. Chính phủ các nước hiện nay có các giải pháp kinh tế khác nhau trước tình hình suy thoái kinh tế hiện nay, vấn đề này thuộc về:

- a.Kinh tế vi mô, chuẩn tắc
- b.Kinh tế vĩ mô, thực chứng
- c.Kinh tế vĩ mô, chuẩn tắc
- d.Kinh tế vi mô, thực chứng

Câu 3. Chọn lựa tại một điểm không nằm trên đường giới hạn khả năng sản xuất là:

- a.Không thể thực hiện được hoặc thực hiện được nhưng nền kinh tế hoạt động không hiệu quả
- b.Không thể thực hiện được
- c.Thực hiện được nhưng nền kinh tế hoạt động không hiệu quả
- d.Thực hiện được và nền kinh tế hoạt động hiệu quả

Câu 5. Độ dốc của đường đẳng phí phản ánh:

- a.Chi phí cơ hội của việc mua thêm một đơn vị đầu vào với mức tổng chi phí và giá cả của các đầu vào đã cho
- b.Tập hợp tất cả các kết hợp giữa vốn và lao động mà doanh nghiệp có thể mua với mức tổng chi phí và giá cả của các đầu vào đã cho
- c.Năng suất biên giảm dần
- d.Tỷ lệ thay thế kỹ thuật biên của hai đầu vào

Câu 6. Sản lượng tối ưu của 1 quy mô sản xuất có hiệu quả là sản lượng có:

- a.AVC min
- b.MC min
- c.AFC min
- d.Các câu trên đều sai

Câu 7. Một xí nghiệp sản xuất một loại sản phẩm X có hàm sản xuất có dạng: $Q = 2K(L - 2)$, trong đó K và L là hai yếu tố sản xuất có giá tương ứng $P_K = 600$ đvt, $P_L = 300$ đvt, tổng chi phí sản xuất là 15.000 đvt. Vậy sản lượng tối đa đạt được:

- a.576
- b.560
- c.480
- d.Các câu trên đều sai

Câu 8. Nếu đường đẳng lượng là đường thẳng thì:

- a.Chỉ có một cách kết hợp các yếu tố đầu vào.
- b.Tỷ số giá cả của các yếu sản xuất không đổi.
- c.Năng suất biên của các yếu tố sản xuất bằng nhau.
- d.Tỷ lệ thay thế kỹ thuật biên của 2 yếu tố sản xuất không đổi

Câu 9. Độ dốc của đường đẳng lượng là:

- a.Tỷ lệ thay thế kỹ thuật biên của 2 yếu tố sản xuất
- b.Tỷ số năng suất biên của 2 yếu tố sản xuất
- c.Cả a và b đều đúng
- d.Các câu trên đều sai

Câu 11. Một xí nghiệp sử dụng hai yếu tố sản xuất vốn (K) , lao động (L) , để sản xuất một loại sản phẩm X, phối hợp tối ưu của hai yếu tố sản xuất phải thỏa mãn:

- a. $MP_K / P_L = MP_L / P_K$
- b. $K = L$
- c. $MP_K / P_K = MP_L / P_L$
- d. $MP_K = MP_L$

Câu 12. Độ dốc của đường đẳng phí là:

- a.Tỷ số năng suất biên của 2 yếu tố sản xuất.
- b.Tỷ số giá cả của 2 yếu tố sản xuất.**
- c.Tỷ lệ thay thế kỹ thuật biên của 2 yếu tố sản xuất.
- d.Các câu trên đều sai

Câu 13. Một người tiêu thụ có thu nhập là 1000đvt, lượng cầu sản phẩm X là 10 sp, khi thu nhập tăng lên là 1200đvt, lượng cầu của sản phẩm X tăng lên là 13 sp, vậy sản phẩm X thuộc hàng:

- a.Hàng thông thường.
- b.Hàng cấp thấp.
- c.Hàng xa xỉ**
- d.Hàng thiết yếu

Câu 14. Suy thoái kinh tế toàn cầu đã làm giảm mức cầu dầu mỏ nên giá dầu mỏ giảm mạnh. Có thể minh họa sự kiện này trên đồ thị (trục tung ghi giá, trục hoành ghi lượng cầu) bằng cách:

- a.Vẽ đường cầu dịch chuyển sang phải
- b.Vẽ một đường cầu có độ dốc âm
- c.Vẽ một đường cầu thẳng đứng
- d.Vẽ đường cầu dịch chuyển sang trái**

Câu 15. Câu phát biểu nào sau đây đúng trong các câu sau đây:

- a.Hệ số co giãn cầu theo thu nhập của hàng thông thường là âm.
- b.Hệ số co giãn tại 1 điểm trên đường cầu luôn luôn lớn hơn 1.
- c.Hệ số co giãn chéo của 2 sản phẩm thay thế là âm.
- d.Hệ số co giãn cầu theo thu nhập đối với hàng xa xỉ lớn hơn 1.**

Câu 16. Hàm số cung sản phẩm Y dạng tuyến tính nào dưới đây theo bạn là thích hợp nhất:

- a. $Py = -10 + 2Qy$
- b. $Py = 2Qy$
- c. $Py = 10 + 2Qy$**
- d.Các hàm số kia đều không thích hợp.

Câu 17. Hàm số cầu thị trường của một sản phẩm có dạng $P = -Q/2 + 40$. Ở mức giá $P = 30$, hệ số co giãn cầu theo giá sẽ là:

- a. $Ed = -3$**
- b. $Ed = -3/4$
- c. $Ed = -4/3$
- d.Không có câu nào đúng

Câu 18. Khi giá của Y là 400đ/sp thì lượng cầu của X là 5000 sp, khi giá của Y tăng lên là 600 đ/sp thì lượng cầu của X tăng lên là 6000 sp, với các yếu tố khác không đổi, có thể kết luận X và Y là 2 sản phẩm:

- a.Bỗ sung nhau có $E_{xy} = 0,25$
- b.Thay thế nhau có $E_{xy} = 0,45$**
- c.Thay thế nhau có $E_{xy} = 2,5$
- d.Bỗ sung nhau có $E_{xy} = 0,45$

Câu 19. Giá của đường tăng và lượng đường mua bán giảm. Nguyên nhân gây ra hiện tượng này là do:

- a.Các câu trên đều sai
- b.Y học khuyến cáo ăn nhiều đường có hại sức khỏe
- c.Thu nhập của dân chúng tăng lên
- d.Mía năm nay bị mất mùa.**

Câu 20. Hàm số cầu thị trường của một sản phẩm có dạng: $P = -Q/4 + 280$, từ mức giá $P = 200$ nếu giá thị trường giảm xuống thì tổng chi tiêu của người tiêu thụ sẽ:

- a.Không thay đổi
- b.Giảm xuống
- c.Tăng lên**
- d.Các câu trên đều sai.

Câu 4. Điểm khác biệt căn bản giữa mô hình kinh tế hỗn hợp và mô hình kinh tế thị trường là:

- a.Nhà nước quản lý ngân sách.
- b.Nhà nước quản lý các quỹ phúc lợi
- c.Nhà nước tham gia quản lý kinh tế.**
- d.Các câu trên đều sai.

Câu 10. Phát biểu nào sau đây đúng với khái niệm ngắn hạn trong kinh tế học:

- a.Doanh nghiệp có thể thay đổi quy mô sản xuất.
- b.Thời gian ngắn hơn 1 năm.
- c.Doanh nghiệp có thể thay đổi sản lượng.**
- d.Tất cả các yếu tố sản xuất đều thay đổi.

Câu 1. Một doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn có hàm chi phí: $TC = Q^2 - 5Q + 100$, hàm số cầu thị trường có dạng: $P = -2Q + 55$. Ở mức sản lượng 13,75 sp thì doanh nghiệp:

- a.Tối đa hóa lợi nhuận
- b.Tối đa hóa sản lượng mà không bị lỗ.
- c.Tối đa hóa doanh thu.**

d.Các câu trên đều sai.

Câu 2. Một doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn có hàm chi phí: $TC = Q^2 + 60Q + 15.000$, hàm số cầu thị trường có dạng: $P = -2Q + 180$. Mức giá bán để đạt được lợi nhuận tối đa:

- a.100
- b.120
- c.**140**
- d.Các câu trên đều sai.

Câu 3. Trong thị trường độc quyền hoàn toàn, chính phủ quy định giá trần sẽ có lợi cho:

- a.Người tiêu dùng
- b.Người tiêu dùng và chính phủ
- c.Người tiêu dùng và doanh nghiệp
- d.Chính phủ

Câu 5. Một doanh nghiệp độc quyền bán hàng trên nhiều thị trường tách biệt nhau, để đạt lợi nhuận tối đa doanh nghiệp nên phân phối sản lượng bán trên các thị trường theo nguyên tắc:

- a.**MR1 = MR2 == MR**
- b.**MC1 = MC2 == MC**
- c.AC 1 = AC 2=.....= AC
- d.Các câu trên đều sai

Câu 6. Trong thị trường độc quyền hoàn toàn : $MR = -Q/10 + 1000$; $MC = Q/10 + 400$. Nếu chính phủ quy định mức giá, buộc doanh nghiệp phải gia tăng sản lượng cao nhất, vậy mức giá đó là:

- a.**P = 800**
- b.P = 600
- c.P = 400
- d.Tất cả các câu trên đều sai

Câu 7. Trong ngắn hạn, ở mức sản lượng có chi phí trung bình tối thiểu:

- a.AVC > MC
- b.AC > MC
- c.AVC = MC
- d.**AC = MC**

Câu 8. Hàm tổng chi phí sản xuất của một doanh nghiệp như sau: $TC = Q^2 + 20Q + 40.000$, mức sản lượng tối ưu của doanh nghiệp tại đó có chi phí trung bình:

- a.220
- b.120

c.420

d.Các câu trên đều sai.

Câu 9. Trong các hàm sản xuất sau đây hàm số nào thể hiện tình trạng nồng suất theo qui mô tăng dần:

a. $Q = K_1^{0,3}K_2^{0,3}L^{0,3}$

b. $Q = aK^2 + bL^2$

c. $Q = K^{0,4}L^{0,6}$

d. $Q = 4K^{1/2} \cdot L^{1/2}$

Câu 11. Cho hàm sản xuất $Q = aX - bX^2$ với X là yếu tố sản xuất biến đổi.

a.Đường MPx có dạng parabol

b.**Đường MPx dốc hơn đường APx**

c.Đường APx có dạng parabol

d.Đường APx dốc hơn đường MPx

Câu 12. Cho hàm sản xuất $Q = (KL)^{1/2}$. Đây là hàm sản xuất có:

a.Nồng suất tăng dần theo qui mô

b.**Nồng suất không đổi theo qui mô**

c.Nồng suất giảm dần theo qui mô

d.Không thể xác định được

Câu 13. Hàm sản xuất của một doanh nghiệp có dạng $Q = (L + 5K)^{1/2}$. Trong dài hạn, nếu chủ doanh nghiệp sử dụng các yếu tố đầu vào gấp đôi thì sản lượng Q sẽ:

a.Tăng lên đúng 2 lần

b.Tăng lên nhiều hơn 2 lần

c.**Tăng lên ít hơn 2 lần**

d.Chưa đủ thông tin để kết luận

Câu 14. Một xí nghiệp sản xuất một loại sản phẩm X có hàm sản xuất có dạng: $Q = 2K(L - 2)$, trong đó K và L là hai yếu tố sản xuất có giá tương ứng $P_k = 600$, $P_l = 300$. Nếu tổng sản lượng của xí nghiệp là 784 sản phẩm, vậy chi phí thấp nhất để thực hiện sản lượng trên là:

a.**17.400**

b.14.700

c.15.000

d.Các câu trên đều sai

Câu 15. Khi giá bán nhỏ hơn chi phí trung bình, doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn nên:

a.Sản xuất ở mức sản lượng tại đó: $MR = MC$

b.Ngừng sản xuất.

c.Sản xuất ở mức sản lượng tại đó: $P = MC$

d.Các câu trên đều có thể xảy ra

Câu 16. Khái niệm nào sau đây không thể lý giải bằng đường giới hạn khả năng sản xuất (PPF):

- a.Sự khan hiếm.
- b.Chi phí cơ hội
- c.Cung cầu.
- d.Quy luật chi phí cơ hội tăng dần

Câu 17. Trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn nếu các doanh nghiệp mới gia nhập làm cho lượng cầu yếu tố sản xuất tăng nhưng giá các yếu tố sản xuất không đổi thì đường cung dài hạn của ngành sẽ:

- a.Nằm ngang
- b.Dốc xuống dưới
- c.Dốc lên trên
- d.Thẳng đứng

Câu 18. Điều kiện cân bằng dài hạn của một thị trường cạnh tranh hoàn toàn:

- a.SAC min = LAC min
- b.Quy mô sản xuất của doanh nghiệp là quy mô sản xuất tối ưu
- c.LMC = SMC = MR = P
- d.Các câu trên đều đúng

Câu 19. Đường cung của ngành cạnh tranh hoàn toàn trong dài hạn co giãn nhiều hơn trong ngắn hạn là do:

- a.Các xí nghiệp trong ngành tăng giảm sản lượng bằng cách thay đổi số lượng các yếu tố sản xuất sử dụng
- b.Sự gia nhập và rời khỏi ngành của các xí nghiệp.
- c.Cả a và b đều đúng
- d.Cả a và b đều sai

Câu 20. Mục tiêu doanh thu tối đa của doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn phải thỏa mãn điều kiện:

- a.MR = MC
- b.P = MC
- c.TR = TC
- d.MR = 0

Câu 4. Một doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn có hàm số cầu thị trường có dạng: $P = -Q + 2400$.Tổng doanh thu tối đa của doanh nghiệp là:

- a.14.400.000
- b.144.000
- c.1.440.000

d.Cả ba câu đều sai

Câu 10. Độ dốc của đường đẳng phí là:

- a.Tỷ lệ thay thế kỹ thuật biên của 2 yếu tố sản xuất.
- b.Tỷ số năng suất biên của 2 yếu tố sản xuất.
- c.Tỷ số giá cả của 2 yếu tố sản xuất.
- d.Các câu trên đều sai

Câu 1. Trong lý thuyết trò chơi, khi một trong các doanh nghiệp độc quyền nhóm tham gia thị trường, âm thầm gia tăng sản lượng để đạt lợi nhuận cao hơn sẽ dẫn đến

- a.Các doanh nghiệp khác sẽ gia tăng sản lượng
- b.Giá sản phẩm sẽ giảm
- c.Lợi nhuận của các doanh nghiệp sẽ giảm
- d.Cả 3 câu trên đều đúng.

Câu 2. Doanh nghiệp trong ngành cạnh tranh độc quyền:

- a.Chỉ được nhập ngành, nhưng không được xuất ngành
- b.Hoàn toàn không thể nhập và xuất ngành
- c.Có sự tự do nhập và xuất ngành
- d.Chỉ được xuất ngành, nhưng không được nhập ngành

Câu 3. Trong thị trường cạnh tranh độc quyền, tại điểm cân bằng dài hạn có:

- a.Nợ TK Quỹ đầu tư phát triển (414)/Có TK Nguồn vốn kinh doanh (411)
- b.Nợ TK Nguồn vốn kinh doanh/Có TK Quỹ đầu tư phát triển (414)
- c.Nợ TK Quỹ đầu tư phát triển (414)/Có TK Nguồn vốn ĐTXDCB (441)
- d.Các câu trên đều sai

Câu 5. Doanh nghiệp trong ngành cạnh tranh độc quyền theo đuổi mục tiêu tối hóa lợi nhuận sẽ sản xuất tại sản lượng

- a.MR=MC
- b.AC=MC
- c.P=MC
- d.AR=MC

Câu 6. Đặc điểm cơ bản của ngành cạnh tranh độc quyền là:

- a.Giảm lợi nhuận chia phân phối
- b.Mỗi doanh nghiệp chỉ có khả năng hạn chế ảnh hưởng tới giá cả sản phẩm của mình
- c.Cả hai câu đều đúng
- d.Các câu trên đều sai

Câu 7. Một người dành một khoản thu nhập I = 600 ngàn đồng, chi tiêu hết cho 2 loại sản phẩm X và Y với $P_X = 10$ ngàn đồng/sp; $P_Y = 30$ ngàn đồng/sp, hàm tổng lợi ích (hữu dụng) của người này phụ thuộc vào số lượng X và Y tiêu dùng $TU(x,y) = 2xy$. Tại phương án tiêu dùng tối ưu, tổng hữu dụng là:

- a. $TU(x,y) = 600$
- b. $TU(x,y) = 2400$
- c. $TU(x,y) = 1200$
- d. $TU(x,y) = 300$

Câu 8. Đường tiêu dùng theo giá là tập hợp các phương án tiêu dùng tối ưu giữa hai sản phẩm khi:

- a. Thu nhập và giá sản phẩm đều thay đổi
- b. Chỉ có giá 1 sản phẩm thay đổi
- c. Chỉ có thu nhập thay đổi
- d. Các câu trên đều sai.

Câu 9. Tìm câu sai trong các câu dưới đây:

- a. Đường đẳng ích (đường cong bàng quan) thể hiện các phối hợp khác nhau về 2 loại hàng hoá cùng mang lại một mức thoả mãn cho người tiêu dùng
- b. Các đường đẳng ích thường lồi về phía gốc O
- c. Đường đẳng ích luôn có độ dốc bằng tỷ giá của 2 hàng hoá
- d. Tỷ lệ thay thế biên thể hiện sự đánh đổi giữa 2 sản phẩm sao cho tổng mức thoả mãn không đổi

Câu 11. Trong giới hạn ngân sách và sở thích, để tối đa hóa hữu dụng người tiêu thụ mua số lượng sản phẩm theo nguyên tắc:

- a. Uy tín mua các sản phẩm có mức giá rẻ hơn.
- b. Hữu dụng biên trên mỗi đơn vị tiền của các sản phẩm phải bằng nhau.
- c. Hữu dụng biên của các sản phẩm phải bằng nhau.
- d. Số tiền chi tiêu cho các sản phẩm phải bằng nhau.

Câu 12. Đường đẳng ích biểu thị tất cả những phối hợp tiêu dùng giữa hai loại sản phẩm mà người tiêu dùng:

- a. Đạt được mức hữu dụng tăng dần
- b. Đạt được mức hữu dụng như nhau
- c. Đạt được mức hữu dụng giảm dần
- d. Sử dụng hết số tiền mà mình có

Câu 13. Trên hệ trục 2 chiều thông thường, số lượng mặt hàng X biểu diễn ở trục hoành, số lượng mặt hàng Y biểu diễn ở trục tung. Khi thu nhập thay đổi, các yếu tố khác không đổi, đường thu nhập-tiêu dùng là một đường dốc lên, ta có thể kết luận gì về hai hàng hoá này đối với người tiêu dùng:

- a.X và Y đều là hàng hoá cấp thấp.
- b.X là hàng hoá cấp thấp, Y là hàng hoá thông thường.
- c.X và Y đều là hàng hoá thông thường.
- d.X là hàng hoá thông thường, Y là hàng hoá cấp thấp

Câu 14. Tìm câu đúng trong các câu sau đây:

- a.Thặng dư tiêu dùng trên thị trường là phần diện tích nằm bên dưới giá thị trường và bên trên đường cung thị trường.
- b.Đường tiêu thụ giá cả là một đường tập hợp những phối hợp tối đa hóa hữu dụng khi thu nhập thay đổi trong điều kiện các yếu tố khác không đổi
- c.Đường tiêu thụ thu nhập là một đường tập hợp những phối hợp tối đa hóa hữu dụng khi giá cả thay đổi trong điều kiện các yếu tố khác không đổi
- d.Các câu trên đều sai

Câu 15. Các hệ thống kinh tế giải quyết các vấn đề cơ bản :sản xuất cái gì? số lượng bao nhiêu? sản xuất như thế nào? sản xuất cho ai? xuất phát từ đặc điểm:

- a.Nguồn cung của nền kinh tế.
- b.Nhu cầu của xã hội
- c.Đặc điểm tự nhiên
- d.Tài nguyên có giới hạn.

Câu 16. Khái niệm nào sau đây không thể lí giải bằng đường giới hạn khả năng sản xuất (PPF)

- a.Sự khan hiếm.
- b.Chi phí cơ hội
- c.Quy luật chi phí cơ hội tăng dần
- d.Cung cầu.

Câu 17. Chính phủ các nước hiện nay có các giải pháp kinh tế khác nhau trước tình hình suy thoái kinh tế hiện nay, vấn đề này thuộc về

- a.Kinh tế vi mô, chuẩn tắc
- b.Kinh tế vĩ mô, thực chứng
- c.Kinh tế vi mô, thực chứng
- d.Kinh tế vĩ mô, chuẩn tắc

Câu 18. Điểm khác biệt căn bản giữa mô hình kinh tế hỗn hợp và mô hình kinh tế thị trường là:

- a.Nhà nước quản lý ngân sách.
- b.Nhà nước tham gia quản lý kinh tế.
- c.Nhà nước quản lý các quỹ phúc lợi
- d.Các câu trên đều sai.

Câu 19. Một doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn có hàm chi phí biên $MC = Q$, bán hàng trên hai thị trường có hàm số cầu như sau: $P_1 = -Q/10 + 120$, $P_2 = -Q/10 + 180$. Nếu doanh nghiệp phân biệt giá trên hai thị trường thì giá thích hợp trên hai thị trường là:

- a.109,09 và 163,63
- b.110 và 165**
- c.136,37 và 165
- d.Các câu trên đều sai

Câu 20. Mục tiêu doanh thu tối đa của doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn phải thỏa mãn điều kiện:

- a. $MR = MC$
- b. $P = MC$
- c. $MR = 0$**
- d. $TR = TC$

Câu 4. Doanh nghiệp trong ngành cạnh tranh độc quyền, cạnh tranh với nhau bằng việc:

- a.Bán ra sản phẩm hoàn toàn không có sản phẩm khác thay thế được
- b.Bán ra các sản phẩm có thể thay thế nhau một cách hoàn toàn
- c.Bán ra các sản phẩm riêng biệt, nhưng có thể thay thế nhau**
- d.Cả ba câu đều sai

Câu 10. Ông A đã chi hết thu nhập để mua hai sản phẩm X và Y với số lượng tương ứng là x và y . Với phương án tiêu dùng hiện tại thì : $MU_x / P_x < MU_y / P_y$. Để đạt tổng lợi ích lớn hơn Ông A sẽ điều chỉnh phương án tiêu dùng hiện tại theo hướng :

- a.Mua sản phẩm Y nhiều hơn và mua sản phẩm X với số lượng như cũ.
- b.Mua sản phẩm X ít hơn và mua sản phẩm Y nhiều hơn.**
- c.Mua sản phẩm X nhiều hơn và mua sản phẩm Y ít hơn.
- d.Mua sản phẩm X ít hơn và mua sản phẩm Y với số lượng như cũ.

Câu 1. Điều nào sau đây không phải là điều kiện cho tình trạng cân bằng dài hạn của doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn:

- a.Lượng cung và lượng cầu thị trường bằng nhau.
- b.Thặng dư sản xuất bằng 0**
- c.Lợi nhuận kinh tế bằng 0.
- d.Các doanh nghiệp ở trạng thái tối đa hóa lợi nhuận.

Câu 2. Một doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn có hàm tổng chi phí dài hạn: $LTC = Q^2 + 100$, mức sản lượng cân bằng dài hạn của doanh nghiệp:

- a.100

- b.110
- c.10
- d.8

Câu 3. Nếu bột giặt TIDE giảm giá 10% , các yếu tố khác không đổi, lượng cầu bột giặt OMO giảm 15%, thì độ co giãn chéo của 2 sản phẩm là:

- a.1.5
- b.-1.5
- c.0.75
- d.3

Câu 5. Khi thu nhập dân chúng tăng lên, các nhân tố khác không thay đổi. Giá cả & số lượng cân bằng mới của loại hàng hóa thứ cấp (hàng xấu) sẽ:

- a.Giá thấp hơn và số lượng nhỏ hơn.
- b.Giá cao hơn và số lượng nhỏ hơn.
- c.Giá cao hơn và số lượng không đổi.
- d.Giá thấp hơn và số lượng lớn hơn.

Câu 6. Giá điện tăng đã làm cho phần chi tiêu cho điện tăng lên, điều đó cho thấy cầu về sản phẩm điện là:

- a.Co giãn hoàn toàn.
- b.Co giãn nhiều
- c.Co giãn đơn vị.
- d.Co giãn ít

Câu 7. Mặt hàng X có độ co giãn cầu theo giá là $Ed = -2$, khi giá của X tăng lên trong điều kiện các yếu tố khác không đổi ,thì lượng cầu của mặt hàng Y sẽ:

- a.Giảm xuống
- b.Tăng lên.
- c.Không thay đổi
- d.Các câu trên đều sai.

Câu 8. Tại điểm A trên đường cầu có mức giá $P = 10$, $Q = 20$, $Ed = -1$, hàm số cầu là hàm tuyến tính có dạng:

- a. $P = - Q/2 + 40$
- b. $P = - Q/2 + 20$
- c. $P = - 2Q + 40$
- d.Các câu trên đều sai.

Câu 9. Tại điểm A trên đường cung có mức giá $P = 10$, $Q = 20$, $Es = 0,5$, hàm số cung là hàm tuyến tính có dạng:

- a. $P = Q + 10$
- b. $P = Q + 20$

c. $P = Q - 10$

d.Các câu trên đều sai

Câu 11. X và Y là hai mặt hàng thay thế hoàn toàn và tỷ lệ thay thế biên $MRS_{XY} = -$

1. Người tiêu dùng chắc chắn sẽ chỉ mua hàng Y khi:

a. $P_X = P_Y$

b. $P_X > P_Y$

c. $P_X < P_Y$

d.Các câu trên đều sai.

Câu 12. Giả sử người tiêu dùng dành hết thu nhập I để mua 2 loại hàng hoá X, Y với đơn giá là P_X, P_Y và số lượng là x, y và đạt được lợi ích tối đa có:

a. $MU_X * P_X = MU_Y * P_Y$

b. $MU_X / P_X = MU_Y / P_Y$

c. $MU_X / P_X = MU_Y / P_Y$

d. $MU_X * P_X + MU_Y * P_Y = I$

Câu 13. Một người dành một khoản thu nhập $I = 600$ ngàn đồng, chi tiêu hết cho 2 loại sản phẩm X và Y với $P_X = 10$ ngàn đồng/sp; $P_Y = 30$ ngàn đồng/sp, hàm tổng lợi ích (hữu dụng) của người này phụ thuộc vào số lượng X và Y tiêu dùng $TU(x,y) = 2xy$. Tại phương án tiêu dùng tối ưu, tổng hữu dụng là:

a. $TU(x,y) = 2400$

b. $TU(x,y) = 300$

c. $TU(x,y) = 1200$

d. $TU(x,y) = 600$

Câu 14. Giả sử người tiêu dùng dành hết thu nhập I để mua 2 loại hàng hoá X, Y với đơn giá là P_X, P_Y và số lượng là x, y và đạt được lợi ích tối đa có:

a. $MU_X / P_X = MU_Y / P_Y$

b. $MU_X / MU_Y = P_X / P_Y$

c. $MRS_{XY} = P_X / P_Y$

d.Các câu trên đều đúng

Câu 15. Đường tiêu thụ giá cả là đường biểu thị mối quan hệ giữa:

a.Giá của sản phẩm này và lượng của sản phẩm bổ sung cho nó.

b.Giá sản phẩm và số lượng sản phẩm được mua.

c.Giá sản phẩm và thu nhập của người tiêu thụ.

d.Thu nhập và số lượng sản phẩm được mua.

Câu 16. Một người tiêu thụ dành một số tiền là 2 triệu đồng / tháng để chi tiêu cho 2 sản phẩm X và Y với giá của X là 20000 đồng và của Y là 50000. đường ngân sách của người này là:

a. $X = 5Y / 2 + 100$

- b. $Y = 2X / 5 + 40$
- c.Cả a và b đều sai.
- d.Cả a và b đều đúng.**

Câu 17. Trên thị trường của sản phẩm X có 2 người tiêu thụ A và B với hàm số cầu: $q_A = 13000 - 10P$, $q_B = 26000 - 20P$. Nếu giá thị trường là 1000 thì thặng dư tiêu dùng trên thị trường là

- a.2.700.000
- b.675.000
- c.1.350.000**
- d.Kinh tế vĩ mô, Không có câu nào đúng

Câu 18. Tìm câu đúng trong các câu sau đây:

- a.Đường tiêu thụ giá cả là một đường tập hợp những phối hợp tối đa hóa hữu dụng khi thu nhập thay đổi trong điều kiện các yếu tố khác không đổi
- b.Đường tiêu thụ thu nhập là một đường tập hợp những phối hợp tối đa hóa hữu dụng khi giá cả thay đổi trong điều kiện các yếu tố khác không đổi**
- c.Thặng dư tiêu dùng trên thị trường là phần diện tích nằm bên dưới giá thị trường và bên trên đường cung thị trường.
- d.Các câu trên đều sai.

Câu 19. Một người tiêu thụ có thu nhập là 1000đvt, lượng cầu sản phẩm X là 10 sp, khi thu nhập tăng lên là 1200đvt, lượng cầu của sản phẩm X tăng lên là 13 sp, vậy sản phẩm X thuộc hàng:

- a.Hàng thiết yếu
- b.Hàng xa xỉ
- c.Hàng thông thường.**
- d.Hàng cấp thấp.

Câu 20. Đối với một đường cầu sản phẩm X dạng tuyến tính thì :

- a.Độ co giãn cầu theo giá cả thay đổi, còn độ dốc thì không đổi tại các điểm khác nhau trên đường cầu.
- b.Độ co giãn cầu theo giá cả & độ dốc là không đổi tại các điểm khác nhau trên đường cầu.
- c.Độ co giãn cầu theo giá cả & độ dốc là thay đổi tại các điểm khác nhau trên đường cầu.**
- d.Độ co giãn cầu theo giá cả không thay đổi còn độ dốc thì thay đổi tại các điểm khác nhau trên đường cầu.

Câu 4. Câu phát biểu nào sau đây không đúng:

- a.Hệ số co giãn cầu theo giá ở các điểm khác nhau trên đường cầu thì khác nhau.
- b.Độ co giãn cầu theo giá phụ thuộc vào các yếu tố như là sở thích, thị hiếu của người tiêu thụ, tính chất thay thế của sản phẩm.
- c.Trong phần đường cầu co giãn nhiều, giá cả và doanh thu đồng biến**

d.Đối với sản phẩm có cầu hoàn toàn không co giãn thì người tiêu dùng sẽ gánh chịu toàn bộ tiền thuế đánh vào sản phẩm.

Câu 10. Giá sỉ sản phẩm X có hàm số cung và cầu như sau: $Q_d = 180 - 3P$, $Q_s = 30 + 2P$, nếu chính phủ đánh thuế vào sản phẩm làm cho lượng cân bằng giảm xuống còn 78 , thì số tiền thuế chính phủ đánh vào sản phẩm là:

- a.12
- b.10
- c.5
- d.3

Câu 1. Chính phủ đánh thuế vào mặt hàng X là 3000đ / sp, làm cho giá của sản phẩm tăng từ 15000 đ /sp lên 18000 đ /sp.Vậy mặt hàng X có cầu co giãn:

- a.Ít
- b.Nhiều
- c.Co dãn hoàn toàn
- d.Hoàn toàn không co dãn

Câu 2. Hàm số cầu thị trường của một sản phẩm có dạng: $P = - Q/4 + 280$, từ mức giá $P = 200$ nếu giá thị trường giảm xuống thì tổng chi tiêu của người tiêu thụ sẽ:

- a.Giảm xuống
- b.Không thay đổi
- c.Tăng lên
- d.Các câu trên đều sai.

Câu 3. Mặt hàng X có độ co giãn cầu theo giá là $Ed = - 2$, khi giá của X tăng lên trong điều kiện các yếu tố khác không đổi ,thì lượng cầu của mặt hàng Y sẽ:

- a.Tăng lên.
- b.Giảm xuống.
- c.Không thay đổi.
- d.Các câu trên đều sai.

Câu 5. Suy thoái kinh tế toàn cầu đã làm giảm mức cầu dầu mỏ nên giá dầu mỏ giảm mạnh. Có thể minh họa sự kiện này trên đồ thị (trục tung ghi giá, trục hoành ghi lượng cầu) bằng cách:

- a.Vẽ một đường cầu có độ dốc âm
- b.Vẽ đường cầu dịch chuyển sang phải
- c.Vẽ đường cầu dịch chuyển sang trái
- d.Vẽ một đường cầu thẳng đứng

Câu 6. Nếu chính phủ đánh thuế trên mỗi đơn vị sản phẩm X là 3000 đồng làm cho giá cân bằng tăng từ 15000 đồng lên 16000 đồng, có thể kết luận sản phẩm X có cầu co giãn theo giá :

- a.Nhiều hơn so với cung
- b.Tương đương với cung
- c.Không co giãn
- d.Ít hơn so với cung

Câu 7. Một xí nghiệp sản xuất một loại sản phẩm X có hàm sản xuất có dạng: $Q = 2K(L - 2)$, trong đó K và L là hai yếu tố sản xuất có giá tương ứng $P_K = 600$ đvt, $P_L = 300$ đvt, tổng chi phí sản xuất 15.000 đvt.Vậy sản lượng tối đa đạt được:

- a.**576**
- b.560
- c.480
- d.Các câu trên đều sai

Câu 8. Hàm tổng chi phí sản xuất của một doanh nghiệp như sau: $TC = Q^2 + 20Q + 40.000$, mức sản lượng tối ưu của doanh nghiệp tại đó có chi phí trung bình:

- a.220
- b.**420**
- c.120
- d.Các câu trên đều sai

Câu 9. Phát biểu nào dưới đây không đúng.

- a.Với một loại hàng hóa có tỷ trọng phần chi tiêu trong ngân sách gia đình rất cao thì khi giá tăng 5%, lượng cầu sẽ giảm nhiều hơn 5%
- b.Với một mặt hàng cấp thấp, khi thu nhập giảm thì cầu về nó sẽ tăng
- c.Trong ngắn hạn, chi phí về bao bì sản phẩm là một khoản chi phí cố định
- d.Để khuyến khích ngành sản xuất X, Nhà nước nên đánh thuế các hàng hóa nhập ngoại có thể thay thế cho X

Câu 11. AC bằng 6 khi sản xuất 100 sản phẩm. MC không đổi và luôn bằng 2. Vậy TC để sản xuất 70 sản phẩm là:

- a.460
- b.140
- c.450
- d.**540**

Câu 12. Tìm câu sai trong các câu sau đây:

- a.Các đường AC và AVC đều chịu ảnh hưởng của qui luật năng suất biên giảm dần
- b.Khoảng cách giữa AC và AFC sẽ giảm khi doanh nghiệp tăng sản lượng
- c.Khi MC giảm thì AVC cũng giảm

d.Đường AFC không chịu tác động của qui luật năng suất biên giảm dần

Câu 13. Cho hàm sản xuất $Q = (KL)^{1/2}$. Đây là hàm sản xuất có:

- a.Năng suất giảm dần theo qui mô
- b.Không thể xác định được
- c.**Năng suất không đổi theo qui mô**
- d.Năng suất tăng dần theo qui mô

Câu 14. Cho hàm số sản xuất $Q = Ka \cdot L^{1-a}$. Phương trình biểu diễn tỷ lệ thay thế kỹ thuật biên của yếu tố vốn đối với lao động (thay thế K bằng L) là:

- a. $|MRTS| = a^* (K/L)$
- b. $|MRTS| = (1-a)^* (K/L)$
- c. **$|MRTS| = [(1-a)/a]^* (K/L)$**
- d.Không có câu nào đúng

Câu 15. Doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn với $P = 100 - 2Q$; $AC = 40$ (không đổi ứng với một mức sản lượng). Tại mức giá có lợi nhuận tối đa, độ co giãn của cầu đối với giá là:

- a.-1/2
- b.-3/7
- c.-2
- d.**-7/3**

Câu 16. Trong ngắn hạn của thị trường độc quyền hoàn toàn, câu nào sau đây chưa thể khẳng định:

- a.Để có lợi nhuận tối đa luôn cung ứng tại mức sản lượng có cầu co giãn nhiều
- b.**Doanh nghiệp kinh doanh luôn có lợi nhuận**
- c.Đường MC luôn luôn cắt AC tại AC min
- d.Doanh thu cực đại khi MR = 0

Câu 17. Một xí nghiệp độc quyền hoàn toàn tối đa hóa lợi nhuận ở mức giá là 20, có hệ số co giãn cầu theo giá là -2, vậy mức sản lượng tối đa hóa lợi nhuận tại đó có MC :

- a.10
- b.20
- c.40
- d.Các câu trên đều sai.

Câu 18. Trong thị trường độc quyền hoàn toàn, mức sản lượng tối đa hóa lợi nhuận nằm ở phần đường cầu:

- a.Co giãn ít
- b.**Co giãn nhiều**
- c.Co giãn đơn vị

d.Không co giãn

Câu 19. Trong dài hạn của thị trường độc quyền hoàn toàn, xí nghiệp có thể thiết lập quy mô sản xuất:

- a.Quy mô sản xuất tối ưu
- b.Nhỏ hơn quy mô sản xuất tối ưu
- c.Lớn hơn quy mô sản xuất tối ưu
- d.Các trường hợp trên đều có thể xảy ra.**

Câu 20. Chính phủ ấn định giá trần (giá tối đa) đối với doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn sẽ làm cho :

- a.Giá giảm
- b.Có lợi cho chính phủ
- c.Giá giảm và sản lượng tăng**
- d.Sản lượng tăng

Câu 4. Giả sử hàm số cầu thị trường của một loại nông sản: $Q_d = -2P + 80$, và lượng cung nông sản trong mùa vụ là 50 sp. Nếu chính phủ trợ cấp cho người sản xuất là 2 đvt/sp thì tổng doanh thu của họ trong mùa vụ này là:

- a.750
- b.850**
- c.950
- d.Các câu trên đều sai

Câu 10. Hàm tổng chi phí sản xuất của một doanh nghiệp như sau: $TC = Q^2 + 40Q + 10.000$, chi phí trung bình ở mức sản lượng 1000 sp là:

- a.1040
- b.2040
- c.1050**
- d.Các câu trên đều sai

Câu 1. Một doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn có hàm chi phí biên $MC = Q$, bán hàng trên hai thị trường có hàm số cầu như sau: $P_1 = -Q/10 + 120$, $P_2 = -Q/10 + 180$. Nếu doanh nghiệp phân biệt giá trên hai thị trường thì giá thích hợp trên hai thị trường là:

- a.109,09 và 163,63
- b.110 và 165**
- c.136,37 và 165
- d.Các câu trên đều sai

Câu 2. Trong dài hạn của thị trường độc quyền hoàn toàn, sản lượng và quy mô sản xuất của doanh nghiệp phụ thuộc vào:

- a.Nhu cầu thị trường của người tiêu thụ.
- b.Điều kiện sản xuất của doanh nghiệp.
- c.Cả a và b đều sai.
- d.Cả a và b đều đúng.**

Câu 3. Khái niệm nào sau đây không thể lí giải bằng đường giới hạn khả năng sản xuất (PPF):

- a.Sự khan hiếm.
- b.Cung cầu.**
- c.Quy luật chi phí cơ hội tăng dần.
- d.Chi phí cơ hội.

Câu 5. Phát biểu nào sau đây không đúng:

- a.Hiệu quả trong việc sử dụng tài nguyên là phải sản xuất ra những sản phẩm sao cho thỏa mãn nhu cầu của xã hội và nằm trên đường giới hạn khả năng sản xuất.
- b.Vấn đề lạm phát của nền kinh tế thuộc về kinh tế vĩ mô.
- c.Trên thị trường, giá cả của hàng hóa là do người bán quyết định.**
- d.Sự can thiệp của chính phủ vào nền kinh tế như thế nào thuộc về kinh tế học chuẩn tắc.

Câu 6. Qui luật nào sau đây quyết định dạng của đường giới hạn khả năng sản xuất ?

- a.Qui luật cung - cầu
- b.Qui luật năng suất biên giảm dần**
- c.Qui luật cầu
- d.Qui luật cung

Câu 7. Một xí nghiệp sản xuất một loại sản phẩm X có hàm sản xuất có dạng: $Q = 2K(L - 2)$, trong đó K và L là hai yếu tố sản xuất có giá tương ứng $P_K = 600$ đvt, $P_L = 300$ đvt, tổng chi phí sản xuất 15.000 đvt. Vậy sản lượng tối đa đạt được:

- a.576**
- b.560
- c.480
- d.Các câu trên đều sai

Câu 8. Khi giá bán nhỏ hơn chi phí trung bình, doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn nên:

- a.Sản xuất ở mức sản lượng tại đó: $MR = MC$
- b.Sản xuất ở mức sản lượng tại đó: $P = MC$
- c.Ngừng sản xuất.
- d.Các câu trên đều có thể xảy ra**

Câu 9. Điều kiện cân bằng dài hạn của một thị trường cạnh tranh hoàn toàn:

- a.Quy mô sản xuất của doanh nghiệp là quy mô sản xuất tối ưu
- b.SAC min = LAC min
- c.LMC = SMC = MR = P
- d.Các câu trên đều đúng

Câu 11. Trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn nếu các doanh nghiệp mới gia nhập làm cho lượng cầu yếu tố sản xuất tăng nhưng giá các yếu tố sản xuất không đổi thì đường cung dài hạn của ngành sẽ:

- a.Thẳng đứng
- b.Dốc lên trên
- c.Nằm ngang
- d.Dốc xuống dưới

Câu 12. Đường cung của ngành cạnh tranh hoàn toàn trong dài hạn co giãn nhiều hơn trong ngắn hạn là do:

- a.Các xí nghiệp trong ngành tăng giảm sản lượng bằng cách thay đổi số lượng các yếu tố sản xuất sử dụng
- b.Sự gia nhập và rời khỏi ngành của các xí nghiệp.
- c.Cả a và b đều đúng
- d.Cả a và b đều sai

Câu 13. Đối với doanh nghiệp, khi tăng sản lượng tổng lợi nhuận bị giảm, cho biết:

- a.Doanh thu biên lớn hơn chi phí biên.
- b.Doanh thu biên bằng chi phí biên.
- c.Doanh thu biên nhỏ hơn chi phí biên.
- d.Các câu trên đều sai.

Câu 14. Một doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn có hàm tổng chi phí dài hạn: $LTC = Q^2 + 100$, mức sản lượng cân bằng dài hạn của doanh nghiệp:

- a.110
- b.100
- c.10
- d.8

Câu 15. Đặc điểm cơ bản của ngành cạnh tranh độc quyền là:

- a.Mỗi doanh nghiệp chỉ có khả năng hạn chế ảnh hưởng tới giá cả sản phẩm của mình
- b.Có nhiều doanh nghiệp sản xuất ra những sản phẩm có thể thay thế cho nhau
- c.Cả hai câu đều sai
- d.Cả hai câu đều đúng

Câu 16. Trong thị trường cạnh tranh độc quyền, trong ngắn hạn thì doanh nghiệp có thể:

- a.Luôn có lợi nhuận bằng không (hòa vốn)

- b.Có lợi nhuận kinh tế hay thua lỗ
- c.Luôn thua lỗ
- d.Luôn có lợi nhuận kinh tế

Câu 17. Trong mô hình doanh nghiệp độc quyền nhóm có ưu thế về quy mô sản xuất, doanh nghiệp có ưu thế có thể quyết định sản lượng theo cách:

- a.Cạnh tranh hoàn toàn
- b.Độc quyền hoàn toàn
- c.Cả a và b đều đúng
- d.Cả a và b đều sai

Câu 18. Trong “mô hình đường cầu gãy” (The kinked demand curve model) khi một doanh nghiệp giảm giá thì các doanh nghiệp còn lại sẽ:

- a.Không biết được
- b.Giảm giá
- c.Không thay đổi giá
- d.Tăng giá

Câu 19. Đường cầu của doanh nghiệp trong ngành cạnh tranh độc quyền:

- a.Là đường cầu nằm ngang song song trực sản lượng
- b.Là đường cầu thẳng đứng song song trực giá
- c.Là đường cầu của toàn bộ thị trường
- d.Là đường cầu dốc xuống từ trái sang phải

Câu 20. Trong “mô hình đường cầu gãy” (The kinked demand curve model), tại điểm gãy của đường cầu, khi doanh nghiệp có chi phí biên MC thay đổi thì:

- a.Giá P và sản lượng Q không đổi
- b.Giá P không đổi, sản lượng Q giảm
- c.Giá P tăng, sản lượng Q không đổi
- d.Giá P tăng, sản lượng Q giảm

Câu 4. Cách thức chi tiêu của người tiêu thụ để tối đa thỏa mãn. Vấn đề này thuộc về:

- a.Kinh tế vi mô, chuẩn tắc
- b.Kinh tế vi mô, thực chứng
- c.Kinh tế vĩ mô, thực chứng.
- d.Kinh tế vĩ mô, chuẩn tắc.

Câu 10. Điều nào sau đây không phải là điều kiện cho tình trạng cân bằng dài hạn của doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn:

- a.Lượng cung và lượng cầu thị trường bằng nhau.
- b.Lợi nhuận kinh tế bằng 0.
- c.Thặng dư sản xuất bằng 0

d.Các doanh nghiệp ở trạng thái tối đa hóa lợi nhuận.

Câu 1. Cách thức chi tiêu của người tiêu thụ để tối đa thỏa mãn.Vấn đề này thuộc về:

- a.Kinh tế vĩ mô, chuẩn tắc.
- b.Kinh tế vi mô, thực chứng.**
- c. Kinh tế vĩ mô, thực chứng.
- d. Kinh tế vi mô, chuẩn tắc

Câu 2. Điểm khác biệt căn bản giữa mô hình kinh tế hỗn hợp và mô hình kinh tế thị trường là:

- a. Nhà nước quản lý ngân sách.
- b. Nhà nước tham gia quản lý kinh tế.**
- c. Nhà nước quản lý các quỹ phúc lợi
- d. Các câu trên đều sai.

Câu 3. Khái niệm nào sau đây không thể giải bằng đường giới hạn khả năng sản xuất (PPF):

- a.Quy luật chi phí cơ hội tăng dần.
- b.Sự khan hiếm.
- c.Chi phí cơ hội
- d.Cung cầu.**

Câu 5. Một người tiêu thụ dành một số tiền là 2 triệu đồng / tháng để chi tiêu cho 2 sản phẩm X và Y với giá của X là 20000 đồng và của Y là 50000. đường ngân sách của người này là:

- a. $X = 5Y / 2 + 100$
- b. $Y = 2X / 5 + 40$
- c. Cả a và b đều sai.**
- d. Cả a và b đều đúng.

Câu 6. Đường đẳng ích biểu thị tất cả những phối hợp tiêu dùng giữa hai loại sản phẩm mà người tiêu dùng:

- a. Đạt được mức hữu dụng như nhau**
- b. Đạt được mức hữu dụng giảm dần
- c. Đạt được mức hữu dụng tăng dần
- d. Sử dụng hết số tiền mà mình có

Câu 7. Một người tiêu thụ dành một số tiền nhất định để chi tiêu cho 2 sản phẩm X và Y .Nếu X là loại hàng xa xỉ thì khi giá của X tăng lên và các yếu tố khác không đổi thì lượng hàng hóa của Y được mua sẽ:

- a. Tăng**

- b. Giảm
- c. Không thay đổi
- d. Không xác định được.

Câu 8. Đường tiêu thụ giá cả là đường biểu thị mối quan hệ giữa:

- a. Giá của sản phẩm này và lượng của sản phẩm bổ sung cho nó.
- b. Thu nhập và số lượng sản phẩm được mua.
- c. Giá sản phẩm và thu nhập của người tiêu thụ.
- d. Giá sản phẩm và số lượng sản phẩm được mua.**

Câu 9. Một người tiêu dùng dành một khoản tiền là 2000 \$ để mua hai sản phẩm X và Y, với $P_X = 200$ \$/sp và $P_Y = 500$ \$/sp. Phương trình đường ngân sách có dạng:

- a. $Y = 10 - (2/5)X$
- b. $Y = 4 - (2/5)X$**
- c. $Y = 10 - 2,5X$
- d. $Y = 4 - 2,5X$

Câu 11. Đường biểu diễn các phối hợp khác nhau về số lượng của hai sản phẩm cùng đem lại cho một mức lợi ích như nhau cho người tiêu dùng được gọi là:

- a. Đường đẳng lượng
- b. Đường đẳng ích**
- c. Đường cầu
- d. Đường ngân sách

Câu 12. Đường ngân sách có dạng: $X = 30 - 2Y$. Nếu $P_x = 10$ thì:

- a. $P_y = 10$ và $I = 300$
- b. $P_y = 20$ và $I = 600$
- c. $P_y = 10$ và $I = 900$
- d. $P_y = 20$ và $I = 300$**

Câu 13. Trong thị trường độc quyền hoàn toàn : $MR = -Q/10 + 1000$; $MC = Q/10 + 400$. Nếu chính phủ quy định mức giá, buộc doanh nghiệp phải gia tăng sản lượng cao nhất, vậy mức giá đó là:

- a. $P = 800$**
- b. $P = 600$
- c. $P = 400$
- d. Các câu trên đều sai.

Câu 14. Trong thị trường độc quyền hoàn toàn, chính phủ đánh thuế không theo sản lượng sẽ ảnh hưởng:

- a. Thuế người tiêu dùng và người sản xuất cùng gánh
- b. P tăng
- c. Q giảm

d. Tất cả các câu trên đều sai.

Câu 15. Một doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn có hàm số cầu thị trường có dạng: $P = -Q + 2400$. Ở mức sản lượng tối đa hóa lợi nhuận có hệ số co giãn của cầu theo giá là -3, chi phí biên là 10. Vậy giá bán ở mức sản lượng tối đa hóa lợi nhuận:

- a.20
- b.15**
- c.10
- d.Các câu trên đều sai

Câu 16. Khi chính phủ đánh thuế.....vào doanh nghiệp độc quyền thì người tiêu dùng sẽ trả một mức giá.....

- a. Theo sản lượng.....không đổi
- b. Khoáncao hơn
- c. Theo sản lượng.....thấp hơn
- d. Các câu trên đều sai**

Câu 17. Một doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn có hàm chi phí: $TC = Q^2/10 + 400Q + 3.000.000$, hàm số cầu thị trường có dạng: $P = -Q/20 + 2200$. Nếu chính phủ đánh thuế là 150đ/sp thì lợi nhuận tối đa của doanh nghiệp này đạt được là:

- a. 2.362.500
- b. 1.537.500**
- c. 2.400.000
- d. Các câu trên đều sai

Câu 18. Một xí nghiệp độc quyền hoàn toàn tối đa hóa lợi nhuận ở mức giá là 20, có hệ số co giãn cầu theo giá là -2, vậy mức sản lượng tối đa hóa lợi nhuận tại đó có MC :

- a.10**
- b.20
- c.40
- d.Các câu trên đều sai.

Câu 19. Một doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn có hàm số cầu thị trường có dạng: $P = -Q + 2400$. Tổng doanh thu tối đa của doanh nghiệp là:

- a. 144.000
- b. 1.440.000**
- c. 14.400.000
- d. Các câu trên đều sai

Câu 20. Trong ngắn hạn của thị trường độc quyền hoàn toàn, câu nào sau đây chưa thể khẳng định:

- a. Doanh thu cực đại khi $MR = 0$

- b. Doanh nghiệp kinh doanh luôn có lợi nhuận
- c. Đường MC luôn luôn cắt AC tại AC min
- d. Để có lợi nhuận tối đa luôn cung ứng tại mức sản lượng có cầu co giãn nhiều

Câu 4. Phát biểu nào sau đây không đúng:

- a. Sự can thiệp của chính phủ vào nền kinh tế như thế nào thuộc về kinh tế học chuẩn tắc.
- b. Trên thị trường, giá cả của hàng hóa là do người bán quyết định.
- c. Vấn đề lạm phát của nền kinh tế thuộc về kinh tế vĩ mô.
- d. Hiệu quả trong việc sử dụng tài nguyên là phải sản xuất ra những sản phẩm sao cho thỏa mãn nhu cầu của xã hội và nằm trên đường giới hạn khả năng sản xuất.

Câu 10. Giả sử người tiêu dùng dành hết thu nhập I để mua 2 loại hàng hoá X, Y với đơn giá là P_X , P_Y và số lượng là x , y và đạt được lợi ích tối đa có:

- a. $MU_X/P_X = MU_Y/P_Y$
- b. $MRS_{xy} = P_x/P_y$
- c. $MU_X/MU_Y = P_X/P_Y$
- d. Các câu trên đều đúng

Câu 1. Hiện nay chiến lược cạnh tranh chủ yếu của các xí nghiệp độc quyền nhóm là:

- a. Cạnh tranh về sản lượng
- b. Cạnh tranh về giá cả
- c. Cạnh tranh về quảng cáo và các dịch vụ hậu mãi
- d. Các câu trên đều sai

Câu 2. Trong “mô hình đường cầu gãy” (The kinked demand curve model) khi một doanh nghiệp giảm giá thì các doanh nghiệp còn lại sẽ:

- a. Tăng giá
- b. Giảm giá
- c. Không biết được
- d. Không thay đổi giá

Câu 3. Trong mô hình doanh nghiệp độc quyền nhóm có ưu thế về quy mô sản xuất, doanh nghiệp có ưu thế có thể quyết định sản lượng theo cách:

- a. Độc quyền hoàn toàn
- b. Cạnh tranh hoàn toàn
- c. Cả a và b đều đúng
- d. Cả a và b đều sai

Câu 5. Trong “mô hình đường cầu gãy” (The kinked demand curve model), tại điểm gãy của đường cầu, khi doanh nghiệp có chi phí biên MC thay đổi thì:

- a. Giá P tăng, sản lượng Q không đổi
- b. Giá P tăng, sản lượng Q giảm
- c. Giá P không đổi, sản lượng Q giảm
- d. Giá P và sản lượng Q không đổi**

Câu 6. Đặc điểm cơ bản của ngành cạnh tranh độc quyền là:

- a. Có nhiều doanh nghiệp sản xuất ra những sản phẩm có thể dễ thay thế cho nhau
- b. Mỗi doanh nghiệp chỉ có khả năng hạn chế ảnh hưởng tới giá cả sản phẩm của mình
- c. Cả hai câu đều sai
- d. Cả hai câu đều đúng**

Câu 7. Độ dốc của đường đẳng phí là:

- a. Tỷ lệ thay thế kỹ thuật biên của 2 yếu tố sản xuất.
- b. Tỷ số năng suất biên của 2 yếu tố sản xuất.
- c. Tỷ số giá cả của 2 yếu tố sản xuất.**
- d. Các câu trên đều sai

Câu 8. Trong các hàm sản xuất sau đây hàm số nào thể hiện tình trạng năng suất theo qui mô tăng dần:

- a. $Q = 4K^{1/2} \cdot L^{1/2}$
- b. $Q = K_1^{0.3}K_2^{0.3}L^{0.3}$
- c. $Q = aK^2 + bL^2$**
- d. $Q = K0,4L0,6$

Câu 9. Phát biểu nào sau đây đúng với khái niệm ngắn hạn trong kinh tế học:

- a. Doanh nghiệp có thể thay đổi sản lượng.**
- b. Thời gian ngắn hơn 1 năm
- c. Tất cả các yếu tố sản xuất đều thay đổi
- d. Doanh nghiệp có thể thay đổi quy mô sản xuất

Câu 11. Năng suất trung bình của 2 người lao động là 20, năng suất biên của người lao động thứ 3 là 17, vậy năng suất trung bình của 3 người lao động là:

- a. 14
- b. 18.5
- c. 12.33
- d. 19**

Câu 12. Nếu đường tổng chi phí là một đường thẳng dốc lên về phía phải thì đường chi phí biên sẽ :

- a. Dốc xuống
- b. Nằm ngang**
- c. Dốc lên
- d. Thẳng đứng

Câu 13. Cùng một số vốn đầu tư, nhà đầu tư dự kiến lợi nhuận kế toán của 3 phương án A,B,C, lần lượt là 100 triệu, 50 triệu , 20 triệu, nếu phương án B được lựa chọn thì lợi nhuận kinh tế đạt được là:

- a. 100 triệu
- b. -50 triệu**
- c. 50 triệu
- d. Các câu trên đều sai

Câu 14. Hàm tổng chi phí sản xuất của một doanh nghiệp như sau: $TC = Q^2 + 20Q + 40.000$, mức sản lượng tối ưu của doanh nghiệp tại đó có chi phí trung bình:

- a. 220
- b. 120
- c. 420**
- d. Các câu trên đều sai.

Câu 15. Đối với doanh nghiệp, khi tăng sản lượng tổng lợi nhuận bị giảm, cho biết:

- a. Doanh thu biên lớn hơn chi phí biên.
- b. Doanh thu biên bằng chi phí biên.
- c. Doanh thu biên nhỏ hơn chi phí biên.**
- d. Các câu trên đều sai

Câu 16. Hàm số cung cầu của một thị trường cạnh tranh hoàn toàn như sau: (S) $P = Q/20 + 10$, (D) $P = -Q/60 + 20$, nếu chính phủ đánh thuế vào sản phẩm 2 đ / sp , thì tồn thát vô ích của xã hội là :

- a.60
- b.240
- c.30**
- d.Các câu trên đều sai.

Câu 17. Đường cung ngắn hạn của doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn là:

- a. Là nhánh bên phải của đường SMC.
- b. Phần đường SMC từ AVC min trở lên.**
- c. Phần đường SMC từ AC min trở lên.
- d. Các câu trên đều sai.

Câu 18. Trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn nếu các doanh nghiệp mới gia nhập làm cho lượng cầu yếu tố sản xuất tăng nhưng giá các yếu tố sản xuất không đổi thì đường cung dài hạn của ngành sẽ:

- a. Thẳng đứng
- b. Dốc xuống dưới
- c. Nằm ngang**
- d. Dốc lên trên

Câu 19. Một doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn có hàm tổng chi phí $TC = 10Q^2 + 10Q + 450$, nếu giá trên thị trường là 210đ/sp. tổng lợi nhuận tối đa là:

- a.1000
- b.1550
- c.550
- d.Các câu trên đều sai

Câu 20. Suy thoái kinh tế toàn cầu đã làm giảm mức cầu dầu mỏ nên giá dầu mỏ giảm mạnh. Có thể minh họa sự kiện này trên đồ thị (trục tung ghi giá, trục hoành ghi lượng cầu) bằng cách:

- a. Vẽ một đường cầu có độ dốc âm
- b. **Vẽ đường cầu dịch chuyển sang phải**
- c. Vẽ đường cầu dịch chuyển sang trái
- d. Vẽ một đường cầu thẳng đứng

Câu 4. Trong thị trường cạnh tranh độc quyền, trong ngắn hạn thì doanh nghiệp có thể:

- a. **Có lợi nhuận kinh tế hay thua lỗ**
- b. Luôn có lợi nhuận bằng không (hòa vốn)
- c. Luôn thua lỗ
- d. Luôn có lợi nhuận kinh tế

Câu 10. Hàm tổng chi phí sản xuất của một doanh nghiệp như sau: $TC = Q^2 + 40Q + 10.000$, chi phí trung bình ở mức sản lượng 1000 sp là:

- a.1050
- b.1040
- c.2040
- d.Các câu trên đều sai

Câu 1. Trên thị trường của sản phẩm X có 100 người mua và 50 người bán, hàm số cầu của mỗi người mua là như nhau có dạng: $P = -q / 2 + 20$, những người bán có hàm tổng chi phí như nhau: $TC = q^2 + 2q + 40$. Giá cả cân bằng trên thị trường:

- a.18
- b.7.2
- c.16.4
- d.Các câu trên đều sai.

Câu 2. Khi giá bán nhỏ hơn chi phí trung bình, doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn nên:

- a. Sản xuất ở mức sản lượng tại đó: $MR = MC$
- b. Sản xuất ở mức sản lượng tại đó: $P = MC$

- c. Ngừng sản xuất
- d. Các câu trên đều có thể xảy ra

Câu 3. Khi thu nhập của người tiêu thụ tăng lên, lượng cầu của sản phẩm Y giảm xuống, với các yếu tố khác không đổi, điều đó cho thấy sản phẩm Y là :

- a. Hàng thông thường.
- b. Hàng xa xỉ.
- c. Hàng cấp thấp.
- d. Hàng thiết yếu.

Câu 5. Khi thu nhập dân chúng tăng lên, các nhân tố khác không thay đổi. Giá cả & số lượng cân bằng mới của loại hàng hóa thứ cấp (hàng xấu) sẽ :

- a. Giá cao hơn và số lượng nhỏ hơn.
- b. Giá thấp hơn và số lượng nhỏ hơn.
- c. Giá thấp hơn và số lượng lớn hơn.
- d. Giá cao hơn và số lượng không đổi.

Câu 6. Khi giá của Y tăng làm cho lượng cầu của X giảm trong điều kiện các yếu tố khác không đổi. Vậy 2 sản phẩm X và Y có mối quan hệ:

- a. Độc lập với nhau.
- b. Thay thế cho nhau.
- c. Bổ sung cho nhau.
- d. Các câu trên đều sai.

Câu 7. Suy thoái kinh tế toàn cầu đã làm giảm mức cầu dầu mỏ nên giá dầu mỏ giảm mạnh. Có thể minh họa sự kiện này trên đồ thị (trục tung ghi giá, trục hoành ghi lượng cầu) bằng cách:

- a. Vẽ đường cầu dịch chuyển sang trái
- b. Vẽ một đường cầu có độ dốc âm
- c. Vẽ đường cầu dịch chuyển sang phải
- d. Vẽ một đường cầu thẳng đứng

Câu 8. Trường hợp nào sau đây làm cho đường cung xe gắn máy dịch chuyển sang trái:

- a. Thu nhập của người tiêu dùng tăng.
- b. Giá xăng tăng.
- c. Giá xe gắn máy tăng.
- d. Các câu trên đều sai

Câu 9. Một sản phẩm có hàm số cầu thị trường và hàm số cung thị trường lần lượt là $QD = -2P + 200$ và $QS = 2P - 40$. Bạn dự báo giá của sản phẩm này trên thị trường là:

- a. $P = 100 \$$

- b. $P = 80 \$$
- c. $P = 40 \$$
- d. $P = 60 \$$

Câu 11. Khái niệm nào sau đây không thể lí giải bằng đường giới hạn khả năng sản xuất (PPF)

- a. Sự khan hiếm.
- b. Chi phí cơ hội
- c. Quy luật chi phí cơ hội tăng dần.
- d. Cung cầu.

Câu 12. Điểm khác biệt căn bản giữa mô hình kinh tế hỗn hợp và mô hình kinh tế thị trường là:

- a. Nhà nước tham gia quản lý kinh tế.
- b. Nhà nước quản lý các quý phúc lợi
- c. Nhà nước quản lý ngân sách.
- d. Các câu trên đều sai.

Câu 13. Các hệ thống kinh tế giải quyết các vấn đề cơ bản :sản xuất cái gì? số lượng bao nhiêu? sản xuất như thế nào? sản xuất cho ai? xuất phát từ đặc điểm:

- a. Nguồn cung của nền kinh tế.
- b. Đặc điểm tự nhiên
- c. Nhu cầu của xã hội
- d. Tài nguyên có giới hạn.

Câu 14. Chọn lựa tại một điểm không nằm trên đường giới hạn khả năng sản xuất là :

- a. Không thể thực hiện được
- b. Thực hiện được nhưng nền kinh tế hoạt động không hiệu quả
- c. Không thể thực hiện được hoặc thực hiện được nhưng nền kinh tế hoạt động không hiệu quả
- d. Thực hiện được và nền kinh tế hoạt động hiệu quả

Câu 15. Trong dài hạn, doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh độc quyền sẽ sản xuất tại sản lượng có:

- a. $MR = LMC = LAC$
- b. $LMC = SMC = MR = LAC = SAC$
- c. Chi phí trung bình AC là thấp nhất (cực tiểu)
- d. Chi phí trung bình AC chưa là thấp nhất (cực tiểu)

Câu 16. Trong mô hình doanh nghiệp độc quyền nhóm có ưu thế về quy mô sản xuất, doanh nghiệp có ưu thế có thể quyết định sản lượng theo cách:

- a. Cạnh tranh hoàn toàn

- b. Độc quyền hoàn toàn
- c. Cả a và b đều đúng
- d. Cả a và b đều sai

Câu 17. Trong “mô hình đường cầu gãy” (The kinked demand curve model) khi một doanh nghiệp giảm giá thì các doanh nghiệp còn lại sẽ:

- a. Không biết được
- b. Tăng giá
- c. Giảm giá
- d. Tập hợp các phối hợp có thể có giữa 2 sản phẩm mà người tiêu thụ có thể mua với giá sản phẩm cho trước và thu nhập không thay đổi

Câu 18. Đường cầu của doanh nghiệp trong ngành cạnh tranh độc quyền:

- a. Là đường cầu nằm ngang song song trực sản lượng
- b. Là đường cầu của toàn bộ thị trường
- c. Là đường cầu dốc xuống từ trái sang phải
- d. Là đường cầu thẳng đứng song song trực giá

Câu 19. Trong thị trường cạnh tranh độc quyền, tại điểm cân bằng dài hạn có:

- a. Đường cầu mỗi doanh nghiệp là tiếp tuyến đường AC của nó ở mức sản lượng mà tại đó có $MR=MC$
- b. Mỗi doanh nghiệp đều tối đa hóa lợi nhuận nhưng chỉ hòa vốn.
- c. Sẽ không có thêm sự nhập ngành hoặc xuất ngành nào nữa
- d. Cả ba câu đều đúng

Câu 20. Doanh nghiệp trong ngành cạnh tranh độc quyền theo đuổi mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận sẽ sản xuất tại sản lượng

- a. $AC=MC$
- b. $MR=MC$
- c. $AR=MC$
- d. $P=MC$

Câu 4. Độ co giãn cầu theo giá phụ thuộc vào các nhân tố:

- a. Tính thay thế của sản phẩm.
- b. Sở thích thị hiếu của người tiêu dùng.
- c. Cả a và b đều sai.
- d. Cả a và b đều đúng.

Câu 10. Một người tiêu thụ có thu nhập là 1000đvt, lượng cầu sản phẩm X là 10 sp, khi thu nhập tăng lên là 1200đvt, lượng cầu của sản phẩm X tăng lên là 13 sp, vậy sản phẩm X thuộc hàng:

- a. Hàng thông thường.
- b. Hàng thiết yếu

- c. Hàng cấp thấp.
- d. Hàng xa xỉ**

Câu 1. Đường Engel của người tiêu dùng đối với một mặt hàng có thể được suy ra từ đường:

- a. Đường đẳng ích
- b. Đường giá cả-tiêu dùng
- c. Đường thu nhập-tiêu dùng**
- d. Đường ngân sách

Câu 2. Hàm hữu dụng của một người tiêu thụ đối với 2 sản phẩm X và Y được cho như sau; $TU = X(Y - 1)$. Thu nhập của người tiêu thụ là 1.000đ dùng để mua 2 sản phẩm này với đơn giá của X 10đ /sp, của Y là 10 đ /sp, tổng số hữu dụng tối đa là:

- a. 2540,25
- b. 2450,25**
- c. 2425,50
- d. Không có câu nào đúng.

Câu 3. Thặng dư tiêu dùng trên thị trường là:

- a. Chênh lệch giữa tổng số tiền tối đa mà người tiêu dùng sẵn lòng trả với tổng số tiền thực trả cho sản phẩm
- b. Là diện tích nằm phía dưới đường cầu và trên đường giá cân bằng
- c. a và b đều đúng**
- d. a sai, b đúng

Câu 5. Tìm câu đúng trong các câu sau đây:

- a. Thặng dư tiêu dùng trên thị trường là phần diện tích nằm bên dưới giá thị trường và bên trên đường cung thị trường.
- b. Đường tiêu thụ giá cả là một đường tập hợp những phối hợp tối đa hóa hữu dụng khi thu nhập thay đổi trong điều kiện các yếu tố khác không đổi
- c. Đường tiêu thụ thu nhập là một đường tập hợp những phối hợp tối đa hóa hữu dụng khi giá cả thay đổi trong điều kiện các yếu tố khác không đổi
- d. Các câu trên đều sai**

Câu 6. Một người tiêu thụ dành một số tiền nhất định để chi tiêu cho 2 sản phẩm X và Y .Nếu X là loại hàng xa xỉ thì khi giá của X tăng lên và các yếu tố khác không đổi thì lượng hàng hóa của Y được mua sẽ:

- a. Tăng**
- b. Không thay đổi
- c. Giảm
- d. Không xác định được.

Câu 7. Giả sử người tiêu dùng dành hết thu nhập I để mua 2 loại hàng hoá X, Y với đơn giá là Px, Py và số lượng là x, y và đạt được lợi ích tối đa có:

- a. $MUX/PX = MUY/PY$
- b. $MUX/ MUY = Px/Py$
- c. $MRS_{xy} = Px/Py$
- d. Các câu trên đều đúng

Câu 8. Đối với sản phẩm cấp thấp, tác động thay thế và tác động thu nhập:

- a. Ngược chiều nhau
- b. Có thể cùng chiều hay ngược chiều
- c. Cùng chiều với nhau
- d. Các câu trên đều sai

Câu 9. Trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn nếu các doanh nghiệp mới gia nhập làm cho lượng cầu yếu tố sản xuất tăng nhưng giá các yếu tố sản xuất không đổi thì đường cung dài hạn của ngành sẽ:

- a. Dốc xuống dưới
- b. Nằm ngang
- c. Dốc lên trên
- d. Thẳng đứng

Câu 11. Điều nào sau đây không phải là điều kiện cho tình trạng cân bằng dài hạn của doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn:

- a. Lợi nhuận kinh tế bằng 0.
- b. Các doanh nghiệp ở trạng thái tối đa hóa lợi nhuận.
- c. Lượng cung và lượng cầu thị trường bằng nhau.
- d. Thặng dư sản xuất bằng 0

Câu 12. Một doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn có hàm tổng chi phí dài hạn: $LTC = Q^2 + 64$, mức giá cân bằng dài hạn:

- a. 16
- b. 32
- c. 64
- d. 8

Câu 13. Một doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn có hàm tổng chi phí dài hạn: $LTC = Q^2 + 100$, mức sản lượng cân bằng dài hạn của doanh nghiệp:

- a. 8
- b. 10
- c. 100
- d. 110

Câu 14. Đối với doanh nghiệp, khi tăng sản lượng tổng lợi nhuận tăng , cho biết:

- a. Doanh thu biên lớn hơn chi phí biên.
- b. Doanh thu biên bằng chi phí biên.
- c. Doanh thu biên nhỏ hơn chi phí biên.
- d. Các câu trên đều sai.

Câu 15. Quy mô sản xuất tối ưu của một doanh nghiệp là quy mô sản xuất :

- a. Lớn
- b. Có chi phí trung bình thấp nhất ở tất cả các mức sản lượng.
- c. **Có điểm cực tiểu của đường SAC tiếp xúc với điểm cực tiểu của đường LAC**
- d. Các câu trên đều sai

Câu 16. Điều kiện cân bằng dài hạn của một thị trường cạnh tranh hoàn toàn:

- a. $LMC = SMC = MR = P$
- b. Quy mô sản xuất của doanh nghiệp là quy mô sản xuất tối ưu
- c. $SAC \min = LAC \min$
- d. **Các câu trên đều đúng**

Câu 17. Nếu ti vi SONY giảm giá 10%, các yếu tố khác không đổi. lượng cầu ti vi JVC giảm 20% thì độ co giãn chéo của cầu theo giá là :

- a. 3
- b. 2**
- c. 0.75
- d. -1.5

Câu 18. Xét hàm số cầu sản phẩm X dạng tuyến tính như sau : $Q_x = 200 - 2P_x + 0,5P_y + 0,1I$. Tham số -2 đứng trước P_x là

- a. Tham số biểu thị mức thay đổi của P_x khi Q_x thay đổi một đơn vị.
- b. Tham số biểu thị quan hệ giữa P_x với Q_x
- c. Tham số biểu thị mức thay đổi của P_x khi Q_x thay đổi 2 đơn vị
- d. Tham số biểu thị mức thay đổi của Q_x khi P_x thay đổi một đơn vị**

Câu 19. Giả sử hàm số cầu thị trường của một loại nông sản: $Q_d = - 2P + 80$, và lượng cung nông sản trong mùa vụ là 50 sp.Nếu chính phủ trợ cấp cho người sản xuất là 2 đvt/sp thì tổng doanh thu của họ trong mùa vụ này là:

- a. 950
- b. 850**
- c. 750
- d.Các câu trên đều sai.

Câu 20. Câu phát biểu nào sau đây không đúng:

- a. Trong phần đường cầu co giãn nhiều, giá cả và doanh thu đồng biến**

- b. Hệ số co giãn cầu theo giá ở các điểm khác nhau trên đường cầu thì khác nhau
- c. Đối với sản phẩm có cầu hoàn toàn không co giãn thì người tiêu dùng sẽ gánh chịu toàn bộ tiền thuế đánh vào sản phẩm.
- d. Độ co giãn cầu theo giá phụ thuộc vào các yếu tố như là sở thích, thị hiếu của người tiêu thụ, tính chất thay thế của sản phẩm.

Câu 4. Nếu một người tiêu dùng dành toàn bộ thu nhập của mình để mua hai sản phẩm X và Y thì khi giá của X giảm, số lượng hàng Y được mua sẽ :

- a. Ít hơn
- b. Nhiều hơn.
- c. Không thay đổi
- d. Một trong 3 trường hợp kia, tùy thuộc vào độ co giãn của cầu theo giá của mặt hàng X.

Câu 10. Đường cung của ngành cạnh tranh hoàn toàn trong dài hạn co giãn nhiều hơn trong ngắn hạn là do:

- a. Sự gia nhập và rời khỏi ngành của các xí nghiệp.
- b. Các xí nghiệp trong ngành tăng giảm sản lượng bằng cách thay đổi số lượng các yếu tố sản xuất sử dụng
- c. Cả a và b đều đúng
- d. Cả a và b đều sai

Câu 1. Tại điểm A trên đường cầu có mức giá $P = 10$, $Q = 20$, $Ed = -1$, hàm số cầu là hàm tuyến tính có dạng:

- a. $P = -Q/2 + 40$
- b. $P = -2Q + 40$
- c. $P = -Q/2 + 20$
- d. Các câu trên đều sai

Câu 2. Giá điện tăng đã làm cho phần chi tiêu cho điện tăng lên, điều đó cho thấy cầu về sản phẩm điện là:

- a. Co giãn hoàn toàn.
- b. Co giãn ít
- c. Co giãn đơn vị.
- d. Co giãn nhiều

Câu 3. Nếu cầu của hàng hóa X là co giãn nhiều ($Ed > 1$), thì một sự thay đổi trong giá cả (P_x) sẽ làm:

- a. Không làm thay đổi tổng doanh thu của doanh nghiệp & tổng chi tiêu của người tiêu thụ.
- b. Thay đổi tổng doanh thu của doanh nghiệp theo hướng cùng chiều.
- c. Thay đổi tổng chi tiêu của người tiêu thụ theo hướng ngược chiều

- d. Các câu kia đều sai.

Câu 5. Quy mô sản xuất tối ưu của một doanh nghiệp là quy mô sản xuất :

- a. Lớn
- b. Có chi phí trung bình thấp nhất ở tất cả các mức sản lượng.
- c. **Có điểm cực tiểu của đường SAC tiếp xúc với điểm cực tiểu của đường LAC**
- d. Các câu trên đều sai.

Câu 6. Phát biểu nào sau đây không đúng:

- a. Khi sản lượng tăng thì chi phí cố định trung bình giảm dần
- b. Khi chi phí biên giảm dần thì chi phí trung bình cũng giảm dần
- c. **Khi chi phí trung bình giảm dần thì chi phí biên cũng giảm dần**
- d. Khi chi phí trung bình tăng dần thì chi phí biên cũng tăng dần

Câu 7. Sản lượng tối ưu của 1 quy mô sản xuất có hiệu quả là sản lượng có:

- a. MC min
- b. AFC min
- c. AVC min
- d. Các câu trên đều sai.

Câu 8. Độ dốc của đường đẳng lượng là:

- a. Tỷ số năng suất biên của 2 yếu tố sản xuất
- b. Tỷ lệ thay thế kỹ thuật biên của 2 yếu tố sản xuất
- c. Cả a và b đều sai.
- d. Tất cả các câu trên đều sai.

Câu 9. Phát biểu nào dưới đây không đúng:

- a. Để khuyến khích ngành sản xuất X, Nhà nước nên đánh thuế các hàng hóa nhập ngoại có thể thay thế cho X.
- b. **Trong ngắn hạn, chi phí về bao bì sản phẩm là một khoản chi phí cố định.**
- c. Với một mặt hàng cấp thấp, khi thu nhập giảm thì cầu về nó sẽ tăng.
- d. Với một loại hàng hóa có tỷ trọng phần chi tiêu trong ngân sách gia đình rất cao thì khi giá tăng 5%, lượng cầu sẽ giảm nhiều hơn 5%

Câu 11. Phát biểu nào sau đây đúng với khái niệm ngắn hạn trong kinh tế học:

- a. Thời gian ngắn hơn 1 năm.
- b. Doanh nghiệp có thể thay đổi quy mô sản xuất.
- c. **Doanh nghiệp có thể thay đổi sản lượng.**
- d. Tất cả các yếu tố sản xuất đều thay đổi.

Câu 12. Một xí nghiệp sản xuất một loại sản phẩm X có hàm sản xuất có dạng: $Q = 2K(L - 2)$, trong đó K và L là hai yếu tố sản xuất có giá tương ứng $P_K = 600$, $P_L =$

300. Nếu tổng sản lượng của xí nghiệp là 784 sản phẩm, vậy chi phí thấp nhất để thực hiện sản lượng trên là:

- a. 15.000
- b. 14.700
- c. 17.400
- d. Các câu trên đều sai

Câu 13. Thị trường độc quyền hoàn toàn với đường cầu $P = -Q/10 + 2000$, để đạt lợi nhuận tối đa doanh nghiệp cung ứng tại mức sản lượng:

- a. $Q < 10.000$
- b. $Q = 10.000$
- c. $Q = 20.000$
- d. Q với điều kiện $MP = MC = P$

Câu 14. Trong thị trường độc quyền hoàn toàn, chính phủ đánh thuế không theo sản lượng sẽ ảnh hưởng:

- a. Người tiêu dùng và người sản xuất cùng gánh
- b. Q giảm
- c. P tăng
- d. Tất cả các câu trên đều sai.

Câu 15. Khi chính phủ đánh thuế.....vào doanh nghiệp độc quyền thì người tiêu dùng sẽ trả một mức giá.....

- a. Khoáncao hơn.
- b. Theo sản lượng.....không đổi
- c. Theo sản lượng.....thấp hơn
- d. Các câu trên đều sai.

Câu 16. Một doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn có hàm chi phí: $TC = Q^2/10 + 400Q + 3.000.000$, hàm số cầu thị trường có dạng: $P = -Q/20 + 2200$. Nếu chính phủ đánh thuế là 150đ/sp thì lợi nhuận tối đa của doanh nghiệp này đạt được là :

- a. 1.537.500
- b. 2.400.000
- c. 2.362.500
- d. Các câu trên đều sai

Câu 17. Mục tiêu doanh thu tối đa của doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn phải thỏa mãn điều kiện:

- a. $MR = MC$
- b. $MR = 0$
- c. $P = MC$
- d. $TR = TC$

Câu 18. Một xí nghiệp độc quyền hoàn toàn tối đa hóa lợi nhuận ở mức giá là 20, có hệ số co giãn cầu theo giá là -2, vậy mức sản lượng tối đa hóa lợi nhuận tại đó có MC :

- a.20
- b.10**
- c.40
- d.Các câu trên đều sai.

Câu 19. Một doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn có nhiều cơ sở sản xuất, để có chi phí sản xuất thấp nhất thì doanh nghiệp phân phối sản lượng cho các cơ sở theo nguyên tắc

- a. AC₁=AC₂=.....=AC
- b. AR₁=AR₂=.....=AR
- c. MR₁=MR₂=.....=MR
- d. Các câu trên đều sai.**

Câu 20. Giải pháp can thiệp nào của Chính phủ đối với doanh nghiệp trong thị trường độc quyền hoàn toàn buộc doanh nghiệp phải gia tăng sản lượng cao nhất :

- a. Quy định giá trần bằng với giao điểm giữa đường cầu và đường MC.**
- b. Dánh thuế theo sản lượng.
- c. Quy định giá trần bằng với MR.
- d. Dánh thuế không theo sản lượng.

Câu 4. Khi giá của Y tăng làm cho lượng cầu của X giảm trong điều kiện các yếu tố khác không đổi. Vậy 2 sản phẩm X và Y có mối quan hệ:

- a. Bổ sung cho nhau.**
- b. Thay thế cho nhau.
- c. Độc lập với nhau.
- d. Các câu trên đều sai.

Câu 10. Cho hàm sản xuất $Q = (2L^3)/3 - 4L^2 - 10L$. Nên sử dụng L trong khoảng nào là hiệu quả nhất :

- a. 0 -- 3
- b. 0 -- 5
- c. 3 -- 5**
- d. 3 -- 7

Câu 1. Phát biểu nào sau đây không đúng:

- a. Sự can thiệp của chính phủ vào nền kinh tế như thế nào thuộc về kinh tế học chuẩn tắc.
- b. Vấn đề lạm phát của nền kinh tế thuộc về kinh tế vĩ mô.**

- c. Trên thị trường, giá cả của hàng hóa là do người bán quyết định.
- d. Hiệu quả trong việc sử dụng tài nguyên là phải sản xuất ra những sản phẩm sao cho thỏa mãn nhu cầu của xã hội và nằm trên đường giới hạn khả năng sản xuất.

Câu 2. Qui luật nào sau đây quyết định dạng của đường giới hạn khả năng sản xuất ?

- a. Qui luật cung
- b. Qui luật năng suất biên giảm dần
- c. Qui luật cung - cầu
- d. Qui luật cầu

Câu 3. Cách thức chi tiêu của người tiêu thụ để tối đa thỏa mãn. Vấn đề này thuộc về

- a. Kinh tế vi mô, chuẩn tắc
- b. Kinh tế tế vi mô, thực chứng
- c. Kinh tế vĩ mô, thực chứng.
- d. Kinh tế vĩ mô, chuẩn tắc.

Câu 5. Mặt hàng X có độ co giãn cầu theo giá là $Ed = -2$, khi giá của X tăng lên trong điều kiện các yếu tố khác không đổi, thì lượng cầu của mặt hàng Y sẽ

- a. Không thay đổi
- b. Tăng lên.
- c. Giảm xuống
- d. Các câu trên đều sai.

Câu 6. Trường hợp nào sau đây làm đường cầu của thép dịch chuyển về bên trái:

- a. Chính phủ tăng thuế vào mặt hàng thép.
- b. Thu nhập của công chúng tăng.
- c. Giá thép tăng mạnh
- d. Không có câu nào đúng.

Câu 7. Tại điểm A trên đường cung có mức giá $P = 10$, $Q = 20$, $Es = 0,5$, hàm số cung là hàm tuyến tính có dạng:

- a. $P = Q + 10$
- b. $P = Q - 10$
- c. $P = Q + 20$
- d. Các câu trên đều sai

Câu 8. Câu phát biểu nào sau đây không đúng:

- a. Hệ số co giãn cầu theo giá ở các điểm khác nhau trên đường cầu thì khác nhau.
- b. Độ co giãn cầu theo giá phụ thuộc vào các yếu tố như là sở thích, thị hiếu của người tiêu thụ, tính chất thay thế của sản phẩm.
- c. Đối với sản phẩm có cầu hoàn toàn không co giãn thì người tiêu dùng sẽ gánh chịu toàn bộ tiền thuế đánh vào sản phẩm.

d. Trong phần đường cầu co giãn nhiều, giá cả và doanh thu đồng biến

Câu 9. Câu phát biểu nào sau đây đúng trong các câu sau đây:

- a. Hệ số co giãn cầu theo thu nhập đổi với hàng xa xỉ lớn hơn 1.
- b. Hệ số co giãn chéo của 2 sản phẩm thay thế là âm.
- c. Hệ số co giãn tại 1 điểm trên đường cầu luôn luôn lớn hơn 1.
- d. Hệ số co giãn cầu theo thu nhập của hàng thông thường là âm.

Câu 11. Nếu ti vi SONY giảm giá 10%, các yếu tố khác không đổi. lượng cầu ti vi JVC giảm 20% thì độ co giãn chéo của cầu theo giá là :

- a.-1.5
- b.2
- c.3
- d.0.75

Câu 12. Một sản phẩm có hàm số cầu thị trường và hàm số cung thị trường lần lượt là $Q_D = -2P + 200$ và $Q_S = 2P - 40$. Bạn dự báo giá của sản phẩm này trên thị trường là:

- a. $P = 60 \$$
- b. $P = 40 \$$
- c. $P = 80 \$$
- d. $P = 100 \$$

Câu 13. Một xí nghiệp đang sử dụng kết hợp 100 giờ công lao động, đơn giá 1 USD/giờ và 50 giờ máy, đơn giá 2,4USD/giờ để sản xuất sản phẩm X. Hiện nay năng suất biên của lao động $MPL = 3\text{đvsp}$ và năng suất biên của vốn $MPK = 6\text{đvsp}$. Để tăng sản lượng mà không cần tăng chi phí thì xí nghiệp nên:

- a. Giảm bớt số lượng lao động để tăng thêm số lượng vốn
- b. Giảm bớt số giờ máy để tăng thêm số giờ công lao động
- c. Cần có thêm thông tin để có thể trả lời
- d. Giữ nguyên số lượng lao động và số lượng vốn nhưng phải cải tiến kỹ thuật

Câu 14. Độ dốc của đường đẳng phí là:

- a. Tỷ số giá cả của 2 yếu tố sản xuất.
- b. Tỷ lệ thay thế kỹ thuật biên của 2 yếu tố sản xuất.
- c. Tỷ số năng suất biên của 2 yếu tố sản xuất.
- d. Các câu trên đều sai

Câu 15. Một xí nghiệp sử dụng hai yếu tố sản xuất vốn (K) , lao động (L) , để sản xuất một loại sản phẩm X, phối hợp tối ưu của hai yếu tố sản xuất phải thỏa mãn :

- a. $K = L$
- b. $MPK / PK = MPL / PL$
- c. $MPK = MPL$

d. $MPK / PL = MPL / PK$

Câu 16. Phát biểu nào sau đây không đúng:

- a. Khi sản lượng tăng thì chi phí cố định trung bình giảm dần
- b. Khi chi phí biên giảm dần thì chi phí trung bình cũng giảm dần
- c. **Khi chi phí trung bình giảm dần thì chi phí biên cũng giảm dần**
- d. Khi chi phí trung bình tăng dần thì chi phí biên cũng tăng dần

Câu 17. Qui luật năng suất biên giảm dần là cách giải thích tốt nhất cho hình dạng của đường:

- a. Chi phí biên ngắn hạn và dài hạn
- b. Chi phí trung bình dài hạn
- c. **Chi phí trung bình ngắn hạn**
- d. Tất cả các câu trên đều sai

Câu 18. Phát biểu nào sau đây đúng với khái niệm ngắn hạn trong kinh tế học:

- a. Tất cả các yếu tố sản xuất đều thay đổi.
- b. Thời gian ngắn hơn 1 năm.
- c. Doanh nghiệp có thể thay đổi quy mô sản xuất.
- d. **Doanh nghiệp có thể thay đổi sản lượng**

Câu 19. Hai đường chi phí trung bình ngắn hạn (SAC) và chi phí trung bình dài hạn tiếp xúc với nhau tại sản lượng Q. Vậy tại Q:

- a. $SMC = LMC = SAC = LAC$
- b. $SMC = LMC > SAC = LAC$
- c. $SMC = LMC < SAC = LAC$
- d. **Các trường hợp trên đều có thể**

Câu 20. Hàm tổng chi phí sản xuất của một doanh nghiệp như sau: $TC = Q^2 + 20Q + 40.000$, mức sản lượng tối ưu của doanh nghiệp tại đó có chi phí trung bình:

- a. 420
- b. 120
- c. 220
- d. Các câu trên đều sai.

Câu 4. Chính phủ các nước hiện nay có các giải pháp kinh tế khác nhau trước tình hình suy thoái kinh tế hiện nay, vấn đề này thuộc về

- a. Kinh tế vi mô, chuẩn tắc
- b. Kinh tế vĩ mô, thực chứng
- c. **Kinh tế vĩ mô, chuẩn tắc**
- d. Kinh tế vi mô, thực chứng

Câu 10. Hàm số cầu cà phê vùng Tây nguyên hằng năm được xác định là : $Q_d = 480.000 - 0,1P$. [đvt : P(\$/tấn), Q(tấn)]. Sản lượng cà phê năm trước $Q_{s1} = 270\ 000$ tấn. Sản lượng cà phê năm nay $Q_{s2} = 280\ 000$ tấn. Giá cà phê năm trước (P1) & năm nay (P2) trên thị trường là :

- a. $P1 = 2\ 000\ 000$ & $P2 = 2\ 100\ 000$
- b. **P1 = 2 100 000 & P2 = 2 000 000**
- c. $P1 = 2\ 100\ 000$ & $P2 = 1\ 950\ 000$
- d. Các câu kia đều sai

Câu 1. Phát biểu nào sau đây đúng với khái niệm ngắn hạn trong kinh tế học:

- a. Tất cả các yếu tố sản xuất đều thay đổi.
- b. Thời gian ngắn hơn 1 năm.
- c. Doanh nghiệp có thể thay đổi quy mô sản xuất.
- d. Doanh nghiệp có thể thay đổi sản lượng**

Câu 2. Đối với doanh nghiệp, khi tăng sản lượng tổng lợi nhuận tăng , cho biết:

- a. Doanh thu biên lớn hơn chi phí biên.
- b. Doanh thu biên nhỏ hơn chi phí biên.
- c. Doanh thu biên bằng chi phí biên.
- d. Các câu trên đều sai.

Câu 3. Một doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn có hàm tổng chi phí dài hạn: $LTC = Q^2 + 64$, mức giá cân bằng dài hạn:

- a. 64
- b. 32
- c. 16**
- d. 8

Câu 5. Tìm câu không đúng trong các câu sau đây:

- a. Trong dài hạn của thị trường cạnh tranh hoàn toàn các xí nghiệp không có lợi nhuận kinh tế
- b. Mức sản lượng tối đa hóa lợi nhuận của xí nghiệp cạnh tranh hoàn toàn tại đó $MC = P$
- c. Trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn, xí nghiệp có thể thay đổi giá cả**
- d. Tổng doanh thu của xí nghiệp cạnh tranh hoàn toàn là một đường thẳng xuất phát từ gốc tọa độ

Câu 6. Đối với doanh nghiệp, khi tăng sản lượng tổng lợi nhuận bị giảm, cho biết:

- a. Doanh thu biên lớn hơn chi phí biên.
- b. Doanh thu biên bằng chi phí biên.
- c. Doanh thu biên nhỏ hơn chi phí biên.**

d. Các câu trên đều sai.

Câu 7. Trên thị trường của sản phẩm X có 100 người mua và 50 người bán, hàm số cầu của mỗi người mua là như nhau có dạng: $P = -q / 2 + 20$, những người bán có hàm tổng chi phí như nhau: $TC = q^2 + 2q + 40$. Giá cả cân bằng trên thị trường:

- a. 18
- b. 7.2
- c. 16.4
- d. Các câu trên đều sai.

Câu 8. Một doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn có hàm tổng chi phí $TC = 10Q^2 + 10Q + 450$, nếu giá trên thị trường là 210đ/sp. tổng lợi nhuận tối đa là

- a. 550
- b. 1000
- c. 1550
- d. Các câu trên đều sai

Câu 9. Một người tiêu dùng có thu nhập là $I = 300\$$ để mua hai sản phẩm X và Y, với giá tương ứng là $P_x = 10\$/SP$; $P_y = 30\$/SP$. Sở thích của người này được thể hiện qua hàm tổng hữu dụng: $TU = X(Y-2)$. Phương án tiêu dùng tối ưu là:

- a. $X = 6; Y = 8$
- b. $X = 9; Y = 7$
- c. **X = 12; Y = 6**
- d. Các câu trên đều sai

Câu 11. Đối với sản phẩm cấp thấp, tác động thay thế và tác động thu nhập:

- a. Cùng chiều với nhau
- b. Ngược chiều nhau**
- c. Có thể cùng chiều hay ngược chiều
- d. Các câu trên đều sai

Câu 12. Chọn câu sai trong các câu sau đây:

- a. Các đường đẳng ích luôn có độ dốc bằng tỷ số giá cả của 2 loại hàng hoá**
- b. Tỷ lệ thay thế biên thể hiện sự đánh đổi giữa 2 loại hàng hoá sao cho tổng lợi ích không thay đổi
- c. Các đường đẳng ích không cắt nhau
- d. Đường đẳng ích thể hiện tất cả các phối hợp về 2 loại hàng hoá cho người tiêu dùng cùng một mức thoả mãn.

Câu 13. Tại phối hợp tối ưu của người tiêu dùng, ta có thể kết luận là

- a. Tỷ lệ thay thế biên bằng tỷ lệ giá cả của hai sản phẩm
- b. Người tiêu dùng đạt được lợi ích tối đa trong giới hạn của ngân sách
- c. Độ dốc của đường ngân sách bằng với độ dốc của đường đẳng ích

d. Các câu trên đều đúng

Câu 14. Đường Engel của người tiêu dùng đối với một mặt hàng có thể được suy ra từ đường:

- a. Đường ngân sách
- b. Đường thu nhập-tiêu dùng
- c. Đường đẳng ích
- d. Đường giá cả-tiêu dùng

Câu 15. Trên hệ trực 2 chiều thông thường, số lượng mặt hàng X biểu diễn ở trục hoành, số lượng mặt hàng Y biểu diễn ở trục tung. Khi giá mặt hàng X thay đổi, các yếu tố khác không đổi, đường giá cả-tiêu dùng là một đường dốc lên thì ta có thể kết luận độ co giãn của cầu theo giá của mặt hàng X là:

- a. Co giãn ít
- b. Co giãn một đơn vị
- c. Co giãn nhiều
- d. Chưa kết luận được

Câu 16. Một người tiêu thụ có thu nhập là 1.000.000 chi tiêu cho 2 sản phẩm X và Y với giá tương ứng là 25.000 và 20.000., tỷ lệ thay thế biên của 2 sản phẩm X và Y luôn luôn bằng 1.Vậy phương án tiêu dùng tối ưu là

- a. 20 X và 25 Y
- b. 0 X và 50 Y
- c. 50 X và 0 Y
- d. Các câu trên đều sai.

Câu 17. Trong thị trường độc quyền hoàn toàn, chính phủ quy định giá trần sẽ có lợi cho

- a. Chính phủ
- b. Người tiêu dùng và doanh nghiệp
- c. Người tiêu dùng
- d. Người tiêu dùng và chính phủ

Câu 18. Chính phủ áp định giá trần (giá tối đa) đối với doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn sẽ làm cho :

- a. Giá giảm
- b. Sản lượng tăng.
- c. Có lợi cho chính phủ
- d. Giá giảm và sản lượng tăng.

Câu 19. Trong dài hạn của thị trường độc quyền hoàn toàn, xí nghiệp có thể thiết lập quy mô sản xuất:

- a. Quy mô sản xuất tối ưu

- b. Nhỏ hơn quy mô sản xuất tối ưu
- c. Lớn hơn quy mô sản xuất tối ưu
- d. Các trường hợp trên đều có thể xảy ra.

Câu 20. Trong thị trường độc quyền hoàn toàn : $MR = -Q/10 + 1000$; $MC = Q/10 + 400$. Nếu chính phủ quy định mức giá, buộc doanh nghiệp phải gia tăng sản lượng cao nhất, vậy mức giá đó là:

- a. $P = 800$
- b. $P = 600$
- c. $P = 400$
- d. Tất cả đều sai

Câu 4. Điều nào sau đây không phải là điều kiện cho tình trạng cân bằng dài hạn của doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn:

- a. Thặng dư sản xuất bằng 0
- b. Lượng cung và lượng cầu thị trường bằng nhau.
- c. Lợi nhuận kinh tế bằng 0.
- d. Các doanh nghiệp ở trạng thái tối đa hóa lợi nhuận.

Câu 10. Một người tiêu dùng dành một khoản tiền là 2000 \$ để mua hai sản phẩm X và Y, với $P_X = 200 \$/sp$ và $P_Y = 500 \$/sp$. Phương trình đường ngân sách có dạng:

- a. $Y = 4 - 2,5X$
- b. $Y = 10 - 2,5X$
- c. $Y = 10 - (2/5)X$
- d. $Y = 4 - (2/5)X$

Câu 1. Một doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn có hàm chi phí: $TC = Q^2/10 + 400Q + 3.000.000$, hàm số cầu thị trường có dạng: $P = -Q/20 + 2200$. Nếu chính phủ đánh thuế là 150đ/sp thì lợi nhuận tối đa của doanh nghiệp này đạt được là :

- a. 2.400.000
- b. **1.537.500**
- c. 2.362.500
- d. Các câu trên đều sai.

Câu 2. Một doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn có hàm chi phí: $TC = Q^2/6 + 30Q + 15.000$, hàm số cầu thị trường có dạng: $P = -Q/4 + 280$, nếu chính phủ đánh thuế lợi tức 10.000đ, lợi nhuận còn lại của xí nghiệp là

- a. **12.500**
- b. 32.500
- c. 22.500
- d. Tất cả các câu trên đều sai

Câu 3. Trong thị trường độc quyền hoàn toàn, chính phủ đánh thuế không theo sản lượng sẽ ảnh hưởng

- a. Q giảm
- b. P tăng
- c. Người tiêu dùng và người sản xuất cùng gánh
- d. Tất cả các câu trên đều sai.

Câu 5. Trong mô hình doanh nghiệp độc quyền nhóm có ưu thế về quy mô sản xuất, doanh nghiệp có ưu thế có thể quyết định sản lượng theo cách:

- a. Độc quyền hoàn toàn
- b. Cảnh tranh hoàn toàn
- c. Cả a và b đều đúng
- d. Cả a và b đều sai

Câu 6. Trong thị trường cạnh tranh độc quyền, tại điểm cân bằng dài hạn có:

- a. Sẽ không có thêm sự nhập ngành hoặc xuất ngành nào nữa
- b. Mỗi doanh nghiệp đều tối đa hóa lợi nhuận nhưng chỉ hòa vốn.
- c. Đường cầu mỗi doanh nghiệp là tiếp tuyến đường AC của nó ở mức sản lượng mà tại đó có $MR=MC$
- d. Cả ba câu đều đúng

Câu 7. Các doanh nghiệp độc quyền nhóm hợp tác công khai hình thành nên một tổ chức hoạt động theo phương thức của một doanh nghiệp

- a. Cảnh tranh độc quyền
- b. Độc quyền hoàn toàn
- c. Cảnh tranh hoàn toàn
- d. Cả 3 câu trên đều đúng

Câu 8. Đường cầu của doanh nghiệp trong ngành cạnh tranh độc quyền:

- a. Là đường cầu thẳng đứng song song trực giá
- b. Là đường cầu dốc xuống từ trái sang phải
- c. Là đường cầu nằm ngang song song trực sản lượng
- d. Là đường cầu của toàn bộ thị trường

Câu 9. Doanh nghiệp trong ngành cạnh tranh độc quyền, cạnh tranh với nhau bằng việc:

- a. Bán ra các sản phẩm có thể thay thế nhau một cách hoàn toàn
- b. Bán ra các sản phẩm riêng biệt, nhưng có thể thay thế nhau
- c. Bán ra sản phẩm hoàn toàn không có sản phẩm khác thay thế được
- d. Các câu trên đều sai.

Câu 11. Khái niệm nào sau đây không thể lý giải bằng đường giới hạn khả năng sản xuất (PPF):

- a. Chi phí cơ hội
- b. Quy luật chi phí cơ hội tăng dần.
- c. Cung cầu
- d. Sự khan hiếm.

Câu 12. Các hệ thống kinh tế giải quyết các vấn đề cơ bản :sản xuất cái gì? số lượng bao nhiêu? sản xuất như thế nào? sản xuất cho ai? xuất phát từ đặc điểm:

- a. Đặc điểm tự nhiên
- b. Tài nguyên có giới hạn
- c. Nhu cầu của xã hội
- d. Nguồn cung của nền kinh tế.

Câu 13. Chính phủ các nước hiện nay có các giải pháp kinh tế khác nhau trước tình hình suy thoái kinh tế hiện nay, vấn đề này thuộc về Chính phủ các nước hiện nay có các giải pháp kinh tế khác nhau trước tình hình suy thoái kinh tế hiện nay, vấn đề này thuộc về

- a. Kinh tế vĩ mô, thực chứng
- b. Kinh tế vi mô, thực chứng
- c. Kinh tế vĩ mô, chuẩn tắc
- d. Kinh tế vi mô, chuẩn tắc

Câu 14. Chọn lựa tại một điểm không nằm trên đường giới hạn khả năng sản xuất là :

- a. Không thể thực hiện được hoặc thực hiện được nhưng nền kinh tế hoạt động không hiệu quả
- b. Không thể thực hiện được
- c. Thực hiện được và nền kinh tế hoạt động hiệu quả
- d. Thực hiện được nhưng nền kinh tế hoạt động không hiệu quả

Câu 15. Hiện nay chiến lược cạnh tranh chủ yếu của các xí nghiệp độc quyền nhóm là:

- a. Cạnh tranh về quảng cáo và các dịch vụ hậu mãi
- b. Cạnh tranh về sản lượng
- c. Cạnh tranh về giá cả
- d. Các câu trên đều sai.

Câu 16. Trong thị trường cạnh tranh độc quyền, trong ngắn hạn thì doanh nghiệp có thể:

- a. Luôn có lợi nhuận kinh tế
- b. Luôn có lợi nhuận bằng không (hòa vốn)

- c. Luôn thua lỗ
- d. Có lợi nhuận kinh tế hay thua lỗ

Câu 17. Trong “mô hình đường cầu gãy” (The kinked demand curve model) khi một doanh nghiệp giảm giá thì các doanh nghiệp còn lại sẽ:

- a. Giảm giá
- b. Tăng giá
- c. Không biết được
- d. Không thay đổi giá

Câu 18. Trong thị trường cạnh tranh độc quyền, tại điểm cân bằng dài hạn có:

- a. Mỗi doanh nghiệp đều tối đa hóa lợi nhuận nhưng chỉ hòa vốn.
- b. Đường cầu mỗi doanh nghiệp là tiếp tuyến đường AC của nó ở mức sản lượng mà tại đó có $MR=MC$
- c. Sẽ không có thêm sự nhập ngành hoặc xuất ngành nào nữa
- d. Cả ba câu đều đúng

Câu 19. Trong dài hạn, doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh độc quyền sẽ sản xuất tại sản lượng có:

- a. Chi phí trung bình AC là thấp nhất (cực tiểu)
- b. $LMC = SMC = MR = LAC = SAC$
- c. Chi phí trung bình AC chưa là thấp nhất (cực tiểu)
- d. $MR = LMC = LAC$

Câu 20. Các doanh nghiệp độc quyền nhóm hợp tác công khai hình thành nên một tổ chức hoạt động theo phương thức của một doanh nghiệp

- a. Cạnh tranh độc quyền
- b. Độc quyền hoàn toàn
- c. Cạnh tranh hoàn toàn
- d. Cả 3 câu trên đều đúng

Câu 4. Một doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn có hàm chi phí: $TC = Q^2/6 + 30Q + 15.000$, hàm số cầu thị trường có dạng: $P = -Q/4 + 280$, nếu chính phủ quy định mức giá là 180đ /sp, thì doanh nghiệp sẽ ấn định mức sản lượng:

- a. 400
- b. 300
- c. 450
- d. Các câu trên đều sai.

Câu 10. Trong “mô hình đường cầu gãy” (The kinked demand curve model) khi một doanh nghiệp giảm giá thì các doanh nghiệp còn lại sẽ:

- a. Tăng giá
- b. Không biết được

- c. Giảm giá
- d. Không thay đổi khi giá hàng hóa thay đổi

Câu 1. Độ dốc của đường đẳng phí là:

- a. Tỷ số giá cả của 2 yếu tố sản xuất.
- b. Tỷ số năng suất biên của 2 yếu tố sản xuất.
- c. Tỷ lệ thay thế kỹ thuật biên của 2 yếu tố sản xuất.
- d. Các câu trên đều sai

Câu 2. Năng suất trung bình của 2 người lao động là 20, năng suất biên của người lao động thứ 3 là 17, vậy năng suất trung bình của 3 người lao động là:

- a. 18.5
- b. 12.33
- c. 14
- d. 19

Câu 3. Cùng một số vốn đầu tư, nhà đầu tư dự kiến lợi nhuận kế toán của 3 phương án A,B,C, lần lượt là 100 triệu, 50 triệu , 20 triệu, nếu phương án B được lựa chọn thì lợi nhuận kinh tế đạt được là:

- a. 100 triệu
- b. 50 triệu
- c. -50 triệu
- d. Các câu trên đều sai.

Câu 5. Nếu đường tổng chi phí là một đường thẳng dốc lên về phía phải thì đường chi phí biên sẽ :

- a. Dốc xuống
- b. Thẳng đứng
- c. Nằm ngang
- d. Dốc lên

Câu 6. Cho hàm sản xuất $Q = (2L^3)/3 - 4L^2 - 10L$. Nên sử dụng L trong khoảng nào là hiệu quả nhất :

- a. 3-7
- b. 3-5
- c. 0-5
- d. 0-3

Câu 7. Một xí nghiệp sản xuất một loại sản phẩm X có hàm sản xuất có dạng: $Q = 2K(L - 2)$, trong đó K và L là hai yếu tố sản xuất có giá tương ứng $P_K = 600$, $P_L = 300$. Nếu tổng sản lượng của xí nghiệp là 784 sản phẩm, vậy chi phí thấp nhất để thực hiện sản lượng trên là:

- a. 15.000
- b. 17.400
- c. 14.700
- d.Các câu trên đều sai.

Câu 8. Hàm tổng chi phí sản xuất của một doanh nghiệp như sau: $TC = Q^2 + 40Q + 10.000$, mức sản lượng tối ưu có chi phí trung bình của doanh nghiệp là:

- a. 400
- b. 500
- c. 240
- d. 340

Câu 9. Tỷ lệ thay thế biên giữa 2 sản phẩm X và Y (MRS_{XY}) thể hiện:

- a. Tỷ lệ đánh đổi giữa 2 sản phẩm trong tiêu dùng khi tổng hữu dụng không đổi
- b. Độ dốc của đường ngân sách
- c. Tỷ giá giữa 2 sản phẩm
- d. Tỷ lệ đánh đổi giữa 2 sản phẩm trên thị trường

Câu 11. Hai đường nào sau đây có đặc điểm giống nhau:

- a. Đường ngân sách và đường cầu
- b. Đường đẳng ích và đường đẳng lượng
- c. Đường ngân sách và đường đẳng phí
- d. b và c đều đúng

Câu 12. Đường tiêu dùng theo giá là tập hợp các phương án tiêu dùng tối ưu giữa hai sản phẩm khi:

- a. Thu nhập và giá sản phẩm đều thay đổi
- b. Chỉ có thu nhập thay đổi
- c. Chỉ có giá 1 sản phẩm thay đổi
- d. Các câu trên đều sai

Câu 13. Trên thị trường của sản phẩm X có 2 người tiêu thụ A và B với hàm số cầu: $q_A = 13000 - 10P$, $q_B = 26000 - 20P$. Nếu giá thị trường là 1000 thì thặng dư tiêu dùng trên thị trường là

- a. 1.350.000
- b. 675.000
- c. 2.700.000
- d.Các câu trên đều sai.

Câu 14. Một người tiêu thụ dành một số tiền là 2 triệu đồng / tháng để chi tiêu cho 2 sản phẩm X và Y với giá của X là 20000 đồng và của Y là 50000. đường ngân sách của người này là:

- a. $X = 5Y /2 + 100$

- b. $Y = 2X / 5 + 40$
- c. **Cả a và b đều sai.**
- d. Cả a và b đều đúng.

Câu 15. Một người tiêu thụ có thu nhập là 1.000.000 chi tiêu cho 2 sản phẩm X và Y với giá tương ứng là 25.000 và 20.000., tỷ lệ thay thế biên của 2 sản phẩm X và Y luôn luôn bằng 1.Vậy phương án tiêu dùng tối ưu là

- a. 20 X và 25 Y
- b. 50 X và 0 Y
- c. **0 X và 50 Y**
- d. Các câu trên đều sai

Câu 16. Nếu Lộc mua 10 sản phẩm X và 20 sản phẩm Y, với giá $P_x = 100\$/SP$; $P_y = 200\$/SP$. Hỗ trợ biên của chúng là $MU_x = 20dvhd$; $MU_y = 50dvhd$. Để đạt tổng hỗ trợ dụng tối đa Lộc nên:

- a. Giữ nguyên lượng X, giảm lượng Y
- b. **Tăng lượng Y, giảm lượng X**
- c. Giữ nguyên số lượng hai sản phẩm
- d. Tăng lượng X, giảm lượng Y

Câu 17. Giả sử sản phẩm X có hàm số cung và cầu như sau: $Q_d = 180 - 3P$, $Q_s = 30 + 2P$, nếu chính phủ đánh thuế vào sản phẩm làm cho lượng cân bằng giảm xuống còn 78 , thì số tiền thuế chính phủ đánh vào sản phẩm là

- a.10
- b.3
- c.12
- d.5

Câu 18. Hàm số cầu cà phê vùng Tây nguyên hằng năm được xác định là : $Q_d = 480.000 - 0,1P$. [đvt : P(\$/tấn), Q(tấn)]. Sản lượng cà phê năm trước $Q_s1= 270\ 000$ tấn. Sản lượng cà phê năm nay $Q_s2 = 280\ 000$ tấn. Giá cà phê năm trước (P1) & năm nay (P2) trên thị trường là :

- a. $P_1 = 2\ 100\ 000$ & $P_2 = 1\ 950\ 000$
- b. $P_1 = 2\ 000\ 000$ & $P_2 = 2\ 100\ 000$
- c. **$P_1 = 2\ 100\ 000$ & $P_2 = 2\ 000\ 000$**
- d.Các câu trên đều sai.

Câu 19. Câu phát biểu nào sau đây không đúng:

- a. Hệ số co giãn cầu theo giá ở các điểm khác nhau trên đường cầu thì khác nhau.
- b. Độ co giãn cầu theo giá phụ thuộc vào các yếu tố như là sở thích , thị hiếu của người tiêu thụ, tính chất thay thế của sản phẩm
- c. Đối với sản phẩm có cầu hoàn toàn không co giãn thì người tiêu dùng sẽ gánh chịu toàn bộ tiền thuế đánh vào sản phẩm.
- d. Trong phần đường cầu co giãn nhiều, giá cả và doanh thu đồng biến

Câu 20. Nhân tố nào sau đây không làm dịch chuyển đường cầu xe hơi Toyota

- a. Giá xe hơi Toyota giảm.
- b. Giá xăng tăng 50%.
- c. Thu nhập dân chúng tăng.
- d. Giá xe hơi Ford giảm

Câu 4. Cho hàm sản xuất $Q = aX - bX^2$ với X là yếu tố sản xuất biến đổi.

- a. Đường MPx có dạng parabol
- b. Đường MPx dốc hơn đường APx
- c. Đường APx dốc hơn đường MPx
- d. Đường APx có dạng parabol

Câu 10. Đường biểu diễn các phối hợp khác nhau về số lượng của hai sản phẩm cùng đem lại cho một mức lợi ích như nhau cho người tiêu dùng được gọi là:

- a.Đường cầu
- b.Đường đẳng lương
- c.Đường đẳng ích
- d.Đường ngân sách

Câu 1. Tình trạng khó khăn hiện nay trong việc thỏa mãn nhu cầu của cải vật chất cho xã hội, chứng tỏ rằng:

- a.Có sự giới hạn của cải để đạt được mục đích là thỏa mãn những nhu cầu có giới hạn của xã hội.
- b.**Do nguồn tài nguyên khan hiếm không thể thỏa mãn toàn bộ nhu cầu của xã hội**
- c.Có sự lựa chọn không quan trọng trong kinh tế học.
- d.Không có câu nào đúng.

Câu 2. Định nghĩa truyền thống của kinh tế học là:

- a.Vấn đề hiệu quả rất được quan tâm.
- b.Tiêu thụ là vấn đề đầu tiên của hoạt động kinh tế
- c.Những nhu cầu không thể thỏa mãn đầy đủ.
- d.Tất cả các câu trên đều đúng.

Câu 3.

Câu nào sau đây không thể hiện tính chất quan trọng của lý thuyết kinh tế.

- a.Lý thuyết kinh tế giải thích một số vấn đề
- b.Lý thuyết kinh tế thiết lập mối quan hệ nhân quả
- c.Lý thuyết kinh tế chỉ giải quyết với một dữ kiện đã cho
- d.**Lý thuyết kinh tế áp dụng với tất cả các điều kiện**

Câu 4.

Mục tiêu kinh tế vĩ mô ở các nước hiện nay bao gồm:

- a.Với nguồn tài nguyên có giới hạn tổ chức sản xuất sao cho có hiệu quả để thỏa mãn cao nhất nhu cầu của xã hội.
- b.Hạn chế bớt sự dao động của chu kỳ kinh tế
- c.Tăng trưởng kinh tế để thỏa mãn nhu cầu ngày càng tăng của xã hội
- d.Các câu trên đều đúng.

Câu 5.

Sản lượng tiềm năng là mức sản lượng

- a.Tương ứng với tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên
- b.Cao nhất của một quốc gia mà không đưa nền kinh tế vào tình trạng lạm phát cao
- c.Cao nhất của một quốc gia đạt được
- d.Cả (a) và (b) đúng

Câu 6.

Phát biểu nào sau đây không đúng

- a.Lạm phát là tình trạng mà mức giá chung trong nền kinh tế tăng lên cao trong một khoảng thời gian nào đó
- b.Thất nghiệp là tình trạng mà những người trong độ tuổi lao động có đăng ký tìm việc nhưng chưa có việc làm hoặc chờ được giao đi làm
- c.Sản lượng tiềm năng là mức sản lượng thực cao nhất mà một quốc gia đạt được
- d.Tổng cầu dịch chuyển do chịu tác động của các nhân tố ngoài mức giá chung trong nền kinh tế

Câu 7.

Mục tiêu ổn định của kinh tế vĩ mô là điều chỉnh tỷ lệ lạm phát và thất nghiệp ở mức thấp nhất

- a.đúng
- b.Sai

Câu 8.

Nếu sản lượng vượt mức sản lượng tiềm năng thì:

- a.Thất nghiệp thực tế thấp hơn thất nghiệp tự nhiên
- b.Lạm phát thực tế cao hơn lạm phát vừa phải
- c.a,b đều đúng
- d.a,b đều sai

Câu 9.

Chính sách ổn định hóa kinh tế nhằm:

- a.Kiềm chế lạm phát, ổn định tỷ giá hối đoái
- b.Giảm thất nghiệp
- c.Giảm dao động của GDP thực duy trì cán cân thương mại cân bằng
- d.Cả 3 câu trên đều đúng.

Câu 10. “Tỷ lệ thất nghiệp ở nhiều nước rất cao”, câu nói này thuộc:

- a.kinh tế vĩ mô
- b.Kinh tế vi mô
- c.Kinh tế thực chứng
- d.a và c đều đúng

Câu 11.

“Chỉ số giá hàng tiêu dùng ở Việt Nam tăng khoảng 20% mỗi năm trong giai đoạn 1992 – 1995”, câu nói này thuộc:

- a.Kinh tế vi mô và thực chứng
- b.Kinh tế vĩ mô và thực chứng
- c.Kinh tế vi mô và chuẩn tắc
- d.kinh tế vĩ mô và chuẩn tắc

Câu 12.

Phát biểu nào sau đây thuộc kinh tế vĩ mô

- a.Lương tối thiểu ở doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài và doanh nghiệp trong nước chênh lệch nhau 3 lần
- b.Cần tăng thuế nhiều hơn để tăng thu ngân sách
- c.Năm 1997 kim ngạch xuất khẩu gạo của Việt nam tăng
- d.Không câu nào đúng.

Câu 13.

Kế toán thu nhập quốc dân đặc biệt sử dụng để:

- a.Đạt được thông tin về những nguồn tài nguyên được sử dụng.
- b.Đo lường tác động những chính sách kinh tế của chính phủ trên toàn bộ nền kinh tế.
- c.Tiên đoán những tác động của các chính sách kinh tế đặc biệt của chính phủ về thất nghiệp và sản lượng.
- d.Tất cả đều đúng.

Câu 14. Yếu tố nào sau đây không phải là tính chất của GDP thực

- a.Tính theo giá hiện hành
- b.Đo lường cho toàn bộ sản phẩm cuối cùng
- c.Thường tính cho một năm

d.Không tính giá trị của các sản phẩm trung gian.

Câu 15.

Tính các chỉ tiêu giá trị sản lượng thực:

- a.Lấy chỉ tiêu danh nghĩa chia cho tỉ số giá.
- b.Lấy chỉ tiêu danh nghĩa nhân với tỉ số giá.
- c.Tính theo giá cố định.
- d.a và c đều đúng.**

Câu 16.

GNP tính theo giá sản xuất bằng:

- a.GNP trừ đi khấu hao
- b.GNP theo giá thị trường trừ đi thuế gián thu.**
- c.NI cộng khấu hao
- d.B và C đều đúng.

Câu 17. GNP theo giá thị trường bằng:

- a.GDP theo giá thị trường cộng thu nhập ròng từ nước ngoài.
- b.GDP theo giá thị trường trừ thu nhập ròng từ nước ngoài.
- c.Sản phẩm quốc dân ròng cộng khấu hao.
- d.a và c đều đúng.**

Câu 18.

Để tính tốc độ tăng trưởng kinh tế giữa các thời kỳ người ta sử dụng:

- a.Chỉ tiêu theo giá thị trường.
- b.Chỉ tiêu thực**
- c.Chỉ tiêu danh nghĩa
- d.Chỉ tiêu sản xuất.

Câu 19.

Trong năm 2004 có các chỉ tiêu thống kê theo lãnh thổ một nước như sau: tổng đầu tư: 300, đầu tư ròng: 100; tiền lương 460, tiền thuê đất 70, tiền trả lãi vay: 50, lợi nhuận: 120, thuế gián thu: 100, thu nhập ròng từ nước ngoài: 100, chỉ số giá năm 2004: 150, chỉ số giá năm 2003 là 120 (đơn vị tính theo năm gốc: 100)

GDP danh nghĩa theo giá thị trường:

- a.1000**
- b.1100
- c.1200
- d.900

Câu 20. Trong năm 2004 có các chỉ tiêu thống kê theo lãnh thổ một nước như sau: tổng đầu tư: 300, đầu tư ròng: 100; tiền lương 460, tiền thuê đất 70, tiền trả lãi vay: 50, lợi nhuận: 120, thuế gián thu: 100, thu nhập ròng từ nước ngoài: 100, chỉ số giá năm 2004: 150, chỉ số giá năm 2003 là 120 (đơn vị tính theo năm gốc: 100).

GNP thực năm 2004:

- a.600
- b.777
- c.**733,33**
- d.916,66

Câu 1.

Trong năm 2004 có các chỉ tiêu thống kê theo lãnh thổ một nước như sau: tổng đầu tư: 300, đầu tư ròng: 100; tiền lương 460, tiền thuê đất 70, tiền trả lãi vay: 50, lợi nhuận: 120, thuế gián thu: 100, thu nhập ròng từ nước ngoài: 100, chỉ số giá năm 2004: 150, chỉ số giá năm 2003 là 120 (đơn vị tính theo năm gốc: 100)

GNP theo sản xuất

- a.900
- b.1100
- c.**1000**
- d.1200

Câu 2.

Trong năm 2004 có các chỉ tiêu thống kê theo lãnh thổ một nước như sau: tổng đầu tư: 300, đầu tư ròng: 100; tiền lương 460, tiền thuê đất 70, tiền trả lãi vay: 50, lợi nhuận: 120, thuế gián thu: 100, thu nhập ròng từ nước ngoài: 100, chỉ số giá năm 2004: 150, chỉ số giá năm 2003 là 120 (đơn vị tính theo năm gốc: 100)

NNP là:

- a.800
- b.1000
- c.**900**
- d.1100

Câu 3.

Trong năm 2004 có các chỉ tiêu thống kê theo lãnh thổ một nước như sau: tổng đầu tư: 300, đầu tư ròng: 100; tiền lương 460, tiền thuê đất 70, tiền trả lãi vay: 50, lợi nhuận: 120, thuế gián thu: 100, thu nhập ròng từ nước ngoài: 100, chỉ số giá năm 2004: 150, chỉ số giá năm 2003 là 120 (đơn vị tính theo năm gốc: 100)

NI là:

- a.700
- b.800**
- c.750
- d.900

Câu 4.

Trong năm 2004 có các chỉ tiêu thống kê theo lãnh thổ một nước như sau: tổng đầu tư: 300, đầu tư ròng: 100; tiền lương 460, tiền thuê đất 70, tiền trả lãi vay: 50, lợi nhuận: 120, thuế gián thu: 100, thu nhập ròng từ nước ngoài: 100, chỉ số giá năm 2004: 150, chỉ số giá năm 2003 là 120 (đơn vị tính theo năm gốc: 100)

Tỷ lệ lạm phát năm 2003:

- a.20%
- b.30%
- c.25%**
- d.50%

Câu 5.

Chỉ tiêu đo lường tốt nhất sự gia tăng của cải vật chất trong nền kinh tế là

- a.Đầu tư ròng.**
- b.Tổng đầu tư
- c.Tổng đầu tư gồm cơ sở sản xuất và thiết bị.
- d.Tái đầu tư

Câu 6.

Đồng nhất thức nào sau đây không thể hiện sự cân bằng

- a. $Y = C + I + G$
- b. $C + I = C + S$
- c. $S + T = I + G$
- d. $S = f(Y)$**

Câu 7.

Chỉ tiêu đo lường giá trị bằng tiền của toàn bộ hàng hóa và dịch vụ cuối cùng do công dân một nước sản xuất ra một thời kỳ nhất định

- a.Thu nhập quốc dân
- b.Tổng sản phẩm quốc dân**
- c.Sản phẩm quốc dân ròng.
- d.Thu nhập khả dụng.

Câu 8.

Yếu tố nào sau đây không phải là tính chất của GNP danh nghĩa

- a.Tính theo giá cố định.**

- b.Chỉ đo lường sản phẩm cuối cùng.
- c.Tính cho một thời kỳ nhất định.
- d.Không cho phép tính giá trị hàng hóa trung gian.

Câu 9.

Chỉ tiêu không đo lường giá trị hàng hóa và dịch vụ cuối cùng

- a.Tổng sản phẩm quốc dân.
- b.Sản phẩm quốc dân ròng.
- c.Thu nhập khả dụng
- d.Không câu nào đúng.**

Câu 10. Yếu tố nào sau đây không phải là một yếu tố chi phí

- a.Thu nhập của chủ sở hữu xí nghiệp.
- b.Tiền lương của người lao động
- c.Trợ cấp trong kinh doanh**
- d.Tiền thuê đất.

Câu 11.

Khoản nào sau đây không phải là thuế gián thu trong kinh doanh:

- a.Thuế giá trị gia tăng
- b.Thuế thừa kế tài sản
- c.Thuế thu nhập doanh nghiệp
- d.B và C đúng.**

Câu 12.

..... được tính bằng cách cộng toàn bộ các yếu tố chi phí trên lãnh thổ một quốc gia trong một thời kì nhất định

- a.Tổng sản phẩm quốc nội**
- b.Tổng sản phẩm quốc dân
- c.Sản phẩm quốc dân ròng
- d.Thu nhập khả dụng

Câu 13.

.... không nằm trong thu nhập cá nhân

- a.Lợi nhuận của chủ doanh nghiệp
- b.Thuế thu nhập doanh nghiệp
- c.Thuế giá trị gia tăng
- d.B và C đúng**

Câu 14. Chi chuyển nhượng là các khoản

- a.Chính phủ trợ cấp cho cựu chiến binh.
- b.Trợ cấp thất nghiệp
- c.Trợ cấp hưu trí.

d.Tất cả các câu trên

Câu 15.

Giới hạn của kế toán tổng thu nhập quốc dân là

- a.Không đo lường chi phí xã hội
- b.Không đo lường được các hoạt động kinh tế ngầm
- c.Không bao gồm giá trị của thời giờ nhàn rỗi.
- d.Tất cả các câu trên

Câu 16. Tổng sản phẩm quốc dân danh nghĩa năm 1990 là 398 tỷ, năm 2000 là 676 tỷ. Chỉ số giá năm 1990 là 91 và chỉ số giá cả năm 2000 là 111. Tổng sản phẩm quốc dân thực giữa năm 1990 và 2000 sẽ là

- a.Giữ nguyên không thay đổi
- b.Chênh lệch khoảng 40%
- c.Chênh lệch khoảng 70%
- d.Chênh lệch khoảng 90%

Câu 17. Chỉ tiêu nào nhỏ nhất trong những chỉ tiêu đo lường sản lượng quốc gia

- a.Tổng sản phẩm quốc dân
- b.Sản phẩm quốc dân ròng
- c.Thu nhập cá nhân
- d.Thu nhập khả dụng

Câu 18.

GNP danh nghĩa bao gồm

- a.Tiền mua bột mì của một lò bánh mì.
- b.Tiền mua sợi của một nhà máy dệt vải
- c.Bột mỳ được mua bởi một nhà nội trợ.
- d.Không câu nào đúng.

Câu 19.

Theo hệ thống MPS, tổng sản lượng quốc gia chỉ tính

- a.Sản phẩm của những ngành sản xuất vật chất.
- b.Sản phẩm của những ngành sản xuất vật chất và sản phẩm của những ngành dịch vụ phục vụ cho sản xuất và lưu thông hàng hóa.
- c.Sản phẩm của những ngành sản xuất vật chất và sản phẩm
- d.Tất cả đều đúng.

Câu 20.

Sản phẩm trung gian và sản phẩm cuối cùng khác nhau ở chỗ

- a.Mục đích sử dụng.
- b.Là nguyên liệu và không phải là nguyên liệu
- c.Thời gian tiêu thụ

d.Các câu trên đều sai.

Câu 1.

GDP là chỉ tiêu sản lượng quốc gia được tính theo:

- a.Quan điểm lãnh thổ
- b.Sản phẩm cuối cùng được tạo ra trong năm.
- c.Giá trị gia tăng của tất cả các ngành sản xuất hàng hóa và dịch vụ trong nước và ngoài nước trong năm.
- d.A và B đều đúng.**

Câu 2.

GNP là chỉ tiêu sản lượng quốc gia được tính theo:

- a.Sản phẩm trung gian được tạo ra trong năm
- b.Quan điểm sở hữu**
- c.A và B đúng
- d.A và B sai.

Câu 3.

Sản lượng tiềm năng là:

- a.Mức sản lượng mà nền kinh tế có thể đạt được tương ứng với tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên**
- b.Mức sản lượng tối đa mà nền kinh tế có thể đạt được tương ứng với tỷ lệ thất nghiệp bằng không
- c.Mức sản lượng mà nền kinh tế có thể đạt được khi sử dụng 100% các nguồn lực.
- d.Các câu trên đều sai.

Câu 4.

Tổng sản phẩm quốc gia là chỉ tiêu

- a.Phản ánh giá trị của toàn bộ sản phẩm cuối cùng và dịch vụ được tạo ra trên lãnh thổ một nước.
- b.Phản ánh giá trị của toàn bộ sản phẩm cuối cùng và dịch vụ do công dân một nước sản xuất trong một năm.**
- c.Phản ánh toàn bộ thu nhập được quyền sử dụng theo ý muốn của công chúng trong 1 năm.
- d.Phản ánh phần thu nhập mà công dân trong nước kiếm được ở nước ngoài.

Câu 5.

Thu nhập khả dụng là:

- a.Thu nhập được quyền dùng tự do theo ý muốn dân chúng.**
- b.Thu nhập của công chúng bao gồm cả thuế thu nhập cá nhân

- c.Tiết kiệm còn lại sau khi đã tiêu dùng.
- d.Thu nhập tài sản ròng từ nước ngoài.

Câu 6.

Nếu một nhà nông sản xuất tất cả thực phẩm mà ông tiêu dùng GNP sẽ được tính không đủ

- a.Đúng
- b.Sai

Câu 7.

Nếu một công nhân hằng kem PS nhận một phần tiền lương là bữa ăn trưa hàng ngày, trị giá bữa ăn này không được tính vào GNP:

- a.Đúng
- b.Sai

Câu 8.

Tổng cộng C,I,G và X-M bằng tổng chi phí các yếu tố cộng khao hao

- a.Đúng
- b.Sai

Câu 9. Thu nhập cá nhân không bao gồm tiền lãi nợ công

- a.Đúng
- b.Sai

Câu 10. Hạn chế của cách thu nhập quốc gia theo SNA là nó không luôn luôn phản ánh giá trị xã hội

- a.Đúng
- b.Sai

Câu 11. Sản lượng quốc gia tăng không có nghĩa là mức sống của các nhân tăng

- a.Đúng
- b.Sai

Câu 12.

Tăng trưởng kinh tế xảy ra khi

- a.Giá trị sản lượng hàng hóa tăng
- b.Thu nhập trong dân cư tăng lên
- c.Đường giới hạn khả năng sản xuất dịch chuyển sang phải
- d.Các câu trên đều đúng.

Câu 13. GDP danh nghĩa (tỷ USD)	Hệ số giảm phát(%)
Năm 1994: 20	100
Năm 1995: 25	114
GDP thực tế năm 1995:	
a.27,3 tỷ USD	
b.21,14 tỷ USD	
c. 22,929 tỷ USD	
d.B và C đúng	

Câu 14. GDP danh nghĩa (tỷ USD)	Hệ số giảm phát(%)
Năm 1994: 20	100
Năm 1995: 25	114
Tốc độ tăng trưởng kinh tế:	
a.7,73%	
b.14,54%	
c.11,24%	
d.9,6%	

Câu 15.

GDP thực và GDP danh nghĩa của một năm bằng nhau nếu

- a.Tỷ lệ lạm phát của năm hiện hành bằng tỷ lệ lạm phát của năm trước.
- b.Chỉ số giá năm hiện hành bằng chỉ số giá năm trước.
- c.Tỷ lệ lạm phát của năm hiện hành bằng tỷ lệ lạm phát của năm gốc.
- d.Chỉ số giá của năm đó bằng chỉ số giá của năm gốc.**

Câu 16. Giá trị phần tăng của một xí nghiệp là

- a.Phần còn lại của giá trị sản phẩm sau khi trừ đi những chi phí nguyên liệu để sản xuất sản phẩm.
- b.Phần còn lại của giá trị sản phẩm sau khi trừ đi toàn bộ chi phí vật chất mua ngoài để sản xuất sản phẩm**
- c.Phần còn lại của giá trị sản phẩm sau khi trừ đi toàn bộ chi phí vật chất để sản xuất sản phẩm
- d.Phần còn lại của giá trị sản phẩm sau khi trừ đi chi phí tiền lương để sản xuất sản phẩm.

Câu 17. Tiêu dùng tự định

- a.Tiêu dùng tối thiểu
- b.Tiêu dùng không phụ thuộc thu nhập
- c.Tiêu dùng tương ứng với tiết kiệm tự định
- d.Tất cả đều đúng.**

Câu 18.

Quy luật tâm lý cơ bản của Keynes cho rằng

- a.Tiêu dùng của các hộ gia đình sẽ luôn luôn gia tăng bằng mức gia tăng thu nhập.
- b.Người ta sẽ tiết kiệm thêm nếu như thu nhập của họ cao hơn nhưng sẽ không tiết kiệm bất cứ điều gì nếu thu nhập thấp hơn.
- c.Người ta sẽ tiết kiệm một phần trong bất cứ gia tăng nào trong thu nhập.
- d.Khi tiêu dùng gia tăng sẽ gia tăng thu nhập.

Câu 19.

Độ dốc của hàm số tiêu dùng được quyết định bởi

- a.Khuynh hướng tiêu dùng trung bình
- b.Tổng số tiêu dùng tự định.
- c.Khuynh hướng tiêu dùng biên.
- d.Không có câu nào đúng.

Câu 20.

Nếu khuynh hướng tiêu dùng biên là một hằng số thì tiêu dùng biên có dạng

- a.Một đường thẳng.
- b.Một đường cong lồi.
- c.Một đường cong lõm.
- d.Một đường cong vừa lồi vừa lõm.

Câu 1.

Tìm câu sai trong những câu sau đây:

- a. $MPC = 1 - MPS$
- b. $MPC + MPS = 1$
- c. **$MPS = Yd/S$**
- d.Không có câu nào sai.

Câu 2.

Giả sử không có chính phủ và ngoại thương, nếu tiêu dùng tự định là 30, đầu tư là 40, $MPS = 0,1$. Mức sản lượng cân bằng là

- a.Khoảng 77
- b.430
- c.**700**
- d.400

Câu 3.

Số nhân của tổng cầu phản ánh

- a.Mức thay đổi trong sản lượng khi tổng cầu tự định thay đổi 1 đơn vị.
- b.Mức thay đổi trong đầu tư khi sản lượng thay đổi.

- c.Mức thay đổi trong AD khi Y thay đổi 1 đơn vị.
- d.Không câu nào đúng.

Câu 4.

Nếu đầu tư gia tăng thêm một lượng 15 và khuynh hướng tiêu dùng biên là 0,, khuynh hướng đầu tư biên bằng 0. Mức sản lượng sẽ:

- a.Gia tăng thêm là 19
- b.Gia tăng thêm là 27
- c.**Gia tăng thêm là 75**
- d.Không có câu nào đúng

Câu 5.

Nếu có một sự giảm sút trong đầu tư của tư nhân 10 tỷ, $C_m = 0,75$, $I_m = 0$, mức sản lượng sẽ

- a.**Giảm xuống 40 tỷ**
- b.Tăng lên 40 tỷ
- c.Giảm xuống 13,33 tỷ
- d.Tăng lên 13,33 tỷ

Câu 6.

Một sự rò rỉ lớn hơn từ dòng chu chuyển kinh tế sẽ dẫn đến

- a.Số nhân lớn hơn.
- b.Số tiền thuế của chính phủ nhiều hơn.
- c.Khuynh hướng tiêu dùng biên lớn hơn.
- d.Số nhân nhỏ hơn.**

Câu 7.

Số nhân của nền kinh tế đơn giản trong trường hợp đầu tư thay đổi theo sản lượng sẽ là

- a. $1/(1-MPC)$
- b. $1/(1-MPS)$
- c. $1/(1-MPC-MPS)$
- d. $1/(1-MPC-MPI)$**

Câu 8.

Nếu MPS là 0,3; MPI là 0,1 khi đầu tư giảm bớt 5 tỷ. Mức sản lượng sẽ thay đổi

- a.Giảm xuống 10 tỷ
- b.Tăng thêm 25 tỷ
- c.Tăng thêm 10 tỷ
- d.Giảm xuống 25 tỷ**

Câu 9. Nếu MPI là 0,2; sản lượng gia tăng 10 tỷ, vậy đầu tư sẽ gia tăng

- a.0 tỷ

- b.50 tỷ
- c.2 tỷ**
- d.5tỷ

Câu 10. Nếu tiêu dùng tự định là 35 tỷ, đầu tư tự định là 35 tỷ, MPI là 0,2 và MPC là 0,7. Mức sản lượng cân bằng là

- a.700 tỷ**
- b.350 tỷ
- c.210 tỷ
- d.850 tỷ

Câu 11.

Trong một nền kinh tế chỉ có 2 khu vực, có các hàm số:

$$C = 120 + 0,7 Y_d ; I = 50 + 0,1 Y ; Y_P = 1000 ; U_n = 5\%.$$

Mức sản lượng cân bằng

- a.850**
- b.750
- c.600
- d.1000

Câu 12.

Trong một nền kinh tế chỉ có 2 khu vực, có các hàm số:

$$C = 120 + 0,7 Y_d ; I = 50 + 0,1 Y ; Y_P = 1000 ; U_n = 5\%.$$

Tỷ lệ thất nghiệp tại mức sản lượng cân bằng:

- a.13,8%
- b.20%
- c.12,5%**
- d.Không có câu nào đúng

Câu 13. Trong một nền kinh tế chỉ có 2 khu vực, có các hàm số:

$$C = 120 + 0,7 Y_d ; I = 50 + 0,1 Y ; Y_P = 1000 ; U_n = 5\%.$$

Giả sử đầu tư tăng thêm là 20. Vậy mức sản lượng cân bằng mới:

- a.870
- b.916,66**
- c.950
- d.Không câu nào đúng.

Câu 14. Trong một nền kinh tế chỉ có 2 khu vực, có các hàm số:

$$C = 120 + 0,7 Y_d ; I = 50 + 0,1 Y ; Y_P = 1000 ; U_n = 5\%.$$

Giả sử đầu tư tăng thêm là 20.

Để đạt được sản lượng tiềm năng, tiêu dùng phải thay đổi một lượng là bao nhiêu?

- a.50
- b.10
- c.15
- d.Không câu nào đúng

Câu 15.

Tại giao điểm của hai đường AS và AD trong đồ thị 45 độ:

- a.Tổng cung hàng hóa và dịch vụ bằng tổng cầu hàng hóa và dịch vụ.
- b.Tổng thu nhập bằng tổng chi tiêu.
- c.Tổng sản lượng bằng tổng thu nhập.
- d.a, b, c đều đúng.

Câu 16. Chi tiêu đầu tư phụ thuộc:

- a.Đồng biến với lãi suất
- b.Đồng biến với sản lượng quốc gia
- c.Nghịch biến với lãi suất
- d.b và c đều đúng

Câu 17. Khi nền kinh tế đạt được mức toàn dụng, điều đó có nghĩa là:

- a.Không còn lạm phát.
- b.không còn thất nghiệp.
- c. **Vẫn tồn tại một tỷ lệ lạm phát và thất nghiệp.**
- d.a, b, c đều sai.

Câu 18.

Nếu hàm tiêu dùng là một đường thẳng:

- a.Thu nhập khả dụng càng tăng thì tiêu dùng càng tăng.
- b.Thu nhập càng tăng thì tiêu dùng biến không đổi.
- c.a, b đều đúng
- d.a, b đều sai

Câu 19.

Hạn chế của cách thu nhập quốc gia theo SNA là nó không luôn phản ánh giá trị xã hội:

- a.**Đúng**
- b.Sai

Câu 20.

Sản lượng quốc gia tăng không có nghĩa là mức sống của các nhân tăng

- a.**Đúng**
- b.Sai

Câu 1. Tiêu dùng tự định là

- a.Tiêu dùng tối thiểu
- b.Tiêu dùng không phụ thuộc thu nhập
- c.Tiêu dùng tương ứng với tiết kiệm tự định
- d.a b c đều đúng

Câu 2. Giao điểm của hai hàm tiêu dùng và tiết kiệm cho biết tại đó

- a.Tiêu dùng bằng tiết kiệm
- b.Tiêu dùng bằng thu nhập khả dụng
- c.Tiết kiệm bằng thu nhập khả dụng
- d.a b c đều sai

Câu 3. Thu nhập giảm làm cho tiêu dùng giảm, tiêu dùng giảm kéo theo mức thu nhập xuống, như vậy

- a.Thu nhập là biến số của tiêu dùng
- b.Tiêu dùng là biến số của thu nhập
- c.Thu nhập và tiêu dùng đôi khi vừa là hàm số vừa là biến số
- d.a b c đúng

Câu 4.

Cho biết $k = 1/(1 - C_m)$. Đây là số nhân trong

- a.Nền kinh tế đóng, không chính phủ
- b.Nền kinh tế đóng, có chính phủ
- c.Nền kinh tế mở
- d.a b c đều có thể đúng

Câu 5.

Điểm trung hòa trong hàm tiêu dùng của công chúng là điểm mà tại đó

- a.Tiêu dùng bằng thu nhập khả dụng $C = Y_d$
- b.Tiết kiệm bằng không $S=0$
- c.Đường tiêu dùng cắt đường 45 độ
- d.a b c đều đúng

Câu 6.

Khuynh hướng tiêu dùng biên là

- a.Phần thu nhập khả dụng tăng thêm khi sản lượng tăng thêm 1 đơn vị
- b.Phần tiêu dùng giảm xuống khi thu nhập khả dụng giảm bớt 1 đơn vị
- c.Phần tiêu dùng tăng thêm khi thu nhập khả dụng tăng thêm 1 đơn vị
- d.b và c

Câu 7. Khuynh hướng tiết kiệm biên là

- a.Phần tiết kiệm tối thiểu khi $Y_d = 0$

- b.Phần tiết kiệm tăng thêm khi sản lượng tăng thêm 1 đơn vị
- c.Phần thu nhập còn lại sau khi đã tiêu dùng
- d.Phần tiết kiệm tăng thêm khi thu nhập khả dụng tăng thêm 1 đơn vị**

Câu 8.

Trong nền kinh tế đơn giản (nền kinh tế đóng không chính phủ), với $C = 1000 + 0.75Yd$, $I = 200$ thì sản lượng cân bằng

- a. $Y = 1200$
- b. $Y = 3000$
- c. $Y = 4800$**
- d.Không câu nào đúng

Câu 9.

Một nền kinh tế được mô tả bởi các hàm số $C = 1000 + 0.7Yd$, $I = 200 + 0.1Y$

- a. $k = 2$
- b. $k = 4$
- c. $k = 5$**
- d. $k = 2.5$

Câu 10. Sản lượng cân bằng là sản lượng mà tại đó

- a.Tổng cung bằng tổng cầu
- b.Tổng chi tiêu mong muốn bằng tổng sản lượng sản xuất của nền kinh tế
- c.Đường tổng cầu cắt đường 45 độ
- d.Các câu trên đều đúng.**

Câu 11.

Nếu hàm tiêu dùng có dạng $C=1000+0.75Yd$ thì hàm tiết kiệm có dạng

- a. $S = 1000 + 0.25Yd$
- b. $S = -1000 + 0.25Yd$**
- c. $S = -1000 + 0.75Yd$
- d.Các câu trên sai

Câu 12. Nếu $Y < Y_{cb}$ thì

- a. $Y < AD$**
- b.Tổng đầu tư thực tế $<$ Tổng đầu tư dự kiến
- c.Tổng tiết kiệm nhỏ hơn tổng đầu tư dự kiến
- d.Các câu trên đúng**

Câu 13.

Nếu mọi người đều gia tăng tiết kiệm, trong điều kiện các yếu tố khác không đổi sẽ làm cho

- a.Sản lượng thực tăng
- b.Sản lượng thực không đổi

- c.Sản lượng giảm
- d.Các câu trên đúng

Câu 14. Các nhà kinh tế học cổ điển cho rằng đường tổng cung (AS)

- a.Thẳng đứng tại muwacs sản lượng tiềm năng
- b.Nằm ngang
- c.Dốc lên
- d.Nằm ngang khi $Y<="" td=""">$

Câu 15.

MPC là độ dốc của hàm tiêu dùng

- a.Đúng
- b.Sai

Câu 16.

Keynes giả sử rằng hàm tiêu dùng khá ổn định trong phân tích ngắn hạn

- a.Đúng
- b.Sai

Câu 17. Nếu MPC có trị số dương, MPS có trị số âm

- a.Đúng
- b.Sai

Câu 18.

Nếu tổng cầu và tổng cung cân bằng, đầu tư phải bằng tiết kiệm

- a.Đúng
- b.Sai

Câu 19.

Tác động của số nhân chỉ áp dụng với sự thay đổi trong đầu tư, không áp dụng nếu có sự thay đổi trong các yếu tố tự định khác

- a.Đúng
- b.Sai

Câu 20. MPC phản ánh sự thay đổi của tiêu dùng khi thu nhập khả dụng thay đổi 1 đơn vị

- a.Đúng
- b.Sai

Câu 1. Thu nhập khả dụng là phần thu nhập các hộ gia đình nhận được

- a.Sau khi đã nộp các khoản thuế cá nhân, BHXH và nhận thêm các khoản chi phí chuyển nhượng của chính phủ
- b.Do cung ứng các yếu tố sản xuất
- c.Sau khi đã trừ đi phần tiết kiệm
- d.a b c đều sai

Câu 2. Thuật ngữ "tiết kiệm" được sử dụng trong phân tích kinh tế là

- a.Tiền sử dụng vào mục đích thanh toán khoản nợ đã vay
- b.Tiền mua bảo hiểm cá nhân, tiền mua cổ phiếu
- c.Phần còn lại của thu nhập khả dụng sau khi tiêu dùng
- d.a b c đều đúng

Câu 3. Tiêu dùng có mối quan hệ

- a.Nghịch chiều với thu nhập dự toán
- b.Cùng chiều với thu nhập khả dụng
- c.Cùng chiều với lãi suất
- d.a b c sai

Câu 4.

Phát biểu không đúng

- a.Khi $Y_d = 0$ thì tiêu dùng vẫn là số dương
- b. $MPC + MPS = 1$
- c.MPC không thể lớn hơn
- d.MPC và MPS luôn luôn trái dấu

Câu 5.

Trong nền kinh tế đóng và không có chính phủ, bắt đầu từ mức cân bằng. Giả sử $MPC=0.6$, tăng đầu tư tự định 30 tỷ, thì sản lượng tăng thêm

- a.30 tỷ đồng nếu khuynh hướng đầu tư biên theo Y bằng 0
- b.75 tỷ đồng nếu khuynh hướng đầu tư biên theo Y bằng 0
- c.150 tỷ đồng nếu khuynh hướng đầu tư biên theo Y bằng 0
- d.a b c đều sai

Câu 6.

Đầu tư theo kế hoạch là 100 tỷ đồng. Mọi người quyết định tiết kiệm một tỷ phần cao hơn thu nhập, cụ thể là hàm tiết kiệm thay đổi từ $S=0.3Y$ đến $S=0.5Y$. Khi đó

- a.Thu nhập cân bằng giảm
- b.Tiết kiệm thay đổi
- c.Tiết kiệm giảm
- d.a b đúng

Câu 7. Trong một nền kinh tế đóng cửa và không có chính phủ, nếu nhu cầu đầu tư dự kiến là 400 tỷ đồng và hàm tiêu dùng $C=100 + 0.8Y_d$ mức thu nhập cân bằng là

- a.2500 tỷ đồng
- b.1000 tỷ đồng
- c.2000 tỷ đồng
- d.Không câu nào đúng

Câu 8.

Trong lý thuyết tổng quát "Keynes" liên kết mức nhân dụng với

- a.Thu nhập khả dụng
- b.Sản lượng
- c.Số giờ làm việc trong tuần
- d.Không câu nào đúng

Câu 9.

Khi tổng cung vượt tổng cầu, hiện tượng xảy ra ở các hằng

- a.Tăng lợi nhuận
- b.Giảm hàng tồn kho
- c.Tăng hàng tồn kho
- d.Tồn kho không đổi và sản lượng sẽ giảm

Câu 10. Mức sản lượng của nền kinh tế là 1500 tỷ đồng, tổng cầu là 1200 tỷ đồng và tỷ lệ thất nghiệp cao, có thể kết luận

- a.Tỷ lệ thất nghiệp giảm
- b.Thu nhập sẽ tăng
- c.Thu nhập sẽ cân bằng
- d.Tỷ lệ thất nghiệp tăng

Câu 11.

Keynes kết luận rằng giao điểm của tổng cầu và tổng cung

- a.Sẽ luôn là mức toàn dụng nhân công
- b.Không nhất thiết là mức toàn dụng
- c.Sẽ không bao giờ là mức toàn dụng nhân công
- d.Không bao giờ là vị trí cân bằng

Câu 12. Độ dốc đường AD là

- a. AD/Y
- b.Khuynh hướng chi tiêu biên
- c.Có thể là khuynh hướng tiêu dùng biên, khuynh hướng đầu tư biên theo Y
- d.Các câu trên đúng

Câu 13.

Các nhân tố ảnh hưởng đến đầu tư

- a.Lãi suất
- b.Lạm phát dự đoán
- c.Sản lượng quốc gia
- d.Các câu trên đúng

Câu 14. Theo lý thuyết xác định sản lượng, nếu lượng tồn kho ngoài kế hoạch tăng thì tổng cầu dự kiến sẽ

- a.Nhỏ hơn sản lượng thực và các doanh nghiệp sẽ giảm sản lượng
- b.Lớn hơn sản lượng thực và các doanh nghiệp sẽ tăng sản lượng

Câu 15.

Nhân tố chính nào là nhân tố ảnh hưởng đến tiêu dùng của hộ gia đình

- a.Thu nhập khả dụng
- b.Thu nhập dự toán
- c.Lãi suất
- d.Các câu trên đúng

Câu 16.

Kinh tế thị trường không đảm bảo rằng mức tiết kiệm và đầu tư bằng nhau, do đó chúng ta cần có kế hoạch hóa tập trung

- a.Đúng
- b.Sai

Câu 17. Sản lượng giảm dần đến chi tiêu giảm đi và sản lượng do vậy giảm đi nữa, nền kinh tế có thể theo vòng xoắn ốc suy giảm mãi

- a.Đúng
- b.Sai

Câu 18.

Mọi người sẵn sàng tiết kiệm nhiều hơn trong ngắn hạn thì đầu tư sẽ tăng và nền kinh tế sẽ có mức sản xuất cao hơn

- a.Đúng
- b.Sai

Câu 19. Các hộ gia đình chỉ có thể tiêu dùng hoặc tiết kiệm trong số thu nhập khả dụng nên tiêu dùng và tiết kiệm gộp lại đúng bằng thu nhập khả dụng

- a.Đúng
- b.Sai

Câu 20. APC và MPC luôn luôn bằng nhau

- a.Đúng
- b.Sai

**Câu 1. Lý do quan trọng nào giải thích tỷ lệ chi tiêu của chính phủ trong GNP đã
gia tăng từ 1929**

- a.Mức sản lượng gia tăng liên tục
- b.Lạm phát
- c.Sự gia tăng dân số
- d.Sự gia tăng nhu cầu của khu vực công cộng

Câu 2. Khoản chi nào sau đây không phải là khoản chi chuyển nhượng

- a.Tiền lãi về khoản nợ công cộng
- b.Tiền trợ cấp thất nghiệp
- c.Tiền trả để giữ gìn an ninh xã hội
- d.a c đúng

Câu 3. Cách đo lường tốt nhất sự tăng trưởng trong khu vực công cộng

- a.Tỉ lệ phần trăm chi tiêu công cộng trong tổng sản lượng quốc dân
- b.Những khoản chi tiêu của cả loại tài nguyên cạn kêt và không cạn kiệt
- c.Tỉ lệ phần trăm chi tiêu về hàng hóa và dịch vụ của chính phủ trong tổng sản phẩm quốc dân
- d.Tỉ lệ phần trăm chuyển nhượng của chính phủ trong tổng sản phẩm quốc dân

Câu 4.

**Hoạt động nào sau đây không phải là một trong những nguyên nhân quan trọng
nhất của sự gia tăng trong chi tiêu công cộng**

- a.Xây dựng công trình phúc lợi công cộng
- b.Chiến tranh
- c.Quốc phòng
- d.Những hoạt động điều chỉnh của chính phủ

Câu 5.

Đồng nhất thức nào sao đây thể hiện sự cân bằng

- a. $S-T=I-G$
- b. $S+I=G-T$
- c. $S+I=G+T$
- d. $S+T=I+G$

Câu 6. Số nhân chi tiêu của chính phủ về hàng hóa và dịch vụ

- a.Nghịch đảo số nhân đầu tư
- b.1 trừ số nhân đầu tư
- c.Bằng số nhân chi chuyển nhượng
- d.Bằng với số nhân của đầu tư**

Câu 7. Khi có sự thay đổi trong các khoản thuế hoặc chi chuyển nhượng, tiêu dùng sẽ

- a.Thay đổi bằng với mức thay đổi của thuế hoặc chi chuyển nhượng
- b.Thay đổi lớn hơn mức thay đổi của thuế hoặc chi chuyển nhượng
- c.Thay đổi nhỏ hơn mức thay đổi của thuế hoặc chi chuyển nhượng**
- d.Các trường hợp trên đều sai.

Câu 8.

Điểm khác nhau giữa số nhân của thuế và số nhân trợ cấp là

- a.Số nhân của thuế luôn luôn nhỏ hơn số nhân của trợ cấp
- b.Số nhân của thuế dương, số nhân của trợ cấp âm
- c.Số nhân của thuế thì âm, số nhân của trợ cấp thì dương**
- d.Không câu nào đúng

Câu 9.

Nếu xu hướng tiêu dùng biên là 0.75, đầu tư biên theo sản lượng là 0, thuế biên là 0.2. Số nhân của nền kinh tế sẽ là

- a. $k = 2$
- b. $k = 4$
- c. $k = 5$
- d. $k = 2.5$**

Câu 10. Nếu xu hướng tiết kiệm biên là 0.2, thuế biên là 0.1, đầu tư biên là 0.08. Số nhân chi tiêu của nền kinh tế là

- a. $k=4$
- b. $k=6$
- c. $k=5$**
- d.Các trường hợp trên đều sai.

Câu 11. Nếu số nhân chi tiêu của chính phủ là 8 , số nhân của thuế (trong trường hợp đơn giản) sẽ là

- a.6
- b.Thiếu thông tin**
- c.5
- d.7

Câu 12. Nếu chi chuyển nhượng giá tăng 8 tỷ và xu hướng tiết kiệm biên là 0.3 thì

- a.Tiêu dùng sẽ tăng ít hơn 5.6 tỷ

- b.Tổng cầu tăng thêm 8 tỷ
- c.Tổng cầu tăng thêm ít hơn 8 tỷ
- d.Tiêu dùng sẽ tăng thêm 5.6 tỷ**

Câu 13.

Giả sử thuế biên ròng và đầu tư biên là 0, nếu thuế và chi tiêu của chính phủ cả hai đều gia tăng 8 tỷ. Mức sản lượng sẽ

- a.Giảm xuống
- b.Không đổi
- c.Tăng lên**
- d.Các trường hợp trên đều sai.

Câu 14. Độ dốc của đường X-M âm vì

- a.Xuất khẩu là hằng số trong khi nhập khẩu gia tăng khi sản lượng tăng lên**
- b.Xuất khẩu là hằng số trong khi xuất khẩu giảm xuống khi sản lượng tăng lên
- c.Giá trị hàng hóa nhập khẩu giảm xuống khi sản lượng tăng lên
- d.Giá trị hàng hóa nhập khẩu giảm xuống khi sản lượng tăng lên

Câu 15.

Đường S-I (với hàm đầu tư theo sản lượng) có độ dốc dương vì

- a.Tiết kiệm tăng nhanh hơn đầu tư tăng**
- b.Tiết kiệm và đầu tư tăng như nhau
- c.Tiết kiệm gia tăng với tỷ lệ nhỏ hơn sự gia tăng của đầu tư
- d.Không có câu nào đúng

Câu 16.

Xuất phát từ điểm cân bằng,gia tăng xuất khẩu sẽ

- a.Tạo ra sự tiết kiệm để đầu tư trong nước**
- b.Dẫn đến cân bằng thương mại
- c.Tạo ra sự đầu tư để thực hiện tiết kiệm
- d.Dẫn đến sự cân bằng sản lượng

Câu 17. Giả sử MPT=0, MPI=0, MPC= 0.6, MPM=0.1, C₀=35, I₀=105, T₀=0, G=140, X=40, M₀=35. Mức sản lượng cân bằng

- a.710
- b.570**
- c.900
- d.Gần bằng 360

Câu 18.

Nếu cán cân thương mại thặng dư, khi đó

- a.Giá trị hàng hóa nhập khẩu lớn hơn xuất khẩu
- b.Giá trị hàng hóa nhập khẩu và xuất khẩu không thay đổi**

c.Giá trị hàng hóa xuất khẩu lớn hơn nhập khẩu

d.Giá trị hàng hóa nhập khẩu và xuất khẩu bằng nhau và thay đổi như nhau

Câu 19. Hàm số nhập khẩu phụ thuộc nhân tố sau

a.Sản lượng quốc gia

b.Tỷ giá hối đoái

c.Lãi suất

d.a b đúng

Câu 20. Giả sử $M_0=6$, $MPM=0.1$, $MPS=0.2$, $MPT=0.1$ và mức sản lượng là 450. Vậy giá trị hàng hóa nhập tại mức sản lượng trên sẽ

a. $M=51$

b. $M=45$

c. $M=9$

d.Không có câu nào đúng

Câu 1. Trong nền kinh tế mở có chính phủ, điều kiện cân bằng sẽ là

a. $I+T+G=S+I+M$

b. $S-T=I+G+X-M$

c. $M-X=I-G-S-T$

d. $S+T+M=I+G+X$

Câu 2. Giả sử $MPC=0.55$, $MPI=0.14$, $MPT=0.2$, $MPM=0.08$. Số nhân của nền kinh tế mở sẽ là

a.1.5

b.2.5

c.3

d.2

Câu 3. Giả sử $MPC=0.55$, $MPT=0.2$, $MPI=0.14$, $MPM=0.08$, $C_0=38$, $T_0=20$, $I_0=100$, $G=120$, $X=40$, $M_0=38$, $Y_p=600$, $Un=5\%$.

Mức sản lượng cân bằng

a.498

b.350

c.450

d.600

Câu 4.

Giả sử $MPC=0.55$, $MPT=0.2$, $MPI=0.14$, $MPM=0.08$, $C_0=38$, $T_0=20$, $I_0=100$, $G=120$, $X=40$, $M_0=38$, $Y_p=600$, $Un=5\%$. Tình trạng ngân sách tại điểm cân bằng

a.Thâm hụt

b.Thiếu thông tin kết luận

- c.Thặng dư
- d.Cân bằng**

Câu 5.

Giả sử MPC=0.55, MPT=0.2, MPI=0.14, MPM=0.08, C₀=38, T₀=20, I₀=100, G=120, X=40, M₀=38, Y_p=600, Un=5%. Tình trạng cán cân thương mại

- a.Thâm hụt 37.8**
- b.Thặng dư 37.8
- c.Cân bằng
- d.Không có câu nào đúng

Câu 6.

Giả sử MPC=0.55, MPT=0.2, MPI=0.14, MPM=0.08, C₀=38, T₀=20, I₀=100, G=120, X=40, M₀=38, Y_p=600, Un=5%. Tỷ lệ thất nghiệp tại mức sản lượng cân bằng

- a.U=8.33%
- b.U=13.5%**
- c.U=8.5%
- d.Không có câu nào đúng

Câu 7. Giả sử MPC=0.55, MPT=0.2, MPI=0.14, MPM=0.08, C₀=38, T₀=20, I₀=100, G=120, X=40, M₀=38, Y_p=600, Un=5%. Giả sử chính phủ tăng chi tiêu thêm 20 và đầu tư tư nhân tăng thêm 5. Mức sản lượng cân bằng mới

- a.Y=600
- b.Y=500
- c.Y=548**
- d.Không có câu nào đúng

Câu 8.

Giả sử MPC=0.55, MPT=0.2, MPI=0.14, MPM=0.08, C₀=38, T₀=20, I₀=100, G=120, X=40, M₀=38, Y_p=600, Un=5%. Và với Y=548, để đạt được sản lượng tiềm năng, xuất khẩu phải tăng thêm

- a.20
- b.50
- c.26**
- d.Không có câu nào đúng

Câu 9.

Thuế suất và thuế suất biên là hai khái niệm

- a.Hoàn toàn khác nhau
- b.Hoàn toàn giống nhau
- c.Có khi thuế suất là thuế biên**
- d.Không có câu nào đúng

Câu 10. Một ngân sách cân bằng khi

- a.Thu của ngân sách bằng chi của ngân sách
- b.Số thu thêm bằng số chi thêm
- c.a b đúng
- d.a b sai

Câu 11.

Khi nền kinh tế đang suy thoái thì chính phủ nên tăng chi ngân sách mua hàng hóa và dịch vụ

- a.Đúng ,vì tăng chi ngân sách như vậy sẽ làm tăng tổng cầu do đó làm tăng sản lượng
- b.Sai, vì khi nền kinh tế suy thoái, nguồn thu của chính phủ bị giảm, do đó chính phủ không thể tăng chi ngân sách được

Câu 12. Giả sử sản lượng cân bằng ở mức thất nghiệp tự nhiên, chính phủ muốn tăng chi tiêu thêm 5 tỷ đồng mà không muốn lạm phát cao xảy ra thì chính phủ nên

- a.Tăng thuế 5 tỷ
- b.Giảm thuế 5 tỷ
- c.Tăng thuế ít hơn 5 tỷ
- d.Tăng thuế hơn 5 tỷ

Câu 13.

Chính sách giảm thuế của chính phủ sẽ làm

- a.Tăng tổng cầu và lãi suất giảm
- b.Giảm tổng cầu và lãi suất tăng
- c.Tăng tổng cầu do thu nhập khả dụng tăng
- d.Giảm tổng cầu do thu nhập khả dụng giảm

Câu 14. Nếu tỷ lệ lạm phát tăng 5% và lãi suất danh nghĩa tăng 3% thì lãi suất thực

- a.Giảm 2%
- b.Tăng 2%
- c.Giảm 8%
- d.Tăng 8%

Câu 15.

Nhập khẩu tự định là

- a.Mức nhập khẩu tối thiểu không phụ thuộc sản lượng Y
- b.Hạn ngạch do chính phủ cấp
- c.a b đúng
- d.a b sai

Câu 16.

Khi sản lượng thực tế nhỏ hơn sản lượng tiềm năng ($Y < Y_p$) nên áp dụng chính sách mở rộng tài khóa bằng cách

- a.Tăng chi ngân sách và tăng thuế
- b.Giảm chi ngân sách và tăng thuế
- c.**Tăng chi ngân sách và giảm thuế**
- d.Giảm chi ngân sách và và thuế

Câu 17. Ngân sách thặng dư khi

- a.Tổng thu ngân sách bằng tổng chi ngân sách
- b.**Tổng thu ngân sách lớn hơn tổng chi ngân sách**
- c.Tổng thu ngân sách nhỏ hơn tổng chi ngân sách
- d.Phần thuế thu tăng thêm lớn hơn phần chi ngân sách tăng thêm

Câu 18.

Cho biết khuynh hướng tiêu dùng biên là 0.75, khuynh hướng đầu tư biên là 0.15, thuế suất biên là 0.2, Số nhân tổng quát là

- a.k=2
- b.k=5
- c.**k=4**
- d.k=2.5

Câu 19. Cắt giảm các khoản chi ngân sách của chính phủ là một trong những biện pháp để

- a.Giảm tỷ lệ thất nghiệp
- b.**Hạn chế lạm phát**
- c.Tăng đầu tư cho giáo dục
- d.Giảm thuế

Câu 20. Nhân tố ổn định tự động của nền kinh tế

- a.Thuế thu nhập lũy tiến và trợ cấp thất nghiệp
- b.Tỷ giá hối đoái
- c.Lãi suất và tỷ giá hối đoái
- d.Các trường hợp trên đều đúng

Câu 1. Số nhân tiền tệ được định nghĩa là

- a.Hệ số phản ánh sự thay đổi trong lượng cầu tiền khi thay đổi một đơn vị tiền mạnh
- b.Hệ số phản ánh sự thay đổi trong sản lượng khi thay đổi một đơn vị tiền mạnh
- c.Hệ số phản ánh sự thay đổi trong lượng cầu tiền khi thay đổi một đơn vị trong tổng cầu

d.Hệ số phản ánh sự thay đổi trong mức cung tiền khi thay đổi một đơn vị tiền mạnh

Câu 2. Trong điều kiện lý tưởng số nhân tiền tệ sẽ bằng

- a.Một chia cho xu hướng tiết kiệm biên
- b.Một chia cho xu hướng tiêu dùng biên
- c.Một chia cho tỷ lệ vay
- d.Một chia cho tỷ lệ dự trữ bắt buộc**

Câu 3. Giả sử dự trữ bắt buộc là 10%, dự trữ tự ý là 10%, tỷ lệ tiền mặt ngoài ngân hàng so với tiền ký thác ở ngân hàng là 60%. Số nhân tiền tệ trong trường hợp này sẽ là

- a.2**
- b.3
- c.4
- d.5

Câu 4.

Số nhân tiền tệ có mối quan hệ

- a.Tỷ lệ nghịch với lãi suất
- b.Tỷ lệ thuận với tỷ lệ dự trữ bắt buộc
- c.Tỷ lệ thuận với cơ sở tiền
- d.Tỷ lệ nghịch với tỷ lệ dự trữ bắt buộc**

Câu 5.

Chính phủ có thể giảm bớt lượng tiền cung ứng trong nền kinh tế bằng cách

- a.Bán chứng khoán của chính phủ trên thị trường chứng khoán
- b.Tăng lãi suất chiết khấu
- c.Tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc
- d.Các trường hợp trên đều đúng**

Câu 6. Lãi suất chiết khấu là mức lãi suất

- a.Ngân hàng trung gian áp dụng đối với người gửi tiền
- b.Ngân hàng trung gian áp dụng đối với người vay tiền
- c.Ngân hàng trung ương áp dụng đối với công chúng
- d.Ngân hàng trung ương áp dụng đối với ngân hàng trung gian**

Câu 7. Giả sử lượng tiền cung ứng cho nền kinh tế là 1400, tiền cơ sở là 700, tỷ lệ tiền mặt ngoài ngân hàng so với tiền ký thác là 80%, dự trữ tự ý là 5% vậy dự trữ bắt buộc là

- a.10%
- b.2%
- c.5%**
- d.3%

Câu 8.

Yếu tố nào có thể ảnh hưởng đến cầu về tiền cho giao dịch và dự phòng

- a.Sự di chuyển nhanh chóng từ nơi này đến nơi khác của tiền
- b.Giai đoạn phát triển của tín dụng
- c.Lãi suất
- d.Giá cả của hàng hóa

Câu 9.

Hàm số cầu về tiền sẽ phụ thuộc vào

- a.Chỉ có lãi suất
- b.Chỉ có sản lượng
- c.Nhu cầu thanh toán
- d.Lãi suất và sản lượng

Câu 10. Nếu lãi suất tăng lên sẽ dẫn đến giá chứng khoán trên thị trường

- a.Tăng lên
- b.Không thay đổi
- c.Giảm xuống
- d.Không đủ thông tin để kết luận

Câu 11. Nếu giá chứng khoán ở trên mức giá cân bằng lúc đó

- a.Mức cầu về tiền cho đầu cơ tăng lên
- b.Lãi xuất có xu hướng giảm xuống
- c.Mức cầu về tiền cho đầu cơ giảm xuống
- d.Lãi suất có xu hướng tăng lên

Câu 12. Giả sử hàm cầu về tiền ở một mức sản lượng là $L^M=450-20r$. Lượng tiền mạnh là 200, số nhân tiền tệ là 2. Vậy lãi suất cân bằng trên thị trường tiền tệ là

- a. $r=1.5\%$
- b. $r=2\%$
- c. $r=3\%$
- d. $r=2.5\%$

Câu 13.

Điểm cân bằng trên thị trường tiền tệ thay đổi là do

- a.Ngân hàng trung ương thay đổi lượng tiền cung ứng cho nền kinh tế
- b.Sản lượng quốc gia thay đổi
- c.Sự cạnh tranh các ngân hàng trung gian
- d.Các trường hợp trên đều đúng

Câu 14. Khi sản lượng giảm xuống trong điều kiện lượng tiền cung ứng không thay đổi, lúc đó

- a.Lãi suất cân bằng giảm xuống
- b.Lãi suất cân bằng tăng lên
- c.Lãi suất cân bằng không đổi
- d.Mức cầu về tiền tăng lên

Câu 15.

Nếu ngân hàng trung ương giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc và bán ra chứng khoán của chính phủ thì khối tiền tệ sẽ

- a.Chưa biết
- b.Tăng lên
- c.Không đổi
- d.Giảm xuống 25 tỷ

Câu 16.

Ngân hàng trung ương có thể làm thay đổi lượng cung tiền trong nước bằng cách

- a.Mua và bán chứng khoán của chính phủ
- b. Mua và bán ngoại tệ
- c.a b sai
- d.a b đúng

Câu 17. Trong công thức số nhân tiền $k^M = (c+1)/(c+d)$, c là

- a.Tỷ lệ tiền mặt trong hệ thống ngân hàng
- b.Tỷ lệ tiền mặt so với tiền kí gửi
- c.Tỷ lệ tiền mặt so với tổng tiền công chung có
- d.Không câu nào đúng

Câu 18.

Số nhân của tiền tệ phản ánh

- a.Lượng tiền giao dịch phát sinh từ một đơn vị tiền cơ sở
- b.Lượng tiền giao dịch phát sinh từ một đơn vị tiền kí gửi
- c.a b đúng
- d.a b sai

Câu 19. Theo công thức $k^M=(c+1)/c+d$ thì c càng tăng sẽ làm cho k^M càng giảm, điều đó phản ánh

- a.Dân cư ưu chuộng sử dụng hình thức thanh toán bằng tiền mặt hơn
- b.Vai trò của ngân hàng trung ương trong nền kinh tế là yếu kém
- c.a b sai
- d.a b đúng

Câu 20. Chức năng của ngân hàng trung ương

- a.Kinh doanh tiền tệ và đầu tư
- b.Huy động tiền gửi tiết kiệm của dân cư và cho vay

- c.Kích thích người dân gửi tiền tiết kiệm nhiều hơn
- d.Kích thích người vay tiền vay nhiều hơn

Câu 1. Chính sách tài khóa là một công cụ điều hành kinh tế vĩ mô vì

- a.Việc điều chỉnh lượng phát hành tín phiếu kho bạc và lãi suất có vai trò quan trọng trong việc ổn định kinh tế
- b.Sự thay đổi lượng cung tiền sẽ tác động đến lãi suất, đầu tư và mức dân dụng
- c.Sự thay đổi lãi suất tín phiếu kho bạc có tác động đến mức huy động vốn tài trợ cho bội chi ngân sách của chính phủ
- d.Sự thay đổi thuế và chi tiêu ngân sách của chính phủ có tác động đến mức giá, mức sản lượng và mức nhân dụng**

Câu 2. Nếu các yếu tố khác không đổi, cung tiền tệ giảm xuống thì

- a.Lãi suất sẽ giảm do đó đầu tư tăng
- b.Lãi suất sẽ giảm và đầu tư giảm
- c.Lãi suất sẽ tăng do đó đầu tư giảm**
- d.Không câu nào đúng

Câu 3. Cho biết tỷ lệ tiền mặt so với tiền gửi ngân hàng là 60%, tỷ lệ dự trữ so với tiền gửi ngân hàng là 20%. Khi ngân hàng trung ương mua một lượng trái phiếu 1 tỷ đồng sẽ làm cho lượng cung tiền tệ

- a.Tăng thêm 2 tỷ đồng**
- b.Giảm 2 tỷ đồng
- c.Tăng thêm 1 tỷ đồng
- d.Giảm 1 tỷ đồng

Câu 4.

Khi sản lượng thực tế bằng sản lượng tiềm năng, chính sách mở rộng tiền tệ sẽ tạo ra tác động dài hạn

- a.Sản lượng thực tăng và mức giá không đổi
- b.Sản lượng thực tăng và mức giá chung tăng
- c.Sản lượng thực không đổi và mức giá không đổi
- d.Sản lượng thực không đổi và mức giá chung tăng lên**

Câu 5.

Tác động ban đầu của chính sách tài khóa mở rộng à làm sản lượng thực tăng, sau đó cầu tiền tệ sẽ

- a.Giảm và lãi suất tăng
- b.Tăng và lãi suất giảm
- c.Tăng và lãi suất tăng**
- d.Không câu nào đúng

Câu 6. Khi cung tiền tệ tăng, nếu các yếu tố khác không đổi sẽ làm

- a.Lãi suất tăng do đó đầu tư giảm
- b.Lãi suất giảm do đó đầu tư giảm
- c.Lãi suất tăng do đó đầu tư tăng
- d.Lãi suất giảm thì đầu tư tăng

Câu 7. Khi ngân hàng trung ương tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc sẽ

- a.Không tác động đến hoạt động của những ngân hàng thương mại
- b.Dẫn tới việc ngân hàng thương mại cho vay ít hơn và dự trữ tiền mặt giảm xuống
- c.Dẫn tới việc ngân hàng thương mại cho vay ít hơn và dự trữ tiền mặt nhiều hơn
- d.Dẫn tới việc gia tăng các khoản tiền gửi và cho vay của ngân hàng thương mại

Câu 8.

Khoản nào dưới đây xuất hiện như là một tài sản nợ trong bảng tổng kết tài sản của ngân hàng thương mại

- a.Cho khách hàng vay
- b.Chứng khoán
- c.Ký gửi của khách hàng
- d.Dữ trữ tiền mặt

Câu 9.

Ngân hàng thương mại tạo tiền bằng cách

- a.Bán chứng khoán cho công chúng
- b.Bán trái phiếu cho ngân hàng trung ương
- c.Nhận tiền gửi khách hàng
- d.Cho khách hàng vay tiền

Câu 10. Khi NHTW bán công trái cho khu vực tư nhân

- a.Tăng mức cung tiền
- b.Một chính sách hạn chế tín dụng sắp được thực hiện
- c.Giảm mức cung tiền
- d.Giảm lãi suất

Câu 11. Các công cụ chính làm thay đổi lượng cung tiền của ngân hàng TW là

- a.Tỷ lệ dự trữ bắt buộc, hạn chế việc chi tiêu của chính phủ, lãi suất chiết khấu
- b.Tỷ lệ dự trữ bắt buộc, lãi suất chiết khấu, hoạt động thị trường mở (mua bán chứng khoán)
- c.Các câu trên đúng
- d.Các câu trên sai

Câu 12. Tiền giấy do NHTW phát hành hiện nay là

- a.Tiền giấy được bảo chứng bằng vàng

- b.Tiền giấy được bảo chứng bằng ngoại tệ mạnh
- c.Tài sản nợ hợp pháp của NHTW được cân đối bằng tài sản có
- d.Các câu trên sai

Câu 13.

Chính sách tiền tệ là một công cụ điều hành kinh tế vĩ mô vì

- a.Tiền tệ là công cụ trao đổi, là phương tiện thanh toán, là thước đo giá trị và là phương tiện dự trữ giá trị
- b.Tiền tệ biểu hiện cho sự giàu có và quyết định sức mua xã hội
- c.Sự thay đổi cung tiền tệ và lãi suất có tác động đến mức giá, tỷ giá hối đổi, mức sản lượng và mức nhân dụng
- d.Mọi nền kinh tế ngày nay đều là nền kinh tế tiền tệ và tốc độ tăng trưởng kinh tế phụ thuộc tốc độ lưu thông tiền tệ

Câu 14. Khi tỷ lệ thất nghiệp bằng tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên, chính sách tiền tệ mở rộng sẽ tạo ra tác động dài hạn

- a.Làm tăng mức giá, còn GDP thực không đổi
- b.Làm tăng mức giá và tăng GDP thực
- c.Làm tăng GDP thực, còn mức giá không thay đổi
- d.GDP thực và mức giá đều không đổi

Câu 15.

Nếu có sự gia tăng trong chi tiêu của chính phủ

- a.Sẽ không ảnh hưởng đến đường IS
- b.Đường IS dịch chuyển sang trái
- c.Đường IS dịch chuyển sang phải
- d.Sẽ có sự di chuyển dọc trên đường IS

Câu 16.

Chính sách gia tăng thuế của chính phủ sẽ

- a.Dẫn đến đường IS dịch chuyển sang trái
- b.Dẫn đến đường IS dịch chuyển sang phải
- c.Không ảnh hưởng gì đến đường IS
- d.Có sự di chuyển dọc trên IS

Câu 17. Nếu ngân hàng TW làm cho lượng cung tiền gia tăng

- a.Đường IS dịch chuyển sang phải
- b.Đường LM dịch chuyển sang phải
- c.Đường LM dịch chuyển sang trái
- d.Chỉ có sự dịch chuyển dọc trên đường LM

Câu 18.

Giả sử đầu tư hoàn toàn không co dãn hoàn toàn theo lãi suất. Sự dịch chuyển của đường LM do một sự gia tăng lượng tiền cung ứng

- a.Sẽ gia tăng sản lượng và lãi suất
- b.Gia tăng đầu tư nên tăng sản lượng
- c.**Sẽ không là gia tăng sản lượng nhưng ảnh hưởng đến lãi suất**
- d.Sẽ làm giảm sản lượng và lãi suất

Câu 19. Trong mô hình cân bằng của Hicksian, lãi suất được quyết định bởi

- a.Tiết kiệm và đầu tư
- b.Mức cầu và lượng cung ứng tiền
- c.Mối quan hệ giữa tiết kiệm đầu tư và lượng cung ứng tiền
- d.Nối quan hệ giữa thị trường hàng hóa và lượng cung ứng tiền**

Câu 20. Từ điểm cân bằng ban đầu, một sự dịch chuyển đường IS sang phải sẽ dẫn đến

- a.Sản lượng và lãi suất gia tăng**
- b.Sản lượng và lãi suất giảm
- c.Sản lượng tăng, lãi suất giảm
- d.Sản lượng giảm, lãi suất tăng

Câu 1. $C=100+0.8Y^d$, $I=240+0.16Y-80r$, $G=500$, $T=50+0.2Y$, $M=50+0.2Y$, $X=210$, $L^M=800+0.5Y-100r$, $H=700$, $H=700$

Tỷ lệ tiền mặt ngoài ngân hàng so với tiền ký gửi là 80%. Tỷ lệ dự trữ chung là 10%. Phương trình của đường IS có dạng

- a. $Y=2400-200r$**
- b. $Y=2400+200r$
- c. $Y=2400+320r$
- d. $Y=2400-320r$

Câu 2. $C=100+0.8Y^d$, $I=240+0.16Y-80r$, $G=500$, $T=50+0.2Y$, $M=50+0.2Y$, $X=210$, $L^M=800+0.5Y-100r$, $H=700$, $H=700$

Tỷ lệ tiền mặt ngoài ngân hàng so với tiền ký gửi là 80%. Tỷ lệ dự trữ chung là 10%. Số nhân tiên tệ

- a. $k=1.5$**
- b. $k=3$
- c. $k=4$
- d. $k=2$**

Câu 3. $C=100+0.8Y^d$, $I=240+0.16Y-80r$, $G=500$, $T=50+0.2Y$, $M=50+0.2Y$, $X=210$, $L^M=800+0.5Y-100r$, $H=700$, $H=700$

Tỷ lệ tiền mặt ngoài ngân hàng so với tiền ký gửi là 80%. Tỷ lệ dự trữ chung là 10%. Phương trình của đường LM

a. $r=6-0.005Y$

b. $r=6+0.005Y$

c. $r=-6+0.005Y$

d. $r=-6-0.005Y$

Câu 4. $C=100+0.8Y^d$, $I=240+0.16Y-80r$, $G=500$, $T=50+0.2Y$, $M=50+0.2Y$, $X=210$, $L^M=800+0.5Y-100r$, $H=700$, $H=700$. Tỷ lệ tiền mặt ngoài ngân hàng so với tiền ký gửi là 80%. Tỷ lệ dự trữ chung là 10%. Lãi suất và sản lượng cân bằng chung

a. $Y=1800$, $r=4$

b. $Y=1800$, $r=5$

c. $Y=3600$, $r=3$

d. $Y=3600$, $r=3$

Câu 5. $C=100+0.8Y^d$, $I=240+0.16Y-80r$, $G=500$, $T=50+0.2Y$, $M=50+0.2Y$, $X=210$, $L^M=800+0.5Y-100r$, $H=700$, $H=700$. Tỷ lệ tiền mặt ngoài ngân hàng so với tiền ký gửi là 80%. Tỷ lệ dự trữ chung là 10%. Giả sử chính phủ tăng chi tiêu về hàng hóa và dịch vụ là 80. Vậy pt của đường IS mới là

a. $Y=2480-200r$

b. $Y=2080-200r$

c. $Y=1800-200r$

d. $Y=2600-200r$

Câu 6. $C=100+0.8Y^d$, $I=240+0.16Y-80r$, $G=500$, $T=50+0.2Y$, $M=50+0.2Y$, $X=210$, $L^M=800+0.5Y-100r$, $H=700$, $H=700$. Tỷ lệ tiền mặt ngoài ngân hàng so với tiền ký gửi là 80%. Tỷ lệ dự trữ chung là 10%. Nếu NHTW tăng lượng tiền cung ứng cho nền kinh tế là 100. Vậy pt đường LM mới là

a. $r=-5+0.005Y$

b. $r=-8+0.005Y$

c. $r=-7+0.005Y$

d.Các câu trên sai

Câu 7. $C=100+0.8Y^d$, $I=240+0.16Y-80r$, $G=500$, $T=50+0.2Y$, $M=50+0.2Y$, $X=210$, $L^M=800+0.5Y-100r$, $H=700$, $H=700$. Tỷ lệ tiền mặt ngoài ngân hàng so với tiền ký gửi là 80%. Tỷ lệ dự trữ chung là 10%. Xác định lãi suất và số lượng cân bằng mới là

a. $Y=1800$, $r=2$

b. $Y=2000$, $r=3$

c. $Y=2600$, $r=4$

d. $Y=3000$, $r=5$

Câu 8.

Điểm cân bằng chung cho một hệ thống kinh tế đòi hỏi

- a. Đầu tư bằng tiết kiệm, nhưng mức cầu tiền có thể vượt quá hoặc nhỏ hơn lượng cung ứng tiền
- b. Mức cầu về tiền bằng lượng cung ứng tiền nhưng tiết kiệm có thể nhiều hơn hoặc ít hơn đầu tư
- c. **Đầu tư bằng tiết kiệm và mức cầu về tiền bằng với lượng cung ứng tiền**
- d. Lãi suất được quyết định trên thị trường tiền tệ và mức sản lượng được quyết định trên thị trường hàng hóa mà không cần thiết có sự liên hệ giữa hai thị trường này

Câu 9.

Giả sử trong một nền kinh tế có số nhân là 4 nếu đầu tư gia tăng là 8 tỷ. Đường IS trong mô hình của Hicksian sẽ dịch chuyển sang phải với khoảng cách

- a. Lớn hơn 32 tỷ
- b. **32 tỷ**
- c. Nhỏ hơn 32 tỷ
- d. Các câu trên sai

Câu 10. Giả sử cho hàm số cầu về tiền là: $L^M = 200 - 100r + 20Y$. Hàm số cung tiền $S^M = 400$. Vậy phương trình của đường LM

- a. **$r = -2 + 0.2Y$**
- b. $r = 6 + 0.2Y$
- c. $r = -2 - 0.2Y$
- d. $r = 2 + 0.2Y$

Câu 11. Nếu một sự gia tăng chi tiêu của chính phủ về hàng hóa và dịch vụ là 10 tỷ dẫn đến đường IS dịch chuyển 40 tỷ, có thể kết luận rằng số nhân là

- a. 40
- b. **4**
- c. 10
- d. 0.25

Câu 12. Khoảng cách dịch chuyển của đường IS bằng

- a. Mức thay đổi của I, G hoặc X chia cho số nhân
- b. Mức thay đổi của I, G, X
- c. Một nữa mức biến đổi của I, G hoặc X
- d. **Mức biến đổi của I, G hoặc X nhân với số nhân**

Câu 13.

Chính phủ cắt giảm thuế, trên đồ thị

- a. AD tăng do đó sản lượng tăng và có sự di chuyển dọc IS
- b. Dịch chuyển đường IS sang trái

- c.Dịch chuyển đường LM sang phải
- d.Dịch chuyển đường IS sang phải

Câu 14. Một sự gia tăng trong nhập khẩu tự định sẽ

- a.Dịch chuyển đường IS sang trái
- b.Dịch chuyển đường IS sang phải
- c.Dịch chuyển đường LM sang phải
- d.IS không ảnh hưởng

Câu 15.

Trên đồ thị, điểm cân bằng chung là giao điểm của đường IS và đường LM, biết rằng đầu tư hoàn toàn không co dãn theo lãi suất, chính sách tài khóa sẽ

- a.Ảnh hưởng nhiều hơn nếu áp dụng riêng rẽ
- b.Không ảnh hưởng
- c.Ảnh hưởng nhiều hơn nếu nó được kết hợp với chính sách mở rộng tiền tệ
- d.Không có câu nào đúng

Câu 16.

Đường IS cho biết

- a.Mọi điểm thuộc đường IS được xác định trong điều kiện thị trường sản phẩm cân bằng
- b.Lãi suất được xác định trong điều kiện thị trường tiền tệ cân bằng
- c.Sản lượng càng tăng lãi suất giảm
- d.Các trường hợp trên đều đúng

Câu 17. Đường LM mô tả hình dạng

- a.Lãi suất và sản lượng phụ thuộc lẫn nhau
- b.Thị trường tiền tệ luôn cân bằng
- c.a b đúng
- d.a b sai

Câu 18.

Trong mô hình IS-LM, chính phủ áp dụng chính sách tài khóa mở rộng và chính sách tiền tệ thu hẹp. Lúc này

- a.Sản lượng chắc chắn sẽ tăng
- b.Lãi suất chắc chắn sẽ tăng
- c.a và b đúng
- d.a và b sai

Câu 19. Trong mô hình IS-LM, nếu sản lượng thấp hơn sản lượng tiềm năng thì chính phủ nên áp dụng

- a.Chính sách tài khóa mở rộng

- b.Chính sách tiền tệ mở rộng
- c.Chính sách tài khóa và tiền tệ mở rộng
- d.Các trường hợp trên đều đúng

Câu 20. Tác động lẩn át đầu tư của chính sách tài khóa là

- a.Tăng chi tiêu chính phủ làm tăng lãi suất dẫn tới tăng đầu tư
- b.Tăng chi tiêu chính phủ làm giảm lãi suất dẫn tới giảm đầu tư
- c.Giảm chi tiêu chính phủ làm tăng lãi suất dẫn tới giảm đầu tư
- d.Giảm chi tiêu chính phủ làm giảm lãi suất dẫn tới giảm đầu tư

Câu 1. Hàm tiêu dùng: $C=200+0.75Y^d$. Hàm suất khẩu: $X=350$. Hàm đầu tư:

$I=100+0.2Y-10r$. Hàm nhập khẩu: $M=200+0.05Y$. Chi tiêu chính phủ cho hàng hóa và dịch vụ: $G=580$. Sản lượng tiềm năng: $Y_p=3800$. Hàm thuế rộng: $T=40+0.2Y$. Tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên: $U_N=5\%$. Hàm số cầu tiền tệ: $L^M=200+0.2Y-20r$. Tỷ lệ dự trữ: $d=20\%$. Tỷ lệ tiền mặt ngoài ngân hàng so với tiền ký gửi: $c=60\%$. Lương tiền mạnh: $H=325$. Phương trình của đường IS có dạng

- a. $Y=1000-20r$
- b. $Y=4000-40r$**
- c. $Y=4000-80r$
- d. $Y=4000+20r$

Câu 2. Hàm tiêu dùng: $C=200+0.75Y^d$. Hàm suất khẩu: $X=350$. Hàm đầu tư:

$I=100+0.2Y-10r$. Hàm nhập khẩu: $M=200+0.05Y$. Chi tiêu chính phủ cho hàng hóa và dịch vụ: $G=580$. Sản lượng tiềm năng: $Y_p=3800$. Hàm thuế rộng: $T=40+0.2Y$. Tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên: $U_N=5\%$. Hàm số cầu tiền tệ: $L^M=200+0.2Y-20r$. Tỷ lệ dự trữ: $d=20\%$. Tỷ lệ tiền mặt ngoài ngân hàng so với tiền ký gửi: $c=60\%$. Lương tiền mạnh: $H=325$. Số nhân tiền tệ K^M là

- a.1.5
- b.3**
- c.2
- d.4

Câu 3. Hàm tiêu dùng: $C=200+0.75Y^d$. Hàm suất khẩu: $X=350$. Hàm đầu tư:

$I=100+0.2Y-10r$. Hàm nhập khẩu: $M=200+0.05Y$. Chi tiêu chính phủ cho hàng hóa và dịch vụ: $G=580$. Sản lượng tiềm năng: $Y_p=3800$. Hàm thuế rộng: $T=40+0.2Y$. Tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên: $U_N=5\%$. Hàm số cầu tiền tệ: $L^M=200+0.2Y-20r$. Tỷ lệ dự trữ: $d=20\%$. Tỷ lệ tiền mặt ngoài ngân hàng so với tiền ký gửi: $c=60\%$. Lương tiền mạnh: $H=325$. Phương trình của đường LM

- a. $r=-20+0.01Y$
- b. $r=-22.5+0.01Y$**
- c. $r=-22.5+0.005Y$
- d. $r=22.5+0.01Y$

Câu 4.

Hàm tiêu dùng: $C=200+0.75Y^d$. Hàm suất khẩu: $X=350$. Hàm đầu tư: $I=100+0.2Y-10r$. Hàm nhập khẩu: $M=200+0.05Y$. Chi tiêu chính phủ cho hàng hóa và dịch vụ: $G=580$. Sản lượng tiềm năng: $Y_p=3800$. Hàm thuế rồng: $T=40+0.2Y$. Tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên: $U_N=5\%$. Hàm số cầu tiền tệ: $L^M=200+0.2Y-20r$. Tỷ lệ dự trữ: $d=20\%$. Tỷ lệ tiền mặt ngoài ngân hàng so với tiền ký gửi: $c=60\%$. Lương tiền mạnh: $H=325$. Lãi suất và sản lượng cân bằng chung

- a. $Y=4900$, $r=12\%$
- b. **$Y=3500$, $r=12.5\%$**
- c. $Y=3600$, $r=13\%$
- d. $Y=3500$, $r=11.5\%$

Câu 5.

Hàm tiêu dùng: $C=200+0.75Y^d$. Hàm suất khẩu: $X=350$. Hàm đầu tư: $I=100+0.2Y-10r$. Hàm nhập khẩu: $M=200+0.05Y$. Chi tiêu chính phủ cho hàng hóa và dịch vụ: $G=580$. Sản lượng tiềm năng: $Y_p=3800$. Hàm thuế rồng: $T=40+0.2Y$. Tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên: $U_N=5\%$. Hàm số cầu tiền tệ: $L^M=200+0.2Y-20r$. Tỷ lệ dự trữ: $d=20\%$. Tỷ lệ tiền mặt ngoài ngân hàng so với tiền ký gửi: $c=60\%$. Lương tiền mạnh: $H=325$. Tỷ lệ thất nghiệp thực tế

- a. 8.1%
- b. 6.94%
- c. 3.94%
- d. 8.94%**

Câu 6.

Hàm tiêu dùng: $C=200+0.75Y^d$. Hàm suất khẩu: $X=350$. Hàm đầu tư: $I=100+0.2Y-10r$. Hàm nhập khẩu: $M=200+0.05Y$. Chi tiêu chính phủ cho hàng hóa và dịch vụ: $G=580$. Sản lượng tiềm năng: $Y_p=3800$. Hàm thuế rồng: $T=40+0.2Y$. Tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên: $U_N=5\%$. Hàm số cầu tiền tệ: $L^M=200+0.2Y-20r$. Tỷ lệ dự trữ: $d=20\%$. Tỷ lệ tiền mặt ngoài ngân hàng so với tiền ký gửi: $c=60\%$. Lương tiền mạnh: $H=325$. Cân cân thương mại

- a. Thặng dư 25
- b. Cân bằng
- c. Thâm hụt 25**
- d. Thặng dư 20

Câu 7.

Hàm tiêu dùng: $C=200+0.75Y^d$. Hàm suất khẩu: $X=350$. Hàm đầu tư: $I=100+0.2Y-10r$. Hàm nhập khẩu: $M=200+0.05Y$. Chi tiêu chính phủ cho hàng hóa và dịch vụ: $G=580$. Sản lượng tiềm năng: $Y_p=3800$. Hàm thuế rồng: $T=40+0.2Y$. Tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên: $U_N=5\%$. Hàm số cầu tiền tệ: $L^M=200+0.2Y-20r$. Tỷ lệ dự trữ: $d=20\%$. Tỷ lệ tiền mặt ngoài ngân hàng so với tiền ký gửi: $c=60\%$. Lương tiền mạnh: $H=325$. Ngân sách

- a.Bội thu 160
- b.Bội thu 200
- c.Bội chi 160
- d.Bội chi 200

Câu 8.

Đường tổng cung AS dịch chuyển do

- a.Mức giá chung trong nền kinh tế thay đổi
- b.Chính phủ tăng hay giảm các khoản đầu tư của chính phủ
- c.Thu nhập quốc dân thay đổi
- d.Năng lực sản xuất của quốc gia như: vốn, tài nguyên, lao động, kỹ thuật thay đổi về số lượng**

Câu 9.

Đường tổng cung dịch chuyển diễn ra trong thời gian

- a.Túc thời
- b.Dài hạn**
- c.Ngắn hạn
- d.Không có câu nào đúng

Câu 10. Đường tổng cầu AD dịch chuyển là do

- a.Mức giá chung trong nền kinh tế thay đổi
- b.Các nhân tố tác động đến C,I,X,G,M thay đổi**
- c.Năng lực sản xuất của quốc gia thay đổi
- d.Các trường hợp trên đều sai.

Câu 11.

Đường AS dịch chuyển sang trái là do

- a. Đầu tư tăng lên
- b. Chi tiêu của chính phủ tăng lên
- c. Chi phí sản xuất tăng lên**
- d. Cung tiền tệ tăng

Câu 12. Đường AS dịch chuyển sang phải khi

- a.Thuế đối với các yếu tố sản xuất giảm**
- b.Giảm thuế thu nhập cá nhân
- c.Tăng chi tiêu cho quốc phòng
- d.Giá các yếu tố sản xuất tăng lên

Câu 13.

Đường tổng cầu AD dịch chuyển sang phải khi

- a.Chính phủ tăng chi cho giáo dục và quốc phòng
- b.Chính phủ giảm thuế thu nhập**

- c.Chi tiêu của các hộ gia đình tăng lên nhờ những dự kiến tốt đẹp về tương lai
- d.Các câu trên đều đúng.

Câu 14. Yếu tố nào sau đây không có ảnh hưởng đối với tổng cầu

- a.Khối lượng tiền
- b.Chính sách tài khóa của chính phủ
- c.Lãi suất
- d.Tiến bộ kỹ thuật và công nghệ

Câu 15.

Trường hợp nào sau đây chỉ có ảnh hưởng đối với tổng cung ngắn hạn (không có ảnh hưởng đối với tổng cung dài hạn)

- a.Nguồn nhân lực tăng
- b.Tiền lương dành nghĩa tăng
- c.Công nghệ được đổi mới
- d.Thay đổi chính sách thuế của chính phủ

Câu 16.

Khi nền kinh tế hoạt động ở mức toàn dụng, những chính sách kích thích tổng cầu sẽ có tác dụng dài hạn

- a.Làm tăng nhanh lãi suất
- b.Làm tăng nhanh sản lượng thực
- c.Làm tăng nhanh mức giá và lãi suất
- d.Làm tăng nhanh mức giá

Câu 17. Tỷ giá hối đoái phản ánh

- a.Giá trị đồng tiền nước này so với nước khác
- b.Mức giá tại đó 2 đồng tiền có thể chuyển đổi cho nhau
- c.a và b đúng
- d.a và b sai.

Câu 18.

Trong cơ chế tỷ giá hối đoái cố định, muốn làm triệt tiêu lượng dư cầu ngoại tệ, ngân hàng trung ương phải

- a.Bán ra ngoại tệ và mua vào nội tệ
- b.Bán ra nội tệ và mua vào ngoại tệ
- c.a và b đều đúng
- d.a và b đều sai

Câu 19.

Khi ngân hàng trung ương bán ra ngoại tệ thì lượng cung nội tệ sẽ

- a.Giảm xuống

- b.Tăng lên
- c.Không đổi
- d.Chưa biết

Câu 20. Tỷ giá ban đầu là e, các doanh nghiệp trong nước tăng nhập khẩu làm tỷ giá tăng lên, ngân hàng trung ương can thiệp bằng cách bán ra ngoại tệ để duy trì tỷ giá e. Như vậy

- a.Đường IS dịch chuyển sang trái và LM dịch chuyển sang trái
- b.Đường IS dịch chuyển sang phải và LM dịch chuyển sang phải
- c.Đường IS dịch chuyển sang phải và LM dịch chuyển sang trái
- d.Đường IS dịch chuyển sang trái và LM dịch chuyển sang phải

Câu 1. Số liệu về giá cả và số lượng của các loại hàng hóa trong hai năm 93 và 94 cho như sau

Năm	93	93	94	94
Sản phẩm	P	Q	P	Q
Gạo	10	2	11	3
Thịt	20	3	22	4
Xi măng	40	4	42	5

Tính chỉ số giá hàng tiêu dùng cho gạo và thịt của năm 94. (Năm gốc 93 có chỉ số giá cả là 100)

- a.105
- b.110**
- c.115
- d.Các phương án trên đều sai

Câu 2. Số liệu về giá cả và số lượng của các loại hàng hóa trong hai năm 93 và 94 cho như sau

Năm	93	93	94	94
Sản phẩm	P	Q	P	Q
Gạo	10	2	11	3
Thịt	20	3	22	4
Xi măng	40	4	42	5

Tính chỉ số điều chỉnh lạm phát của năm 93 cho cả 3 mặt hàng

- a.106.7**
- b.107.6
- c.105.8
- d.Không có câu nào đúng

Câu 3. Số liệu về giá cả và số lượng của các loại hàng hóa trong hai năm 93 và 94 cho như sau

Năm	93	93	94	94
Sản phẩm	P	Q	P	Q
Gạo	10	2	11	3
Thịt	20	3	22	4
Xi măng	40	4	42	5

Tính tỷ lệ lạm phát của năm 94 so với năm 93 (Năm gốc 93 có chỉ số giá cả là 100) sử dụng chỉ số giá hàng tiêu dùng để tính

- a.6.6%
- b.10%**
- c.10.7%
- d.Không có câu nào đúng

Câu 4.

Trong một nền kinh tế, khi giá các yếu tố sản xuất tăng lên sẽ dẫn đến tình trạng

- a.Lạm phát do cầu kéo
- b.Lạm phát do đình đốn sản xuất**
- c.Lạm phát do phát hành tiền
- d.Cả 3 câu trên đều đúng.

Câu 5.

Trong một nền kinh tế, khi có sự đầu tư quá mức của tư nhân, của chính phủ hoặc xuất khẩu tăng mạnh sẽ dẫn đến tình trạng

- a.Lạm phát do phát hành tiền
- b.Lạm phát do giá của các yếu tố sản xuất tăng lên**
- c.Lạm phát do chi phí đẩy
- d.Lạm phát do cầu kéo**

Câu 6.

Mức giá chung trong nền kinh tế là

- a.Chỉ số giá**
- b.Tỷ lệ lạm phát
- c.a và b đều đúng
- d.a và b đều sai

Câu 7.

Theo công thức của Fisher: $MV=PQ \rightarrow P=MV/Q$ (trong đó P là mức giá chung, M là khối lượng tiền phát hành, V là tốc độ lưu thông tiền tệ, Q là khối lượng hàng hóa và dịch vụ). M tăng bao nhiêu thì P tăng tương ứng bấy nhiêu.

- a.Đúng
- b.Sai**

Câu 8.

Theo thuyết số lượng tiền tệ thì

- a.Mức giá tăng cùng một tỷ lệ với tỷ lệ tăng của lượng cung tiền tệ, sản lượng thực không đổi
- b.Mức giá tăng nhiều hơn so với tỷ lệ tăng của lượng cung tiền tệ, sản lượng thực không đổi
- c.Mức giá tăng ít hơn so với tỷ lệ tăng của lượng cung tiền tệ, sản lượng thực không đổi
- d.Mức giá tăng không tăng, cho dù lượng cung tiền tệ tăng, sản lượng thực không đổi

Câu 9.

Các nhà kinh tế học cho rằng

- a.Có sự đánh đổi giữa lạm phát và thất nghiệp
- b.Không có sự đánh đổi giữa lạm phát và thất nghiệp
- c.Có sự đánh đổi giữa lạm phát và thất nghiệp trong ngắn hạn, không có sự đánh đổi trong dài hạn
- d.Cả 3 câu trên đều đúng.

Câu 10. Lạm phát xuất hiện có thể do các nguyên nhân

- a.Tăng cung tiền
- b.Tăng chi tiêu của chính phủ
- c.Tăng lương và giá các yếu tố sản xuất
- d.Cả 3 câu trên đều đúng.

Câu 11.

Yếu tố nào sau đây là nguyên nhân của lạm phát cao

- a.Ngân sách chính phủ bội chi và được tài trợ bằng nợ vay nước ngoài
- b.Ngân sách chính phủ bội chi và được tài trợ bằng phát hành tín phiếu kho bạc
- c.Ngân sách chính phủ bội chi bất luận nó được tài trợ thế nào
- d.Ngân sách chính phủ bội chi và được tài trợ bằng phát hành tiền giấy

Câu 12. Thị trường mà ở đó đồng tiền của quốc gia này có thể đổi lấy đồng tiền của quốc gia khác là

- a.Thị trường ngoại hối
- b.Thị trường hàng hóa
- c.Thị trường yếu tố sản xuất
- d.Thị trường tiền tệ

Câu 13.

Tỷ giá hối đoái được định nghĩa như sau

- a.Tỷ số phản ánh giá cả đồng tiền của 2 quốc gia
- b.Tỷ số phản ánh số lượng ngoại tệ nhận được khi đổi một đơn vị nội tệ
- c.Tỷ số phản ánh số lượng nội tệ nhận được khi đổi một đơn vị ngoại tệ
- d.Cả 3 câu trên đều đúng.

Câu 14. Tỷ giá hối đoái thay đổi sẽ ảnh hưởng đến các mặt

- a.Tình hình cán cân ngoại thương
- b.Tình hình cán cân thanh toán
- c.Tình hình sản lượng quốc gia
- d.Cả 3 câu trên đều đúng.

Câu 15.

Trong điều kiện giá cả hàng hóa ở các nước không thay đổi, khi tỷ giá hối đoái tăng lên sẽ có tác dụng

- b.Khuyến khích nhập khẩu
- c.Tăng xuất khẩu, giảm nhập khẩu
- d.Khuyến khích gia tăng cả xuất khẩu và nhập khẩu

a.Khuyến khích xuất khẩu

Câu 16.

Khi tỷ giá hối đoái giảm xuống thì

- a.Các công ty nhập hàng sẽ có lợi
- b.Các công ty xuất nhập hàng sẽ có lợi
- c.Người sản xuất hàng xuất khẩu có lợi
- d.Không có câu nào đúng

Câu 17. Số cung ngoại tệ trên thị trường ngoại hối sinh ra là do

- a.Xuất khẩu hàng hóa
- b.Nước ngoài chuyển vốn đầu tư và tài sản vào trong nước
- c.Thu nhập từ các yếu tố sản xuất và tài sản đặt ở nước ngoài
- d.Cả 3 câu trên đều đúng.

Câu 18.

Số cầu ngoại tệ trên thị trường ngoại hối sinh ra do

- a.Nhập khẩu hàng hóa của nước ngoài
- b.Chuyển vốn đầu tư và tài sản ra nước ngoài
- c.Trả nợ vay nước ngoài của xí nghiệp tư nhân
- d.Cả 3 câu trên đều đúng.

Câu 19.

Cơ chế mà ở đó tỷ giá hối đoái được tự do hình thành trên thị trường ngoại hối

- a.Cơ chế tỷ giá hối đoái thả nổi
- b.Cơ chế tỷ giá hối đoái cố định
- c.Cơ chế tỷ giá hối đoái thả nổi có can thiệp của chính phủ
- d.a hoặc c đúng

Câu 20. Khi tỷ giá hối đoái tăng lên trong điều kiện giá cả hàng hóa ở các nước cũng thay đổi, điều này sẽ dẫn đến

- a.Xuất khẩu gia tăng
- b.Xuất khẩu giảm sút
- c.Xuất khẩu không đổi
- d.Cả 3 câu trên đều đúng.

Câu 1. Giả sử lúc đầu ngân hàng trong nước và nước ngoài như nhau và không thay đổi, khi tỷ giá hối đoái tăng lên

- a.Vốn có xu hướng chạy ra nước ngoài
- b.Vốn có xu hướng chạy vào trong nước
- c.Vốn không có lưu động giữa các nước
- d.Không có câu nào đúng

Câu 2. Đường BP được định nghĩa là một đường tập hợp những phôi hợp giữa lãi suất và sản lượng mà ở đó

- a.Thị trường hàng hóa cân bằng
- b.Cán cân thanh toán cân bằng
- c.Thị trường tiền tệ cân bằng
- d.Cán cân thương mại cân bằng

Câu 3. Khi lượng ngoại tệ đi vào tăng lên còn lượng ngoại tệ đi ra không đổi

- a.Đường BP dịch chuyển sang trái
- b.Đường BP dịch chuyển sang phải
- c.Đường BP không dịch chuyển
- d.Đường BP dịch chuyển sang phải rồi quay trở lại vị trí lúc đầu

Câu 4.

Khi lượng ngoại tệ đi ra tăng lên trong khi lượng ngoại tệ đi vào không đổi

- a.Thị trường hàng hóa cân bằng
- b.Thị trường tiền tệ luôn cân bằng

- c.Lượng ngoại tệ đi vào bằng với lượng ngoại tệ đi ra
- d.Cả 3 câu trên đều đúng.

Câu 5.

Điểm cân bằng bên trong nằm phía trên đường BP lúc đó

- a.Lượng ngoại tệ đi vào lớn hơn lượng ngoại tệ đi ra
- b.Lượng ngoại tệ đi vào nhỏ hơn lượng ngoại tệ đi ra
- c.Cân cân thanh toán thâm hụt
- d.Cả 3 câu trên đều đúng.

Câu 6.

Khi cán cân thanh toán thặng dư, trong cơ chế tỷ giá hối đoái thả nổi thì

- a.Tỷ giá hối đoái cân bằng
- b.Tỷ giá hối đoái không thay đổi
- c.Tỷ giá hối đoá có xu hướng tăng lên
- d.Tỷ giá hối đoá có xu hướng giảm xuống

Câu 7.

Trong cơ chế tỷ giá hối đoái cố định nếu cán cân thanh toán thặng dư, để duy trì tỷ giá hối đoái mà chính phủ ấn định thì

- a.Ngân hàng trung ương tung ra một số lượng nội tệ để đổi lấy ngoại tệ
- b.Ngân hàng trung ương tung ra một số lượng ngoại tệ để đổi lấy nội tệ
- c.Ngân hàng trung ương giảm lãi suất chiết khấu
- d.Ngân hàng trung ương tăng dự trữ bắt buộc

Câu 8.

Nợ nước ngoài là một khoản mục của

- a.Tài khoản vốn
- b.Tài khoản vãng lai
- c.Khoản tài trợ chính thức
- d.Các phương án trên đều sai

Câu 9.

Cầu ngoại tệ ở VN xuất từ

- a.Nhập khẩu vào VN và mua tài sản ở nước ngoài của công dân VN
- b.Nhập khẩu vào VN và mua tài sản ở VN của công dân nước ngoài
- c.Xuất khẩu từ VN và mua tài sản ở VN của công dân nước ngoài
- d.Xuất khẩu vào VN và mua tài sản ở nước ngoài của công dân VN

Câu 10. Cán cân thanh toán của một quốc gia sẽ thay đổi khi

- a.Lãi suất trong nước thay đổi
- b.Tỷ giá hối đoái thay đổi
- c.Sản lượng quốc gia thay đổi

d.Các trường hợp trên đều đúng

Câu 11.

Trong cơ chế tỷ giá hối đoái thả nổi

- a.Dự trữ ngoại tệ của quốc gia giảm khi tỷ giá tăng
- b.Dự trữ ngoại tệ của quốc gia tăng khi tỷ giá giảm
- c.Dự trữ ngoại tệ của quốc gia thay đổi tùy theo các diễn biến trên thị trường ngoại hối
- d.Dự trữ ngoại tệ của quốc gia không thay đổi, bất luận các diễn biến trên thị trường ngoại hối

Câu 12. Cung ngoại tệ ở việt nam xuất phát từ

- a.Xuất khẩu từ VN và tiền mua tài sản nước ngoài của các công dân VN
- b.Xuất khẩu từ VN và các công dân nước ngoài mua tài sản của VN
- c.Nhập khẩu vào VN và mua tài sản nước ngoài của các công dân VN
- d.Nhập khẩu vào VN và các công dân nước ngoài mua tài sản của VN

Câu 13.

Phá giá ngoại tệ sẽ

- a.Xuất khẩu có ưu thế cạnh tranh hơn
- b.Xuất hiện lạm phát cùa kéo
- c.Giảm dự trữ ngoại tệ quốc gia
- d.Cả ba phương án nêu trên đều không chính xác.

Câu 14. Tỷ giá hối đoái được xác định bằng lượng cung và cầu ngoại tệ trên thị trường ngoại hối là

- a.Cơ chế tỷ giá hối đoái thả nổi
- b.Cơ chế tỷ giá hối đoái thả nổi có quản lý
- c.Cơ chế tỷ giá hối đoái cố định
- d.Tất cả đều sai

Câu 15.

Các mục khoản của tài khoản vãng lai là

- a.Xuất khẩu-Nhập khẩu
- b.Thu nhập tài sản ròng
- c.Chuyển nhượng ròng
- d.Các trường hợp trên đều đúng

Câu 16.

Các tài khoản của cán cân thanh toán

- a.Tài khoản vãng lai, tài khoản vốn, khoản tài trợ chính thức, sai số thống kê
- b.Tài khoản vãng lai, tài khoản tài trợ chính thức, tài khoản dự trữ
- c.Khoản trợ chính thức, tài khoản vốn, tài khoản tiền gửi không kì hạn
- d.Cả 3 câu trên đều đúng.

Câu 17. Đối với một nước có cán cân thanh toán thâm hụt, việc thu hút mạnh vốn đầu tư nước ngoài góp phần cải thiện cán cân thanh toán vì

- a.Việc thu hút mạnh vốn đầu tư nước ngoài làm tăng thặng dư hoặc làm giảm thâm hụt tài khoản vốn
- b.Việc thu hút mạnh vốn đầu tư nước ngoài làm tăng thặng dư hoặc làm giảm thâm hụt mậu dịch
- c.Việc thu hút mạnh vốn đầu tư nước ngoài làm tăng thặng dư hoặc làm giảm thâm hụt tài khoản vãng lai
- d.Việc thu hút mạnh vốn đầu tư nước ngoài làm tăng thặng dư hoặc làm giảm thâm hụt ngân sách chính phủ

Câu 18.

Giả sử có các hàm số sau: Tài khoản vốn: $K=-1000+200r$. Xuất khẩu: $X=200$. Nhập khẩu: $M=100+0.2Y$. Vậy đường BP có dạng

- a. $Y=-4500+1000r$
- b. $Y=-450+1000r$
- c. $Y=-4500+100r$
- d. $Y=-450+100r$

Câu 19.

Tỷ giá hối đoái thay đổi sẽ ảnh hưởng đến các mặt

- a.Tình hình cán cân ngoại thương
- b.Tình hình cán cân thanh toán
- c.Tình hình sản lượng quốc gia
- d.Cả 3 câu trên đều đúng.

Câu 20. Khi tỷ giá hối đoái giảm xuống thì

- a.Các công ty nhập khẩu hàng sẽ có lợi
- b.Các công ty xuất khẩu hàng sẽ có lợi
- c.a và b đúng
- d.a và b sai

Câu 1. Thất nghiệp cao hơn luôn kèm theo lạm phát thấp hơn.

- a.Đúng
- b.Sai

Câu 2. Lạm phát sẽ làm thay đổi vị trí đường LM trong mô hình IS - LM.

- a.Đúng
- b.Sai

Câu 3. Điểm vừa đủ trên hàm tiêu dùng là điểm mà tại đó tiêu dùng bằng đầu tư.

- a.Đúng
- b.Sai

Câu 4. Việc thay đổi giá vật tư nhập khẩu tác động đến cả tổng cung lẫn tổng cầu.

- a.Đúng
- b.Sai

Câu 5. Khi còn có thất nghiệp thì còn có áp lực làm cho tiền công tăng lên.

- a.Đúng
- b.Sai

Câu 6. Sự thay đổi của giá không có ảnh hưởng gì đến vị trí của các đường IS, LM.

- a.Đúng
- b.Sai

Câu 7. Trong mô hình xác định tổng sản phẩm quốc dân của 3 khu vực (Hộ gia đình, hằng kinh doanh, chính phủ) tiết kiệm của hộ gia đình + thuế = đầu tư của khu vực tư nhân + chi tiêu chính phủ.

- a.Đúng
- b.Sai

Câu 8. Xu hướng nhập khẩu cận biên và xu hướng tiêu dùng cận biên có tác động cùng chiều đến số nhân chi tiêu.

- a.Đúng
- b.Sai

Câu 9. Nếu không có thâm hụt ngân sách thì không thể có lạm phát.

- a.Đúng
- b.Sai

Câu 10. Trong nền kinh tế đóng, chính sách tài khoá có tác động yếu khi cầu tiền rất nhạy cảm với lãi suất.

- a.Đúng
- b.Sai

Câu 11. Xuất khẩu ròng tăng lên sẽ làm đường IS dịch sang phải và lãi suất giảm đi.

- a.Đúng
- b.Sai

Câu 12. Số nhân chi tiêu chỉ số những thay đổi trong chi tiêu không phụ thuộc vào thu nhập chỉ dẫn đến những thay đổi trong thu nhập cân bằng (sản lượng cân bằng như thế nào).

a.Đúng

b.Sai

Câu 13. Lạm phát ý (lạm phát dự kiến) xảy ra khi có một cơn lốc về cầu.

a.Đúng

b.Sai

Câu 14. Chính sách tiền tệ mở rộng có thể làm giảm sản lượng và giảm tỷ giá hối đoái của đồng nội tệ.

a.Đúng

b.Sai

Câu 15. Đường LM càng dốc thì qui mô lấn át đầu tư càng lớn (với IS có độ dốc không đổi).

a.Đúng

b.Sai

Câu 16. Trong điều kiện các yếu tố khác không thay đổi tỷ lệ dự trữ bắt buộc tăng lên làm lãi suất cân bằng trong thị trường tiền tệ giảm.

a.Đúng

b.Sai

Câu 17. Trong điều kiện các yếu tố khác không thay đổi tỷ lệ dự trữ bắt buộc tăng lên làm giá cả và sản lượng cân bằng trong thị trường hàng hoá giảm.

a.Đúng

b.Sai

Câu 18. Trong nền kinh tế mở và tỷ giá hối đoái là linh hoạt, giả sử Ngân hàng trung ương bán trái phiếu cho công chúng thì lãi suất cân bằng sẽ thay đổi như thế nào trên thị trường tiền tệ.

a.Tăng

b.Giảm

Câu 19. Trong nền kinh tế mở và tỷ giá hối đoái là linh hoạt, giả sử Ngân hàng trung ương bán trái phiếu cho công chúng tỷ giá hối đoái sẽ thay đổi như thế nào trên thị trường ngoại hối.

- a.Tăng
- b.Giảm

Câu 20. Trong nền kinh tế mở và tỷ giá hối đoái là linh hoạt, giả sử Ngân hàng trung ương bán trái phiếu cho công chúng, sự thay đổi của tỷ giá và lãi suất sẽ ảnh hưởng như thế nào đến giá cả và sản lượng.

- a.Tăng
- b.Giảm

Câu 4. Nếu GDP bình quân thực tế của năm 2000 là 18,073\$ và GDP bình quân thực tế của năm 2001 là 18,635\$ thì tỷ lệ tăng trưởng của sản lượng thực tế trong thời kỳ này là bao nhiêu?

- a.3.0%
- b.3.1%
- c.5.62%
- d.18.0%
- e.18.6%

Câu 18. Khi nền kinh tế đang có lạm phát cao, nên:

- a.Giảm lượng cung tiền, tăng lãi suất
- b.Giảm chi ngân sách và tăng thuế
- c.Các lựa chọn đều sai
- d.Các lựa chọn đều đúng

Câu 1. Mức sống của chúng ta liên quan nhiều nhất đến:

- a.Mức độ làm việc chăm chỉ của chúng ta
- b.Nguồn cung tư bản của chúng ta, vì tất cả những gì có giá trị đều do máy móc sản xuất ra
- c.Nguồn tài nguyên thiên nhiên của chúng ta, vì chúng giới hạn sản xuất
- d.Năng suất của chúng ta, vì thu nhập của chúng ta bằng chính những gì chúng ta sản xuất ra.

Câu 2. Sản phẩm trung gian và sản phẩm cuối cùng khác nhau ở

- a.Mục đích sử dụng
- b.Thời gian tiêu thụ
- c.Độ bền trong quá trình sử dụng
- d.Các lựa chọn đều đúng

Câu 3. Ngân hàng Trung Ương có thể làm thay đổi cung nội tệ bằng cách:

- a.Mua hoặc bán trái phiếu chính phủ
- b.Mua hoặc bán ngoại tệ

- c.Cả hai lựa chọn đều đúng
- d.Cả hai lựa chọn đều sai

Câu 6. Thành phần nào sau đây thuộc lực lượng lao động:

- a.Học sinh trường trung học chuyên nghiệp
- b.Người nội trợ
- c.Bộ đội xuất ngũ
- d.Sinh viên năm cuối

Câu 5. Hoạt động nào sau đây của ngân hàng Trung Ương sẽ làm tăng cơ sở tiền tệ

- a.Bán ngoại tệ trên thị trường ngoại hối
- b.Cho các ngân hàng thương mại vay
- c.Hạ tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với các ngân hàng thương mại
- d.Tăng lãi suất chiết khấu

Câu 7. Những yếu tố nào sau đây có thể dẫn đến thâm hụt cán cân thương mại của một nước:

- a.Đồng nội tệ xuống giá so với đồng ngoại tệ
- b.Sự gia tăng của đầu tư trực tiếp nước ngoài
- c.Thu nhập của các nước đối tác mậu dịch chủ yếu tăng
- d.Các lựa chọn đều sai

Câu 8. Những yếu tố nào sau đây có ảnh hưởng đến tổng cung dài hạn:

- a.Thu nhập quốc gia tăng
- b.Xuất khẩu tăng
- c.Tiền lương tăng
- d.Đổi mới công nghệ

Câu 10. Những trường hợp nào sau đây có thể tạo ra những áp lực lạm phát

- a.Cán cân thanh toán thặng dư trong một thời gian dài
- b.Giá của các nguyên liệu nhập khẩu chủ yếu gia tăng nhiều
- c.Một phần lớn các thâm hụt ngân sách được tài trợ bởi ngân hàng trung ương
- d.Các lựa chọn đều đúng.

Câu 9. GDP thực và GDP danh nghĩa của một năm bằng nhau nếu:

- a.Tỷ lệ lạm phát của năm hiện hành bằng tỷ lệ lạm phát của năm trước
- b.Tỷ lệ lạm phát của năm hiện hành bằng tỷ lệ lạm phát của năm gốc
- c.Chỉ số giá của năm hiện hành bằng chỉ số giá của năm trước
- d.Chỉ số giá của năm hiện hành bằng chỉ số giá của năm gốc

Câu 14. Nếu NHTU giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc và tăng lãi suất chiết khấu thì khối lượng tiền tệ sẽ:

- a.Tăng

- b.Giảm
- c.Không đổi
- d.Không thể kết luận**

Câu 12. Trên đồ thị, trực hoành ghi sản lượng quốc gia, trực tung ghi mức giá chung, đường tổng cầu AD dịch sang phải khi:

- a.Nhập khẩu và xuất khẩu tăng
- b.Chính phủ tăng chi tiêu cho quốc phòng**
- c.Chính phủ cắt giảm các khoản trợ cấp và giảm thuế
- d.Các lựa chọn đều đúng

Câu 16. Trên đồ thị, trực hoành ghi sản lượng quốc gia, trực tung ghi mức giá chung, đường tổng cung AS dịch chuyển khi:

- a.Mức giá chung thay đổi
- b.Chính phủ thay đổi các khoản chi ngân sách
- c.Thu nhập quốc gia không đổi
- d.Công nghệ sản xuất có những thay đổi đáng kể**

Câu 17. Trong cơ chế tỷ giá hối đoái thả nổi hoàn toàn:

- a.Dự trữ ngoại tệ của quốc gia thay đổi tùy theo diễn biến trên thị trường ngoại hối**
- b.Dự trữ ngoại tệ của quốc gia tăng khi tỷ giá hối đoái giảm
- c.Dự trữ ngoại tệ của quốc gia không thay đổi, bất luận diễn biến trên thị trường ngoại hối
- d.Dự trữ ngoại tệ của quốc gia giảm khi tỷ giá hối đoái tăng

Câu 19. Nếu tỷ giá hối đoái danh nghĩa không thay đổi đáng kể, tốc độ tăng giá trong nước tăng nhanh hơn giá thế giới, sức cạnh tranh của hàng hóa trong nước sẽ:

- a.tăng
- b.giảm**
- c.Không thay đổi
- d.Không thể kết luận

Câu 15. Khi đầu tư nước ngoài vào Việt Nam tăng, nếu các yếu tố khác không đổi, Việt Nam sẽ:

- a.Thặng dư hoặc thâm hụt cán cân thanh toán
- b.Tăng xuất khẩu ròng
- c.Tăng thu nhập ròng từ tài sản nước ngoài
- d.Các lựa chọn đều đúng**

Câu 20. Nếu các yếu tố khác không đổi, lãi suất tăng thì sản lượng cân bằng sẽ:

- a.Tăng

b.Giảm

- c.không thay đổi
- d.Không thể kết luận

Câu 13. Nền kinh tế đang ở mức toàn dụng. Giá sử lãi suất, giá cả và tỷ giá hối đoái không đổi, nếu chính phủ giảm chi tiêu và giảm thuế một lượng bằng nhau, trạng thái của nền kinh tế sẽ thay đổi:

- a.Từ suy thoái sang lạm phát
- b.Từ suy thoái sang ổn định
- c.Từ ổn định sang lạm phát
- d.Từ ổn định sang suy thoái

Câu 11. Tác động ngắn hạn của chính sách nói lỏng tiền tệ trong nền kinh tế mở với cơ chế tỷ giá hối đoái thả nổi là:

- a.Sản lượng tăng
- b.Thặng dư hoặc giảm thâm hụt cán cân thương mại
- c.Đồng nội tệ giảm giá
- d.Các lựa chọn đều đúng.

Câu 1. Nếu GDP bình quân thực tế của năm 2000 là 18,073\$ và GDP bình quân thực tế của năm 2001 là 18,635\$ thì tỷ lệ tăng trưởng của sản lượng thực tế trong thời kỳ này là bao nhiêu?

- a.3.0%
- b.3.1%**
- c.5.62%
- d.18.0%
- e.18.6%

Câu 2. Khi nền kinh tế đang có lạm phát cao, nên:

- a.Giảm lượng cung tiền, tăng lãi suất
- b.Giảm chi ngân sách và tăng thuế
- c.Các lựa chọn đều sai
- d.Các lựa chọn đều đúng**

Câu 3. Mức sống của chúng ta liên quan nhiều nhất đến:

- a.Mức độ làm việc chăm chỉ của chúng ta
- b.Nguồn cung tư bản của chúng ta, vì tất cả những gì có giá trị đều do máy móc sản xuất ra
- c.Nguồn tài nguyên thiên nhiên của chúng ta, vì chúng giới hạn sản xuất
- d.Năng suất của chúng ta, vì thu nhập của chúng ta bằng chính những gì chúng ta sản xuất ra.**

Câu 4. Sản phẩm trung gian và sản phẩm cuối cùng khác nhau ở

- a.Mục đích sử dụng
- b.Thời gian tiêu thụ
- c.Độ bền trong quá trình sử dụng
- d.Các lựa chọn đều đúng

Câu 5. Ngân hàng Trung Ương có thể làm thay đổi cung nội tệ bằng cách:

- a.Mua hoặc bán trái phiếu chính phủ
- b.Mua hoặc bán ngoại tệ
- c.Cả hai lựa chọn đều đúng
- d.Cả hai lựa chọn đều sai

Câu 6. Thành phần nào sau đây thuộc lực lượng lao động:

- a.Học sinh trường trung học chuyên nghiệp
- b.Người nội trợ
- c.Bộ đội xuất ngũ
- d.Sinh viên năm cuối

Câu 7. Hoạt động nào sau đây của ngân hàng Trung Ương sẽ làm tăng cơ sở tiền tệ

- a.Bán ngoại tệ trên thị trường ngoại hối
- b.Cho các ngân hàng thương mại vay
- c.Hạ tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với các ngân hàng thương mại
- d.Tăng lãi suất chiết khấu

Câu 8. Những yếu tố nào sau đây có thể dẫn đến thâm hụt cán cân thương mại của một nước:

- a.Đồng nội tệ xuống giá so với đồng ngoại tệ
- b.Sự gia tăng của đầu tư trực tiếp nước ngoài
- c.Thu nhập của các nước đối tác mậu dịch chủ yếu tăng
- d.Các lựa chọn đều sai

Câu 9. Những yếu tố nào sau đây có ảnh hưởng đến tổng cung dài hạn:

- a.Thu nhập quốc gia tăng
- b.Xuất khẩu tăng
- c.Tiền lương tăng
- d.Đổi mới công nghệ

Câu 10. Những trường hợp nào sau đây có thể tạo ra những áp lực lạm phát

- a.Cán cân thanh toán thặng dư trong một thời gian dài
- b.Giá của các nguyên liệu nhập khẩu chủ yếu gia tăng nhiều
- c.Một phần lớn các thâm hụt ngân sách được tài trợ bởi ngân hàng trung ương
- d.Các lựa chọn đều đúng.

Câu 11. GDP thực và GDP danh nghĩa của một năm bằng nhau nếu:

- a.Tỷ lệ lạm phát của năm hiện hành bằng tỷ lệ lạm phát của năm trước
- b.Tỷ lệ lạm phát của năm hiện hành bằng tỷ lệ lạm phát của năm gốc
- c.Chỉ số giá của năm hiện hành bằng chỉ số giá của năm trước
- d.Chỉ số giá của năm hiện hành bằng chỉ số giá của năm gốc**

Câu 12. Nếu NHTU giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc và tăng lãi suất chiết khấu thì khối lượng tiền tệ sẽ:

- a.Tăng
- b.Giảm
- c.Không đổi
- d.Không thể kết luận**

Câu 13. Trên đồ thị, trực hoành ghi sản lượng quốc gia, trực tung ghi mức giá chung, đường tổng cầu AD dịch sang phải khi:

- a.Nhập khẩu và xuất khẩu tăng
- b.Chính phủ tăng chi tiêu cho quốc phòng**
- c.Chính phủ cắt giảm các khoản trợ cấp và giảm thuế
- d.Các lựa chọn đều đúng

Câu 14. Trên đồ thị, trực hoành ghi sản lượng quốc gia, trực tung ghi mức giá chung, đường tổng cung AS dịch chuyển khi:

- a.Mức giá chung thay đổi
- b.Chính phủ thay đổi các khoản chi ngân sách
- c.Thu nhập quốc gia không đổi
- d.Công nghệ sản xuất có những thay đổi đáng kể**

Câu 15. Trong cơ chế tỷ giá hối đoái thả nổi hoàn toàn:

- a.Dự trữ ngoại tệ của quốc gia thay đổi tùy theo diễn biến trên thị trường ngoại hối**
- b.Dự trữ ngoại tệ của quốc gia tăng khi tỷ giá hối đoái giảm
- c.Dự trữ ngoại tệ của quốc gia không thay đổi, bất luận diễn biến trên thị trường ngoại hối
- d.Dự trữ ngoại tệ của quốc gia giảm khi tỷ giá hối đoái tăng

Câu 16. Nếu tỷ giá hối đoái danh nghĩa không thay đổi đáng kể, tốc độ tăng giá trong nước tăng nhanh hơn giá thế giới, sức cạnh tranh của hàng hóa trong nước sẽ:

- a.tăng
- b.giảm**
- c.Không thay đổi
- d.Không thể kết luận

Câu 17. Khi đầu tư nước ngoài vào Việt Nam tăng, nếu các yếu tố khác không đổi, Việt Nam sẽ:

- a.Thặng dư hoặc thâm hụt cán cân thanh toán
- b.Tăng xuất khẩu ròng
- c.Tăng thu nhập ròng từ tài sản nước ngoài
- d.Các lựa chọn đều đúng

Câu 18. Nếu các yếu tố khác không đổi, lãi suất tăng thì sản lượng cân bằng sẽ:

- a.Tăng
- b.Giảm
- c.không thay đổi
- d.Không thể kết luận

Câu 19. Nền kinh tế đang ở mức toàn dụng. Giả sử lãi suất, giá cả và tỷ giá hối đoái không đổi, nếu chính phủ giảm chi tiêu và giảm thuế một lượng bằng nhau, trạng thái của nền kinh tế sẽ thay đổi:

- a.Từ suy thoái sang lạm phát
- b.Từ suy thoái sang ổn định
- c.Từ ổn định sang lạm phát
- d.Từ ổn định sang suy thoái

Câu 20. Tác động ngắn hạn của chính sách nói lỏng tiền tệ trong nền kinh tế mở với cơ chế tỷ giá hối đoái thả nổi là:

- a.Sản lượng tăng
- b.Thặng dư hoặc giảm thâm hụt cán cân thương mại
- c.Đồng nội tệ giảm giá
- d.Các lựa chọn đều đúng.

Câu 3. Nếu GDP bình quân thực tế của năm 2000 là 18,073\$ và GDP bình quân thực tế của năm 2001 là 18,635\$ thì tỷ lệ tăng trưởng của sản lượng thực tế trong thời kỳ này là bao nhiêu?

- a.3.0%
- b.3.1%
- c.5.62%
- d.18.0%
- e.18.6%

Câu 1. Khi nền kinh tế đang có lạm phát cao, nên:

- a.Giảm lượng cung tiền, tăng lãi suất

- b.Giảm chi ngân sách và tăng thuế
- c.Các lựa chọn đều sai
- d.Các lựa chọn đều đúng**

Câu 2. Mức sống của chúng ta liên quan nhiều nhất đến:

- a.Mức độ làm việc chăm chỉ của chúng ta
- b.Nguồn cung tư bản của chúng ta, vì tất cả những gì có giá trị đều do máy móc sản xuất ra
- c.Nguồn tài nguyên thiên nhiên của chúng ta, vì chúng giới hạn sản xuất
- d.Năng suất của chúng ta, vì thu nhập của chúng ta bằng chính những gì chúng ta sản xuất ra.**

Câu 4. Sản phẩm trung gian và sản phẩm cuối cùng khác nhau ở

- a.Mục đích sử dụng**
- b.Thời gian tiêu thụ
- c.Độ bền trong quá trình sử dụng
- d.Các lựa chọn đều đúng

Câu 5. Ngân hàng Trung Ương có thể làm thay đổi cung nội tệ bằng cách:

- a.Mua hoặc bán trái phiếu chính phủ
- b.Mua hoặc bán ngoại tệ
- c.Cả hai lựa chọn đều đúng**
- d.Cả hai lựa chọn đều sai

Câu 7. Thành phần nào sau đây thuộc lực lượng lao động:

- a.Học sinh trường trung học chuyên nghiệp
- b.Người nội trợ
- c.Bộ đội xuất ngũ**
- d.Sinh viên năm cuối

Câu 6. Hoạt động nào sau đây của ngân hàng Trung Ương sẽ làm tăng cơ sở tiền tệ

- a.Bán ngoại tệ trên thị trường ngoại hối
- b.Cho các ngân hàng thương mại vay
- c.Hạ tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với các ngân hàng thương mại**
- d.Tăng lãi suất chiết khấu

Câu 8. Những yếu tố nào sau đây có thể dẫn đến thâm hụt cán cân thương mại của một nước:

- a.Đồng nội tệ xuống giá so với đồng ngoại tệ
- b.Sự gia tăng của đầu tư trực tiếp nước ngoài
- c.Thu nhập của các nước đối tác mậu dịch chủ yếu tăng
- d.Các lựa chọn đều sai**

Câu 9. Những yếu tố nào sau đây có ảnh hưởng đến tổng cung dài hạn:

- a.Thu nhập quốc gia tăng
- b.Xuất khẩu tăng
- c.Tiền lương tăng
- d.**Đổi mới công nghệ**

Câu 11. Những trường hợp nào sau đây có thể tạo ra những áp lực lạm phát

- a.Cán cân thanh toán thặng dư trong một thời gian dài
- b.Giá của các nguyên liệu nhập khẩu chủ yếu gia tăng nhiều
- c.Một phần lớn các thâm hụt ngân sách được tài trợ bởi ngân hàng trung ương
- d.**Các lựa chọn đều đúng.**

Câu 10. GDP thực và GDP danh nghĩa của một năm bằng nhau nếu:

- a.Tỷ lệ lạm phát của năm hiện hành bằng tỷ lệ lạm phát của năm trước
- b.Tỷ lệ lạm phát của năm hiện hành bằng tỷ lệ lạm phát của năm gốc
- c.Chỉ số giá của năm hiện hành bằng chỉ số giá của năm trước
- d.**Chỉ số giá của năm hiện hành bằng chỉ số giá của năm gốc**

Câu 12. Nếu NHTW giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc và tăng lãi suất chiết khấu thì khối lượng tiền tệ sẽ:

- a.Tăng
- b.Giảm
- c.Không đổi
- d.**Không thể kết luận**

Câu 13. Trên đồ thị, trực hoành ghi sản lượng quốc gia, trực tung ghi mức giá chung, đường tổng cầu AD dịch sang phải khi:

- a.Nhập khẩu và xuất khẩu tăng
- b.**Chính phủ tăng chi tiêu cho quốc phòng**
- c.Chính phủ cắt giảm các khoản trợ cấp và giảm thuế
- d.Các lựa chọn đều đúng

Câu 15. Trên đồ thị, trực hoành ghi sản lượng quốc gia, trực tung ghi mức giá chung, đường tổng cung AS dịch chuyển khi:

- a.Mức giá chung thay đổi
- b.Chính phủ thay đổi các khoản chi ngân sách
- c.Thu nhập quốc gia không đổi
- d.**Công nghệ sản xuất có những thay đổi đáng kể**

Câu 16. Trong cơ chế tỷ giá hối đoái thả nổi hoàn toàn:

- a.Dự trữ ngoại tệ của quốc gia thay đổi tùy theo diễn biến trên thị trường ngoại hối
- b.Dự trữ ngoại tệ của quốc gia tăng khi tỷ giá hối đoái giảm

- c.Dự trữ ngoại tệ của quốc gia không thay đổi, bất luận diễn biến trên thị trường ngoại hối
- d.Dự trữ ngoại tệ của quốc gia giảm khi tỷ giá hối đoái tăng

Câu 17. Nếu tỷ giá hối đoái danh nghĩa không thay đổi đáng kể, tốc độ tăng giá trong nước tăng nhanh hơn giá thế giới, sức cạnh tranh của hàng hóa trong nước sẽ:

- a.tăng
- b.giảm
- c.Không thay đổi
- d.Không thể kết luận

Câu 14. Khi đầu tư nước ngoài vào Việt Nam tăng, nếu các yếu tố khác không đổi, Việt Nam sẽ:

- a.Thặng dư hoặc thâm hụt cán cân thanh toán
- b.Tăng xuất khẩu ròng
- c.Tăng thu nhập ròng từ tài sản nước ngoài
- d.Các lựa chọn đều đúng

Câu 19. Nếu các yếu tố khác không đổi, lãi suất tăng thì sản lượng cân bằng sẽ:

- a.Tăng
- b.Giảm
- c.không thay đổi
- d.Không thể kết luận

Câu 20. Nền kinh tế đang ở mức toàn dụng. Giả sử lãi suất, giá cả và tỷ giá hối đoái không đổi, nếu chính phủ giảm chi tiêu và giảm thuế một lượng bằng nhau, trạng thái của nền kinh tế sẽ thay đổi:

- a.Từ suy thoái sang lạm phát
- b.Từ suy thoái sang ổn định
- c.Từ ổn định sang lạm phát
- d.Từ ổn định sang suy thoái

Câu 18. Tác động ngắn hạn của chính sách nói lỏng tiền tệ trong nền kinh tế mở với cơ chế tỷ giá hối đoái thả nổi là:

- a.Sản lượng tăng
- b.Thặng dư hoặc giảm thâm hụt cán cân thương mại
- c.Đồng nội tệ giảm giá
- d.Các lựa chọn đều đúng.

TÀI LIỆU ÔN TẬP MÔN KINH TẾ HỌC

PHẦN 2: CÁC DẠNG BÀI TẬP

ĐỀ 1

Câu 1. Hàm tổng chi phí của một doanh nghiệp độc quyền $TC = Q^2 + 950$ và hàm cầu $P = 200 - Q$. Để tối đa hóa sản lượng mà không bị lỗ, doanh nghiệp cần định mức giá là

- a. 105
- b. 95
- c. 85
- d. 75

Bài giải

* Hàm cầu dạng: $P = a + bQ$ ($b < 0$)

* DN độc quyền tối đa hóa sản lượng không lỗ:

+ Q max và $P_r \geq 0$

+ $P = AC$

Trong đó: AC là chi phí trung bình:

$$AC = \frac{TC}{Q}$$

* Xác định mối liên hệ: $P = AC = \frac{TC}{Q}$

$$P = 200 - Q = AC = \frac{TC}{Q} = \frac{950}{Q}$$

$$\Rightarrow 200Q - 2Q^2 - 950 = 0$$

$$\Rightarrow -2Q^2 + 200Q - 950 = 0$$

Ta có phương trình $ax^2 + bx + c = 0$ ($a \neq 0$)

$$\Delta = b^2 - 4ac = 200 \times 200 - 4 \times (-2) \times (-950) = 32\,400$$

$$X_{12} = \frac{-b + (-)\sqrt{\Delta}}{2a}$$

2a

$$Q1 = \frac{-200 + 180}{2 \times (-2)} = 5$$

$$Q2 = \frac{-200 - 180}{2 \times (-2)} = 95$$

Thé 95 vào P = 200 - 95 = 105

Câu 2. Đường cung về lúa sẽ dịch chuyển sang trái khi

- a. Giá lúa giảm
- b. **Hạn hán nên mất mùa**
- c. Chi phí sản xuất giảm
- d. Nông dân sử dụng giống lúa có năng suất cao hơn

Bài giải

- e. Giá lúa giảm : Đường cung di chuyển
- f. **Hạn hán nên mất mùa: Làm cung giảm đường cung dịch chuyển sang trái.**
- g. Chi phí sản xuất giảm: Làm cung tăng đường cung dịch chuyển sang phải
- h. Nông dân sử dụng giống lúa có năng suất cao hơn: Làm cung tăng đường cung dịch chuyển sang phải

Câu 3. Mức sản lượng làm tối đa hóa doanh thu của một hàng độc quyền :

- a. **MR=0**
- b. MR=MC
- c. MR>0
- d. MR<0

Bài giải

DN ĐQ tối đa hóa doanh thu:

+ TR_{max}

+ $MR \text{ (doanh thu biên)} = 0$

Câu 4. Trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo, hàng có hàm tổng chi phí : $TC = Q^2 + 2Q + 81$. Hàng sẽ đóng cửa sản xuất tại đó mức giá bằng:

a. $P = 2$

b. $P = 9$

c. $P = 81$

d. $P = 3$

Bài giải

- **Điểm đóng cửa:**

+ $P = MC \text{ (CF biên)} = AVC \text{ min} \text{ (CF biến đổi trung bình)}$

+ $Q = 0$

- **Tìm mối liên hệ :**

+ $AC = AVC + AFC$

$$AVC = \frac{TVC}{Q}$$

$$AFC = \frac{TFC}{Q}$$

$$+ TC = TVC + TFC$$

- Ta có:

$$Q^2 + 2Q$$

$$AVC = \frac{Q^2 + 2Q}{Q} = Q + 2$$

$$Q = 0$$

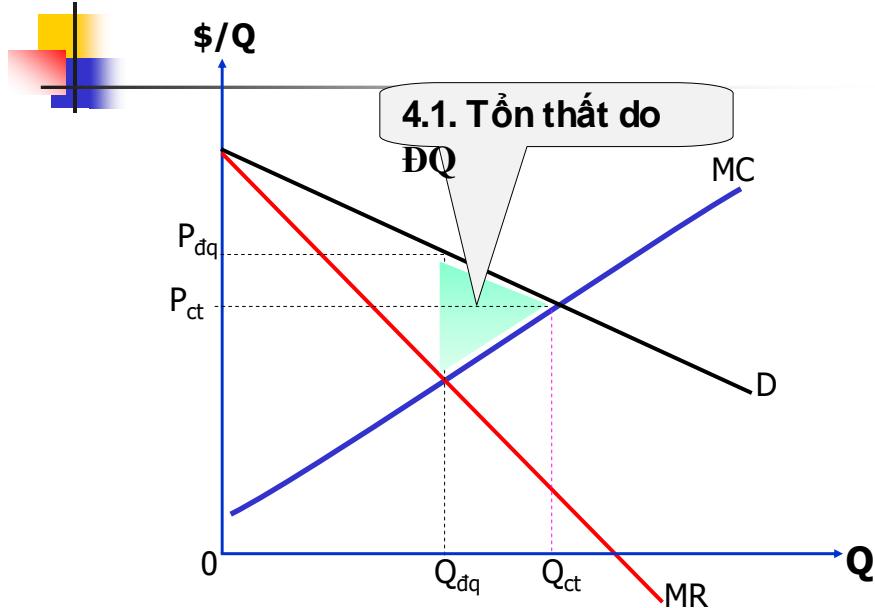
$$\Rightarrow AVC = P = 2$$

Câu 5. Một nhà độc quyền có hàm tổng chi phí $TC = Q^2 + 2Q + 100$ và hàm cầu $P_D = 22 - Q$ (Q là sản lượng sản phẩm, P là giá của sản phẩm). Phản ánh không mà nhà độc quyền gây ra đối với xã hội là bao nhiêu:

- a. 150
- b. 155
- c. 151
- d. Cả a,b,c sai**

Bài giải

4. Sự điều tiết của CP đối với độc quyền



* Ta có: $MC = MR$ (chi phí biên = doanh thu biên)

$$TR = P \times Q = Q(22-Q) = 22Q - Q^2$$

$$MR = TR' = 22 - 2Q$$

$$MC = TC' = 2Q + 2$$

$$MC = MR = 2Q + 2 = 22 \quad Q - 2 \quad Q \Rightarrow Q_0 = 5 ; P_0 = 17$$

$$MC = P = 2Q + 2 = 22 - Q \Rightarrow Q_1 = 20/3 \quad P_2 = 12$$

$$DWL = \frac{(17-12) \times (20/3 - 5)}{2}$$

Câu 6. Nếu giá hàng hóa X tăng lên gây ra sự dịch chuyển của đường cầu đối với hàng hóa Y về phía bên trái:

- a. **X và Y là hàng hóa bổ sung trong tiêu dùng**
- b. X và Y là hàng hóa thay thế trong tiêu dùng
- c. X và Y là hàng hóa thay thế trong sản xuất
- d. Y là hàng hóa cấp thấp

Bài giải

1. Hàng hóa thay thế là các hàng hóa tương tự có thể thay thế cho nhau như xăng A92 và xăng A95
2. Hàng hóa bổ sung là các hàng hóa được sử dụng đồng thời như xe và xăng, điện và máy lạnh
3. Theo quy luật : **Sự tăng giá của một mặt hàng làm tăng cầu đối với mặt hàng thay thế nó, làm giảm cầu đối với mặt hàng bổ sung nó**

Như vậy : giá hàng hóa X tăng lên gây ra sự dịch chuyển của đường cầu đối với hàng hóa Y về phía bên trái => cầu giảm, đây là hàng hóa bổ sung cho nhau

Câu 7. Cung hàng hóa thay đổi khi:

- a. Nhu cầu hàng hóa thay đổi (cầu)
- b. Thị hiếu của người tiêu dùng thay đổi (cầu)
- c. **Công nghệ sản xuất thay đổi**
- d. Sự xuất hiện của người tiêu dùng mới (cầu)

Bài giải

1. Các nhân tố ảnh hưởng đến cung:

- Giá của chính sản phẩm (P_X)
- Giá các yếu tố đầu vào (P_i)
- **Trình độ công nghệ (Tec)**
- Quy mô sản xuất của ngành (NS)
- Chính sách thuế (t) và trợ cấp (s)
- Giá dự kiến của sản phẩm (PF)

- Điều kiện tự nhiên (Na)

2.Các nhân tố làm ảnh hưởng đến cầu:

- Giá của chính hàng hóa
- Thu nhập (I)
- Sở thích, thị hiếu của người tiêu dùng
- Giá cả hàng hóa có liên quan
- Quy mô tiêu dùng của thị trường
- Giá dự kiến trong tương lai của sản phẩm./

Câu 8. Điều gì chắc chắn gây ra sự gia tăng của giá cân bằng

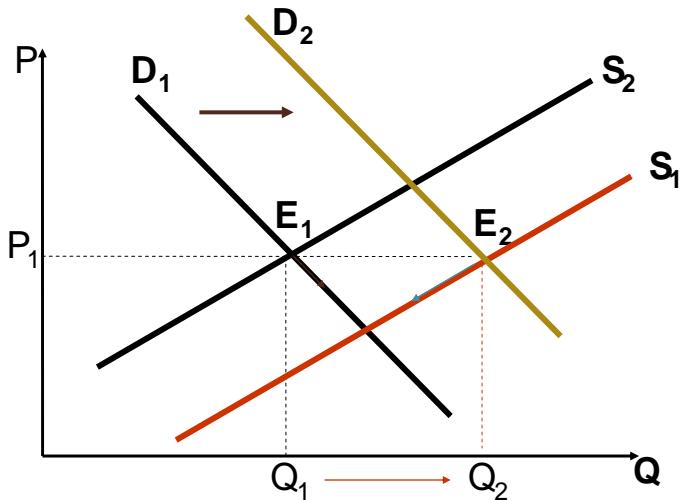
- a. Cả cung lẫn cầu đều tăng.
- b. *Sự tăng lên của cầu kết hợp với sự giảm xuống của cung*
- c. Cả cung và cầu đều giảm
- d. Sự giảm xuống của cầu kết hợp với sự tăng lên của cung

Bài giải

** Sự tăng lên của cầu kết hợp với sự giảm xuống của cung*

- + Sự tăng lên của cầu làm cầu dịch chuyển bên phải
- + Giảm xuống của cung dịch chuyển sang trái
- + Gây nên gia tăng của giá cân bằng

c. Cung cầu thay đổi



4/9/2014

51

Câu 9. Trong nền kinh tế thị trường giá cân bằng được xác định bởi:

- a. Cung hàng hóa
- b. Tương tác giữa cung và cầu**
- c. Chi phí sản xuất hàng hóa
- d. Cầu hàng hóa

Bài giải

1. Giá cân bằng trên thị trường phải là sự tương tác giữa cung và cầu

Câu 10. Hàm cung và cầu về cam trên thị trường là: $P_s = 50 + 5Q$, $P_d = 100 - 5Q$ khi đó lượng cân bằng trên thị trường sẽ là:

- a. 10
- b. 15
- c. 5**
- d. 20

Bài giải

$$P_S = P_D$$

$$50 + 5Q = 100 - 5Q$$

$$\Rightarrow Q = 5$$

Câu 11. Biểu cung về hàng hóa X trên thị trường như sau:

P(1000đ)	Q _s (Sản phẩm)
10	20
15	25
20	20
25	35
30	40

Hàm cung về hàng hóa X trên thị trường:

- a. $P_s = Q + 10$
- b. **$P_s = Q - 10$**
- c. $P_s = Q - 5$
- d. $P_s = Q + 5$

Bài giải

Ta có hàm cung: $Q_s = cP + d$

$$\Rightarrow d = Q_s - cP$$

$$\Delta Q_s \quad 25-20$$

$$c = \frac{\Delta Q_s}{\Delta P} = \frac{25-20}{15-10} = 1$$

$$\Delta P \quad 15-10$$

$$D = 20 - (1) \times 10 = 10$$

$$\Rightarrow Q_s = P_s + 10$$

$$\Rightarrow \mathbf{P_s = Q_s - 10}$$

Câu 12. Hàm số cầu và cung của một hàng hóa như sau: (D): $P_d = -Q + 50$; (S): $P_s = Q + 10$. Nếu chính phủ quy định giá tối đa $P = 20$ thì lượng hàng hóa :

a. Thiếu hụt 20

- b. Thiếu hụt 30
- c. Dư thừa 20
- d. Dư thừa 30

Bài giải

$$(1) \quad 20 = 50 - Q_D \Rightarrow Q_D = 50 - 20 = 30$$

$$(2) \quad 20 = Q_S + 10 \Rightarrow Q_S = 20 - 10 = 10$$

$$Q_D - Q_S = 30 - 10 = 20 \text{ (Thiếu hụt 20)}$$

Câu 13. Hàm cung và cầu về cam trên thị trường là $P_s = 50 + 5Q$; $P_d = 100 - 5Q$ khi đó
thặng dư tiêu dùng (CS):

a. 62,5

- b. 100
- c. 75
- d. 125

Câu 14. Năng suất biên MP của một yếu tố sản xuất biến đổi là:

- a. Sản phẩm trung bình tính cho mỗi đơn vị yếu tố sản xuất biến đổi
- b. Sản phẩm tăng thêm trong tổng sản phẩm của các yếu tố sản xuất
- c. Sản phẩm tăng thêm trong tổng sản phẩm khi sử dụng thêm một đơn vị yếu tố sản xuất biến đổi, các yếu tố sản xuất khác còn lại giữ nguyên**
- d. Sản phẩm tăng thêm trong tổng sản phẩm khi sử dụng thêm một đồng chi phí của các yếu tố biến đổi.

Câu 15. Một trong các đường chi phí không có định dạng hình chữ U (hoặc chữ V) đó là:

- a. Đường chi phí trung bình(AC)
- b. Đường chi phí biên (MC)
- c. Đường chi phí biến đổi trung bình (AVC)
- d. Đường chi phí cố định trung bình**

Câu 16. Các điểm nằm trên một đường đẳng phí cho thấy:

- a. Phối hợp giữa hai yếu tố sản xuất cùng tạo ra một mức sản lượng như nhau
- b. Những phối hợp tối ưu giữa hai yếu tố sản xuất
- c. Những phối hợp giữa các yếu tố tạo ra mức sản lượng tối đa

d. **Những phối hợp giữa vốn và lao động mà chi phí không đổi.**

Câu 17. Chi phí cố định của hằng là 100 triệu đồng. Nếu tổng chi phí để sản xuất một sản phẩm là 120 triệu đồng và hai sản phẩm là 150 triệu đồng, chi phí cận biên của sản phẩm thứ hai:

- a. 120 triệu đồng
- b. 30 triệu đồng**
- c. 20 triệu đồng
- d. 150 triệu đồng

Câu 18. Trong điều kiện thị trường cạnh tranh hoàn hảo, một xí nghiệp (trong ngắn hạn) sẽ đóng cửa nếu giá hàng hóa:

- a. Thấp hơn chi phí biến đổi trung bình tối thiểu**
- b. Thấp hơn chi phí tung bình tối thiểu, nhưng lớn hơn chi phí biến đổi trung bình tối thiểu.
- c. Bằng chi phí trung bình tối thiểu
- d. Các câu khác đều đúng.

Câu 19. Đường cung của doanh nghiệp cạnh tranh hoàn hảo trong ngắn hạn là:

- a. Phần đường chi phí biến nằm trên điểm cực tiểu của đường AVC**
- b. Phần đường chi phí biến nằm trên điểm cực tiểu của đường AC
- c. Phần đường chi phí trung bình nằm trên điểm tiêu cực của đường MC
- d. Các câu khác đều sai.

Câu 20. Doanh thu biên (MR) là :

- a. Doanh thu tăng thêm trong tổng doanh thu khi bán thêm 1 sản phẩm.**
- b. Doanh thu tăng thêm trong tổng doanh thu khi giá cả sản phẩm thay đổi
- c. Là độ dốc của đường tổng chi phí
- d. Là độ dốc của đường tổng sản lượng

Câu 21. Trong điều kiện nào dưới đây, một hằng cạnh tranh hoàn hảo sẽ kiếm được lợi nhuận:

- a. $MR > ATC_{min}$**
- b. $MR > AVC$
- c. $ATC > MC$
- d. $ATC = MC$

Câu 22. Bảng mô tả đường cầu của nhà độc quyền sản xuất

Giá	27	24	21	18	15	12	9	6	3	0
-----	----	----	----	----	----	----	---	---	---	---

Sản lượng	0	3	6	9	12	15	18	21	24	27
-----------	---	---	---	---	----	----	----	----	----	----

Đường doanh thu cận biên của hãng là:

- a. $MR = 27 - 2Q$
- b. $MR = 27 - Q$
- c. $MR = 12Q$
- d. $MR = 0$

Câu 23. Một doanh nghiệp trên thị trường cạnh tranh hoàn toàn có $TC = 2Q^2 + 4Q + 288$.

Sản lượng tại điểm hòa vốn là:

- a. 10
- b. **12**
- c. 13
- d. 14

Câu 24. Chính sách tài khoản và tiền tệ mở rộng sẽ làm cho:

- a. Đường tổng cung dịch chuyển sang trái
- b. **Đường tổng cầu dịch chuyển sang phải**
- c. Người tiêu dùng và doanh nghiệp chi tiêu ít hơn
- d. Sản lượng được sản xuất ra có xu hướng giảm.

Câu 25. Trong mô hình AD – AS, sự dịch chuyển AD sang trái có thể giải thích bởi :

- a. Tăng chỉ tiêu của chính phủ
- b. Giảm mức giá cả chung
- c. Giảm mức lương
- d. **Sự bi quan của giới đầu tư**

Câu 26. Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) là:

- a. Giá trị hàng hóa và dịch vụ được sản xuất ra trong một thời kỳ nhất định
- b. Tổng giá trị hàng hóa và dịch vụ cuối cùng được tạo ra trong lãnh thổ kinh tế của một nước trong một thời kỳ nhất định .
- c. Tổng giá trị hàng hóa và dịch vụ cuối cùng do công dân nước đó tạo ra trong một thời kỳ nhất định.
- d. **Tổng giá trị hàng hóa và dịch vụ tạo ra trên lãnh thổ của một nước trong một thời kỳ nhất định.**

Câu 27. Khoản mục nào dưới đây được tính vào GDP năm nay:

- a. Một chiếc ô tô mới được nhập khẩu từ nước ngoài
- b. **Máy in được sản xuất ra trong năm được một công ty xuất bản mua**
- c. Một chiếc máy tính sản xuất ra năm trước năm nay mới bán được

- d. Một ngôi nhà cũ được bán trong năm nay.

Câu 28. Sự khác nhau giữa giá trị thị trường và chi phí nhân tố là:

- a. Thuế thu nhập cá nhân
- b. Xuất khẩu
- c. Khấu hao**
- d. Thuế gián thu

Câu 29. Nếu GDP danh nghĩa là 2000 tỷ đồng năm 1 và 2150 tỷ đồng năm 2 và giá cả của năm 2 cao hơn năm 1 khi đó :

- a. GDP thực tế năm 2 lớn hơn năm 1
- b. GDP thực tế năm 1 lớn hơn năm 2
- c. Chúng ta chưa đủ thông tin để kết luận chính xác khi so sánh GDP, NNP hoặc GNP thực tế giữa hai năm này.**
- d. NNP thực tế năm 1 lớn hơn năm 2

Câu 30. Trong hệ thống tài khoản quốc gia, khoản chi mua nhà mới của hộ gia đình được tính vào.

- a. Chi tiêu dùng
- b. Đầu tư**
- c. Chi chuyển nhượng.
- d. Tiết kiệm

Câu 31. Giá trị GDP danh nghĩa của năm 2009 ở quốc gia Giama là 100 tỷ \$, chỉ số giá điều chỉnh GDP là 125% . Vậy GDP thực tế của Giama là:

- a. 0,9 tỷ \$
- b. 25 tỷ \$
- c. 121 tỷ \$
- d. 80 tỷ \$**

Câu 32. Một giỏ hàng hóa thị trườn bao gồm 3 loại hàng hóa đại diện sau đây, nếu sử dụng năm 2000 làm năm cơ sở thì chỉ số giá điều chỉnh GDP năm 2005 là bao nhiêu?

Năm	Giá (ngàn đồng)		Lượng	
	2000	2005	2000	2005
Hàng hóa				
Gạo	0,75	1,10	100	120
Vải	1,25	2,10	300	280
Thuốc lá	2,00	3,00	200	190

- a. 1.200

b. 1.300

- c. 1.400
- d. 1.500

Câu 33. Nếu GDP thực tế năm 1 là 4000 tỷ đồng và GDP thực tế của năm 2 là 5.000 tỷ đồng, khi đó tốc độ tăng trưởng kinh tế của năm 2 là:

a. 46%

b. 25%

c. 43%

d. 15%

Câu 34. Cho dữ liệu của quốc gia A như sau (đơn vị tính là triệu USD):

Tổng sản phẩm quốc nội	5.000
Sản phẩm quốc nội ròng	4.600
Thu nhập ròng từ yêu tố nước ngoài	0
Thu nhập quốc dân	4.400
Đầu tư ròng	800
Thuế thu nhập cá nhân	1.200
Tiết kiệm cá nhân	300

Hỏi : tổng đầu tư tư nhân là bao nhiêu triệu USD?

a. 1.200

b. 1.300

c. 1.400

d. 1.500

Câu 35. Xét nền kinh tế giản đơn, giả sử thu nhập khả dụng bằng 800, tiêu dùng tự định bằng 100, xu hướng tiết kiệm cận biên = 0,3, tiêu dùng bằng:

a. 460

b. 660

c. 590

d. 560

Câu 36. Điều nào dưới đây là ví dụ về chính sách tài khoản mở rộng:

a. Tăng thuế

b. Ngân hàng Trung ương tăng trợ cấp

c. Tăng chi tiêu của chính phủ

d. Chính phủ tăng chi tiêu công và tăng chi chuyển nhượng

Câu 37. Cho bảng số liệu sau, phương trình nào dưới đây biểu diễn đúng nhất hàm tiêu dùng:

Thu nhập khả dụng (Yd) tỷ đồng	0	10	20	30	40	50	60
Tiêu dùng (C) tỷ đồng	5	10	15	20	25	30	35

- a. $C = 8 + 0,9Y$
- b. $C = 15 + 0,5Y$
- c. **$C = 5 + 0,5Yd$**
- d. $C = 5 + 0,9Yd$

Câu 38. Nếu xu hướng tiêu dùng cận biên bằng 0,8 thuế suất biên bằng 0,2 và xu hướng nhập khẩu cận biên bằng 0,3 thì khi xuất khẩu tăng thêm 66 tỷ đồng sản lượng cân bằng của nền kinh tế tăng thêm:

- a. 16 tỷ đồng
- b. 66 tỷ đồng
- c. 120 tỷ đồng
- d. 100 tỷ đồng**

Câu 39. Tiền là:

- a. Tất cả các phương tiện dùng để thanh toán**
- b. Một loại tài sản có thể sử dụng để thực hiện các giao dịch
- c. Những đồng tiền giấy trong tay công chúng
- d. Các khoản tiền gửi có thể viết Séc

Câu 40. Khoản mục nào dưới đây thuộc M2, nhưng không thuộc M1?

- a. Tiền gửi tiết kiệm cá nhân tại các ngân hàng thương mại và tiền gửi tiết kiệm cá nhân tại các tổ chức tín dụng nông thôn
- b. Tiền mặt
- c. Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng**
- d. Tiền gửi có thể viết sec tư nhân tại các ngân hàng thương mại

Câu 41. Sự cắt giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc do ngân hàng trung ương quy định sẽ:

- a. Dẫn tới cho vay được ít hơn và cung tiền giảm đi
- b. Dẫn tới mở rộng các khoản tiền gửi và cho vay**
- c. Dẫn tới cho vay được nhiều hơn và dự trữ thực tế của ngân hàng thương mại giảm đi
- d. Không tác động đến các ngân hàng thương mại không có dự trữ thừa

Câu 42. Giả sử tiền mặt so với tiền gửi là 0,2 và tỷ lệ dự trữ so với tiền gửi là 0,1 nếu muốn tăng cung tiền tỷ đồng thông qua hoạt động của thị trường mở, ngân hàng trung ương phải:

- a. Mua 167 triệu trái phiếu chính phủ
- b. Mua 250 triệu trái phiếu chính phủ**

- c. Bán 167 triệu trái phiếu chính phủ
- d. Bán 250 triệu trái phiếu chính phủ

Câu 43. Khi chính phủ thay đổi một lượng thuế hoặc trợ cấp cho các hộ gia đình thì tổng cầu sẽ thay đổi một lượng:

- a. Bằng lượng thuế hoặc trợ cấp thay đổi
- b. Nhỏ hơn lượng thuế hoặc trợ cấp thay đổi**
- c. Lớn hơn lượng thuế hoặc trợ cấp thay đổi
- d. Có thể xảy ra cả 3 khả năng trên

Câu 44. Trong một nền kinh tế có các dữ liệu được cho như sau: tiêu dùng dự định: 100, đầu tư dự định : 50, chi tiêu chính phủ về hàng hóa và dịch vụ: 100, thuế ròng tự định: 40, xuất khẩu : 100, nhập khẩu tự định : 20, tiêu dùng biên 0,75, thuế suất biên: 0,2 , nhập khẩu biên: 0,1 mức sản lượng (thu nhập) cân bằng là:

- a. 600**
- b. 800
- c. 750
- d. Các câu đều sai.

Câu 45. Số liệu trong một nền kinh tế mở được cho như sau: tiêu dùng tự định: 150, đầu tư tự định: 50, thuế ròng tự định: 40, xuất khẩu : 200, nhập khẩu tự định: 40, tiêu dùng biên: 0,8, thuế suất biên: 0,1, nhập khẩu biên, :0,12. Mức sản lượng cân bằng tại đó ngân sách cân bằng:

- a. 1.600
- b. 1226,67**
- c. 960
- d. 1840

Câu 46. Tỷ lệ tiền mặt ngoài ngân hàng so với tiền ký gửi sử dụng sec là 20%, tỷ lệ dự trữ tùy ý trong hệ thống ngân hàng là 5%, lượng tiền mạnh (tiền cơ sở) là 750, lượng tiền cung ứng là 3000. Vậy tỷ lệ dự trữ bắt buộc là:

- a. 10%
- b. 5%**
- c. 20%
- d. Các câu đều sai.

Câu 47. Tổng cầu hàng hóa và dịch vụ của một nước không phụ thuộc vào các quyết định của :

- a. Chính phủ và các hãng sản xuất
- b. Các nhà cung ứng hàng hóa và dịch vụ**

- c. Các hộ gia đình
- d. Người nước ngoài

Câu 48. Biến số nào sau đây có thể thay đổi không gây ra sự dịch chuyển của đường tổng cầu:

- a. Mức giá
- b. Lãi suất**
- c. Thuế xuất
- d. Kỳ vọng về lạm phát

Câu 49. Đường tổng cung thẳng đứng hàm ý rằng:

- a. Tăng giá sẽ khuyến khích đổi mới công nghệ và do vậy thúc đẩy tốc độ tăng trưởng kinh tế**
- b. Không thể có được tốc độ tăng của sản lượng trong ngắn hạn lớn hơn tốc độ tăng trung bình của sản lượng trong dài hạn
- c. Tăng giá sẽ không ảnh hưởng gì đến sản lượng của nền kinh tế
- d. Tăng giá sẽ cho phép nền kinh tế đạt được mức sản lượng cao hơn

Câu 50. Tiết kiệm nhỏ hơn không khi hộ gia đình:

- a. Tiết kiệm nhiều hơn so với chi tiêu
 - b. Tiêu dùng nhiều hơn so với thu nhập có thể sử dụng
 - c. Chi tiêu nhiều hơn tiết kiệm
 - d. Chi tiêu ít hơn so với thu nhập có thể sử dụng
-

ĐỀ 2

Câu 1. Mức sản lượng làm tối đa hóa lợi nhuận của một hàng độc quyền:

- a. $MR = MC$**
- b. $MR = 0$
- c. $MR > 0$
- d. $MR < 0$

Câu 2. Một hàng cạnh tranh hoàn hảo có hàm tổng chi phí $TC = Q^2 + Q + 169$. Nếu giá bán trên thị trường là 55 khi đó lợi nhuận tối đa là:

- a. 560**
- b. 550
- c. 555
- d. 570

Câu 3. Một nhà độc quyền có hàm tổng chi phí $TC = Q^2 + 2Q + 100$ và hàm cầu $P_D = 22 - Q$ (Q là sản lượng, P là giá của sản phẩm). Mức giá tại mức sản lượng tối đa hóa doanh thu là:

a. **11**

- b. 12
- c. 13
- d. 10

Câu 4. Hàm cung và cầu về cam trên thị trường là: $Ps = 50 + 5Q$; $Pd = 100 - 5Q$, khi đó hệ số co giãn của cầu tại mức giá cân bằng:

a. -1

b. -3

- c. 1
- d. 3

Câu 5. Thị trường sản phẩm X có hàm số và cầu có dạng: (D) $P_d = -1/3Q + 60$, (S): $Ps = 1/2Q - 15$. Giả sử chính phủ đánh thuế trên mỗi sản phẩm bán ra làm sản lượng cân bằng xuống còn 84. Xác định mức thuế chính phủ đánh vào mỗi sản phẩm:

a. $t = 3/sp$

b. $t = 10/sp$

c. $t = 15/sp$

d. Tất cả đều sai

Câu 6. Xu hướng tiêu dùng cận biên được tính bằng:

a. Tổng tiêu dùng chia cho tổng thu nhập khả dụng

b. Sự thay đổi của tiêu dùng chia cho tiết kiệm

c. Sự thay đổi của tiêu dùng chia cho sự thay đổi của thu nhập khả dụng

d. Tổng tiêu dùng chia cho sự thay đổi của thu nhập

Câu 7. Nếu hàm tiết kiệm là $S = -25 + 0,4Yd$, thì hàm tiêu dùng là:

a. $C = 25 + 0,6Yd$

b. $C = 25 - 0,4 Yd$

c. $C = -25 + 0,4 Yd$

d. $C = 25 + 0,4Yd$

Câu 8. Nếu chi tiêu cho tiêu dùng của hộ gia đình tăng từ 500 ngàn đồng lên đến 800 ngàn đồng, khi thu nhập khả dụng tăng từ 400 ngàn đồng lên 800 ngàn đồng thì xu hướng tiêu dùng cận biên:

a. $Bằng 0,75$

- b. Mang giá trị âm
- c. Bằng 1
- d. Bằng với xu hướng tiêu dùng bình quân

Câu 9. Đối với một doanh nghiệp hoạt động trong ngành cạnh tranh hoàn hảo thì vấn đề nào dưới đây không thể quyết định được:

a. *Bán sản phẩm với giá bao nhiêu?*

- b. Số lượng các yếu tố sản xuất sử dụng là bao nhiêu?
- c. Sản xuất bao nhiêu sản phẩm?
- d. Sản xuất như thế nào ?

Câu 10. Hàm sản xuất $Q = A \cdot K^m \cdot L^n$ biểu thị hiệu suất không đổi theo quy mô thì

a. *m+n=1*

- b. $m+n > 1$
- c. $m+n < 1$
- d. $m+n=0$

Câu 11. Hạn hán có thể sẽ:

- a. Gây ra sự vận động dọc theo đường cung lúa gạo tới mức giá cao hơn
- b. Làm cho cầu tăng và giá lúa gạo cao hơn
- c. Làm cho cầu đổi với lúa gạo giảm xuống
- d. *Làm cho đường cung đổi với lúa gạo dịch chuyển lên sang bên trái***

Câu 12. Điều nào dưới đây không làm dịch chuyển đường cầu với thịt bò:

- a. Giá hàng hóa thay thế cho thịt bò tăng lên.
- b. Thị hiếu đổi với thịt bò thay đổi
- c. *Giá thịt bò giảm xuống***
- d. Thu nhập của người tiêu dùng tăng lên

Câu 13. Khi chính phủ quy định giá trần:

- a. Để bảo vệ lợi ích cho người sản xuất.
- b. Gây ra sự dư thừa hàng hóa
- c. *Gây ra sự thiếu hụt hàng hóa***
- d. Làm tăng lượng cung ứng

Câu 14. Giả sử co giãn của cung theo giá là 1,5. Nếu giá tăng 20% thì lượng cung sẽ:

- a. Tăng 7,5%
- b. Giảm 30%
- c. *Tăng 30%***

- d. Tăng 3 %

Câu 15. Hàm cung và cầu về cam trên thị trường là: $Ps = 50 + 5Q$, $Pd = 100 - 5Q$ khi đó thặng dư tiêu dùng (CS):

- a. **62,5**
- b. 100
- c. 75
- d. 125

Câu 16. Chi phí biên MC là:

- a. Chi phí tăng thêm khi sử dụng thêm một yếu tố sản xuất
- b. Chi phí tăng thêm khi sử dụng thêm 1 sản phẩm
- c. **Chi phí tăng thêm trong tổng chi phí sản xuất khi sản xuất thêm một đơn vị sản phẩm**
- d. Chi phí tăng thêm trong chi phí cố định khi sản xuất thêm một đơn vị sản phẩm

Câu 17. Chi phí cơ hội của phương án A là:

- a. Lợi ích mất đi do chọn phương án A mà không chọn phương án khác
- b. Lợi ích mất đi do không chọn phương án A mà chọn một phương án khác.
- c. **Lợi ích mất đi do chọn phương án A mà không chọn phương án có lợi nhất kahcs**
- d. Không có câu nào đúng.

Câu 18. Để tối thiểu hóa chi phí sản xuất, các doanh nghiệp sẽ thực hiện phôi hợp các yếu tố sản xuất theo nguyên tắc:

- a. $MPa = MPb = MPc = \dots$
- b. $MC = MR$
- c. **$MPa/Pa = MPb/Pb = MPc/Pc = \dots$**
- d. $MCA = MCB = MCC$

Câu 19. Nếu doanh nghiệp có doanh thu biên (MR) bằng giá sản phẩm thì:

- a. **Đường cầu của doanh nghiệp là đường nằm ngang**
- b. Doanh nghiệp đang tối đa hóa lợi nhuận
- c. Doanh nghiệp sản xuất càng nhiều càng tốt
- d. Doanh nghiệp sẽ không sản xuất

Câu 20. Một doanh nghiệp “chấp nhận giá trên thị trường” muốn đạt lợi nhuận tối đa cần phải:

- a. **Cố gắng sản xuất và bán ở mức sản lượng mà tại đó chi phí cận biên bằng giá bán thị trường.**

- b. Cố gắng bán tất cả các sản phẩm của mình ở mức giá cao nhất
- c. Cố gắng sản xuất ở mức sản lượng mà tại đó chi phí trung bình đạt giá trị cực tiểu
- d. Cố gắng sản xuất ở mức sản lượng mà tại đó chi phí biến đổi trung bình bằng với giá bán

Câu 21. Điều nào dưới đây đúng với giá cả thị trường độc quyền và cạnh tranh hoàn hảo :

- a. *Tối đa hóa lợi nhuận tại mức sản lượng có $MR=MC$***
- b. Sản phẩm đồng nhất
- c. Lợi nhuận kinh tế bằng không trong dài hạn
- d. Dễ dàng xâm nhập và rút khỏi thị trường

Câu 22. Một nhà độc quyền sản xuất với chi phí : $TC = 100 - 5Q + Q^2$ và cầu là $P_D = 55 - 2Q$. Khi hăng theo đuổi mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận, hăng tạo ra thặng dư tiêu dùng là bao nhiêu?

- a. *100***
- b. 35
- c. 105
- d. 75

Câu 23. Bảng sau mô tả đường cầu trước nhà độc quyền, để tối đa hóa lợi nhuận nhà độc quyền sẽ sản xuất ở mức sản lượng :

Giá	27	24	21	18	15	12	9	6	3	0
Sản lượng	0	3	6	9	12	15	18	21	24	27

- a. $Q = 6$
- b. $Q = 15$
- c. *$Q = 7$***
- d. $Q = 60$

Câu 24. Một doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn có hàm tổng chi phí:

$TC = Q^2 + 300Q + 100.000$. Nếu giá thị trường là 1100 thì thặng dư sản xuất của doanh nghiệp:

- a. *160.000***
- b. 320.000
- c. 400.000
- d. 380.000

Câu 25. Chính phủ có thể khắc phục thâm hụt ngân sách cơ cấu bằng cách:

- a. Khuyến khích đầu tư tư nhân
- b. Tăng chi tiêu chính phủ do đó sản lượng và tổng thu nhập của chính phủ sẽ tăng.

- c. Tăng trợ cấp thất nghiệp nhằm khuyến khích tiêu dùng của các hộ gia đình
d. Thực hiện biện pháp thắt chặt chi tiêu tăng thuế

Câu 26. Cho bảng số liệu sau, xét nền kinh tế giản đơn nếu đầu tư là 30 tỷ, mức cân bằng của thu nhập sẽ là:

Thu nhập (Y) tỷ đồng	360	370	380	390	400	410	420
Tiêu dùng (C) tỷ đồng	334	343	352	361	370	379	388

- a. 390 tỷ đồng
- b. 370 tỷ đồng
- c. 410 tỷ đồng
- d. 400 tỷ đồng

Câu 27. Giả sử thuế là cố định nếu hàm tiêu dùng là $C = 400 + (3/4) Y_d$, ảnh hưởng của việc tăng trợ cấp chính phủ thêm 200, mức sản lượng cân bằng tăng bao nhiêu?

- a. Thu nhập sẽ tăng 200
- b. Thu nhập sẽ tăng 350
- c. Thu nhập sẽ tăng 800
- d. Thu nhập sẽ tăng 600**

Câu 28. Nếu tất cả các ngân hàng thương mại đều không cho vay số tiền huy động được thì số nhân tiền sẽ là:

- a. 100
- b. 1,0**
- c. 0,0
- d. 10,0

Câu 29. Giá trị số nhân tiền tăng khi:

- a. Lãi suất chiết khấu tăng
- b. Khi các ngân hàng cho vay nhiều hơn và dự trữ ít hơn**
- c. Khi các ngân hàng cho vay ít hơn dự trữ nhiều hơn
- d. Khi tỷ lệ dự trữ bắt buộc tăng

Câu 30. Đường tổng cung ngắn hạn không dịch chuyển lên phía trên vì lý do sau:

- a. Giá cả nguyên liệu thô thiết yếu tăng.
- b. Giảm năng suất lao động
- c. Mức giá tăng**
- d. Tiền lương tăng

Câu 31. Khi chính phủ đánh thuế vào hàng tiêu dùng xuất khẩu

- a. Đường tổng cầu dịch chuyển sang phải
- b. Đường tổng cầu dịch chuyển sang trái**
- c. Đường tổng cung dịch chuyển sang phải
- d. Đường tổng cung dịch chuyển sang trái

Câu 32. Khoản mục nào sau đây không phải là một thành phần của GDP theo luồng chi tiêu:

- a. Thu nhập của người nông dân
- b. Xuất khẩu ròng**
- c. Tiền công tiền lương và thu nhập của các lao động phụ khác
- d. Lợi nhuận công ty

Câu 33. Muốn tính thu nhập quốc dân ròng từ GNP, chúng ta phải khấu trừ

- a. Khấu hao, thuế gián thu, lợi nhuận công ty và đóng bảo hiểm xã hội
- b. Khấu hao và thuế gián thu ròng
- c. Khấu hao, thuế gián thu và lợi nhuận
- d. Khấu hao.**

Câu 34. GDP thực tế bằng

- a. GDP danh nghĩa trừ đi giá trị hàng hóa xuất khẩu
- b. GDP danh nghĩa trừ đi giá trị trung gian
- c. GDP danh nghĩa trừ đi khấu hao
- d. GDP danh nghĩa được điều chỉnh theo lạm phát**

Câu 35. Muốn tính GNP từ GDP chúng ta phải

- a. Cộng với thu nhập ròng của dân cư trong nước kiếm được ở nước ngoài**
- b. Cộng với xuất khẩu ròng
- c. Trừ đi thanh toán chuyển khoản của chính phủ
- d. Cộng với thuế gián thu ròng

Câu 36. Lợi nhuận của hãng Honda tạo ra ở Việt Nam sẽ được tính vào:

- a. GDP của Việt Nam
- b. GDP của Việt Nam và GNP của Nhật Bản**
- c. GNP của Nhật Bản
- d. GNP của Việt Nam

Câu 37. Giả sử người nông dân trồng lúa mì và bán cho người sản xuất bánh mì với giá 1 triệu đồng, người sản xuất bánh mì làm bánh mì và bán cho cửa hàng với giá 2 triệu đồng và cửa hàng bán cho người tiêu dùng với giá là 3 triệu đồng. Các hoạt động này làm tăng GDP:

- a. 6 triệu đồng
- b. 1 triệu đồng
- c. 2 triệu đồng
- d. 3 triệu đồng**

Câu 38. Một giỏ hàng hóa thị trường gồm 3 loại hàng hóa đại diện sau đây, nếu sử dụng năm 2000 làm năm cơ sở thì chỉ số giá của năm 2000 là :

Năm	Giá (ngàn đồng)		Lượng	
	2000	2005	2000	2005
Hàng hóa				
Gạo	0,75	1,10	100	120
Vải	1,25	2,10	300	280
Thuốc lá	2,00	3,00	200	190

- a. 100**
- b. 1340
- c. 158
- d. 152

Câu 39. GDP danh nghĩa của năm gốc là 1000 tỷ đồng giả sử năm thứ 5 mức giá chung tăng gấp 2 lần và GDP thực tế tăng 30% chúng ta có thể dự đoán rằng GDP danh nghĩa của năm thứ 5 sẽ là:

- a. 1300 tỷ đồng
- b. 3000 tỷ đồng
- c. 2600 tỷ đồng**
- d. 2000 tỷ đồng

Câu 40. Cho bảng số liệu sau, giá trị của tổng sản phẩm quốc nội là:

Chỉ tiêu	Số lượng (giá trị)
Tiền công, tiền lương và thu nhập lao động phụ	800
Thu nhập của nông dân	80
Chi tiêu chính phủ về hàng hóa và dịch vụ	240
Khấu hao tư bản	240
Tổng đầu tư tư nhân trong nước	400
Thuế thu nhập ròng(đã trừ thanh toán chuyển khoản)	140
Thuế gián thu	120
Xuất khẩu ròng	80
Chỉ tiêu cho tiêu dùng	640

- a. 1280
- b. 1120
- c. 1290
- d. 1360**

Câu 41: hoạt động thị trường mở:

- a. Liên quan đến ngân hàng trung ương cho các ngân hàng thương mại vay tiền.
- b. Liên quan đến việc ngân hàng trung ương mua bán trái phiếu chính phủ
- c. Có thể làm thay đổi lượng tiền gửi ở các ngân hàng thương mại, nhưng không làm thay đổi lượng cung tiền
- d. Liên quan đến việc ngân hàng trung ương mua bán trái phiếu của công ty**

Câu 42. Một người chuyển một triệu đồng từ tài khoản tiết kiệm sang tài khoản tiền gửi có thẻ viết séc, khi đó:

- a. M1 và M2 đều giảm
- b. M1 giảm còn M2 tăng lên
- c. M1 và M2 tăng lên
- d. M1 tăng, còn M2 không thay đổi**

Câu 43. Giả sử tiền mặt ngoài ngân hàng là 23%, tỷ lệ dự trữ bắt buộc là 6%, tỷ lệ dự trữ tự ý là 1% và cung tiền là 820 tỷ đồng khối lượng tiền mạnh là:

- a. 300 tỷ đồng
- b. 200 tỷ đồng**
- c. 240 tỷ đồng
- d. 120 tỷ đồng

Câu 44. Giả sử mức tiêu dùng biên của người chịu thuế và người nhận trợ cấp là bằng nhau, nếu chính phủ tăng trợ cấp bằng mức tăng thuế thì:

- a. Sản lượng không đổi**
- b. Sản lượng tăng
- c. Sản lượng giảm
- d. Có 3 khả năng đều có thể xảy ra

Câu 45. Trong một nền kinh tế có các dữ liệu được cho như sau: tiêu dùng biên: 0,75, thuế suất biên: 0,2, nhập khẩu biên 0,1. Nếu chính phủ tăng chỉ tiêu hàng hóa và dịch vụ là 100, tăng thuế là 80, vậy sản lượng sẽ thay đổi:

- a. Tăng thêm 360
- b. Tăng thêm 80**
- c. Giảm đi 80
- d. Giảm đi 360

Câu 46. Tỷ lệ mặt ngoài ngân hàng so với tiền ký gửi sử dụng sec:80% tỷ lệ dự trữ chung so với tiền ký gửi sử dụng séc 10%, lượng tiền mạnh (tiền cơ sở): 700. Nếu ngân hàng trung ương bán trái phiếu của chính phủ ra công chúng một lượng là 100, lượng cung ứng tiền thay đổi là:

- a. Không thay đổi
- b. Tăng thêm 200**
- c. Giảm bớt 200
- d. Các câu trên đều sai.

Câu 47. Chính sách tài khoản và tiền tệ mở rộng sẽ làm cho:

- a. Đường tổng cung dịch chuyển sang trái
- b. Đường tổng cầu dịch chuyển sang phải**
- c. Người tiêu dùng và doanh nghiệp chi tiêu ít hơn
- d. Sản lượng được sản xuất ra có xu hướng giảm

Câu 48. Nếu nền kinh tế đang có áp lực lạm pháp tăng cao, để khắc phục lạm pháp, chính phủ và ngân hàng trung ương nên:

- a. Tăng thuế và lãi suất chiết khấu**
- b. Tăng chi chuyển nhượng và паhts hành trái phiếu chính phủ.
- c. Tăng cung tiền và giảm thuế
- d. Giảm cung tiền và giảm thuế

Câu 49. Trong mô hình AD – AS, sự dịch chuyển AD sang trái có thể làm cho:

- a. Sản lượng tăng và tiền lương thực tế giảm
- b. Sản lượng giảm và tiền lương thực tế tăng
- c. Cá sản lượng và tiền lương thực tế đều giảm**
- d. Cá sản lượng và tiền lương thực tế đều tăng

Câu 50. GDP danh nghĩa:

- a. Là một khái niệm được sử dụng để phân biệt giữa những thay đổi của giá cả và những thay đổi của sản lượng được sản xuất ra trong một nền kinh tế
 - b. Được tính theo giá hiện hành của năm gốc
 - c. Được sử dụng để phản ánh sự thay đổi của phúc lợi kinh tế theo thời gian
 - d. Được tính theo giá hiện hành**
-

ĐỀ 3

Câu 1. Một doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn có hàm chi phí: $TC = Q^2/10 + 400Q + 3.000.000$ hàm số cầu thị trường có dạng: $P = -Q/20 + 2200$. Nếu chính phủ đánh thuế là 150 đồng/ sản phẩm thì lợi nhuận tối đa của doanh nghiệp này đạt được là:

- a. 1.537.500**

- b. 2.400.000
- c. 2.362.500
- d. 1.573.500

Câu 2. Giả sử sản phẩm X có hàm số cung và cầu như sau: $Q_d = 180 - 3P$, $Q_s = 30 + 2P$, nếu chính phủ đánh thuế trên mỗi sản phẩm bán ra làm cho lượng cân bằng giảm xuống còn 78, thì số tiền thuế chính phủ đánh vào mỗi sản phẩm là:

- a. 12
- b. 10**
- c. 5
- d. 3

Câu 3. Để điều tiết toàn bộ lợi nhuận độc quyền, chính phủ nên quy định mức giá tối đa P_{max} sao cho :

- a. $P_{max} = ATC$
- b. $P_{max} = MC$**
- c. $P_{max} = AVC$
- d. $P_{max} = MR_p = 40$

Câu 4. Một hãng cạnh tranh hoàn hảo có hàm tổng chi phí $TC = Q^2 + Q + 169$ (Q là sản lượng sản phẩm) . hãng sẽ có mức sản lượng hòa vốn tại:

- a. $Q = 13$**
- b. $Q = 23$
- c. $Q = 15$
- d. $Q = 12$

Câu 5. Nếu co giãn của cầu theo giá bằng không, giá giảm thì

- a. Tổng doanh thu không thay đổi
- b. Lượng cầu giảm bằng không
- c. Lượng cầu không thay đổi**
- d. Tổng doanh thu tăng lên

Câu 6. Cải tiến công nghệ làm giảm chi phí sản xuất máy photocopy. Nếu cầu đối với máy photocopy là ít co giãn theo giá, chúng ta dự đoán:

- a. Lượng bán giảm và tổng doanh thu tăng
- b. Lượng bán giảm và tổng doanh thu giảm
- c. Lượng bán tăng và tổng doanh thu giảm**
- d. Lượng bán tăng và tổng doanh thu tăng

Câu 7. Co giãn của cầu theo giá là 2 (giá trị tuyệt đối), giá giảm 1% sẽ :

- a. Làm lượng cầu tăng gấp đôi
- b. Giảm lượng cầu hai lần
- c. **Tăng lượng cầu 2%**
- d. Giảm lượng cầu 2%

Câu 8. Giả sử cầu là co giãn hoàn toàn , nếu đường cung dịch chuyển sang phải sẽ làm cho :

- a. **Giá và lượng cân bằng tăng**
- b. Giá và lượng cân bằng giảm
- c. Giá tăng nhưng lượng cân bằng giữ nguyên
- d. Giá giữ nguyên nhưng lượng cân bằng tăng

Câu 9. Hàm cung và cầu về cam trên thị trường là: $P_s = 50 + 5Q$, $P_d = 100 - 5Q$ khi đó hệ số co giãn của cầu tại mức giá cân bằng:

- a. 1
- b. 3
- c. **-3**
- d. -1

Câu 10. Hàm cung và cầu về cam trên thị trường là $P_s = Q - 10$, $P_d = -Q + 40$. Giá cân bằng trên thị trường:

- a. $P = 25$
- b. **$P = 15$**
- c. $P = 40$
- d. $P = 10$

Câu 11. Thị trường sản phẩm X có hàm số cầu: (D) : $P_d = -1/3Q + 60$ và hàm số cung có dạng (S) : $P_s = 1/2Q - 15$. Giả sử chính phủ đánh thuế làm giảm sản lượng cân bằng xuống còn 84. Xác định mức thuế chính phủ đánh vào mỗi sản phẩm:

- a. 3
- b. 5
- c. 1
- d. 0

Câu 12. Một nhà độc quyền có hàm tổng chi phí $TC = Q^2 + Q + 144$ và hàm cầu $P_D = 21 - Q$ (Q là sản lượng sản phẩm, P là giá của sản phẩm). mức sản lượng khi nhà độc quyền theo đuổi mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận:

- a. **$Q = 5$**
- b. $Q = 7$
- c. $Q = 11$

d. $Q = 15$

Câu 13. Trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo , doanh nghiệp có hàm tổng chi phí : $TC = Q^2 + Q + 100$, mức giá hòa vốn của doanh nghiệp:

a. **$P = 21$**

- b. $P= 0$
- c. $P= 10$
- d. $P= 15$

Câu 14. Hàm cung và cầu về cam trên thị trường là : $Ps = 50 + 5Q$, $Pd = 100 - 5Q$ khi đó thặng dư tiêu dùng (CS):

a. **62,5**

- b. 100
- c. 75
- d. 125

Câu 15. Nếu hàm sản xuất của doanh nghiệp có dạng $Q = 0,5KL$. Đây là hàm sản xuất có :

a. **Năng suất giảm theo quy mô**

- b. Năng suất không đổi theo quy mô
- c. Năng suất tăng theo quy mô
- d. Không có câu nào đúng

Câu 16. Lợi nhuận kinh tế được tính bằng tổng doanh thu trừ đi :

- a. Các chi phí hiện vật
- b. Các chi phí chìm
- c. **Các chi phí kinh tế**

Câu 17. Chi phí cận biên là đại lượng cho biết:

- a. Tổng chi phí tăng thêm khi tăng thêm một đơn vị đầu vào là lao động
- b. Chi phí cố định tăng thêm khi tăng thêm một đơn vị đầu vào là lao động
- c. **Tổng chi phí tăng thêm khi sản xuất thêm một đơn vị sản phẩm**
- d. Chi phí biến đổi tăng thêm khi tăng thêm một đơn vị đầu vào là lao động

Câu 18. Xem xét bảng số liệu sau:

Số lao động	Sản lượng
2	400
4	700
6	900
8	1000

10	1060
----	------

Khi số lao động tăng lên từ 4 lên 6 năm suất biên của lao động là

- a. 50
- b. 100**
- c. 150
- d. 200

Câu 19. Trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo:

- a. Không ai quyết định giá
- b. Người bán sẽ quyết định giá
- c. Người mua sẽ quyết định giá**
- d. Doanh nghiệp có ưu thế sẽ quyết định giá

Câu 20. Chọn câu sai trong những câu dưới đây: Trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo:

- a. Tất cả các doanh nghiệp đều là người định giá
- b. Người mua và người bán có thông tin hoàn hảo
- c. Các doanh nghiệp đều bán một sản phẩm đồng nhất**
- d. Có rất nhiều doanh nghiệp trên thị trường

Câu 21. Một hằng cạnh tranh hoàn hảo tối đa hóa lợi nhuận nếu:

- a. $P=MR=MC$**
- b. $P>MR$
- c. $P<MR$
- d. $MR>MC$

Câu 22. Đường cung ngắn hạn của các ngành là :

- a. Tổng chi tiêu ngang của ác đường cung cá nhân các hằng
- b. Tổng chi tiêu dọc của các đường cung cá nhân các hằng
- c. Tổng lượng bán cầu các hằng tại mức giá hiện hành
- d. Là đường nằm ngang tại mức giá hiện hành

Câu 23. Để tối đa hóa doanh thu, xí nghiệp sẽ quyết định sản xuất ở xuất lượng tại đó:

- a. $MR=0$**
- b. $MC=MR$
- c. $MC>MR$
- d. $P=MC$

Câu 24. Bảng sau mô tả đường cầu với chi phí biên không đổi là 13\$ đối với nhà độc quyền sản xuất.

Giá	27	24	21	18	15	12	9	6	3	0
Sản lượng	0	3	6	9	12	15	18	21	24	27

Mức giá khi nhà đoc quyền theo đuối tối đa hóa lợi nhuận:

a. **20**

- b. 15
- c. 10
- d. 30

Câu 25. Một hằng cạnh tranh hoàn hảo có hàm $AVC = 3q + 2$. Hàm cung sản phẩm của hằng:

a. **$P=6q+2$**

- b. $P=3q^2+2q$
- c. $P=3q+2$
- d. $P= 3q+2+FC$

Câu 26. Trong một nền kinh tế đóng, không có chính phủ với $C = 100 + 0,75Y_d$; $I = 200$ thì sản lượng cân bằng:

a. $Y=1200$

b. $Y=4800$

c. $Y=2400$

d. Không có câu nào đúng

Câu 27. Biến số nào sau đây có thể thay đổi không gây ra sự dịch chuyển của đường tổng cung:

a. Các chính sách của chính phủ thay đổi

b. Lãi suất

c. Giá cả các yếu tố đầu vào

d. Mức giá chung

Câu 28. Khi chính phủ giảm thuế đánh vào các nguyên liệu nhập khẩu thì:

a. Đường tổng cầu dịch chuyển sang trái

b. Đường tổng cầu dịch chuyển sang phải

c. Đường tổng cung dịch chuyển sang trái

d. Đường tổng cung dịch chuyển sang phải

Câu 29. Trong mô hình AS- AD đường tổng cầu phản ánh mối quan hệ giữa

a. Thu nhập thực tế và GNP thực tế

b. Mức giá cả chung và tổng lượng cầu

c. Tổng chỉ tiêu thực tế và GNP thực tế

- d. Mức giá chung và GNP danh nghĩa

Câu 30. Để tính được phần đóng góp của một doanh nghiệp vào GDP theo phương pháp giá trị gia tăng, chúng ta phải lấy giá trị tổng sản lượng của doanh nghiệp trừ đi:

a. Giá trị những yếu tố đầu vào chuyển hết vào sản phẩm

- b. Toàn bộ khoản lợi nhuận không chia
- c. Toàn bộ thuế gián thu
- d. Khấu hao

Câu 31. Giả sử chính phủ trợ cấp cho hộ gia đình một khoản tiền là 100 triệu đồng, sau đó các hộ gia đình dùng khẩn tiền này để mua thuốc y tế. Khi hạch toán theo luồng hàng hóa và dịch vụ cuối cùng thì khoản chi tiêu trên sẽ được tính vào GDP

- a. Đầu tư của chính phủ
- b. Trợ cấp mua hàng hóa và dịch vụ của chính phủ
- c. Chi tiêu mua hàng hóa và dịch vụ của chính phủ
- d. Tiêu dùng của hộ gia đình**

Câu 32. Giả sử GDP là 4800, tiêu dùng là 3400, xuất khẩu ròng là 120, tiết kiệm là 400 và mua hàng hóa của chính phủ là 1200, khi đó:

a. Đầu tư là 80

- b. Thu nhập có thể sử dụng là 3800
- c. Thu nhập khả dụng sẽ là 3800, đầu tư 80, thâm hụt ngân sách là 200
- d. Thâm hụt ngân sách là 200

Câu 33. Một giỏ hàng hóa thị trường bao gồm 3 loại hàng hóa đại diện sau đây, nếu sử dụng năm 2005 làm năm cơ sở thì GDP danh nghĩa của năm 2000 và 2005 lần lượt là:

Năm	Giá (ngàn đồng)		Lượng	
	2000	2005	2000	2005
Hàng hóa				
X	0,75	1,10	100	120
Y	1,25	2,10	300	280
Z	2,00	3,00	200	190

- a. 850;1000

- b. 800;1500

- c. 850;1290**

- d. 1290;850

Câu 34. Cho bảng số liệu sau ở quốc gia Monanaca

Chỉ tiêu	Giá trị
Lợi nhuận	350\$

Tiền lãi	150\$
Thuê gián thu	230\$
Khấu hao	250\$
Tiền lương	1350\$
Tiền thuê	70\$
Chi tiêu hộ gia đình	1400\$
Chi mua bán hàng hóa, dịch vụ của chính phủ	500\$
Xuất khẩu ròng	40\$

GDP của quốc gia này bằng

- a. 1920\$
- b. 1940\$
- c. 2150\$
- d. **2400\$**

Câu 35. Xu hướng tiết kiệm cận biên cộng với:

- a. Xu hướng tiêu dùng cận biên bằng 0
- b. **Xu hướng tiêu dùng cận biên bằng 1**
- c. Xu hướng tiêu dùng bình quân bằng 1
- d. Xu hướng tiêu dùng bình quân bằng 0

Câu 36. Điểm vừa đủ trên đường tiêu dùng là điểm mà tại đó:

- a. **Tiêu dùng bằng với thu nhập có thể sử dụng**
- b. Tiết kiệm của hộ gia đình bằng với đầu tư của hộ gia đình
- c. Tiêu dùng của hộ gia đình bằng với đầu tư của hộ gia đình
- d. Tiêu dùng của hộ gia đình bằng với tiết kiệm của hộ gia đình

Câu 37. Giá trị của số nhân phụ thuộc vào

- a. Xu hướng tiết kiệm biên
- b. **Xu hướng tiêu dùng cận biên, xu hướng nhập khẩu cận biên, thuế biên.**
- c. Xu hướng tiêu dùng biên
- d. Xu hướng nhập khẩu biên.

Câu 38. Trong nền kinh tế đóng với thuế độc lập với thu nhập, nếu xu hướng tiết kiệm biên bằng 0,25. Giá trị của số nhân tổng cầu sẽ là:

- a. **4,0**
- b. 1,5
- c. 3,0
- d. 0,75

Câu 39. Cho bảng số liệu sau, hàm tiêu dùng của cá nhân hộ gia đình là

Thu nhập có thể sử dụng – Yd (ngàn đồng)	Tiêu dùng – C (ngàn đồng)
0	50
100	100
200	150
300	200
400	250

- a. $C = 100 + 0,8Yd$
- b. $C = 100 + 0,75Yd$
- c. **$C=50+0.5Yd$**
- d. $C = -50 + 0,1Y$

Câu 40. Nếu xuất khẩu là $X=400$, và hàm nhập khẩu là $M = 100 + 0,4Y$, hàm xuất khẩu ròng là:

- a. $NX = 300 + 0,6Y$
- b. **$NX = 300 - 0,4Y$**
- c. $NX = 300 + 0,4Y$
- d. $NX = 500 + 0,4Y$

Câu 41. Giả sử đầu tư tăng 500 và xuất khẩu tăng 1300 với xu hướng tiêu dùng biên từ thu nhập quốc dân là $4/5$ và xu hướng nhập khẩu biên là $1/20$, thu nhập quốc dân sẽ tăng:

- a. 9000
- b. 3000
- c. **7200**
- d. 1800

Câu 42. Chức năng nào dưới đây không phải là chức năng của ngân hàng trung ương:

- a. **Hoạt động để thu lợi nhuận**
- b. Điều chỉnh lượng cung tiền
- c. Đóng vai trò là người cho vay cuối cùng đối với các ngân hàng thương mại
- d. Điều chỉnh lãi suất thị trường

Câu 43. Việc ngân hàng trung ương mua trái phiếu của chính phủ sẽ:

- a. **Làm tăng lượng tiền giao dịch trong nền kinh tế.**
- b. Làm cho dự trữ của các ngân hàng thương mại giảm
- c. Giảm nguồn tín dụng trong nền kinh tế
- d. Là công cụ tốt để chống lạm phát

Câu 44. Chi phí cơ hội của việc giữ tiền là:

- a. **Lãi suất danh nghĩa**

- b. Tỷ lệ lạm pháp
- c. Tiền mặt không được trả lãi.
- d. Lãi suất thực tế

Câu 45. Khi tỷ lệ dự trữ bắt buộc là 10% và ngân hàng trung ương mua trái phiếu trị giá 100.000 triệu đồng thì mức cung tiền:

- a. Tăng 110.000 triệu đồng
- b. Tăng 100.000 triệu đồng
- c. Tăng lên bằng tích của 100.000 triệu đồng với số nhân tiền.**
- d. Không thay đổi.

Câu 46. Cho bảng số liệu sau, số nhân của tiền là:

Tỷ lệ tiền mặt ngoài hệ thống ngân hàng	0.3
Tỷ lệ dự trữ	0.12
Khối lượng tiền mạnh(H)	125

- a. 3.1**
- b. 2.4
- c. 4.2
- d. 8.0

Câu 47. Trong một nền kinh tế có các dữ liệu được cho như sau: tiêu dùng tự định: 200 , đầu tư tự định: 100, chỉ tiêu của chính phủ về hàng hóa và dịch vụ : 580, thuế ròng tự định 40, xuất khẩu 350, nhập khẩu tự định: 200, tiêu dùng biên: 0.2, nhập khẩu biên : 0.1. Mức sản lượng tiềm năng chính phủ áp dụng chính sách tài khóa:

- a. Giảm G:75 hoặc tăng T: 100
- b. Tăng G:100 hoặc giảm T:75
- c. Tăng G:75 hoặc giảm T: 100**
- d. Tăng G: 100 hoặc tăng T: 75

Câu 48. Nếu thu nhập quốc gia không đổi, thu nhập có thể sử dụng (thu nhập khả dụng) tăng khi:

- a. Tiêu dùng giảm
- b. Tiết kiệm tăng
- c. Thuế thu nhập giảm**
- d. Tiêu dùng tăng

Câu 49. Sự dịch chuyển của đường AD-AS sang phải có thể gây ra bởi

- a. Giảm thuế thu nhập**
- b. Người tiêu dùng thấy rằng trong tương lai nền kinh tế sẽ gặp phải những vấn đề bất lợi

- c. Giảm chi tiêu của doanh nghiệp
- d. Giảm chi tiêu của chính phủ

Câu 50. Câu bình luận nào về GDP sau đây là sai:

- a. GDP có thể được tính bằng giá cả hiện hành và giá cả của năm gốc
 - b. Chi phí những hàng hóa và dịch vụ cuối cùng được sản xuất ra trong thời kỳ nghiên cứu.
 - c. GDP danh nghĩa được điều chỉnh theo lạm pháp là GDP thực tế
 - d. Các hàng hóa trung gian và hàng hóa cuối cùng đều được tính vào GDP**
-

ĐỀ 4

Câu 1. Trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo, doanh nghiệp có hàm tổng chi phí : $TC=Q^2+Q+100$. Trong ngắn hạn đường cung sản phẩm của doanh nghiệp là:

- a. $P=2Q+1$**
- b. $P=Q+1$
- c. $P=Q^2+Q$
- d. $P=4Q+1$

Câu 2. Bảng sau mô tả đường cầu. Với chi phí biên không đổi là 13\$ đối với nhà độc quyền sản xuất:

Giá	27	24	21	18	15	12	9	6	3	0
Sản lượng	0	3	6	9	12	15	18	21	24	27

Lợi nhuận khi nhà độc quyền theo đuổi mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận:

- a. 49**
- b. 40
- c. 91
- d. 100

Câu 3. Đường cầu nằm ngang của một doanh nghiệp cạnh tranh hoàn hảo có nghĩa là:

- a. Doanh nghiệp có thể bán hết sản lượng của mình theo giá thị trường**
- b. Doanh nghiệp có thể bán một lượng khá lớn sản phẩm của mình với giá không đổi
- c. Doanh nghiệp có thể tăng sản lượng bán ra bằng cách hạ giá bán
- d. Doanh nghiệp có thể định giá bán sản phẩm của mình một mức không đổi

Câu 4. Hàm sản xuất $Q=K^2 \cdot L$ là hàm sản xuất

a. *Hiệu suất tăng dần theo quy mô*

- b. Hiệu suất không đổi theo quy mô
- c. Hiệu suất giảm dần theo quy mô
- d. Hiệu suất vừa tăng vừa giảm

Câu 5. Đường cung ngắn hạn trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo:

a. *Ps=MC*

- b. $Ps > MR$
- c. $Ps < MR$
- d. $Ps = MR$

Câu 6. Tại điểm A trên đường cung có mức giá $P = 10$, $Q = 20$, $Es = 0.5$, hàm số cung là hàm tuyến tính có dạng:

a. *P=Q-10*

- b. $P = Q + 20$
- c. $P = Q + 10$
- d. Các câu trên đều sai

Câu 7. Sản phẩm A có hàm cầu là $P = 25 - 9Q$ và hàm cung là $P = 4 + 3,5Q$. Nếu chính phủ đánh thuế nhà sản xuất 2 đồng/đơn vị sản phẩm thì số thuế mà người tiêu dùng và nhà sản xuất phải chịu trên mỗi đơn vị sản phẩm là:

a. *T_{NTD} = 0,56; T_{NSX} = 1,44*

- b. $T_{NTD} = 1,44$; $T_{NSX} = 0,56$
- c. $T_{NTD} = 0,48$; $T_{NSX} = 1,52$
- d. $T_{NTD} = 1,5$; $T_{NSX} = 0,5$

Câu 8. Nếu giá vé xem phim vào ban ngày giảm làm cho tổng doanh thu từ việc bán vé giảm xuống ta kết luận cầu theo giá đổi với phim ban ngày:

a. *Ít co giãn*

- b. Co giãn
- c. Co giãn đơn vị
- d. Co giãn hoàn toàn

Câu 9. Nếu chính phủ muốn giá lúa tăng, chính phủ có thể làm điều nào dưới đây:

- a. Bán lúa từ quỹ dự trữ quốc gia
- b. Trợ cấp giá phâm bón cho nông dân
- c. *Giảm diện tích trồng lúa***
- d. Tăng diện tích trồng lúa

Câu 10. Khi thu nhập tăng lên 5% thì lượng cầu về sản xuất tăng 2,5%(điều kiện các yếu tố khác không đổi), thì ta có thể kết luận X là:

- a. Hàng hóa thứ cấp
- b. Hàng hóa xa xỉ
- c. **Hàng hóa thiết yếu**
- d. Hàng hóa độc lập

Câu 11. Hàm cung và cầu về cam trên thị trường là : $P_s=50 + Q; P_d=100 - 5Q$ khi đó thặng dư tiêu dùng(CS):

- a. **62,5**
- b. 100
- c. 75
- d. 125

Câu 13. Chọn câu sai trong các câu dưới đây:

- a. Khi chi phí biên giảm dần thì chi phí trung bình cũng giảm dần
- b. **Khi chi phí trung bình giảm dần thì chi phí biên cũng giảm dần**
- c. Chi phí cố định bình quân giảm dần khi sản lượng càng lớn
- d. Khi chi phí trung bình tăng dần thì chi phí biên cũng tăng dần

Câu 14. Trong kinh tế học, ngắn hạn là thời kỳ sản xuất trong đó:

- a. **Có ít nhất 1 đầu vào cố định và ít nhất một đầu vào biến đổi**
- b. Nhỏ hơn hoặc bằng 1 năm
- c. Tất cả yếu tố đầu vào đều cố định
- d. Tất cả yếu tố đầu vào đều thay đổi

Câu 15. Câu nào sau đây về chi phí cố định trung (AFC) là không đúng:

- a. AFC giảm khi sản lượng tăng
- b. AFC bằng TFC chia cho sản lượng
- c. **Được biểu diễn bằng đường thẳng song song trực hành**
- d. Luôn nhỏ hơn chi phí trung bình (AC)

Câu 16. Trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo, giá của sản phẩm.

- a. **Bằng doanh thu biên**
- b. Lớn hơn doanh thu biên
- c. Bằng tổng doanh thu
- d. Lớn hơn tổng doanh thu

Câu 17. Doanh thu biên (MR) được xác định bởi:

a. $\Delta TR/\Delta Q$

- b. $TR/\Delta Q$
- c. TR
- d. TR/Q

Câu 18. Để tối đa hóa lợi nhuận, xí nghiệp nên sản xuất lượng tại đó:

a. $MC=MR$

- b. $MC=P$
- c. $MC=TR$
- d. $P=ATC_{min}$

Câu 19. Đường cầu trong thị trường độc quyền hoàn toàn thì:

a. Dốc xuống

- b. Nằm ngang
- c. Dốc lên
- d. Không cầu nào đúng

Câu 20. Độc quyền cơ cấu thị trường trong đó:

a. Một doanh nghiệp bán một loại sản phẩm duy nhất và trở ngại đối với sự gia nhập

- b. Một doanh nghiệp bán một loại sản phẩm duy nhất và trở ngại đối với sự gia nhập.
- c. Có một vài doanh nghiệp bán những sản phẩm khác biệt
- d. Có một vài doanh nghiệp bán những sản phẩm đồng nhất

Câu 21. Một hằng số kinh tế có hàm tổng chi phí $TC = Q^2 + 3Q + 169$ (Q là sản lượng sản phẩm). Hằng số đóng cửa sản xuất tại mức giá

a. $P=3$

- b. $P=27$
- c. $P=169$
- d. $P=13$

Câu 22. Chính sách tài khóa thu hẹp và chính sách tiền tệ thắt chặt sẽ làm cho :

- a. Đường tổng cầu dịch chuyển sang phải
- b. Đường tổng cung dịch chuyển sang phải
- c. Đường tổng cung dịch chuyển sang trái
- d. Đường tổng cầu dịch chuyển sang trái**

Câu 23. Một lý do làm cho đường tổng cung có độ dốc dương là:

- a. Nhu cầu của các tác nhân trong nền kinh tế tăng khi mặt bằng giá cả tăng

- b. Các doanh nghiệp sẽ bán được nhiều sản phẩm hơn khi giá cả tăng
- c. Lợi nhuận của các doanh nghiệp tăng thúc đẩy các doanh nghiệp sản xuất nhiều hơn

d. Các hằng kinh doanh sẽ có xu hướng tăng sản lượng khi giá cả tăng

Câu 24. Một xí nghiệp duy nhất sản xuất sản phẩm X, có hàm chi phí sản xuất là:

$TC=1/10Q^2 +400Q + 3.000.000$. Hàm chi phí biên của xí nghiệp là:

- a. $MC= 2/10Q +400$**
- b. $MC= 1/10Q +400$
- c. $MC= -1/10Q +400$
- d. $MC= -1/5Q +400$

Câu 25. Giả sử công ty nước suối Vĩnh Hảo có thể sản xuất với chi phí bằng 0 và đường cầu đứng trước công ty là $Q_D=1.200-P$. Giá tối đa hóa lợi nhuận, nếu nó là công ty độc quyền:

- a. 600**
- b. 400
- c. 800
- d. 900

Câu 26. Khi OPEC tăng giá dầu thì:

- a. Thu nhập quốc dân được phân phối lại từ các nước nhập khẩu dầu sang các nước xuất khẩu dầu.
- b. Tỷ lệ lạm pháp ở các nước nhập khẩu dầu tăng
- c. GDP thực tế của các nước nhập khẩu dầu giảm
- d. Tỷ lệ lạm pháp ở các nước nhập khẩu dầu tăng, GDP của các nước nhập khẩu dầu có xu hướng giảm và thu nhập quốc dân được phân phối lại từ các nước nhập khẩu dầu sang các nước xuất khẩu dầu

Câu 27. Trong mô hình AD – AS, đường tổng cung phản ánh mối quan hệ giữa

- a. Mức giá cả chung và tổng lượng cung
- b. Mức giá cả chung và sản lượng thực tế**
- c. Tổng sản lượng thực tế
- d. Thu nhập thực tế

Câu 28. Nếu bạn muốn kiểm tra xem có nhiều hàng hóa và dịch vụ được sản xuất hơn trong nền kinh tế trong năm 2004 so với năm 2003 thì bạn nên xem xét:

- a. GDP thực tế**
- b. Giá trị sản phẩm trung gian

- c. GDP tính theo giá hiện hành
- d. GDP danh nghĩa

Câu 29. Câu nào dưới đây phản ánh sự khác nhau giữa GDP danh nghĩa và GDP thực tế :

- a. **GDP thực tế tính theo giá cố định của năm gốc, trong khi GDP danh nghĩa được tính theo giá hiện hành.**
- b. GDP thực tế bao gồm tất cả hàng hóa , trong khi GDP danh nghĩa bao hàm của hàng hóa và dịch vụ
- c. GDP thực tế bằng GDP danh nghĩa nhân với CPI
- d. GDP thực tế bằng GDP danh nghĩa trừ đi khấu hao

Câu 30. Giả sử năm 1995 là năm cơ sở và trong thời gian qua (sau năm 1995) tỷ lệ lạm phát hàng năm của Việt Nam đều mang giá trị tương đương, khi đó:

- a. GDP thực tế lớn hơn GDP danh nghĩa
- b. GDP thực tế lớn hơn GDP danh nghĩa trước năm 1995 và điều ngược lại xảy ra sau năm 1995
- c. **GDP thực tế nhỏ hơn GDP danh nghĩa**
- d. GDP thực tế nhỏ hơn GDP danh nghĩa trước năm 1995 và điều ngược lại xảy ra sau năm 1995

Câu 31. Tổng đầu tư nhân trong GDP không bao gồm

- a. Lượng tồn kho gia tăng của doanh nghiệp
- b. **Số tiền mua cổ phiếu của ngân hàng ABC**
- c. Máy móc thiết bị được doanh nghiệp mua mới
- d. Công trình xây dựng dân dụng mới hoàn thành và phương tiện sản xuất được mua mới.

Câu 32. Nếu một giỏ hàng hóa thị trường trị giá 200 ngàn đồng trong năm cơ sở và 450 ngàn đồng trong năm 2000, thì chỉ số giá của năm sau năm 2000 là:

- a. 250%
- b. 300%
- c. 450%
- d. 225%**

Câu 33. Một giỏ hàng hóa thị trường bao gồm 3 loại hàng hóa đại diện sau đây, nếu sử dụng năm 2005 làm năm cơ sở thì chỉ số giá của năm 2005 là:

Năm	Giá (ngàn đồng)		Lượng	
	2000	2005	2000	2005
Hàng hóa				
A	0,75	1,10	100	120

B	1,25	2,10	300	280
C	2,00	3,00	200	190

a. 157

b. 129

c. 153

d. 100

Câu 34. Cho bảng số liệu sau ở quốc gia X

Chi tiêu	Giá trị
Lợi nhuận	350\$
Tiền lãi	150\$
Thuê gián thu	230\$
Khấu hao	250\$
Tiền lương	1350\$
Tiền thuê	70\$
Chi tiêu hộ gia đình	1400\$
Chi mua bán hàng hóa, dịch vụ của chính phủ	500\$
Xuất khẩu ròng	40\$

Đầu tư ròng bằng:

a. 210\$

b. 260\$

c. 510\$

d. 460\$

Câu 35. Nếu một hộ gia đình có chỉ tiêu cho tiêu dùng lớn hơn thu nhập khả dụng thì:

a. Xu hướng tiêu dùng cận biên lớn hơn 1

b. Tiết kiệm bằng 0

c. Xu hướng tiết kiệm bình quân lớn hơn 1

d. Xu hướng tiêu dùng bình quân lớn hơn 1

Câu 36. Chỉ tiêu dự định

a. Không phụ thuộc vào mức thu nhập

b. Luôn được quy định bởi hàm tiêu dùng

c. Không phải là thành phần của tổng cầu

d. Luôn phụ thuộc vào mức thu nhập

Câu 37. Ngân hàng trung ương quyết định tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc , khi đó:

a. Số nhân tiền giảm, cung tiền danh nghĩa tăng

b. Số nhân tiền tăng, cung tiền danh nghĩa tăng

c. Số nhân tiền giảm, cung tiền danh nghĩa giảm

d. Số nhân tiền tăng, cung tiền danh nghĩa giảm

Câu 38. Giải sử thuế là tự định và xu hướng tiêu dùng cận biên của các hộ gia đình là 0,8 nếu chính phủ tăng chỉ tiêu 10 tỷ đồng làm thay đổi tổng cầu 1 lượng là:

- a. 12,5 tỷ đồng
- b. 10 tỷ đồng**
- c. Nhỏ hơn 10 tỷ đồng
- d. Bằng không

Câu 39. Cân bằng thị trường tiền tệ xuất hiện khi:

- a. Tỷ giá hối đoái cố định
- b. Cung tiền bằng với cầu tiền**
- c. Lãi suất không thay đổi
- d. GDP thực tế không thay đổi

Câu 40 nhân tố nào sau đây không xác định vị trí của đường cung tiền thực tế:

- a. Quyết định chính sách của ngân hàng trung ương
- b. Quyết định cho vay của các ngân hàng thương mại
- c. Mức giá
- d. Lãi suất**

Câu 41. Nếu ngân hàng trung ương giảm mức cung tiền và chính phủ muốn duy trì tổng cầu ở mức ban đầu, chính phủ cần:

- a. Yêu cầu ngân hàng trung ương bán trái phiếu trên thị trường mở
- b. Giảm chi tiêu của chính phủ
- c. Tăng thuế
- d. Giảm thuế**

Câu 42. Dưới đây là ba kênh mà ngân hàng trung ương có thể sử dụng để giảm cung tiền

- a. Bán trái phiếu chính phủ, tăng dự trữ bắt buộc và tăng lãi suất chiết khấu**
- b. Bán trái phiếu chính phủ, tăng dự trữ bắt buộc và giảm lãi suất chiết khấu
- c. Bán trái phiếu chính phủ, giảm dự trữ bắt buộc và giảm lãi suất chiết khấu
- d. Bán trái phiếu chính phủ, giảm dự trữ bắt buộc và tăng lãi suất chiết khấu

Câu 43. Nếu các ngân hàng thương mại muốn giữ 3% tiền gửi dưới dạng dự trữ và dân cũng muốn giữ tiền mặt bằng 10% so với tiền gửi ngân hàng có thể việc séc thì số nhân tiền sẽ là:

- a. 11,0
- b. 10,0

c. 36,7

d. 8,46

Câu 44. Cho bảng số liệu sau cung tiền là:

Tỷ lệ tiền mặt ngoài hệ thống ngân hàng	0,3
Tỷ lệ dự trữ	0,12
Khối lượng tiền mạnh (H)	125

a. 300

b. 280

c. 386,9

d. 440

Câu 45. Ngân hàng trung ương mua 1 triệu đồng trái phiếu chính phủ với những điều khác không đổi, tổng dự trữ của các ngân hàng thương mại sẽ không tăng nếu chi tiêu nào dưới đây tăng 1 triệu đồng

- a. Tiền mặt trong tay công chúng ngoài ngân hàng**
- b. Tiền mà các ngân hàng tư nhân vay
- c. Dự trữ thửa
- d. Dự trữ vàng của ngân hàng trung ương

Câu 46. Trong một nền kinh tế cho biết: tiêu dùng tự định là 10 tỷ \$; đầu tư 50 tỷ \$; chi tiêu chính phủ 60 tỷ \$; xuất khẩu 32 tỷ \$; nhập khẩu biên là 1/10; khuynh hướng tiêu dùng biên 0,8; thuế biên là 1/8. Sản lượng cân bằng của nền kinh tế là:

a. 320 tỷ \$

b. 340 tỷ \$

c. 380 tỷ \$

d. 360 tỷ \$

Câu 47. Khi chính phủ tăng thuế ròng tự định là 100, tổng cầu sẽ thay đổi:

- a. Giảm bớt đúng 100
- b. Tăng thêm nhỏ hơn 100
- c. Giảm bớt nhỏ hơn 100**
- d. Tăng thêm đúng bằng 100

Câu 48. Nhân tố nào dưới đây được coi là một trong những nhân tố ổn định tự động của nền kinh tế:

a. Xuất khẩu

b. Thuế thu nhập lũy tiến và trợ cấp

c. Đầu tư

d. Thuế thu nhập tích lũy

Câu 49. Cho bảng số liệu sau hàm tiết kiệm của hộ gia đình có dạng:

Thu nhập có thể sử dụng – Yd (ngàn đồng)	Tiêu dùng – C (ngàn đồng)
0	5
20	15
40	25
60	35
80	45

- a. $S=5+0,2Yd$
- b. $S=10+0,5Yd$
- c. $S=-5+0,75Yd$
- d. $S=-5+0,5Yd$**

Câu 50. Nếu xu hướng tiêu dùng cận biên bằng 0,8 thuế suất biên bằng 0,2 và xu hướng nhập khẩu cận biên bằng 0,3 thi khi xuất khẩu tăng thêm 66 tỷ đồng sản lượng cân bằng của nền kinh tế tăng thêm:

- a. 16 tỷ đồng
 - b. 66 tỷ đồng
 - c. 120 tỷ đồng
 - d. 100 tỷ đồng**
-

ĐỀ 5

Câu 1. Co giãn của cầu theo giá là:

- a. Thay đổi trong tổng doanh thu chia cho thay đổi trong giá.
- b. Không đổi đối với các đường cầu khác nhau bất kể hình dạng của chúng.
- c. Luôn luôn là co giãn, hoặc không co giãn, hoặc co giãn đơn vị trong suốt dộ dài của đường cầu.
- d. Thay đổi phần trăm trong lượng cầu chia cho thay đổi phần trăm trong giá.**

Câu 2. Tăng cung sẽ làm giảm giá trừ khi:

- a. Cung là hoàn toàn không co giãn.
- b. Cầu là co giãn hoàn toàn**
- c. Sau đó lượng cầu tăng
- d. Cầu không co giãn

Câu 3. Co giãn dài hạn của cung lớn hơn co giãn ngắn hạn của cung vì:

- a. Trong dài hạn số lượng máy móc thiết bị và nhà xưởng có thể điều chỉnh được.
- b. Trong dài hạn các hàng mới có thể gia nhập và các hàng đang tồn tại có thể rời bỏ ngành.
- c. **Trong dài hạn người tiêu dùng có thể tìm ra các hàng hóa thay thế**
- d. A và B

Câu 4. Khi giá tăng lượng cung thị trường tăng vì:

- a. Giá cao hơn nhiều hàng sẵn sàng gia nhập thị trường để sản xuất hàng hóa
- b. Mỗi hàng ở trong thị trường sẵn sàng sản xuất nhiều hơn.
- c. Đường cung thị trường là tổng của tất cả số lượng do cá nhân các hàng sản xuất ra ở mỗi mức giá.
- d. A và B đúng**

Câu 5. Nếu đường cầu là đường thẳng thì :

- a. Độ dốc không đổi, độ co giãn thay đổi.
- b. Độ dốc thay đổi và độ co giãn thay đổi
- c. Độ dốc và độ co giãn thay đổi
- d. Độ dốc và độ co giãn không đổi**

Câu 6. Cho hàm số cầu $P=2Q+4800$. Tại mức giá $P = 3200$, độ co giãn của cầu theo giá là:

- a. $Ed = 0,5$
- b. $Ed = -2$**
- c. $Ed = -0,5$
- d. $Ed = 2$

Câu 7. Cho số liệu ở bảng sau:

P	12	10	8	6	4	2
Q_D	0	10	20	30	40	50
Q_S	75	60	45	30	15	0

Hàm số cung và cầu có dạng

- a. $Q_S = 15/2P - 15, Q_D = -5P + 60$**
- b. $Q_S = -5P + 60, Q_D = 15P - 15$
- c. $Q_S = -15/2P - 15, Q_D = 5P + 60$
- d. $Q_S = -5P + 60, Q_D = 15/2P - 15$

Câu 8. Đi dọc lên trên đường cầu về phía trái, cầu của 1 hàng hóa sẽ

- a. Co giãn theo giá kém hơn
- b. Co giãn theo giá lớn hơn**

- c. Giá giảm
- d. Lượng cầu tăng

Câu 9. Nếu chính phủ tăng thuế đánh vào hàng hóa bán ra sẽ làm cho

- a. Giá cân bằng giảm, lượng cân bằng tăng
- b. Lượng cung tăng
- c. Đường cung dịch chuyển sang trái
- d. Đường cung dịch chuyển sang phải

Câu 10. Sản phẩm cận biên của một yếu tố sản xuất là

- a. Chi phí của việc sản xuất thêm một đơn vị sản phẩm.
- b. Sản phẩm tăng thêm được tạo ra từ việc thuê thêm một đơn vị yếu tố sản xuất
- c. Chi phí cần thiết để thuê thêm một đơn vị yếu tố sản xuất
- d. Sản lượng chia cho số yếu tố sử dụng trong quá trình sản xuất.

Câu 11. Biết tổng chi phí biến đổi và chi phí cố định thì có thể xác định chi phí nào trong các chi phí sau?

- a. Chi phí trung bình
- b. Chi phí cố định trung bình
- c. Chi phí biến đổi trung bình
- d. Tất cả các chi phí trên.

Câu 12. Chi phí cố định trung bình

- a. Là cần thiết để xác định điểm đóng cửa
- b. Là tối thiểu ở điểm hòa vốn
- c. Luôn luôn dốc xuống về phía phải
- d. Là tối thiểu ở điểm tối đa hóa lợi nhuận

Câu 13. Câu nào sau đây là đúng.

- a. Chi phí kế toán luôn lớn hơn chi phí kinh tế
- b. Chi phí kinh tế luôn luôn lớn hơn chi phí kế toán
- c. Lợi nhuận kế toán luôn luôn lớn hơn lợi nhuận kinh tế.
- d. Cả b và c.

Câu 14. Các chi phí kinh tế của hằng bao gồm:

- a. Chi phí cơ hội của thời gian của chủ doanh nghiệp
- b. Doanh thu có thể thu được từ các tài sản mà doanh nghiệp sở hữu khi sử dụng theo các phương án khác
- c. Khấu hao nhà xưởng và máy móc mà doanh nghiệp sở hữu.

d. Tất cả đều đúng.

Câu 15. Một doanh nghiệp sử dụng 2 yếu tố Vốn(K) và lao động (L) để sản xuất sản phẩm A. Doanh nghiệp này bỏ ra chi phí TC=1000 USD để mua 2 yếu tố sản xuất trên với giá $P_K = 400$ và $P_L = 200$. Hàm sản xuất có dạng $Q = L(L-4)$. Phương án phối hợp 2 yếu tố sản xuất tối ưu là:

- a. $L = 27, K = 23$
- b. $L = 23, K = 27$
- c. $L = 24, K = 30$
- d. $L = 30, K = 24$

Câu 16. Hàng sản xuất giày thể thao Adidas biết được hàm tổng chi phí theo sản lượng của mình là: $TC = 3Q^2 + 100$. Mức sản lượng tối ưu của hàng là:

- a. $Q = 5,8$
- b. $Q = 4,8$
- c. $Q = 6,8$
- d. $Q = 6$

Câu 17. Quy luật năng suất biên giảm dần phát biểu rằng:

- a. Mỗi đơn vị lao động tăng thêm sẽ bổ sung nhiều hơn vào tổng sản phẩm so với đơn vị trước.
- b. **Mỗi đơn vị lao động tăng thêm sẽ bổ sung ít hơn vào tổng sản phẩm so với đơn vị trước.**
- c. Mỗi đơn vị lao động tăng thêm sẽ bổ sung như nhau vào tổng sản phẩm so với đơn vị trước.
- d. Tất cả các câu trên.

Câu 18. Mối quan hệ giữa năng suất biên của lao động và chi phí biên của sản phẩm là:

- a. Chi phí biên là nghịch đảo của sản phẩm biên.
- b. **Chi phí biên bằng lương chia cho năng suất biên.**
- c. Chi phí biên dốc xuống khi sản phẩm biên dốc xuống
- d. Chi phí biên không đổi nhưng sản phẩm cận biên thì tuân theo hiệu suất giảm dần.

Câu 19. Hiệu suất giảm của lao động áp dụng cho đát đai cố định được giải thích đúng nhất bởi.

- a. Tổng sản lượng giảm
- b. Đất tốt nhất được canh tác
- c. **Sản phẩm tăng thêm giảm vì mỗi đơn vị lao động sử dụng thêm có ít đất hơn để làm việc.**

d. Các công nhân giỏi được thuê trước

Câu 20. Doanh thu cận biên

- a. Nhỏ hơn giá đối với hàng cạnh tranh vì khi bán nhiều sản phẩm nó phải hạ giá
- b. Bằng giá đối với hàng cạnh tranh
- c. Là doanh thu mà hàng nhận được từ một đơn vị bán thêm.
- d. B và C**

Câu 21. Một ngành độc quyền tự nhiên đặt $P = AC$

- a. Làm cho ngành thu được quá nhiều lợi nhuận hơn
- b. Loại trừ lợi nhuận độc quyền và điều xã hội không muốn về độc quyền
- c. Có thể vẫn không đạt được $P = MC$
- d. Đạt được hiệu quả tối ưu**

Câu 22. Đường cung thị trường

- a. Là tổng các số lượng của các đường cung của các hàng**
- b. Là ít co giãn hơn so với các đường cung của tất cả các hàng.
- c. Là đường chi phí cận biên của hàng có cùng gia nhập thị trường
- d. Luôn luôn là đường nằm ngang.

Câu 23. Giả sử doanh nghiệp độc quyền thuần túy có doanh thu biên $MR = 1200 - 2Q$ và $MC = 2Q$. Nếu chọn mức sản lượng $Q = 200$ thì đường cầu tại mức sản lượng này:

- a. Co giãn nhiều**
- b. Co giãn ít
- c. Co giãn đơn vị
- d. Không co giãn

Câu 24. Một doanh nghiệp cạnh tranh hoàn hảo có hàm tổng Chi phí $TC = Q^2 + Q + 121(\text{USD})$. Nếu giá bán thị trường là 27 USD/ sản phẩm thì sản lượng và lợi nhuận của doanh nghiệp này là:

- a. $Q = 13$. $Pr = 48 \text{ USD}$**
- b. $Q = 15$. $Pr = 44 \text{ USD}$
- c. $Q = 14$. $Pr = 47 \text{ USD}$
- d. $Q = 16$. $Pr = 39 \text{ USD}$

Câu 25. Hàm tổng chi phí của một doanh nghiệp là $TC = Q^2 + 2Q + 100$. Câu phát biểu nào sau đây không đúng?

- a. $TFC = 100$
- b. $TVC = 100 + 2Q$**

- c. $MC = 2Q + 2$
- d. $ACV = Q + 2$

Câu 26. Khoản nào sau đây không được tính vào GDP của Việt Nam?

- a. Bàn ghế do công ty Trường Thành sản xuất xuất khẩu sang Châu Âu.
- b. Rượu Vodka do tổng công ty Rượu bia nước giải khát Hà Nội (Habeco) sản xuất bán ở thị trường nội địa.
- c. Lợi nhuận của công ty FPT chi nhánh ở nước ngoài
- d. Chính phủ tăn chi trợ cấp khó khăn cho giáo viên miền núi**

Câu 27. Một nền kinh tế chỉ sx gạo và thịt bò với số liệu bảng sau đây (lấy năm 2010 làm gốc)

Hàng hóa Năm	Gạo		Thịt bò	
	Giá (triệu đồng/tấn)	Lượng(tấn)	Giá (triệu đồng/tấn)	Lượng(tấn)
2010	35	500	20	1000
2011	40	600	24	1400
2012	45	600	28	1400

GDP danh nghĩa và GDP thực tế của các năm 2012 lần lượt là:

- a. 66200 triệu đồng và 49000 triệu đồng
- b. 57600 triệu đồng và 49000 triệu đồng
- c. 66200 triệu đồng và 57600 triệu đồng
- d. 49000 triệu đồng và 66200 triệu đồng**

Câu 28. Giả sử GDP là 8.000 tỷ đô la, thuế là 1.500 tỷ đô la, tiết kiệm tư nhân là 500 tỷ đô la và tiết kiệm chính phủ là 200 tỷ đô la. Giả sử đây là nền kinh tế đóng , tiêu dùng mua hàng của chính phủ tiết kiệm quốc dân và đầu tư lần lượt là :

- a. 1300 tỷ, 520 tỷ, 800 tỷ.
- b. 520 tỷ, 1300 tỷ, 800 tỷ.
- c. 1300 tỷ, 800 tỷ, 520 tỷ.
- d. 800 tỷ, 520 tỷ, 1300 tỷ.

Câu 29. Yếu tố nào sau đây không phải là yếu tố chi phí:

- a. Thu nhập của chủ doanh nghiệp
- b. Tiền lương của người lao động
- c. Trợ cấp của chính phủ cho doanh nghiệp**
- d. Tiền thuê đất đai.

Câu 30. Nhận định nào sau đây về GDP không đúng:

- a. Không thể hiện chất lượng cuộc sống
- b. Tính cả những giao dịch ngầm.**
- c. Bỏ qua chất lượng môi trường
- d. Không đề cập đến phân phôi thu nhập

Câu 31. Khi tính GDP theo phương pháp thu nhập, người ta không tính thuế trực thu là do :

- a. Nếu tính cả thuế trực thu sẽ bị trùng**
- b. Trong GDP không có phần thuế trực thu
- c. Thu nhập của chính phủ không có thuế trực thu
- d. Không thể tính chính xác được thuế trực thu.

Câu 32. Khi tính GDP danh nghĩa năm 2005 là 90 tỷ USD và năm 2006 là 108 tỷ USD. Nếu chọn năm 2005 là năm gốc thì:

- a. Chỉ số giá chung của năm 2006 là 108%
- b. GDP thực năm 2005 là 90 tỷ USD**
- c. Mức giá trung tăng bình quân là 10 % mỗi năm
- d. Cả 3 câu đều sai.

Câu 33. Lợi nhuận do tập đoàn Hoàng Anh Lai tạo ra ở Lào sẽ được tính vào:

- a. GDP của Việt Nam và GNP của Lào
- b. GDP của Lào và GNP của Việt Nam**
- c. GDP của Việt Nam và GDP của Lào
- d. GNP của Việt Nam và GNP của Lào

Câu 34. Các nhà kinh tế giải thích lý do đường AD dốc xuống là do:

- a. Mối quan hệ đồng biến giữa tổng cung- tổng cầu
- b. Mối quan hệ nghịch biến giữa mức giá chung và tổng cầu**
- c. Thu nhập của người dân tăng
- d. Giá cả hàng hóa giảm

Câu 35. Cân bằng dài hạn trong kinh tế vĩ mô là điềm tại đó:

- a. Đường AS cắt AD
- b. Đường AD cắt AS ngắn hạn
- c. Đường AS cắt AD dài hạn**
- d. Tất cả đều đúng

Câu 36. Các yếu tố không đổi, nếu chính phủ tăng chi tiêu cho quốc phòng thì tác động ngắn hạn đối với nền kinh tế là:

- a. **AD dịch chuyển sang phải**
- b. AD dịch chuyển sang trái
- c. AS dịch chuyển sang phải
- d. AS dịch chuyển sang trái

Câu 37. GDP thực là:

- a. GDP được tính theo mức giá chung
- b. GDP được tính theo giá của một năm cố định dùng làm năm gốc**
- c. GDP được tính theo giá cả năm hiện hành
- d. GDP được tính quy ra đơn vị vàng hay thóc

Câu 38. Nền kinh tế đóng không có chính phủ nếu MPC (Cm) +0,8 thì số nhân K bằng:

- a. 0.8
- b. 4
- c. 5**
- d. 8

Câu 39. Biết $C=400 +0,9Yd$; $I=200 +0,34Y$; $G=300$, $X= 190$, $M=100+0,35Y$. Sản lượng cân bằng $Y= 4500$. Cho biết mức thuế là bao nhiêu?

- a. 550**
- b. 480
- c. 540
- d. 560

Câu 40. Giả sử nền kinh tế đóng có mức sản lượng cân bằng $Y = 1000$ chỉ tiêu cho tiêu dùng là 600, chỉ tiêu của chính phủ về hàng hóa dịch vụ là 250. Mức đầu tư là:

- a. 150
- b. 200
- c. 250**
- d. 300

Câu 41. Nghịch lý của tiết kiệm hàm ý rằng:

- a. Không phải lúc nào cũng có lợi cho nền kinh tế khi tăng tiết kiệm.**
- b. Tiết kiệm luôn lớn hơn đầu tư
- c. Tiết kiệm là cần thiết
- d. Tiết kiệm đồng nghĩa với tăng trưởng kinh tế

Câu 42. Để tăng sản lượng quốc gia, chính phủ nên thực hiện:

- a. **Chính sách tài khóa mở rộng**
- b. Chính sách tài khóa thu hẹp
- c. Chính sách tiền tệ thu hẹp
- d. Chính sách tài khóa thu hẹp và chính sách tiền tệ thu hẹp

Câu 43. Mức cung tiền thấp hơn làm:

- a. Giảm lãi suất và tăng đầu tư
- b. Tăng lãi suất và giảm đầu tư**
- c. Tăng lãi suất và tăng đầu tư
- d. Giảm lãi suất và giảm đầu tư

Câu 44. Khoản nào dưới đây được coi là mức cung tiền M1:

- a. Tiền mặt trong NHTM
- b. Tiền các ngân hàng ký gửi vào quỹ dự trữ
- c. Tiền mặt lưu hành trong dân cư
- d. A và C**

Câu 45. NHTW thực hiện thu hẹp tiền tệ bằng cách:

- a. Giảm lãi suất chiết khấu
- b. Mua tín phiếu trên thị trường mở.
- c. Tăng lãi suất chiết khấu**
- d. Giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc

Câu 46. Khi nền kinh tế cân bằng tại mức sản lượng tiềm năng, nếu NHTW gia tăng cung tiền:

- a. Làm tăng mức giá và GDP thực.**
- b. GDP thực tăng, mức giá không đổi.
- c. Mức giá tăng, GDP không đổi
- d. GDP thực và mức giá không đổi.

Câu 47. Nếu chính phủ cắt giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc sẽ làm:

- a. Giảm số nhân tiền tệ
- b. Tăng số nhân tiền tệ**
- c. Tăng số nhân tiền tệ
- d. Tất cả đều sai

Câu 48. Chính phủ tăng trợ cấp cho người già 8 tỷ VND. Biết thuế biên là 0,2. Tiêu dùng biên là 0,85. Thâm hụt ngân sách của chính phủ sẽ:

- a. Tăng 10 tỷ VND
- b. Giảm 8 tỷ VND
- c. Tăng 8 tỷ VND
- d. Tăng 3,75 tỷ VND**

Câu 49. Khi nền kinh tế suy thoái, nếu bạn là người hoạch định chính sách tiền tệ bạn hãy chọn giải pháp tối ưu:

- a. Tăng dự trữ bắt buộc
- b. Giảm dự trữ bắt buộc
- c. Mua trái phiếu chính phủ
- d. B và c**

Câu 50. Ngân hàng trung ương quyết định tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc, khi đó:

- a. Số nhân viên giảm, cung tiền danh nghĩa tăng
 - b. Số nhân viên tăng cung tiền danh nghĩa tăng
 - c. Số nhân viên giảm, cung tiền danh nghĩa giảm**
 - d. Số nhân viên tăng, cung tiền danh nghĩa giảm.
-

ĐỀ 6

Câu 1. Đường cung về Lúa sẽ dịch chuyển sang trái khi:

- A. Thu nhập của người tiêu dùng giảm
- B. Lũ lụt nên mất mùa**
- C. Giá lúa trên thị trường tăng
- D. Giống lúa mới cho năng suất cao.

Câu 2. Thị trường văn phòng cho thuê tại Tp HCM sẽ như thế nào khi vừa qua các ngân hàng lớn là MB, ViettinBank và VietcomBank đã chính thức đưa vào sử dụng thêm 100.000m² văn phòng cho thuê.

- A. Giá cân bằng giảm, lượng cân bằng tăng**
- B. Giá cân bằng giảm, lượng cân bằng giảm
- C. Giá cân bằng tăng, lượng cân bằng tăng
- D. Giá cân bằng tăng, lượng cân bằng giảm

Câu 3. Giá khảo sát thị trường Xăng có hàm cung là: $Q_s = 60 + 2P$ và hàm cầu là $Q_D = 175 - 3P$ (P : giá – ngàn đồng/lít; Q : Lượng – tỷ lít). Nếu Chính phủ đánh thuế 500 đồng trên mỗi lít xăng bán ra, thì giá và lượng cân bằng trên thị trường sau khi có thuế là:

- A. $P_{cb} = 223$ (ngàn đồng/lít); $Q_{cb} = 494$ (tỷ lít)
- B. $P_{cb} = 25$ (ngàn đồng/lít); $Q_{cb} = 100$ (tỷ lít)
- C. $P_{cb} = 23,2$ (ngàn đồng/lít); $Q_{cb} = 105,4$ (tỷ lít)**
- A. $P_{cb} = 232$ (ngàn đồng/lít); $Q_{cb} = 1054$ (tỷ lít)

Câu 4. Nếu một người tiêu dùng tăng lượng sữa tiêu thụ lên gấp đôi khi thu nhập của anh ta tăng 20% thì độ co giãn của nhu cầu theo thu nhập của anh ấy đối với sữa là:

- A. 0.1
- B. 0.2
- C. 1

D. 5

Câu 5. Thị trường Cam cân bằng tại mức giá $P = 20$ (nghìn đồng/ký); lượng cân bằng là $Q = 10$ (nghìn tấn). Độ co giãn của cầu theo giá tại điểm cân bằng là -2. Hàm cầu tuyến tính có dạng:

A. $P = 30 - Q$

B. $P = 10 - Q$

C. $Q_d = 30 - 2P$

D. $Q_d = 10 - 2P$

Câu 6. Giả sử khảo sát thị trường Đường có hàm cung là $Q_s = 60 + 2P$ và hàm cầu là $Q_D = 150 - 3P$ (P : giá – ngàn đồng/kg; Q : lượng – triệu tấn). Nếu Chính phủ đánh thuế 1000 đồng trên mỗi kilogam Đường bán ra, thì mức thuế người tiêu dung và nhà sản xuất phải chịu trên mỗi kilogam Đường là:

A. Thuế NTD = 400 đồng/kg ; Thuế NSX = 600 đồng/kg

B. Thuế NTD = 500 đồng/kg ; Thuế NSX = 500 đồng/kg

C. Thuế NTD = 600 đồng/kg ; Thuế NSX = 400 đồng/kg

D. Thuế NTD = 550 đồng/kg ; Thuế NSX = 450 đồng/kg

Câu 7. Nếu giá xe máy tăng mạnh, đường cầu về xăng sẽ:

A. Ít dốc hơn

B. Dốc hơn

C. Dịch chuyển sang trái

D. Dịch chuyển sang phải

Câu 8. Trong nền kinh tế thị trường, yếu tố nào sau đây làm cho sữa thiếu hụt lâu dài nhất

A. Cầu về sữa giảm

B. Lợi nhuận của các công ty sữa giảm

C. Chính phủ án định giá sàn dưới mức giá cân bằng

D. Chính phủ án định giá trần dưới mức giá cân bằng

Câu 9. Giá sữa giá một ly kem là 10.000 đồng. Chính phủ đánh thuế 1.000 đồng/ly kem thì giá kem vẫn không đổi. Độ co giãn của cầu theo giá của mặt hàng này là:

A. Co giãn đơn vị

B. Co giãn hoàn toàn.

C. Hoàn toàn không co giãn

D. Co giãn ít.

Câu 10. Thị trường Chuối có đường cầu là $Q = 120 - 8P$ và giá trị thị trường là $P = 10$ (ngàn đồng/kg), thặng dư của người tiêu dung sẽ là:

A. 100

B. 400

C. 120

D. 40

Câu 11.Tổng sản phẩm của 5 người lao động là 40, khi doanh nghiệp thuê thêm một lao động thì năng suất biên của người lao động thứ 6 này bằng 5 sản phẩm, vậy năng suất trung bình của 6 người lao động là:

- A. 6
- B. 5
- C. **7.5**
- D. 8

Câu 12. Quy luật năng suất biên của một yếu tố đầu vào biến đổi luôn giảm dần là cách giải thích tốt nhất cho hình dạng của đường:

- A. Đường đẳng tích
- B. Đường ngân sách trong ngắn hạn**
- C. Đường đẳng lượng (Đồng lượng)
- D. Đường chi phí trung bình ngắn hạn

Câu 13. Tỷ giá của hai yếu tố sản xuất đầu vào (P_L/P_K) thể hiện:

- A. Độ dốc của đường tổng sản lượng
- B. Độ dốc của đường đẳng phí**
- C. Độ dốc của đường đẳng lượng
- D. Độ dốc của đường ngân sách

Câu 14. Trong các loại chi phí sau, loại nào là chi phí cố định trong ngắn hạn?

- A. Tiền lương trả cho lao động trực tiếp sản xuất ra sản phẩm
- B. Tiền thuê mặt bằng để trưng bày sản phẩm của doanh nghiệp**
- C. Tiền mua nguyên liệu, phục vụ sản xuất.
- D. Tiền điện, nước trong phân xưởng sản xuất.

Câu 15. Trong các loại chi phí sau, loại nào là chi phí biến đổi (biến phí) trong ngắn hạn:

- A. Chi phí mua sắm thiết bị mới
- B. Tiền thuê đất.
- C. Tiền lương trả cho lao động trực tiếp**
- D. Lãi vay để mua sắm máy móc.

Câu 16. Đường cung ngắn hạn của doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn là:

- A. Phản đường SMC từ ACmin trở lên**
- B. Phần đường SMC từ ACmin trở lên
- C. Nhánh bên phải của đường SMC
- D. Nhánh bên phải của đường AC

Câu 17. Trên thị trường cạnh tranh hoàn toàn có 100 doanh nghiệp, mỗi doanh nghiệp có hàm chi phí sản xuất ngắn hạn: $TC = Q^2 + 2Q + 18$. Vậy hàm cung ngắn hạn của thị trường có dạng:

- A. $P = 200Q + 100$**
- B. $P = 100Q + 200$
- C. $P = 0.02Q + 2$
- D. $P = 200 + 100Q$

Câu 18. Khi doanh nghiệp gia tăng sản lượng làm cho tổng lợi nhuận của doanh nghiệp bị giảm, điều này cho biết:

- A. Doanh thu biên lớn hơn chi phí biên
- B. Doanh thu biên bằng với chi phí biên
- C. Doanh thu biên nhỏ hơn chi phí biên**
- D. Doanh thu biên bằng giá bán

Câu 19. Trong dài hạn, doanh nghiệp sẽ không còn loại chi phí nào:

- A. Chi phí biên
- B. Chi phí trung bình
- C. Chi phí cố định trung bình**
- D. Chi phí trung bình tối thiểu

Câu 20. Giả sử một doanh nghiệp độc quyền đang sản xuất ở mức sản lượng có doanh thu biên lớn hơn chi phí biên và đang có lợi nhuận. Vậy mức sản lượng này:

- A. Lớn hơn mức sản lượng có lợi nhuận cực đại.
- B. Nhỏ hơn mức sản lượng có lợi nhuận cực đại**
- C. Chính là mức sản lượng tối đa hóa lợi nhuận
- D. Cần phải có thêm thông tin mới xác định được

Câu 21. Một doanh nghiệp độc quyền thấy rằng, ở mức sản lượng hiện tại doanh thu biên bằng 5 USD và chi phí biên bằng 6 USD. Muốn tối đa hóa lợi nhuận, doanh nghiệp phải:

- A. Giảm giá bán và tăng sản lượng
- B. Tăng giá bán và giảm sản lượng**
- C. Tăng giá bán và giữ nguyên sản lượng
- D. Giảm giá bán và giảm sản lượng

Câu 22. Trong ngắn hạn, khi sản lượng càng lớn, loại chi phí nào sau đây càng nhỏ

- A. Chi phí trung bình
- B. Chi phí biên
- C. Chi phí biến đổi trung bình
- D. Chi phí cố định trung bình**

Câu 23. Đường MR của doanh nghiệp cạnh tranh hoàn hảo trùng với đường nào của doanh nghiệp?

- A. Đường chi phí biên
- B. Đường cầu sản phẩm trước doanh nghiệp**
- C. Đường chi phí trung bình
- D. Đường đồng lượng

Câu 24. Một doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn có hàm $AVC = 2Q + 500$ (*Đơn vị tính AVC: đồng/sản phẩm, Q: ngàn sản phẩm*). Nếu giá bán là 1500 đồng/sản phẩm, thì doanh nghiệp sản xuất bao nhiêu sản phẩm để tối đa hóa lợi nhuận.

- A. $Q = 250$ (sản phẩm)
- B. $Q = 250$ (ngàn sản phẩm)**
- C. $Q = 500$ (sản phẩm)

D. $Q = 500$ (ngàn sản phẩm)

Câu 25. Giả sử các nhà quản lý sân vận động muốn tăng doanh thu bằng cách tăng giá vé xem bóng đá. Điều này chỉ có ý nghĩa nếu độ co giãn của cầu theo giá đổi với vé xem bóng đá (*lấy giá trị tuyệt đối*) là:

A. Lớn hơn 1

B. Bằng 1

C. Nhỏ hơn 1

D. Hoàn toàn không co giãn

Câu 26. Giả sử nền kinh tế năm 2012 của quốc gia Chile chỉ sản xuất 3 loại hàng hoá với số liệu về giá và sản lượng của các hàng hóa được cho trong bảng dưới. GDP danh nghĩa của quốc gia này là:

	Gạo	Thép	Thịt
Giá (CLP/kg)	200	800	300
Sản lượng (Tấn)	100	80	50

(CLP: đồng Peso của Chile)

A. 99.000.000 CLP

B. 99.000 CLP

C. 1.530.000 CLP

D. 15.300 CLP

Câu 27. Nếu nền kinh tế quốc gia Brunei có GDP = 125 tỷ USD, chỉ tiêu tiêu dung của hộ gia đình = 60 tỷ USD; chỉ tiêu chính phủ = 20 tỷ USD; xuất khẩu ròng NX = 10\$ thì:

A. Đầu tư nhân lực = 45 tỷ USD

B. Đầu tư nhân lực = 35 tỷ USD

C. Đầu tư nhân lực = 25 tỷ USD

D. Đầu tư nhân lực = 55 tỷ USD

Câu 28. Lợi nhuận của một công ty Hàn Quốc có trụ sở tại Việt Nam được tính vào:

A. GDP của Hàn Quốc

B. GDP của Việt Nam

C. GNP (GNI) của Việt Nam

D. NDP của Hàn Quốc

Câu 29. Nền kinh tế Hà Lan có GNP lớn hơn GDP điều này có nghĩa là:

A. Giá trị mà người nước ngoài tạo ra ở Hà Lan nhiều hơn so với người Hà Lan tạo ra ở nước ngoài.

B. Giá trị mà người Hà Lan tạo ra ở nước ngoài nhiều hơn so với người nước ngoài tạo ra ở Hà Lan

C. GDP thực tế của Hà Lan lớn hơn GDP danh nghĩa

D. GNP thực tế của Hà Lan lớn hơn GNP danh nghĩa

Câu 30. Giả sử bạn quyết định chi ra 1000 USD để mua 1 chiếc máy tính Dell được sản xuất tại Mỹ. Khoản chi tiêu này của bạn được tính vào GDP của Mỹ như thế nào

A. Đầu tư tăng 1000 USD và xuất khẩu ròng tăng 1000 USD

B. Tiêu dùng tăng 1000 USD và xuất khẩu ròng giảm 1000 USD

- C. Xuất khẩu ròng của Mỹ tăng 1000 USD
- D. Không có tác động nào vì giao dịch này không liên quan đến sản xuất trong nước.

Câu 31. Sản phẩm trung gian và sản phẩm cuối cùng khác nhau ở:

A. Mục đích sử dụng của sản phẩm

- B. Thời gian sử dụng của sản phẩm
- C. Độ bền của sản phẩm trong quá trình sử dụng
- D. Giá cả của sản phẩm

Câu 32. Giả sử có số liệu thống kê 2012 của quốc gia Brunei như sau (đơn vị tính tỷ USD): Tiền lương: 400; Tiền trả lãi: 120; Tiền thuê tài sản: 170; Khấu hao: 150; Lợi nhuận trước thuế: 300; thuế gián thu: 100, chỉ số giá năm 2012 là 124%. Vậy GDP thực của năm 2012 là:

- A. 1.190 (tỷ USD)
- B. 1.000 (tỷ USD)**
- C. 1.140 (tỷ USD)
- D. 1.240 (tỷ USD)

Câu 33. Sản lượng tiềm năng của một nền kinh tế là:

- A. Mức sản lượng tối ưu mà nền kinh tế có thể sản xuất được**
- B. Mức sản lượng không thay đổi theo thời gian
 - C. Mức sản lượng khi nền kinh tế không có lạm phát nhưng vẫn có thất nghiệp
 - D. Mức sản lượng có tỷ lệ lạm phát vừa phải, nhưng không có thất nghiệp

Câu 34. Tiết kiệm là:

- A. Phần còn lại của thu nhập sau khi tiêu dùng
- B. Phần tiền hộ gia đình gửi vào ngân hàng

C. Phần còn lại của thu nhập khả dụng sau khi tiêu dùng

- D. Giá trị mà hộ gia đình đầu tư vào các tài sản có giá

Câu 35. Trên đồ thị, trực hoành ghi sản lượng quốc gia, trực tung ghi tổng cầu, đường tổng cầu AD sẽ dịch chuyển lên trên khi:

- A. Nhập khẩu tăng
- B. Xuất khẩu giảm

C. Chính phủ tăng chi tiêu cho giáo dục

- D. Chính phủ cắt giảm các khoản trợ cấp cho người nghèo.

Câu 36. Hàm tiết kiệm có dạng: $S = -150 + 0.2Y_d$. Chi tiêu tiêu dùng của hộ gia đình ở mức thu nhập khả dụng 1200\$ là:

- A. $C = 1200\$$
- B. $C = 1100\$$

C. $C = 1110\$$

- D. $C = 2250\$$

Câu 37. Do kinh tế thế giới suy thoái nên trong năm 2012 nền kinh tế quốc gia Romania có sự giảm sút trong đầu tư của tư nhân là 10 tỷ USD, với khuynh hướng tiêu dùng biên là 0.8; đầu tư biên là 0, mức sản lượng của nền kinh tế này sẽ:

A. Giảm xuống 50 tỷ USD

- B. Tăng thêm 50 tỷ USD
- C. Giảm xuống 12.5 tỷ USD
- D. Tăng lên 12.5 tỷ USD

Câu 38. Để hưởng ứng cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” Chính phủ quyết định tăng thuế đánh vào hàng tiêu dùng nhập khẩu. Quyết định này của Chính phủ sẽ làm cho:

A. Đường tổng cầu dịch chuyển song song sang phải

- B. Đường tổng cầu dịch chuyển song song sang trái
- C. Đường tổng cung dịch chuyển song song sang phải
- D. Đường tổng cung dịch chuyển song song sang trái

Câu 39. Giả sử nền kinh tế quốc gia Mexico có các số liệu sau: $C = 200 + 0.75Y_d$; $G = 100$; $I = 100 + 0.2Y$; $X = 135$; $M = 20 + 0.2Y$; $T = 20 + 0.2Y$ (*Đơn vị tính tỷ USD*). Sản lượng cân bằng của quốc gia này là:

- A. 1257 tỷ USD

B. 1250 tỷ USD

- C. 1600 tỷ USD
- D. 1340 tỷ USD

Câu 40. Giả sử sản lượng thực tế của nền kinh tế quốc gia Iraq là 92 tỷ USD, trong khi đó sản lượng tiềm năng của nền kinh tế này là 112 tỷ USD. Để sản lượng thực tế về mức sản lượng tiềm năng Chính phủ cần thay đổi chi tiêu như thế nào? Nếu biết số nhân tổng cầu của nền kinh tế bằng 2.5

- A. Chính phủ phải tăng chi tiêu thêm một khoản bằng 36.8 tỷ USD

B. Chính phủ phải tăng chi tiêu thêm một khoản bằng 8 tỷ USD

- C. Chính phủ phải tăng chi tiêu thêm một khoản bằng 20 tỷ USD
- D. Chính phủ phải tăng chi tiêu thêm một khoản bằng 44.8 tỷ USD.

Câu 41. Giả sử nền kinh tế quốc gia Indonesia có các số liệu sau: $C = 100 + 0.8 Y_d$; $G = 80$; $I = 26 + 0.2Y$; $X = 50$; $M = 20 + 0.32Y$; $T = 20 + 0.1Y$ (*Đơn vị tính tỷ USD*). Trong trường hợp này cán cân ngân sách của chính phủ tại mức sản lượng cân bằng sẽ:

- A. Cán cân ngân sách bội thu 5 tỷ USD

B. Cán cân ngân sách bội chi 5 tỷ USD

- C. Cán cân ngân sách cân bằng
- D. Cán cân ngân sách không đổi

Câu 42. Khi thực hiện chính sách tài khoá, chính phủ có thể dùng các công cụ sau:

- A. Giá cả và tiền lương.

B. Thuế và chi tiêu của chính phủ cho các hàng hoá và dịch vụ

- C. Thuế quan và hạn ngạch
- D. Tỷ lệ dự trữ bắt buộc lãi suất chiết khấu.

Câu 43. Giả sử nền kinh tế của một quốc gia đang ở trạng thái toàn dụng. Nếu chính phủ giảm chi chuyển nhượng, trạng thái của nền kinh tế sẽ thay đổi:

- A. Từ suy thoái sang lạm phát
- B. Từ suy thoái sang ổn định
- C. Từ ổn định sang lạm phát

D. Từ ổn định sang suy thoái

Câu 44. Giả sử nền kinh tế quốc gia New Zealand có các số liệu sau: $C = 10 + 0.75 Y_d$; $G = 85$; $I = 26 + 0.2Y$; $X = 51$; $M = 7 + 0.1Y$; $T = 10 + 0.2Y$ (*Đơn vị tính tỷ USD*). Nếu Chính phủ tăng chi tiêu thêm 5 và giảm thuế 6, tăng chi phí chuyển nhượng 10, đầu tư tư nhân tăng thêm 4 thì tổng cầu sẽ thay đổi:

- A. Tổng cầu giảm 21 tỷ USD

B. Tổng cầu tăng 21 tỷ USD

- C. Tổng cầu giảm 25 tỷ USD
- D. Tổng cầu tăng 25 tỷ USD

Câu 45. Giả sử nền kinh tế quốc gia Ukraine có số liệu sau: Tỉ lệ nắm giữ tiền mặt của dân chúng so với tiền gửi vào ngân hàng bằng 60%. Các Ngân hàng trung gian dự trữ 20% so với lượng tiền gửi. Cơ sở tiền ban đầu của nền kinh tế là 250 tỉ USD. Vậy lượng tiền giao dịch (M) trong nền kinh tế của quốc gia này là:

- A. 250 tỷ USD
- B. 500 tỷ USD
- C. 150 tỷ USD
- D. 200 tỷ USD

Câu 46. Để giảm lãi suất nhằm kích thích tăng trưởng kinh tế, Ngân hàng Trung ương có thể thực hiện bằng cách:

- A. Bán trái phiếu chính phủ
- B. Tăng lãi suất chiết khấu
- C. Mua vào một lượng ngoại tệ
- D. Tăng tỉ lệ dự trữ bắt buộc

Câu 47. Hoạt động nào sau đây của Ngân hàng Trung ương sẽ làm tăng lượng tiền mạnh:

- A. Bán ngoại tệ trên thị trường ngoại hối
- B. Cho các ngân hàng thương mại vay
- C. Hạ tỉ lệ dự trữ bắt buộc đối với các ngân hàng thương mại
- D. Tăng lãi suất chiết khấu

Câu 48. Điều nào sau đây là một trong những chức năng chủ yếu của NHTW:

- A. Kinh doanh tiền tệ
- B. Quản lý và điều tiết lượng tiền trong nền kinh tế
- C. Ngân hàng của mọi thành phần trong nền kinh tế
- D. Cho doanh nghiệp vay vốn khi thiếu vốn.

Câu 49. Ngân hàng trung ương quyết định tăng tỉ lệ dự trữ bắt buộc, khi đó:

- A. Số nhân viên giảm, cung tiền danh nghĩa tăng
- B. Số nhân viên tăng, cung tiền danh nghĩa tăng

- C. Số nhân tiền giảm, cung tiền danh nghĩa giảm
- D. Số nhân tiền giảm, cung tiền danh nghĩa tăng

Câu 50. Các ngân hàng thương mại ngày càng đưa ra nhiều dịch vụ tiện ích hơn trong thanh toán cho khách hàng. Điều này đã làm gia tăng số lượng người gửi vào ngân hàng.

Hiện tượng này làm cho:

- A. Mức cung tiền tăng do số nhân tiền tệ tăng
 - B. Tỷ lệ lạm phát tăng
 - C. Lãi suất danh nghĩa tăng
 - D. Tỷ giá hối đoái giảm và xuất khẩu ròng tăng.
-

Đề 7

Câu 1. Đường cầu cá nhân về một hàng hóa hoặc dịch vụ

A. Cho biết số lượng hàng hóa hoặc dịch vụ mà một cá nhân và tổ chức sẽ mua ở mỗi mức giá

- B. Cho biết giá cân bằng thị trường
- C. Biểu thị hàng hóa hoặc dịch vụ nào sẽ được thay thế theo nguyên lý thay thế
- D. Các câu đều đúng.

Câu 2. Khi gia tăng lượng cầu giảm dốc trên một đường cầu cá nhân vì:

A. Các cá nhân thay thế tiêu dùng các hàng hóa và dịch vụ.

- B. Một số cá nhân rời bỏ thị trường.
- C. Một số cá nhân gia nhập thị trường.
- D. Cả A và B

Câu 3. Sự thay đổi của yếu tố nào trong các yếu tố sau đây sẽ không làm dịch chuyển đường cầu về thuê nhà?

- A. Quy mô gia đình.
- B. Giá thuê nhà.
- C. **Thu nhập của người tiêu dùng.**
- D. Giá năng lượng.

Câu 4. Nếu đường cầu là $P = 100 - 4Q$ và cung là $P = 40 + 2Q$ thì giá và lượng cân bằng sẽ là:

- A. $P = 60, Q = 10$**
- B. $P = 10, Q = 6$
 - C. $P = 40, Q = 6$
 - D. $P = 20, Q = 2$

Câu 5. Nếu biết các đường cầu cá nhân của mỗi người tiêu dùng thì có thể tìm ra đường cầu thị trường bằng cách:

- A. Tính lượng cầu trung bình ở mỗi mức giá.
- B. Cộng tất cả các mức giá lại.
- C. Cộng lượng mua ở mỗi mức giá của các cá nhân lại.**

D. Tính mức giá trung bình.

Câu 6. Thay đổi trong cung về một hàng hoá đã cho có thể do:

A. Thay đổi trong cầu về hàng hoá.

B. Thay đổi trong sở thích của người tiêu dùng.

C. Thay đổi trong công nghệ làm thay đổi chi phí sản xuất.

D. Có những người tiêu dùng mới gia nhập thị trường.

Câu 7. Giả sử rằng giá giảm 10% và lượng cầu tăng 20 %. Co giãn của cầu theo giá là:

A. 2

B. 1

C. 0

D. 0.5

Câu 8. Các yếu tố sản xuất cố định là:

A. Các yếu tố không thể di chuyển đi được.

B. Các yếu tố có thể mua chỉ ở một con số cố định.

C. Các yếu tố có thể mua chỉ ở giá cố định.

D. Các yếu tố không phụ thuộc vào mức sản lượng.

Câu 9. Nếu hàm sản xuất biểu thị hiệu suất tăng theo quy mô thì

A. Sản phẩm cận biên của yếu tố sản xuất tăng cùng với số lượng sản phẩm sản xuất ra.

B. Chi phí cận biên tăng cùng với sản lượng.

C. Năng suất cao hơn.

D. Hàm sản xuất dốc xuống.

Câu 10. Câu nào trong các câu sau đây không đúng?

A. AC ở dưới MC hàm ý AC đang tăng.

B. AC ở trên MC hàm ý MC đang tăng.

C. MC tăng hàm ý AC tăng.

D. AC giảm hàm ý MC ở dưới AC.

Câu 11. Ở mức sản lượng mà chi phí trung bình đạt sản lượng tối thiểu:

A. Chi phí biến đổi trung bình sẽ bằng chi phí trung bình.

B. Lợi nhuận phải ở mức tối đa.

C. Chi phí cận biên bằng chi phí biến đổi trung bình.

D. Chi phí cận biên bằng chi phí trung bình.

Câu 12. Tính kinh tế theo quy mô có nghĩa là:

A. Tăng gấp đôi tất cả các yếu tố sẽ làm cho sản lượng tăng ít hơn hai lần.

B. Tăng gấp đôi tất cả các yếu tố trừ một đầu vào sẽ làm cho sản lượng tăng ít hơn hai lần.

C. Tăng gấp đôi tất cả các yếu tố sẽ làm cho sản lượng tăng đúng gấp đôi

D. Tăng gấp đôi tất cả các yếu tố sẽ làm cho sản lượng tăng nhiều hơn hai lần.

Câu 13. Nếu tổng chi phí của việc sản xuất 9 đơn vị là 50\$ và chi phí cận biên của đơn vị thứ 10 là 15\$ thì:

- A. Chi phí trung bình của 10 đơn vị là 6.5\$.
- B. Chi phí biến đổi trung bình của 10 đơn vị là 6.5\$.**
- C. Chi phí biến đổi là 15\$.
- D. Chi phí cố định là 5\$.

Câu 14. Chị Huệ có thể sử dụng ngày nghỉ cuối tuần để đi làm thêm với thu nhập 200.000 đồng, nhưng chị quyết định đi xem phim với giá vé là 150.000 đồng. Chi phí cơ hội của việc đi xem phim của chị Huệ là:

- A. 150000 đồng
- B. 200000 đồng
- C. 350000 đồng

D. 50000 đồng

Câu 15. Điều gì sẽ xảy ra khi một doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn giảm giá sản phẩm của mình xuống thấp hơn giá thị trường?

- A. Tất cả các doanh nghiệp khác cũng sẽ giảm giá.**
- B. Nó sẽ không tối đa hóa được lợi nhuận của mình.
- C. Nó sẽ có thị phần lớn hơn và điều này làm cho nó có lợi.
- D. Tất cả các doanh nghiệp khác sẽ bị loại ra khỏi ngành.

Câu 16. Điểm đóng cửa sản xuất của doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn là điểm mà ở đó:

- A. Giá bằng chi phí cận biên.
- B. Chi phí cố định trung bình bằng chi phí cận biên.

C. Giá bằng chi phí biến đổi trung bình.

- D. Tổng chi phí trung bình bằng chi phí cận biên.

Câu 17. Một thị trường cạnh tranh hoàn hảo có 100 người mua giống nhau và có 20 người bán giống nhau. Hàm cầu của mỗi người mua: $P = -10q + 40$ và hàm cung của mỗi người bán: $P = 2q + 24$. Giá cả và sản lượng cân bằng là:

A. $P = 32; Q = 80$

- B. $P = 30; Q = 60$
- C. $P = 25; Q = 10$
- D. $P = 40; Q = 160$

Câu 18. Một hãng độc quyền có hàm cầu $P = -Q + 20$ và hàm tổng chi phí $TC = Q^2 + Q + 100$. Sản lượng và giá bán tối đa hóa doanh thu của hãng là:

A. $Q = 10; P = 10$

- B. $Q = 10; P = 20$
- C. $Q = 20; P = 10$
- D. $Q = 20; P = 20$

Câu 19. Khi Chính phủ quy định giá bán sản phẩm cho doanh nghiệp độc quyền bằng với chi phí biến đổi thì doanh nghiệp độc quyền sẽ:

- A. Đóng cửa sản xuất.
- B. Tăng sản lượng.

C. Giảm sản lượng.

D. Không thay đổi sản lượng.

Câu 20. Một doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn có hàm tổng chi phí $TC = Q^2 + Q + 144$. Mức giá và sản lượng hoà vốn của doanh nghiệp này là:

A. $P = 40$; $Q = 19$

B. $P = 28$; $Q = 18$

C. $P = 25$; $Q = 12$

D. $P = 12$; $Q = 26$

Câu 21. Doanh nghiệp độc quyền tối đa hoá lợi nhuận tại mức sản lượng Q^* thì:

A. $P = MR$

B. $P = AC$

C. $P > MC$

D. $P = MC$

Câu 22. Đường cầu nằm ngang của doanh nghiệp cạnh tranh hoàn hoả hàm ý rằng:

A. Doanh nghiệp là người chấp nhận giá.

B. Doanh nghiệp mua bao nhiêu cũng được theo giá thị trường.

C. Doanh nghiệp có thể bán toàn bộ sản lượng muốn bán theo giá thị trường.

D. Doanh nghiệp có thể bị lỗ.

Câu 23. Trước khi đánh thuế, giá hàng hoá X là 60 USD và lượng cân bằng là 100 đơn vị. Sau khi đánh thuế 5 USD thì giá là 62 USD và lượng cân bằng là 80 đơn vị. Như vậy cầu hàng hoá là:

A. Co giãn nhiều.

B. Co giãn ít.

C. Co giãn đơn vị.

D. Không co giãn.

Câu 24. Một mức giá trần áp dụng cho sản phẩm X, không kèm theo giải pháp nào khác của Chính phủ sẽ làm cho:

A. Người dân trả tiền nhiều hơn và được sử dụng ít hơn.

B. Người dân trả tiền nhiều hơn và được sử dụng nhiều hơn.

C. Người dân trả tiền ít hơn và được sử dụng ít hơn.

D. Người dân trả tiền ít hơn và được sử dụng nhiều hơn.

Câu 25. Một doanh nghiệp cạnh tranh hoàn hảo tiếp tục sản xuất mặc dù bị lỗ khi giá bù đắp được:

A. Chi phí trung bình.

B. Chi phí biến đổi trung bình.

C. Chi phí tăng.

D. Sản lượng tăng.

Câu 26. Để đánh giá sự phát triển kinh tế giữa các quốc gia, các nhà kinh tế phải tính GDP theo giá yếu tố sản xuất là để tránh GDP theo giá thị trường giả tạo do:

A. Giá tăng.

- B. Thuế tăng.
- C. Chi phí tăng.
- D. Sản lượng tăng.

Câu 27. Giả sử GDP danh nghĩa năm 2012 là 134 tỷ USD và năm 2005 là 90 tỷ USD.

Nếu chọn năm 2005 là năm gốc thì:

- A. Mức giá chung của năm 2012 là 134%
- B. GDP thực của năm 2005 không đổi.
- C. Mức giá chung bình quân tăng 6.28% tỷ USD/năm.
- D. GDP danh nghĩa tăng trung bình 6.28% tỷ USD/năm.

Câu 28. Trong mô hình của Keynes, dấu hiệu nào sau đây giúp các doanh nghiệp nhận thấy có sự dư thừa hàng hoá trên thị trường.

- A. Lãi suất tăng
- B. Hàng tồn kho thực tế cao hơn mức dự kiến.
- C. Hàng tồn kho thực tế thấp hơn mức dự kiến.
- D. Giá thấp hơn giá cân bằng.

Câu 29. Nếu một người chủ tiệm bánh mì mua một lượng bột mì trị giá 100.000 đồng, các loại nguyên liệu khác trị giá 50.000 đồng. Khi sử dụng những nguyên liệu đó để sản xuất và bán những cái bánh cho người tiêu dùng, người chủ tiệm được trả giá 320.000 đồng. Vậy giá trị đóng góp vào GDP của tiệm bánh mì là:

A. 50.000 đồng.

- B. 100.000 đồng
- C. 320.000 đồng
- D. 470.000 đồng

Câu 30. Khi tính GDP ta phải loại bỏ sản phẩm trung gian vì:

- A. Nó không phải là hàng hoá để phục vụ cho tiêu dùng
- B. **Nếu không loại bỏ sẽ bị tính trùng**
- C. Nó chưa phải là hàng hoá hoàn chỉnh.
- D. Nó là nguyên liệu đầu vào để sản xuất ra hàng hoá khác.

Câu 31. Giả sử nền kinh tế quốc gia Nepal chỉ sản xuất 3 loại hàng hoá có số liệu về giá và sản lượng của hàng hoá được cho trong bảng dưới. Nếu chọn năm 2011 làm năm gốc thì tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2012 của quốc gia này là:

Năm	2011		2012	
	Giá (NPR/kg)	Sản lượng (tấn)	Giá (NPR/kg)	Sản lượng (tấn)
Hàng hoá				
Gạo	70	3.200	72	3.200
Trái cây các loại	110	5.000	112	5.300
Thịt	400	2.500	410	2.800

(NPR: đồng Rupee của Nepal)

- A. 8.62%**
- B. 11.61%
- C. 2.64%

D. 10.86%

Câu 32. Khoản nào sau đây được tính vào GDP

- A. Tiền mua nhiên liệu của các doanh nghiệp
- B. Khấu hao tài sản cố định.
- C. Tiền mua nguyên liệu của nhà máy
- D. Tiền thuê phương tiện vận tải của các doanh nghiệp.

Câu 33. Khoản chi nào sau đây không phải là chi chuyển nhượng:

- A. Tiền lãi mà chính phủ chi trả cho trái phiếu chính phủ đến hạn
- B. **Tiền chi mua vũ khí, đạn dược của Chính phủ.**
- C. Tiền học bổng cho sinh viên, học sinh nghèo học giỏi.
- D. Tiền hỗ trợ cho đồng bào dân tộc thiểu số ở các tỉnh Tây Nguyên.

Câu 34. Hàm số tiêu dung có dạng: $C = 120 + 0.75Y_d$. Tiết kiệm S ở mức thu nhập khả dụng 1000 là:

- A. $S = 130$**
- B. $S = 0$
- C. $S = 850$
- D. $S = 880$

Câu 35. Để cải thiện đời sống của người dân, Chính phủ quyết định quy định tăng mức tiền lương tối thiểu thêm 10%. Quyết định này của Chính phủ sẽ làm cho:

- A. Đường tổng cầu dịch chuyển song song sang phải**
- B. Đường tổng cầu dịch chuyển song song sang trái
- C. Đường tổng cung dịch chuyển song song sang phải
- D. Đường tổng cung dịch chuyển song song sang trái

Câu 36. Trên đồ thị trực hoành ghi sản lượng quốc gia, trực tung ghi mức giá chung, đường tổng cầu AD dịch sang trái khi:

- A. Nhập khẩu tăng**
- B. Xuất khẩu giảm
- C. Chính phủ tăng chỉ tiêu cho giáo dục
- D. Chính phủ cắt giảm các khoản trợ cấp cho người nghèo.

Câu 37. Giả sử nền kinh tế quốc gia Sri Lanka có các số liệu sau: $C = 10 + 0.75Y_d$; $G = 85$; $I = 26 + 0.2Y$; $X = 51$; $M = 7 + 0.1Y$; $T = 10 + 0.2Y$ (*Đơn vị tính tỷ USD*). Sản lượng cân bằng của quốc gia này là:

- A. 525 (tỷ USD)**
- B. 575.5 (tỷ USD)
- C. 575 (tỷ USD)
- D. 515 (tỷ USD)

Câu 38. Giả sử nền kinh tế quốc gia Myanma có các số liệu sau: $C = 230 + 0.8Y_d$; $G = 820$; $I = 200 + 0.2Y$; $X = 50$; $M = 100 + 0.04Y$; $T = 0.2Y$ (*Đơn vị tính tỷ USD*). Cán cân thương mại của nền kinh tế này:

- A. Cán cân thương mại thâm hụt 340 tỷ Kyat

- B. Cán cân thương mại thâm hụt 290 tỷ Kyat
- C. Cán cân thương mại thặng dư 340 tỷ Kyat
- D. Cán cân thương mại thặng dư 290 tỷ Kyat

Câu 39. Đường tổng cung AS dịch chuyển sang trái khi:

- A. Giá dầu thế giới tăng cao
- B. Lãi suất giảm
- C. Thu nhập quốc gia giảm**
- D. Xuất khẩu tăng.

Câu 40. Giả sử nền kinh tế quốc gia Indonesia có các số liệu sau: $C = 100 + 0.8 Y_d$; $G = 80$; $I = 26 + 0.2Y$; $X = 50$; $M = 20 + 0.32Y$; $T = 20 + 0.1Y$ (*Đơn vị tính tỷ USD*). Nếu Chính phủ tăng chi tiêu thêm 5 và giảm thuế 6, tăng chi phí chuyển nhượng 10, đầu tư tư nhân tăng thêm 4 thì tổng cầu sẽ thay đổi:

- A. Tổng cầu giảm 21.8 tỷ USD
- B. Tổng cầu tăng 21.8 tỷ USD**
- C. Tổng cầu giảm 25 tỷ USD
- D. Tổng cầu tăng 25 tỷ USD

Câu 41. Chính phủ tăng trợ cấp xã hội 10 tỷ đồng, biết thuế biên theo thu nhập là 0.2; tiêu dùng biên theo thu nhập khả dụng 0.75; đầu tư là hằng số. Lượng trợ cấp đó đã làm cho sản lượng quốc gia thay đổi một lượng.

- A. $\Delta Y = -10$ tỷ đồng
- B. $\Delta Y = 10$ tỷ đồng
- C. $\Delta Y = 18.75$ tỷ đồng
- D. $\Delta Y = -18.75$ tỷ đồng

Câu 42. Sự lạc quan của nhà đầu tư do nền kinh tế có dấu hiệu phục hồi đã làm cho đầu tư của tư nhân trong năm tăng thêm 500 tỷ đồng. Biết rằng khuynh hướng chi tiêu biên là $C_m = 0.75$, đầu tư biên $I_m = 0$, mức sản lượng cân bằng của nền kinh tế sẽ:

- A. Giảm xuống 500 tỷ đồng
- B. Tăng thêm 500 tỷ đồng
- C. Giảm xuống 2000 tỷ đồng
- D. Tăng lên thêm 2000 tỷ đồng.**

Câu 43. Chính sách giảm thuế của Chính phủ sẽ làm:

- A. Tăng tổng cầu và giảm lãi suất.
- B. Giảm tổng cầu và tăng lãi suất.**
- C. Tăng tổng cầu do thu nhập khả dụng tăng.
- D. Giảm tổng cầu do thu nhập khả dụng tăng.

Câu 44. Khi nền kinh tế đang có lạm phát cao, Chính phủ nên:

- A. Tăng lượng cung tiền, tăng lãi suất
- B. Tăng chi ngân sách và giảm thuế
- C. Giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc
- D. Giảm lượng cung tiền, tăng lãi suất.

Câu 45. Một nền kinh tế có các hàm số sau: $C = 600 + 0.75Y_d$; $G = 1000$; $I = 800 + 0.15Y - (250/3)i$; $X = 500$; $M = 100 + 0.05Y$; $T = 200 + 0.2Y$; $S^M = M = 600$; $D^M = 900 - 100i$; $Y_p = 8100$; $k^M = 3$ (*Đơn vị tính: lãi suất %, các đại lượng khác là tỷ đồng*). Để $Y = Y_p$ ngân hàng trung ương cần phải:

- A. Tăng cung tiền thêm 40 tỷ đồng
- B. Tăng cung tiền thêm 36 tỷ đồng
- C. Tăng cung tiền thêm 100 tỷ đồng
- D. Tăng cung tiền thêm 50 tỷ đồng

Câu 46. Khoản nào sau đây là thành phần của lượng tiền mạnh:

- A. Lượng tiền dân chúng ký gửi vào ngân hàng thương mại
- B. Lượng tiền mặt nằm trong ngân hàng thương mại
- C. Lượng tiền kinh doanh của ngân hàng thương mại
- D. Lượng tiền ngân hàng thương mại cho các doanh nghiệp vay để kinh doanh.

Câu 47. Giả sử nền kinh tế quốc gia Bulgari có số liệu sau: Tỉ lệ nắm giữ tiền mặt của dân chúng so với tiền gửi vào ngân hàng bằng 60%. Các Ngân hàng trung gian dự trữ 20% so với lượng tiền gửi. Nếu muốn tăng cung tiền thêm 22 tỷ USD ngân hàng trung ương cần can thiệp thông qua hoạt động thị trường mở bằng cách:

- A. Bán ra một lượng chứng khoán có giá trị là 22 tỷ USD
- B. Mua vào một lượng chứng khoán có giá trị là 22 tỷ USD
- C. Bán ra một lượng chứng khoán có giá trị là 11 tỷ USD
- D. Mua vào một lượng chứng khoán có giá trị là 11 tỷ USD.

Câu 48. Chính sách mở rộng tiền tệ (hoặc nói lỏng tiền tệ):

- A. Là một chính sách do NHTU thực hiện để kích cầu bằng cách giảm thuế, tăng trợ cấp xã hội, hoặc tăng chi tiêu ngân sách.
- B. Là một chính sách do NHTU thực hiện để kích cầu bằng cách tăng lãi suất chiết khấu, tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc, hoặc bán ra chứng khoán nhà nước.
- C. Là một chính sách do NHTU thực hiện để kích cầu bằng cách hạ lãi suất chiết khấu, giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc, hoặc mua vào chứng khoán nhà nước.
- D. Là một chính sách do NHTU thực hiện để kích cầu bằng cách phát hành trái phiếu chính phủ.

Câu 49. Ngân hàng trung ương có thể tăng lượng tiền cơ sở bằng cách:

- A. Tăng lãi suất chiết khấu.
- B. Khuyến khích các ngân hàng thương mại đầu tư vào các chứng khoán có giá.
- C. Yêu cầu các ngân hàng thương mại tăng tỷ lệ dự trữ.
- D. Tăng lãi suất tiền gửi sử dụng séc.

Câu 50. Giả sử nền kinh tế quốc gia Bolovia có số liệu sau: Tỷ lệ dự trữ tại các ngân hàng thương mại là 205, tỷ lệ tiền mặt trong lưu thông so với tiền gửi ngân hàng là 20%, tiền cơ sở là 60 tỷ USD. Lượng tiền giao dịch trong nền kinh tế này là:

- A. 130 tỷ BOB
- B. 180 tỷ BOB

- C. 240 tỷ BOB
D. 120 tỷ BOB.
-

ĐỀ 8

Câu 1. Cho đường cung $Q_s = 1.5P - 100$, đường cầu $Q_D = 200 - 0.5P$ (P tính bằng trạm đồng/sản phẩm, Q tính bằng triệu sản phẩm). Giá cả và sản lượng cân bằng thị trường của sản phẩm là:

- A. $P = 5$ ngàn đồng/sản phẩm; $Q = 175$ triệu sản phẩm
B. $P = 15$ ngàn đồng/sản phẩm; $Q = 125$ triệu sản phẩm
C. $P = 30$ ngàn đồng/sản phẩm; $Q = 50$ triệu sản phẩm
D. $P = 10$ ngàn đồng/sản phẩm; $Q = 150$ triệu sản phẩm

Câu 2. Sản phẩm X có đường cung $P = Q + 40$, đường cầu $P = 120 - Q$ (P tính bằng ngàn đồng/sản phẩm, Q tính bằng ngàn sản phẩm). Nếu Chính phủ đánh thuế vào nhà sản xuất là 10 ngàn đồng/sản phẩm. Thị:

- A. Thuế người tiêu dung chịu là 5 ngàn đồng/ sản phẩm; người sản xuất phải chịu là 5 ngàn đồng/sản phẩm.
B. Thuế người tiêu dung là 175 triệu đồng; người sản xuất phải chịu là 175 triệu đồng.
C. Tổng số thuế Chính phủ thu được 350 triệu đồng.
D. Tất cả đều đúng.

Câu 3. Hàm số cầu và cung của một hàng hóa như sau: (D): $P = 50 - Q$; (S): $P = Q + 10$. Nếu Chính phủ quy định giá tối đa là 20 thì thị trường hàng hóa sẽ:

- A. Thiếu hụt 30
B. Dư thừa 30
C. Dư thừa 20
D. Thiếu hụt 20

Câu 4. Biết rằng đường cung dốc lên, câu nào trong các câu sau là sai:

- A. Nếu đường cung dịch chuyển sang trái, đường cầu giữ nguyên thì giá cân bằng sẽ tăng.
B. Nếu đường cung dịch chuyển sang phải, đường cầu dịch chuyển sang trái thì giá cân bằng sẽ tăng.
C. Nếu đường cung dịch chuyển sang trái, đường cầu dịch chuyển sang trái thì lượng cân bằng sẽ giảm.
D. Nếu đường cung dịch chuyển sang phải, đường cầu giữ nguyên thì giá cân bằng sẽ giảm.

Câu 5. Nếu đường cầu là đường thẳng đứng thì co giãn của cầu theo giá là:

- A. 0**
B. Nhỏ hơn 1
C. Lớn hơn 1
D. Bằng vô cùng.

Câu 6. Khi có thuế, người tiêu dùng phải chịu thuế nhiều hơn người sản xuất khi:

- A. Cầu co giãn nhiều hơn cung.
- B. Cầu co giãn hoàn toàn
- C. Cung co giãn nhiều hơn cầu.**
- D. Tất cả đều sai.

Câu 7. Lũ lụt xảy ra ở đồng bằng sông Cửu Long có thể sẽ làm cho:

- A. Cung về gạo giảm làm cho giá gạo tăng**
- B. Cầu về gạo tăng làm cho giá gạo tăng
- C. Làm giảm giá các hàng hóa thay thế.
- D. Tất cả đều sai.

Câu 8. Độ dốc của đường đẳng lượng được xác định bởi:

- A. Tỷ số năng suất biên của 2 yếu tố sản xuất.
- B. Tỷ lệ thay thế kỹ thuật biên của 2 yếu tố sản xuất
- C. Bằng $\Delta K/\Delta L$
- D. Tất cả đều đúng.**

Câu 9. Trường hợp vốn và lao động tăng lên 2 lần mà sản lượng tăng hơn 2 lần, gọi là:

- A. Năng suất không đổi theo qui mô.
- B. Năng suất tăng theo qui mô**
- C. Năng suất giảm theo qui mô
- D. Kinh tế có triển vọng.

Câu 10. Trong ngắn hạn, chi phí nào sau đây là chi phí cố định của doanh nghiệp may mặc:

- A. Chi phí mua vải, chỉ và sử dụng điện.
- B. Chi phí tiền lương cho nhân viên.
- C. Chi phí khấu hao máy móc thiết bị**
- D. Tất cả đều sai.

Câu 11. Đường chi phí biên nằm trên đường chi phí trung bình thì:

- A. Đường chi phí biên dốc lên**
- B. Đường chi phí biên dốc xuống.
- C. Đường chi phí trung bình dốc xuống
- D. Tất cả đều sai.

Câu 12. Hàm tổng chi phí có dạng $TC = 100 + 50Q$, đường chi phí biên có dạng:

- A. Nằm ngang song song với trục hoành**
- B. Đường thẳng đứng
- C. Chữ U
- D. Đường thẳng dốc lên

Câu 13. Nếu $Q = 1,2,3$ đơn vị sản phẩm, tổng chi phí tương ứng là 2,3,4\$ thì chi phí trung bình:

- A. Không đổi
- B. Tăng dần
- C. Giảm dần**
- D. Không thể xác định được từ số liệu trên.

Câu 14. Những đặc điểm nào sau đây không phải là đặc điểm của thị trường cạnh tranh hoàn toàn.

- A. Sản phẩm đồng nhất
- B. Doanh nghiệp quyết định giá bán của sản phẩm**
- C. Tự do gia nhập và rút lui khỏi ngành
- D. Có rất nhiều người mua

Câu 15. Trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn, giá bán hàng hóa là :

- A. Doanh thu biên
- B. Doanh thu trung bình
- C. Giá cân bằng trên thị trường hàng hóa
- D. Tất cả đều đúng**

Câu 16. Khi tổng doanh thu nhỏ hơn tổng chi phí biến đổi, một doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn sẽ:

- A. Tiếp tục sản xuất
- B. Ngưng sản xuất trong ngắn hạn**
- C. Giảm lượng sản xuất
- D. Tất cả đều sai

Câu 17. Để tối đa hóa doanh thu, doanh nghiệp độc quyền sẽ quyết định sản xuất ở mức xuất lượng mà tại đó:

- A. $MR = MC$
- B. $MR = 0$
- C. $P = MC$
- D. $MC > MR$

Câu 18. Khi có thể lực độc quyền doanh sẽ:

- A. Định giá bằng chi phí biến
- B. Định giá cao hơn chi phí biến đổi trung bình
- C. Định giá cao hơn chi phí biến
- D. Định chi phí biến và doanh thu biến bằng nhau**

Câu 19. Tỉ giá của hai yếu tố đầu vào (P_L/P_K) thể hiện:

- A. Độ dốc của đường tổng số lượng
- B. Độ dốc của đường tổng đẳng phí**
- C. Độ dốc của đường đẳng lượng
- D. Độ dốc của đường đẳng dụng

Câu 20. Công ty X có độc quyền hoàn toàn về sản xuất nấm linh chi với thông tin sau: $TR = 1000Q - 10Q^2$ và $MC = 100 + 10Q$. Để tối đa hóa lợi nhuận, doanh nghiệp X sẽ bán với giá và lượng là:

- A. $P = 700; Q = 30$**
- B. $P = 550; Q = 45$
- C. $P = 500; Q = 50$
- D. Tất cả đều sai

Câu 21. Doanh nghiệp cạnh tranh hoàn hảo có hàm $AVC = 2Q + 500$ (AVC tính bằng đồng; Q tính bằng ngàn sản phẩm). Khi giá bán sản phẩm trên thị trường là 1.500 đồng/sản phẩm thì doanh nghiệp hòa vốn. Vậy tổng chi phí cố định của doanh nghiệp là:

A. **125 triệu đồng**

B. 125 ngàn đồng

C. 100 ngàn đồng

D. 100 triệu đồng.

Câu 22. Có 10 doanh nghiệp sản xuất sản phẩm X, điều kiện sản xuất như nhau. Hàm chi phí sản xuất của mỗi doanh nghiệp được cho: $TC = Q^2/10 + 200Q + 2000$. Hàm cung thị trường là:

A. $P = 2Q + 2000$

B. $P = 2Q + 200$

C. $Q = 50P - 10000$

D. Đáp án khác.

Câu 23. Hàm chi phí sản xuất của doanh nghiệp hoạt động trên thị trường cạnh tranh hoàn toàn được cho: $TC = Q^2/10 + 200Q + 200000$. Nếu giá thị trường là 600 thì sản lượng và lợi nhuận của doanh nghiệp là:

A. $Q = 200; \pi = 2000$

B. $Q = 2000; \pi = 200000$

C. $Q = 3000; \pi = 300000$

D. $Q = 400; \pi = -16000$

Câu 24. Một doanh nghiệp độc quyền có hàm số cầu: $P = -Q + 10$ và hàm chi phí: $TC = Q^2 + 4Q + 4$. Doanh nghiệp muốn tối đa hóa sản lượng mà không bị lỗ thì doanh nghiệp sẽ áp định giá bán:

A. $P = 8$ đvtt

B. $P = 9$ đvtt

C. $P = 3$ đvtt

D. $P = 7$ đvtt

Câu 25. Một doanh nghiệp độc quyền có hàm số cầu: $P = -Q + 20$ và hàm chi phí $TC = Q^2 + 4Q + 4$. Câu nào sau đây là không đúng:

A. $MR = -2Q + 20$

B. $MC = 2Q + 4$

C. $AC = Q + 8$

D. $FC = 4$

Câu 43. Khi Chính phủ tăng thuế ròng (T) và tăng chỉ tiêu hàng hóa và dịch vụ (G) một lượng bằng nhau thì sản lượng sẽ:

A. Không đổi

B. Tăng

C. Giảm

D. Các câu trên đều đúng.

Câu 44. Số nhân tiền tệ có mối quan hệ:

A. Tỷ lệ thuận với tỷ lệ dự trữ bắt buộc.

- B. Tỷ lệ nghịch với tỷ lệ dự trữ bắt buộc.
- C. Tỷ lệ thuận với cơ sở tiền
- D. Tỷ lệ nghịch với lãi suất.

Câu 45. Hàm số cầu về tiền phụ thuộc vào:

- A. Lãi suất và sản lượng.
- B. Sản lượng
- C. Lãi suất
- D. Nhu cầu thanh toán.

Câu 46. Giả sử cầu về tiền ở một mức sản lượng là $D^M = 450 - 20i$. Lượng tiền mạnh là 200, số nhân tiền là 2. Lãi suất cân bằng trên thị trường là:

- A. $i = 3\%$
- B. $i = 2.5\%$
- C. $i = 2\%$
- D. $i = 1.5\%$

Câu 47. Một nền kinh tế mở có các hàm sau đây: $C = 60 + 0,75Y_d$; $I = 600$; $G = 3260$; $T = 0,4Y$; $X = 2000$; $M = 0,25Y$. Sản lượng tiềm năng là 7600. Để đạt được sản lượng tiềm năng thì Chính phủ phải:

- A. Tăng chi tiêu chính phủ 160
- B. Giảm thuế 234,375
- C. Tăng thuế 234,375
- D. Giảm chi tiêu chính phủ 160

Câu 48. Trong một nền kinh tế có các hàm sau đây: $C = 400 + 0,9Y_d$; $I = 470 - 15i$; $G = 900$; $T = 50 + 0,2Y$; $M = 120 + 0,12Y$; $X = 280$; $D^M = 480 - 20i$; $S^M = 420$. Lãi suất và sản lượng cân bằng là:

- A. $i = 3\%$, $Y = 3066,67$
- B. $i = 0,03\%$, $Y = 4711,37$
- C. $i = 3\%$, $Y = 4600$
- D. $i = 0,03\%$, $Y = 4600$

Câu 49. Ngày 28/11/2013. Đa số đại biểu Quốc hội đã đồng ý cho phép Chính phủ phát hành bổ sung vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2014 – 2016 là 170.000 tỷ đồng để đầu tư cho bốn nhóm dự án, công trình. Sự kiện này sẽ dẫn đến:

- A. Tổng cầu giảm
- B. Sản lượng cân bằng không thay đổi
- C. Sản lượng cân bằng tăng**
- D. Sản lượng cân bằng giảm.

Câu 50. Trong một nền kinh tế có các hàm sau đây: $C = 400 + 0,9Y_d$; $I = 470 - 15i$; $G = 900$; $T = 50 + 0,2Y$; $M = 120 + 0,12Y$; $X = 280$; $D^M = 480 - 20i$; $S^M = 420$. $Y_p = 4750$, số nhân tiền tệ là 4. Để đạt được sản lượng tiềm năng thì Ngân hàng trung ương cần phải:

- A. Mua vào một lượng trái phiếu là 20
- B. Bán ra một lượng trái phiếu là 20
- C. Mua vào một lượng trái phiếu là 11,25
- D. Bán ra một lượng trái phiếu là 11,25

ĐỀ 9

Câu 1. Hàm tổng chi phíc của một doanh nghiệp độc quyền $TC = Q^2 + 50Q + 1.200$ và hàm cầu $P = 100 - Q$. Để tối đa hóa sản lượng mà không bị lỗ, doanh nghiệp ấn định mức giá là:

- A. 92.5
- B. 77
- C. 82.5
- D. 87.5**

Câu 2. Trên thị trường thịt heo, đường cung sẽ dịch chuyển sang trái khi.....

- A. Giá thịt heo giảm
- B. Dịch heo tai xanh xuất hiện ở đồng bằng sông Cửu Long**
- C. Nông dân sử dụng giống heo có năng suất thịt cao hơn.
- D. Giá cám heo giảm.

Câu 3. Một doanh nghiệp cạnh tranh hoàn hảo sản xuất đồng hồ treo tường có hàm tổng chi phí $TC = Q^2 + 2Q + 243$. Nếu giá bán sản phẩm trên thị trường là 40 thì lợi nhuận tối đa là:

- A. 118**
- B. 120
- C. 55
- D. 181

Câu 4. Rau cải là loại hàng hóa có hệ số co giãn của nhu cầu theo giá yếu. Số tiền người tiêu dùng chi mua rau cải sẽ:

- A. Tăng khi giá rau cải giảm
- B. Tăng khi giá rau cải tăng**
- C. Giảm khi giá rau cải tăng
- D. Giảm khi giá rau cải giảm.

Câu 5. Khi giá bán Bưởi Năm roi trên thị trường tăng từ 100 ngàn đồng/chục lên 150 ngàn đồng/chục. Số lượng Bưởi Năm roi bán được từ 1200 chục còn 1000 chục. Hệ số co giãn của cầu theo giá của Bưởi Năm roi là:

- A. - 0,38
- B. - 1,25
- C. - 0,54
- D. - 0,45**

Câu 6. Thị trường lúa có hàm cầu là $Q_D = -3P + 60$ và hàm cung là $Q_S = 2P + 70$ (Q tính bằng tấn). Nếu Chính phủ quy định giá tối thiểu là 4 ngàn đồng/kg lúa thì số tiền Chính phủ phải chi:

- A. Để nhập khẩu lượng lúa thiếu hụt là 120 triệu đồng
- B. Để mua lượng lúa dư trên thị trường là 120 triệu đồng**
- C. Để trợ giá cho nông dân là 120 triệu đồng
- D. Để trợ cấp cho các công ty lương thực là 120 triệu đồng.

Câu 7. Mức sản lượng để tối đa hóa doanh thu của một hang độc quyền thỏa điều kiện:

A. $MR = 0$

- B. $MR = MC$
- C. $MR > 0$
- D. $MR < 0$

Câu 8. Trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo, doanh nghiệp sản xuất bút bi Bi Bi có hàm tổng chi phí: $TC = Q^2 + 2Q + 50$. Doanh nghiệp sẽ đóng cửa sản xuất nếu giá bán sản phẩm trên thị trường là:

A. $P = 2$

- B. $P = 9$
- C. $P = 81$
- D. $P = 3$

Câu 9. Một nhà độc quyền có hàm tổng chi phí $TC = Q^2 + 2Q + 100$ và hàm cầu $P_D = 22 - Q$ (Q là sản lượng, P là giá của sản phẩm). Nếu doanh nghiệp này muốn tối đa hóa doanh thu thì giá bán và sản lượng cung ứng sẽ là:

- A. 15 và 11

- B. 20 và 14

C. 11 và 11

- D. 16 và 20

Câu 10. Cửa hàng bánh mì Như Ngọc thuê hai thợ làm bánh, họ làm được 500 ổ mỗi ngày. Khi thuê thêm người thứ 3 thì sản lượng là 720 ổ mỗi ngày. Vậy năng suất biên của người thợ thứ 3 và năng suất trung bình của 3 người thợ lần lượt là:

- A. 240 và 220

B. 220 và 240

- C. 250 và 200

- D. 200 và 280

Câu 11. Thị trường thịt gà có hàm cung và hàm cầu lần lượt là: $Q_s = 2P + 10$ và $Q_D = -3P + 70$ (Q tính bằng trăm tấn; P tính bằng chục ngàn đồng/kg). Giá bán và sản lượng thịt gà bán được trên thị trường lần lượt là:

- A. 12.000 đồng/kg và 340 tấn

- B. 180.000 đồng/kg và 3.600 tấn

- C. 150.000 đồng/kg và 350 tấn

D. 120.000 đồng/kg và 3.400 tấn

Câu 12. Trên thị trường cạnh tranh hoàn hảo, doanh nghiệp có hàm chi phí là $TC = Q^2 + 3Q + 200$. Nếu giá bán sản phẩm trên thị trường là 30\$ thì sản lượng tối ưu và lợi nhuận tối đa lần lượt là:

- A. 14\$ và 96\$

- B. 15\$ và 120\$

- C. 14\$ và 130\$

- D. 20\$ và 350\$

Câu 13. Trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo, có 100 doanh nghiệp sản xuất và có hàm chi phí tương tự nhau là: $TC = Q^2 + 5Q + 2.000$. Hàm cung thị trường là:

A. $Q_D = 100Q + 300$

B. $Q_S = 50P - 250$

C. $Q_S = 200Q + 500$

D. $Q_S = 50P + 250$

Câu 14. Một nhà độc quyền có hàm tổng chi phí $TC = Q^2 + 60Q + 1.000$ và có hàm cầu $P_D = 220 - 3Q$ (Q là sản lượng, P là giá của sản phẩm). Nếu doanh nghiệp này muốn tối đa hóa lợi nhuận thì giá bán và sản lượng sẽ lần lượt là:

A. $P = 18$ và $Q = 180$

B. $P = 147.5$ và $Q = 17.5$

C. $P = 160$ và $Q = 20$

D. $P = 153$ và $Q = 300$

Câu 15. Công ty CP Hoàng Mai có hàm sản xuất $Q = 500K^{0.6}L^{0.7}$, ta có thể kết luận hàm sản xuất thể hiện:

A. Lợi tức không đổi theo quy mô

B. Lợi tức tăng theo quy mô

C. Lợi tức giảm theo quy mô

D. Năng suất biên giảm dần theo quy mô.

Câu 16. Doanh nghiệp Thanh Nhu có đường cầu dốc xuống về phía phải thì doanh thu biên:

A. Lớn hơn doanh thu trung bình

B. Bằng doanh thu trung bình

C. Lớn hơn giá bán

D. **Nhỏ hơn giá bán.**

Câu 17. Trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo, khi thị trường cân bằng dài hạn...

A. Lợi nhuận kinh tế của doanh nghiệp trên thị trường bằng 0

B. Doanh nghiệp trên thị trường có lợi nhuận cực đại

C. Tổng phúc lợi xã hội đạt cực đại

D. Doanh nghiệp trên thị trường có doanh thu bằng với chi phí biên.

Câu 18. Với doanh nghiệp hoạt động trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo, doanh thu biên...

A. Bằng với chi phí biên

B. Bằng với doanh thu trung bình và bằng giá bán

C. Nhỏ hơn doanh thu trung bình

D. Bằng với chi phí biên và bằng giá bán.

Câu 19. Hàm sản xuất của một doanh nghiệp có dạng là $Q = KL$ (K là vốn, tính bằng triệu đồng; L là lao động, tính bằng người). Biết rằng $P_L = 5$ (triệu đồng) và $P_K = 10$ (triệu đồng). Nếu doanh nghiệp muốn sản xuất $Q = 200$ đơn vị sản phẩm thì chi phí thấp nhất là:

A. 100 triệu đồng

B. 120 triệu đồng

C. 200 triệu đồng

D. 270 triệu đồng

Câu 20. Trong các cấu trúc thị trường sau đây, cấu trúc nào không có giả thiết là không có rào cản gia nhập ngành:

A. Thị trường cạnh tranh hoàn hảo

B. Thị trường cạnh tranh độc quyền

C. Thị trường độc quyền hoàn toàn

D. B và C đúng

Câu 21. Thị trường xe máy có hệ số co giãn của cầu và cung theo giá lần lượt là $E_D = -2,5$ và $E_S = 1,25$ tia mức giá và sản lượng là $P = 25$ (triệu đồng/chiếc) và $Q = 200$ (chiếc). Hàm cầu và hàm cung tại mức giá và sản lượng này sẽ là:

A. $Q_D = -20P + 700$ và $Q_S = 10P - 50$

B. $Q_D = -25P + 500$ và $Q_S = 20P - 100$

C. $Q_D = -20P + 500$ và $Q_S = 10P - 100$

D. $Q_D = -25P + 700$ và $Q_S = 20P - 50$

Câu 22. Hệ số co giãn của cầu theo giá của tivi màu LCD là $E_D = -1,75$ có nghĩa là:

A. Nếu giá tăng 10% thì lượng cầu giảm 1,75%

B. Nếu giá tăng 1,75% thì lượng cầu giảm 1%

C. Nếu giá tăng 10% thì lượng cầu giảm 17,5%

D. Nếu giá tăng 1 đơn vị tiền thì lượng cầu giảm 1,75 đơn vị sản phẩm

Câu 23. Trong lý thuyết kinh tế vi mô, ngắn hạn được hiểu là khoảng thời gian:

A. Tương đương một năm

B. Khoảng sáu tháng

C. Đầu để doanh nghiệp thay đổi mọi yếu tố đầu vào

D. Đầu để doanh nghiệp thay đổi một số yếu tố đầu vào, nhưng không đủ để thay đổi quy mô sản xuất.

Câu 24. Trong các loại chi phí sai, chi phí nào không phải biến phí:

A. Chi mua sắm thiết bị mới

B. Tiền lương cho lao động

C. Chi mua nguyên vật liệu

D. Cả 3 câu kia đúng

Câu 25. Đường cầu của thị trường cạnh tranh hoàn hảo là:

A. Đường song song trực hoành

B. Đường dốc lên về phía phải

C. Đường dốc xuống về phía phải

D. Đường doanh thu biên, đường doanh thu trung bình.

Câu 26. Các khoản nào sau đây không được tính vào GDP:

A. Tất cả hàng hoá và dịch vụ được dùng làm đầu vào cho quá trình sản xuất

B. Tất cả hàng hoá và dịch vụ được cung ứng cho người tiêu dùng cuối cùng

C. Tất cả hàng hoá và dịch vụ gia tăng trong quá trình sản xuất

D. Tất cả thu nhập của nền kinh tế.

Câu 27. GDP tính theo phương pháp thu nhập là tổng của:

- A. Tiền lương, tiền lãi, tiền cho thuê, lợi nhuận ròng, thuế và khấu hao.
- B. Tiền lương, lãi vay ngân hàng, tiền cho thuê, lợi nhuận, thuế gián thu và khấu hao.
- C. Tiền lương, tiền lãi, tiền cho thuê, lợi nhuận ròng, thuế trực thu và khấu hao.

D. Tiền lương, tiền lãi, tiền cho thuê, lợi nhuận, thuế gián thu và khấu hao.

Câu 28. Giả sử GDP là 400 tỷ \$, tiêu dùng của hộ gia đình là 240 tỷ \$, xuất khẩu ròng là 12 tỷ \$, tiết kiệm của hộ gia đình là 40 tỷ \$ và chi mua hàng hóa dịch vụ của chính phủ là 80 \$, khi đó:

- A. Đầu tư là 68 tỷ \$**
- B. Thu nhập khả dụng là 200 tỷ \$
- C. Đầu tư là 68 tỷ \$, thâm hụt ngân sách là 20 tỷ \$
- D. Nhập khẩu là 20 tỷ \$

Câu 29. GDP tính theo phương pháp giá trị gia tăng là:

- A. Tổng của lãi suất, tiền lương, tiền cho thuê, lợi nhuận, khấu hao và thuế gián thu.
- B. Tổng giá trị gia tăng các khu vực trong nền kinh tế
- C. Tổng tiêu dùng, đầu tư, chi tiêu chính phủ và xuất khẩu ròng.

D. Hiệu của tổng giá trị xuất lượng và chi phí đầu vào.

Câu 30. Trong mô hình AS – AD, AD dịch chuyển sang trái có thể giải thích bởi:

- A. Mức giá chung tăng
- B. Lương tối thiểu tăng
- C. Sự tháo lui đầu tư**
- D. Xuất khẩu ròng tăng

Câu 31. Trên đồ thị tổng cầu AD, trực tung là tổng cầu, trực hoành là thu nhập quốc gia, khi Ngân hàng trung ương tăng tỉ lệ dự trữ bắt buộc:

- A. Tổng cầu giảm, đường tổng cầu dịch chuyển sang trái
- B. Tổng cầu giảm, đường tổng cầu dịch chuyển xuống dưới
- C. Tổng cầu tăng, đường tổng cầu dịch chuyển sang phải
- D. Tổng cầu giảm, đường tổng cầu dịch chuyển lên trên.

Câu 32. Đường tổng cung ngắn hạn không dịch chuyển lên phía trên vì lý do sau:

- A. Giá cả nguyên liệu thô thiết yếu tăng
- B. Giảm năng suất lao động
- C. Mức giá tăng**
- D. Tiền lương tăng.

Câu 33. Khi Chính phủ tăng thuế đối với hàng hóa xuất khẩu.

- A. Đường tổng cầu dịch chuyển sang phải
- B. Đường tổng cầu dịch chuyển sang trái**
- C. Đường tổng cung dịch chuyển sang phải
- D. Đường tổng cung dịch chuyển sang trái

Câu 35. Nền kinh tế của Bolivia có các hàm như sau: $C = 120 + 0,7Y_d$; $I = 50 - 0,2i$; $G = 360$; $T = 20 + 0,1Y$; $M = 10 + 0,03Y$; $X = 420$. Hàm tổng cầu và sản lượng cân bằng lần lượt là:

- A. $AD = 629 + 0,7Y$; $Y = 2.096$
- B. $AD = 700 + 0,8Y$; $Y = 3.500$
- C. $AD = 629 + 0,7Y$; $Y = 898.57$
- D. $AD = 926 + 0,8Y$; $Y = 4.630$**

Câu 36. Khuynh hướng tiêu dùng biên $C_m = 0,82$ có nghĩa là:

- A. Khi tiêu dùng tăng (hoặc giảm) 1 đơn vị thì thu nhập sẽ tăng (hoặc giảm) 0,82 đơn vị
- B. Khi thu nhập khả dung tăng (hoặc giảm) 1 đơn vị thì tiêu dùng sẽ tăng (hoặc giảm) 0,82 đơn vị**
- C. Khi thu nhập tăng (hoặc giảm) 1 đơn vị thì tiêu dùng sẽ tăng (hoặc giảm) 0,82 đơn vị
- D. Khi thu nhập khả dung thay đổi 1 đơn vị thì tiêu dùng sẽ thay đổi 0,82 đơn vị

Câu 37. Chính sách tài khoá thu hẹp phối hợp với chính sách tiền tệ mở rộng sẽ làm cho

- ...
- A. Lãi suất giảm
- B. Đường tổng cầu dịch chuyển sang phải
- C. Sản lượng được sản xuất ra có xu hướng giảm
- D. Mức giá tăng, sản lượng có thể tăng, giảm hoặc không đổi.

Câu 38. Giả sử chính phủ trợ cấp cho khu vực hộ gia đình vùng thiên tai một khoản tiền là 100 tỷ đồng, sau đó các hộ gia đình dùng khoản tiền này để mua lương thực thực phẩm thì khi hạch toán theo luồng hàng hoá và dịch vụ cuối cùng thì khoản tiền chi tiêu trên sẽ được tính vào:

- A. Trợ cấp của Chính phủ cho hộ gia đình
- B. Chi tiêu của chính phủ cho hàng hoá và dịch vụ
- C. Chi tiêu dùng của hộ gia đình**
- D. Nhập khẩu là 20 tỉ \$

Câu 39. Điều nào dưới đây là ví dụ về chính sách tài khoá mở rộng:

- A. Tăng thuế
- B. Tăng trợ cấp
- C. Tăng chỉ tiêu của chính phủ
- D. Tăng chỉ tiêu của chính phủ và tăng trợ cấp.**

Câu 40. Giả sử thuế là tự định và tiêu dùng biên C_m của các hộ gia đình là 0.6, nếu chính phủ tăng chỉ tiêu 100 tỷ đồng sẽ làm thay đổi tổng cầu một lượng là:

- A. 125 tỷ đồng
- B. 100 tỷ đồng**
- C. Ít hơn 100 tỷ đồng
- D. Bằng không

Câu 41. Cân bằng giá thị trường tiền tệ xuất hiện khi:

- A. Tỷ giá hối đoái cố định
- B. Cung tiền bằng cầu tiền
- C. Lãi suất không thay đổi
- D. GDP thực tế không thay đổi.

Câu 42. Thực hiện chính sách tài khoá thu hẹp và chính sách tiền tệ thu hẹp sẽ làm cho:

- A. Dịch chuyển đường AD sang phải
- B. Dịch chuyển đường AD sang trái
- C. Dịch chuyển đường AS sang phải
- D. Dịch chuyển đường AS sang trái

Câu 43. Ngân hàng trung ương bán công trái cho khu vực tư nhân, sẽ dẫn đến:

- A. Giảm lượng tiền cung ứng
- B. Tăng cung ứng tiền tệ
- C. Giảm lãi suất
- D. Tất cả đều sai

Câu 44. Giả sử cầu về tiền tệ ở một mức sản lượng là $D^M = 620 - 20i$. Lượng tiền mạnh là 100, số nhân tiền là 5. Lãi suất cân bằng trên thị trường là:

- A. $i = 3\%$
- B. $i = 2.5\%$
- C. $i = 2\%$
- D. $i = 1.5\%$

Câu 45. Một nền kinh tế mở có các hàm sau đây: $C = 100 + 0.7Y_d$; $I = 400 + 0.1Y$; $G = 960$; $T = 0.2Y$; $X = 1000$; $M = 60 + 0.16Y$. Sản lượng tiềm năng là: 4.600\$. Nếu Chính phủ muốn điều tiết kinh tế bằng chính sách khoá thì phải:

- A. **Giảm chi tiêu chính phủ 100\$**
- B. Giảm thuế 142,86\$
- C. Tăng thuế 234,37\$
- D. Tăng chi tiêu chính phủ 100\$

Câu 46. Trong một nền kinh tế có các hàm số sau đây: $C = 200 + 0.9Y_d$; $I = 90 + 0.1Y$; $G = 500$; $T = 0.2Y$; $X = 380$; $M = 120 + 0.12Y$; $D^M = 480 - 20i$; $S^M = 420$. Lãi suất và sản lượng cân bằng là:

- A. $i = 5\%$; $Y = 3.000$
- B. $i = 0.3\%$; $Y = 4.070$
- C. $i = 3\%$; $Y = 3.500$
- D. $i = 0.03\%$; $Y = 3.500$

Câu 47. Đến đầu tháng 12/2013, lãi suất cho vay bình quân của các Ngân hàng thương mại giảm còn 12%/năm. Sự việc này có thể sẽ làm:

- A. Tổng cầu tăng vì đầu tư tư nhân tăng
- B. Sản lượng cân bằng không thay đổi
- C. Tổng cầu tăng vì chính phủ tăng chi tiêu
- D. Sản lượng cân bằng giảm.

Câu 48. Trong một nền kinh tế có các hàm cầu tiền và cung tiền như sau: $D^M = 600 - 30i$; $S^M = 400$. Sản lượng tiềm năng $Y_p = 4.700$, sản lượng cân bằng $Y_E = 4.500$, lượng tiền trong lưu thông là 1.500 tỷ; lượng tiền gửi trong hệ thống ngân hàng 30.000 tỷ; lượng tiền dự trữ trong hệ thống ngân hàng là 4.500 tỷ. Đầu tư biến theo lãi suất là $I_m = -10$; số nhân tổng cầu là 4. Để điều tiết nền kinh tế về mức sản lượng tiềm năng bằng nghiệp vụ thị trường mở thì Ngân hàng trung ương cần phải:

- A. Mua vào một lượng trái phiếu là 20
- B. Bán ra một lượng trái phiếu là 20
- C. Mua vào một lượng trái phiếu là 28,57 tỷ
- D. Bán ra một lượng trái phiếu là 11,25 tỷ

Câu 49. Có các số liệu sau ở Cộng hoà Bờ Biển Ngà: Lượng tiền giao dịch $M_l = 30.000$ tỷ; tỷ lệ lượng tiền gửi là 50%; tỷ lệ dự trữ bắt buộc theo quy định là 25% và các Ngân hàng thương mại thực hiện đúng yêu cầu này. Lượng tiền mặt lưu hành và lượng tiền gửi trong hệ thống ngân hàng lần lượt là:

- A. $C = 7.000$ tỷ và $R = 23.000$ tỷ.
- B. $C = 10.000$ tỷ và $D = 20.000$ tỷ.
- C. $C = 7.000$ tỷ và $D = 23.000$ tỷ.
- D. $R = 21.000$ tỷ và $C = 9.000$ tỷ.

Câu 50. Có các số liệu sau ở Cộng hoà Nigeria: Lượng tiền giao dịch $M_l = 9.000$ tỷ; tỷ lệ

lượng tiền mặt lưu thông so với lượng tiền gửi là 20%; tỷ lệ dự trữ trong hệ thống ngân hàng là 10%. Số nhân tiền và lượng tiền cơ sở trong nền kinh tế là:

- A. $K^M = 4$ và $R = 2.265$ tỷ
- B. $K^M = 3.2$ và $R = 2.265$ tỷ
- C. $K^M = 3.5$ và $R = 2.265$ tỷ
- D. $K^M = 4$ và $R = 2.260$ tỷ

ĐỀ 10

Câu 1. Hệ số co giãn của cầu theo giá phản ánh:

- A. Thay đổi trong tổng doanh thu chia cho thay đổi trong giá
- B. Thay đổi của cầu khi thu nhập thay đổi
- C. Độ dốc của đường cầu theo thu nhập
- D. Phần trăm thay đổi trong lượng cầu đối với phần trăm thay đổi của giá.**

Câu 2. Cầu tăng sẽ làm giá tăng trừ khi:

- A. Lượng cung tăng nhiều hơn hoặc đúng bằng lượng cầu tăng.
- B. Cầu co giãn hoàn toàn**
- C. Lượng cung tăng ít hơn lượng cầu tăng.
- D. Cung không co giãn.

Câu 3. Khi giá tăng, lượng cầu giảm dọc theo đường cầu thị trường vì:

- A. Giá cao hơn sẽ làm cho người tiêu dùng sử dụng hàng hoá khác, thay thế cho hàng hoá tăng giá.

- B. Giá cao hơn, người tiêu dùng sẽ thấy thu nhập của mình giảm đi nên mua ít hàng hoá hơn.
- C. Đường cầu thị trường là tổng của tất cả các lượng cầu cá nhân ở mỗi mức giá,

D. A và B đúng.

Câu 4. Co giãn trong dài hạn của cung lớn hơn co giãn trong ngắn hạn của cung vì:

- A. Trong dài hạn số lượng máy móc thiết bị và nhà xưởng có thể điều chỉnh được.
- B. Trong dài hạn các hàng mới có thể gia nhập và các hàng đang tồn tại có thể rời bỏ ngành.
- C. Trong dài hạn người tiêu dùng có thể tìm ra các hàng hoá thay thế.

D. A và B.

Câu 5. Khi Chính phủ quy định giá trần đối với căn hộ cho thuê...

- A. Mọi người đều có thể thuê căn hộ theo giá quy định.
- B. Những người sẵn sàng trả giá cao hơn giá trần sẽ thuê được căn hộ.
- C. Nhiều người sẵn sàng trả giá thuê theo quy định nhưng sẽ không thuê được căn hộ.**
- D. Sẽ không gây ra tình trạng dư thừa căn hộ, vì mọi người đều muốn thuê căn hộ.

Câu 6. Cho hàm số cầu $P = -2Q + 80$. Tại mức giá $P = 40$, độ co dãn của cầu theo giá là:

A. $Ed = -2$

B. $Ed = -1$

C. $Ed = -0.5$

D. $Ed = 1$

Câu 7. Thị trường khoai tây số liệu ở bảng sau:

P (ngàn đồng/kg)	1	3	5	7	9
Q _S (trăm kg)	2	5	8	11	14
Q _D (trăm kg)	18	16	16	12	10

Hàm số cung và cầu có dạng:

- A. $Q_S = \frac{1}{2}P + 0,5; Q_D = -P + 36$
- B. $Q_S = -P + 36; Q_D = Q_S = \frac{1}{2}P + 0,5$
- C. $Q_S = -\frac{1}{2}P - 15; Q_D = P + 36$
- D. $Q_S = -\frac{1}{2}P + 60; Q_D = P - 36$

Câu 8. Thị trường túi ba lô có số liệu ở bảng sau:

P (ngàn đồng/chiếc)	50	70	90	110	130
Q _S (chiếc)	100	120	140	160	180
Q _D (chiếc)	300	240	180	120	60

Giá bán và số lượng ba lô tiêu thụ trên thị trường tại điểm cân bằng là:

- A. $P = 120$ ngàn đồng và $Q = 140$ chiếc
- B. $P = 150$ ngàn đồng và $Q = 100$ chiếc
- C. $P = 120$ ngàn đồng và $Q = 140$ chiếc
- D. $P = 100$ ngàn đồng và $Q = 150$ chiếc

Câu 9. Nếu chính phủ tăng thuế hàng hoá sẽ làm cho:

- A. Giá cân bằng giảm, lượng cân bằng tăng.
- B. **Giá cân bằng tăng, lượng cân bằng giảm.**
- C. Đường cung dịch chuyển sang xuống.
- D. Đường cung dịch chuyển sang phải

Câu 10. Sản phẩm biên của một yếu tố đầu vào là:

- A. Chi phí gia tăng khi doanh nghiệp sản xuất thêm một đơn vị sản phẩm
- B. Chi phí gia tăng khi doanh nghiệp sử dụng thêm một đơn vị yếu tố đầu vào
- C. **Sản phẩm tăng khi doanh nghiệp sử dụng thêm một đơn vị yếu tố đầu vào biến đổi**
- D. Sản lượng chia cho số yếu tố đầu vào sử dụng trong quá trình sản xuất.

Câu 11. Một doanh nghiệp có chi phí biên là $MC = 20 + 2Q$ và chi phí cố định là 500

Hàm tổng chi phí của doanh nghiệp có dạng:

- A. $2Q^2 + 20Q + 250$
- B. $Q^2 + 20Q + 200$
- C. **$Q^2 + 20Q + 500$**
- D. $\frac{1}{2}Q^2 + 20Q + 500$

Câu 12. Hàm cầu và hàm cung rượu Vang Đà Lạt lần lượt là: $P = 300 - Q$ và $P = 60 + 2Q$ (P tính bằng ngàn đồng, Q tính bằng thùng). Nếu Chính phủ đánh thuế 20% giá bán ban đầu thì giá bán và số lượng rượu tiêu thụ trên thị trường tịa điểm cân bằng là:

- A. $P = 220$ ngàn đồng và $Q = 80$ thùng
- B. **$P = 234,67$ ngàn đồng và $Q = 65,33$ thùng**
- C. $P = 80$ ngàn đồng và $Q = 65,33$ thùng
- D. $P = 234,67$ ngàn đồng và $Q = 80$ thùng.

Câu 13. Biết tổng chi phí biến đổi và chi phí cố định thì có thể xác định chi phí nào trong các chi phí sau?

- A. Chi phí trung bình
- B. Chi phí cố định trung bình
- C. Chi phí biên
- D. **Tất cả các chi phí trên.**

Câu 14. Plastic và thép là hai hàng hoá thay thế cho nhau trong một số ứng dụng như sản xuất khung xe, vỏ máy móc thiết bị. Nếu giá của thép tăng và các yếu tố khác không đổi thì....

- A. Cầu thép giảm
- B. Cầu Plastic tăng
- C. Giá Plastic giảm
- D. **Lượng cầu Plastic tăng.**

Câu 15. Câu nào sau đây không đúng:

- A. Lợi nhuận kế toán thường lớn hơn lợi nhuận kinh tế

B. Lợi nhuận là giá trị chênh lệch giữa tổng doanh thu và tổng chi phí của doanh nghiệp

C. Chi phí kế toán là tổng của chi phí kinh tế và chi phí ẩn

D. Chi phí kinh tế thường lớn hơn chi phí kế toán.

Câu 16. Tại mức sản lượng mà năng suất trung bình của lao động AP_L đạt cực đại thì....

A. Chi phí biên đạt giá trị nhỏ nhất.

B. Chi phí biến đổi trung bình đạt giá trị nhỏ nhất.

C. Chi phí trung bình đạt giá trị nhỏ nhất.

D. Tổng doanh thu của doanh nghiệp đạt giá trị lớn nhất.

Câu 17. Một doanh nghiệp sử dụng 2 yếu tố Vốn (K) và lao động (L) để sản xuất sản phẩm

A. Doanh nghiệp này bỏ ra chi phí TC = 2 tỷ đồng để mua 2 yếu tố sản xuất trên với giá P_K = 4 triệu đồng và P_L = 2 triệu đồng. Hàm sản xuất có dạng Q = K(L-2). Phương án phối hợp 2 yếu tố sản xuất tối ưu là:

A. L = 501, K = 249,2

B. L = 499, K = 250,5

C. L = 502, K = 248,5

D. L = 500, K = 251

Câu 18: Hãng Samsung Vina chuyên sản xuất các sản phẩm điện và điện tử biết hàm tổng chi phí theo sản lượng của mình là: TC=2Q² + 30Q + 200. Mức sản lượng của hang để đạt chi phí trung bình tối thiểu là:

A. Q = 5,25 đvsp

B. Q = 4,83 đvsp

C. Q = 7,07 đvsp

D. Q = 6,54 đvsp.

Câu 19. Khi giá của hàng hoá này tăng mà cầu đối với hàng hoá kia tăng theo thì hai hàng hoá này...

A. Bổ trợ cho nhau

B. Không liên quan gì với nhau

C. Là hàng thiết yếu

D. Thay thế cho nhau.

Câu 20. Doanh thu biên của doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn

A. Luôn thấp giá hơn đối với hàng cạnh tranh vì để bán sản phẩm doanh nghiệp phải giảm giá.

B. Là giá tại cân bằng của thị trường.

C. Là giá thặng dư mà doanh nghiệp nhận được khi tiêu thụ sản phẩm

D. Là giao điểm giữa đường cung và đường cầu của doanh nghiệp.

Câu 21. Hàm tổng chi phí của một doanh nghiệp độc quyền là : TC = Q² + 60Q + 1.800 và hàm cầu P = 10 – Q. Để tối đa hóa doanh thu, giá bán và sản lượng của doanh nghiệp là:

- A. $P = 2$ và $Q = 6$
- B. $P = 4$ và $Q = 5$
- C. $P = 5$ và $Q = 5$**
- D. $P = 6$ và $Q = 4$

Câu 22. Một doanh nghiệp cạnh tranh hoàn hảo sản xuất vải lụa chifon có hàm tổng chi phí $TC = Q^2 + 6Q + 250$ (Q tính bằng trăm mét; TC tính bằng trăm ngàn đồng). Nếu giá bán sản phẩm trên thị trường là 60 ngàn đồng/m thì sản lượng tối ưu và lợi nhuận tối đa của doanh nghiệp là:

- A. $Q = 1500$ m, lợi nhuận là 979 triệu đồng
- B. $Q = 2700$ m, lợi nhuận là -979 triệu đồng
- C. $Q = 270$ m, lợi nhuận là 6.29 triệu đồng
- D. $Q = 2700$ m, lợi nhuận là 47.9 triệu đồng**

Câu 23. Trên thị trường cạnh tranh hoàn hảo có 50 doanh nghiệp với hàm tổng chi phí tương tự nhau là $TC = Q^2 + 4Q + 100$. Hàm cầu thị trường là $Q_D = -10P + 250$. Giá bán và sản lượng tiêu thụ được của mỗi doanh nghiệp trên thị trường là:

- A. $P = 10$, $Q = 3$
- B. $P = 15$, $Q = 150$
- C. $P = 10$, $Q = 150$**
- D. $P = 15$, $Q = 3$

Câu 24. Hàm tổng chi phí của một doanh nghiệp là $TC = Q^2 + 20Q + 500$. Phát biểu nào sau đây không đúng:

- A. $TFC = 500$
- B. $TVC = 500 + 20Q$**
- C. $MC = 2Q + 20$
- D. $AC = Q + 20 + 500/Q$

Câu 25. Doanh nghiệp độc quyền ở mức sản lượng mà doanh thu biên bằng chi phí biên và bằng chi phí trung bình ($MR = MC = AC$). Khi đó, lợi nhuận của doanh nghiệp là:

- A. Bằng 0
- B. Là số âm
- C. Cực đại**
- D. Nhỏ nhất

Câu 26. Khoản nào sau đây không được tính vào GDP của Việt Nam?

- A. Giá trị xuất khẩu thuỷ sản sang Châu Âu của Công ty CP Minh Phú
- B. Giá trị khối lượng công trình của Công ty CP Xây dựng Cotecons
- C. Lợi nhuận của Ngân hàng TMCP Sacombank chi nhánh ở Đức
- D. Khoản chi trợ cấp của Chính phủ cho người dân vùng thiên tai.**

Câu 27. Một nền kinh tế chỉ SX gạo và vải với số liệu bảng sau (lấy năm 2010 làm gốc):

	Gạo		Vải	
	Giá (triệu đồng/tấn)	Lượng (tấn)	Giá (ngàn đồng/m)	Lượng (ngàn mét)
2010	15	500	50	1000

2011	18	580	60	1300
2012	20	600	65	1400

Tốc độ tăng GDP thực tế của năm 2012 là:

- A. 16.46%
- B. 7.19%
- C. 79.13%**
- D. 21.87%

Câu 28. Giả sử GDP là 3.000 tỷ đồng, tiêu dùng hộ gia đình là 2.200 tỷ đồng, đầu tư tư nhân là 200 tỷ đồng, xuất khẩu ròng là 120 tỷ đồng, nhập khẩu là 600 tỷ đồng. Chỉ mua hàng hoá dịch vụ của chính phủ và xuất khẩu lần lượt là:

- A. 520 tỷ và 800 tỷ
- B. 480 tỷ và 800 tỷ
- C. 480 tỷ và 720 tỷ**
- D. 520 tỷ và 720 tỷ

Câu 29. Những khoản chi nào sau đây không phải là khoản chi trung gian:

- A. Chi phí khấu hao máy móc, thiết bị
- B. Tiền lương của người lao động
- C. Chi mua nguyên vật liệu
- D. A và B đúng.

Câu 30. Điều chỉ trích nào sau đây về GDP là không đúng:

- A. GDP đã không tính đến chất lượng cầu môi trường tự nhiên
- B. GDP chưa đề cập đến phân phối thu nhập thực tế trong xã hội
- C. GDP không thể hiện chất lượng cuộc sống
- D. Khi tính GDP tính cả những giao dịch ngầm**

Câu 31. GDP tính theo phương pháp chỉ tiêu là tổng của:

- A. Chi tiêu dùng, chi tiêu đầu tư, mua hàng hoá của chính phủ và xuất khẩu ròng.**
- B. Chi tiêu dùng, đầu tư ròng, chi mua hàng hoá của chính phủ và xuất khẩu.
- C. Chi tiêu dùng, chi đầu tư, chi đầu tư của chính phủ và xuất khẩu ròng.
- D. Chi tiêu dùng, đầu tư ròng, chi mua hàng hoá của chính phủ và xuất khẩu.

Câu 32. Lợi nhuận do tập đoàn Hoàng Anh Gia Lai tạo ra ở Campuchia sẽ được tính vào:

- A. GDP của Việt Nam và GNP của Campuchia.
- B. GDP của Việt Nam và GDP của Campuchia.
- C. GNP của Việt Nam và GNP của Campuchia.
- D. GDP của Campuchia và GNP của Việt Nam**

Câu 33. Trên mô hình AS – AD, AS dịch chuyển sang trái có thể là do:

- A. Mức giá chung giảm
- B. Chính phủ quy định tăng tiền lương tối thiểu
- C. Sự tháo lui đầu tư tư nhân**
- D. Chính phủ tăng chỉ tiêu cho hàng hoá dịch vụ.

Câu 34. Trên đồ thị tổng cầu AD, trục tung là mức giá, trục hoành là thu nhập quốc gia, khi Ngân hàng trung ương tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc và Chính phủ tăng thuế:

- A. Tổng cầu giảm, đường tổng cầu dịch chuyển sang trái
- B. Tổng cầu giảm, đường tổng cầu dịch chuyển xuống dưới
- C. Tổng cung tăng, đường tổng cung dịch chuyển sang phải
- D. Tổng cung tăng, đường tổng cầu dịch chuyển xuống dưới.

Câu 35. Nền kinh tế quốc gia Elsanvador có các hàm sau: $C = 200 + 0.8Y_d$; $I = 180 + 0,23Y$; $G = 600$; $M = 100 + 0,27Y$. Sản lượng cân bằng $Y = 4500$. Cán cân thương mại NX và cán cân ngân sách B khi đó:

- A. $NX = 295 \$$; $B = -300 \$$
- B. Thặng dư thương mại $395 \$$, thâm hụt ngân sách $300 \$$
- C. Nhập siêu $395 \$$, bội chi ngân sách $300 \$$**
- D. Thâm hụt thương mại $395 \$$, Thặng dư ngân sách $395 \$$.

Câu 36. Nền kinh tế của nước Cộng hoà Angeri có các hàm sau: $C = 50 + 0.7Y_d$; $I = 70 + 0,1Y$; $G = 267$; $T = 10 + 0,1Y$; $X = 350$; $M = 0,13Y$. Hàm tổng cầu và số nhân tổng cầu lần lượt là:

A. $AD = 927 + 0,7Y$, $k = 2,5$

B. $AD = 730 + 0,6Y$, $k = 2,5$

C. $AD = 927 + 0,7Y$, $k = 2$

D. $AD = 730 + 0,7Y$, $k = 2$

Câu 37. Đường tổng cầu phản ánh mối quan hệ giữa:

- A. Tổng chi tiêu dự kiến và GDP thực tế.
- B. GDP thực tế và mức giá chung
- C. GDP danh nghĩa và mức giá chung

D. C và B đều đúng.

Câu 38. Nền kinh tế X có các hàm sau: $C = 100 + 0,75Y_d$; $I = 127 - 0,3Y$; $G = 400$; $T = 10 + 0,2Y$; $M = 30 + 0,3Y$; $X = 350$. Sản lượng tiềm năng $Y_p = 2.500$. Để điều tiết nền kinh tế bằng chính sách tài khoả, chính phủ có thể...

- A. Giảm chi tiêu ngân sách 80 và tăng thuế 60
- B. Giảm chi tiêu ngân sách 80 và giảm thuế 60
- C. Tăng chi tiêu ngân sách 60 và giảm thuế 80**
- D. Tăng chi tiêu ngân sách 60 và tăng thuế 80.

Câu 39. Biết tiêu dùng biên của những người già là $C_m = 0,6$, đầu tư biên $I_m = 0,2$, thuế ròng biên $T_m = 0,15$, nhập khẩu là hằng số. Nếu chính phủ tăng trợ cấp cho người già 100 tỷ đồng thì...

- A. Tổng cầu tăng 60 tỷ và sản lượng tăng 344,82 tỷ.
- B. Tổng cầu tăng 60 tỷ và thâm hụt ngân sách giảm 100 tỷ.**
- C. Tổng cầu giảm 100 tỷ và sản lượng giảm 400 tỷ.

D. Tổng cầu giảm 60 tỷ và sản lượng tăng 234,82 tỷ

Câu 40. Biết tiêu dùng biên là $C_m=0,6$, đầu tư biên $I_m=0,24$, thuế ròng biên $T_m=0,1$, nhập khẩu biên $M_m=0,13$. Nếu chính phủ giảm thuế 200 tỷ đồng thì...

- A. Tổng cầu giảm 120 tỷ và thâm hụt ngân sách giảm 200 tỷ.
- B. Tổng cầu tăng 120 tỷ và thâm hụt ngân sách tăng 200 tỷ.
- C. Tổng cầu tăng 200 tỷ và sản lượng tăng 571 tỷ.
- D. Tổng cầu giảm 120 tỷ và sản lượng giảm 200 tỷ.

Câu 41. Từ năm 2011, trước nguy cơ bùng nổ khủng hoảng nợ công, chính phủ Hy Lạp đã giảm mạnh biên chế tại các cơ quan công quyền, ban hành sắc thuế thu nhập doanh nghiệp lũy tiến, giảm mạnh trợ cấp cho người già. Những chính sách này sẽ làm cho...

- A. Thu nhập quốc gia (GNI) của Hy Lạp giảm.
- B. Lượng cung tiền ở Hy Lạp giảm mạnh
- C. Đầu tư tư nhân ở Hy Lạp tăng mạnh, lạm pháp tăng.
- D. Sản lượng nội địa của Hy Lạp giảm, thất nghiệp tăng.

Câu 42. Nếu chính phủ tăng chỉ ngân sách, ngân hàng trung ương tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc thì:

- A. Lãi suất tăng
- B. Sản lượng quốc gia tăng
- C. Tỷ lệ thất nghiệp tăng
- D. Lạm pháp tăng

Câu 43. Khi chính phủ tăng chi tiêu cho hàng hóa và dịch vụ 100 tỷ đồng, biết tiêu dùng biên $C_m=0,75$, thuế ròng biên $T_m=0,2$, đầu tư biên $I_m=0,1$, nhập khẩu biên $M_m=0,2$ thì:

- A. Tổng cầu tăng 75, số nhân tổng cầu k tăng 2.
- B. Tổng cầu tăng 75, sản lượng quốc gia tăng 150
- C. Tổng cầu tăng 100 tỷ đồng, sản lượng quốc gia tăng 200 tỷ đồng
- D. Tổng cầu tăng 100, sản lượng quốc gia tăng 200

Câu 44. Nếu ngân hàng trung ương giảm lãi suất chiến khái và bán một lượng chứng khoán giá trị là 1.000 tỷ đồng thì:

- A. Cung tiền tăng, lãi suất giảm
- B. Lượng tiền cơ sở giảm 1.000 tỷ, lãi suất có thể tăng, giảm hoặc không đổi.
- C. Lượng tiền cơ sở tăng 1.000 tỷ, cung tiền có thể tăng, giảm hoặc không đổi
- D. Cung tiền giảm, lãi suất tăng.

Câu 45. Nền kinh tế X có các hàm $D^M = 2.000 - 20i$; $I=100 + 0,2 Y - 10i$; $C=100 + 0,75Yd$; $T = 10 + 0,2Y$; $M = 30 + 0,2Y$. Lượng tiền gửi trong các ngân hàng thương mại là 1.400 tỷ ; lượng tiền dự trữ trong hệ thống ngân hàng là 200 tỷ. Lượng tiền mặt trong lưu thông là

100 tỷ. Sản lượng tiềm năm Yp = 2.500 tỷ. Sản lượng cân bằng là 2.350 tỷ. Để điều tiết nền kinh tế bằng chính sách tiền tệ, ngân hàng trung ương...

- A. Cần tăng chi tiêu chính phủ 150 tỷ
- B. Có thể mua một lượng chứng khoán giá trị là 24 tỷ
- C. Cần tăng cung tiền một lượng là 120 tỷ
- D. B và C đúng

Câu 46. Nếu ngân hàng trung ương tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc thì:

- A. Cung tiền tăng, tổng cầu tăng
- B. Lãi suất thị trường giảm, tổng cầu giảm
- C. Cung tiền giảm, lãi suất tăng**
- D. Số nhân tiền tăng, cung tiền tăng

Câu 47. Khi ngân hàng trung ương yêu cầu các ngân hàng thương mại giảm lãi suất huy động thì...

- A. Lãi suất cho vay sẽ có xu hướng giảm theo
- B. Các doanh nghiệp sẽ khó vay ngân hàng vì các ngân hàng thương mại không thu hút vốn được.
- C. Người dân sẽ chuyển sang đầu tư các bằng hình thức khác
- D. Giá vàng trên thị trường sẽ tăng

Câu 48. Nếu nền kinh tế đang có áp lạm lạm phát tăng cao, nhóm chính sách có khả năng giảm lạm phát tốt nhất trong ngắn hạn là:

- A. Giảm lãi suất chiết khấu đồng thời tăng thuế
- B. Tăng lãi suất chiết khấu đồng thời tăng thuế
- C. Tăng chi tiêu chính phủ đồng thời phát hành trái phiếu chính phủ để tài trợ cho các khoản chi tiêu này
- D. Giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc đồng thời giảm thuế

Câu 49. Giả sử nền kinh tế đang ở mức tiềm năng, nếu ngân hàng trung ương giảm lãi suất chiết khấu, đồng thời chính phủ tăng chi tiêu công cho hàng hóa dịch vụ thì:

- A. Cung tiền tăng, sản lượng tăng
- B. Tổng cầu tăng, mức giá tăng.
- C. Mức giá tăng nhanh, sản lượng tăng chậm.
- D. A và B đúng.

Câu 50. Khi nền kinh tế có dấu hiệu suy giảm kinh tế, để kích thích tăng trưởng kinh tế, chính phủ cần:

- A. Kêu gọi dân chúng tiết kiệm và tăng tiết kiệm trong chi tiêu công.

- B. Thực hiện chính sách mở rộng tiền tệ phối hợp với tăng thuế
- C. Gia tăng chi tiêu đầu tư công phối hợp với giảm chi tiêu dùng công
- D. Phối hợp chính sách mở rộng tài khóa với mở rộng tiền tệ.

Đề thi trắc nghiệm

Kinh tế vĩ mô

240 câu có đáp án

KINH VĨ MÔ

Câu 1 : GDP danh nghĩa năm 1997 là 6000 tỷ . GDP danh nghĩa năm 1998 là 6500 tỷ .

Chỉ số giá năm 1997 là 120. Chỉ số giá năm 1998 là 125 . Tỷ lệ tăng trưởng năm 1998 là
: a. 8,33 %

- b. 4%
- c. 4,5%
- d. 10%

Câu 2 : Khi nền kinh tế đang có lạm phát cao nên:

- a. Giảm lượng cung tiền , tăng lãi suất
- b. Giảm chi ngân sách và tăng thuế
- c. a và b đều đúng
- d. a và b đều sai

Câu 3 : Cho biết tỷ lệ tiền mặt so với tiền gửi ngân hàng là 60% , tỷ lệ dự trữ ngân hàng so với tiền gửi ngân hàng là 20% . Ngân hàng trung ương bán ra 5 tỷ đồng trái phiếu sẽ làm cho khối tiền tệ :

- a. Tăng thêm 5 tỷ đồng

- b. Giảm bớt 5 tỷ đồng
- c. Giảm bớt 10 tỷ đồng
- d. Tăng thêm 10 tỷ đồng

Câu 4 : Sản phẩm trung gian và sản phẩm cuối cùng khác nhau ở :

- a. Mục đích sử dụng
- b. Thời gian tiêu thụ
- c. Độ bền trong quá trình sử dụng
- d. Cả 3 câu đều đúng

Câu 5 : Ngân hàng trung ương có thể làm thay đổi cung nội tệ bằng cách :

- a. Mua hoặc bán trái phiếu chính phủ
- b. Mua hoặc bán ngoại tệ
- c. a và b đều đúng
- d. a và b đều sai

Câu 6 : Thành phần nào sau đây thuộc lực lượng lao động

- a. Học sinh trường trung học chuyên nghiệp
- b. Người nội trợ
- c. Bộ đội xuất ngũ
- d. Sinh viên năm cuối

Câu 7 : Những hoạt động nào sau đây của ngân hàng trung ương sẽ làm tăng cơ sở tiền tệ (tiền mạnh) :

- a. Bán ngoại tệ trên thị trường ngoại hối
- b. Cho các ngân hàng thương mại vay
- c. Hạ tỷ lệ dự trữ bắt buộc với các ngân hàng thương mại
- d. Tăng lãi suất chiết khấu

Câu 8 : Những yếu tố nào sau đây có thể dẫn đến thâm hụt cán cân mậu dịch (cán cân thương mại) của 1 nước :

- a. Đồng nội tệ xuống giá so với ngoại tệ
- b. Sự gia tăng đầu tư trực tiếp nước ngoài
- c. Thu nhập của các nước đối tác mậu dịch chủ yếu tăng
- d. Cả 3 đều sai

Câu 9 : Những yếu tố nào sau đây có ảnh hưởng đến tổng cung dài hạn :

- a. Thu nhập quốc gia tăng
- b. Xuất khẩu tăng
- c. Tiền lương tăng
- d. Đổi mới công nghệ

Câu 10 : Những trường hợp nào sau đây có thể tạo ra áp lực lạm phát :

- a. Cán cân thanh toán thặng dư trong 1 thời gian dài :
- b. Giá của các nguyên liệu nhập khẩu chủ yếu gia tăng nhiều
- c. Một phần lớn các thâm hụt ngân sách được tài trợ bởi ngân hàng trung ương
- d. Cả 3 câu đều đúng

Câu 11 : GDP thực và GDP danh nghĩa của một năm bằng nhau nếu :

- a. Tỷ lệ lạm phát của năm hiện hành bằng tỷ lệ lạm phát của năm trước
- b. Tỷ lệ lạm phát của năm hiện hành bằng tỷ lệ lạm phát của năm gốc
- c. Chỉ số giá của năm hiện hành bằng chỉ số giá của năm trước
- d. Chỉ số giá của năm hiện hành bằng chỉ số giá của năm gốc

Câu 12 : Nếu ngân hàng trung ương giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc và tăng lãi suất chiết khấu thì khối tiền tệ sẽ :

- a. Tăng
- b. Giảm
- c. Không đổi
- d. Không thể kết luận

Câu 13 : Trên đồ thị , trục ngang ghi sản lượng quốc gia , trục đứng ghi mức giá chung , đường tổng cầu , AD dịch chuyển sang phải khi:

- a. Nhập khẩu và xuất khẩu tăng
- b. Chính phủ tăng chi tiêu cho quốc phòng
- c. Chính phủ cắt giảm các khoản trợ cấp và giảm thuế
- d. Cả 3 câu đều đúng

Câu 14: Trên đồ thị trục ngang ghi sản lượng quốc gia , trục đứng ghe mức giá chung, đường tổng cung AS dịch chuyển khi :

- a. Mức giá chung thay đổi
- b. Chính phủ thay đổi các khoản chi ngân sách
- c. Thu nhập quốc gia thay đổi
- d. Công nghệ sản xuất có những thay đổi đáng kể

Câu 15 : Trong cơ chế tỷ giá hối đoái thả nổi hoàn toàn

- a. Dự trữ ngoại tệ của quốc gia thay đổi tùy theo diễn biến trên thị trường ngoại hối
- b. Dự trữ ngoại tệ của quốc gia tăng khi tỷ giá hối đoái giảm
- c. Dự trữ ngoại tệ của quốc gia không thay đổi , bất luận diễn biến trên thị trường ngoại hối
- d. Dự trữ ngoại tệ của quốc gia giảm khi tỷ giá hối đoái tăng

Câu 16 : Nếu tỷ giá hối đoái danh nghĩa không thay đổi đáng kể , tốc độ tăng giá trong nước nhanh hơn giá thế giới , sức cạnh tranh của hàng hóa trong nước sẽ :

- a. Tăng
- b. Giảm

- c. Không thay đổi
- d. Không thể kết luận

Câu 17 : Khi đầu tư nước ngoài vào Việt nam tăng , nếu các yếu khác không đổi , Việt nam sẽ

- a. Thặng dư hoặc giảm thâm hụt cán cân thanh toán
- b. Tăng xuất khẩu ròng
- c. Tăng thu nhập ròng từ tài sản nước ngoài
- d. Cả 3 câu đều đúng

Câu 18 : Nếu các yếu tố khác không đổi , lãi suất tăng thì sản lượng cân bằng sẽ là : a. Tăng

- b. Giảm
- c. Không thay đổi
- d. Không thể thay đổi

Câu 19 : Nền kinh tế đang ở mức toàn dụng . Giả sử lãi suất , giá cả và tỷ giá hối đoái không đổi , nếu chính phủ giảm chi tiêu và giảm thuế một lượng bằng nhau , trạng thái của nền kinh tế sẽ thay đổi :

- a. Từ suy thoái sang lạm phát
- b. Từ suy thoái sang ổn định
- c. Từ ổn định sang lạm phát
- d. Từ ổn định sang suy thoái

Câu 20 : Tác động ngắn hạn của chính sách nói lỏng tiền tệ (mở rộng tiền tệ) trong nền kinh tế mở với cơ chế tỷ giá hối đoái linh hoạt (thả nổi) là :

- a. Sản lượng tăng
- b. Thặng dư hoặc giảm thâm hụt thương mại
- c. Đồng nội tệ giảm giá
- d. Cả 3 câu đều đúng

Câu 21 : Đối với một nước có cán cân thanh toán thâm hụt , việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài góp phần cải thiện cán cân thanh toán nhờ :

- a. Tài khoản vốn thặng dư hoặc giảm thâm hụt
- b. Tài khoản vãng lai thặng dư hoặc giảm thâm hụt
- c. Xuất khẩu ròng thặng dư hoặc giảm thâm hụt
- d. Ngân sách chính phủ thặng dư hoặc giảm thâm hụt

Câu 22 : Một nền kinh tế trong trạng thái toàn dụng nhân công có nghĩa là :

- a. Không còn lạm phát nhưng có thể còn thất nghiệp
- b. Không còn thất nghiệp nhưng có thể còn lạm phát
- c. Không còn thất nghiệp và không còn lạm phát

d. Vẫn còn tỷ lệ lạm phát và tỷ lệ thất nghiệp nhất định

Câu 23 : Trong cơ chế tỷ giá hối đoái cố định , muốn làm triệt tiêu lượng dư cung ngoại tệ , ngân hàng trung ương phải :

- a. Dùng ngoại tệ để mua nội tệ
- b. Dùng nội tệ để mua ngoại tệ
- c. Không can thiệp vào thị trường ngoại hối
- d. Cả 3 câu đều sai

Câu 24 : Tỷ giá hối đoái thay đổi sẽ ảnh hưởng đến :

- a. Cán cân thương mại
- b. Cán cân thanh toán
- c. Sản lượng quốc gia
- d. Cả 3 câu đều đúng

Câu 25 : Theo lý thuyết của Keynes , những chính sách nào sau đây thích hợp nhất nhằm giảm tỷ lệ thất nghiệp

- a. Giảm thuế và gia tăng số mua hàng hóa của chính phủ
- b. Tăng thuế và giảm số mua hàng hóa của chính phủ
- c. Tăng thuế thu nhập và tăng số mua hàng hóa của chính phủ
- d. Phá giá , giảm thuế , và giảm số mua hàng hóa của chính phủ

Câu 26 : GDP danh nghĩa là 4000 tỷ vào năm 1 và 4400 tỷ vào năm 2 . Nếu chọn năm 1 là năm cơ sở (năm gốc) thì :

- a. Chỉ số giá chung là 110
- b. Giá gia tăng bình quân là 10% mỗi năm
- c. GDP thực không đổi
- d. Cả 3 câu đều sai

Câu 27 : Nếu lạm phát thực tế cao hơn lạm phát dự đoán

- a. Người vay tiền sẽ có lợi
- b. Người cho vay sẽ có lợi
- c. Cả người cho vay và người đi vay đều bị thiệt
- d. Cả người cho vay và người đi vay đều có lợi , còn chính phủ bị thiệt **Câu 28 :** Hàm số tiêu dùng : $C = 20 + 0,9Y$ (Y là thu nhập) . Tiết kiệm (S) ở mức thu nhập khả dụng 100 là :

- a. $S = 10$
- b. $S = 0$
- c. $S = -10$
- d. Không thể tính được

Câu 29 : Tác động “ hất ra ” (còn gọi là tác động “lần át”) của chính sách tài chính (chính sách là tài khóa) là do :

- a. Tăng chi tiêu của chính phủ làm giảm lãi suất , dẫn tới tăng đầu tư , làm tăng hiệu lực kích thích tổng cầu
- b. Tăng chi tiêu của chính phủ làm tăng lãi suất , dẫn tới giảm đầu tư , làm giảm hiệu lực kích thích tổng cầu
- c. Giảm chi tiêu của chính phủ làm tăng lãi suất , dẫn tới giảm đầu tư, làm giảm hiệu lực kích thích tổng cầu
- d. Giảm chi tiêu của chính phủ làm giảm lãi suất , dẫn tới tăng đầu tư, làm tăng hiệu lực kích thích tổng cầu

Câu 30 : Một chính sách kiều hối khuyến khích người Việt Nam định cư ở nước ngoài gửi tiền về cho thân nhân trong nước có tác dụng trực tiếp :

- a. Làm tăng GDP của Việt Nam
- b. Làm cho đồng tiền VN giảm giá so với ngoại tệ
- c. Làm tăng dự trữ ngoại tệ của VN
- d. Cả 3 câu đều đúng

Câu 31 : Theo lý thuyết xác định sản lượng (được minh họa bằng đồ thị có đường 45o), nếu tổng chi tiêu theo kế hoạch (tổng cầu dự kiến) lớn hơn GDP thực (hoặc sản lượng) thì :

- a. Các doanh nghiệp sẽ giảm sản lượng để giải phóng잉 dư tồn kho so với mức tồn kho dự kiến
- b. Các doanh nghiệp sẽ tăng hoặc giảm sản lượng tùy theo tình hình tồn kho thực tế ít hơn hay nhiều hơn mức tồn kho dự kiến

c.

Các doanh nghiệp sẽ không thay đổi sản lượng vì tồn kho thực tế đã bằng mức tồn kho dự kiến

d. Các doanh nghiệp sẽ tăng sản lượng để bổ sung tồn kho cho đủ mức tồn kho dự kiến

Câu 32 : Mở rộng tiền tệ (hoặc nói lỏng tiền tệ)

- Là một chính sách do NHTW thực hiện để kích cầu bằng cách giảm thuế , tăng trợ cấp xã hội , hoặc tăng chi tiêu ngân sách
- Là một chính sách do NHTW thực hiện để kích cầu bằng cách tăng lãi suất chiết khấu , tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc , hoặc bán ra chứng khoán nhà nước .
- Là một chính sách do NHTW thực hiện để kích cầu bằng cách hạ lãi suất chiết khấu , giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc , hoặc mua các chứng khoán nhà nước
- Là một chính sách do NHTW thực hiện để kích cầu bằng cách phát hành trái phiếu chính phủ

Câu 33 : Sản lượng tiềm năng (sản lượng toàn dụng) là mức sản lượng :

- Mà tại đó nếu tăng tổng cầu thì lạm phát sẽ tăng nhanh
- Mà tại đó nền kinh tế có tỷ lệ thất nghiệp thấp nhất
- Tối đa của nền kinh tế
- Cả 3 câu đều đúng

Câu 34 : Trong một nền kinh tế giả định đóng cửa và không có chính phủ . Cho biết mối quan hệ giữa tiêu dùng và đầu tư với thu nhập quốc gia như sau :

Thu nhập quốc gia	Tiêu dùng dự kiến	Đầu tư dự kiến
100.000	110.000	20.000
120.000	120.000	20.000
140.000	130.000	20.000
160.000	140.000	20.000
180.000	150.000	20.000

Khuynh hướng tiêu dùng biên (MPC) khuynh hướng tiết kiệm biên (MPS) và thu nhập cân bằng (Y) là :

- $MPC = 0,7 ; MPS = 0,3 ; Y = 120.000$
- $MPC = 7 ; MPS = 3 ; Y = 140.000$
- $MPC = 5 ; MPS = 5 ; Y = 180.000$
- $MPC = 0,5 ; MPS = 0,5 ; Y = 150.000$

Câu 35 : Chính sách tài chính là một công cụ điều hành kinh tế vĩ mô vì :

- Sự thay đổi thuế và chi tiêu ngân sách của chính phủ có tác động đến mức giá , mức GDP và mức nhâm dụng

- c.
- b. Việc đẩy mạnh cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước và phát hành cổ phiếu là cần thiết để tăng trưởng kinh tế
 - c. Sự thay đổi lãi suất tín phiếu kho bạc có tác động đến mức huy động vốn tài trợ cho bộ chi ngân sách của chính phủ
 - d. Việc điều chỉnh lượng phát hành tín phiếu kho bạc và công trái quốc gia có vai trò quan trọng trong việc ổn định kinh tế

Câu 36 : Tính theo chi tiêu (Tính theo luồng sản phẩm) thì GDP là tổng cộng của :

- a. Tiêu dùng , đầu tư , chi tiêu của chính phủ để mua sản phẩm và dịch vụ, xuất khẩu ròng
 - b. Tiêu dùng , đầu tư , chi tiêu của chính phủ để mua sản phẩm và dịch vụ , xuất khẩu
- Tiêu dùng , đầu tư , chi chuyển nhượng của chính phủ , xuất khẩu ròng
- d. Tiêu dùng , đầu tư , chi chuyển nhượng của chính phủ , xuất khẩu

Câu 37 : Tính theo thu nhập (tính theo luồng thu nhập) thì GDP là tổng cộng của :

- a. Tiền lương , tiền lãi , tiền thuế , lợi nhuận
- b. Tiền lương trợ cấp của chính phủ , tiền lãi , lợi nhuận
- c. Tiền lương , trợ cấp của chính phủ , tiền thuế , lợi nhuận
- d. Tiền lương , trợ cấp của chính phủ , tiền lãi , tiền thuế

Dùng các dữ liệu sau đây để trả lời các câu 38,39,40 :

Trong một nền kinh tế giả định giá cả ,lãi suất , và tỷ giá hối đoái không đổi , Trong năm 19... ,cho biết hàm số tiêu dùng $C = 0,75 Y_d + 400$ (Y_d là thu nhập khả dụng) ; hàm số thuế $T_x = 0,2Y + 400$ (Y là thu nhập hoặc GDP) ; hàm số nhập khẩu $M = 0,1Y + 400$; chi chuyển nhượng (dự kiến) của chính phủ $T_r = 200$; chi tiêu của chính phủ để mua sản phẩm dịch vụ (dự kiến) $G = 1000$; đầu tư (dự kiến) $I = 750$; xuất khẩu (dự kiến) $X = 400$

Câu 38 : Thu nhập cân bằng của nền kinh tế này là :

- a. 2000
- b. 3000
- c. 4000
- d. 5000

c.

Câu 39 : Số nhân chi tiêu dự định (số nhân tổng cầu) của nền kinh tế này là : a.

- 1
- b. 2
- c. 3
- d. 4

Câu 40 : Nếu chính phủ giảm thuế 100 , thu nhập cân bằng sẽ tăng thêm :

- a. 100
- b. 150
- c. 200
- d. 250

ĐỀ SÓ 2 :

Câu 41 : Đường LM dịch chuyển khi các yếu tố sau thay đổi

- a. Thuế
- b. Cung tiền
- Lãi suất
- d. Yếu tố khác

Câu 42 : Nếu chính phủ tăng chi tiêu đầu tư vào các công trình công cộng bằng toàn bộ nguồn tiền bán trái phiếu của chính phủ trên thị trường : Kết quả là

- a. Sản lượng và lãi suất đều tăng
- b. Sản lượng tăng , lãi suất không đổi
- c. Sản lượng giảm , lãi suất giảm
- d. Sản lượng giảm , lãi suất tăng

Câu 43 : Ý nghĩa thành lập đường IS là phản ảnh sự tác động của :

- a. Lãi suất vào mức sản lượng cân bằng trên thị trường tiền tệ
- b. Lãi suất vào mức sản lượng cân bằng trên thị trường hàng hóa
- c. Sản lượng vào mức lãi suất cân bằng thị trường tiền tệ
- d. Sản lượng vào mức lãi suất cân bằng trên thị trường hàng hóa

Câu 44 : Ý nghĩa thành lập đường LM là để phản ảnh sự tác động của :

- a. Lãi suất vào mức sản lượng cân bằng trên thị trường tiền tệ
- b. Lãi suất vào mức sản lượng cân bằng trên thị trường hàng hóa
- c. Sản lượng vào mức lãi suất cân bằng thị trường tiền tệ
- d. Sản lượng vào mức lãi suất cân bằng trên thị trường hàng hóa

c.

Câu 45 : Để thực hiện kích cầu , chính sách nào sau đây hiệu quả nhất :

- Chính phủ tăng chi , giảm thu , NHTW tăng dự trữ bắt buộc đối với HTM
- Chính phủ tăng chi , giảm thu , NHTW mua chứng khoán chính phủ trên thị trường mở
- Chính phủ tăng chi , giảm thu , NHTW giảm lãi suất chiết khấu đối với NHTM
- Chính phủ tăng chi , giảm thi , NHTW bán chứng khoán chính phủ trên thị trường mở

* **Giả thiết sau cho câu 6 và câu 7**

Kinh tế đồng , giả sử giá cả , lãi suất , tỷ giá hối đoái không đổi , ta có các hàm dự kiến sau :

$$C = 200 + 0,8Yd \quad I = 150 - 40i$$

$$G = 700 \quad T = 100 + 0,2Y$$

$$S^M = 1500 \quad D^M = 800 + 0,3Y - 35i$$

Câu 46 : Phương trình đường I và LM sẽ là :

a. IS : $i = -20 + 0,0086Y$

LM : $Y = 2695 - 111i$ b. IS : $Y = 2695 - 111i$

LM : $i = -20 + 0,0086Y$

c. IS : $i = 300 - 0,32Y$
LM : $Y = 29 + 120i$

d. Số khác

Câu 47 : Thị trường hàng hóa và tiền tệ sẽ cân bằng tại mức sản lượng và lãi suất

- $Y = 2514$ tỷ và $i = 1,62\%$
- $Y = 914$ tỷ và $i = 7,37\%$
- $Y = 243$ tỷ và $i = 2,2\%$
- Số khác

Câu 48 : Trong điều kiện giả định các yếu tố không đổi , một sự cắt giảm chi tiêu hàng hóa và dịch vụ của chính phủ sẽ :

- a. Dịch chuyển đường IS sang phải
- b. Dịch chuyển đường IS sang trái
- c. Dịch chuyển đường IS sang trái và đường LM sang phải
- d. Dịch chuyển đường LM sang trái và đường IS sang phải **Câu 49** : Khi NHTW tăng lượng cung tiền và chính phủ tăng thuế :
 - a. Sản lượng tăng , lãi suất giảm , đầu tư tư nhân tăng
 - b. Sản lượng tăng , lãi suất tăng , đầu tư ngân hàng giảm
 - c. Sản lượng giảm , lãi suất tăng , đầu tư tư nhân giảm
 - d. Sản lượng giảm , lãi suất giảm , đầu tư tư nhân giảm

Câu 50 : Khi NHTW tăng lượng cung tiền và chính phủ tăng chi tiêu :

- a. Sản lượng tăng , lãi suất có thể giảm , hoặc tăng hoặc không đổi
- b. Sản lượng có thể giảm , hoặc tăng hoặc không đổi , lãi suất tăng , đầu tư tư nhân giảm
- c. Sản lượng tăng , lãi suất tăng , đầu tư tư nhân giảm vì chính sách tài khóa luôn tác động mạnh hơn chính sách tiền tệ
- d. Không thể kết luận

Câu 51 : Điểm cân bằng chung cho một hệ thống kinh tế đòi hỏi :

- a. Sự cân bằng trên thị trường tiền tệ , nhưng tổng cầu cung phải vượt quá để khỏi thiếu hụt hàng hóa
- b. Tổng thu nhập phải bằng với tổng chi tiêu , nhưng cầu tiền phải vượt qua để tránh lạm phát
- c. Sự cân bằng độc lập của cả hai thị trường : thị trường tiền tệ và thị trường hàng hóa – dịch vụ
- d. Sự cân bằng đồng thời có ở cả hai thị trường : thị trường tiền tệ và thị trường hàng hóa – dịch vụ

Câu 52: Khi nền kinh tế nằm phía bên trái của đường IS và trên đường LM , để đạt sự cân bằng chung :

- a. Sản lượng sẽ tăng và lãi suất giảm
- b. Sản lượng sẽ tăng và lãi suất tăng
- c. Sản lượng sẽ giảm và lãi suất giảm
- d. Sản lượng sẽ giảm và lãi suất tăng

Câu 53 : Giả sử do dự kiến về tương lai tốt đẹp nên tiêu dùng của dân chúng gia tăng khi đó :

- a. IS dịch sang phải , sản lượng tăng , lãi suất tăng
 - b. IS dịch sang trái , sản lượng giảm , lãi suất giảm
 - c. LM dịch sang phải , sản lượng tăng , lãi suất giảm
 - d. LM dịch sang trái , sản lượng giảm , lãi suất tăng **Câu 54** : Khi nền kinh tế nằm phía phải của đường LM :
- a. Thị trường hàng hóa có cầu vượt quá , thị trường tiền tệ có cung vượt quá
 - b. Thị trường hàng hóa và thị trường tiền tệ đều có cầu vượt quá
 - c. Thị trường hàng hóa có cung vượt quá , thị trường tiền tệ có cầu vượt quá

d. Thị trường hàng hóa và thị trường tiền tệ đều có cung vượt quá **Câu 55** : Trên đường LM :

- a. Sản lượng luôn cân bằng , lãi suất có thể cân bằng , có thể không
- b. Lãi suất luôn cân bằng , sản lượng có thể cân bằng , có thể không
- c. Sản lượng cân bằng và lãi suất cân bằng
- d. Sản lượng và lãi suất đều không cân bằng

Câu 56 : Điểm cân bằng trong mô hình IS – LM thể hiện :

- a. Tổng thu nhập bằng với tổng chi
- b. Cung tiền và cầu tiền bằng nhau
- c. a hoặc b
- d. a và b

Câu 57 : Đường IS dốc xuống thể hiện :

- a. Mỗi quan hệ nghịch biến giữa lãi suất và sản lượng cân bằng
- b. Mỗi quan hệ nghịch biến giữa sản lượng và lãi suất cân bằng
- c. Mỗi quan hệ nghịch biến giữa sản lượng và lãi suất
- d. Mỗi quan hệ nghịch biến giữa sản lượng cân bằng và lãi suất cân bằng

Câu 58 : Đường LM dốc lên thể hiện

- a. Khi sản lượng tăng thì lãi suất tăng
- b. Khi lãi suất tăng thì sản lượng tăng
- c. Khi sản lượng tăng thì lãi suất cân bằng tăng
- d. Khi lãi suất tăng thì sản lượng cân bằng tăng

Câu 59 : Trong mô hình IS – LM , khi chính phủ tăng chi tiêu đầu tư và NHTW tăng lãi suất chiết khấu

- a. Lãi suất tăng , sản lượng giảm
- b. Lãi suất giảm , sản lượng tăng
- c. Sản lượng tăng , lãi suất không thể xác định rõ vì còn tùy
- d. Lãi suất tăng , sản lượng không thể xác định rõ vì còn tùy **Câu 60** : Nghịch lý của tiết kiệm không còn đúng khi :
 - a. Tăng tiết kiệm và dùng tiền đó để tăng đầu tư
 - b. Tăng tiết kiệm và dùng tiền đó để mua công trái
 - c. Tăng tiết kiệm và dùng tiền đó để gửi ngân hàng
 - d. Tất cả các câu trên đều đúng

Câu 61 : Số nhân tổng cầu là một hệ số

- a. Phản ánh sự thay đổi của sản lượng khi tổng cầu thay đổi một đơn vị
- b. Phản ánh sự thay đổi của sản lượng khi tổng cầu thay đổi lượng ban đầu một đơn vị
- c. Phản ánh sự thay đổi của tổng cầu khi sản lượng thay đổi một đơn vị
- d. Tất cả các câu đều sai

Câu 62 : Tại điểm cân bằng sản lượng

- a. Giá trị hàng tồn kho bằng 0
- b. Giá trị hàng tồn kho ngoài dự kiến bằng 0

- c. Tổng cung bằng tổng cầu tại sản lượng tiềm năng
- d. Sản lượng bằng chi tiêu thực tế cầu dân chúng

Câu 63 : Nếu sản lượng thực tế thấp hơn sản lượng cân bằng những việc ngoài dự kiến nào có thể xảy ra.

- a. Sản lượng thực tế thấp hơn chi tiêu dự kiến
- b. Hàng tồn khi ngoài dự kiến là số âm
- c. Sản lượng thực tế sẽ tăng dần
- d. Các câu trên đều đúng

Câu 64 : Trong mô hình số nhân, nếu mọi người gia tăng tiết kiệm thì

- a. Sản lượng tăng
- b. Sản lượng giảm
- c. Sản lượng không đổi
- d. Các khả năng có thể xảy ra

Câu 65 : Khuynh hướng tiêu dùng biên là :

- a. Phần thu nhập khả dụng tăng thêm khi sản lượng tăng thêm 1 đơn vị
- b. Phần tiêu dùng giảm khi thu nhập khả dụng giảm 1 đơn vị
- c. Phần tiêu dùng tăng khi thu nhập khả dụng tăng 1 đơn vị
- d. Câu b và c đúng

Câu 66 : Tiết kiệm là

- a. Phần còn lại của thu nhập sau khi tiêu dùng
- b. Phần còn lại của thu nhập khả dụng sau khi tiêu dùng
- c. Phần tiền hộ gia đình gửi vào ngân hàng
- d. Các câu trên đều đúng

Câu 67 : Nếu lãi suất tăng thì sản lượng cân bằng trên thị trường hàng hóa sẽ :

- a. Tăng
- b. Giảm
- c. Không thay đổi
- d. Không thể tiết kiệm

Câu 68 : Tiêu dùng của các hộ gia đình phụ thuộc chủ yếu vào :

- a. Thu nhập khả dụng
- b. Thu nhập dự tính
- c. Lãi suất
- d. Các câu trên đều đúng

Câu 69 : Khi tiêu dùng biên thép thu nhập khả dụng là 0,6 nghĩa là :

- a. Khi thu nhập khả dụng tăng (giảm) 1 đồng thì tiêu dùng sẽ tăng (giảm) 0,6 đồng
- b. Khi thu nhập khả dụng tăng (giảm) 1 đồng thì tiêu dùng sẽ giảm (tăng) 0,6 đồng
- c. Khi thu nhập tăng (giảm) 0,6 đồng thì thu nhập khả dụng sẽ tăng (giảm) 1 đồng
- d. Các câu trên đều sai

Câu 70 : Chính phủ tăng trợ cấp xã hội 8 tỷ đồng, biết thuế biên theo thu nhập là 0,2 tiêu dùng biên theo thu nhập khả dụng 0,9 đầu tư là hàng số. Hỏi lượng trợ cấp đó đã làm cho : “thâm hụt ngân sách” thay đổi như thế nào ?

- a. Tăng 8 tỷ
- b. Giảm 8 tỷ
- c. Tăng 1,6 tỷ
- d. Không thể kết luận

Câu 71 : Khoản chi nào sau đây không phải là chi chuyển nhượng ?

- a. Tiền lãi mà chính phủ chi trả cho trái phiếu chính phủ đến hạn
- b. Chi mua vũ khí, đạn dược
- c. Tiền cho học bổng cho sinh viên, học sinh giỏi
- d. Câu a và câu b đúng

Câu 72 : Ngân sách chính phủ thặng dư khi :

- a. Thuế lớn hơn chi tiêu của chính phủ cho hàng hóa và dịch vụ
- b. Thuế nhỏ hơn chi tiêu của chính phủ
- c. Tổng thu ngân sách nhỏ hơn tổng chi ngân sách
- d. Tổng thu ngân sách lớn hơn tổng chi ngân sách

Câu 73: Xuất phát từ điểm cân bằng gia tăng xuất khẩu sẽ :

- a. Dẫn đến cân bằng thương mại
- b. Tạo ra tiết kiệm để đầu tư trong nước
- c. Tạo ra đầu tư để thực hiện tiết kiệm
- d. Dẫn đến sự cân bằng sản lượng

Câu 74 : Khi nền kinh tế có mức sản lượng thực tế Y_t thấp hơn sản lượng tiềm năng Y_p , để điều tiết nền kinh tế, chính phủ nên :

- a. Tăng chi ngân sách và tăng thuế
- b. Tăng chi ngân sách và giảm thuế
- c. Giảm chi ngân sách và tăng thuế
- d. Giảm chi ngân sách và giảm thuế

Câu 75 : Những nhân tố ổn định tự động của nền kinh tế là :

- a. Tỷ giá hối đoái
- b. Lãi suất và sản lượng cung ứng
- c. Thuế thu nhập lũy tiến và trợ cấp thất nghiệp
- d. Thuế thu nhập và trợ cấp

Câu 76 : Điểm khác nhau giữa số nhân của thuế và số nhân trợ cấp là :

- a. Số nhân của thuế luôn luôn nhỏ hơn số nhân của trợ cấp
- b. Số nhân của thuế thì âm, số nhân của trợ cấp thì dương
- c. Số nhân của thuế thì dương, số nhân của trợ cấp thì âm
- d. Không có câu nào đúng

Câu 77 : Nếu cán cân thương mại thặng dư, khi đó :

- a. Giá trị hàng hóa nhập khẩu lớn hơn xuất khẩu
- b. Giá trị hàng hóa xuất khẩu lớn hơn nhập khẩu
- c. Giá trị hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu thay đổi
- d. Giá trị hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu bằng nhau và thay đổi như nhau

Câu 78 : Cắt giảm các khoản chi ngân sách của chính phủ là 1 trong những biện pháp để

- a. Giảm tỷ lệ thấp nghiệp
- b. Hạn chế lạm phát
- c. Tăng đầu tư cho giáo dục
- d. Giảm thuế

Câu 79 : Chính sách tài khóa là 1 công cụ điều hành kinh tế vĩ mô vì :

- a. Việc điều chỉnh lượng phát hành tín phiếu kho bạc và lãi suất có vai trò quan trọng trong việc ổn định kinh tế
- b. Sự thay đổi lượng cung tiền sẽ tác động đến lãi suất, đầu tư và mức dân dụng
- c. Sự thay đổi thuế và chi tiêu ngân sách của chính phủ có tác động đến mức giá, mức sản lượng và mức nhân dụng
- d. Sự thay đổi lãi suất tín phiếu kho bạc có tác động đến mức huy động vốn tài trợ cho bội chi ngân sách của chính phủ

Câu 80 : Nếu tỷ giá hối đoái thực tế cao hơn tỷ giá hối đoái danh nghĩa có nghĩa là :

- a. Nội tệ được đánh giá quá cao, sức cạnh tranh của hàng hóa trong nước trên thị trường thế giới cao
- b. Nội tệ được đánh quá cao, sức cạnh tranh của hàng hóa trong nước trên thị trường thế giới thấp
- c. Nội tệ được đánh giá thấp, sức cạnh tranh của hàng hóa trong nước cao
- d. Nội tệ được đánh giá thấp, sức cạnh tranh của hàng hóa trong nước thấp

Câu 81 : Tình trạng khó khăn hiện nay trong việc thỏa mãn nhu cầu của cải vật chất cho xã hội chứng tỏ rằng

- a. Có sự giới hạn của cải để đạt được mục đích là thỏa mãn những nhu cầu có giới hạn của xã hội
- b. Do nguồn tài nguyên khan hiếm không thể thỏa mãn toàn bộ nhu cầu của xã hội
- c. Có sự lựa chọn không quan trọng trong kinh tế học
- d. Không có nhu cầu nào đúng

Câu 82 : Yếu tố nào sau đây ảnh hưởng đến tổng cung ngắn hạn

- a. Nguồn nhân lực
- b. Công nghệ
- c. Tiền lương danh nghĩa
- d. Phát hiện các loại tài nguyên mới

Câu 83 : Các nhà kinh tế phải tính cả GDP theo yếu tố sản xuất là để tránh GDP theo giá thị trường giả tạo do :

- a. Giá tăng
- b. Thuế tăng
- c. Chi phí tăng
- d. Sản lượng tăng

Câu 84 : Dùng tỷ lệ tăng của GDP thực để phản ánh tăng trưởng kinh tế vì :

- a. Đã loại được yếu tố lạm phát qua các năm
- b. Tính theo sản lượng của năm hiện hành

- c. Tính theo giá hiện hành
- d. Các câu trên đều sai

Câu 85 : Để thực hiện kích cầu , chính sách nào sau đây hiệu quả nhất :

- a. Chính phủ tăng chi , giảm thu , NHTW tăng dự trữ bắt buộc đối với HTM
- b. Chính phủ tăng chi , giảm thu , NHTW mua chứng khoán chính phủ trên thị trường mở
- c. Chính phủ tăng chi , giảm thu , NHTW giảm lãi suất chiết khấu đối với NHTM
- d. Chính phủ tăng chi , giảm thi , NHTW bán chứng khoán chính phủ trên thị trường mở

Câu 86 : Trong cơ chế tỷ giá hối đoái thả nổi hoàn toàn

- a. Dự trữ ngoại tệ của quốc gia thay đổi tùy theo diễn biến trên thị trường ngoại hối
- b. Dự trữ ngoại tệ của quốc gia tăng khi tỷ giá hối đoái giảm
- c. Dự trữ ngoại tệ của quốc gia không thay đổi , bất luận diễn biến trên thị trường ngoại hối
- d. Dự trữ ngoại tệ của quốc gia giảm khi tỷ giá hối đoái tăng

Câu 87 : Nếu tỷ giá hối đoái danh nghĩa không thay đổi đáng kể , tốc độ tăng giá trong nước nhanh hơn giá thế giới , sức cạnh tranh của hàng hóa trong nước sẽ :

- a. Tăng
- b. Giảm
- c. Không thay đổi
- d. Không thể kết luận

Câu 88 : Trong điều kiện giả định các yếu tố không đổi , một sự cắt giảm chi tiêu hàng hóa và dịch vụ của chính phủ sẽ :

- a. Dịch chuyển đường IS sang phải
 - b. Dịch chuyển đường IS sang trái
 - c. Dịch chuyển đường IS sang trái và đường LM sang phải
 - d. Dịch chuyển đường LM sang trái và đường IS sang phải
- Câu 89 :** Khi NHTW tăng lượng cung tiền và chính phủ tăng thuế :
- a. Sản lượng tăng , lãi suất giảm , đầu tư tư nhân tăng
 - b. Sản lượng tăng , lãi suất tăng , đầu tư ngân hàng giảm
 - c. Sản lượng giảm , lãi suất tăng , đầu tư tư nhân giảm
 - d. Sản lượng giảm , lãi suất giảm , đầu tư tư nhân giảm

Câu 90 : Khi NHTW tăng lượng cung tiền và chính phủ tăng chi tiêu :

- a. Sản lượng tăng , lãi suất có thể giảm , hoặc tăng hoặc không đổi
- b. Sản lượng có thể giảm , hoặc tăng hoặc không đổi , lãi suất tăng , đầu tư tư nhân giảm
- c. Sản lượng tăng , lãi suất tăng , đầu tư tư nhân giảm vì chính sách tài khóa luôn tác động mạnh hơn chính sách tiền tệ
- d. Không thể kết luận

Câu 91 : Điểm cân bằng chung cho một hệ thống kinh tế đòi hỏi :

- a. Sự cân bằng trên thị trường tiền tệ , nhưng tổng cầu cung phải vượt quá để khỏi thiếu hụt hàng hóa
- b. Tổng thu nhập phải bằng với tổng chi tiêu , nhưng cầu tiền phải vượt qua để tránh lạm phát
- c. Sự cân bằng độc lập của cả hai thị trường : thị trường tiền tệ và thị trường hàng hóa – dịch vụ
- d. Sự cân bằng đồng thời có ở cả hai thị trường : thị trường tiền tệ và thị trường hàng hóa – dịch vụ

Câu 92: Khi nền kinh tế nằm phía bên trái của đường IS và trên đường LM , để đạt sự cân bằng chung :

- a. Sản lượng sẽ tăng và lãi suất giảm
- b. Sản lượng sẽ tăng và lãi suất tăng
- c. Sản lượng sẽ giảm và lãi suất giảm
- d. Sản lượng sẽ giảm và lãi suất tăng

Câu 93 : Giả sử do dự kiến về tương lai tốt đẹp nên tiêu dùng của dân chúng gia tăng khi đó :

- a. IS dịch sang phải , sản lượng tăng , lãi suất tăng
- b. IS dịch sang trái , sản lượng giảm , lãi suất giảm
- c. LM dịch sang phải , sản lượng tăng , lãi suất giảm
- d. LM dịch sang trái , sản lượng giảm , lãi suất tăng

Câu 94 : Khi nền kinh tế nằm phía phải của đường LM :

- a. Thị trường hàng hóa có cầu vượt quá , thị trường tiền tệ có cung vượt quá
- b. Thị trường hàng hóa và thị trường tiền tệ đều có cầu vượt quá
- c. Thị trường hàng hóa có cung vượt quá , thị trường tiền tệ có cầu vượt quá
- d. Thị trường hàng hóa và thị trường tiền tệ đều có cung vượt quá

Câu 95 : Trên đường LM :

- a. Sản lượng luôn cân bằng , lãi suất có thể cân bằng , có thể không
- b. Lãi suất luôn cân bằng , sản lượng có thể cân bằng , có thể không
- c. Sản lượng cân bằng và lãi suất cân bằng
- d. Sản lượng và lãi suất đều không cân bằng

Câu 96 : Điểm cân bằng trong mô hình IS – LM thể hiện :

- a. Tổng thu nhập bằng với tổng chi
- b. Cung tiền và cầu tiền bằng nhau
- c. a hoặc b
- d. a và b

Câu 97 : Đường IS dốc xuống thể hiện :

- a. Mỗi quan hệ nghịch biến giữa lãi suất và sản lượng cân bằng
- b. Mỗi quan hệ nghịch biến giữa sản lượng và lãi suất cân bằng
- c. Mỗi quan hệ nghịch biến giữa sản lượng và lãi suất
- d. Mỗi quan hệ nghịch biến giữa sản lượng cân bằng và lãi suất cân bằng

Câu 98 : Đường LM dốc lên thể hiện

- a. Khi sản lượng tăng thì lãi suất tăng

- b. Khi lãi suất tăng thì sản lượng tăng
- c. Khi sản lượng tăng thì lãi suất cân bằng tăng
- d. Khi lãi suất tăng thì sản lượng cân bằng tăng

Câu 99 : Trong mô hình IS – LM , khi chính phủ tăng chi tiêu đầu tư và NHTW tăng lãi suất chiết khấu

- a. Lãi suất tăng , sản lượng giảm
 - b. Lãi suất giảm , sản lượng tăng
 - c. Sản lượng tăng , lãi suất không thể xác định rõ vì còn tùy
 - d. Lãi suất tăng , sản lượng không thể xác định rõ vì còn tùy
- Câu 100 :** Nghịch lý của tiết kiệm không còn đúng khi :
- a. Tăng tiết kiệm và dùng tiền đó để tăng đầu tư
 - b. Tăng tiết kiệm và dùng tiền đó để mua công trái
 - c. Tăng tiết kiệm và dùng tiền đó để gửi ngân hàng
 - d. Tất cả các câu trên đều đúng

Câu 101 : Số nhân tổng cầu là một hệ số

- a. Phản ánh sự thay đổi của sản lượng khi tổng cầu thay đổi một đơn vị
- b. Phản ánh sự thay đổi của sản lượng khi tổng cầu thay đổi lượng ban đầu một đơn vị
- c. Phản ánh sự thay đổi của tòng cầu khi sản lượng thay đổi một đơn vị
- d. Tất cả các câu đều sai

Câu 102 : Tại điểm cân bằng sản lượng

- a. Giá trị hàng tồn kho bằng 0
- b. Giá trị hàng tồn kho ngoài dự kiến bằng 0
- c. Tổng cung bằng tổng cầu tại sản lượng tiềm năng
- d. Sản lượng bằng chi tiêu thực tế cầu dân chúng

Câu 103 : Nếu sản lượng thực tế thấp hơn sản lượng cân bằng những việc ngoài dự kiến nào có thể xảy ra.

- a. Sản lượng thực tế thấp hơn chi tiêu dự kiến
- b. Hàng tồn khi ngoài dự kiến là số âm
- c. Sản lượng thực tế sẽ tăng dần
- d. Các câu trên đều đúng

Câu 104 : Trong mô hình số nhân , nếu mọi người gia tăng tiết kiệm thì

- a. Sản lượng tăng
- b. Sản lượng giảm
- c. Sản lượng không đổi
- d. Các khả năng có thể xảy ra

Câu 105 : Khuynh hướng tiêu dùng biên là :

- a. Phần thu nhập khả dụng tăng thêm khi sản lượng tăng thêm 1 đơn vị
- b. Phần tiêu dùng giảm khi thu nhập khả dụng giảm 1 đơn vị
- c. Phần tiêu dùng tăng khi thu nhập khả dụng tăng 1 đơn vị
- d. Câu b và c đúng

Câu 106 : Tiết kiệm là

- a. Phần còn lại của thu nhập sau khi tiêu dùng
- b. Phần còn lại của thu nhập khả dụng sau khi tiêu dùng
- c. Phần tiền hộ gia đình gửi vào ngân hàng
- d. Các câu trên đều đúng

Câu 107 : Nếu lãi suất tăng thì sản lượng cân bằng trên thị trường hàng hóa sẽ :

- a. Tăng
- b. Giảm
- c. Không thay đổi
- d. Không thể tiết kiệm

Câu 108 : Tiêu dùng của các hộ gia đình phụ thuộc chủ yếu vào :

- a. Thu nhập khả dụng
- b. Thu nhập dự tính
- c. Lãi suất
- d. Các câu trên đều đúng

Câu 109 : Khi tiêu dùng biên theo thu nhập khả dụng là 0,6 nghĩa là :

- a. Khi thu nhập khả dụng tăng (giảm) 1 đồng thì tiêu dùng sẽ tăng (giảm) 0,6 đồng
- b. Khi thu nhập khả dụng tăng (giảm) 1 đồng thì tiêu dùng sẽ giảm (tăng) 0,6 đồng
- c. Khi thu nhập tăng (giảm) 0,6 đồng thi thu nhập khả dụng sẽ tăng (giảm) 1 đồng
- d. Các câu trên đều sai

Câu 110 : Chính phủ tăng trợ cấp xã hội 8 tỷ đồng , biết thuế biên theo thu nhập là 0,2 tiêu dùng biên theo thu nhập khả dụng 0,9 đầu tư là hằng số . Hỏi lượng trợ cấp đó đã làm cho : thâm hụt ngân sách” thay đổi như thế nào ?

- a. Tăng 8 tỷ
- b. Giảm 8 tỷ
- c. Tăng 1,6 tỷ
- d. Không thể kết luận

Câu 111 : Khoản chi nào sau đây không phải là chi chuyên nhượng ?

- a. Tiền lãi mà chính phủ chi trả cho trái phiếu chính phủ đến hạn
- b. Chi mua vũ khí , đạn dược
- c. Tiền cho học bổng cho sinh viên , học sinh giỏi
- d. Câu a và câu b đúng

Câu 112 : Ngân sách chính phủ thặng dư khi :

- a. Thuế lớn hơn chi tiêu của chính phủ cho hàng hóa và dịch vụ
- b. Thuế nhỏ hơn chi tiêu của chính phủ
- c. Tổng thu ngân sách nhỏ hơn tổng chi ngân sách
- d. Tổng thu ngân sách lớn hơn tổng chi ngân sách

Câu 113: Xuất phát từ điểm cân bằng gia tăng xuất khẩu sẽ :

- a. Dẫn đến cân bằng thương mại
- b. Tạo ra tiết kiệm để đầu tư trong nước

- c. Tạo ra đầu tư để thực hiện tiết kiệm
- d. Dẫn đến sự cân bằng sản lượng

Câu 114 : Khi nền kinh tế có mức sản lượng thực tế Y_t thấp hơn sản lượng tiềm năng Y_p , để điều tiết nền kinh tế, chính phủ nên :

- a. Tăng chi ngân sách và tăng thuế
- b. Tăng chi ngân sách và giảm thuế
- c. Giảm chi ngân sách và tăng thuế
- d. Giảm chi ngân sách và giảm thuế

Câu 115 : Những nhân tố ổn định tự động của nền kinh tế là :

- a. Tỷ giá hối đoái
- b. Lãi suất và sản lượng cung ứng
- c. Thuế thu nhập lũy tiến và trợ cấp thất nghiệp
- d. Thuế thu nhập và trợ cấp

Câu 116 : Điểm khác nhau giữa số nhân của thuế và số nhân trợ cấp là :

- a. Số nhân của thuế luôn luôn nhỏ hơn số nhân của trợ cấp
- b. Số nhân của thuế thì âm, số nhân của trợ cấp thì dương
- c. Số nhân của thuế thì dương, số nhân của trợ cấp thì âm
- d. Không có câu nào đúng

Câu 117 : Nếu cán cân thương mại thặng dư, khi đó :

- a. Giá trị hàng hóa nhập khẩu lớn hơn xuất khẩu
- b. Giá trị hàng hóa xuất khẩu lớn hơn nhập khẩu
- c. Giá trị hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu thay đổi
- d. Giá trị hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu bằng nhau và thay đổi như nhau

Câu 118 : Cắt giảm các khoản chi ngân sách của chính phủ là 1 trong những biện pháp để :

- a. Giảm tỷ lệ thấp nghiệp
- b. Hạn chế lạm phát
- c. Tăng đầu tư cho giáo dục
- d. Giảm thuế

Câu 119 : Chính sách tài khóa là 1 công cụ điều hành kinh tế vĩ mô vì :

- a. Việc điều chỉnh lượng phát hành tín phiếu kho bạc và lãi suất có vai trò quan trọng trong việc ổn định kinh tế
- b. Sự thay đổi lượng cung tiền sẽ tác động đến lãi suất, đầu tư và mức dân dụng
- c. Sự thay đổi thuế và chi tiêu ngân sách của chính phủ có tác động đến mức giá, mức sản lượng và mức nhân dụng
- d. Sự thay đổi lãi suất tín phiếu kho bạc có tác động đến mức huy động vốn tài trợ cho bộ chi ngân sách của chính phủ

Câu 120 : Nếu tỷ giá hối đoái thực tế cao hơn tỷ giá hối đoái danh nghĩa có nghĩa là :

- a. Nội tệ được đánh giá quá cao, sức cạnh tranh của hàng hóa trong nước trên thị trường thế giới cao
- b. Nội tệ được đánh quá cao, sức cạnh tranh của hàng hóa trong nước trên thị trường thế giới thấp

- c. Nội tệ được đánh giá thấp , sức cạnh tranh của hàng hóa trong nước cao
- d. Nội tệ được đánh giá thấp , sức cạnh tranh của hàng hóa trong nước thấp

Câu 121 : Định nghĩa truyền thống của kinh tế học là :

- a. Vấn đề hiệu quả rất được quan tâm
- b. Tiêu thụ là vấn đề đầu tiên của hoạt động kinh tế
- c. Những nhu cầu không thể thỏa mãn đầy đủ
- d. Tất cả các câu trên đều đúng

Câu 122 : Sản lượng tiềm năng là mức sản lượng

- a. Tương ứng với tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên
- b. Cao nhất của một quốc gia mà không đưa nền kinh tế vào tình trạng lạm phát cao
- c. Cao nhất của một quốc gia đạt được
- d. Câu (a) và (b) đúng

Câu 123 : GDP thực và GDP danh nghĩa của năm hiện hành bằng nhau nếu

- a. Tỷ lệ lạm phát năm hiện hành bằng tỷ lệ lạm phát của năm trước
 - b. Chỉ số giá năm hiện hành bằng chỉ số giá năm trước
 - c. Tỷ lệ lạm phát năm hiện hành bằng tỷ lệ năm gốc
 - d. Chỉ số giá năm hiện hành bằng chỉ số giá năm gốc
- Câu 124 :** Thu nhập ròng từ nước ngoài là hiệu số giữa :
- a. Xuất khẩu và nhập khẩu
 - b. Thu nhập của người nước ngoài trừ thu nhập của người trong nước
 - c. Thu nhập từ các yếu tố sản xuất đầu tư ở nước ngoài trừ thu nhập từ các yếu tố sản xuất của người nước ngoài đầu tư ở trong nước
 - d. a và c đúng

Câu 125 : Nếu chính phủ tăng chi tiêu đầu tư vào các công trình công cộng bằng toàn bộ nguồn tiền bán trái phiếu của chính phủ trên thị trường : Kết quả là

- a. Sản lượng và lãi suất đều tăng
- b. Sản lượng tăng , lãi suất không đổi
- c. Sản lượng giảm , lãi suất giảm
- d. Sản lượng giảm , lãi suất tăng

Câu 126 : Khi NHTW tăng lượng cung tiền và chính phủ tăng thuế :

- a. Sản lượng tăng , lãi suất giảm , đầu tư tư nhân tăng
- b. Sản lượng tăng , lãi suất tăng , đầu tư ngân hàng giảm
- c. Sản lượng giảm , lãi suất tăng , đầu tư tư nhân giảm
- d. Sản lượng giảm , lãi suất giảm , đầu tư tư nhân giảm

Câu 127 : Nếu tỷ giá hối đoái thực tế cao hơn tỷ giá hối đoái danh nghĩa có nghĩa là :

- a. Nội tệ được đánh giá quá cao , sức cạnh tranh của hàng hóa trong nước trên thị trường thế giới cao
- b. Nội tệ được đánh quá cao , sức cạnh tranh của hàng hóa trong nước trên thị trường thế giới thấp
- c. Nội tệ được đánh giá thấp , sức cạnh tranh của hàng hóa trong nước cao
- d. Nội tệ được đánh giá thấp , sức cạnh tranh của hàng hóa trong nước thấp

* Giả thiết sau cho câu 128 và câu 129

Kinh tế đóng , giả sử giá cả , lãi suất , tỷ giá hối đoái không đổi , ta có các hàm dự kiến sau :

$$C = 200 + 0,8Yd \quad I = 150 - 40i$$

$$G = 700 \quad T = 100 + 0,2Y$$

$$S^M = 1500 \quad D^M = 800 + 0,3Y - 35i$$

Câu 128 : Phương trình đường IS và LM sẽ là :

a. IS : $i = -20 + 0,0086Y$
 LM : $Y = 2695 - 111i$

b. IS : $Y = 2695 - 111i$
 LM : $i = -20 + 0,0086Y$

c. IS : $i = 300 - 0,32Y$
 LM : $Y = 29 + 120i$

d. Số khác

Câu 129 : Thị trường hàng hóa và tiền tệ sẽ cân bằng tại mức sản lượng và lãi suất

a. $Y = 2514$ tỷ và $i = 1,62\%$

b. $Y = 914$ tỷ và $i = 7,37\%$

c. $Y = 243$ tỷ và $i = 2,2\%$

d. Số khác

Câu 130 : Để thực hiện kích cầu , chính sách nào sau đây hiệu quả nhất :

- a. Chính phủ tăng chi , giảm thu , NHTW tăng dự trữ bắt buộc đối với HTM
- b. Chính phủ tăng chi , giảm thu , NHTW mua chứng khoán chính phủ trên thị trường mở
- c. Chính phủ tăng chi , giảm thu , NHTW giảm lãi suất chiết khấu đối với NHTM
- d. Chính phủ tăng chi , giảm thi , NHTW bán chứng khoán chính phủ trên thị trường mở

Câu 131 : Điểm cân bằng chung cho một hệ thống kinh tế đòi hỏi :

- a. Sự cân bằng trên thị trường tiền tệ , nhưng tổng cầu cung phải vượt quá để khôi phục hụt hàng hóa
- b. Tổng thu nhập phải bằng với tổng chi tiêu , nhưng cầu tiền phải vượt qua để tránh lạm phát
- c. Sự cân bằng độc lập của cả hai thị trường : thị trường tiền tệ và thị trường hàng hóa – dịch vụ
- d. Sự cân bằng đồng thời có ở cả hai thị trường : thị trường tiền tệ và thị trường hàng hóa – dịch vụ

Câu 132 : Ý nghĩa thành lập đường LM là để phản ánh sự tác động của :

- a. Lãi suất vào mức sản lượng cân bằng trên thị trường tiền tệ
- b. Lãi suất vào mức sản lượng cân bằng trên thị trường hàng hóa
- c. Sản lượng vào mức lãi suất cân bằng thị trường tiền tệ
- d. Sản lượng vào mức lãi suất cân bằng trên thị trường hàng hóa

Câu 133: Khi nền kinh tế nằm phía bên trái của đường IS và trên đường LM , để đạt sự cân bằng chung :

- a. Sản lượng sẽ tăng và lãi suất giảm
- b. Sản lượng sẽ tăng và lãi suất tăng
- c. Sản lượng sẽ giảm và lãi suất giảm
- d. Sản lượng sẽ giảm và lãi suất tăng

Câu 134 : Khi NHTW tăng lượng cung tiền và chính phủ tăng chi tiêu :

- a. Sản lượng tăng , lãi suất có thể giảm , hoặc tăng hoặc không đổi
- b. Sản lượng có thể giảm , hoặc tăng hoặc không đổi , lãi suất tăng , đầu tư tư nhân giảm
- c. Sản lượng tăng , lãi suất tăng , đầu tư tư nhân giảm vì chính sách tài khóa luôn tác động mạnh hơn chính sách tiền tệ
- d. Không thể kết luận

Câu 135 : Giả sử do dự kiến về tương lai tốt đẹp nên tiêu dùng của dân chúng gia tăng khi đó :

- a. IS dịch sang phải , sản lượng tăng , lãi suất tăng
- b. IS dịch sang trái , sản lượng giảm , lãi suất giảm
- c. LM dịch sang phải , sản lượng tăng , lãi suất giảm
- d. LM dịch sang trái , sản lượng giảm , lãi suất tăng

Câu 136: Khi nền kinh tế nằm phía phải của đường LM :

- a. Thị trường hàng hóa có cầu vượt quá , thị trường tiền tệ có cung vượt quá
- b. Thị trường hàng hóa và thị trường tiền tệ đều có cầu vượt quá
- c. Thị trường hàng hóa có cung vượt quá , thị trường tiền tệ có cầu vượt quá
- d. Thị trường hàng hóa và thị trường tiền tệ đều có cung vượt quá

Câu 137 : Điểm cân bằng trong mô hình IS – LM thể hiện :

- a. Tổng thu nhập bằng với tổng chi
- b. Cung tiền và cầu tiền bằng nhau
- c. a hoặc b
- d. a và b

Câu 138 : Trên đường LM :

- a. Sản lượng luôn cân bằng , lãi suất có thể cân bằng , có thể không
- b. Lãi suất luôn cân bằng , sản lượng có thể cân bằng , có thể không
- c. Sản lượng cân bằng và lãi suất cân bằng

Câu 139 : Đường IS dốc xuống thể hiện :

- a. Mỗi quan hệ nghịch biến giữa lãi suất và sản lượng cân bằng
- b. Mỗi quan hệ nghịch biến giữa sản lượng và lãi suất cân bằng
- c. Mỗi quan hệ nghịch biến giữa sản lượng và lãi suất
- d. Mỗi quan hệ nghịch biến giữa sản lượng cân bằng và lãi suất cân bằng

Câu 140 : Trong mô hình IS – LM , khi chính phủ tăng chi tiêu đầu tư và NHTW tăng lãi suất chiết khấu

- a. Lãi suất tăng , sản lượng giảm
- b. Lãi suất giảm , sản lượng tăng

- c. Sản lượng tăng , lãi suất không thể xác định rõ vì còn tùy
- d. Lãi suất tăng , sản lượng không thể xác định rõ vì còn tùy

Câu 141 : Đường LM dốc lên thể hiện

- a. Khi sản lượng tăng thì lãi suất tăng
- b. Khi lãi suất tăng thì sản lượng tăng
- c. Khi sản lượng tăng thì lãi suất cân bằng tăng
- d. Khi lãi suất tăng thì sản lượng cân bằng tăng

Câu 142 : Số nhân tông cầu là một hệ số

- a. Phản ánh sự thay đổi của sản lượng khi tông cầu thay đổi một đơn vị
- b. Phản ánh sự thay đổi của sản lượng khi tông cầu thay đổi lượng ban đầu một đơn vị
- c. Phản ánh sự thay đổi của tông cầu khi sản lượng thay đổi một đơn vị
- d. Tất cả các câu đều sai

Câu 143 : Nếu sản lượng thực tế thấp hơn sản lượng cân bằng những việc ngoài dự kiến nào có thể xảy ra.

- a. Sản lượng thực tế thấp hơn chi tiêu dự kiến
- b. Hàng tồn khi ngoài dự kiến là số âm
- c. Sản lượng thực tế sẽ tăng dần
- d. Các câu trên đều đúng

Câu 144 : Tại điểm cân bằng sản lượng

- a. Giá trị hàng tồn kho bằng 0
- b. Giá trị hàng tồn kho ngoài dự kiến bằng 0
- c. Tổng cung bằng tổng cầu tại sản lượng tiềm năng
- d. Sản lượng bằng chi tiêu thực tế của dân chúng

Câu 145 : Trong mô hình số nhân , nếu mọi người gia tăng tiết kiệm thì

- a. Sản lượng tăng
- b. Sản lượng giảm
- c. Sản lượng không đổi
- d. Các khả năng có thể xảy ra

Câu 146 : Tiết kiệm là

- a. Phần còn lại của thu nhập sau khi tiêu dùng
- b. Phần còn lại của thu nhập khả dụng sau khi tiêu dùng
- c. Phần tiền hộ gia đình gửi vào ngân hàng
- d. Các câu trên đều đúng

Câu 147: Khuynh hướng tiêu dùng biên là :

- a. Phần thu nhập khả dụng tăng thêm khi sản lượng tăng thêm 1 đơn vị
- b. Phần tiêu dùng giảm khi thu nhập khả dụng giảm 1 đơn vị
- c. Phần tiêu dùng tăng khi thu nhập khả dụng tăng 1 đơn vị
- d. Câu b và c đúng

Câu 148 : Nếu lãi suất tăng thì sản lượng cân bằng trên thị trường hàng hóa sẽ :

- a. Tăng
- b. Giảm
- c. Không thay đổi
- d. Không thể tiết kiệm

Câu 149 : Khi tiêu dùng biên thu nhập khả dụng là 0,6 nghĩa là :

- a. Khi thu nhập khả dụng tăng (giảm) 1 đồng thì tiêu dùng sẽ tăng (giảm) 0,6 đồng
- b. Khi thu nhập khả dụng tăng (giảm) 1 đồng thì tiêu dùng sẽ giảm (tăng) 0,6 đồng
- c. Khi thu nhập tăng (giảm) 0,6 đồng thì thu nhập khả dụng sẽ tăng (giảm) 1 đồng
- d. Các câu trên đều sai

Câu 150 : Tiêu dùng của các hộ gia đình phụ thuộc chủ yếu vào :

- a. Thu nhập khả dụng
- b. Thu nhập dự tính
- c. Lãi suất
- d. Các câu trên đều đúng

Câu 151 : Chính phủ tăng trợ cấp xã hội 8 tỷ đồng , biết thuế biên theo thu nhập là 0,2 tiêu dùng biên theo thu nhập khả dụng 0,9 đầu tư là hằng số . Hỏi lượng trợ cấp đó đã làm cho : thâm hụt ngân sách” thay đổi như thế nào ?

- a. Tăng 8 tỷ
- b. Giảm 8 tỷ
- c. Tăng 1,6 tỷ
- d. Không thể kết luận

Câu 152: Xuất phát từ điểm cân bằng gia tăng xuất khẩu sẽ :

- a. Dẫn đến cân bằng thương mại
- b. Tạo ra tiết kiệm để đầu tư trong nước
- c. Tạo ra đầu tư để thực hiện tiết kiệm
- d. Dẫn đến sự cân bằng sản lượng

Câu 153 : Khoản chi nào sau đây không phải là chi chuyển nhượng ?

- a. Tiền lãi mà chính phủ chi trả cho trái phiếu chính phủ đến hạn
- b. Chi mua vũ khí , đạn dược
- c. Tiền cho học bổng cho sinh viên , học sinh giỏi
- d. Câu a và câu b đúng

Câu 154 : Trong cơ chế tỷ giá thả nổi hoàn toàn , tỷ giá sẽ ... a

Thay đổi tùy theo diễn biến trên thị trường ngoại hối b Không
thay đổi , bất luận diễn biến trên thị trường ngoại hối

c Tăng khi cung ngoại tệ tăng d
Giảm khi cầu ngoại tệ tăng

Câu 155 : Ngân sách chính phủ thặng dư khi :

- a. Thuế lớn hơn chi tiêu của chính phủ cho hàng hóa và dịch vụ
- b. Thuế nhỏ hơn chi tiêu của chính phủ
- c. Tổng thu ngân sách nhỏ hơn tổng chi ngân sách

d. Tổng thu ngân sách lớn hơn tổng chi ngân sách

Câu 156 : Khi nền kinh tế có mức sản lượng thực tế Y_t thấp hơn sản lượng tiềm năng Y_p , để điều tiết nền kinh tế, chính phủ nên :

- a. Tăng chi ngân sách và tăng thuế
- b. Tăng chi ngân sách và giảm thuế
- c. Giảm chi ngân sách và tăng thuế
- d. Giảm chi ngân sách và giảm thuế

Câu 157 : Điểm khác nhau giữa số nhân của thuế và số nhân trợ cấp là :

- a. Số nhân của thuế luôn luôn nhỏ hơn số nhân của trợ cấp
- b. Số nhân của thuế thì âm, số nhân của trợ cấp thì dương
- c. Số nhân của thuế thì dương, số nhân của trợ cấp thì âm
- d. Không có câu nào đúng

Câu 158 : Những nhân tố ổn định tự động của nền kinh tế là :

- a. Tỷ giá hối đoái
- b. Lãi suất và sản lượng cung ứng
- c. Thuế thu nhập lũy tiền và trợ cấp thất nghiệp
- d. Thuế thu nhập và trợ cấp

Câu 159 : Chính sách tài khóa là 1 công cụ điều hành kinh tế vĩ mô vì :

- a. Việc điều chỉnh lượng phát hành tín phiếu kho bạc và lãi suất có vai trò quan trọng trong việc ổn định kinh tế
- b. Sự thay đổi lượng cung tiền sẽ tác động đến lãi suất, đầu tư và mức dân dụng
- c. Sự thay đổi thuế và chi tiêu ngân sách của chính phủ có tác động đến mức giá, mức sản lượng và mức nhân dụng
- d. Sự thay đổi lãi suất tín phiếu kho bạc có tác động đến mức huy động vốn tài trợ cho bội chi ngân sách của chính phủ

Câu 160 : Nếu cán cân thương mại thặng dư, khi đó :

- a. Giá trị hàng hóa nhập khẩu lớn hơn xuất khẩu
- b. Giá trị hàng hóa xuất khẩu lớn hơn nhập khẩu
- c. Giá trị hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu thay đổi
- d. Giá trị hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu bằng nhau và thay đổi như nhau

Câu 161 : Phát biểu nào sau đây không đúng.

- a. Lạm phát là tình trạng mà mức giá chung trong nền kinh tế tăng lên cao trong một khoảng thời gian nào đó
- b. Thất nghiệp là tình trạng mà những người trong độ tuổi lao động, có đăng ký tìm việc nhưng chưa có việc làm hoặc chờ được gọi đi làm việc
- c. Sản lượng tiềm năng là mức sản lượng thực cao nhất mà một quốc gia đạt được
- d. Tổng cầu dịch chuyển là do chịu tác động của các nhân tố ngoài mức giá chung trong nền kinh tế

Câu 162 : Mục tiêu ổn định của kinh tế vĩ mô là điều chỉnh tỷ lệ lạm phát và thất nghiệp ở mức thấp nhất.

- a. Đúng
- b. Sai

Câu 163 : Những yếu tố nào sau đây có ảnh hưởng đến tổng cung dài hạn :

- a. Thu nhập quốc gia tăng
- b. Xuất khẩu tăng
- c. Tiền lương tăng
- d. Đổi mới công nghệ

Câu 164 : Thu nhập khả dụng là khoản thu nhập :

- a. Cuối cùng mà hộ gia đình có quyền sử dụng
- b. Còn lại sau khi hộ gia đình đã chi tiêu tiêu dùng
- c. Còn lại sau khi chính phủ đã thu thuế
- d. Cuối cùng sau khi đã đóng góp các quỹ an sinh xã hội

Câu 165 : Trong các thể loại thuế sau đây , loại nào không phải là thuế trực thu :

- a. Thuế thu nhập doanh nghiệp
- b. Thuế thu nhập cá nhân
- c. Thuế giá trị gia tăng
- d. a , b và c đúng

Câu 166 : Khi tính GDP ta loại bỏ sản phẩm trung gian vì :

- a. Đó là sản phẩm mua ngoài
- b. Đó là những sản phẩm dở dang
- c. Nếu không loại bỏ sẽ bị tính trùng
- d. Đó là những sản phẩm sẽ được chuyển dần giá trị vào GDP nên không cần tính

Câu 167 : Trong cơ chế tỷ giá cố định , khi có áp lực làm tăng cung ngoại tệ NHTW sẽ :

- a. Bán nội tệ và mua ngoại tệ
- b. Bán ngoại tệ và mua nội tệ
- c. Bán và mua hai ngoại tệ
- d. Hoàn toàn không can thiệp

Câu 168 : Bảng chi phí sản xuất của hai mặt hàng gạo và vải ở hai quốc gia A và B như sau :

Nước	Hàng	A	B
Gạo	5	4	
Vải	30	20	

Hãy kết luận lợi thế của A và B

- a. A có lợi thế tuyệt đối ở mặt hàng gạo
- b. A có lợi thế tương đối ở mặt hàng gạo

- c. B có lợi thế tuyệt đối cả hai mặt hàng
- d. b và c

Câu 169 : Tình hình cán cân ngoại thương của Việt Nam từ năm 1990 đến nay : a. Xuất siêu

- b. Nhập siêu
- c. Cân bằng
- a. Có khi xuất siêu , có khi nhập siêu

Câu 170 : Trong điều kiện kinh tế mở , tỷ giá hối đoái cố định , luồng vốn vận động hoàn toàn tự do , một sự tăng chi tiêu ngân sách, tác động ngắn hạn là :

- a. Lãi suất và sản lượng đều tăng
- b. Lãi suất giảm , sản lượng tăng
- c. Lãi suất cao hơn lãi suất thế giới , sản lượng giảm
- d. Lãi suất cân bằng lãi suất thế giới , sản lượng tăng

Câu 171 : Tác động của chính sách tài khóa mở rộng trong nền kinh tế mở (tỷ giá cố định , vốn luân chuyển tự do) mạnh hơn tác động của nó trong nền kinh tế đóng vì :

- a. Sản lượng tăng
- b. Hạn chế thâm hụt cán cân ngân sách
- c. Hạn chế tháo lui đầu tư
- d. Hạn chế lạm phát

Câu 172 : Tác động dài hạn của chính sách tài khóa mở rộng trong điều kiện kinh tế mở , tỷ giá hối đoái cố định , vốn vận động tự do là :

- a. Thặng dư cán cân thương mại, lãi suất và sản lượng trở về mức cũ
 - b. Thâm hụt cán cân thương mại , lãi suất và sản lượng trở về mức cũ
 - c. Thâm hụt cán cân ngân sách , lãi suất và sản lượng đều tăng
 - d. Thặng dư cán cân ngân sách , lãi suất không đổi , sản lượng tăng
- Câu 173 :** Kết quả của chính sách tiền tệ mở rộng trong điều kiện kinh tế mở , tỷ giá cố định , vốn luân chuyển tự do là :

- a. Lãi suất cân bằng với lãi suất thế giới , sản lượng tăng
- b. Lãi suất nhỏ hơn lãi suất thế giới , sản lượng tăng
- c. Lãi suất và sản lượng trở về mức cũ
- d. Các câu trên đều sai

Câu 174 : Trong điều kiện kinh tế mở , vốn luân chuyển tự do , các tác động của chính sách tài khóa và tiền tệ trong cơ chế tỷ giá cố định khác biệt so với tác động của chính phủ khi tỷ giá linh hoạt vì :

- a. Chính phủ phải can thiệp vào thị trường ngoại hối để cố định tỷ giá
- b. Chính sách tiền tệ sẽ bị ảnh hưởng nếu muốn cố định giá
- c. a và b
- d. Các câu trên đều sai

Câu 175 : Khi kinh tế mở , vốn luân chuyển tự do , chính sách tài khóa mở rộng trong cơ chế tỷ giá linh hoạt kém hiệu quả hơn khi tỷ giá cố định vì

- a.Sản lượng không tăng lên

- b.Cán cân thương mại xấu đi
- c.Có sự tháo lui đầu tư
- d.a , b , c đúng

Câu 176 : Với cơ chế tỷ giá cố định , vốn luân chuyển tự do , chính sách tiền tệ trong điều kiện kinh tế mở so với chính sách này trong kinh tế đóng là :

- a. Hiệu quả hơn
- b. Kém hiệu quả hơn
- c. Tương đương nhau
- d. Không thể so sánh

Câu 177 : Tác động của chính sách tiền tệ thu hẹp khi kinh tế mở , vốn luân chuyển tự do , tỷ giá linh hoạt là :

- a.Sản lượng giảm , lãi suất trở về mức cũ
- b.Cán cân thương mại thâm hụt hơn trước
- c.Đồng nội tệ tăng giá
- d.a , b , c

Câu 178 : Khi chính phủ vay nợ nước ngoài để cân đối cán cân thanh toán khoản này sẽ được ghi vào :

- a. Cán cân vãng lai
- b. Cán cân vốn
- c. Hạng mục cân đối
- d. Tài trợ chính thức

Câu 179 : Khi chính phủ vay nợ nước ngoài để đầu tư cho cơ sở hạ tầng hoặc thay đổi cơ cấu kinh tế , khoản này sẽ được phản ánh ở mục :

- a. Cán cân vãng lai
- b. Cán cân vốn
- c. Hạng mục cân đối
- d. Tài trợ chính thức

Câu 180 : Với chính sách tiền tệ mở rộng trong nền kinh tế mở , vốn luân chuyển tự do , tỷ giá linh hoạt sẽ gây ra tác động ngắn hạn là :

- a. Sản lượng tăng
- b. Cán cân thương mại thặng dư hơn trước
- c. Đồng nội tệ giảm giá
- d. a , b , c đúng

Câu 181 : Tỷ giá hối đoái tăng chậm hơn trong nước (giả sử giá nước ngoài không đổi)

Muốn tăng sức cạnh tranh của hàng hóa trong nước , biện pháp tốt nhất là :

- a. Tăng tỷ giá
- b. Giảm tỷ giá
- c. Tăng năng suất , cải tiến kỹ thuật để làm giảm giá trong nước
- d. b và c

Câu 182 : Nếu tỷ giá hối đoái danh nghĩa không thay đổi đáng kể , tốc độ tăng giá trong nước nhanh hơn giá thế giới , sức cạnh tranh của hàng hóa trong nước sẽ

- a. Tăng
- b. Giảm
- c. Không thay đổi
- d. Không thể kết luận

Câu 183 : Khi đầu tư nước ngoài vào Việt nam tăng , Việt nam sẽ :

- a. Thặng dư hoặc giảm thâm hụt cán cân thanh toán
- b. Giảm chuyển nhượng ròng từ nước ngoài
- c. Tăng xuất khẩu ròn
- d. a và b đúng

Câu 184 : Trong điều kiện giả định các yếu tố không đổi , một sự cắt giảm chi tiêu hàng hóa và dịch vụ của chính phủ sẽ :

- a. Dịch chuyển đường IS sang phải
- b. Dịch chuyển đường IS sang trái
- c. Dịch chuyển đường IS sang trái và đường LM sang phải
- d. Dịch chuyển đường LM sang trái và đường IS sang phải

Câu 185 : Đường LM dịch chuyển khi các yếu tố sau thay đổi

- a. Thuế
- b. Cung tiền
- c. Lãi suất
- d. Yếu tố khác

Câu 186 : Khi NHTW tăng lượng cung tiền và chính phủ tăng thuế :

- a. Sản lượng tăng , lãi suất giảm , đầu tư tư nhân tăng
- b. Sản lượng tăng , lãi suất tăng , đầu tư ngân hàng giảm
- c. Sản lượng giảm , lãi suất tăng , đầu tư tư nhân giảm
- d. Sản lượng giảm , lãi suất giảm , đầu tư tư nhân giảm

Câu 187 : Nếu các yếu tố khác không đổi , lãi suất tăng thì sản lượng cân bằng sẽ là :

- a. Tăng
- b. Giảm
- c. Không thay đổi
- d. Không thể thay đổi

Câu 188 : Điểm cân bằng chung cho một hệ thống kinh tế đòi hỏi :

- a. Sự cân bằng trên thị trường tiền tệ , nhưng tổng cầu cung phải vượt quá để khỏi thiếu hụt hàng hóa
- b. Tổng thu nhập phải bằng với tổng chi tiêu , nhưng cầu tiền phải vượt qua để tránh lạm phát
- c. Sự cân bằng độc lập của cả hai thị trường : thị trường tiền tệ và thị trường hàng hóa – dịch vụ
- d. Sự cân bằng đồng thời có ở cả hai thị trường : thị trường tiền tệ và thị trường hàng hóa – dịch vụ

Câu 189 : Ý nghĩa thành lập đường LM là để phản ánh sự tác động của :

- a. Lãi suất vào mức sản lượng cân bằng trên thị trường tiền tệ

- b. Lãi suất vào mức sản lượng cân bằng trên thị trường hàng hóa
- c. Sản lượng vào mức lãi suất cân bằng thị trường tiền tệ
- d. Sản lượng vào mức lãi suất cân bằng trên thị trường hàng hóa

Câu 190 : Giả sử do dự kiến về tương lai tốt đẹp nên tiêu dùng của dân chúng gia tăng khi đó :

- a. IS dịch sang phải , sản lượng tăng , lãi suất tăng
- b. IS dịch sang trái , sản lượng giảm , lãi suất giảm
- c. LM dịch sang phải , sản lượng tăng , lãi suất giảm
- d. LM dịch sang trái , sản lượng giảm , lãi suất tăng

Câu 191 : Số nhân tông câu là một hệ số

- a. Phản ánh sự thay đổi của sản lượng khi tổng cầu thay đổi một đơn vị
- b. Phản ánh sự thay đổi của sản lượng khi tổng cầu thay đổi lượng ban đầu một đơn vị
- c. Phản ánh sự thay đổi của tổng cầu khi sản lượng thay đổi một đơn vị
- d. Tất cả các câu đều sai

Câu 192 : Trong mô hình số nhân , nếu mọi người gia tăng tiết kiệm thì

- a. Sản lượng tăng
- b. Sản lượng giảm
- c. Sản lượng không đổi
- d. Các khả năng có thể xảy ra

Câu 193 : Nếu lãi suất tăng thì sản lượng cân bằng trên thị trường hàng hóa sẽ :

- a. Tăng
- b. Giảm
- c. Không thay đổi
- d. Không thể tiết kiệm

Câu 194 : Tiêu dùng của các hộ gia đình phụ thuộc chủ yếu vào :

- a. Thu nhập khả dụng
- b. Thu nhập dự tính
- c. Lãi suất
- d. Các câu trên đều đúng

Câu 195: Xuất phát từ điểm cân bằng gia tăng xuất khẩu sẽ :

- a. Dẫn đến cân bằng thương mại
- b. Tạo ra tiết kiệm để đầu tư trong nước
- c. Tạo ra đầu tư để thực hiện tiết kiệm
- d. Dẫn đến sự cân bằng sản lượng

Câu 196 : Trong cơ chế tỷ giá thả nổi hoàn toàn , tỷ giá sẽ ...

- a. Thay đổi tùy theo diễn biến trên thị trường ngoại hối
- b. Không thay đổi , bất luận diễn biến trên thị trường ngoại hối
- c. Tăng khi cung ngoại tệ tăng
- d. Giảm khi cầu ngoại tệ tăng

Câu 197 : GDP danh nghĩa năm 1997 là 6000 tỷ . GDP danh nghĩa năm 1998 là 6500 tỷ . Chỉ số giá năm 1997 là 120. Chỉ số giá năm 1998 là 125 . Tỷ lệ tăng trưởng năm 1998 là :

- a. 8,33 %
- b. 4%
- c. 4,5%
- d. 10%

Câu 198 : Khi nền kinh tế đang có lạm phát cao nên:

- a. Giảm lượng cung tiền , tăng lãi suất
- b. Giảm chi ngân sách và tăng thuế
- c. a và b đều đúng
- d. a và b đều sai

Câu 199 : Sản phẩm trung gian và sản phẩm cuối cùng khác nhau ở :

- a. Mục đích sử dụng
- b. Thời gian tiêu thụ
- c. Độ bền trong quá trình sử dụng
- d. Cả 3 câu đều đúng

Câu 200 : Ngân hàng trung ương có thể làm thay đổi cung nội tệ bằng cách :

- a. Mua hoặc bán trái phiếu chính phủ
- b. Mua hoặc bán ngoại tệ
- c. a và b đều đúng
- d. a và b đều sai

Câu 201 : “ Tỷ lệ thất nghiệp ở nhiều nước rất cao” câu nói này thuộc :

- a. Kinh tế vĩ mô
- b. Kinh tế vi mô
- c. Kinh tế thực chứng
- d. a và c đúng

Câu 202 : “Chỉ số hàng tiêu dùng ở Việt Nam tăng khoảng 20% mỗi năm trong giai đoạn 1992 – 1995” câu nói này thuộc :

- a. Kinh tế vi mô và thực chứng
- b. Kinh tế vĩ mô và thực chứng
- c. Kinh tế vi mô và chuẩn tắc
- d. Kinh tế vĩ mô và chuẩn tắc

Câu 203 : Tổng cung dài hạn có thể thay đổi khi :

- a. Có sự thay đổi về lãi suất
- b. Các nguồn lực sản xuất thay đổi
- c. Chính phủ thay đổi chi tiêu ngân sách
- d. Nhập khẩu máy móc thiết bị

Câu 204 : Tính theo thu nhập GDP là tổng :

- a. Tiền lương , thuế thu nhập , tiền lãi , tiền thuê , lợi nhuận

- b. Tiền lương , trợ cấp , khấu hao , tiền lãi , tiền thuê
- c. Tiền lương , tiền lãi , tiền thuê , lợi nhuận , khấu hao và thuế gián thu
- d. Tiền lãi , tiền thuê , lợi nhuận , khấu hao , thuế gián thu .

Câu 205 : Trong nền kinh tế giả định chỉ có 3 doanh nghiệp : Dệt sợi , dệt vải và may mặc Sản phẩm của doanh nghiệp trước được bán hết cho doanh nghiệp sau và được dùng hết trong sản xuất. Giá trị sản lượng của dệt sợi 100 tỷ , dệt vải 200 tỷ , may mặc 300 tỷ . GDP của quốc gia này là :

- a. 600 tỷ
- b. 400 tỷ
- c. 500 tỷ
- d. 300 tỷ

Câu 206 : GDP của một quốc gia

- a. Thuộc quyền sở hữu của công dân quốc gia đó
- b. Không kể thu nhập từ các yếu tố sản xuất kiếm được ở nước ngoài
- c. Không kể thu nhập tạo ra trong nước
- d. a , b , c đều sai

Câu 207 : Khi đầu tư nước ngoài vào Việt nam tăng , nếu các yếu khác không đổi , Việt nam sẽ

- a. Thặng dư hoặc giảm thâm hụt cán cân thanh toán
- b. Tăng xuất khẩu ròng
- c. Tăng thu nhập ròng từ tài sản nước ngoài
- d. Cả 3 câu đều đúng

Câu 208 : Nền kinh tế đang ở mức toàn dụng . Giả sử lãi suất , giá cả và tỷ giá hối đoái không đổi , nếu chính phủ giảm chi tiêu và giảm thuế một lượng bằng nhau , trạng thái của nền kinh tế sẽ thay đổi :

- a. Từ suy thoái sang lạm phát
- b. Từ suy thoái sang ổn định
- c. Từ ổn định sang lạm phát
- d. Từ ổn định sang suy thoái

Câu 209 : Tác động ngắn hạn của chính sách nói lỏng tiền tệ (mở rộng tiền tệ) trong nền kinh tế mở với cơ chế tỷ giá hối đoái linh hoạt (thả nổi) là :

- a. Sản lượng tăng
- b. Thặng dư hoặc giảm thâm hụt thương mại
- c. Đồng nội tệ giảm giá
- d. Cả 3 câu đều đúng

Câu 210 : Theo lý thuyết xác định sản lượng (được minh họa bằng đồ thị có đường 45o), nếu tổng chi tiêu theo kế hoạch (tổng cầu dự kiến) lớn hơn GDP thực (hoặc sản lượng) thì :

- a. Các doanh nghiệp sẽ giảm sản lượng để giải phóng thặng dư tồn kho so với mức tồn kho dự kiến
- b. Các doanh nghiệp sẽ tăng hoặc giảm sản lượng tùy theo tình hình tồn kho thực tế ít hơn hay nhiều hơn mức tồn kho dự kiến

- c. Các doanh nghiệp sẽ không thay đổi sản lượng vì tồn kho thực tế đã bằng mức tồn kho dự kiến
- d. Các doanh nghiệp sẽ tăng sản lượng để bổ sung tồn kho cho đủ mức tồn kho dự kiến

Câu 211 : Nếu chính phủ tăng chi tiêu đầu tư vào các công trình công cộng bằng toàn bộ nguồn tiền bán trái phiếu của chính phủ trên thị trường : Kết quả là

- a. Sản lượng và lãi suất đều tăng
- b. Sản lượng tăng , lãi suất không đổi
- c. Sản lượng giảm , lãi suất giảm
- d. Sản lượng giảm , lãi suất tăng

Câu 212 : Ý nghĩa thành lập đường LM là để phản ảnh sự tác động của :

- a. Lãi suất vào mức sản lượng cân bằng trên thị trường tiền tệ
- b. Lãi suất vào mức sản lượng cân bằng trên thị trường hàng hóa
- c. Sản lượng vào mức lãi suất cân bằng thị trường tiền tệ
- d. Sản lượng vào mức lãi suất cân bằng trên thị trường hàng hóa

Câu 213 : Khi NHTW tăng lượng cung tiền và chính phủ tăng chi tiêu :

- a. Sản lượng tăng , lãi suất có thể giảm , hoặc tăng hoặc không đổi
- b. Sản lượng có thể giảm , hoặc tăng hoặc không đổi , lãi suất tăng , đầu tư tư nhân giảm
- c. Sản lượng tăng , lãi suất tăng , đầu tư tư nhân giảm vì chính sách tài khóa luôn tác động mạnh hơn chính sách tiền tệ
- d. Không thể kết luận

Câu 214: Khi nền kinh tế nằm phía bên trái của đường IS và trên đường LM , để đạt sự cân bằng chung :

- a. Sản lượng sẽ tăng và lãi suất giảm
- b. Sản lượng sẽ tăng và lãi suất tăng
- c. Sản lượng sẽ giảm và lãi suất giảm
- d. Sản lượng sẽ giảm và lãi suất tăng

Câu 215 : Khi nền kinh tế nằm phía phải của đường LM :

- a. Thị trường hàng hóa có cầu vượt quá , thị trường tiền tệ có cung vượt quá
 - b. Thị trường hàng hóa và thị trường tiền tệ đều có cầu vượt quá
 - c. Thị trường hàng hóa có cung vượt quá , thị trường tiền tệ có cầu vượt quá
 - d. Thị trường hàng hóa và thị trường tiền tệ đều có cung vượt quá
- Câu 216 :** Điểm cân bằng trong mô hình IS – LM thể hiện :
- a. Tổng thu nhập bằng với tổng chi
 - b. Cung tiền và cầu tiền bằng nhau
 - c. a hoặc b
 - d. a và b

Câu 217 : Đường LM dốc lên thể hiện

- a. Khi sản lượng tăng thì lãi suất tăng
- b. Khi lãi suất tăng thì sản lượng tăng

- c. Khi sản lượng tăng thì lãi suất cân bằng tăng
- d. Khi lãi suất tăng thì sản lượng cân bằng tăng

Câu 218 : Nghịch lý của tiết kiệm không còn đúng khi :

- a. Tăng tiết kiệm và dùng tiền đó để tăng đầu tư
- b. Tăng tiết kiệm và dùng tiền đó để mua công trái
- c. Tăng tiết kiệm và dùng tiền đó để gửi ngân hàng
- d. Tất cả các câu trên đều đúng

Câu 219 : Tại điểm cân bằng sản lượng

- a. Giá trị hàng tồn kho bằng 0
- b. Giá trị hàng tồn kho ngoài dự kiến bằng 0
- c. Tổng cung bằng tổng cầu tại sản lượng tiềm năng
- d. Sản lượng bằng chi tiêu thực tế cầu dân chúng

Câu 220 : Trong mô hình số nhân , nếu mọi người gia tăng tiết kiệm thì

- a. Sản lượng tăng
- b. Sản lượng giảm
- c. Sản lượng không đổi
- d. Các khả năng có thể xảy ra

Câu 221 : Nếu lãi suất tăng thì sản lượng cân bằng trên thị trường hàng hóa sẽ :

- a. Tăng
- b. Giảm
- c. Không thay đổi
- d. Không thể tiết kiệm

Câu 222 : Khi tiêu dùng biên thu nhập khả dụng là 0.6 nghĩa là :

- a. Khi thu nhập khả dụng tăng (giảm) 1 đồng thì tiêu dùng sẽ tăng (giảm) 0,6 đồng
- b. Khi thu nhập khả dụng tăng (giảm) 1 đồng thì tiêu dùng sẽ giảm (tăng) 0,6 đồng
- c. Khi thu nhập tăng (giảm) 0,6 đồng thi thu nhập khả dụng sẽ tăng (giảm) 1 đồng
- d. Các câu trên đều sai

Câu 223 : Khoản chi nào sau đây không phải là chi chuyển nhượng ?

- a. Tiền lãi mà chính phủ chi trả cho trái phiếu chính phủ đến hạn
- b. Chi mua vũ khí , đạn dược
- c. Tiền cho học bổng cho sinh viên , học sinh giỏi
- d. Câu a và câu b đúng

Câu 224 : Một quốc gia muốn duy trì tỷ giá hối đoái cố định , ngân hàng trung ương phải dùng các công cụ sau :

- a. Chính sách ngoại thương
- b. Chính sách quản lý nhu cầu ngoại tệ
- c. Dự trữ ngoại hối
- d. Cả 3 yếu tố trên

Câu 225 : Khi tỷ giá hối đoái tăng lên và giá cả hàng hóa ở các nước cũng thay đổi sẽ làm cho

- a. Xuất khẩu tăng
- b. Nhập khẩu tăng
- c. Xuất khẩu giảm
- d. Không đủ cơ sở để kết luận

Câu 226 : Tỷ giá hối đoái thay đổi sẽ ảnh hưởng đến :

- a. Cán cân thanh toán quốc gia
- b. Cán cân thương mại
- c. Tổng cầu
- d. Ba đáp số trong câu này đều đúng

Câu 227 : Tình hình cán cân ngoại thương của Việt Nam từ năm 1990 đến nay : a. Xuất siêu

- b. Nhập siêu
- c. Cân bằng
- d. Có khi xuất siêu, có khi nhập siêu

Câu 228 : Trong điều kiện kinh tế mở, tỷ giá hối đoái cố định, luồng vốn vận động hoàn toàn tự do, một sự gia tăng chi tiêu ngân sách, tác động ngắn hạn là :

- a. Lãi suất và sản lượng đều tăng
- b. Lãi suất giảm, sản lượng tăng
- c. Lãi suất cao hơn lãi suất thế giới, sản lượng giảm
- d. Lãi suất cân bằng lãi suất thế giới, sản lượng tăng

Câu 229 : Tác động của chính sách tài khóa mở rộng trong nền kinh tế mở (tỷ giá cố định, vốn luân chuyển tự do) mạnh hơn tác động của nó trong nền kinh tế đóng vì :

- a. Sản lượng tăng
- b. Hạn chế thâm hụt cán cân ngân sách
- c. Hạn chế tháo lui đầu tư
- d. Hạn chế lạm phát

Câu 230 : Trong điều kiện kinh tế mở, vốn luân chuyển tự do, các tác động của chính sách tài khóa và tiền tệ trong cơ chế tỷ giá cố định khác biệt so với tác động của chính sách tỷ giá linh hoạt vì :

- a. Chính phủ phải can thiệp vào thị trường ngoại hối để cố định tỷ giá
- b. Chính sách tiền tệ sẽ bị ảnh hưởng nếu muốn cố định giá
- c. a và b
- d. Các câu trên đều sai

Câu 231 : Tính theo chi tiêu (Tính theo luồng sản phẩm) thì GDP là tổng cộng của :

- a. Tiêu dùng, đầu tư, chi tiêu của chính phủ để mua sản phẩm và dịch vụ, xuất khẩu ròng
- b. Tiêu dùng, đầu tư, chi tiêu của chính phủ để mua sản phẩm và dịch vụ, xuất khẩu
- c. Tiêu dùng, đầu tư, chi chuyển nhượng của chính phủ, xuất khẩu ròng
- d. Tiêu dùng, đầu tư, chi chuyển nhượng của chính phủ, xuất khẩu

Câu 232 : Tính theo thu nhập (tính theo luồng thu nhập) thì GDP là tổng cộng của :

- a. Tiền lương , tiền lãi , tiền thuế , lợi nhuận
- b. Tiền lương trợ cấp của chính phủ , tiền lãi , lợi nhuận
- c. Tiền lương , trợ cấp của chính phủ , tiền thuế , lợi nhuận
- d. Tiền lương , trợ cấp của chính phủ , tiền lãi , tiền thuế

Câu 233 : Sản lượng tiềm năng (sản lượng toàn dụng) là mức sản lượng :

- a. Mà tại đó nếu tăng tổng cầu thì lạm phát sẽ tăng nhanh
- b. Mà tại đó nền kinh tế có tỷ lệ thất nghiệp thấp nhất
- c. Tối đa của nền kinh tế
- d. Cả 3 câu đều đúng

Câu 234 : Trong một nền kinh tế giả định đóng cửa và không có chính phủ . Cho biết mối quan hệ giữa tiêu dùng và đầu tư với thu nhập quốc gia như sau :

Thu nhập quốc gia	Tiêu dùng dự kiến	Đầu tư dự kiến
100.000	110.000	20.000
120.000	120.000	20.000
140.000	130.000	20.000
160.000	140.000	20.000
180.000	150.000	20.000

Khuynh hướng tiêu dùng biên (MPC) khuynh hướng tiết kiệm biên (MPS) và thu nhập cân bằng (Y) là :

- a. MPC = 0,7 ; MPS = 0,3 ; Y = 120.000
- b. MPC = 7 ; MPS = 3 ; Y = 140.000
- c. MPC = 5 ; MPS = 5 ; Y = 180.000
- d. MPC = 0,5 ; MPS = 0,5 ; Y = 150.000

Câu 235 : Chính sách tài chính là một công cụ điều hành kinh tế vĩ mô vì :

- a. Sự thay đổi thuế và chi tiêu ngân sách của chính phủ có tác động đến mức giá , mức GDP và mức nhân dụng
- b. Việc đẩy mạnh cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước và phát hành cổ phiếu là cần thiết để tăng trưởng kinh tế
- c. Sự thay đổi lãi suất tín phiếu kho bạc có tác động đến mức huy động vốn tài trợ cho bội chi ngân sách của chính phủ
- d. Việc điều chỉnh lượng phát hành tín phiếu kho bạc và công trái quốc gia có vai trò quan trọng trong việc ổn định kinh tế

Câu 236 : Một nền kinh tế trong trạng thái toàn dụng nhân công có nghĩa là :

- a.Không còn lạm phát nhưng có thể còn thất nghiệp
- b. Không còn thất nghiệp nhưng có thể còn lạm phát
- c. Không còn thất nghiệp và không còn lạm phát
- d. Vẫn còn tỷ lệ lạm phát và tỷ lệ thất nghiệp nhất định

Câu 237 : Trong cơ chế tỷ giá hối đoái cố định , muốn làm triệt tiêu lượng dư cung ngoại tệ , ngân hàng trung ương phải :

- a. Dùng ngoại tệ để mua nội tệ
- b. Dùng nội tệ để mua ngoại tệ

- c. Không can thiệp vào thị trường ngoại hối
- d. Cả 3 câu đều sai

Câu 238 : Tỷ giá hối đoái thay đổi sẽ ảnh hưởng đến :

- a. Cán cân thương mại
- b. Cán cân thanh toán
- c. Sản lượng quốc gia
- d. Cả 3 câu đều đúng

Câu 239 : Theo lý thuyết của Keynes , những chính sách nào sau đây thích hợp nhất nhằm giảm tỷ lệ thất nghiệp

- a. Giảm thuế và gia tăng số mua hàng hóa của chính phủ
- b. Tăng thuế và giảm số mua hàng hóa của chính phủ
- c. Tăng thuế thu nhập và tăng số mua hàng hóa của chính phủ
- d. Phá giá , giảm thuế , và giảm số mua hàng hóa của chính phủ

Câu 240 : GDP danh nghĩa là 4000 tỷ vào năm 1 và 4400 tỷ vào năm 2 . Nếu chọn năm 1 là năm cơ sở (năm gốc) thì :

- a. Chỉ số giá chung là 110
- b. Giá gia tăng bình quân là 10% mỗi năm
- c. GDP thực không đổi
- d. Cả 3 câu đều sai

ĐÁP ÁN

Dáp án Câu 1 : b

⇒ Giải thích : * $GDP_{thực\ 1997} = 6000/120 = 50$ tỷ

$$* \quad GDP_{thực\ 1998} = 6500/125 = 52 \text{ tỷ}$$

$$\Rightarrow \text{Tỷ lệ tăng trưởng} = (52-50)/50 \times 100\% = 4\%$$

Dáp án Câu 2 : c

⇒ Giải thích : Khi nền kinh tế có lạm phát , lúc đó đồng tiền bị mất giá (hay nói cách khác là dư tiền) => để lạm phát nên giảm lượng cung tiền và chi ngân sách. Mặt khác tăng lãi suất và tăng thuế để lượng tiền đầu tư => lạm phát Dáp án Câu 3 :

c

⇒ Giải thích : Theo đề bài ta có : $m = 60\% = 0,6$

$$d = 20\% = 0,2$$

$$\Delta H = -5 \text{ (tỷ đồng)}$$

$$\text{Suy ra : } k^M = (m+1)/(m+d) = (0,6+1)/(0,6+0,2) = 2$$

Do ở đây m và d không đổi nên ta có :

$$\Delta M_1 = k^m \cdot \Delta H = 2 \times (-5) = -10$$

Vậy khối tiền tệ ↓ bớt 10 tỷ đồng **Đáp**

án Câu 4 : d

⇒ Giải thích

Khác nhau	Sản phẩm trung gian	Sản phẩm cuối cùng
Mục đích sử dụng	- Mang tính chất tạm thời , được dùng để chuyển tải hoặc biến đổi để thành sản phẩm cuối cùng	- Mang t/c lâu dài , là mục đích của SX , sử dụng
Thời gian tiêu thụ	- Thông thường ngắn hạn hoặc trung hạn	- Dài hạn
Độ bền trong quá trình sử dụng	- Thông thường chỉ dùng được trong thời gian ngắn (tuy nhiên còn phụ thuộc vào các yếu tố như : quá trình sử dụng , chất liệu cấu thành...)	- Được dùng trong thời gian dài (cũng phụ thuộc vào các yếu tố như sản phẩm trung gian)

Đáp án Câu 5 : c

- Giải thích : Khi muốn thay đổi lượng cung nội tệ , NHTW có thể mua hoặc bán trái phiếu chính phủ hoặc ngoại tệ vì :

+ Trái phiếu chính phủ :

- Bán : người dân sẽ dùng nội tệ để mua => ↓ lượng nội tệ ngoài thị trường - Mua :
Người dân sẽ bán trái phiếu lại cho chính phủ => Chính phủ sẽ đưa một lượng nội tệ ra để mua lại trái phiếu => ↑ lượng cung nội tệ

+ Ngoại tệ

- Bán : Người dân có xu hướng dùng nội tệ mua ngoại tệ để tích lũy hoặc trao đổi mua bán => ↓ lượng cung nội tệ
- Mua : Chính phủ dùng nội tệ mua ngoại tệ => ↑ lượng cung nội tệ

Ở đây có thể xét rộng hơn là : các doanh nghiệp tư nhân , doanh nghiệp NN...

Đáp án Câu 6 : c Đáp án Câu 7 : b

- Giải thích : NHTW có thể làm tăng cơ sở tiền tệ (tiền mạnh) bằng cách cho các NHTM vay . Nhưng trước hết , NHTW phải ↓ lãi suất

Chiết khấu => các NHTM sẽ vay nhiều hơn => ↑ lượng tiền mạnh (cơ sở tiền tệ)

Đáp án Câu 8 : d

□ Giải thích : Cán cân mậu dịch (cán cân thương mại) là thg số giữa xuất và nhập khẩu: $X - M$

Ở đây , đồng nội tệ xuống giá so với ngoại tệ, điều này có thể làm tăng hoặc thậm hụt cán cân thương mại và còn tùy thuộc vào rất nhiều yếu tố khác...

Sự gia tăng đầu tư trực tiếp từ nước ngoài điều này cũng không thể xác định được vì còn phụ thuộc vào mục đích đầu tư ...

Thu nhập của các nước đối tác mậu dịch chủ yếu tăng : điều này cũng không thể xác định được vì phụ thuộc vào thị hiếu và nhu cầu của các nước này ...

Đáp án Câu 9 : d

Giải thích : Vì đầu tư có ảnh hưởng đến tổng cung trong dài hạn . Đầu tư có nghĩa là đổi mới công nghệ , thay thế công nghệ cũ lỗi thời bằng công nghệ tiên tiến => tạo ra nhiều sản phẩm => tổng cung

Đáp án Câu 10 : d

⇒ Giải thích : Cán cân thương mại thặng dư trong thời gian dài => thừa tiền => lạm phát

Giá của các nguyên vật liệu chủ yếu tăng nhiều => chi phí sx ↑ => giá sản phẩm ra thị trường ↑ => lạm phát

Một phần lớn các thâm hụt quốc gia được tài trợ bởi NHTW => chi tiêu của chính phủ nhiều hơn phần thu được do thuế, lãi suất... và được NHTW tài trợ => lượng cung tiền => lạm phát

⇒ Giải thích : Vì chỉ số giá được tính bởi tỉ số giữa GDP_{danh nghĩa} với GDP_{thực}

Đáp án Câu 11 : d

⇒ Giải thích : Khi ↓ tỷ lệ dự trữ bắt buộc thì khối tiền tệ sẽ ↑
Khi ↑ lãi suất chiết khấu thì làm ↓ khối tiền tệ

=> Không thể kết luận vì không biết được con số cụ thể

Đáp án Câu 12 : d

⇒ Giải thích : $AD = C + I + G + X - M$

Ta có : $(X - M) \uparrow \square AD \uparrow \square$ Dịch chuyển sang phải .

$G \uparrow \square AD \uparrow \square$ Dịch chuyển sang phải
↓ ↑ ↑ ↑

T \square I , C , (X - M) \square AD \uparrow \square Dịch chuyển sang phải

Đáp án Câu 14 : a

\Rightarrow Giải thích : Khi mức giá chung thay đổi sẽ làm dịch chuyển AS **Đáp**

án Câu 15 : a

\Rightarrow Giải thích : Thị trường ngoại hối là thị trường mua bán ngoại tệ . Ví dụ như : nếu ngoại tệ có xu hướng \uparrow nhiều ngoại \uparrow thì thị trường \uparrow nhà nước dùng nội tệ để mua ngoại tệ nhằm ổn định \uparrow thị trường ngoại hối
 \Rightarrow dự trữ ngoại tệ \uparrow . Và ngược lại

Đáp án Câu 16 : d

\square Giải thích : Nếu tỉ giá hối đoái danh nghĩa không đổi tốc độ \uparrow giá trong nước nhanh hơn giá Thế giới , sức cạnh tranh của hàng hóa trong nước sẽ còn phụ thuộc vào tỉ giá hối đoái của trong nước so với nước ngoài, phụ thuộc vào yếu tố môi trường , thị hiếu...

Đáp án Câu 17 : d

\square Giải thích : Cân cân thanh toán không chỉ bao gồm yếu tố đầu tư từ nước ngoài mà còn bao gồm xuất – nhập khẩu dịch vụ nước ngoài...

Xuất khẩu ròng (X-M) : nếu \uparrow đầu tư từ nước ngoài \Rightarrow \uparrow Y \Rightarrow thặng dư Y trong nước
 \Rightarrow Xuất khẩu \uparrow \Rightarrow (X - M)
Tất yếu : khi I_{nước ngoài} \uparrow thì thu nhập ròng từ tài sản nước ngoài \uparrow

Đáp án Câu 18 : b

\Rightarrow Giải thích : Các yếu tố khác không đổi , r \uparrow thì Y cân bằng sẽ \downarrow là do I \downarrow **Đáp**

án Câu 19 : c

\Rightarrow Giải thích : Từ khi nền kinh tế ở mức toàn dụng thì sản lượng mà nền kinh tế đạt được tương ứng với tỉ lệ thất nghiệp tự nhiên (Un) và tỷ lệ lạm phát vừa phải \Rightarrow có thể chấp nhận được \Rightarrow ổn định

T \downarrow \Rightarrow Y_d \uparrow (thu nhập khả dụng) \Rightarrow người dân \uparrow chi tiêu \Rightarrow lạm phát (do Y_d)
G \uparrow \Rightarrow AD \uparrow \Rightarrow Y \downarrow \Rightarrow suy thoái

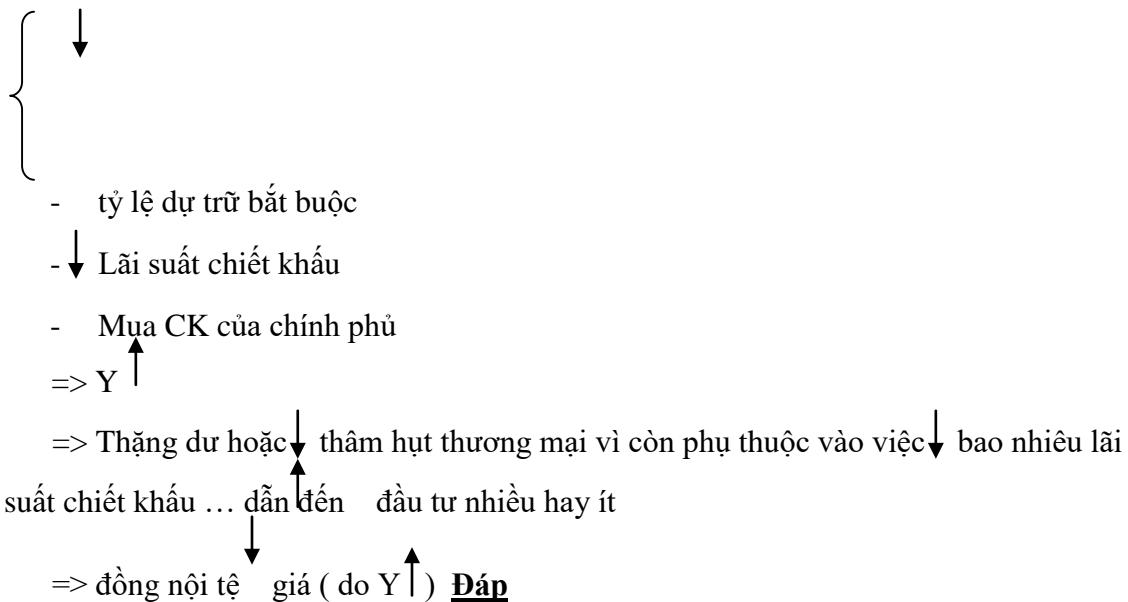
Xét : AD = C + I + G + X - M

Nếu C \uparrow , I \uparrow , G \downarrow (một lượng như nhau) thì AD \uparrow \Rightarrow lạm phát

Vậy nền kinh tế chuyển từ ổn định sang lạm phát

Đáp án Câu 20 : d

□ Giải thích : Chính sách mở rộng tiền tệ



Đáp án Câu 21 : a

\Rightarrow Giải thích : Tài khoản vốn thặng dư hoặc \downarrow thâm hụt

Việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài góp phần cải thiện cán cân thanh toán nhờ tài khoản vốn thặng dư hoặc thâm hụt là do I **Đáp án Câu 22 : d**

\Rightarrow Giải thích : Trạng thái toàn dụng có nghĩa là sản lượng mà nền kinh tế đạt được tương ứng với tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên (Un) và tỷ lệ lạm phát vừa phải mà nền kinh tế có thể chấp nhận được \Rightarrow vẫn còn 1 tỷ lệ lạm phát và thất nghiệp nhất định

Đáp án Câu 23 : b Đáp án Câu 24 : d

\Rightarrow Giải thích : Vì cán cân thương mại , cán cân thanh toán và sản lượng quốc gia đều có liên quan đến việc mua bán , trao đổi , xuất nhập khẩu trong nước và nước ngoài \Rightarrow liên quan đến mối quan hệ giữa nội tệ và ngoại tệ \Rightarrow tỷ giá hối đoái **Đáp án Câu 25 :**

a

\Rightarrow Giải thích : Vì thuế $\downarrow \Rightarrow Y_d \uparrow \Rightarrow C \uparrow \Rightarrow$ đòi $Y \uparrow$ (sản lượng)
 $\Rightarrow I$ phải $\uparrow \Rightarrow$ đòi hỏi nhiều lao động \Rightarrow thất nghiệp
 $\uparrow G \Rightarrow$ đòi hỏi $Y \uparrow$ (sản lượng) $\Rightarrow I$ phải \uparrow
 \Rightarrow Đòi hỏi nhiều lao động \Rightarrow thất nghiệp

Đáp án Câu 26 : a

□ Giải thích : Chọn năm 1 làm gốc tức là :

$$\text{GDP}_{\text{danh nghĩa} 1} = \text{GDP}_{\text{thực} 1} = 4000$$

$$\Rightarrow P_1 = 1$$

$$P_2 = (\text{GDP}_{\text{danh nghĩa} 2}) / \text{GDP}_{\text{thực} 1} = 4400 / 4000 = 110\%$$

Đáp án Câu 27 : c

□ Giải thích : Nếu lạm phát thực tế cao hơn lạm phát dự đoán thì :

- Khi đi vay , người vay đã dự tính được thiệt hại về số tiền vay \Rightarrow quyết định vay A (đvt). Lạm phát sẽ làm cho A ↑ giá trị (nghĩa là cũng với số tiền A nhưng giá trị b↑) \Rightarrow người đi vay bị thiệt
- Khi cho vay , người cho vay cũng dự tính được phần tiền lời mình thu về sau khi cho người đi vay vay nợ , Lạm phát làm cho đồng tiền cho vay mất giá. Vì đã cho vay (có kí kết hợp đồng về thời gian vay , số tiền lãi người đi vay phải trả ...) nên người cho vay không thể thay đổi phần lợi nhuận đã thỏa thuận ban đầu \Rightarrow Người chovay bị thiệt

Như vậy cả người cho vay và người đi vay đều bị thiệt.

Đáp án Câu 28 : d

\Rightarrow Giải thích : Cho : $C = 20 + 0,9Y$ (Y là thu nhập)

$$Y_d = 100$$

$$\text{Ta có : } Y_d = C + S$$

$$\Rightarrow S = Y_d - C$$

$$= 100 - 20 - 0,9Y$$

$$= 100 - 20 - 0,9(Y_d + T)$$

$$= 80 - 0,9(100 + T)$$

$$= 80 - 90 - 0,9T$$

$$= -10 - 0,9T$$

Vì thiếu T nên không thể tính S ở mức $Y_d = 100$ này được (Do Y trong $C = 20 + 0,9Y$ là thu nhập ; Y # Yd) **Đáp**

án Câu 29 : a

\Rightarrow Giải thích : Khi đó sản lượng thấp hơn sản lượng tiềm năng , muốn Y ↑ thì chính phủ mở rộng tiền tệ làm t/d “hất ra” . Cụ thể là : chi tiêu G của chính phủ \Rightarrow r để kích thích I ↑ . Từ đó tạo ra nhiều sản phẩm (Y ↑) \Rightarrow AD **Đáp án Câu 30 : c**

⇒ Giải thích : Một chính sách kiều hối khuyến khích & VN định cư ở nước ngoài gửi tiền về cho thân nhân trong nước sẽ làm dự trữ ngoại tệ của VN . Vì người dân có xu hướng sẽ dùng số tiền đó để chi tiêu cho một khoản cần thiết nào đó (hoặc có thể họ sẽ tiết kiệm) => dự trữ ngoại tệ của VN

Đáp án Câu 31 : a

- ⇒ Giải thích : $AD_{thực} < AD_{dự kiến}$ => hàng hóa doanh nghiệp sx theo $AD_{dự kiến}$ sẽ bị tồn kho => để không bị động trong Sx , doanh nghiệp sẽ sản lượng để GP thặng dư tồn kho so với mức tồn kho dự kiến Đáp án Câu 32 : c
- ⇒ Giải thích : Là một chính sách do NHTW thực hiện để kích thích cầu bằng cách hạ lãi suất chiết khấu , tỷ lệ dự trữ bắt buộc , hoặc mua chứng khoán của nhà nước

Đáp án Câu 33 : a

- Giải thích : Sản lượng tiềm năng là sản lượng mà tại đó nền kinh tế đạt được tương ứng với tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên (Un) và lạm phát vừa phải , có thể chấp nhận được , Theo thời gian khả năng sx của nền kinh tế luôn xu hướng $\rightarrow Y_p$ cũng . Do đó nếu AD thì lạm phát sẽ nhanh

Đáp án Câu 34 : d

- Giải thích : Theo đề bài ta có :

$$\Delta C = 10,000 ; \Delta Y = 20,000$$

$$Ta có MPC = \Delta C / \Delta Y = 10,000 / 20,000 = 0,5$$

$$MDS = 1 - MPC = 1 - 0,5 = 0,5$$

Thu nhập cân bằng lúc này có thể tính : Y

$$= C + I$$

$$= \left[\left\{ (110+120+130+140+150) / 5 \right\} + 10 \right] \times 1000 \\ = 150,000$$

$$Vậy MPC = 0,5 ; MPS = 0,5 ; Y = 150,000$$

Đáp án Câu 35 : d

- ⇒ Giải thích : Chú ý rằng tín phiếu kho bạc và công trái quốc gia cũng là quyền lợi và nghĩa vụ của công dân khi sở hữu , do đó có vai trò rất quan trọng trong ổn định kinh tế Đáp án Câu 36 : a

- ⇒ Giải thích : Vì theo phân tích thì

$$GDP = C + I + G + X - M \text{ (theo chi tiêu)}$$

Trong đó

C : tiêu dùng

I : đầu tư

G : chi tiêu của chính phủ

X – M : xuất khẩu ròng

X : xuất khẩu

M : nhập khẩu

Đáp án Câu 37 : a

Giải thích : Theo phân tích thì GDP

$$= R + W + i + \Pi \text{ (theo thu nhập)}$$

Trong đó :

R : tiền thuê do sử dụng tài sản hữu hình

W : tiền lương do sử dụng lao động i :

tiền lãi do sử dụng vốn

Π : lợi nhuận do việc quản lý

Đáp án Câu 38 : c

Giải thích câu 38 . 39 . 40

Theo đề bài ta có :

$$C = 0,75Yd + 400$$

$$Tx = 0,2Y + 400$$

$$M = 0,1Y + 400$$

$$Tr = 200$$

$$G = 1000$$

$$I = 750$$

$$X = 400$$

Thu nhập của nền kinh tế là :

$$Y = GDP = C + I + G + X - M$$

$$= 0,75Yd + 400 + 750 + 1000 + 400 - (0,1Y + 400)$$

$$\Leftrightarrow Y = 0,75 (Y - Tx + Tr) + 2150 - 0,1Y$$

$$\Leftrightarrow Y = 0,75Y - 0,75 (0,2Y + 400) + 0,75 \cdot 200 + 2150 - 0,1Y$$

$$\Leftrightarrow Y = 0,65Y - 0,15Y - 300 + 2300$$

Câu 39 : b

$$\Leftrightarrow Y = 0,5Y + 2000$$

$$\Leftrightarrow Y = 4000$$

Số nhân tổng cầu là :

$$k = 1 / 1 - MPC (1 - MPT) - MPI + MPM$$

$$= 1 / 1 - 0,75(1 - 0,2) - 0 + 0,1$$

$$\Rightarrow k = 2$$

$$\text{Khi } Tx \downarrow 100 \Rightarrow Tx' = 0,2Y + 300$$

Thu nhập của nền kinh tế lúc này là

$$Y' = GDP' = C' + I + G + X - M$$

$$\Leftrightarrow Y' = 0,75Yd + 400 + 750 + 100 + 400 - (0,1Y' + 400)$$

$$\Leftrightarrow Y' = 0,75 (Y' - T'x + Tn) + 2150 - 0,1Y'$$

$$\Leftrightarrow Y' = 0,75Y' - 0,75(0,2Y' + 300) + 0,75.200 + 2150 - 0,1Y'$$

$$\Leftrightarrow 0,65Y' - 0,15Y' - 225 + 2300$$

$$\square Y' = 0,5Y' + 2075$$

$$\Leftrightarrow Y' = 4150$$

$$\text{Suy ra } \Delta Y = Y' - Y = 4150 - 400 = 150$$

Đáp án : Câu 41 : b

\Leftrightarrow Giải thích : Đường LM được hình thành trong điều kiện lượng cung tiền S^M là không đổi . Nên khi thay đổi cung tiền thì LM sẽ dịch chuyển

Đáp án : Câu 42 : a

\Leftrightarrow Giải thích : Khi chính phủ tăng chi tiêu đã làm tổng cầu tăng , sản lượng cân bằng tăng , nên lượng cầu và tiền gia tăng , với lượng cung tiền cố định , nên lãi suất phải tăng để giảm bớt lượng cầu **Đáp án : Câu 43 : b**

\Leftrightarrow Giải thích : Khi lãi suất tăng hay giảm đều tác động đến chi tiêu của các hộ gia đình từ đó tác động đến mức sản lượng cân bằng trên thị trường hàng hóa và dịch vụ **Đáp án : Câu 44 : c**

\Leftrightarrow Giải thích : Khi sản lượng tăng , giảm sẽ tác động đến cầu tiền , nên lãi suất sẽ thay đổi

Đáp án : Câu 45 : b

\Leftrightarrow Giải thích : Để kích cầu chính phủ phải đưa tiền ra thị trường nên chính phủ phải tăng chi tiêu , giảm thu và NHTW mua chứng khoán chính phủ trên thị trường

Đáp án : Câu 46 : b

\Leftrightarrow Giải thích : * $Y = C + G + I$

$$C = 200 + 0,8Yd$$

$$= 200 + 0,8 (Y - T)$$

$$= 200 + 0,8 (Y - 100 - 0,2Y)$$

$$\begin{aligned}
&= 200 + 0,64Y - 80 \\
&= 120 + 0,64Y \\
Y &= 120 + 0,64Y + 700 + 150 - 40i \\
&= 970 + 0,64Y - 40i \\
&\square Y' = 2695 - 111i
\end{aligned}$$

$$* \mathbf{i} = (\mathbf{M} - \mathbf{D}_0) / \mathbf{D}_m^i - (\mathbf{D}_m^Y / \mathbf{D}_m^i) \cdot \mathbf{Y}$$

Với : $S^M = M$

$$\begin{aligned}
Với : D^M &= D_0 + D_m^i i + D_m^Y Y i = (\\
1500 - 800) / (-35) - (0,3 / -35)Y &\square i \\
&= -20 + 0,0086Y
\end{aligned}$$

Đáp án : Câu 47 :

a

Ta có : $S^M = D^M$

$$\begin{aligned}
1500 &= 800 + 0,3Y - 35i \\
35i &= 0,3Y - 700i \\
&= -20 + 0,0086Y
\end{aligned}$$

$$\begin{aligned}
&\Rightarrow Y = 2695 - 111(-20 + 0,0086Y) \\
&Y + 0,955Y = 4915
\end{aligned}$$

$$\Rightarrow 2514$$

$$\text{Thé } Y = 2514 \text{ vào } i = -20 + 0,0086Y$$

$$\Rightarrow i = -20 + 0,0086 \times 2514 = 1,62$$

Đáp án : Câu 48 : b

⇒ Giải thích : Khi có các nhân tố khác lãi suất tác động làm thay đổi tổng cầu AD thì IS sẽ dịch chuyển tương ứng với sự dịch chuyển của đường AD . Nếu tổng giảm thì đường

AD dịch chuyển xuống dưới , đường IS dịch chuyển sang trái

Đáp án : Câu 49 : d

⇒ Giải thích : Khi tăng lượng cung tiền thì lãi suất giảm , nhưng do tăng thuế nên đầu tư tự nhân giảm dẫn đến sản lượng sẽ giảm **Đáp án Câu 50 : a**

⇒ Giải thích : Khi chính phủ tăng chi tiêu các doanh nghiệp bán được hàng nên tăng sản xuất từ đó tăng cầu tiền , tăng lãi suất nhưng khi NHTW tăng cung tiền thì lãi suất có thể tăng hoặc giảm hoặc không đổi tùy vào lượng cung tiền **Đáp án Câu 51 : d**

⇒ Giải thích : Điểm cân bằng chung cho một hệ thống kinh tế đòi hỏi sự cân bằng đồng thời cả hai thị trường : tiền tệ và thị trường hàng hóa – dịch vụ **Đáp án Câu 52 : b**

⇒ Giải thích : Khi nền kinh tế nằm phía bên trái của đường IS và trên đường LM để đạt được sự cân bằng chu thì sản lượng sẽ tăng và lãi suất tăng **Đáp án Câu 53 : a**

⇒ Giải thích : Vì khi tăng chi tiêu đã làm tổng cầu tăng , sản lượng cân bằng tăng , nên lượng cung về tiền gia tăng mà nếu lượng cung tiền ổn định thì lãi suất phải tăng **Đáp án Câu 54 : c**

⇒ Giải thích : Vì khi LM nằm bên phải là lượng cung tiền tăng lên , lãi suất giảm kích thích nhà đầu tư tăng , tổng cầu tăng , sản lượng cân bằng tăng , tăng cầu tiền . **Đáp án Câu 55 : b**

⇒ Giải thích : Vì theo khái niệm đường LM là tập hợp các tổ hợp khác nhau giữa sản lượng và lãi suất mà tại đó thị trường tiền tệ cân bằng

Đáp án Câu 56 : d

⇒ Giải thích : Vì chính phủ đưa phái hợp chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ để giải quyết các vấn đề về kinh tế và đưa nền kinh tế ổn định nên điểm giao nhau của IS

– LM tổng thu nhập bằng với tổng chi , cung tiền bằng cầu tiền tại đó không có biến động về tiền

Đáp án Câu 57 : a

⇒ Giải thích : Đường IS dốc xuống biểu thị lãi suất cao hơn sẽ kéo theo sản lượng cân bằng thấp hơn

Đáp án Câu 58 : c

⇒ Giải thích : Đường LM dốc lên thể hiện khi sản lượng cao hơn sẽ đòi hỏi lượng cầu tiền cao hơn , để giảm bớt cầu tiền , lãi suất cân bằng trên thị trường tiền tệ sẽ tăng

Đáp án Câu 59 : d

⇒ Giải thích : Vì khi NHTW tăng chiết khấu lên thì lãi suất sẽ tăng , còn về sản lượng còn tùy thuộc vào chi tiêu của chính phủ

Đáp án Câu 60 : d

⇒ Giải thích : Vì người tiết kiệm mong muốn làm tăng thu nhập nhưng kết quả là tăng tiết kiệm sẽ làm giảm thu nhập. Hơn nữa , khi lượng tiết kiệm tăng thêm của dân chúng lại được đưa vào đầu tư như : gửi tiết kiệm, mua công trái , gửi ngân hàng sẽ không làm giảm tổng cầu , không làm giảm sản lượng **Đáp án Câu 61 : a**

⇒ Giải thích : Vì : số nhân của tổng cầu là hệ số phản ánh lượng thay đổi của sản lượng cân bằng quốc gia khi tổng cầu thay đổi trong phần chi tiêu tự định bằng 1 đơn vị

Đáp án Câu 62 : d

⇒ Giải thích : Vì ở mức cân bằng tổng cung bằng tổng cầu , lúc này thì sản lượng ở mức quân bình sẽ bằng với mức chi tiêu thực của dân chúng và sẽ nhiều hơn mức sản lượng tiềm năng

Đáp án Câu 63 : d

⇒ Giải thích : Vì khi Y (sản lượng thực tế) $<$ Y_d (sản lượng cân bằng) có nghĩa là tổng cầu đang lớn hơn GDP thực do đó người ta chi tiêu thực tế ít hơn so với kế hoạch dự kiến , Vì thế trên thị trường sẽ khan hiếm hàng hóa --> Doanh nghiệp phải xuất kho dự trữ , làm giảm tồn kho --> DN tăng sản lượng để bù đắp thiếu hụt **Đáp án Câu 64 : b**

⇒ Giải thích : Vì khi tiết kiệm tăng sẽ giảm thu nhập \square tổng cầu giảm \square sản lượng giảm

Đáp án Câu 65: d

⇒ Giải thích : Vì tiêu dùng biên Cm phản ánh lượng thay đổi của tiêu dùng khi thu nhập khả dụng thay đổi 1 đơn vị

Đáp án Câu 66 : b

⇒ Giải thích : Vì ta biết : $Y_d = C + S \quad \square S = Y_d - C$

Đáp án Câu 67 : b

⇒ Giải thích : Lãi suất là thể hiện giá doanh nghiệp phải trả nếu đi vay ngân hàng . Lãi suất tăng □ các DN sẽ không đi vay hay ít vay dẫn tới đầu tư giảm □ Sản lượng giảm

Đáp án Câu 68 : a

⇒ Giải thích : Vì thu nhập khả dụng là khoản thu nhập còn lại sau khi người dân đã nộp thuế cho nhà nước

Đáp án Câu 69 : a

⇒ Giải thích : Vì nó phản ánh lượng thay đổi của tiêu dùng khi thu nhập khả dụng thay đổi 1 đơn vị

Đáp án Câu 70 : a

⇒ Giải thích : Khi nền kinh tế suy thoái chính phủ áp dụng chính sách tài khóa ngược chiều tăng chi tiêu trợ cấp xã hội 8 tỷ đồng , nhằm giữ cho nền kinh tế luôn ở mức sản lượng tiềm năng , đổi lại , ngân sách sẽ bị thâm hụt tăng 8 tỷ

Đáp án Câu 71 : d

⇒ Giải thích : Chi chuyển nhượng là các khoản trợ cấp từ chính phủ cho công chúng

Vd : Chi trợ cấp người nghèo , thất nghiệp

Đáp án Câu 72 : d

⇒ Giải thích : Ngân sách chính phủ là tổng các kế hoạch chi tiêu và thu nhập hàng năm của chính phủ

Do đó khi : tổng thu > tổng chi thì ngân sách chính phủ sẽ thặng dư

Đáp án Câu 73 : b

⇒ Giải thích : Trong nền kinh tế nước ta hiện nay , nhu cầu xuất khẩu chủ yếu phụ thuộc vào nước ngoài , do đó gia tăng xuất khẩu sẽ tạo ra tiết kiệm để đầu tư trong nước

Đáp án Câu 74 : b

⇒ Giải thích : Khi nền kinh tế có mức sản lượng $Y_t < Y_p$, để kích thích tổng cầu tăng lên , làm tăng sản lượng quốc gia , chính phủ cần tăng thâm hụt ngân sách bằng cách tăng chi tiêu và giảm thuế

Đáp án Câu 75 : c

⇒ Giải thích : Thuế thu nhập lũy tiến là thuế thu nhập cá nhân và lợi nhuận của DN . Khi thu nhập quốc dân tăng lên , số thu về thuế tăng theo , và ngược lại khi thu nhập giảm , thuế giảm ngay

Khi người lao động bị mất việc họ sẽ được nhận 1 khoản trợ cấp từ bảo hiểm , và khi họ có việc làm thì sẽ bị cắt trợ cấp này đi. Như vậy tiền sẽ được bơm vào và rút ra khỏi nền kinh tế

□ Do đó góp phần vào ổn định nền kinh tế

Đáp án Câu 76 : b

⇒ Giải thích : Các số nhân về thuế và chi tiêu có dấu ngược nhau . Số nhân về thuế mang dấu âm (-) hàm ý thuế có tác dụng ngược chiều với thu nhập và sản lượng . Khi thuế tăng lên , thu nhập và sản lượng giảm đi. Và ngược lại , chính phủ giảm thuế , thu nhập và sản lượng tăng lên

Đáp án Câu 77 : b

⇒ Giải thích : Giá trị hàng hóa xuất khẩu – giá trị hàng hóa nhập khẩu = xuất khẩu ròng (cán cân thương mại)

Khi xuất khẩu lớn hơn nhập khẩu , nền kinh tế có thặng dư cán cân thương mại

Khi nhập khẩu vượt xuất khẩu , nền kinh tế bị thâm hụt cán cân thương mại

Đáp án Câu 78 : b

- ⇒ Giải thích : Khi chính phủ cắt giảm các khoản chi ngân sách nhờ đó mức chi tiêu chung giảm đi , sản lượng giảm theo và lạm phát sẽ chùng lại **Đáp án Câu 79 : c**
- ⇒ Giải thích : Chính sách tài khóa là việc chính phủ sử dụng thuế khóa và chi tiêu công cộng để điều tiết mức chi tiêu chung của nền kinh tế .

Đáp án Câu 80 : c

- ⇒ Giải thích : Vì giá hối đoái thực tế cao hơn tỷ giá hối đoái danh nghĩa làm cho hàng hóa trong nước trở lên rẻ hơn khi tính ra nội tệ và hàng hóa nước ngoài trở nên đắt hơn khi tính theo nội tệ nên làm tăng sức cạnh tranh của hàng hóa trong nước

Đáp án Câu 81 : b

- ⇒ Giải thích : Nguồn tài nguyên là có hạn trong khi nhu cầu của con người là vô hạn

Đáp án Câu 82 : c

- ⇒ Giải thích : Tổng cung ngắn hạn phản ánh quan hệ giữa tổng cung và mức giá trong điều kiện giá các yếu tố đầu vào chưa thay đổi

Khi tiền lương càng tăng thì chi phí sản xuất sẽ càng tăng . Khi đó các doanh nghiệp sẽ giảm sản lượng muốn cung ứng cho nền kinh tế ở mọi mức giá

Đáp án Câu 83 : b

- ⇒ Giải thích : Giá thị trường và chi phí cho yếu tố sản xuất phản ánh cơ cấu của giá và chung chênh lệch nhau bởi bộ phận thuế gián thu và GDPmp
GDP danh nghĩa theo chi phí cho yếu tố SX = GDP danh nghĩa theo giá thị trường – Thuế gián thu

$$GDPfc = GDPmp - Ti$$

Đáp án Câu 84 : a

- ⇒ Giải thích : Sự gia tăng của GDP thực tế chỉ có thể do lượng hàng hóa và dịch vụ cuối cùng trong nền kinh tế gia tăng qua các năm , nên người ta dùng nó để đo lường tăng trưởng của nền kinh tế mà trong thực tế người ta tính GDP thực tế bằng cách $GDPr = \frac{GDPn}{D\%}$

$$D\%$$

Trong đó : $GDPr$: GDP danh nghĩa $GDPn$
: GDP thực tế

$$D\% : \text{Hệ số lạm phát GDP}$$

Nên từ công thức tính $GDPr$ ta thấy được đã loại được yếu tố lạm phát qua các năm **Đáp án : Câu 85 : b**

- ⇒ Giải thích : Để kích cầu chính phủ phải đưa tiền ra thị trường nên chính phủ phải tăng chi tiêu , giảm thu và NHTW mua chứng khoán chính phủ trên thị trường **Đáp án**

Câu 86 : a

⇒ Giải thích : Thị trường ngoại hối là thị trường mua bán ngoại tệ . Ví dụ như : nếu ngoại tệ có xu hướng nhiều ngoài thị trường thì nhà nước dùng nội tệ để mua ngoại tệ nhằm ổn định thị trường ngoại hối => dự trữ ngoại tệ . Và ngược lại

Đáp án Câu 87 : d

⇒ Giải thích : Nếu tỉ giá hối đoái danh nghĩa không đổi tốc độ ↑ giá trong nước nhanh hơn giá Thế giới , sức cạnh tranh của hàng hóa trong nước sẽ còn phụ thuộc vào tỉ giá hối đoái của trong nước so với nước ngoài, phụ thuộc vào yếu tố môi trường , thị hiếu...

Đáp án : Câu 88 : b

⇒ Giải thích : Khi có các nhân tố khác lãi suất tác động làm thay đổi tổng cầu AD thì IS sẽ dịch chuyển tương ứng với sự dịch chuyển của đường AD . Nếu tổng giảm thì đường

AD dịch chuyển xuống dưới , đường IS dịch chuyển sang trái

Đáp án : Câu 89 : d

Giải thích : Khi tăng lượng cung tiền thì lãi suất giảm , nhưng do tăng thuế nên đầu tư nhân giảm dẫn đến sản lượng sẽ giảm

Đáp án Câu 90 : a

⇒ Giải thích : Khi chính phủ tăng chi tiêu các doanh nghiệp bán được hàng nên tăng sản xuất từ đó tăng cầu tiền , tăng lãi suất nhưng khi NHTW tăng cung tiền thì lãi suất có thể tăng hoặc giảm hoặc không đổi tùy vào lượng cung tiền **Đáp án Câu 91 : d**

⇒ Giải thích : Điểm cân bằng chung cho một hệ thống kinh tế đòi hỏi sự cân bằng đồng thời cả hai thị trường : tiền tệ và thị trường hàng hóa – dịch vụ **Đáp án Câu 92 : b**

⇒ Giải thích : Khi nền kinh tế nằm phía bên trái của đường IS và trên đường LM để đạt được sự cân bằng chu thì sản lượng sẽ tăng và lãi suất tăng **Đáp án Câu 93 : a**

⇒ Giải thích : Vì khi tăng chi tiêu đã làm tổng cầu tăng , sản lượng cân bằng tăng , nên lượng cung về tiền gia tăng mà nếu lượng cung tiền ổn định thì lãi suất phải tăng **Đáp án Câu 94 : c**

⇒ Giải thích : Vì khi LM nằm bên phải là lượng cung tiền tăng lên , lãi suất giảm kích thích nhà đầu tư tăng , tổng cầu tăng , sản lượng cân bằng tăng , tăng cầu tiền . **Đáp án Câu 95 : b**

⇒ Giải thích : Vì theo khái niệm đường LM là tập hợp các tổ hợp khác nhau giữa sản lượng và lãi suất mà tại đó thị trường tiền tệ cân bằng **Đáp án Câu 96 : d**

⇒ Giải thích : Vì chính phủ đưa phôi hợp chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ để giải quyết các vấn đề về kinh tế và đưa nền kinh tế ổn định nên điểm giao nhau của IS

–
LM tổng thu nhập bằng với tổng chi , cung tiền bằng cầu tiền tại đó không có biến động về tiền

Đáp án Câu 97 : a

⇒ Giải thích : Đường IS dốc xuống biểu thị lãi suất cao hơn sẽ kéo theo sản lượng cân bằng thấp hơn

Đáp án Câu 98 : c

⇒ Giải thích : Đường LM dốc lên thể hiện khi sản lượng cao hơn sẽ đòi hỏi lượng cầu tiền cao hơn , để giảm bớt cầu tiền , lãi suất cân bằng trên thị trường tiền tệ sẽ tăng **Đáp án Câu 99 : d**

⇒ Giải thích : Vì khi NHTW tăng chiết khấu lên thì lãi suất sẽ tăng , còn về sản lượng còn tùy thuộc vào chi tiêu của chính phủ . **Đáp án Câu 100 : d**

⇒ Giải thích : Vì người tiết kiệm mong muốn làm tăng thu nhập nhưng kết quả là tăng tiết kiệm sẽ làm giảm thu nhập. Hơn nữa , khi lượng tiết kiệm tăng thêm của dân chúng lại được đưa vào đầu tư như : gửi tiết kiệm, mua công trái , gửi ngân hàng sẽ không làm giảm tổng cầu , không làm giảm sản lượng **Đáp án Câu 101 : a**

⇒ Giải thích : Vì : số nhân của tổng cầu là hệ số phản ánh lượng thay đổi của sản lượng cân bằng quốc gia khi tổng cầu thay đổi trong phần chi tiêu tự định bằng 1 đơn vị

Đáp án Câu 102 : d

⇒ Giải thích : Vì ở mức cân bằng tổng cung bằng tổng cầu , lúc này thì sản lượng ở mức quân bình sẽ bằng với mức chi tiêu thực của dân chúng và sẽ nhiều hơn mức sản lượng tiềm năng

Đáp án Câu 103 : d

⇒ Giải thích : Vì khi Y (sản lượng thực tế) $< Y_d$ (sản lượng cân bằng) có nghĩa là tổng cầu đang lớn hơn GDP thực do đó người ta chi tiêu thực tế ít hơn so với kế hoạch dự kiến , Vì thế trên thị trường sẽ khan hiếm hàng hóa --> Doanh nghiệp phải xuất kho

dự trữ , làm giảm tồn kho --> DN tăng sản lượng để bù đắp thiếu hụt **Đáp án Câu 104 : b**

⇒ Giải thích : Vì khi tiết kiệm tăng sẽ giảm thu nhập ⇒ tổng cầu giảm ⇒ sản lượng giảm

Đáp án Câu 105 : d

⇒ Giải thích : Vì tiêu dùng biên C_m phản ánh lượng thay đổi của tiêu dùng khi thu nhập khả dụng thay đổi 1 đơn vị

Đáp án Câu 106 : b

⇒ Giải thích : Vì ta biết : $Y_d = C + S$ ⇒ $S = Y_d - C$

Đáp án Câu 107 : b

⇒ Giải thích : Lãi suất là thể hiện giá doanh nghiệp phải trả nếu đi vay ngân hàng . Lãi suất tăng ⇒ các DN sẽ không đi vay hay ít vay dẫn tới đầu tư giảm ⇒ Sản lượng giảm

Đáp án Câu 108 : a

⇒ Giải thích : Vì thu nhập khả dụng là khoản thu nhập còn lại sau khi người dân đã nộp thuế cho nhà nước **Đáp án Câu 109 : a**

⇒ Giải thích : Vì nó phản ánh lượng thay đổi của tiêu dùng khi thu nhập khả dụng thay đổi 1 đơn vị

Đáp án Câu 110 : a

⇒ Giải thích : Khi nền kinh tế suy thoái chính phủ áp dụng chính sách tài khóa ngược chiều tăng chi tiêu trợ cấp xã hội 8 tỷ đồng , nhằm giữ cho nền kinh tế luôn ở mức sản lượng tiềm năng , đổi lại , ngân sách sẽ bị thâm hụt tăng 8 tỷ

Đáp án Câu 111 : d

⇒ Giải thích : Chi chuyển nhượng là các khoản trợ cấp từ chính phủ cho công chúng
Vd : Chi trợ cấp người nghèo , thất nghiệp

Đáp án Câu 112 : d

⇒ Giải thích : Ngân sách chính phủ là tổng các kế hoạch chi tiêu và thu nhập hằng năm của chính phủ

Do đó khi : tổng thu > tổng chi thì ngân sách chính phủ sẽ thặng dư

Đáp án Câu 113 : b

⇒ Giải thích : Trong nền kinh tế nước ta hiện nay , nhu cầu xuất khẩu chủ yếu phụ thuộc vào nước ngoài , do đó gia tăng xuất khẩu sẽ tạo ra tiết kiệm để đầu tư trong nước

Đáp án Câu 114 : b

⇒ Giải thích : Khi nền kinh tế có mức sản lượng $Y_t < Y_p$, để kích thích tổng cầu tăng lên , làm tăng sản lượng quốc gia , chính phủ cần tăng thêm hụt ngân sách bằng cách tăng chi tiêu và giảm thuế **Đáp án Câu 115 : c**

Giải thích : Thuế thu nhập lũy tiền là thuế thu nhập cá nhân và lợi nhuận của DN . Khi thu nhập quốc dân tăng lên , số thu về thuế tăng theo , và ngược lại khi thu nhập giảm , thuế giảm ngay

Khi người lao động bị mất việc họ sẽ được nhận 1 khoản trợ cấp từ bảo hiểm , và khi họ có việc làm thì sẽ bị cắt trợ cấp này đi. Như vậy tiền sẽ được bơm vào và rút ra khỏi nền kinh tế

□ Do đó góp phần vào ổn định nền kinh tế

Đáp án Câu 116 : b

⇒ Giải thích : Các số nhân về thuế và chi tiêu có dấu ngược nhau . Số nhân về thuế mang dấu âm (-) hàm ý thuế có tác dụng ngược chiều với thu nhập và sản lượng . Khi thuế tăng lên , thu nhập và sản lượng giảm đi. Và ngược lại , chính phủ giảm thuế , thu nhập và sản lượng tăng lên

Đáp án Câu 117 : b

⇒ Giải thích : Giá trị hàng hóa xuất khẩu – giá trị hàng hóa nhập khẩu = xuất khẩu ròng (cán cân thương mại)

Khi xuất khẩu lớn hơn nhập khẩu , nền kinh tế có thặng dư cán cân thương mại

Khi nhập khẩu vượt xuất khẩu , nền kinh tế bị thâm hụt cán cân thương mại

Đáp án Câu 118 : b

⇒ Giải thích : Khi chính phủ cắt giảm các khoản chi ngân sách nhờ đó mức chi tiêu chung giảm đi , sản lượng giảm theo và lạm phát sẽ chùng lại

Đáp án Câu 119 : c

⇒ Giải thích : Chính sách tài khóa là việc chính phủ sử dụng thuế khóa và chi tiêu công cộng để điều tiết mức chi tiêu chung của nền kinh tế .

Đáp án Câu 120 : c

⇒ Giải thích : Vì giá hối đoái thực tế cao hơn tỷ giá hối đoái danh nghĩa làm cho hàng hóa trong nước trở lên rẻ hơn khi tính ra nội tệ và hàng hóa nước ngoài trở nên đắt hơn khi tính theo nội tệ nên làm tăng sức cạnh tranh của hàng hóa trong nước

Đáp án Câu 121 : d

⇒ Giải thích : Theo định nghĩa : kinh tế học là môn học khoa học xã hội nghiên cứu cách thức sử dụng nguồn tài nguyên có giới hạn để sản xuất của cải vật chất để phục vụ cho nhu cầu vô hạn của con người

Đáp án Câu 122 : d

⇒ Giải thích : Độ lệch giữa sản lượng thực tế và sản lượng tiềm năng càng lớn thì hai thái cực lạm phát cao và thất nghiệp nhiều càng xảy ra nghiêm trọng . Vì vậy , mục tiêu ổn định là làm cho sản lượng thực tế được duy trì ở một mức nào đó mà giá cả không lên quá cao , không có hiện tượng tăng dốc , đồng thời thất nghiệp cũng không tăng quá nhiều

Mức sản lượng đó chính là mức sản lượng tiềm năng

Đáp án Câu 123 : d

⇒ Giải thích : Ta có : GDP thực (GDPr) = GDPdanhngchia(GDPn)
Hệ số lạm phát (D%)

Mà D% phản ánh mức trượt giá của mặt bằng ở năm hiện hành so với kỳ gốc . Do đó , khi chỉ số giá năm hiện hành bằng chỉ số giá năm gốc thì D% = 1

Lúc đó : $GDP_{thực} = GDP_{danh\ Nghĩa}$ của năm hiện hành

Đáp án Câu 124 : c

⇒ Giải thích : Ta có : NIA = C – B

B là giá trị do công nhân nước khác tạo ra trên lãnh thổ (thu nhập do nhập khẩu các yếu tố sản xuất)

C là giá trị do công nhân một nước tạo ra trên lãnh thổ nước khác (thu nhập do xuất khẩu các yếu tố sản xuất)

Với NIA (Net income Abroad) : thu nhập ròng từ nước ngoài , là hiệu số của thu nhập do xuất khẩu yếu tố sản xuất **Đáp án : Câu 125 : a**

⇒ Giải thích : Khi chính phủ tăng chi tiêu đã làm tổng cầu tăng , sản lượng cân bằng tăng , nên lượng cầu và tiền gia tăng , với lượng cung tiền cố định , nên lãi suất phải tăng để giảm bớt lượng cầu

Đáp án : Câu 126 : d

⇒ Giải thích : Khi tăng lượng cung tiền thì lãi suất giảm , nhưng do tăng thuế nên đầu tư tư nhân giảm dẫn đến sản lượng sẽ giảm

Đáp án Câu 127 : c

⇒ Giải thích : Vì giá hối đoái thực tế cao hơn tỷ giá hối đoái danh nghĩa làm cho hàng hóa trong nước trở lên rẻ hơn khi tính ra nội tệ và hàng hóa nước ngoài trở nên đắt hơn khi tính theo nội tệ nên làm tăng sức cạnh tranh của hàng hóa trong nước **Đáp án : Câu 128 : b**

⇒ Giải thích : * $Y = C + G + I$

$$C = 200 + 0,8Y_d$$

$$= 200 + 0,8 (Y - T)$$

$$= 200 + 0,8 (Y - 100 - 0,2Y)$$

$$= 200 + 0,64Y - 80$$

- $= 120 + 0,64Y$
- $$\begin{aligned} Y &= 120 + 0,64Y + 700 + 150 - 40i \\ &= 970 + 0,64Y - 40i \end{aligned}$$
- $$\square Y' = 2695 - 111i$$
- $$* i = (M - D_0)/D_m^i - (D_m^Y / D_m^i) \cdot Y$$
- Với : $S^M = M$
- Với : $D^M = D_0 + D_m^i i + D_m^Y Y i = (1500 - 800)/(-35) - (0,3 / -35)Y \square i$
 $= -20 + 0,0086Y$ **Đáp án : Câu 129**
- : a
- Ta có : $S^M = D^M$
- $$\begin{aligned} 1500 &= 800 + 0,3Y - 35i \\ 35i &= 0,3Y - 700i \\ &= -20 + 0,0086Y \end{aligned}$$
- $$\Rightarrow Y = 2695 - 111(-20 + 0,0086Y)$$
- $$Y + 0,955Y = 4915$$
- $$\Rightarrow 2514$$
- Thé $Y = 2514$ vào $i = -20 + 0,0086Y$
- $$\Rightarrow i = -20 + 0,0086 \times 2514 = 1,62$$
- Đáp án : Câu 130 : b**
- \Leftrightarrow Giải thích : Để kích cầu chính phủ phải đưa tiền ra thị trường nên chính phủ phải tăng chi tiêu, giảm thu và NHTW mua chứng khoán chính phủ trên thị trường **Đáp án**
- Câu 131 : d**
- Giải thích : Điểm cân bằng chung cho một hệ thống kinh tế đòi hỏi sự cân bằng đồng thời cả hai thị trường : tiền tệ và thị trường hàng hóa – dịch vụ **Đáp án Câu 132 : c**
- \Leftrightarrow Giải thích : Khi sản lượng tăng, giảm sẽ tác động đến cầu tiền, nên lãi suất sẽ thay đổi
- Đáp án Câu 133 : b**
- \Leftrightarrow Giải thích : Khi nền kinh tế nằm phía bên trái của đường IS và trên đường LM để đạt được sự cân bằng thì sản lượng sẽ tăng và lãi suất tăng **Đáp án Câu 134 : a**
- \Leftrightarrow Giải thích : Khi chính phủ tăng chi tiêu các doanh nghiệp bán được hàng nên tăng sản xuất từ đó tăng cầu tiền, tăng lãi suất nhưng khi NHTW tăng cung tiền thì lãi suất có thể tăng hoặc giảm hoặc không đổi tùy vào lượng cung tiền **Đáp án Câu 135 : a**

⇒ Giải thích : Vì khi tăng chi tiêu đã làm tổng cầu tăng , sản lượng cân bằng tăng , nên lượng cung về tiền gia tăng mà nếu lượng cung tiền ổn định thì lãi suất phải tăng **Đáp án Câu 136 : c**

⇒ Giải thích : Vì khi LM nằm bên phải là lượng cung tiền tăng lên , lãi suất giảm kích thích nhà đầu tư tăng , tổng cầu tăng , sản lượng cân bằng tăng , tăng cầu tiền . **Đáp án Câu 137 : d**

⇒ Giải thích : Vì chính phủ đưa phôi hợp chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ để giải quyết các vấn đề về kinh tế và đưa nền kinh tế ổn định nên điểm gặp nhau của IS

—
LM tổng thu nhập bằng với tổng chi , cung tiền bằng cầu tiền tại đó không có biến động về tiền

Đáp án Câu 138 : b

⇒ Giải thích : Vì theo khái niệm đường LM là tập hợp các tổ hợp khác nhau giữa sản lượng và lãi suất mà tại đó thị trường tiền tệ cân bằng **Đáp án Câu 139 : a**

⇒ Giải thích : Đường IS dốc xuống biểu thị lãi suất cao hơn sẽ kéo theo sản lượng cân bằng thấp hơn **Đáp án Câu 140 : d**

⇒ Giải thích : Vì khi NHTW tăng chiết khấu lên thì lãi suất sẽ tăng , còn về sản lượng còn tùy thuộc vào chi tiêu của chính phủ . **Đáp án Câu 141 : c**

⇒ Giải thích : Đường LM dốc lên thể hiện khi sản lượng cao hơn sẽ đòi hỏi lượng cầu tiền cao hơn , để giảm bớt cầu tiền , lãi suất cân bằng trên thị trường tiền tệ sẽ tăng

Đáp án Câu 142 : a

⇒ Giải thích : Vì : số nhân của tổng cầu là hệ số phản ánh lượng thay đổi của sản lượng cân bằng quốc gia khi tổng cầu thay đổi trong phần chi tiêu tự định bằng 1 đơn vị

Đáp án Câu 143 : d

⇒ Giải thích : Vì khi Y (sản lượng thực tế) < Yd (sản lượng cân bằng) có nghĩa là tổng cầu đang lớn hơn GDP thực do đó người ta chi tiêu thực tế ít hơn so với kế hoạch dự kiến , Vì thế trên thị trường sẽ khan hiếm hàng hóa --> Doanh nghiệp phải xuất kho

dự trữ , làm giảm tồn kho --> DN tăng sản lượng để bù đắp thiếu hụt **Đáp án Câu 144 : d**

⇒ Giải thích : Vì ở mức cân bằng tổng cung bằng tổng cầu , lúc này thì sản lượng ở mức quân bình sẽ bằng với mức chi tiêu thực của dân chúng và sẽ nhiều hơn mức sản lượng tiềm năng

Đáp án Câu 145 : b

⇒ Giải thích : Vì khi tiết kiệm tăng sẽ giảm thu nhập □ tổng cầu giảm □ sản lượng giảm

Đáp án Câu 146 : b

⇒ Giải thích : Vì ta biết : $Yd = C + S$ □ $S = Yd - C$

Đáp án Câu 147 : d

- ⇒ Giải thích : Vì tiêu dùng biên Cm phản ánh lượng thay đổi của tiêu dùng khi thu nhập khả dụng thay đổi 1 đơn vị **Đáp án Câu 148 : b**
- ⇒ Giải thích : Lãi suất là thể hiện giá doanh nghiệp phải trả nếu đi vay ngân hàng . Lãi suất tăng □ các DN sẽ không đi vay hay ít vay dẫn tới đầu tư giảm □ Sản lượng giảm **Đáp án Câu 149 : a**
- ⇒ Giải thích : Vì nó phản ánh lượng thay đổi của tiêu dùng khi thu nhập khả dụng thay đổi 1 đơn vị

Đáp án Câu 150 : a

- ⇒ Giải thích : Vì thu nhập khả dụng là khoản thu nhập còn lại sau khi người dân đã nộp thuế cho nhà nước **Đáp án Câu 151 : a**
- ⇒ Giải thích : Khi nền kinh tế suy thoái chính phủ áp dụng chính sách tài khóa ngược chiều tăng chi tiêu trợ cấp xã hội 8 tỷ đồng , nhằm giữ cho nền kinh tế luôn ở mức sản lượng tiềm năng , đổi lại , ngân sách sẽ bị thâm hụt tăng 8 tỷ

Đáp án Câu 152 : b

- ⇒ Giải thích : Trong nền kinh tế nước ta hiện nay , nhu cầu xuất khẩu chủ yếu phụ thuộc vào nước ngoài , do đó gia tăng xuất khẩu sẽ tạo ra tiết kiệm để đầu tư trong nước

Đáp án Câu 153 : d

- ⇒ Giải thích : Chi chuyển nhượng là các khoản trợ cấp từ chính phủ cho công chúng
Vd : Chi trợ cấp người nghèo , thất nghiệp

Đáp án Câu 154 : a

- ⇒ Giải thích : Không có sự can thiệp của Chính phủ đến thị trường ngoại hối . Dự trữ ngoại hối giữ nguyên . Tỷ giá sẽ điều chỉnh để cân bằng giữa cung đồng nội tệ trên thị trường ngoại hối . **Đáp án Câu 155 : d**
- ⇒ Giải thích : Ngân sách chính phủ là tổng các kế hoạch chi tiêu và thu nhập hằng năm của chính phủ
Do đó khi : tổng thu > tổng chi thì ngân sách chính phủ sẽ thặng dư

Đáp án Câu 156 : b

- ⇒ Giải thích : Khi nền kinh tế có mức sản lượng $Y_t < Y_p$, để kích thích tổng cầu tăng lên , làm tăng sản lượng quốc gia , chính phủ cần tăng thâm hụt ngân sách bằng cách tăng chi tiêu và giảm thuế

Đáp án Câu 157 : b

- ⇒ Giải thích : Các số nhân về thuế và chi tiêu có dấu ngược nhau . Số nhân về thuế mang dấu âm (-) hàm ý thuế có tác dụng ngược chiều với thu nhập và sản lượng . Khi

thuế tăng lên , thu nhập và sản lượng giảm đi.Và ngược lại , chính phủ giảm thuế , thu nhập và sản lượng tăng lên

Đáp án Câu 158 : c

⇒ Giải thích : Thuế thu nhập lũy tiến là thuế thu nhập cá nhân và lợi nhuận của DN . Khi thu nhập quốc dân tăng lên , số thu về thuế tăng theo , và ngược lại khi thu nhập giảm , thuế giảm ngay

Khi người lao động bị mất việc họ sẽ được nhận 1 khoản trợ cấp từ bảo hiểm , và khi họ có việc làm thì sẽ bị cắt trợ cấp này đi. Như vậy tiền sẽ được bơm vào và rút ra khỏi nền kinh tế

- Do đó góp phần vào ổn định nền kinh tế

Đáp án Câu 159 : c

⇒ Giải thích : Chính sách tài khóa là việc chính phủ sử dụng thuế khóa và chi tiêu công cộng để điều tiết mức chi tiêu chung của nền kinh tế .

Đáp án Câu 160: b

⇒ Giải thích : Giá trị hàng hóa xuất khẩu – giá trị hàng hóa nhập khẩu = xuất khẩu ròng (cán cân thương mại)

Khi xuất khẩu lớn hơn nhập khẩu , nền kinh tế có thặng dư cán cân thương mại

Khi nhập khẩu vượt xuất khẩu , nền kinh tế bị thâm hụt cán cân thương mại

Đáp án Câu 161 : c

⇒ Giải thích : Sản lượng tiềm năng chưa phải là mức sản lượng cao nhất mà nền kinh tế có thể đạt được . Trong thực tế , vào những thời kỳ hưng thịnh các doanh nghiệp có xu hướng tuyển mộ công nhân ráo riết hơn , kích thích công nhân tăng giờ làm việc. Kết quả là sản lượng thực tế cao hơn sản lượng tiềm năng (và thất nghiệp thực tế thấp hơn tỉ lệ thất nghiệp tự nhiên) . Tuy nhiên , lúc đó vì phải trả thù lao cho lao động cao hơn trước nên chi phí sản xuất gia tăng , thúc đẩy tăng giá . Giá tăng lại xuất hiện yêu cầu tăng lương. Lương tăng lại tiếp tục làm tăng chi phí , đẩy mức giá lên cao hơn nữa . Nền kinh tế lâm vào tình trạng lạm phát cao.

Đáp án Câu 162 : b

⇒ Giải thích : Mục tiêu ổn định là hạn chế chu kỳ kinh doanh , tránh lạm phát cao và thất nghiệp nhiều . Nếu điều chỉnh lạm phát ở mức thấp nhất dẫn đến chỉ số giá cao (đến mức ↑ cực điểm sẽ gây thiệt hại cho người tiêu dùng ...) **Đáp án Câu 163 : d**

Giải thích : Vì đầu tư có ảnh hưởng đến tổng cung trong dài hạn . Đầu tư có nghĩa là đổi mới công nghệ , thay thế công nghệ cũ lỗi thời bằng công nghệ tiên tiến => tạo ra nhiều sản phẩm => tổng cung

Đáp án Câu 164 : a

⇒ Giải thích : Theo định nghĩa thu nhập khả dụng (hay thu nhập cá nhân có quyền sử dụng) là khoản thu nhập thực sự mà các hộ gia đình có toàn quyền quyết định trong việc chi tiêu , tức là khoản thu nhập còn lại sau khi các cá nhân , người tiêu dùng đã nhận các khoản chi chuyên nhượng từ chính phủ và đã nộp các khoản thuế

Yd – PI – Td

Đáp án Câu 165 : c

⇒ Giải thích : Thuế GTGT không phải là thuế trực thu mà là thuế gián thu vì đây là loại thuế gián tiếp đánh vào thu nhập xã hội thông qua giá cả hàng hóa , người nộp thuế là các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh nhưng người chịu thuế là người tiêu dùng cuối cùng.

Đáp án Câu 166 : c

⇒ Giải thích : GDP chỉ giá trị hàng hóa và dịch vụ cuối cùng không tính giá trị hàng hóa và dịch vụ trung gian để tránh hiện tượng tính trùng trong nền kinh tế. Vì giá trị hàng hóa của dịch vụ trung gian đã được tính trong giá trị hàng hóa và dịch vụ cuối cùng

Đáp án Câu 167 : a

⇒ Giải thích : Khi tăng cung ngoại tệ NHTW sẽ bỏ ra một khoản nội tệ tương ứng để mua ngoại tệ , làm tăng dự trữ ngoại tệ

Đáp án Câu 168 : d

⇒ Giải thích : Theo định nghĩa , quốc gia nào có chi phí sản xuất về 1 loại hàng hóa thấp hơn so với Quốc gia khác thì Quốc gia đó có lợi thế tuyệt đối về mặt hàng hóa . Quốc gia A có lợi thế tương đối ở mặt hàng gạo do CPSX gạo ở QG A thấp hơn CPSX ô tô ở QG A **Đáp án Câu 169 : b**

⇒ Giải thích : Vì trong thời kỳ 1990 đến nay Việt Nam nhập khẩu nhiều hơn xuất khẩu **Đáp án Câu 170 : d**

⇒ Giải thích : Chính phủ cố định tỷ giá cố định là một lời cam kết xác lập một mức lãi suất phù hợp để loại bỏ hiện tượng chu chuyển vốn một chiều . Do vậy trong ngắn hạn lãi suất cân bằng lãi suất thế giới , sản lượng tăng

Đáp án Câu 171: c

⇒ Giải thích : Do trong trường hợp này , chi tiêu Chính phủ tăng làm tăng lãi suất và đầu tư giảm

Đáp án Câu 172 : b

⇒ Giải thích : Trong dài hạn sử dụng chính sách tài khóa mở rộng làm tổng cầu tăng lên kéo giá tăng lên , giảm khả năng cạnh tranh của hàng hóa trong nước trên thị trường thế giới , xuất khẩu giảm , hàng hóa và dịch vụ giảm , làm giảm sản lượng . Dẫn đến thâm hụt cán cân thương mại , lãi suất và sản lượng trở về mức cũ .

Đáp án Câu 173: c

⇒ Giải thích : Trong dài hạn sử dụng chính sách tài khóa mở rộng làm tổng cầu tăng lên kéo giá tăng lên , giảm khả năng cạnh tranh của hàng hóa trong nước trên thị trường thế giới , xuất khẩu giảm , hàng hóa và dịch vụ giảm , làm giảm sản lượng . Dẫn đến thâm hụt cán cân thương mại , lãi suất và sản lượng trở về mức cũ .

Đáp án Câu 174: c

⇒ Giải thích : Để cố định tỷ giá hối đoái NHTW phải bán dự trữ ngoại tệ và mua nội tệ **Đáp án Câu 175: d**

⇒ Giải thích : Trong trường hợp này đầu tư đổ vào tăng , tỷ giá hối đoái giảm , xuất khẩu giảm và nhập khẩu tăng . Nên sản lượng không tăng lên và cán cân thương mại xấu đi .

Đáp án Câu 176: b

⇒ Giải thích : Để cố định tỷ giá hối đoái NHTW phải bán dự trữ ngoại tệ và mua nội tệ . Mặt khác chính sách này bị triệt tiêu bởi nguồn vốn vận động ra nước ngoài khi lãi suất giảm . Do vậy chính sách tiền tệ tỏ ra kém hiệu lực hơn so với nền kinh tế mở

Đáp án Câu 177: d

⇒ Giải thích : Khi đó vốn đổ ra , tỷ giá hối đoái tăng , xuất khẩu tăng , nhập khẩu giảm **Đáp án Câu 178 : b**

⇒ Giải thích : Theo định nghĩa , tài khoản vốn ghi chép mọi luồng vốn đi vào và đi ra khỏi lãnh thổ quốc gia

Đáp án Câu 179: b

⇒ Giải thích : Theo định nghĩa , tài khoản vốn ghi chép mọi luồng vốn đi vào và đi ra khỏi lãnh thổ quốc gia

Đáp án Câu 180 : d

⇒ Giải thích : Khi đó vốn đổ ra , tỷ giá hối đoái tăng , xuất khẩu tăng , nhập khẩu giảm **Đáp án Câu 181 : c**

⇒ Giải thích : Như vậy làm tăng sức cạnh tranh của hàng hóa trong nước , đẩy mạnh xuất khẩu . Tăng sức mua của nước ngoài đối với hàng trong nước làm tăng cung ngoại tệ đẩy tỷ giá tăng lên

Đáp án Câu 182 : b

⇒ Giải thích : Giá cao làm giảm sức cạnh tranh của hàng hóa trong nước

Đáp án Câu 183 : d

⇒ Giải thích : Tùy thuộc vào cán cân thanh toán của Việt Nam hiện tại và luồng vốn nhà đầu tư nước ngoài đổ vào Việt nam là bao nhiêu **Đáp án Câu 184 : b**

⇒ Giải thích : Khi có các nhân tố khác lãi suất tác động làm thay đổi tổng cầu AD thì IS sẽ dịch chuyển tương ứng với sự dịch chuyển của đường AD . Nếu tổng giảm thì đường AD dịch chuyển xuống dưới , đường IS dịch chuyển sang trái

Đáp án Câu 185 : b

⇒ Giải thích : Đường LM được hình thành trong điều kiện lượng cung tiền S^M là không đổi . Nên khi thay đổi cung tiền thì LM sẽ dịch chuyển

Đáp án Câu 186 : d

⇒ Giải thích : Khi tăng lượng cung tiền thì lãi suất giảm , nhưng do tăng thuế nên đầu tư tư nhân giảm dẫn đến sản lượng sẽ giảm

Đáp án Câu 187 : b

□ Giải thích : Các yếu tố khác không đổi , r ↑ thì Y cân bằng sẽ ↓ à do I ↓

Đáp án Câu 188 : d

⇒ Giải thích : Điểm cân bằng chung cho một hệ thống kinh tế đòi hỏi sự cân bằng đồng thời cả hai thị trường : tiền tệ và thị trường hàng hóa – dịch vụ

Đáp án : Câu 189 : c

⇒ Giải thích : Khi sản lượng tăng , giảm sẽ tác động đến cầu tiền , nên lãi suất sẽ thay đổi

Đáp án Câu 190 : a

⇒ Giải thích : Vì khi tăng chi tiêu đã làm tổng cầu tăng , sản lượng cân bằng tăng , nên lượng cung về tiền gia tăng mà nếu lượng cung tiền ổn định thì lãi suất phải tăng **Đáp án Câu 191 : a**

⇒ Giải thích : Vì : số nhân của tổng cầu là hệ số phản ánh lượng thay đổi của sản lượng cân bằng quốc gia khi tổng cầu thay đổi trong phần chi tiêu tự định bằng 1 đơn vị **Đáp án Câu 192 : b**

⇒ Giải thích : Vì khi tiết kiệm tăng sẽ giảm thu nhập □ tổng cầu giảm □ sản lượng giảm

Đáp án Câu 193 : b

- ⇒ Giải thích : Lãi suất là thể hiện giá doanh nghiệp phải trả nếu đi vay ngân hàng . Lãi suất tăng □ các DN sẽ không đi vay hay ít vay dẫn tới đầu tư giảm □ Sản lượng giảm **Đáp án Câu 194 : a**
- ⇒ Giải thích : Vì thu nhập khả dụng là khoản thu nhập còn lại sau khi người dân đã nộp thuế cho nhà nước

Đáp án Câu 195 : b

- ⇒ Giải thích : Trong nền kinh tế nước ta hiện nay , nhu cầu xuất khẩu chủ yếu phụ thuộc vào nước ngoài , do đó gia tăng xuất khẩu sẽ tạo ra tiết kiệm để đầu tư trong nước

Đáp án Câu 196 : a

- ⇒ Giải thích : Không có sự can thiệp của Chính phủ đến thị trường ngoại hối . Dự trữ ngoại hối giữ nguyên . Tỷ giá sẽ điều chỉnh để cân bằng giữa cung đồng nội tệ trên thị trường ngoại hối **Đáp án Câu 197 : b**

⇒ Giải thích : * $GDP_{thực} 1997 = 6000/120 = 50$ tỷ

* $GDP_{thực} 1998 = 6500/125 = 52$ tỷ

=> Tỷ lệ tăng trưởng = (52-50)/50 x 100% = 4% **Đáp án**

Câu 198 : c

⇒ Giải thích : Khi nền kinh tế có lạm phát , lúc đó đồng tiền bị mất giá (hay nói cách khác là dư tiền) \Rightarrow để ↓ lạm phát nên giảm lượng cung tiền và chi ngân sách. Mặt khác tăng lãi suất và tăng thuế để ↓ lượng tiền ↓ đầu tư \Rightarrow ↓ lạm phát **Đáp án Câu 199 : d**

⇒ Giải thích

Khác nhau	Sản phẩm trung gian	Sản phẩm cuối cùng
Mục đích sử dụng	- Mang tính chất tạm thời , được dùng để chuyển tải hoặc biến đổi để thành sản phẩm cuối cùng	- Mang t/c lâu dài , là mục đích của SX , sử dụng
Thời gian tiêu thụ	- Thông thường ngắn hạn hoặc trung hạn	- Dài hạn
Độ bền trong quá trình sử dụng	- Thông thường chỉ dùng được trong thời gian ngắn (tuy nhiên còn phụ thuộc vào các yếu tố như : quá trình sử dụng , chất liệu cấu thành...)	- Được dùng trong thời gian dài (cũng phụ thuộc vào các yếu tố như sản phẩm trung gian)

Đáp án Câu 200 : c

⇒ Giải thích : Khi muốn thay đổi lượng cung nội tệ , NHTW có thể mua hoặc bán trái



phiếu chính phủ hoặc ngoại tệ vì :

+ Trái phiếu chính phủ :

- Bán : người dân sẽ dùng nội tệ để mua => lượng nội tệ ngoài thị trường - Mua :

Người dân sẽ bán trái phiếu lại cho chính phủ => Chính phủ sẽ đưa một lượng nội tệ ra
 để mua lại trái phiếu => ↑ lượng cung nội tệ
- + Ngoại tệ
- Bán : Người dân có xu hướng dùng nội tệ mua ngoại tệ để tích lũy hoặc trao đổi mua bán => ↓ lượng cung nội tệ
- Mua : Chính phủ dùng nội tệ mua ngoại tệ => ↑ lượng cung nội tệ

Ở đây có thể xét rộng hơn là : các doanh nghiệp tư nhân , doanh nghiệp NN

Đáp án Câu 201 : d

⇒ Giải thích : Để rút ra được kết luận đó người nói đã có sự nghiên cứu , phân tích một cách tổng thể thông qua biến số tỷ lệ thất nghiệp ở nhiều nước một cách khách quan và khoa học , sau khi rút ra kết luận này , người ta sẽ đề ra các biện pháp giảm tỷ lệ thất nghiệp

Đáp án Câu 202 : b

⇒ Giải thích : Vì nó nghiên cứu nền kinh tế một cách tổng thể thông qua chỉ số giá hàng tiêu dùng ở Việt Nam trong giai đoạn 1992 – 1995 một cách khách quan và khoa học trên cơ sở đó đề ra các biện pháp nhằm ổn định và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế

Đáp án Câu 203 : b

⇒ Giải thích : Các nguồn lực sản xuất như :

- Yếu tố đầu vào : nguyên vật liệu
- Yếu tố đầu ra : Sản phẩm
- Tổng cung dài hạn phản ánh quan hệ giữa tổng cung và mức giá trong điều kiện giá các yếu tố đầu vào thay đổi cùng tỷ lệ với mức giá đầu ra của sản phẩm
- Gọi là tổng cung dài hạn vì nền kinh tế phải có thời gian đủ dài để thực hiện quá trình điều chỉnh đồng thời này
- Các nguồn lực sản xuất tác động đến các tổng cung dài hạn làm tổng cung dài hạn thay đổi vì nó tác động năng lực sản xuất của nền kinh tế .

Đáp án Câu 204 : c

⇒ Giải thích : Theo lý thuyết tính GDP theo phương pháp thu nhập là tập hợp tổng thu nhập phát sinh trên lãnh thổ bao gồm : Tiền lương , tiền lãi , tiền thuê , lợi nhuận , thuế gián thu (Ti) và khấu hao (De)

$$GDP = U + i + R + Pr + Ti + De$$

Đáp án Câu 205 : d

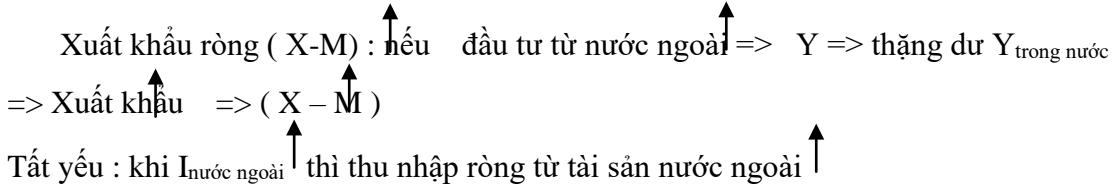
⇒ Giải thích : Sợi và vải là nguyên liệu sử dụng để may mặc nên chúng là hàng hóa dịch vụ trung gian , còn may mặc sẽ là sản phẩm cuối cùng . Vì vậy GDP của quốc gia này là 300 tỷ (giá trị sản lượng may mặc)

Đáp án Câu 206 : b

⇒ Giải thích : Theo định nghĩa GDP là giá trị của toàn bộ lượng hàng hóa và dịch vụ cuối cùng được tạo ra trên lãnh thổ một nước tính trong 1 thời kỳ (thường là 1 năm)

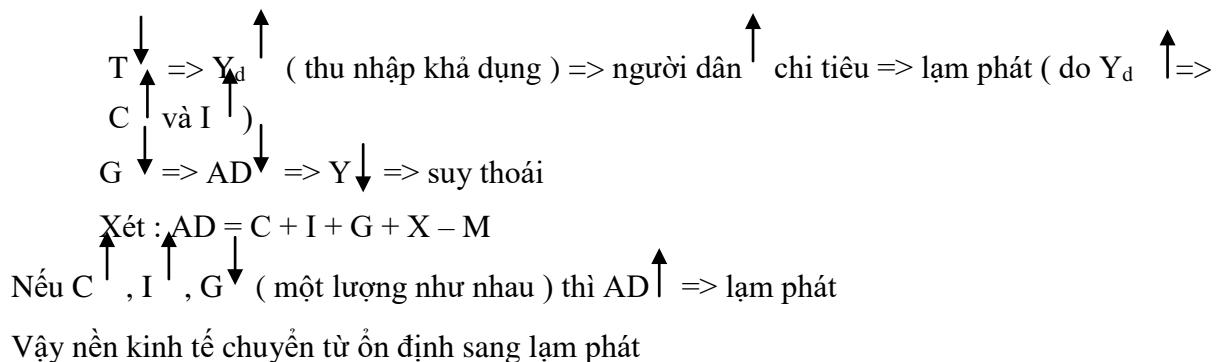
Đáp án Câu 207 : d

⇒ Giải thích : Cán cân thanh toán không chỉ bao gồm yếu tố đầu tư từ nước ngoài mà còn bao gồm xuất – nhập khẩu dịch vụ nước ngoài...

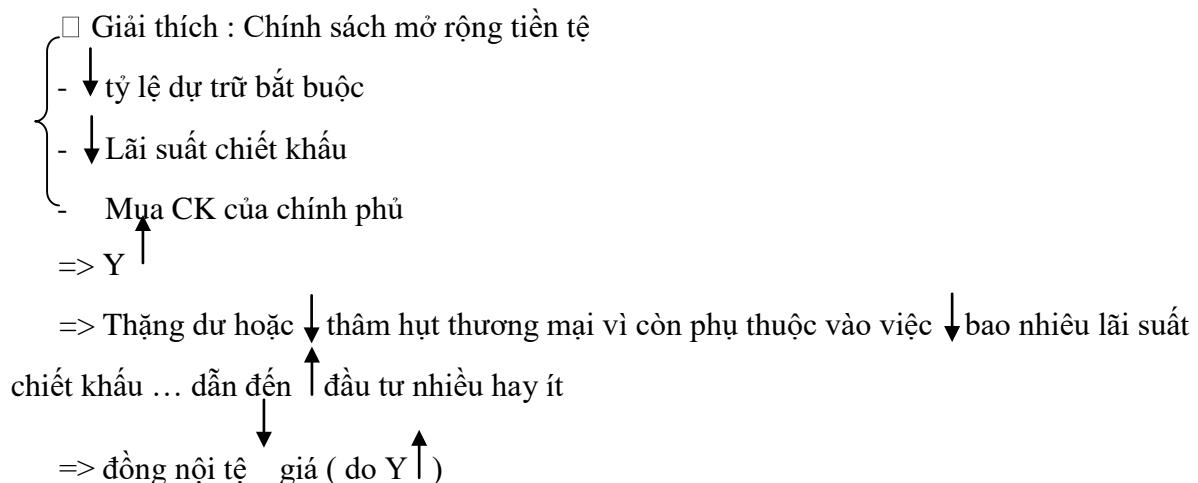


Đáp án Câu 208 : c

□ Giải thích : Từ khi nền kinh tế ở mức toàn dụng thì sản lượng mà nền kinh tế đạt được tương ứng với tỉ lệ thất nghiệp tự nhiên (U_n) và tỷ lệ lạm phát vừa phải \Rightarrow có thể chấp nhận được \Rightarrow ổn định



Đáp án Câu 209 : d



Đáp án Câu 210 : a

□ Giải thích : $AD_{\text{thực}} < AD_{\text{dự kiến}} \Rightarrow$ hàng hóa doanh nghiệp sx theo $AD_{\text{dự kiến}}$ sẽ bị tồn kho \Rightarrow để không bị động trong Sx, doanh nghiệp sẽ \downarrow sản lượng để GP thặng dư tồn kho so với mức tồn kho dự kiến

Đáp án : Câu 211 : a

⇒ Giải thích : Khi chính phủ tăng chi tiêu đã làm tổng cầu tăng , sản lượng cân bằng tăng , nên lượng cầu và tiền gia tăng , với lượng cung tiền cố định , nên lãi suất phải tăng để giảm bớt lượng cầu

Đáp án : Câu 212 : c

⇒ Giải thích : Khi sản lượng tăng , giảm sẽ tác động đến cầu tiền , nên lãi suất sẽ thay đổi

Đáp án Câu 213 : a

⇒ Giải thích : Khi chính phủ tăng chi tiêu các doanh nghiệp bán được hàng nên tăng sản xuất từ đó tăng cầu tiền , tăng lãi suất nhưng khi NHTW tăng cung tiền thì lãi suất có thể tăng hoặc giảm hoặc không đổi tùy vào lượng cung tiền **Đáp án Câu 214 : b**

⇒ Giải thích : Khi nền kinh tế nằm phía bên trái của đường IS và trên đường LM để đạt được sự cân bằng chu thì sản lượng sẽ tăng và lãi suất tăng **Đáp án Câu 215 : c**

⇒ Giải thích : Vì khi LM nằm bên phải là lượng cung tiền tăng lên , lãi suất giảm kích thích nhà đầu tư tăng , tổng cầu tăng , sản lượng cân bằng tăng , tăng cầu tiền . **Đáp án Câu 216 : d**

⇒ Giải thích : Vì chính phủ đưa phôi hợp chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ để giải quyết các vấn đề về kinh tế và đưa nền kinh tế ổn định nên điểm gặp nhau của IS – LM tổng thu nhập bằng với tổng chi , cung tiền bằng cầu tiền tại đó không có biến động về tiền

Đáp án Câu 217 : c

⇒ Giải thích : Đường LM dốc lên thể hiện khi sản lượng cao hơn sẽ đòi hỏi lượng cầu tiền cao hơn , để giảm bớt cầu tiền , lãi suất cân bằng trên thị trường tiền tệ sẽ tăng **Đáp án Câu 218 : d**

⇒ Giải thích : Vì người tiết kiệm mong muốn làm tăng thu nhập nhưng kết quả là tăng tiết kiệm sẽ làm giảm thu nhập. Hơn nữa , khi lượng tiết kiệm tăng thêm của dân chúng lại được đưa vào đầu tư như : gửi tiết kiệm, mua công trái , gửi ngân hàng sẽ không làm giảm tổng cầu , không làm giảm sản lượng **Đáp án Câu 219 : d**

⇒ Giải thích : Vì ở mức cân bằng tổng cung bằng tổng cầu , lúc này thì sản lượng ở mức quan bình sẽ bằng với mức chi tiêu thực của dân chúng và sẽ nhiều hơn mức sản lượng tiềm năng **Đáp án Câu 220 : b**

⇒ Giải thích : Vì khi tiết kiệm tăng sẽ giảm thu nhập \square tổng cầu giảm \square sản lượng giảm **Đáp án Câu 221 : b**

⇒ Giải thích : Lãi suất là thể hiện giá doanh nghiệp phải trả nếu đi vay ngân hàng . Lãi suất tăng \square các DN sẽ không đi vay hay ít vay dẫn tới đầu tư giảm \square Sản lượng giảm **Đáp án Câu 222 : a**

⇒ Giải thích : Vì nó phản ánh lượng thay đổi của tiêu dùng khi thu nhập khả dụng thay đổi 1 đơn vị

Đáp án Câu 223 : d

⇒ Giải thích : Chi chuyển nhượng là các khoản trợ cấp từ chính phủ cho công chúng
Vd : Chi trợ cấp người nghèo , thất nghiệp

Đáp án Câu 224 : d

⇒ Giải thích : Để duy trì tỷ giá hối đoái cố định NHTW phải cân đối số dư cung nội tệ bằng cách mua hoặc bán một lượng ngoại tệ tương ứng , điều này sẽ làm tăng hoặc giảm dự trữ ngoại hối , liên quan trực tiếp tới chính sách Xuất - Nhập Khẩu

Đáp án Câu 225 : d

- ⇒ Giải thích : Không biết chính xác hàng hóa ở các nước khi đó tăng hay giảm **Đáp án Câu 226 : d**
- ⇒ Giải thích : Tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp tới cung và cầu ngoại tệ , tới Xuất - Nhập khẩu . Do đó , tỷ giá hối đoái thay đổi làm cung , cầu ngoại tệ thay đổi , chính sách Xuất – Nhập khẩu thay đổi

Đáp án Câu 227 : b

- ⇒ Giải thích : Vì trong thời kỳ 1990 đến nay Việt Nam nhập khẩu nhiều hơn xuất khẩu **Đáp án Câu 228 : d**
- ⇒ Giải thích : Chính phủ cố định tỷ giá cố định là một lời cam kết xác lập một mức lãi suất phù hợp để loại bỏ hiện tượng chu chuyển vốn một chiều . Do vậy trong ngắn hạn lãi suất cân bằng lãi suất thế giới , sản lượng tăng

Đáp án Câu 229: c

- ⇒ Giải thích : Do trong trường hợp này , chi tiêu Chính phủ tăng làm tăng lãi suất và đầu tư giảm

Đáp án Câu 230: c

- ⇒ Giải thích : Để cố định tỷ giá hối đoái NHTW phải bán dự trữ ngoại tệ và mua nội tệ

Đáp án Câu 231 : a

⇒ Giải thích : Vì theo phân tích thì

$$GDP = C + I + G + X - M \text{ (theo chi tiêu)}$$

Trong đó

C : tiêu dùng

I : đầu tư

G : chi tiêu của chính phủ

X – M : xuất khẩu ròng

X : xuất khẩu

M : nhập khẩu

Đáp án Câu 232 : a

⇒ Giải thích : Theo phân tích thì

$$GDP = R + W + i + \Pi \text{ (theo thu nhập) Trong đó }$$

:

R : tiền thuê do sử dụng tài sản hữu hình W

: tiền lương do sử dụng lao động i : tiền lãi

do sử dụng vốn Π : lợi nhuận do việc quản lý

Đáp án Câu 233 : a

⇒ Giải thích : Sản lượng tiềm năng là sản lượng mà tại đó nền kinh tế đạt được tương ứng với tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên (Un) và lạm phát vừa phải , có thể chấp nhận được , Theo thời gian khả năng sx của nền kinh tế luôn có xu hướng ↑ => Yp ↑ cũng . Do đó nếu ↑ AD thì lạm phát sẽ ↑ nhanh

Đáp án Câu 234 : d

⇒ Giải thích : Theo đề bài ta có :

$$\Delta C = 10,000 ; \Delta Y = 20,000$$

$$\text{Ta có } MPC = \Delta C / \Delta Y = 10,000 / 20,000 = 0,5$$

$$MDS = 1 - MPC = 1 - 0,5 = 0,5$$

Thu nhập cân bằng lúc này có thể tính : $Y =$

$$C + I$$

$$\begin{aligned} &= \left[\left\{ (110+120+130+140+150) / 5 \right\} + 10 \right] \times 1000 \\ &= 150,000 \end{aligned}$$

Vậy $MPC = 0,5 ; MPS = 0,5 ; Y = 150,000$ **Đáp án**

Câu 235 : d

⇒ Giải thích : Chú ý rằng tín phiếu kho bạc và công trái quốc gia cũng là quyền lợi và nghĩa vụ của công dân khi sở hữu , do đó có vai trò rất quan trọng trong ổn định kinh tế

Đáp án Câu 236 : d

⇒ Giải thích : Trạng thái toàn dụng có nghĩa là sản lượng mà nền kinh tế đạt được tương ứng với tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên (Un) và tỷ lệ lạm phát vừa phải mà nền kinh tế có thể chấp nhận được => vẫn còn 1 tỷ lệ lạm phát và thất nghiệp nhất định

Đáp án Câu 237 : b Đáp án Câu 238 : d

⇒ Giải thích : Vì cán cân thương mại , cán cân thanh toán và sản lượng quốc gia đều có liên quan đến việc mua bán , trao đổi , xuất nhập khẩu trong nước và nước ngoài => liên quan đến mối quan hệ giữa nội tệ và ngoại tệ => tỷ giá hối đoái **Đáp án Câu 239 : a**

⇒ Giải thích : Vì thuế => Yd => C => đòi Y (sản lượng)
 $\Rightarrow I$ phải ↑ => đòi hỏi nhiều lao động => ↓ thất nghiệp
 \uparrow
 $G \Rightarrow$ đòi hỏi Y (sản lượng) => I phải

=> Đòi hỏi nhiều lao động => ↓ thất nghiệp

Đáp án Câu 240 : a

□ Giải thích : Chọn năm 1 làm gốc tức là :

$$\text{GDP}_{\text{danh nghĩa 1}} = \text{GDP}_{\text{thực 1}} = 4000$$

$$=> P_1 = 1$$

$$P_2 = (\text{GDP}_{\text{danh nghĩa 2}}) / \text{GDP}_{\text{thực 1}} = 4400 / 4000 = 110\%$$